

DƯƠNG TẤT THẮNG - NGUYỄN VĂN THÂN
PHẠM THỊ YẾN - NGUYỄN QUANG DŨNG

Tìm hiểu



**CÁC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC**

**QUA CÁC SỐ LIỆU
TUYỂN SINH**

PHẦN GIỚI THIỆU CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC PHÍA NAM

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

DƯƠNG TẤT THẮNG - NGUYỄN VĂN THÂN
PHẠM THỊ YẾN - NGUYỄN QUANG DŨNG

TÌM HIỂU CÁC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
QUA CÁC SỐ LIỆU TUYỂN SINH

NHÀ XUẤT BẢN THỐNG KÊ

LỜI NÓI ĐẦU

Các bạn thí sinh và các bậc phụ huynh thân mến!

Hàng năm Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cuốn sách "Những điều cần biết về tuyển sinh Đại học, Cao đẳng", ở đó các bạn có thể tìm thấy những thông tin cần thiết như mã số, mã ngành, địa điểm và thời gian thi... để phục vụ cho việc đăng ký dự thi vào trường và ngành mà bạn đã chọn.

Tuy nhiên, làm thế nào để thi đỗ vào các trường đại học là một bài toán không dễ có lời giải. Vấn đề được đặt ra: việc lựa chọn được trường, khoa, ngành học nào phù hợp với sức học của bản thân và khả năng trúng tuyển đối với bạn là cao nhất.

Công tác tuyển sinh của các trường đại học có các đặc thù riêng: Có trường lấy điểm trúng tuyển theo trường, có trường lấy điểm trúng tuyển theo khoa, có trường lấy điểm trúng tuyển theo khối thi nhưng có trường lại lấy điểm trúng tuyển theo nhóm ngành, ngành. **Mức độ điểm trúng tuyển giữa các trường/ngành có sự chênh lệch rất lớn, có Trường/ngành chỉ lấy điểm trúng tuyển bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT nhưng có trường/ngành lại lấy điểm trúng tuyển hơn điểm sàn tới trên 10 điểm.**

Điểm trúng tuyển giữa nguyện vọng 1, nguyện vọng 2 và nguyện vọng 3 luôn luôn có sự chênh lệch nên năm 2006 vẫn còn hiện tượng có thí sinh thi đạt trên 20 điểm (khối A) mà không trúng tuyển trong khi nhiều thí sinh chỉ đạt 13 điểm đã đang hoảng trở thành sinh viên... Do đó một số thí sinh trường chuyên lớp chọn hoặc có học lực giỏi không trúng tuyển, ngược lại có những thí sinh có học lực trung bình khá lại trúng tuyển.

Vì vậy, trước khi đi đến quyết định quan trọng là chọn được khối thi, trường thi và ngành học một cách chính xác, phù hợp với năng lực cá nhân, hoàn cảnh kinh tế gia đình cũng như khả năng trúng tuyển cao nhất, các bạn thí sinh và các bậc phụ huynh cần tìm hiểu, chọn lựa, so sánh về các trường đại học, các ngành nghề đào tạo, nội dung đào tạo, tỷ lệ "chọi", điểm chuẩn, cơ hội việc làm sau khi ra trường...

Với mong muốn đáp ứng những nhu cầu trên, chúng tôi đã cố gắng biên soạn cuốn "Tìm hiểu các trường Đại học qua các số liệu tuyển sinh" nhằm cung cấp một cách hệ thống các thông tin cần thiết phục vụ cho kỳ thi tuyển sinh năm 2007 - 2008 cũng như các thông tin về các trường Đại học, cùng một số lời khuyên rút ra từ thực tiễn giảng dạy, luyện thi trong nhiều năm để các bạn thí sinh và các bậc phụ huynh tham khảo, cần nhắc lựa chọn trường thi, khối thi, khoa thi, ngành thi sao cho phù hợp với điều kiện bản thân, đạt được nguyện vọng cao nhất là thi đỗ đại học trong kỳ tuyển sinh sắp tới. Cuốn sách gồm 2 phần: Phần 1 chúng tôi giới thiệu các Trường Đại học ở khu vực phía Bắc; Phần 2 chúng tôi giới thiệu các trường Đại học khu vực phía Nam.

Nội dung cuốn sách gồm 5 phần:

1. Giới thiệu các trường đại học

- Đội ngũ cán bộ giảng dạy.
- Hình thức đào tạo, cấp độ đào tạo.
- Các ngành, khoa đào tạo.
- Nơi công tác sau khi tốt nghiệp.
- Bảng số liệu tuyển sinh (chỉ tiêu, số thí sinh đăng ký dự thi, tỉ lệ "chọi", điểm trúng tuyển)
- Phạm vi, đối tượng, khu vực, khối tuyển sinh.
- Một số điểm lưu ý

2. Một số lời khuyên

3. Các bảng thống kê số liệu:

- Tỉ lệ chọi của các trường đại học từ năm 1999 đến 2006.
- Tỉ lệ trúng tuyển của các trường từ năm 2001 đến 2006
- Thống kê tỉ lệ trúng tuyển theo địa phương từ năm 2003 đến 2006.

4. Bảng thống kê khối thi của các ngành

5. Bảng hướng dẫn các tuyến xe buýt

Các số liệu thống kê sử dụng trong cuốn sách này được lấy từ website của Bộ Giáo dục và Đào tạo, website của các trường, học viện, các kỹ yếu. Ngoài ra chúng tôi còn tham khảo các thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng như báo viết, báo điện tử... từ năm 1997 đến nay.

Với những nội dung được thể hiện trong cuốn sách, chúng tôi tin rằng các bạn sẽ tìm được ngành thi, trường thi phù hợp với khả năng của bản thân.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song cũng không thể tránh khỏi những thiếu sót, một vài trường do chưa đủ tư liệu nên chúng tôi sẽ bổ sung trong dịp tái bản, mong bạn đọc lượng thứ.

Chúc các bạn thành công!

CÁC TÁC GIẢ

PHẦN I

GIỚI THIỆU CÁC

TRƯỜNG ĐẠI HỌC

- Quá trình xây dựng và trưởng thành
- Chức năng, nhiệm vụ
- Đội ngũ cán bộ
- Hình thức đào tạo, cấp độ đào tạo
- Các ngành đào tạo
- Nơi công tác khi tốt nghiệp
- Số liệu tuyển sinh những năm gần đây (chỉ tiêu, số đăng ký, tỷ lệ chọi)
- Điểm trúng tuyển những năm gần đây
- Đặc điểm tuyển sinh (phạm vi, đối tượng, khu vực, khối tuyển sinh)
- Một số điểm lưu ý (khi thí sinh đăng ký chọn trường, chọn nghề)

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.7242181/7242160 - Fax: 7242057 - Website: <http://www.vnuhcm.edu.vn/>

- Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG Tp.HCM) được thành lập ngày 27/01/1995, là một trong những trường trọng điểm về đào tạo, nghiên cứu khoa học, triển khai công nghệ mới thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.
- ĐHQG Tp.HCM bao gồm 5 trường thành viên và 1 khoa trực thuộc, đó là:
 - Trường Đại học Bách khoa
 - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
 - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn
 - Trường Đại học Quốc tế
 - Trường Đại học Công nghệ thông tin
 - Khoa Kinh tế
- ĐHQG Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D.
- ĐHQG Tp.HCM hiện đang đào tạo các cấp độ: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Hiện tại, quy mô đào tạo chính quy (bao gồm Đại học và Sau đại học) của ĐHQG Tp.HCM là 35391 với 120 ngành đào tạo bậc Đại học, 83 ngành đào tạo Thạc sĩ và 82 ngành đào tạo Tiến sĩ thuộc các lĩnh vực kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội - nhân văn và khoa học kinh tế.
- ĐHQG Tp.HCM có tổng cộng 2.582 cán bộ - công chức bao gồm 1.900 cán bộ giảng dạy trong đó có tới 1.008 cán bộ có trình độ Sau đại học, 170 cán bộ có chức danh Giáo sư - Phó Giáo sư, lực lượng Sau Đại học chiếm 56,4%...
- ĐHQG Tp.HCM có đào tạo các các lớp kỹ sư - cử nhân tài năng. Trong năm học 2006 - 2007 sẽ có lớp kỹ sư - cử nhân tài năng ở 14 ngành đào tạo tại các trường: Đại học Bách khoa, Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn và Khoa Kinh tế với tổng chỉ tiêu tuyển sinh là 380 sinh viên. Phần lớn các ngành đào tạo tài năng đều tuyển từ các thí sinh mới trúng tuyển đại học vào các trường thành viên.
- ĐHQG Tp.HCM còn có lớp kỹ sư chất lượng cao Việt - Pháp (tuyển 110 thí sinh từ các thí sinh tuyển thẳng và thí sinh trúng tuyển ở tất cả các ngành của trường Đại học Bách khoa).

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Địa chỉ: 268 Lý Thường Kiệt, P.14, Q.10, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8654087- Website: <http://www.hcmut.edu.vn/>

- Trường Đại học Bách khoa (ĐHBK) được thành lập ngày 06/02/1996 là một trường đại học đa ngành, đa nghề; là TT đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu ở Việt Nam.
- Trường ĐHBK có các cấp đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Trường ĐHBK có 890 cán bộ giảng dạy trong đó có 10 Giáo sư, 47 Phó Giáo sư, 186 Tiến sĩ, 315 Thạc sĩ, 2 Nhà giáo nhân dân, 25 Nhà giáo ưu tú...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Điện - Điện tử gồm có các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Điện năng

Chuyên ngành Điện năng cung cấp cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa; Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Phương pháp tính - Vật lý - Hóa học... còn trang bị các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành như: Đo điện - An toàn điện - Kỹ thuật số - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật cao áp - Trường điện từ - Vật liệu điện - Mạch điện - Điện tử cơ bản... cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Bảo vệ rơler và Tự động hóa hệ thống điện - Điện tử công suất - Hệ thống điện - Truyền động điện - Cơ sở điều khiển tự động - Điện công nghiệp - Ổn định hệ thống điện - Điện công nghệ.... Ngoài ra sinh viên sẽ được học một số môn học theo tín chỉ nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Kỹ thuật chiếu sáng - Điện tử công nghiệp - PLC Vận hành và điều khiển hệ thống điện... để khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, vận hành các hệ thống điện năng...

+ Chuyên ngành Điều khiển tự động

Sinh viên chuyên ngành Điều khiển tự động được học các **kiến thức chung** dành cho khối A giống như chuyên ngành Điện năng, cùng với khối **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Điện tử số - Xử lý số tín hiệu - Điều khiển tự động - An toàn điện - Đo điện tử - Mạch điện tử ... đồng thời sinh viên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Điện tử công suất - Thiết bị và hệ thống tự động - Kỹ thuật Robot - Đo lường điều khiển bằng máy tính - Thiết bị điều chỉnh tự động công nghiệp - Hệ thống điều khiển lập trình - Hệ thống điều khiển số - Tự động hóa quá trình công nghệ - Tự động hóa quá trình nhiệt hóa - Đo lường công nghiệp.... Ngoài ra sinh viên sẽ được lựa chọn một số môn học để **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Scada - Mô hình mô phỏng - FLC - Trí tuệ nhân tạo và hệ chuyên gia.... Tốt nghiệp, sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo, vận hành các thiết bị thuộc lĩnh vực điều khiển tự động...

+ Chuyên ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông

Khi theo học chuyên ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông sinh viên không chỉ được trang bị những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên tương tự chuyên ngành Điện năng, mà còn

được cung cấp các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Dụng cụ linh kiện điện tử - Trường điện tử - Kỹ thuật số - Kỹ thuật điện - Cấu kiện điện tử - Kỹ thuật mạch điện tử - Vi xử lý - Xử lý số tín hiệu... đồng thời cũng sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Anten truyền sóng - Kỹ thuật siêu cao tần - Hệ thống viễn thông - Kỹ thuật xung.... Ngoài ra sinh viên còn được học **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành qua một số môn học lựa chọn như: Mạch siêu cao tần - Thông tin số - Cấu trúc máy tính - Nguyên lý mạch tích hợp - Hệ thống thu thập và xử lý số liệu... để khi học xong sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** khai thác, thiết kế và nghiên cứu phát triển hệ thống trong lĩnh vực Điện tử - Viễn thông...

Sinh viên học các ngành Điện - Điện tử sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Trung Tâm(TT): Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, Viện Chiến lược Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ thông tin; TT Công nghệ vi điện tử và Tin học, TT Quang điện tử, các TT Công nghệ thông tin, TT Giao dịch công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố.

- + Các Cục, Vụ: Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

- + T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Điện lực VN, T.Cty Viễn thông quân đội, TĐ Bưu chính viễn thông VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Hàng không VN, T.Cty Hàng hải VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN... và các đơn vị thành viên, các Cty: Cty Cơ khí - Điện - Điện tử tàu thủy, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, Cty Chế tạo thiết bị điện...

- + Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở như: Sở Công nghiệp, Sở Điện lực, Sở Khoa học và Công nghệ... trong toàn quốc.

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Điện - Điện tử.

Ngành Công nghệ thông tin

Đào tạo kỹ sư Công nghệ thông tin không những chỉ có các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên: Toán tin học - Xác suất thống kê - Vật lý hiện đại ... mà còn có những **kiến thức cơ bản** về ngành ở mức độ tương đối rộng: Lý thuyết thông tin - Ngôn ngữ lập trình - Kỹ thuật điện tử - Hệ điều hành - Vi xử lý.... Bên cạnh việc cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Nhận dạng và Xử lý ảnh - Đồ họa máy tính - Chương trình dịch - Công nghệ phần mềm ... thì sinh viên còn được học một số môn học theo tín chỉ nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Thiết kế cơ sở dữ liệu và phân bố - Lập trình mạng ... đồng thời được rèn luyện kỹ năng thực hành theo năm **hướng chuyên môn** tùy chọn: Kỹ thuật máy tính, Hệ thống thông tin quản lý, Phần mềm ứng dụng, Công nghệ phần mềm và lập trình mạng... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** thiết kế và phát triển các hệ thống máy tính cả về phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo các sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống truyền thông, hệ thống điều khiển...

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Công nghệ thông tin, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; TT Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia, TT Giao dịch công nghệ, các TT Thông tin trực thuộc các Bộ, Tổng cục...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin; Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Viễn thông, Vụ Khoa học công nghệ...

+ T.Đ. Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Điện tử và Tin học VN, T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN, T.Cty Hàng không VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

+ Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ Thông tin.

Ngành Cơ khí gồm có các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo gồm có những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Vật lý - Cơ kỹ thuật - Vẽ kỹ thuật - Hóa học... các **kiến thức cơ bản** về Kỹ thuật chế tạo: Nhiệt động lực học kỹ thuật (KT) - KT điện - KT số cơ khí - Sức bền vật liệu (VL) - KT điện tử - Nguyên lý máy - Vẽ cơ khí - Truyền nhiệt ... cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật thủy lực và khí nén - CN chế tạo máy (CTM) - KT điều khiển tự động - Máy công nghiệp - Tự động hóa sản xuất - Đảm bảo chất lượng... ngoài ra sinh viên còn được cung cấp hàng loạt **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành qua các môn học lựa chọn: CN gia công chính xác - Thiết kế dụng cụ cắt - Máy cắt kim loại - Lý thuyết biến dạng - KT người máy - Dao động kỹ thuật - KT độ tin cậy - KT thiết kế đồng thời - Tạo mẫu nhanh ... để sinh viên sau khi học xong sẽ **có khả năng** thiết kế, chế tạo, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa các sản phẩm cơ khí, các trang thiết bị, dây truyền công nghệ trong sản xuất tự động thuộc mọi lĩnh vực...

+ Chuyên ngành Cơ điện tử

Sinh viên chuyên ngành Cơ điện tử được trang bị ngoài các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa giống như chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo, còn được cung cấp những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Kỹ thuật thủy lực và khí nén - Điều khiển hệ thống - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật số - Chi tiết máy - Động lực học hệ cơ điện tử ... đồng thời sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thiết kế hệ thống cơ điện tử - Tự động hóa sản xuất - Kỹ thuật người máy - Tổ chức và cấu trúc máy tính ... bên cạnh đó, sinh viên cũng được học một số môn học theo tín chỉ nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành như: Trí tuệ nhân tạo - Mạng máy tính - Tự động điều khiển truyền động điện - Kỹ thuật giao tiếp với máy tính - Máy và hệ thống thông minh... để khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành Cơ điện tử **có khả năng** thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, vận hành các thiết bị liên quan đến lĩnh vực Cơ điện tử...

+ Chuyên ngành Cơ khí năng lượng

Chuyên ngành Cơ khí năng lượng đào tạo kỹ sư không những có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên như chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo, mà còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Kỹ thuật điện - Kỹ thuật số cơ khí - Sức bền vật liệu - Truyền nhiệt - Công nghệ chế tạo máy... cũng như sẽ được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Bơm, quạt, máy khí nén - Lò hơi - Máy lạnh - Kỹ thuật an toàn - Nhà máy nhiệt điện - Thiết bị sấy...

Ngoài ra sinh viên sẽ học một số môn học theo tín chỉ để **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành như: Tự động hóa các quá trình nhiệt lạnh - Đo lường nhiệt - Năng lượng gió - Năng lượng mặt trời Sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng vận hành khai thác các loại máy móc liên quan đến lĩnh vực năng lượng.

+ Chuyên ngành Kỹ thuật dệt may

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật dệt may nắm vững **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A tương tự chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo, các **kiến thức cơ bản** về Kỹ thuật dệt may: Vật liệu dệt - Nguyên lý máy - Kỹ thuật đo lường trong ngành dệt - Cơ điện tử trong dệt may... đồng thời sẽ trang bị cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Mỹ thuật công nghiệp trong dệt may - Quản lý chất lượng trong dệt may - Cơ học sợi và sợi vải - Công nghệ gia công sợi hóa học - Công nghệ kéo sợi - Cơ sở thiết kế trang phục - Mỹ thuật trang phục... ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn một số môn học theo tín chỉ nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Vệ mỹ thuật trang phục - Kỹ thuật xử lý số liệu trong ngành dệt ... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu sản phẩm và vận hành tốt các dây chuyền sản xuất của ngành Dệt may, bao gồm các ngành kéo sợi, dệt, nhuộm, may mặc và thời trang...

+ Chuyên ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp

Khi học chuyên ngành Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (HTCN) sinh viên cũng được trang bị **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên như chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo, ngoài ra sẽ học các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Ứng dụng máy tính trong KTCN - KT Dự báo trong Công nghiệp - KT hệ thống - Quản lý sản xuất... đồng thời nhà trường còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: KT Xây dựng - Kiểm soát chất lượng - KT chế tạo - Quản lý vật tư, Tồn kho - Quản lý dự án công nghiệp - KT an toàn trong sản xuất công nghiệp - KT ra quyết định Bên cạnh đó, sinh viên còn được học **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành: Các PP gia công hiện đại - Hệ thống tự động điều khiển (ACS) - Quản lý nhân sự - Robot trong công nghiệp... để sinh viên khi ra trường **có khả năng** điều hành, thiết kế, phát hiện, mô hình hóa, tìm lời giải cũng như việc đề xuất, phân tích, đánh giá các hệ thống công nghiệp trong sản xuất và dịch vụ từ qui mô nhỏ đến trung bình và lớn...

+ Chuyên ngành Máy xây dựng và Năng chuyển

Trên nền những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa cũng giống như chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo thì sinh viên chuyên ngành Máy xây dựng và Năng chuyển còn được trang bị các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Thiết kế máy xây dựng - Vẽ kỹ thuật cơ khí - Điện tử công suất - Vật liệu cơ khí - Điều khiển tự động - Trang bị điện ... đồng thời sẽ được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kết cấu thép máy xây dựng - Máy làm đất - Nguyên lý máy - Chi tiết máy - Khai thác máy xây dựng... bên cạnh việc học một số môn học theo tín chỉ nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành: Kinh tế xây dựng - Tin học ứng dụng - Ngoại ngữ chuyên ngành... để sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành này sẽ **có khả năng** vận hành, sửa chữa, thiết kế các loại máy dùng trong ngành xây dựng...

Sinh viên học ngành Cơ khí sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Cơ khí năng lượng mỏ, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, Viện Khoa học giao thông vận tải, Viện Tự động hóa...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng; Vụ Cơ khí luyện kim và Hóa chất...

+ T.Cty Cơ khí xây dựng, T.Cty Cơ khí công nghiệp, TĐ Công nghiệp Ô tô VN, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp, T.Cty Lắp máy VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí đóng tàu, Cty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước, Cty Cơ khí lắp máy...

+ Các cơ quan bảo quản lưu trữ các tài liệu, thiết bị trong môi trường cần điều hòa không khí như Đài phát thanh, Đài truyền hình, các kho lưu trữ, bệnh viện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Cơ khí.

Ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh

Khi học chuyên ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh sinh viên cũng được trang bị **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên như chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo, đồng thời được trang bị những **kiến thức cơ bản** về ngành: Nhiệt kỹ thuật - Kỹ thuật lạnh cơ sở - Vật liệu kỹ thuật lạnh - Xây dựng trạm lạnh - Kỹ thuật điều hòa không khí - Kỹ thuật sấy - Kỹ thuật lạnh ứng dụng - Hệ thống cung cấp nhiệt ... đồng thời đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Tự động hóa máy lạnh - Vận hành và sửa chữa máy lạnh - Các quá trình nhiệt trong công nghệ thực phẩm Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Cơ sở tự động hóa - Con người và môi trường... để khi ra trường sinh viên có **khả năng** nghiên cứu, thiết kế và ứng dụng công nghệ nhiệt lạnh vào trong các hoạt động của đời sống đặc biệt là lĩnh vực liên quan đến bảo quản và chế biến nông sản thực phẩm, đến sản xuất hệ thống các thiết bị nhiệt lạnh...

Sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh sinh viên có thể công tác tại:

+ T.Cty Thiết bị kỹ thuật điện, T.Cty Điện tử và Tin học VN... và các Cty, đơn vị thành viên: các Cty Điện tử, Cty Xuất nhập khẩu điện tử, Cty Toshiba VN, Cty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước...

+ Các đơn vị chế biến nông sản thực phẩm: T.Cty Chế biến thủy sản VN, T.Cty Lương thực Việt Nam, T.Cty Rau quả nông sản VN... và các Cty, đơn vị thành viên.

+ Đài phát thanh, Đài truyền hình hoặc Đài phát thanh và truyền hình từ trung ương đến địa phương...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh.

Ngành Công nghệ Dệt - May

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Dệt - May không chỉ trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Đại số tuyến tính - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Pháp luật VN - Tiếng Việt thực hành ... cùng với những **kiến thức cơ bản** của ngành: Sức bền vật liệu - Vẽ kỹ thuật - Vật liệu dệt - Hóa dệt - Mỹ thuật công nghiệp trong dệt may - Kỹ thuật đo lường trong ngành dệt - Quản lý chất lượng trong dệt may - Cơ điện tử trong dệt may - Kỹ thuật xử lý số liệu trong ngành dệt - Quản lý sản xuất trong dệt may.... Trên nền khối kiến thức cơ sở đó, tùy từng chuyên ngành theo học mà sinh viên sẽ được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** riêng như:

+ Chuyên ngành Công nghệ dệt: Công nghệ kéo sợi - Công nghệ sợi thoi - Công nghệ dệt kim - Công nghệ gia công sợi hóa học Tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành Công nghệ dệt **có khả năng** nắm vững cách xử lý các loại sợi, sản xuất sợi hóa học các quá trình công nghệ từ sợi đến dệt, dệt kim và xử lý hoàn tất vải, biết thiết kế toàn bộ dây chuyền sản xuất và thiết kế các mặt hàng dệt cơ bản, nắm chắc các phương pháp kiểm tra công nghệ và chất lượng xơ sợi vải...

+ Chuyên ngành May và Thời trang: Công nghệ may - Cơ sở thiết kế trang phục - Thiết kế dây chuyền may - Mỹ thuật trang phục - Thiết kế trang phục... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế các trang phục, có khả năng may các kiểu loại trang phục và kiểm tra chất lượng các sản phẩm may mặc.

+ Chuyên ngành Công nghệ in nhuộm và hoàn tất vải: Hóa dệt - Công nghệ nhuộm, in bóng - Hóa học thuốc nhuộm... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** làm việc độc lập tại các Cty, nhà máy, xí nghiệp, các cơ quan... có hoạt động liên quan đến chuyên ngành.

Ngoài ra, ngành Công nghệ Dệt - May còn tạo điều kiện cho sinh viên được lựa chọn các môn học nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành:** Động lực học các quá trình công nghệ dệt sợi - Cơ học sợi và vải - Lý thuyết thời trang - Vẽ mỹ thuật trang phục Tốt nghiệp, Kỹ sư ngành Công nghệ Dệt - May nói chung **có khả năng** làm việc độc lập trong các ngành có liên quan đến lĩnh vực may mặc, da giày...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ Dệt - May sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Kinh tế - Kỹ thuật dệt, may, Viện Mẫu thời trang VN (FADIN), Viện Nghiên cứu và Phát triển cây bông, Viện Nghiên cứu da, giấy...

+ TĐ Dệt May VN, T.Cty Da - Giày VN, T.Cty Dâu tằm tơ VN, T.Cty Bông VN... và hàng trăm các Cty, doanh nghiệp trực thuộc: Cty Sản xuất - Xuất nhập khẩu dệt may, Cty Kinh doanh hàng thời trang VN, Cty Giày thời trang VN, Cty Bông VN, Cty Chuyển giao kỹ thuật dâu tằm tơ, Nhà máy Dệt lụa, Xí nghiệp Dâu tằm tơ, Xí nghiệp May xuất khẩu lụa tơ tằm, Cty Giày VN...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Công nghệ Dệt - May.

Ngành Kỹ thuật Xây dựng gồm có các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Xây dựng cầu đường

Chuyên ngành Xây dựng cầu đường cung cấp cho sinh viên ngoài các **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học... và hàng loạt **kiến thức cơ bản** về xây dựng và xây dựng cầu đường: Thiết kế đường ô tô - Công trình thủy - Địa chất công trình... còn trang bị cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành:** Thi công và khai thác cầu - Xây dựng đường - Xây dựng cầu - Thi công đường ... ngoài ra sinh viên cũng sẽ được nghiên cứu thêm một số môn học theo tín chỉ nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành như: Kết cấu thép trụ - Tin học trong quản lý... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** xây dựng các tuyến đường ô tô thông dụng, các trục đường cao tốc, quy hoạch các mạng lưới đường, các công trình thoát nước, cầu cống, có khả năng tham gia nghiên cứu và giải quyết các vấn đề có liên quan.

Ra trường, sinh viên chuyên ngành Xây dựng cầu đường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Khoa học công nghệ xây dựng; TT Tư vấn thiết kế xây dựng...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục Giám định và Quản lý chất lượng công trình giao thông, Cục Đường bộ VN, Cục Đường sông VN; Vụ Khảo sát Thiết kế xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế kỹ thuật...

+ T.Cty Xây dựng và Phát triển hạ tầng, các T.Cty Xây dựng công trình giao thông, T.Cty Xuất nhập khẩu xây dựng VN, T.Cty Xây dựng và Vật liệu xây dựng, các T.Cty Vật liệu Xây dựng... và các Cty, đơn vị trực thuộc: các Cty Xây dựng, Cty Tư vấn xây dựng, Cty Thiết kế cầu lớn - hầm...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật, Quản lý các công trình giao thông... tại các Sở: Sở Giao thông công chính, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng... ở các tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Xây dựng cầu đường.

+ Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp không những chỉ có các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa cũng giống như chuyên ngành Xây dựng cầu đường, mà còn có **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Kỹ thuật điện - Vật liệu xây dựng - Kết cấu bê tông - Nền móng... cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật thi công - Kết cấu thép - Công trình giao thông - Công trình trên đất yếu - Đàn hồi ứng dụng và phát triển hạ tầng ... ngoài ra sinh viên cũng sẽ được cung cấp thêm một số môn học theo tín chỉ để **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Bê tông cốt thép ứng lực trước - Kết cấu thép trụ - Nhà nhiều tầng - Tin học trong quản lý.... Tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên sẽ **có khả năng** thiết kế, tính toán hạng mục công trình, giám sát thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp nói riêng và các công trình xây dựng nói chung.

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Khoa học công nghệ xây dựng, Viện Kinh tế xây dựng, Viện Nghiên cứu và Phát triển cơ khí xây dựng, Viện Kỹ thuật xây dựng; TT Tư vấn thiết kế xây dựng...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý và Xây dựng công trình; Vụ Hạ tầng kỹ thuật đô thị...

+ T.Cty Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng, T.Cty Cơ khí xây dựng, T.Cty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp, T.Cty Xây dựng công nghiệp VN... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty (CT) Xây lắp và Sản xuất công nghiệp, Cty Vật liệu xây dựng, Cty Xây lắp điện, Cty Xây lắp hóa chất, Cty Phát triển đô thị và khu công nghiệp, Cty Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, Cty Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị VN, Cty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước...

+ Các phòng chức năng: Kiến trúc quy hoạch, Nghiên cứu quy hoạch kiến trúc, Quản lý dự án... tại các Sở: Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... ở các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở đào tạo chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp.

+ Chuyên ngành Kỹ thuật tài nguyên nước

Sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật tài nguyên nước được cung cấp các **kiến thức chung** của khối A tương tự như chuyên ngành Xây dựng cầu đường, bên cạnh việc đào tạo những **kiến thức cơ bản** dành cho sinh viên chuyên ngành: Thủy văn - Thủy công - Máy thủy lực - Thủy năng, thủy điện - Kỹ thuật điện ... thì nhà trường còn trang bị cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công trình thu, trạm bơm - Thủy nông - Đường hầm - Kỹ thuật xử lý nước ... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, thi công các hệ thống cấp thoát nước, xử lý các vấn đề liên quan đến nguồn nước...

Sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật tài nguyên nước sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Khí tượng thủy văn...; TT Công nghệ và Đánh giá tài nguyên nước, TT Quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, TT Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn...

+ Các Cục, Vụ: Cục Thủy lợi, Cục Bảo vệ môi trường VN, Cục Quản lý đề điều, phòng chống lụt, bão; Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ T.Cty Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Xây dựng Cấp thoát nước, Cty Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước, Cty Tư vấn Cấp thoát nước, các Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ Tài nguyên và Môi trường, Cty Môi trường VN xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển...

+ Các phòng chức năng: Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản, Quản lý môi trường... tại các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật tài nguyên nước.

+ Chuyên ngành Cảng và công trình biển

Chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Cảng và công trình biển không chỉ bao gồm việc cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa giống như chuyên ngành Xây dựng cầu đường, mà còn trang bị những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Thủy văn - Công trình cảng - Công trình đường thủy - Kỹ thuật điện - Vật liệu xây dựng - Kết cấu bê tông - Kết cấu thép, gỗ - Nền móng... cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công trình ven biển - Công trình giao thông - Công trình ngoài khơi - Thi công công trình cảng - Đàn hồi ứng dụng và phát triển hạ tầng - Xưởng đóng tàu - Công trình trên đất yếu... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** thiết kế, thi công các công trình biển, các công trình ở ven bờ...

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Cảng và công trình biển sinh viên có thể làm việc tại:

+ Viện, TT: Viện Khoa học công nghệ giao thông vận tải, Viện chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng, Viện Chuyên ngành Bê tông; TT Tư vấn thiết kế và Chuyển giao công nghệ xây dựng công trình giao thông vận tải, TT Khoa học công nghệ Bảo vệ công trình và Phương tiện giao thông vận tải...

+ Các Cục: Cục Quản lý xây dựng công trình giao thông, Cục Đường sông VN, Cục Hàng hải VN...

+ Các T.Cty Xây dựng công trình giao thông, T.Cty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, TD Công nghiệp tàu thủy VN, T.Cty Hàng hải VN... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Tư vấn xây dựng đường thủy, Cty Tư vấn xây dựng cảng đường thủy, Cty Dịch vụ kỹ thuật dầu khí, Cty Tư vấn xây dựng công trình hàng hải, các Cty Tư vấn thiết kế cầu - đường - cảng trên toàn quốc...

+ Các phòng chức năng: Giao thông kỹ thuật, Xây dựng cơ bản, Thiết kế cơ sở... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Xây dựng... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở đào tạo cán bộ và công nhân xây dựng có chuyên ngành Cảng và Công trình biển.

+ Chuyên ngành Vật liệu xây dựng

Ngoài việc trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên giống như chuyên ngành Xây dựng cầu đường thì chuyên ngành Vật liệu xây dựng còn đào tạo cho sinh viên bước đầu có các **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Sức bền vật liệu - Thủy lực - Trắc địa - Máy và thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng - Nguyên lý lò công nghiệp vật liệu xây dựng - Công trình giao thông - Công nghệ bê tông - Kết cấu bê tông - Nền móng... sau đó sẽ tạo điều kiện cho sinh viên đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật sản xuất chất kết dính - Công nghệ gốm xây dựng - Chống xâm thực bê tông - Khoan cắt bê tông, gạch đá... ngoài ra sinh viên cũng được lựa chọn một số môn học **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành như: Vật liệu cách nhiệt - Vật liệu hoàn thiện... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế công nghệ sản xuất, vận hành dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng...

Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Vật liệu xây dựng sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Vật liệu xây dựng, Viện Đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu ứng dụng; TT Công nghệ vật liệu, các TT Tư vấn thiết kế và Xây dựng....

+ Các Vụ: Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Các T.Cty Vật liệu xây dựng, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Thủy tinh và Gốm xây dựng, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Thép VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Vật liệu xây dựng, Cty Xây lắp và Vật liệu xây dựng, Cty Vật liệu và Công nghệ, Cty Ống thép VN, các Cty Thép, Cty Kỹ thuật xây dựng và Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở đào tạo có chuyên ngành Vật liệu xây dựng.

Ngành Công nghệ sinh học

Khi theo học ngành Công nghệ sinh học sinh viên không những được cung cấp các **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản: Đại số tuyến tính - Vật lý - Hóa học - Hóa phân tích - Cơ ứng dụng - Tài nguyên sinh học... mà còn được trang bị những **kiến thức cơ bản** về Công nghệ sinh học với các môn học như: Sinh học phân tử và di truyền học - Quá trình và thiết bị công nghệ sinh học - Hóa sinh học... đồng thời sẽ được đào tạo, nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật phản ứng sinh học - Tin học trong công nghệ sinh học Học xong ngành này sinh viên sẽ **có các kỹ năng** thực hành, thực nghiệm, thu thập mẫu, sử dụng thành thạo các phương pháp thí nghiệm hiện đại của Công nghệ sinh học...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ sinh học sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Nghiên cứu Y Dược, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Chăn nuôi QG...

+ Các TT: TT Công nghệ sinh học thực vật, TT Môi trường sinh học nông nghiệp, TT Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao, TT Phân tích ADN và Công nghệ di truyền...

+ Các Cục: Cục Bảo vệ môi trường, Cục Khuyến nông khuyến lâm, Cục Bảo vệ thực vật...

+ T.Cty Đa - Giấy VN, T.Cty Thuốc lá VN, T.Cty Lâm nghiệp VN, T.Cty Giấy VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Mía đường Lâm Sơn, Cty Dầu thực vật hương liệu mỹ phẩm VN, các Cty Chế biến, Bảo quản thực phẩm, Cty Giống cây trồng Trung ương...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Nông lâm nghiệp, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn... tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thủy sản... ở khắp các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Công nghệ sinh học.

Ngành Vật lý kỹ thuật

Bên cạnh việc được trang bị các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa cũng giống như chuyên ngành Xây dựng cầu đường thì sinh viên ngành Vật lý kỹ thuật còn được cung cấp hàng loạt **kiến thức cơ bản** về ngành: Nhiệt động lực học kỹ thuật - Kỹ thuật điện tử - Cơ sở vật lý chất rắn - Cơ sở vật lý sợi quang học - Cơ sở lý sinh - Cơ sở kỹ thuật y sinh - Vật lý ... đồng thời sinh viên sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thống kê và xử lý số liệu - Kỹ thuật điện tử số - Bệnh lý học - Cơ sở hóa sinh - Kỹ thuật thiết bị y học - Thiết bị hiển thị trong y học - Nhận dạng hình ảnh và xử lý hình ảnh bằng kỹ thuật số Ngoài ra sinh viên còn được **bổ trợ kiến thức cho ngành** thông qua rất nhiều môn học tự chọn như: Hệ chuyên gia - Tin học y học - Thiết kế hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin - Thu nhận dữ liệu và điều khiển đo lường bằng máy vi tính ... Sau khi tốt nghiệp Kỹ sư ngành Vật lý kỹ thuật **có khả năng** tham gia nghiên cứu hoặc làm việc độc lập trong các xí nghiệp sản xuất các vật liệu, linh kiện và thiết bị có liên quan đến chuyên ngành đào tạo.

Sinh viên học ngành Vật lý kỹ thuật sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT, Cục: Viện Vật lý và Điện tử, Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học, Viện Vật lý và Địa cầu, Viện Năng lượng nguyên tử VN; Các TT Kỹ thuật, Tiêu chuẩn, Đo lường chất lượng, TT Đo lường; Cục Kiểm soát và An toàn bức xạ hạt nhân...

+ T.Cty Cơ khí công nghiệp, Cty Công nghệ điện tử, cơ khí và môi trường, các CTY Máy tính VN...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Quản lý khoa học... thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường... của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Vật lý kỹ thuật.

Ngành Trắc địa và bản đồ

Sinh viên ngành Trắc địa và bản đồ không chỉ được trang bị những **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, của Sinh học như: Giải tích - Vật lý - Cơ học - Hóa học - Phương pháp tính - Về kỹ thuật xây dựng... mà còn được đào tạo các **kiến thức cơ bản** về Trắc địa và Bản đồ: Bản đồ số - Trắc địa - Thành lập bản đồ - Toán bản đồ - Địa chất công trình - Lý thuyết sai số và xử lý số liệu đo - An toàn lao động trong trắc địa... ngoài ra sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Định vị vệ tinh GPS - Lưới trắc địa - Hệ thống thông tin địa lý - Quy hoạch sử dụng đất - Lập và phân tích dự án - Quản lý dự án xây dựng... để khi ra trường Kỹ sư ngành Trắc địa và bản đồ **có khả năng** làm công tác nghiên cứu hoặc làm việc trực tiếp tại các cơ sở có liên quan đến ngành Trắc địa và bản đồ...

Ra trường, sinh viên học ngành Trắc địa và bản đồ có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Địa kỹ thuật, Viện Khoa học địa chính, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản, Viện Địa chất, Viện Địa chất và Địa vật lý biển...

+ Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường chất lượng; Cục Đo đạc và Bản đồ, Cục Địa chất và Khoáng sản VN; Vụ Đất đai, Vụ Đăng ký và Thống kê đất đai...

+ T.Cty Hóa chất VN, T.Cty Khoáng sản VN, T.Cty Dầu khí VN, các Liên đoàn Trắc địa địa hình, Liên đoàn Bản đồ địa chất... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Trắc địa bản đồ, Cty Đo đạc địa chính và công trình, Cty Đo đạc ảnh địa hình, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Vật tư mỏ địa chất...

+ Các phòng chức năng: Quản lý đo đạc bản đồ, Quản lý địa chính nhà đất, Chính sách đất, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở như: Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất, Sở Địa chính - Nhà đất, Sở Tài nguyên và Môi trường... của các tỉnh, thành phố.

+ Phòng Địa chính tại Ủy ban nhân dân các cấp từ xã, thị trấn, quận huyện...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Trắc địa và bản đồ.

Ngành Công nghệ hóa học

Ngành Công nghệ hóa học trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa: Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Cơ lưu chất - Hóa lý - Hòa phân tích - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ... cùng với những **kiến thức cơ bản** về Công nghệ hóa học: Cơ ứng dụng - Nhiệt động lực học kỹ thuật - Kỹ thuật (KT) điện - Vật liệu học - KT điện tử - Quá trình & Thiết bị truyền nhiệt - Quản lý doanh nghiệp - Cơ sở tự động học - KT phản ứng - Mô hình hóa tối ưu hóa trong công nghệ hóa học - KT phân riêng - Các quá trình cơ học - KT xúc tác - Công nghệ sinh học - KT môi trường - KT đo và điều khiển - Cơ sở thiết kế nhà máy hóa - Cơ sở thiết kế & chế tạo máy hóa chất.... Ngoài ra, tùy theo từng chuyên ngành theo học mà sinh viên sẽ được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

+ **Chuyên ngành Công nghệ hóa hữu cơ:** Tổng hợp hữu cơ và Hóa dầu - Công nghệ các chất hoạt động bề mặt - Kỹ thuật nhuộm, in bóng - Hóa hương liệu và mỹ phẩm - Kỹ thuật sản xuất cellulose và giấy... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành:** Hóa học hóa lý polyme - Các phương pháp phân tích hóa lý... để sinh viên khi ra trường **có khả năng** đảm nhận việc thiết kế, quản lý và nghiên cứu Công nghệ hóa hữu cơ tại các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp...

+ **Chuyên ngành Công nghệ chế biến dầu khí:** Công nghệ lọc dầu - Các sản phẩm dầu khí - Tổng hợp hữu cơ và hóa dầu Bên cạnh đó sinh viên còn được trang bị thêm **kiến thức bổ trợ cho chuyên ngành** qua một số môn học lựa chọn: An toàn môi trường dầu khí - Kỹ thuật đường ống, bể chứa dầu khí... để khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** quản lý, vận hành và thiết kế dây truyền công nghệ sản xuất dầu khí trong các nhà máy liên quan đến Công nghệ chế biến dầu mỏ và khí thiên nhiên...

+ **Chuyên ngành Quá trình và Thiết bị:** Kỹ thuật lạnh - Kỹ thuật phản ứng dị thể - Chung cất đa cấu tử - Lý thuyết truyền vận - Thiết bị truyền nhiệt ... đồng thời, sinh viên cũng sẽ được học thêm các môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành:** Kỹ thuật chân không - Lý thuyết chuyển quy mô - Kỹ thuật kết tinh - Cơ học lưu chất phi Newton - Điều khiển tối ưu trong công nghệ hóa học... để khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành **có khả năng** tham gia thiết kế, chế tạo, vận hành và quản lý các dây truyền, thiết bị công nghệ trong các cơ sở sản xuất, Viện Nghiên cứu, trường đại học thuộc lĩnh vực chuyên ngành...

+ **Chuyên ngành Công nghệ hóa lý:** Các phương pháp phân tích hóa lý - Kỹ thuật điện hóa - Kỹ thuật đo và điều khiển - Tổng hợp hữu cơ và hóa dầu - Ăn mòn và bảo vệ kim loại - Hóa học chất rắn và ứng dụng.... Ngoài ra sinh viên sẽ được lựa chọn các **kiến thức bổ trợ cho chuyên ngành** như: Công nghệ sản xuất các chất vô cơ - Nhiệt động học bất thuận nghịch màng mỏng - Bảo vệ kim loại - Giãn nở pha... để khi học xong sinh viên **có được khả năng** ứng dụng Công nghệ hóa lý vào

các lĩnh vực trong đời sống đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến công nghệ kỹ thuật hóa công nghiệp, xử lý chất thải, môi trường...

+ Chuyên ngành Công nghệ hóa vô cơ: Cơ sở thiết kế nhà máy hóa - Công nghệ sản xuất các chất vô cơ - Hóa học chất rắn và ứng dụng - Công nghệ xử lý khoáng sản - Tin học trong hóa học và công nghệ hóa học - Cơ sở thiết kế và chế tạo hóa chất... cũng như còn được trang bị thêm một số **kiến thức bổ trợ cho chuyên ngành:** Công nghệ sản xuất muối ăn từ nước biển - Công nghệ sản xuất các chất màu vô cơ Tốt nghiệp, sinh viên ngành Công nghệ hóa vô cơ **có khả năng** giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành nhất là trong công nghệ sản xuất, xử lý các chất vô cơ và lĩnh vực môi trường...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ hóa học có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ hóa học, Viện Hóa học, Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Viện Hóa kỹ thuật, Viện Hóa học công nghiệp, Viện Công nghệ xạ hiếm; TT Công nghệ hóa dược và hóa sinh hữu cơ, TT Thông tin khoa học kỹ thuật hóa chất...

+ T.Cty Chế biến kinh doanh sản phẩm khí, T.Cty Hóa chất VN, T.Cty Cao su VN, T.Cty Giấy VN, T.Cty Chế biến kinh doanh sản phẩm khí, T.Cty Xăng dầu VN, T.Cty Dầu khí VN, TD Điện lực VN, TD Công nghiệp tàu thủy VN... và các Cty, đơn vị thành viên: các Cty Hóa chất, Cty Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất, Xi nghiệp Hóa phẩm dầu khí...

+ Các phòng chức năng: Quản lý khoa học, Quản lý công nghệ, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn... trực thuộc các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN, Day nghề có đào tạo các chuyên ngành Công nghệ hóa học. Day môn Hóa học tại các trường Trung học phổ thông.

Ngành Công nghệ thực phẩm

Cử nhân ngành Công nghệ thực phẩm (CNTP) được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Hóa sinh thực phẩm - Hóa học thực phẩm - Vi sinh học thực phẩm - Sinh học... cùng với các **kiến thức cơ bản** về CNTP: Phân tích thực phẩm - Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm - Công nghệ lên men thực phẩm - Công nghệ sau thu hoạch và bảo quản thực phẩm - Công nghệ chế biến (CNCB) thực phẩm - Công nghệ bao bì, đóng gói thực phẩm... đồng thời ngành còn cung cấp cho sinh viên khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ bảo quản và chế biến lương thực - CNCB rau quả - CNCB trà, cà phê, cacao - CNCB dầu mỡ thực phẩm - CNCB rau quả - CNCB thịt, thủy sản - CN sản xuất đường và bánh kẹo - CNCB đồ uống và sữa.... Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành** như: Tin học trong CNTP - Thiết kế máy và nhà máy thực phẩm - Quản trị chất lượng thực phẩm - Quá trình và thiết bị truyền nhiệt trong CNTP - Quá trình và thiết bị truyền khối trong CNTP - Thực phẩm chức năng chữa bệnh - Vấn đề thực phẩm biến đổi gen... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm trong quá trình chế biến thực phẩm, tham gia điều hành qui trình chế biến và bảo quản sản phẩm cũng như có khả năng nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, có khả năng áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình thực tế sản xuất...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ thực phẩm sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Công nghiệp thực phẩm; Cục Vệ sinh an toàn thực phẩm, Cục Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, Cục Công nghiệp tiêu dùng - Thực phẩm, Cục Chế

biển nông lâm sản và nghề muối; Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Vụ Công nghiệp tiêu dùng và Thực phẩm...

+ T.Cty Công nghiệp thực phẩm, T.Cty Lương thực VN, T.Cty Rau quả, nông sản VN, T.Cty Chế biến thủy sản, T.Cty Mía đường VN, T.Cty Sữa VN... và hàng trăm các Cty, đơn vị trực thuộc.

+ Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Chế biến Nông lâm sản và ngành nghề nông thôn... tại Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ thực phẩm.

Ngành Cơ - Điện tử

Đào tạo kỹ sư ngành Cơ - Điện tử không những chỉ có các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên như: Đại số và Hình học giải tích - Xác suất thống kê - Cơ học - Vẽ kỹ thuật - Hóa học - Tin học... mà còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kỹ thuật (KT) điện - KT điện tử - KT thủy lực và khí nén - Cơ điện tử - Cơ sở mạch cơ điện tử - Nhiệt động lực học kỹ thuật ... cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Đồ án mô hình điều khiển hệ thống - Động lực học hệ cơ điện tử - Chi tiết máy - Thiết kế hệ thống cơ điện tử - Tự động hóa sản xuất - KT người máy - Tổ chức và cấu trúc máy tính.... Ngoài ra sinh viên còn được trang bị một số **kiến thức bổ trợ** cho ngành như: Trí tuệ nhân tạo - Mạng máy tính - Tạo mẫu nhanh - Hệ thống sản xuất linh hoạt - KT giao tiếp với máy tính - Máy và hệ thống thông minh... để khi tốt nghiệp sinh viên có **kiến thức và kỹ năng** của một Kỹ sư giỏi về điện điện tử, đầy đủ kiến thức về công nghệ thông tin, giải quyết những vấn đề liên quan đến thiết kế, chế tạo, vận hành, cải tiến và bảo trì các máy móc thiết bị thuộc quy trình sản xuất và chế tạo của các nhà máy, xí nghiệp...

Sinh viên học ngành Cơ - Điện tử sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Cơ học VN, Viện Năng lượng, Viện Chiến lược Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ thông tin, TT Công nghệ vi điện tử và Tin học, TT Quang điện tử, các TT Công nghệ thông tin, TT Giao dịch công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố.

+ Các Cục, Vụ: Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Điện lực VN, T.Cty Viễn thông quân đội, TĐ Bưu chính viễn thông VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Hàng không VN, T.Cty Hàng hải VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN... và các Cty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc.

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở như: Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Cơ - Điện tử.

Ngành Công nghệ vật liệu gồm có các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Vật liệu Polyme

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Vật liệu Polyme nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa: Đại số và Hình giải tích - Vật lý chất rắn - Kỹ thuật điện - Nhiệt động

lực học kỹ thuật - Truyền nhiệt và thiết bị trao đổi nhiệt - Hóa... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Hóa lý Polyme - Vật liệu học - Kỹ thuật sản xuất chất dẻo - Kỹ thuật gia công Polyme ... đồng thời còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vật liệu kim loại - Vật liệu Silicat - Công nghệ các chất tạo màng Ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn rất nhiều môn học **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Polyme sinh học và Polyme phân hủy - Phương pháp thiết kế sản phẩm cao su, nhựa - Các phương pháp tính và đánh giá Polyme - Cao su biến tính và cao su blend - Gia công Polyme bằng phương pháp ép phun và đùn trục vít - Nghiên cứu vi cấu trúc vật liệu - Nhiệt động lực học vật liệu - Gia công vật liệu - Giã đổ pha và chuyển pha... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, gia công chế tạo, ứng dụng và vận hành dây chuyền sản xuất cho các đơn vị có hoạt động liên quan đến ngành Công nghệ vật liệu nói chung, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất Vật liệu Polyme...

+ Chuyên ngành Vật liệu kim loại

Sinh viên học chuyên ngành Vật liệu kim loại được cung cấp **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên cũng giống như chuyên ngành Vật liệu Polyme, bước đầu đi vào nghiên cứu **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Kim loại học - Công nghệ nấu luyện kim loại và hợp kim - Công nghệ đúc ... đồng thời sinh viên còn được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vật liệu Silicat - Trang thiết bị sản xuất và xử lý vật liệu kim loại - Tự động hóa thiết bị sản xuất và xử lý vật liệu kim loại Ngoài ra sinh viên sẽ có cơ hội lựa chọn các **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành: Các phương pháp luyện kim đặc biệt - Các phương pháp tạo phôi - Hóa lý các quá trình luyện kim - Tái sinh kim loại - Công nghệ sản xuất oxít kim loại và các ứng dụng - Nghiên cứu vi cấu trúc vật liệu - Cấu trúc vật liệu và phương pháp phân tử hữu hạn - Nhiệt động lực học vật liệu... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** ứng dụng và triển khai công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực chuyên ngành...

+ Chuyên ngành Vật liệu Silicat

Đào tạo sinh viên chuyên ngành Vật liệu Silicat không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A cũng tương tự như chuyên ngành Vật liệu Polyme, mà còn có **kiến thức cơ bản** về ngành Vật liệu Silicat: Hóa lý Silicat - Quá trình cơ sở và thiết bị Silicat - Lò Silicat ... cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật sản xuất xi măng - Kỹ thuật sản xuất sản phẩm thủy tinh - Kỹ thuật sản xuất vật liệu chịu lửa.... Ngoài những môn học trên sinh viên cũng sẽ được học thêm các môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Công nghệ vật liệu gốm cao cấp - Các quá trình gia công sản phẩm bề mặt thủy tinh - Công nghệ sản xuất các sản phẩm gạch ốp lát ... Ra trường, sinh viên **có khả năng** làm việc tại các Cty, đơn vị có hoạt động liên quan đến ngành công nghệ vật liệu nói chung và chuyên ngành Vật liệu Silicat nói riêng như các lĩnh vực sản xuất: xi măng, gốm sứ, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ vật liệu sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Vật liệu xây dựng, Viện Đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu ứng dụng; TT Công nghệ vật liệu, các TT Tư vấn thiết kế và Xây dựng....

+ Các Vụ: Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Các T.Cty Vật liệu xây dựng, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Thủy tinh và Gốm xây dựng, T.Cty Thép VN ... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Vật liệu xây dựng, Cty Xây lắp và Vật liệu xây dựng, Cty Vật liệu và Công nghệ, Cty Ống thép VN, các Cty Thép, Cty Kỹ thuật xây dựng và Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Công nghệ vật liệu.

Ngành Cơ kỹ thuật

Khí học ngành Cơ kỹ thuật sinh viên sẽ không chỉ được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa: Toán học - Phương trình toán lý - Cơ ứng dụng - Cơ học chất lỏng và khí - Nhiệt động lực học kỹ thuật - Hóa học... mà bước đầu còn đi vào **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Thiết kế kỹ thuật - Truyền nhiệt - Đàn hồi ứng dụng - Lý thuyết dẻo kỹ thuật.... Ngoài ra sinh viên cũng được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phương pháp phần tử hữu hạn - Đo lường các đại lượng phi điện - Cơ học môi trường rời ... không những thế sinh viên sẽ được lựa chọn một số **kiến thức bổ trợ** cho ngành như: Dao động kỹ thuật - Cơ học lưu chất đặc biệt - Cơ học môi trường liên tục - Xử lý tiếng ồn công nghiệp.... Bên cạnh những kiến thức đã nêu trên ngành còn tạo điều kiện cho sinh viên được rèn luyện các kỹ năng thực hành cần thiết... để khi ra trường Kỹ sư ngành Cơ kỹ thuật **có khả năng** đảm trách các công việc liên quan đến cơ học, đặc biệt là kỹ năng lập trình, thiết kế, chế tạo hệ thống cơ học điều khiển tự động, đo lường...

Sau khi ra trường sinh viên ngành Cơ kỹ thuật có thể công tác tại:

- + Các Viện, TT: Viện Cơ học ứng dụng, Viện Kỹ thuật giao thông, Viện Nghiên cứu máy, nghiên cứu về biển, về công trình, về thủy lợi, thủy văn, về khai thác và vận chuyển dầu khí...; các TT Lập trình phần mềm...

- + T.Cty Máy động lực và Máy nông nghiệp, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Xây dựng và Phát triển hạ tầng, T.Cty Xuất nhập khẩu xây dựng VN ... và hàng loạt các xí nghiệp, Cty trực thuộc ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước: Cty Chế tạo động cơ, Cty Cơ giới và Xây lắp, Cty Cơ giới, lắp máy và xây dựng, Cty Thi công cơ giới và Lắp máy...

- + Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý công nghệ... thuộc Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Cơ kỹ thuật.

Ngành Địa chất và kỹ thuật thăm dò dầu khí gồm có các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Công nghệ khoan và khai thác

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Công nghệ khoan và khai thác không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A như: Hóa học - Vật lý - Đại số - Giải tích... mà còn có **kiến thức cơ bản** về ngành Địa chất và kỹ thuật thăm dò dầu khí: Địa chất - Nhiệt động lực học kỹ thuật - Kỹ thuật điện - Thạch học - Địa vật lý - Cơ sở thủy địa cơ học - Địa chất môi trường - Kinh tế luật khoáng sản ... đồng thời sinh viên sẽ được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ khoan dầu khí - Công nghệ khai thác dầu khí - Công nghệ mỏ Ngoài những môn học trên sinh viên cũng được trang bị thêm **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành qua các môn học lựa chọn: Cơ học thiết bị khoan và khai thác - Mô hình hóa trong khoan và khai thác Ra trường, sinh viên chuyên ngành Công nghệ khoan và khai thác **có khả năng** ứng dụng Công nghệ khoan và khai thác vào các Cty, đơn vị cơ hoạt động liên quan đến lĩnh vực khai thác mỏ và dầu khí...

+ Chuyên ngành Địa chất dầu khí

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Địa chất dầu khí nhằm trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Địa chất và kỹ thuật thăm dò dầu khí giống như chuyên ngành Công nghệ khoan và khai thác, đồng thời sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Trầm tích - Địa hóa dầu khí - Địa chấn ứng dụng - Trầm tích bốn chứa dầu - Địa chất khai thác dầu khí - Địa chất tìm kiếm

thăm dò dầu khí ... cùng với những môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành như: Tân kiến tạo - Vật lý vỉa - Địa kiến tạo - Thủy địa chất các mỏ dầu khí... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** làm việc tại các Cty thăm dò, khai thác dầu khí trong và ngoài nước, các Viện Nghiên cứu dầu khí...

+ Chuyên ngành Địa chất khoáng sản

Cử nhân chuyên ngành Địa chất khoáng sản được đào tạo ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành cũng như chuyên ngành Công nghệ khoan và khai thác, thì ngành còn trang bị cho sinh viên khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cổ sinh địa tầng - Địa chất các mỏ khoáng sản - Địa hóa ứng dụng - Kiến trúc trường quặng - Khoáng sản công nghiệp - Địa chất thủy vực - Địa chất công trình - Địa chất môi trường Bên cạnh đó sinh viên chuyên ngành này cũng sẽ được lựa chọn một số môn học **bổ trợ kiến thức** như: Địa chất VN - Khai thác mỏ và bảo vệ môi trường - Địa kiến tạo... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** tham gia công tác khảo sát Địa chất - Khoáng sản, thiết kế thăm dò khai thác khoáng sản và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản...

+ Chuyên ngành Địa chất môi trường

Khi học chuyên ngành Địa chất môi trường sinh viên sẽ không chỉ được học các **kiến thức chung** dành cho khối A và những **kiến thức cơ bản** về ngành cũng tương tự như chuyên ngành Công nghệ khoan và khai thác, mà còn được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật môi trường - Bảo vệ môi trường trong công nghệ dầu khí - Đánh giá tác động môi trường - Khai thác mỏ và bảo vệ môi trường - Quản trị môi trường... không những thế sinh viên còn được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Địa hóa ứng dụng - Địa chất biển - Địa chất thủy văn.... Đồng thời, ngành còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành cần thiết để khi ra trường sinh viên **có khả năng** đánh giá tác động môi trường, ô nhiễm môi trường do hoạt động của con người, đặc biệt là việc xử lý các vấn đề môi trường phát sinh bởi các hoạt động liên quan đến khai thác và sử dụng khoáng sản...

+ Chuyên ngành Địa kỹ thuật

Nội dung chương trình đào tạo Chuyên ngành Địa kỹ thuật bao gồm những **kiến thức chung** dành cho khối A, các **kiến thức cơ bản** về ngành Địa chất, bên cạnh đó, sinh viên sẽ được ngành cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tai biến địa động lực - Địa kỹ thuật - Địa chất công trình - Các phương pháp gia cố đất - Địa chất môi trường - Kỹ thuật an toàn lao động.... Ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Nền móng công trình - Địa chất VN - Địa kiến tạo - Thủy địa chất các mỏ dầu khí - Địa chất biển... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** làm công tác nghiên cứu, khai thác, xử lý địa chất động lực công trình, nền móng, địa chất thủy văn, địa kỹ thuật của đất đá...

Sau khi tốt nghiệp ngành Địa chất và kỹ thuật thăm dò dầu khí sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Địa chất, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản, Viện Địa chất và Địa vật lý biển; TT Thông tin lưu trữ địa chất, TT Phân tích thí nghiệm địa chất...

+ Các Vụ: Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ T.Cty Hóa chất VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Khoáng sản VN, T.Cty Dầu khí VN, các T.Cty Xây dựng... và hàng trăm Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Tư vấn xây dựng, Cty Kiểm định xây dựng, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Trắc địa bản đồ, Cty Vật tư mỏ địa chất...

+ Các phòng chức năng: Quản lý đo đạc bản đồ, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... trực thuộc 64 tỉnh, thành phố.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Địa chất và kỹ thuật thăm dò dầu khí.

Ngành Kỹ thuật giao thông

+ Chuyên ngành Kỹ thuật ô tô

Đào tạo kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật ô tô nắm vững **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Giải tích - Phương pháp tính - Vật lý - Hóa học... cùng các **kiến thức cơ bản** về ngành Kỹ thuật giao thông: Nhiệt động lực học kỹ thuật - Kỹ thuật điện tử - Hệ thống điều khiển tự động - Kỹ thuật giao thông - Động cơ đốt trong... đồng thời ngành còn trang bị cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kết cấu địa chất và ô tô - Thiết kế ô tô - Tổ chức vận tải ô tô - Hệ thống điện, điện tử ô tô - Sửa chữa ô tô - Điều khiển tự động trên ô tô Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp hàng loạt **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành như: Năng lượng, dầu mỡ, CL chuyên dùng - Máy kéo, máy nông nghiệp - Kỹ thuật ô tô chuyên dùng - Kỹ thuật bảo dưỡng và sử dụng ô tô máy kéo - Chẩn đoán và kiểm định ô tô - Công nghệ ô tô... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo, cải tiến, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô cũng như các thiết bị hiện đại dùng trên ô tô và các phương tiện khác tương tự ô tô.

+ Chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy

Sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật tàu thủy không những được trang bị các **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, các **kiến thức cơ bản** về ngành như chuyên ngành Kỹ thuật ô tô, mà còn được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kết cấu tàu thủy - Máy động lực tàu thủy - Thiết bị tàu thủy - Thiết kế tàu thủy - Kỹ thuật hàn tàu thủy - Vật liệu mới - Kỹ thuật chế tạo... đồng thời sinh viên cũng sẽ được học một số môn **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Quản lý dự án đóng mới phương tiện vận tải - Tổ chức quản lý sản xuất công nghệ đóng tàu - Trang bị điện và điều khiển tự động tàu thủy - Thiết bị năng lượng tàu thủy mới - Kỹ thuật tàu cao tốc - Tin học ứng dụng trong thiết kế và đóng tàu - Cơ học kết cấu tàu thủy - Động lực học công trình ngoài khơi - CAE trong công nghiệp tàu thủy... để sau khi học xong sinh viên sẽ **có khả năng** thiết kế, lắp ráp các loại tàu thuyền, phương tiện thủy và các công trình nổi...

+ Chuyên ngành Kỹ thuật hàng không

Khi học chuyên ngành Kỹ thuật hàng không sinh viên sẽ được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Kỹ thuật giao thông giống như chuyên ngành Kỹ thuật ô tô, bên cạnh đó ngành còn trang bị cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Động cơ và lực đẩy máy bay - Điện, Điện tử máy bay - Cơ học bay - Thiết kế máy bay - Hàng không động lực học - Kết cấu hàng không - Bảo trì máy bay - Quản lý và điều hành hàng không - Nghiên cứu thuyết trình Không những thế sinh viên cũng được học các **kiến thức bổ trợ** cho chuyên ngành qua một số môn học lựa chọn: Máy bay trực thăng - Tối ưu hóa và quy hoạch TN - Khí đàn hồi..., đồng thời sinh viên chuyên ngành này còn được rèn luyện các kỹ năng thực hành cần thiết để khi ra trường trở thành những Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật hàng không **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế, điều khiển máy bay, thủy phi cơ, WIG...

Sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật giao thông sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Chiến lược và Phát triển giao thông, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Cơ học VN, Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu Phát triển cơ khí, Viện

Nghiên cứu Khoa học kỹ thuật Bảo hộ lao động, Viện Tự động hóa Kỹ thuật quân sự, Các TT Điều khiển giao thông vận tải...

+ TD Công nghiệp Ô tô VN, TD Công nghiệp tàu thủy VN, T.Cty Hàng không VN, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Hàng hải VN, TD Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, Cty Cơ khí Ô tô và Xe máy công trình, Cty Kỹ thuật điều khiển và Thông tin, Cty Vận tải biển VN...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý kỹ thuật, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... thuộc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Công nghiệp... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở đào tạo có ngành Kỹ thuật giao thông.

Ngành Kỹ thuật môi trường

Ngành Kỹ thuật môi trường (KTMT) trang bị cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên như: Nhiệt động lực học kỹ thuật - Kỹ thuật điện - Vi sinh vật KTMT - Vật lý - Hóa học... còn cung cấp các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Tối ưu hóa và quy hoạch tài nguyên - Thủy lực môi trường - Bảo vệ và ăn mòn kim loại - Độc học môi trường - Quá trình công nghệ môi trường - Ô nhiễm không khí ... đồng thời sinh viên cũng sẽ được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật xử lý nước cấp - Mô hình hóa môi trường - Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí - Kỹ thuật xử lý nước thải - Thiết kế chế tạo thiết bị môi trường - Quản lý và xử lý chất thải rắn.... Ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Dụng cụ và điều khiển tự động - Phân tích hệ thống - Kiểm toán môi trường - ISO 14000 - An toàn môi trường dầu khí... để khi ra trường sinh viên **có thể** làm việc và nghiên cứu tại các cơ quan, các nhà máy xí nghiệp có hoạt động liên quan đến vấn đề môi trường...

Tốt nghiệp ngành Kỹ thuật môi trường sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Y học và Vệ sinh môi trường, Viện Khí tượng thủy văn ...

+ Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ môi trường VN; Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Môi trường VN xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển, Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ Tài nguyên và Môi trường...

+ Các phòng chức năng: Quản lý môi trường, Quản lý dự án cải thiện môi trường, Quản lý chất thải rắn... tại các Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất... trực thuộc 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật môi trường.

Ngành Quản lý công nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Quản lý công nghiệp nhằm cung cấp những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế như: Giải tích - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật hóa học - Kinh tế học - Vật lý... cùng với **kiến thức cơ bản** về ngành Quản lý công nghiệp: Tài chính doanh nghiệp - Máy tính kinh doanh - Hệ thống thông tin quản lý - Nghiên cứu tiếp thị - Lập chương trình Marketing Trên nền các kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được trang bị khối **kiến thức chuyên**

sâu của chuyên ngành: Quản lý dự án - Tiếp thị công nghiệp - Quản lý chiến lược... đồng thời còn được học rất nhiều môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Kế hoạch kinh doanh - Lập và phân tích dự án - Phát triển sản phẩm - Tiếp thị quốc tế - Hệ thống tài chính - Mô phỏng kinh doanh Tốt nghiệp ra trường sinh viên ngành này **có khả năng** thực hiện một số kỹ năng quản lý và tư vấn trong công tác quản lý các doanh nghiệp công nghiệp...

Ra trường, sinh viên ngành Quản lý công nghiệp có thể làm việc tại:

- + Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, TT Tư vấn Quản lý và Đào tạo...
- + Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại, Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...
- + Các doanh nghiệp, Cty, T.Cty trên địa bàn toàn quốc hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp: các T.Cty Công nghiệp, T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Dệt - May VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN...
- + Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý xuất nhập khẩu... tại các Sở: Sở Công nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Quản lý công nghiệp.

Ngành Quản lý môi trường

Sinh viên ngành Quản lý môi trường (QLMT) không chỉ học các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa như nhóm ngành quản lý công nghiệp mà bước đầu còn đi vào nghiên cứu **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Hóa kỹ thuật môi trường (MT) - Kỹ thuật điện - Nhiệt động lực học kỹ thuật - Kỹ thuật xử lý chất thải - Sinh thái học - Vi sinh vật kỹ thuật MT - Độc học MT - Quá trình công nghệ MT - Ô nhiễm không khí và tiếng ồn - Bảo vệ và ăn mòn kim loại... cũng như sẽ được đào tạo những **kiến thức chuyên sâu về ngành Quản lý môi trường**: Quản lý (QL) chất lượng MT - Công nghệ sản xuất sạch hơn - Mô hình hóa MT - Phân tích GIS trong QLMT - Kinh tế MT - Kiểm toán MT - QL tài nguyên nước và nước ngầm - QLMT đô thị và khu công nghiệp - Đánh giá rủi ro MT... không những thế sinh viên còn được lựa chọn một số môn học **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Dụng cụ và điều khiển tự động - Phân tích hệ thống - ISO 14000 - An toàn MT dầu khí.... Ngoài những kiến thức đã nêu trên ngành còn trang bị cho sinh viên các kỹ năng thực hành cần thiết để khi ra trường, Cử nhân ngành Quản lý môi trường sẽ **có khả năng** hoạch định chính sách bảo vệ tài nguyên và môi trường, triển khai thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện chính sách, quản lý việc khai thác sử dụng tài nguyên và cải thiện môi trường đời sống...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý môi trường có thể công tác tại:

- + Các Viện, TT: Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Y học và Vệ sinh môi trường, Viện Khí tượng thủy văn, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt; TT Nghiên cứu môi trường, TT Nghiên cứu tài nguyên và môi trường...
- + Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ môi trường VN; Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...
- + T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Môi trường VN xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển, Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ tài nguyên và môi trường...

+ Các phòng chức năng: Quản lý môi trường, Quản lý dự án cải thiện môi trường, Quản lý chất thải rắn, Quản lý khoa học... tại các Sở: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất... thuộc các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo ngành Quản lý môi trường.

Ngành Tự động

Nội dung chương trình đào tạo ngành Tự động bao gồm các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên: Hàm phức toán tử - Hóa học - Vật lý ... cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành: Mạch điện - Dụng cụ linh kiện điện tử - Kỹ thuật số - Tin học - Đo điện tử - An toàn điện - Vi xử lý - Thiết bị và hệ thống tự động - Quản lý doanh nghiệp... đồng thời ngành còn trang bị cho sinh viên **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật Robot - Tự động hóa quá trình công nghệ - Điều khiển tự động... Ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn một số môn học **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Mô hình mô phỏng - Trí tuệ nhân tạo và hệ chuyên gia..., cũng như sẽ được rèn luyện kỹ năng thực hành để khi ra trường sinh viên **có khả năng** đảm trách việc vận hành và bảo trì các thiết bị tự động, phân tích nhu cầu về tự động hóa của các Cty, xí nghiệp và có khả năng thiết kế các hệ thống tự động cho các nhà máy, xí nghiệp...

Ra trường, sinh viên ngành Tự động có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Tự động hóa kỹ thuật quân sự; TT Công nghệ điều khiển và Tự động hóa, TT Vi điện tử và Tin học...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Kỹ thuật; Cục Tấn số vô tuyến điện, Cục Điều tiết điện lực, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN, T.Cty Lắp máy VN, TĐ Điện lực VN... và hàng trăm Cty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc: Cty Cơ khí - Điện - Điện tử tàu thủy, Cty Cơ khí xây lắp và Đóng tàu, Cty Tư vấn thiết kế công nghiệp tàu thủy, các Cty Công nghiệp tàu thủy và Xây dựng, các Nhà máy đóng tàu, Cty Cơ khí đóng tàu, Cty Cơ khí lắp máy, Cty Lắp máy và Thí nghiệm cơ điện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở: Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Điện lực... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Tự động.

Ngành Vật liệu và Cấu kiện xây dựng

Ngành Vật liệu và Cấu kiện xây dựng trang bị cho sinh viên bên cạnh các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa: Giải tích - Hình học - Vật lý - Hóa học... còn cung cấp những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Khoáng vật và Thạch học - Vật liệu Polyme - Hóa keo - Hóa Silicat - Vật liệu xây dựng... đồng thời sẽ đào tạo cho sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vật liệu cách nhiệt - Bê tông cốt thép - Công nghệ bê tông xi măng - Công nghệ gốm xây dựng Ngoài ra, ngành này còn tạo điều kiện để sinh viên được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: An toàn lao động - Kinh tế xây dựng Tốt nghiệp, sinh viên sẽ **có khả năng** thiết kế công nghệ sản xuất, vận hành dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng như bê tông, gốm, xi măng; nghiên cứu vật liệu mới; biết lựa chọn và sử dụng vật liệu một cách thích hợp và hiệu quả, biết kiểm định và thí nghiệm vật liệu xây dựng trong công trình...

Sau khi tốt nghiệp ngành Vật liệu và Cấu kiện xây dựng sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT, Vụ: Viện Vật liệu xây dựng, Viện Đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu ứng dụng; TT Công nghệ vật liệu, các TT Tư vấn thiết kế và Xây dựng; Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Các T.Cty Vật liệu xây dựng, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Thủy tinh và Gốm xây dựng, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Thép VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Vật liệu xây dựng, Cty Xây lắp và Vật liệu xây dựng, Cty Vật liệu và Công nghệ, Cty Ống thép VN, các Cty Thép, Cty Kỹ thuật xây dựng và Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Vật liệu và Cấu kiện xây dựng.

Ngành Thủy lợi - Thủy điện - Cấp thoát nước

Sinh viên khi theo học ngành Thủy lợi - Thủy điện - Cấp thoát nước sẽ được học không chỉ có **kiến thức chung** về: Toán học - Hóa học - Vật lý - Sinh học - Môi trường nước... mà còn có **kiến thức cơ bản** dành cho ngành để sinh viên có những kỹ năng cần thiết, nhạy bén trong tư duy phân đoán và xử lý tình huống về nước, nước thải và cải tạo môi trường nước, trên cơ sở đó sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Máy thủy lực - Thủy điện, trạm bơm - Thủy văn - Công trình thủy - Cấp thoát nước - Thi công thủy lợi - Thiết bị trong nhà máy thủy điện - Hồ chứa và môi trường - Công trình cấp thoát nước.... Tốt nghiệp, Kỹ sư ngành Thủy lợi - Thủy điện - Cấp thoát nước **có khả năng** nghiên cứu, khảo sát, lập dự án, thiết kế, thi công, quản lý và khai thác các hệ thống công trình có liên quan đến môi trường nước...

Sinh viên học ngành Thủy lợi - Thủy điện - Cấp thoát nước sau khi ra trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường; TT Công nghệ và Đánh giá tài nguyên nước, TT Quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, TT Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, TT Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, TT Khảo sát Nghiên cứu Tư vấn môi trường biển...

+ Các Cục, Vụ: Cục Thủy lợi, Cục Bảo vệ môi trường VN, Cục Quản lý đề điều, phòng chống lụt, bão; Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ TĐ Điện lực VN, T.Cty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và Môi trường VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Xây dựng Cấp thoát nước, Cty Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước, Cty Tư vấn Cấp thoát nước...; Các Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ tài nguyên và môi trường, Cty Môi trường VN xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển...

+ Các phòng chức năng: Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản, Quản lý Môi trường... tại các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Thủy lợi - Thủy điện - Cấp thoát nước.

Bảng 1a. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.*

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	2.310	32.302	1/13.9
2000	2.800	34.051	1/12.1
2001	3.000	29.620	1/9.8
2002	3.250	30.038	1/9.2
2003	3.350	17.468	1/5.2
2004	3.350	11.304	1/3.3
2005	3.350	16.333	1/4.2
2006	3.350	10.973	1/3.3

Bảng 1b. Số lượng tuyển sinh và điểm chuẩn vào các ngành trong trường

Tên ngành	Chỉ tiêu		Số lượng ĐKDT		Tỷ lệ chọi		Điểm chuẩn	
	2005	2006	2005	2006	2005	2006	2005	2006
Công nghệ thông tin	330	330	2.365	1.562	7.17	4.73	25.5	22.5
Điện - Điện tử	600	600	2.553	1.837	4.26	3.06	25	21
Cơ khí	210	210	1.519	590	7.23	2.81	25	19
Công nghệ dệt may	70	70	230	259	3.29	3.70	18	17
Kỹ thuật nhiệt	50	50	107	238	2.14	4.76	18	18
C.Nghề hóa - Thực phẩm	310	310	1.602	813	5.17	2.62	26.5	23
Xây dựng	300	300	1.730	1.561	5.77	5.20	24.5	17
Kỹ thuật Địa chất	150	150	441	373	2.94	2.49	18	18.5
Quản lý công nghiệp	180	180	787	604	4.37	3.36	21.5	18
Kỹ thuật và quản lý MT	160	160	576	295	3.60	1.84	20.5	18
Kỹ thuật Giao thông	120	120	501	326	4.18	2.72	22	23
Kỹ thuật hệ thống CN	80	80	148	152	1.85	1.90	20	18
Cơ Điện tử	80	80	810	253	10.13	3.16	27	21
Công nghệ vật liệu	200	200	354	640	1.77	3.20	20.5	20
Trắc địa	120	120	368	201	3.07	1.68	18	16
Vật liệu và cấu kiện XD	70	70	284	241	3.77	3.44	18	17
T.lợi-T.điện-Cấp thoát nước	120	120	486	337	4.05	2.81	18.5	17
Cơ Kỹ thuật	70	70	197	168	2.81	2.40	18	16
Công nghệ Sinh học	70	70	753	146	10.76	2.09	25.5	18
Vật lý kỹ thuật	60	60	193	113	3.22	1.88	18	16

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành/khoa**

Ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Công nghệ TT	21	26.5	22.5	21.5	22	24	25	21	21	25.5	-	22.5	-
Điện - Điện tử	18.5	24.5	17.5	20	21	21.5	22.5	22.5	-	25	-	21	-
Cơ khí	16	22	16	17.5	18.5	21.5	22.5	19.5	20	25	-	19	20
CN Hóa - TP	19.5	24	20	21.5	22.5	23.5	24.5	22	-	26.5	-	21	-
Xây dựng	17.5	22.5	19	20	21	21.5	22.5	22.5	-	24.5	-	23	-
Kỹ thuật địa chất	15	17	15	14	15	16	17	16	17	18	23.0	17	18
QL công nghiệp	16	19.5	16.5	16	17	17.5	18.5	17.5	18	21.5	-	18.5	-
Kỹ thuật & QLMT	-	20	17	17	18	18	19	17	18	20.5	-	18	19
Kỹ thuật GT	-	19	16	15	16	18	19	17.5	-	22	-	18	-
Cơ Điện tử	-	23	21.5	20.5	21.5	24.5	25.5	20	20	27	-	21	-
CN vật liệu	-	17	15	16.5	17.5	18	19	20.5	-	20.5	25.5	20	-
Kỹ thuật HTCN	-	17	16	14	15	20	21	18	19	20	24	18	19
VL & Cầu kiến XD	-	-	17	14	15	16	17	16.5	-	18	-	17	19
Trắc địa	-	-	15	14	15	16	17	16	17	18	22.5	16	17
TL - TD - CTN	-	-	15	14	15	16	17	16	17	18.5	-	17	19
CN Sinh học	-	-	-	17.5	18.5	21.5	22.5	18	19	25.5	-	18	21
Vật lý kỹ thuật	-	-	-	15.5	16.5	16	17	16	17	18	-	16	19
Cơ kỹ thuật	-	-	-	15.5	16.5	16	17	17	18	18	-	16	19
CN Dệt may	-	-	-	-	-	16	17	17	-	18	-	17	18
Kỹ thuật nhiệt lạnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18	24.5	18	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM) tuyển sinh trong cả nước và chỉ tuyển sinh khối A chứ không tuyển cả khối A và D1 như Trường ĐHBK Hà Nội.

- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

- Các thí sinh đạt kết quả cao trong kỳ tuyển sinh Đại học được quyền đăng ký xét tuyển vào lớp Kỹ sư Chất lượng cao Việt - Pháp và các lớp Kỹ sư Tài năng của trường. Ngoài ra có rất nhiều cơ hội đi du học cho sinh viên năm thứ nhất bằng các xuất học bổng do trường đối tác tài trợ.

- Trường ĐHBK là một trong bốn trường trong cả nước đào tạo lớp Kỹ sư chất lượng cao theo chương trình hợp tác Việt - Pháp. Bạn có nguyện vọng vào học lớp đào tạo Kỹ sư Việt - Pháp sau khi đã trúng tuyển vào trường cần đăng ký với phòng đào tạo của trường. Hai năm đầu học theo chương trình chung, sau đó thi tuyển vào các ngành Hàng không, Cơ - Điện tử, Hệ thống năng lượng, Viễn thông, Vật liệu mới.

- Hệ Cao đẳng của trường không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã dự thi khối A vào các trường Đại học trong cả nước.

2. Một số lưu ý

- Trường ĐHBK là trường đa ngành, đa nghề nên chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm tương đối nhiều (các năm gần đây thường là trên ba nghìn chỉ tiêu) (xem bảng 1).

** Số liệu thống kê ở các bảng 1 và bảng 2 của tất cả các trường được lấy từ nguồn dữ liệu của Bộ Giáo dục và Đào tạo và từ website của các Trường, Học viện

- Số lượng các thí sinh ĐKDT vào trường mấy năm gần đây giảm vì bắt đầu từ năm 2002 Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh "3 Chung" (chung ngày thi, chung đề, sử dụng chung kết quả thi) nên tỉ lệ "chọi" của trường không lớn. (Xem bảng 1).

- Từ năm 2004 Bộ GD&ĐT đã quy định điểm sàn** cho các khối thi (là mức điểm bắt buộc thí sinh phải đạt để được xét trúng tuyển hay không trúng tuyển) có thể thấy qua bảng 2 điểm trúng tuyển của trường luôn cao hơn so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định, điều này phản ánh chất lượng đầu vào của trường khá ổn định.

- Điểm trúng tuyển giữa các ngành có sự chênh lệch đáng kể, đặc biệt là các ngành khối A: Năm 2005, ngành Công nghệ hóa thực phẩm lấy điểm cao nhất (26.5 điểm), điểm chuẩn cao thứ hai là các ngành: Công nghệ thông tin và Công nghệ sinh học lấy điểm là 25.5 điểm, trong khi ngành lấy điểm thấp nhất là 18 điểm với các ngành như: Trắc địa, Vật lý kỹ thuật, Cơ kỹ thuật.... Năm 2006 các ngành Xây dựng có điểm chuẩn cao nhất (23 điểm), ngành Công nghệ thông tin (22.5 điểm), một số ngành thấp là Trắc địa, Vật lý kỹ thuật và Cơ kỹ thuật (16 điểm). Như vậy, điểm chuẩn giữa các ngành chênh nhau tới 8.5 điểm (năm 2005), năm 2006 có giảm nhưng cũng chênh nhau 7 điểm.... Do đó các thí sinh có học lực không thuộc diện xuất sắc mà muốn được trở thành sinh viên nên so sánh đối chiếu để có quyết định chính xác sẽ ĐKDT vào trường Đại học nào. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển một số ngành của Trường ĐHBK so với các ngành cùng tên ở các trường khác cũng có sự chênh lệch. Ví dụ: ngành Xây dựng (chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp) nếu như ĐHBK lấy 23 điểm thì Trường ĐHBK (ĐH Đà Nẵng) chỉ lấy 21 điểm, Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM thì lấy 18 điểm, Trường ĐH Cần Thơ cũng chỉ lấy có 15.5 điểm.... Như vậy, chỉ so sánh riêng ngành Xây dựng thì điểm trúng tuyển vào ngành cũng cao hơn những trường khác từ 2 đến 7.5 điểm...

- Tuy nhiên, so với những trường khác thì điểm trúng tuyển của trường thuộc loại cao và cao hơn điểm chuẩn những trường khác: Năm 2006 điểm trúng tuyển vào trường của ngành cao nhất là 23 điểm, trong khi đó Trường ĐHBK (ĐH Đà Nẵng) điểm cao nhất là 22.5 điểm, các trường như: ĐH Kiến trúc Tp.HCM là 22 điểm, ĐH Công nghiệp Tp.HCM là 18.5 điểm, ĐH Kinh tế Tp.HCM thì chỉ là 17.5 điểm...

- Từ năm 2004 đến nay trường chỉ xét tuyển NV2 ở một số ngành. Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm trúng tuyển NV2 thường lớn hơn NV1 trung bình từ 1 - 2 điểm, tuy nhiên mức chênh lệch này cũng có sự khác nhau qua các năm đặc biệt là năm 2005 mức chênh nhau thấp nhất cũng 4 điểm, và cao nhất là 6.5 điểm.

* - Từ năm 2002 Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh 3 chung: **Chung ngày thi** (khối A tuyển sinh trong một đợt, các khối B,C và D cũng tuyển sinh một đợt); **Sử dụng đề thi chung** của Bộ GD&ĐT; **Sử dụng chung kết quả thi** để xét tuyển. Các trường dành 80% cho nguyện vọng 1 (NV1) và 20% cho NV2. Thí sinh được ghi 3 NV trong hồ sơ ĐKDT. Bộ GD&ĐT quy định các trường chỉ xét tuyển theo NV1 80% chỉ tiêu, phải dành 20% để xét tuyển theo NV2 và NV3. Điểm trúng tuyển NV sau cũng phải cao hơn NV trước từ 1 điểm trở lên.

- Năm 2003 Bộ GD&ĐT lại quy định mỗi thí sinh được đăng ký liền lúc 2 NV: NV1 và NV2, thí sinh trúng tuyển NV nào thì học NV đó. Thí sinh được ghi 2 NV trong hồ sơ ĐKDT. Bộ GD&ĐT giao quyền chủ động phương án xét tuyển cho các trường Đại học, Cao đẳng, chỉ quy định điểm trúng tuyển NV sau phải cao hơn NV trước là 1 hoặc 2 hoặc 3 điểm.

** - Năm 2004 Bộ GD&ĐT đưa ra qui định mỗi thí sinh chỉ còn ghi 1 NV trong hồ sơ ĐKDT và quy định về điểm sàn (là mức điểm bắt buộc thí sinh phải đạt để được xét trúng tuyển hay không trúng tuyển) đã trở thành pháp lệnh: các trường Đại học, Cao đẳng không được xét tuyển các thí sinh có điểm thi thấp hơn điểm sàn.

- Mức điểm sàn qui định của Bộ GD&ĐT từ năm 2004 đến năm 2006 là: năm 2004 (khối A,D: 14 điểm; khối B,C: 15 điểm), năm 2005 (Khối A,B là 15 điểm, khối C,D là 14 điểm); năm 2006 (khối A, D là 13 điểm; khối B,C là 14 điểm).

- Từ những đặc điểm trên lưu ý những bạn có lực học trung bình, trung bình khá không nên dự thi vào trường. Nếu muốn được trở thành sinh viên của Trường ĐHBK bạn phải có lực học xuất sắc và khi ĐKDT vào trường thì nên cân nhắc chọn lựa giữa các ngành, lưu ý so sánh với các ngành của trường khác để có quyết định đúng đắn phù hợp với sức học và điều kiện của gia đình, bản thân.

- Từ năm 2005 trường đã mở rộng thêm ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh, đây là một cơ hội mới cho học sinh có nguyện vọng vào trường này.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường ĐH Bách Khoa sẽ tăng nhưng không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Địa chỉ: 277 Nguyễn Văn Cừ, Q.5, Tp.HCM

Điện thoại: 84.08.8 353 193 - Fax: 84.08.8 353 515 - Website: <http://www.hcmuns.edu.vn/>

- Trường Đại học Khoa học Tự nhiên (ĐH KHTN) thành lập ngày 30/3/1996 là TT đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực Khoa học Tự nhiên.
- Trường có các cấp đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học.
- Trường có 440 cán bộ viên chức trong đó có 41 Giáo sư và Phó Giáo sư, 91 Tiến sĩ, 117 Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Toán - Tin

Sinh viên học ngành Toán - Tin được trang bị các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Tin học tính toán - Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Giải tích cơ sở - Giải tích số - Thống kê tính toán - Cơ học giải tích - Kiến trúc máy tính - Mạng máy tính - Cấu trúc dữ liệu - Cơ sở dữ liệu - Lập trình hướng đối tượng - Đồ họa.... Trên nền những kiến thức cơ sở đã được học sinh viên sẽ được đào tạo để có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**:

+ **Chuyên ngành Đại số**: Tô pô - Tổ hợp và thuật toán - Đại số hiện đại - Lý thuyết trường & Galois...

+ **Chuyên ngành Giải tích**: Tô pô - Giải tích thực - Phương trình vi phân - Phương trình đạo hàm riêng...

+ **Chuyên ngành Giải tích số**: Giải tích thực - Giải tích số - Chuyên đề giải tích số - Vận trù học...

+ **Chuyên ngành Toán kinh tế:** Lý thuyết qui hoạch phi tuyến - Thuật toán tối ưu - Mô hình toán kinh tế...

+ **Chuyên ngành Thống kê:** Xác suất nâng cao - Thống kê toán nâng cao - Xử lý số liệu thống kê - Mô hình thống kê tuyến tính - Thống kê nhiều chiều...

+ **Chuyên ngành Toán cơ:** Phương trình toán lý - Giải tích số - Cơ học môi trường liên tục - Phương pháp phần tử hữu hạn...

+ **Chuyên ngành Phương pháp toán trong tin học:** Tổ hợp và thuật toán - Phân tích thuật toán - Xử lý tín hiệu - Hình học ứng dụng...

+ **Chuyên ngành Toán tin ứng dụng:** Tổ hợp và thuật toán - Kế toán doanh nghiệp - Quản lý đồ án - Hệ điều hành - Nhập môn tin học viễn thông...

Ngoài các kiến thức trên sinh viên cũng được cung cấp rất nhiều môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** không những về Tin học: Cơ sở dữ liệu mạng - Nhập môn phân tích ảnh và nhận dạng - Lập trình C trên Windows - Thiết kế cơ sở dữ liệu - Kỹ thuật truyền dữ liệu - Lập trình ứng dụng mạng...; mà còn **bổ trợ kiến thức** về Toán học: Giải tích phi tuyến - Các phép biến đổi và ứng dụng - Modul và ứng dụng - Quy hoạch tuyến tính nâng cao - Thống kê kinh tế - Kinh tế lượng - Cơ học vật rắn biến dạng - Cơ học chất lỏng - Khí động lực học - Điện tử ứng dụng... để khi ra trường Cử nhân ngành Toán - Tin **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh trong những ngành, những lĩnh vực có sử dụng đến kiến thức về toán và tin học, khả năng kết hợp giữa toán học và tin học để giải quyết bài toán ứng dụng trong thực tế...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Toán - Tin có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Toán học, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Cơ học, Viện Cơ học ứng dụng; Các TT Tin học trực thuộc cơ quan, doanh nghiệp, Tổng cục, Bộ...

+ TĐ Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Viễn thông quân đội, T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Công nghiệp Ô tô VN, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp, T.Cty Lắp máy VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Internet Viettel, Cty Điện tử - Tin học - Hóa chất, Cty Lắp máy và Thí nghiệm cơ điện, Cty Công nghiệp ô tô...

+ Các phòng chức năng: Thí nghiệm, Quản lý kỹ thuật, Thiết kế kỹ thuật... trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp... tại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Làm cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN, trường Công nhân kỹ thuật... có đào tạo về ngành Toán - Tin. Dạy môn Toán, Tin tại các trường Trung học phổ thông.

Ngành Vật lý

+ **Chuyên ngành Vật lý địa cầu**

Khí học chuyên ngành Vật lý địa cầu sinh viên sẽ không chỉ được học các **kiến thức chung** cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Vật lý như: Phương trình toán lý - Cơ lý thuyết - Điện tử cơ bản - Vật lý nguyên tử - Cơ lượng tử - Hàm phức - Giải tích số - Vật lý hạt nhân - Điện động lực - Cơ sở vật lý chất rắn - Vật lý thống kê... mà còn được đi vào nghiên cứu các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Vật lý địa cầu**: Thiên văn học - Khí tượng học - Hải dương học - Địa chất học - Lý thuyết thế - Sóng đàn hồi - Trường Địa từ - Địa điện - Địa chấn - Địa vật lý lỗ khoan - Cơ chất lỏng - Sóng biển - Thủy triều - Vật lý khí quyển - Thủy học cửa sông - Ô nhiễm môi trường... để sau khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** áp dụng các phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong nghiên cứu, xử lý môi trường, dò tìm khoáng sản...

+ Chuyên ngành Vật lý điện tử

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Vật lý điện tử ngoài được cung cấp những **kiến thức chung và kiến thức cơ bản** về ngành Vật lý cũng giống như chuyên ngành Vật lý địa cầu, thì sinh viên chuyên ngành này còn được học khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Mạng máy tính - Hệ thống thông tin - Điện tử công suất - Dẫn sóng và phát sóng - Máy tính - Thiết kế mạch Logic - Ngôn ngữ Java - Mạch điện tử - Ngôn ngữ lập trình C.... Ngoài những môn học trên sinh viên cũng sẽ được trang bị các kỹ năng thực hành cần thiết đặc biệt là về: Ứng dụng kỹ thuật máy tính - Điện tử... để khi học xong sinh viên chuyên ngành Vật lý điện tử **có khả năng** lập trình, thiết kế, xử lý hệ thống linh kiện điện tử, vi mạch...

+ Chuyên ngành Vật lý hạt nhân

Cũng tương tự như chuyên ngành Vật lý địa cầu, nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Vật lý hạt nhân nhằm cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** cùng với các **kiến thức cơ bản** của ngành Vật lý, đồng thời sẽ đào tạo cho sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Vật lý hạt nhân**: Cấu trúc hạt nhân - Phản ứng hạt nhân - Vật lý phóng xạ - An toàn phóng xạ - Lý thuyết tán xạ lượng tử - Vật lý neutron - Phân tích kích hoạt - Vật lý hạt nhân ứng dụng - Ứng dụng ngôn ngữ lập trình - Huỳnh quang Ronghent - Lò phản ứng hạt nhân - Nhà máy điện nguyên tử - Kiểm tra không hủy thể ... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** làm việc độc lập tại các cơ quan nghiên cứu, các Cty có hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành...

+ Chuyên ngành Vật lý lý thuyết

Kỹ sư chuyên ngành Vật lý lý thuyết không chỉ được trang bị các **kiến thức chung**, cũng như **kiến thức cơ bản** về ngành Vật lý giống với chuyên ngành Vật lý địa cầu, mà còn được đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Cơ lượng tử - Lý thuyết (LT) nhóm - LT chất rắn - LT Trường điện từ - LT Trường lượng tử - LT Hệ nhiều hạt - LT Hàm Green - LT Hạt cơ bản - LT Trường hấp dẫn - Phương pháp (PP) Tích phân lộ trình - LT Lượng tử về từ - Hàm suy rộng - PP Tính & Mathematica - PP Chuẩn hạt... để khi học xong sinh viên chuyên ngành Vật lý lý thuyết **có khả năng** vận dụng linh hoạt các kiến thức chuyên ngành vào các lĩnh vực liên quan...

+ Chuyên ngành Vật lý ứng dụng

Sinh viên học chuyên ngành Vật lý ứng dụng sẽ được học các **kiến thức chung** về Toán, Lý, và những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Vật lý tương tự như chuyên ngành Vật lý địa cầu, ngoài ra sinh viên còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phân giải mạch - Kỹ thuật chân không - Quang phổ nguyên tử - Quang phổ phân tử - Vật lý Laser - Vật lý điện tử - Vật lý tinh thể - Vật lý siêu âm - Kỹ thuật siêu âm - Vật lý linh kiện bán dẫn - Ứng dụng tin học trong vật lý ... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** giải quyết các vấn đề có liên quan đến nghề nghiệp một cách sáng tạo, có phương pháp tư duy logic.

Sau khi tốt nghiệp ngành Vật lý sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Vật lý và Điện tử, Viện Vật lý địa cầu, Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học, Viện Năng lượng nguyên tử VN, Viện Địa chất và Địa vật lý biển, Viện Đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu (ITIMS), Viện Khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu ứng dụng...

+ Cục Kiểm soát và An toàn bức xạ hạt nhân...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Thép VN, các T.Cty Vật liệu xây dựng, T.Cty Lắp máy VN... và các Cty, đơn vị thành viên.

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Quản lý sở hữu trí tuệ, Quản lý chất thải rắn, Quản lý kinh tế và An toàn công nghiệp... tại các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công nghiệp... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Vật lý. Dạy môn Vật lý tại các trường Trung học phổ thông.

Ngành Hóa học

Bên cạnh những **kiến thức chung** và **kiến thức cơ bản** về ngành Hóa học: Hóa hữu cơ - Hóa vô cơ - Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ - Cơ sở lý thuyết hóa học phân tích - Lý thuyết phân tích định lượng - Nhiệt động học - Hóa keo - Cơ sở hóa lý polyme - Động hóa học - Điện hóa học - Hóa lượng tử ... thì sinh viên ngành Hóa học còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu phù hợp với từng chuyên ngành** đã lựa chọn:

+ **Chuyên ngành Hóa hữu cơ:** Hóa học lập thể hữu cơ - Cơ chế phản ứng hữu cơ - Kỹ thuật hóa hữu cơ - Tổng hợp hữu cơ - Hóa chất thiên nhiên - Phân tích hữu cơ - Hóa sinh... đồng thời sinh viên chuyên ngành này sẽ được rèn luyện kỹ năng thực hành về hữu cơ chuyên ngành...

+ **Chuyên ngành Hóa lý:** Hóa học dầu mỏ - Hóa học xúc tác - Phương pháp tính ứng dụng trong hóa học - Tổng hợp, cấu tạo, tính chất polyme - Biến tính polyme - Động học điện hóa - Hóa lý hữu cơ - Hóa lượng tử ứng dụng... bên cạnh đó sinh viên cũng sẽ được thực tập về chuyên ngành Hóa lý...

+ **Chuyên ngành Hóa phân tích:** Hóa môi trường - Các phương pháp phân tích sắc ký - Các phương pháp phân tích phổ nguyên tử - Phân tích điện hóa - Phân tích trắc quang - Thuốc thử hữu cơ - Phân tích kỹ thuật - Phương pháp lấy mẫu và xử lý mẫu... và sinh viên cũng sẽ được đi vào nghiên cứu thực tế chuyên ngành về: Phân tích điện hóa, quang - Phân tích chiết, sắc ký - Phân tích kỹ thuật...

+ **Chuyên ngành Hóa vô cơ:** Hóa học chất rắn - Phức chất - Các phương pháp tuyển - Giãn đồ pha - Thiết bị các công nghệ hóa học - Vật liệu vô cơ... ngoài ra, sinh viên cũng được thực tập về chuyên ngành...

Ngoài ra, trong quá trình theo học ngành Hóa học sinh viên cũng sẽ được nhà trường trang bị thêm khối **kiến thức bổ trợ** cho ngành: Hợp chất di vòng - Chất cơ kim nguyên tố - Tổng hợp hóa dầu - Điện hóa học ứng dụng - Thiết bị đo lường trong phân tích.... Để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** vận dụng kiến thức về hóa học một cách có hiệu quả trong đào tạo, nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm công nghiệp như hóa chất, thủy tinh, kim loại, thực phẩm, dược phẩm hoặc nghiên cứu áp dụng công nghệ hóa học, hóa sinh trong lĩnh vực nông nghiệp để tiến tới công nghệ sản xuất sạch, bảo vệ và hoàn thiện môi trường...

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Hóa học có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Hóa học, Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên, Viện Hóa kỹ thuật, Viện Hóa học công nghiệp, Viện Công nghệ hóa học, Viện Công nghệ xạ hiếm; TT Công nghệ hóa dược và hóa sinh hữu cơ, TT Thông tin khoa học kỹ thuật hóa chất...

+ T.Cty Hóa chất VN, T.Cty Cao su VN, T.Cty Giấy VN, T.Cty Dầu khí VN, TĐ Điện lực VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN... và các Cty, đơn vị thành viên: các Cty Hóa chất, Cty Vật tư và Xuất nhập khẩu hóa chất, Xí nghiệp Hóa phẩm dầu khí...

+ Các phòng chức năng: Quản lý khoa học, Quản lý công nghệ, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn... trực thuộc các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Hóa học. Dạy môn Hóa học tại các trường Trung học phổ thông.

Ngành Sinh học

Sinh viên học ngành Sinh học ngoài việc được trang bị các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Đại số - Vật lý - Hóa học - Sinh học - Con người và môi trường - Tiếng Việt thực hành ..., và một số môn tự chọn: Nhập môn Logic học - Cơ sở văn hóa VN - Kinh tế học - Tâm lý học..., thì còn được cung cấp **kiến thức cơ bản** về ngành Sinh học: Phân loại thực vật bậc thấp/ bậc cao - Hình thái giải phẫu thực vật - Động vật học không xương sống/ có xương sống - Sinh hóa - Tài nguyên thực vật - Sự phát triển ở thực vật - Sinh thái học - Khoa học về môi trường - Vi sinh - Tài nguyên động vật - Lý sinh đại cương - Di truyền học - Nhập môn công nghệ sinh học - Ứng dụng tin học trong sinh học...

Bên cạnh các kiến thức trên, Cử nhân ngành Sinh học còn được đào tạo theo hướng lựa chọn với khối kiến thức chuyên môn riêng (chọn 1 trong 4 hướng):

+ Hướng Sinh học động vật

Sinh viên chọn hướng Sinh học động vật sẽ được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Nội tiết ứng dụng - Nuôi cá nước ngọt - Sinh học phóng xạ - Sinh lý dinh dưỡng ... cùng hàng loạt các môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức cho hướng ngành**: Sinh học sinh sản - Hướng sinh học động vật - Sinh thái học động vật - Thủy sinh học - Phiêu sinh học và động vật đáy - Hóa học các hợp chất tự nhiên - Bảo quản lương thực thực phẩm - Kiểm nghiệm lương thực thực phẩm - Kỹ thuật nuôi tế bào động vật và ứng dụng...

+ Hướng Sinh học thực vật

Khi theo hướng Sinh học thực vật sinh viên được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Chọn giống cây trồng - Hình thái học thực vật - Sự tăng trưởng ở thực vật cấp cao - Những vấn đề sinh học hiện đại... đồng thời sẽ được cung cấp **kiến thức bổ trợ hướng ngành** ở mức độ tương đối rộng: Quang hợp ở thực vật bậc cao - Sinh học phân tử và tế bào thực vật - Sự hóa củ - Sự phát triển chồi và rễ ở thực vật - Sự phát triển hoa và trái ở thực vật - Bài giảng về sinh học thực vật - Hướng sinh học thực vật...

+ Hướng Tài nguyên môi trường

Theo học hướng Tài nguyên môi trường sinh viên sẽ được đào tạo các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Sinh thái học thực vật - Tài nguyên thực vật - Thủy sinh học đại cương - Hình thái học thực vật - Tài nguyên môi trường - Những vấn đề sinh học hiện đại... ngoài ra, sinh viên còn được lựa chọn rất nhiều những môn học **bổ trợ kiến thức cho hướng ngành**: Sinh thái học động vật - Côn trùng học ứng dụng - Hệ thống học động vật - Ngur loại học - Điều học - Phân loại và tập tính thú - Phiêu sinh học và động vật đáy - Phả hệ sinh và Cladistics - Tiến hóa ở hiển hoa bí tử - Tài nguyên và sinh thái rong - Thổ nhưỡng - Quản trị môi trường - Hệ sinh thái vườn - Xử lý nước thải...

+ Hướng Vi sinh hóa

Bên cạnh việc trang bị cho sinh viên chọn hướng Vi sinh hóa những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Vi sinh sinh hóa - Công nghệ lên men - Công nghệ di truyền - Kỹ thuật vi sinh ...

thi hướng ngành này còn dành riêng cho sinh viên được học các **kiến thức bổ trợ**: Hóa học các hợp chất tự nhiên - Bảo quản lương thực thực phẩm - Sinh học phân tử trong y được học - Kỹ thuật nuôi tế bào động vật và ứng dụng - Nuôi cấy mô thực vật - Vi sinh học môi trường - Cấu trúc màng tế bào - Vi sinh học nông nghiệp...

Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện **kỹ năng thực hành** thông qua việc thực tập ở rất nhiều lĩnh vực liên quan như về: Thực vật - Sinh lý người và động vật - Vi sinh - Lý sinh - Di truyền - Giải phẫu... để khi ra trường, Kỹ sư ngành Sinh học **có khả năng** nghiên cứu, tiếp cận và giải quyết các vấn đề đa dạng của thực tiễn liên quan đến sinh học và khả năng nghiên cứu độc lập...

Ngành Công nghệ sinh học

Cử nhân ngành Công nghệ sinh học (CNSH) được cung cấp những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý (Cơ, Nhiệt, Điện, Quang) - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Hóa vô cơ - Hóa cấu tạo... và các **kiến thức cơ bản về Sinh học**: Tế bào sinh học - Sinh học phân tử - Tiến hóa và đa dạng sinh học - Di truyền học - Sinh học vi sinh vật - Tin sinh học - Lý sinh học.... Trên cơ sở các kiến thức đã được trang bị ngành sẽ tạo điều kiện cho sinh viên được lựa chọn theo chuyên ngành, để từ đó cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cho phù hợp:

+ **Chuyên ngành CNSH phân tử**: Sinh lý học thực vật - Sinh lý học người và thực vật - Sinh học phân tử (SHPT) vi sinh vật - SHPT thực vật - SHPT động vật - Công nghệ tế bào (CNTB) thực vật - CNTB động vật - Công nghệ protein, Enzyme - Sự thể hiện gen - CNSH thủy sản - Tương tác thực vật, vi sinh vật...

+ **Chuyên ngành CNSH Y-Sinh học**: Sinh lý học người - CNSH sinh sản - SHPT trong y học - SHPT tế bào gốc - Miễn dịch, Sinh lý bệnh - Sinh lý hệ thần kinh - Hóa sinh được lý phân tử - Lây nhiễm bệnh phân tử - Nội tiết học - Dược liệu học - Ung thư học - Vi sinh y học - Phương pháp kiểm nghiệm vi sinh...

+ **Chuyên ngành CNSH công nghiệp**: Các phương pháp của quá trình trao đổi chất - Vi sinh công nghiệp và chế biến thực phẩm - Công nghệ vi sinh công nghiệp - Công nghệ protein, Enzyme - Hóa học chất tự nhiên, protein - Sinh tổng hợp - Sinh học phân tử vi sinh vật - Phương pháp kiểm nghiệm vi sinh...

+ **Chuyên ngành CNSH môi trường**: CNSH môi trường (MT) - Kỹ thuật MT - Hóa học MT - Vi sinh MT - Sinh thái MT - Quản lý MT - Chính sách MT - Đánh giá tác động MT - Vi sinh nông nghiệp...

+ **Chuyên ngành Sinh tin học**: Tin học đại cương - Kiến trúc máy tính - Phương pháp lập trình - Lập trình cho sinh học - Cơ sở dữ liệu trong sinh học - Xây dựng thư viện genome - Hóa học hữu cơ lập thể...

Ngoài ra, học ngành này sinh viên còn được rèn luyện **kỹ năng thực hành** linh hoạt về nghiên cứu ứng dụng sinh học... để khi ra trường Cử nhân ngành Sinh học sẽ **có khả năng** vận hành sản xuất, chọn lọc và phát triển công nghệ sinh học theo quy mô công nghiệp phù hợp với điều kiện VN, đặc biệt là khả năng tiếp thu các quy trình công nghệ sinh học hiện đại của nước ngoài...

Sau khi tốt nghiệp ngành Sinh học, Công nghệ Sinh học sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Nghiên cứu Y Dược, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Nghiên cứu Dấu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Chăn nuôi QG...

+ Các TT: TT Công nghệ sinh học thực vật, TT Môi trường sinh học nông nghiệp, TT Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao, TT Phân tích ADN và Công nghệ di truyền...

+ Các Cục: Cục Bảo vệ môi trường, Cục Khuyến nông khuyến lâm, Cục Bảo vệ thực vật...

+ T.Cty Da - Giấy VN, T.Cty Thuốc lá VN, T.Cty Lâm nghiệp VN, T.Cty Giấy VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Mía đường Lam Sơn, Cty Dầu thực vật hương liệu mỹ phẩm VN, các Cty Chế biến, Bảo quản

thực phẩm, Cty Giống cây trồng Trung ương...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Nông lâm nghiệp, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn... tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thủy sản... ở khắp các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Sinh học, Công nghệ Sinh học.

Ngành Địa chất

+ Chuyên ngành Địa chất dầu khí

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Địa chất dầu khí nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên như: Đại số tuyến tính và Hình học giải tích - Nhập môn Logic học - Vật lý - Hóa học... cùng với khối **kiến thức cơ bản** về ngành Địa chất: Địa chất đại cương - Tinh thể học - Cổ sinh phân loại - Địa mạo đại cương - Địa vật lý - Khoáng vật tạo đá - Địa chất công trình - Địa chất thủy văn đại cương - Địa chất môi trường - Thạch luận cơ sở - Kiến tạo cơ sở - Địa chất VN - Khoáng sản đại cương - Địa sử - Đo vẽ bản đồ... đồng thời còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Địa hóa dầu khí - Phương pháp thăm dò dầu khí - Địa chất khai thác dầu khí - Môi trường trầm tích - Địa chất dầu khí khu vực... Ngoài ra sinh viên còn được rèn luyện kỹ năng thực hành về địa chất dầu khí... để sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trong công tác khai thác, thăm dò dầu khí tại các Cty, đơn vị có hoạt động liên quan chuyên ngành...

+ Chuyên ngành Địa chất công trình - thủy văn

Chuyên ngành Địa chất công trình - thủy văn không chỉ cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản cùng những **kiến thức cơ bản** về ngành Địa chất cũng giống như chuyên ngành Địa chất dầu khí, mà sinh viên chuyên ngành này còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phương pháp điều tra địa chất công trình - Phương pháp điều tra địa chất thủy văn - Địa chất công trình động lực - Động lực học nước dưới đất - Thủy địa hóa ... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tại các Cty khảo sát thiết kế phục vụ cho xây dựng các loại công trình, Cty khai thác nước ngầm và các đơn vị có hoạt động liên quan đến chuyên ngành Địa chất công trình - thủy văn...

+ Chuyên ngành Địa chất môi trường

Cử nhân chuyên ngành Địa chất môi trường được trang bị ngoài khối **kiến thức chung** về Khoa học Tự nhiên, **kiến thức cơ bản** của ngành Địa chất giống với chuyên ngành Địa chất dầu khí, thì còn được học các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Địa chất môi trường: Địa mạo động lực - Viễn thám ứng dụng và GIS - Địa chất môi trường khu vực - Tai biến môi trường địa chất - Tài nguyên, môi trường đất - Môi trường khí hậu - Sinh thái, môi trường, đa dạng sinh học - Cơ sở hóa môi trường - Cơ sở công nghệ môi trường - Khai khoáng, khai thác nước ngầm và những

vấn đề môi trường - Đánh giá tác động môi trường... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** công tác, nghiên cứu trong các lĩnh vực liên quan đến Địa chất môi trường...

+ Chuyên ngành Điều tra khoáng sản nội - ngoại sinh

Khi học ngành Điều tra khoáng sản nội - ngoại sinh, sinh viên không những được học các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, mà bước đầu cũng được đi vào **kiến thức cơ bản** về ngành Địa chất cũng giống như chuyên ngành Địa chất dầu khí, đồng thời còn được đào tạo để có những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phương pháp tìm kiếm và dự báo khoáng sản - Núi lửa học và khoáng sản liên quan - Các loại hình khoáng sản - Sinh khoáng - Khoáng sản ven biển - Các phương pháp địa hóa tìm kiếm khoáng sản - Các thành tạo trầm tích Nam bộ.... Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** ứng dụng các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực điều tra khoáng sản nội - ngoại sinh để giải quyết các vấn đề có liên quan đến nghề nghiệp một cách sáng tạo, có phương pháp tư duy lô gíc...

Sau khi tốt nghiệp ngành Địa chất sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Địa chất, Viện Nghiên cứu Địa chất và Khoáng sản, Viện Địa chất và Địa vật lý biển; TT Thông tin lưu trữ địa chất, TT Phân tích thí nghiệm địa chất...

+ T.Cty Hóa chất VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Khoáng sản VN, T.Cty Dầu khí VN, các T.Cty Xây dựng... và hàng trăm Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Tư vấn xây dựng, Cty Kiểm định xây dựng, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Trắc địa bản đồ, Cty Vật tư mỏ địa chất...

+ Các phòng chức năng: Quản lý đo đạc bản đồ, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... trực thuộc 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Địa chất.

Ngành Khoa học Môi trường

Ngành Khoa học môi trường trang bị cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản như: Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Sinh học - Tin học - Hóa hữu cơ - Hóa nước - Môi trường học... cùng **kiến thức cơ bản** về nhóm ngành: Khoa học trái đất - Địa lý cảnh quan - Sinh thái học - Cơ học lưu chất cho môi trường (MT) - Phương pháp xử lý số - Hóa học MT - Hóa sinh học MT - Địa chất MT - Vật lý MT - Địa hóa MT - Quản lý môi trường (QLMT) - Luật và chính sách MT..., đồng thời ngành còn tạo điều kiện cho sinh viên được tự chọn một số môn học để đặt nền móng cho việc nghiên cứu chuyên ngành sau này: Viễn thám và xử lý ảnh - Mô hình hóa các quá trình ô nhiễm - Cấu trúc dữ liệu & thuật toán - Cơ sở hóa học phân tích MT - Cơ sở đồ họa & xử lý ảnh.... Trên nền khối kiến thức cơ sở đã được học sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** riêng như:

+ Chuyên ngành Khoa học Môi trường:

Ngoài khối kiến thức vừa nêu thì chuyên ngành Khoa học Môi trường còn cung cấp cho sinh viên **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Giáo dục MT - Tài biến MT thiên nhiên - Đánh giá tác động MT... đặc biệt chuyên ngành này có các hướng lựa chọn riêng vì thế cũng sẽ tùy theo hướng chuyên ngành mà sinh viên được trang bị những **kiến thức bổ trợ** cho phù hợp:

- **Hướng Địa chất môi trường:** Địa chất MT khu vực - MT khai thác khoáng sản - Tài biến MT địa chất - MT khai thác dầu khí - MT khai thác nước ngầm - MT các hồ chứa nước - Quy hoạch sử dụng lãnh thổ...

• **Hướng Sinh học môi trường:** Sinh thái động vật hoang dã - Sinh thái thực vật nhiệt đới - Sinh thái đô thị - Hệ sinh thái và MT nông thôn - Thủy sinh học - Vi sinh học MT - Sức khỏe và MT - Bảo tồn thiên nhiên...

• **Hướng Vật lý môi trường:** Địa vật lý MT - Vật lý biển MT - Thủy học MT - Liều lượng và an toàn phóng xạ - Thủy động lực học sông và cửa sông - Phân tích các nguyên tố độc hại trong MT bằng phương pháp quang phổ - Thủy động lực học biển - Phân tích các nguyên tố độc hại trong MT bằng phương pháp hạt nhân...

• **Hướng Hóa học môi trường:** Hồ học - Các phương pháp xử lý ô nhiễm - Vật liệu học MT - Độc chất học sinh thái - Phân tích & kiểm soát MT - Phân tích & kiểm soát thực phẩm...

Tốt nghiệp chuyên ngành Khoa học môi trường sinh viên sẽ **có khả năng** phân tích đánh giá hiện trạng môi trường và các vùng lãnh thổ, kỹ năng đo đạc và phân tích các thông số môi trường...

+ Chuyên ngành Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường:

Sinh viên chuyên ngành Tài nguyên thiên nhiên và Môi trường cũng được trang bị các **kiến thức chung** dành cho khối A, B, các môn học lựa chọn cũng như bắt buộc thuộc khối **kiến thức cơ bản về ngành** giống như chuyên ngành Khoa học môi trường.... Bên cạnh đó sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành:** Tài nguyên đất và MT - Tài nguyên biển và MT - Tài nguyên khí hậu và MT.... Ngoài ra, sinh viên chuyên ngành này còn được lựa chọn các môn học để **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành:** Tài nguyên rừng nhiệt đới và MT - Tài nguyên rừng ngập mặn và MT.... Sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** phục vụ công tác điều tra, nghiên cứu, giảng dạy và điều hành trong các lĩnh vực tài nguyên và sinh thái môi trường, quản lý và kiểm soát ô nhiễm môi trường, đánh giá tác động môi trường...

+ Chuyên ngành Quản lý môi trường:

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Quản lý môi trường không chỉ có **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** về ngành tương tự như chuyên ngành Khoa học môi trường mà còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành:** Đánh giá tác động MT - Đánh giá rủi ro MT - QLMT chất thải - Các hệ cơ sở dữ liệu MT - Hệ trợ giúp quyết định MT.... Ngoài những môn học trên sinh viên cũng sẽ được học thêm các môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành:** Quy hoạch MT - Mô hình hóa trong QLMT - QLMT công nghiệp - QLMT ... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** quản lý, kiểm soát ô nhiễm và đánh giá tác động môi trường, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững...

+ Chuyên ngành Tin học môi trường:

Nội dung chương trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, Sinh, các **kiến thức cơ bản** về ngành giống như chuyên ngành Khoa học môi trường... đồng thời sinh viên chuyên ngành này sẽ được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Mô hình hóa MT - Đánh giá tác động và dự báo MT - Phương pháp xấp xỉ trong MT - Các hệ cơ sở dữ liệu MT - Các hệ cơ sở tri thức - Hệ thống thông tin MT.... Ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn một số môn học **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành:** Mô phỏng và ứng dụng trong MT - Các phần mềm xử lý bản đồ... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** làm việc độc lập trong các cơ quan nghiên cứu, các nhà máy xí nghiệp có hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Khoa học môi trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Khoa học và Công nghệ môi trường; Viện Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Y học và Vệ sinh môi trường, Viện Khí tượng thủy văn; TT Nghiên cứu môi trường, TT Nghiên cứu tài nguyên và môi trường...

+ Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ môi trường VN, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Môi trường VN xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển, Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ tài nguyên và môi trường...

+ Các phòng chức năng: Môi trường, Quản lý môi trường, Quản lý dự án cải thiện môi trường, Quản lý chất thải rắn, Quản lý khoa học... tại các Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Sở Tài nguyên và Môi trường... thuộc các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Khoa học môi trường.

Ngành Khoa học vật liệu (Lý)

Cử nhân ngành Khoa học vật liệu được cung cấp những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên như: Giải tích số - Xác suất thống kê - Vật lý (Quang, Lý thuyết) - Hóa học - Điện tử cơ bản ... cùng với một số môn lựa chọn: Kinh tế học - Cơ sở văn hóa VN - Nhập môn Logic - Tâm lý học... bên cạnh đó, sinh viên sẽ đi vào nghiên cứu các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Khoa học vật liệu: Cơ sở vật lý chất rắn - Đại cương khoa học vật liệu - Vật lý tinh thể - Vật lý màng mỏng - Vật lý bán dẫn - Vật liệu polyme & composit... và được tự chọn một số môn như: Sử dụng máy tính trong đo lường - Các phương pháp nghiên cứu màng mỏng - Vật liệu từ và siêu dẫn ... đồng thời ngành còn trang bị cho sinh viên khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Vật liệu ceramic - Cảm biến và đo lường - Các phương pháp chế tạo màng mỏng... ngoài ra sinh viên cũng sẽ được lựa chọn rất nhiều môn học **bổ trợ kiến thức cho ngành** như: Vật lý kim loại và hợp kim - Kiểm tra không hủy thể bằng kỹ thuật siêu âm - Quang điện tử bán dẫn - Nhập môn về công nghệ nano - Tinh thể sinh thành và kỹ thuật tạo tinh thể... để khi ra trường sinh viên ngành Khoa học vật liệu (Lý) **có khả năng** thực nghiệm về cấu trúc của vật liệu; các phương pháp chế tạo vật liệu; các phương pháp đo đạc và nghiên cứu vật liệu; các tính chất cơ bản của các loại vật liệu và các ứng dụng của chúng...

Ngành Khoa học vật liệu (Hóa)

Sinh viên học ngành Khoa học vật liệu (Hóa) được trang bị các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên: Xác suất thống kê - Tin học - Vật lý (Quang) - Hóa học - Phương pháp tư duy sáng tạo... cùng một số môn học mà sinh viên được lựa chọn: Kinh tế học - Cơ sở văn hóa VN - Con người và môi trường - Tin học tính toán - Nhập môn Logic - Tâm lý học... bước đầu đi vào chuyên ngành với hàng loạt các **kiến thức cơ bản**: Động hóa học + điện hóa học - Cơ sở hóa cao phân tử - Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ - Cơ sở hóa học phân tích - Hóa lượng tử - Hóa học chất rắn - Tổng hợp polyme - Tối ưu hóa thống kê - Ăn mòn và bảo vệ kim loại - Dung dịch polyme... sau đó sinh viên sẽ được đào tạo về **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Vật liệu Ceramic - Kỹ thuật gia công vật liệu polyme - Biến tính polyme - Seminar lý thuyết.... Ngoài ra sinh viên cũng được học một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành**: Nhập môn về công nghệ nano - Phương pháp tính ứng dụng trong hóa học - Quang phổ Raman - Vật liệu từ và siêu dẫn - Vật lý kim loại và hợp kim - Phương pháp chế tạo màng mỏng ... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành này **có được khả năng** tiếp cận và giải quyết được những vấn đề có liên quan đến Khoa học vật liệu trong cuộc sống.

Sau khi tốt nghiệp ngành Khoa học vật liệu có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Vật liệu xây dựng, Viện Đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu ứng dụng; TT Công nghệ vật liệu, các TT Tư vấn thiết kế và Xây dựng....

+ Các Vụ: Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Các T.Cty Vật liệu xây dựng, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Thủy tinh và Gốm xây dựng, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Thép VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Vật liệu xây dựng, Cty Xây lắp và Vật liệu xây dựng, Cty Vật liệu và Công nghệ, Cty Ống thép VN, các Cty Thép, Cty Kỹ thuật xây dựng và Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Khoa học vật liệu.

Ngành Công nghệ thông tin

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin được trang bị các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên: Giải tích - Toán học rời rạc - Xác suất thống kê - Vật lý (nhiệt, điện, quang, cơ học) - Hóa học... đồng thời bước đầu đi vào những **kiến thức cơ bản** về Công nghệ thông tin ở mức độ tương đối rộng: Kiến trúc máy tính - Mạng máy tính - Hệ điều hành - Cơ sở dữ liệu - Phương pháp lập trình hướng đối tượng - Đồ họa máy tính - Công nghệ phần mềm - Quản lý dự án phần mềm Trên cơ sở đó ngành sẽ cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành** tùy theo sự lựa chọn của sinh viên:

+ **Chuyên ngành Hệ thống thông tin:** Thiết kế cơ sở dữ liệu - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Phân tích thiết kế hệ thống thông tin - Nhập môn Kế toán tài chính - Nhập môn Quản trị doanh nghiệp...

+ **Chuyên ngành Công nghệ tri thức:** Các hệ cơ sở tri thức - Xử lý ảnh - Nhận dạng - Đặc tả hình thức...

+ **Chuyên ngành Công nghệ phần mềm:** Xây dựng phần mềm hướng đối tượng - Công cụ và môi trường phát triển phần mềm - Công nghệ phần mềm nâng cao...

+ **Chuyên ngành Mạng máy tính và Viễn thông:** Mạng máy tính nâng cao - Cơ sở tin học viễn thông - Kỹ thuật dữ liệu - Lập trình hệ thống mạng - Lập trình ứng dụng mạng...

Ngoài ra, sinh viên cũng được lựa chọn rất nhiều môn học để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Lập trình Logic - Nhập môn máy học - Lập trình C trên Windows - Khai thác dữ liệu và ứng dụng - Xử lý tín hiệu số - Xử lý ngôn ngữ tự nhiên - Hệ điều hành mạng Unix.... Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Công nghệ thông tin **có khả năng** phân tích, thiết kế và phát triển các ứng dụng trên nhiều môi trường khác nhau, thiết kế và quản trị các hệ cơ sở dữ liệu, có khả năng làm việc theo nhóm và tham gia quản lý các dự án tin học...

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin sau khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ viễn thông, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ, TT Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, TT Giao dịch công nghệ, TT Thông tin trực thuộc các Bộ...

+ Các Cục, Vụ: Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin, Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Quản lý Chất lượng Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Viễn thông, Vụ Khoa học công nghệ...

+ TĐ Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Điện tử và Tin học VN, T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN, T.Cty Hàng không VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

+ Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ Thông tin.

Ngành Điện tử viễn thông

Ngành Điện tử viễn thông cung cấp cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** về Toán, Lý: Đại số tuyến tính - Các phương pháp toán lý - Các phương pháp toán học hiện đại trong vật lý - Vật lý hiện đại - Vật lý (nhiệt, điện, quang, cơ học)... mà còn có **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kỹ thuật số - Kỹ thuật điện - Cấu trúc dữ liệu - Cấu kiện điện tử - Kỹ thuật mạch điện tử - Dụng cụ linh kiện điện tử... cùng với các **kiến thức chuyên sâu của ngành Điện tử viễn thông**: Mạch điện tử - Lập trình C++ - Công nghệ mạch in (CNMI) - Thiết kế vi mạch và logic khả trình - Điện tử nano - Hệ điều hành - Giao tiếp máy tính - Thu nhận dữ liệu - Công nghệ mạng - Mạng không dây Anten và truyền sóng - Truyền thông di động - Truyền thông dữ liệu Ngoài ra, tùy theo chuyên ngành mà sinh viên còn được học sâu hơn với các môn học riêng như:

+ **Chuyên ngành Vi điện tử và Điện tử nano**: Vi điện tử (Chế tạo các vi mạch tích hợp - Máy tính - Điện thoại di động - Máy phân tích chẩn đoán y tế...); Điện tử nano (Công nghệ nano)...

+ **Chuyên ngành Máy tính và mạng**: Kiến trúc vi xử lý - Cấu trúc máy tính - Phần mềm hệ thống - Giao tiếp ngoại vi; Kiến trúc mạng - Công nghệ mạng - Lập trình mạng.

+ **Chuyên ngành Viễn thông** chuyên về truyền thông dữ liệu (Internet - Truyền thông tốc độ cao - Mạng không dây...) và truyền thông di động (Hệ thống điện thoại di động - Truyền thông đa truy nhập).

Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Điện tử viễn thông **có khả năng** vận hành, bảo trì, sửa chữa, cải tiến, nâng cấp các hệ thống, thiết bị điện tử viễn thông; tìm hiểu, nghiên cứu, phát triển về công nghệ điện tử viễn thông đồng thời có thể tham gia đào tạo cán bộ về công nghệ điện tử viễn thông...

Sau khi tốt nghiệp ngành Điện tử viễn thông sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Điện tử - Kỹ thuật quân sự; các TT Viễn thông ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam...

+ Các Cục, Vụ: Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin, Cục Bưu điện Trung ương, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

+ Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Công nghiệp điện tử - Công nghệ thông tin... tại các Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ TB Bưu chính viễn thông VN, T.Cty viễn thông quân đội... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Viễn thông quốc tế, Cty viễn thông liên tỉnh, Cty Dịch vụ viễn thông, Cty Điện toán và Truyền số liệu, ...

+ Phòng Kỹ thuật tại các Đài phát thanh, Đài truyền hình, các đơn vị trực thuộc T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN như: Đài truyền hình VN, Truyền hình kỹ thuật số VTC...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Điện tử Viễn thông.

Ngành Khoa học máy tính

Cũng giống như chương trình đào tạo ngành Khoa học máy tính của Trường ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM).... Sinh viên khi theo học ngành này của Trường ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM) cũng được trang bị các **kiến thức chung** về khối KH cơ bản, cùng với **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời còn được ngành cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, để khi ra trường sinh viên **có khả năng** đáp ứng các yêu cầu về nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của xã hội, có năng lực tham mưu, tư vấn và có khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ với tư cách của một chuyên viên trong lĩnh vực CNTT...

Ngành Kỹ thuật phần mềm

Khi học chuyên ngành Kỹ thuật phần mềm sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên và các **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời sinh viên còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như chương trình đào tạo ngành cùng tên của Trường ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM)... để sau khi học xong Cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm **có khả năng** phân tích, thiết kế và quản lý các dự án phần mềm, tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi quyền hạn của một chuyên viên trong lĩnh vực kỹ thuật phần mềm, đồng thời có khả năng xây dựng mô hình và áp dụng các nguyên tắc của công nghệ phần mềm vào thực tế...

Ngành Hệ thống thông tin

Cũng tương tự như sinh viên ngành Hệ thống thông tin của Trường ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM) sinh viên khi học ngành này của Trường ĐH KHTN ngoài việc được cung cấp những **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, **kiến thức cơ bản** về ngành, thì còn được đi vào nghiên cứu các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Hệ thống thông tin sẽ **có khả năng** tham gia các nhóm phát triển các hệ thống thông tin tự động hóa...

Ngành Hải dương học và Khí tượng thủy văn

Đào tạo cử nhân ngành Hải dương học (HDH) và Khí tượng thủy văn không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Giải tích - Đại số - Vật lý - Hóa học..., mà còn trang bị để sinh viên có **kiến thức cơ bản** về ngành: Cơ chất lỏng - HDH - Thủy văn học - Địa chất biển - Sóng biển - Thủy triều.... Trên cơ sở đó, nhà trường sẽ cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tùy theo sự lựa chọn của sinh viên:

+ **Chuyên ngành Hải dương học vật lý:** Các mô hình (CMH) tính sóng ven bờ - CMH tính dòng ven bờ - CMH chuyển vận trầm tích trong vùng cửa sông - CMH tính triều - Tượng tác sóng, biển...

+ **Chuyên ngành Hải dương học Toán - Cơ - Tin:** Các công cụ mô hình hóa cho các nhà khoa học và Kỹ sư về môi trường biển - Mô hình số của động lực học hải dương - Phương pháp số cho các phương trình sóng trong động lực học chất lỏng địa vật lý - Rối trong đại dương...

+ **Chuyên ngành Hải dương học Hóa - Sinh:** Hóa học biển - Các chuyển đề trong hóa học biển - HDH sinh học - Mô hình hóa trong hóa học môi trường...

+ **Chuyên ngành Hải dương học kỹ thuật kinh tế:** HDH nghề cá - Kinh tế biển - Nghiên cứu thực hành sinh học biển - HDH thực hành...

Ra trường, Cử nhân ngành Hải dương học và Khí tượng thủy văn **có khả năng** điều tra nghiên cứu biển phục vụ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Hải dương học và Khí tượng thủy văn có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Khí tượng Thủy văn, Viện Hải dương học, Viện Địa chất, TT Dự báo khí tượng thủy văn QG...

+ Tổng cục Khí tượng thủy văn, Tổng cục Khoa học kỹ thuật và Công nghệ thuộc Bộ Công an.

+ Các phòng chức năng: Quản lý môi trường, Quản lý tài nguyên nước, Quản lý đo đạc bản đồ... tại các Sở Tài nguyên môi trường... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Các T.Cty, Cty thuộc lĩnh vực hàng không, hàng hải, đường thủy như: T.Cty Hàng không VN, T.Cty Hàng hải VN, Cty vận tải Biển Đông...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Hải dương học & Khí tượng thủy văn.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	2.140	24.632	1/11.5
2000	2.000	24.231	1/12.1
2001	2.100	29.603	1/14.0
2002	2.200	19.991	1/9.1
2003	2.300	13.486	1/5.8
2004	2.300	13.522	1/5.8
2005	2.400	10.238	1/4.2
2006	2.520	18.963	1/7.5

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Toán - Tin	17	14.5	19	17	15	16	16.5	17.5	17.5	22	17.5	24.5	16	-
Vật lý	14	13	16.5	15	13.5	14.5	14	15	15	20.5	16	22	15	17
CN thông tin	17.5	17.5	23.5	21	19	20	20	21	21	-	22	-	22	-
Hóa học	14.5	14	18.5	17	17	18	18.5	19.5	19.5	-	19	-	18.5	-
Địa chất	12	12	14	14	11	12	12	13	14	18	16	18	15	16
Sinh học	12	12	11	15	17	21	17	18	19	23	17	22	16	18
CN Sinh học A	12	17.5	20.5	18.5	18	19	20.5	21.5	21	-	20	-	22	-
CN Sinh học B	12	17.5	18.5	22.5	23	24	20	21	24.5	-	24	-	22.5	-
Môi trường A	-	-	20	17	13.5	14.5	16.5	17.5	18	-	18	-	17.5	-
Môi trường B	-	-	20	19	23	24	19	20	22.5	-	18	-	20.5	-
KH Vật liệu	-	-	-	-	11	12	13	14	16	-	16	21.5	16	18
ĐT viễn thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19	-	22	-
Hải dương học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.5	18.5	15	16
KH máy tính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22	-
KT phần mềm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22	-
HT thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH KHTN tuyển sinh trong toàn quốc và cũng tuyển sinh hai khối A, B giống như Trường ĐH KHTN (ĐHQG Hà Nội).

- Trường ĐH KHTN xét điểm trúng tuyển theo các ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Riêng Hệ Cao đẳng không thi tuyển vào mà lấy thí sinh đạt điểm kế cận điểm xét tuyển đại học nếu thí sinh có nguyện vọng. Hệ Cao đẳng có đào tạo các ngành: Tin học, Điện tử, Toán - Tin học ứng dụng.
- Từ năm 2005 trường bắt đầu mở thêm chương trình Cử nhân tài năng với 90 chỉ tiêu. Nếu muốn được vào học hệ Cử nhân tài năng bạn buộc phải qua một cuộc sơ tuyển của trường.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường tăng dần lên theo từng năm và thường cao gấp đôi so với chỉ tiêu của Trường ĐH KHTN ở phía Bắc. (Xem bảng 1).
- Tỷ lệ "chọi" của trường từ khi Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh "3 Chung" giảm so với những năm trước. Năm 2006 trường mở thêm một số ngành học mới nên đã thu hút được thí sinh ĐKDT vào trường, do đó số lượng ĐKDT năm 2006 tăng cao (hơn năm 2005 đến 8.725 hồ sơ ĐKDT), cũng vì thế mà tỷ lệ "chọi" đã tăng so với các năm 2003, 2004 và 2005. (Xem bảng 1). Nhưng nhìn chung, so với các trường khác thì tỷ lệ "chọi" của trường không cao.
- Tuy nhiên, điểm trúng tuyển vào trường lại rất cao và cao hơn rất nhiều so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT (Ví dụ: năm 2005 điểm sàn khối A, B: 15 điểm thi điểm chuẩn vào trường cũng hơn điểm sàn từ 1 - 9 điểm; năm 2006 điểm sàn của Bộ GD&ĐT chỉ ở mức 13 điểm với khối A, 14 điểm với khối B thì điểm chuẩn thấp nhất của trường cũng ở mức 15 điểm, còn ngành lấy điểm cao nhất là 22.5 điểm, như vậy cũng hơn điểm sàn trung bình từ 1 - 8.5 điểm). (Xem bảng 2).
- Nhìn vào bảng 2 cũng có thể thấy điểm trúng tuyển của các ngành Công nghệ (khối A) luôn cao hơn những ngành khác. Từ năm 2003 đến nay điểm chuẩn vào các ngành này thường ở mức từ 20 điểm trở lên như các ngành: Công nghệ thông tin, Công nghệ sinh học, trong khi đó một số ngành hầu như năm nào cũng lấy điểm chuẩn thấp hơn: Vật lý, Địa chất, Khoa học vật liệu. (Xem bảng 2)
- So sánh Trường ĐHBK với Trường ĐH KHTN thì ta thường thấy điểm chuẩn của Trường ĐH KHTN có ngành thấp hơn điểm của Trường ĐHBK, nhưng cũng có ngành cao hơn (Ví dụ: ngành Công nghệ sinh học của Trường ĐHBK chỉ lấy có 18 điểm trong khi Trường ĐH KHTN là 22.0 đối với khối A, khối B lấy 22.5 điểm; ngành Vật lý của Trường ĐHBK lấy 16 điểm nhưng Trường ĐH KHTN chỉ lấy 15 điểm...) (xem bảng 2 của các trường này).
- Điểm chuẩn NV2 của các ngành thường cao hơn NV1 và mức chênh lệch có sự thay đổi từng năm: năm 2002, 2003 NV2 cao hơn NV1 ở mức 1 điểm trong khi đó từ năm 2004 đến nay thì mức chênh lệch này lớn hơn và thường dao động từ 2 - 6 điểm. (Xem bảng 2).
- Từ những đặc điểm trên ta thấy chất lượng đầu vào của trường ĐH KHTN khá cao và tương đối ổn định. Vì thế các bạn khi ĐKDT nên lưu ý khi chọn trường hoặc ngành của các trường, nếu bạn có học lực không xuất sắc và giỏi nhưng lại muốn được trở thành sinh viên của Trường ĐH KHTN bạn cần chú ý đến điểm chuẩn giữa các ngành để có sự lựa chọn hợp lý.
- Từ năm 2005 trường mở thêm 2 ngành học mới là: Điện tử viễn thông, Hải dương học và Khí tượng thủy văn. Bắt đầu từ năm 2006 lại mở thêm 3 ngành học mới nữa là: Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin. Việc mở thêm các ngành học mới sẽ mở ra cơ hội mới cho sinh viên muốn trở thành sinh viên của Trường ĐH KHTN đồng thời cũng mở ra cơ hội việc làm mới cho sinh viên sau khi tốt nghiệp...
- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ có xu hướng giảm nhưng không nhiều, vì số lượng thí sinh ĐKDT năm 2006 khá lớn trong khi điểm trúng tuyển vào trường lại cao.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Địa chỉ: 10 - 12 Đinh Tiên Hoàng, P.Bến Nghé - Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: 84.8.8221903 - Fax: 84.8.8221903 - Website: <http://www.hcmussh.edu.vn/>

- Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐH KHXH&NV) được thành lập năm 1996 (trực thuộc Trường ĐHQG Tp.HCM), là một TT đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng đầu trong lĩnh vực Khoa học Xã hội và Nhân văn của cả nước nói chung, của các tỉnh phía Nam nói riêng và đang phấn đấu vươn lên ngang tầm với các trường đại học trong khu vực và thế giới.
- Trường có các cấp đào tạo: Đại học, Sau đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Trường hiện có trên 500 Giảng viên, cán bộ công nhân viên, trong đó có gần 250 Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học, Tiến sĩ, Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Ngữ văn có các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Văn học

Sinh viên chuyên ngành Văn học được cung cấp **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối C như: Cơ sở văn hóa VN - Báo chí truyền thông - Giáo dục học - Tâm lý học - Hán Nôm... cùng với các **kiến thức cơ bản** về Văn học: Tác phẩm văn học - Văn học VN - Văn học Trung Quốc - Văn học Đông Nam Á - Văn học châu Âu ... bên cạnh đó sinh viên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thi pháp ca dao dân gian - Sử thi dân gian các dân tộc ít người ở VN ... Sinh viên cũng sẽ được học các môn học **bổ trợ nghiệp vụ** như: Ngữ âm tiếng Việt - Chữ Nôm ... cùng với một số **kiến thức bổ trợ** cho ngành: Ngôn ngữ báo chí - Văn học Nhật Bản Học xong chuyên ngành này sinh viên **có trình độ** chuyên sâu về lý luận văn học, lịch sử văn học cũng như những lĩnh vực có liên quan đến văn học VN và nước ngoài...

+ Chuyên ngành Hán Nôm

Trên nền những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn như chuyên ngành Văn học, chuyên ngành Hán Nôm còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Âm vận học chữ Hán - Kinh Dịch - Di sản Hán văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh ... cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Ngữ pháp văn ngôn - Văn bản học Hán Nôm ... đồng thời sinh viên còn được học các môn học **bổ trợ nghiệp vụ**: Hán Nôm thực hành - Hướng dẫn sử dụng sách tra cứu Hán Nôm... để khi ra trường Cử nhân chuyên ngành Hán Nôm **có khả năng** giải mã thẩm định được các tác phẩm chữ Hán, chữ Nôm.

+ Chuyên ngành Ngôn ngữ

Chuyên ngành Ngôn ngữ đào tạo cho sinh viên có những **kiến thức chung** của khối C giống như chuyên ngành Văn học, ngoài ra bước đầu sẽ cung cấp các **kiến thức cơ bản** về ngành: Ngữ âm, Ngữ pháp tiếng Việt - Phong cách học tiếng Việt - Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số VN ..., và một số môn học sinh viên được quyền lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức**: Ngôn ngữ học Xã hội - Ngôn

ngữ dân tộc học....Trên cơ sở đó sinh viên sẽ được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Các phương pháp phân tích ngữ pháp - Cách đọc Hán Việt và Từ Hán Việt... song song với việc rèn luyện **kiến thức nghiệp vụ** với các môn như: Ngôn ngữ và Truyền thông - Ngôn ngữ và Thực hành báo chí - Giáo dục ngôn ngữ - Ngôn ngữ học ứng dụng - Ngôn ngữ và Sáng tạo văn học... để khi học xong Cử nhân chuyên ngành Ngôn ngữ **có khả năng** ứng dụng ngôn ngữ học, đặc biệt là kỹ năng nói, viết và soạn thảo văn bản...

Sinh viên học ngành Ngữ văn sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục: Viện Văn học, Viện Ngôn ngữ học, Viện Nghiên cứu ngôn ngữ thổ dân, Viện Nghiên cứu Hán nôm, Viện Văn hóa thông tin...; Cục Bản quyền tác giả Văn học - Nghệ thuật, Cục Xuất bản...

+ Các cơ quan: Thông tấn, Báo chí, Đài phát thanh, Đài truyền hình, Nhà xuất bản ...

+ Các phòng nghiệp vụ: Quản lý văn hóa, Quản lý báo chí và xuất bản, Văn hóa cơ sở... thuộc Sở Văn hóa thông tin trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về Ngữ văn. Dạy môn Văn, Tiếng Việt tại các trường Trung học phổ thông.

Ngành Báo chí

Sinh viên học ngành Báo chí được trang bị ngoài những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Tâm lý học - Logic học - Nhập môn xã hội học - Kinh tế học vi mô - Địa lý kinh tế VN - Địa lý kinh tế thế giới - Nhà nước và chính trị các nước Đông Nam Á - Từ vựng tiếng Việt - Lý luận văn học - Hán Nôm... còn được học những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Lịch sử báo chí VN - Lịch sử báo chí thế giới - Báo chí và các loại hình nghệ thuật - Phương pháp thu thập và xử lý thông tin - Loại hình báo điện tử - Pháp luật về báo chí và xuất bản - Đạo đức nghề nghiệp của nhà báo - Loại hình báo in... cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Viết tin - Phỏng vấn - Lao động phóng viên - Phương pháp biên tập báo chí - Phê bình tác phẩm trên báo chí ... đồng thời sinh viên cũng được cung cấp các **kiến thức nghiệp vụ** như: Trình bày và ấn loát - Quảng cáo và giao tế nhân sự - Nhiếp ảnh - Các thể loại truyền hình - Quay Video Sinh viên khi ra trường sẽ tạo lập **được khả năng** phân tích, bình luận tình hình thời sự trong nước và thế giới, có trình độ nghiệp vụ báo chí, tạo thói quen tư duy lý luận và phương pháp nghiên cứu báo chí học.

Ra trường, sinh viên học ngành Báo chí có thể làm việc tại:

+ Các Cục, Vụ: Cục Báo chí, Vụ Thông tin báo chí...

+ Các cơ quan: Thông tấn, Báo chí, Đài phát thanh, Đài truyền hình từ Trung ương đến địa phương.

+ Các phòng nghiệp vụ: Quản lý nghiệp vụ văn hóa, Quản lý báo chí và xuất bản... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Báo chí.

Ngành Lịch sử

Ngành Lịch sử cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối C như: Dân tộc học - Giáo dục học - Địa lý học - Logic học - Tiến trình văn học VN - Lịch sử văn minh

thế giới... cùng với **kiến thức cơ bản** về ngành Lịch sử: Lịch sử VN cổ, trung, cận, hiện đại - Lịch sử thế giới cổ, trung, cận, hiện đại - Khảo cổ học - Lịch sử ngoại giao VN - Sự hình thành các quốc gia dân tộc ở Đông Nam Á... Bên cạnh đó ngành còn trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tùy theo sự lựa chọn của sinh viên:

+ **Chuyên ngành Lịch sử VN:** Cương vực VN qua các thời kỳ lịch sử - Lịch sử khẩn hoang vùng đất Nam Bộ - Lịch sử báo chí VN - Lịch sử giáo dục VN - Gia phả học - Nhân chủng học - Khối ASEAN...

+ **Chuyên ngành Lịch sử thế giới:** Vai trò Cơ đốc giáo trong lịch sử văn minh châu Âu - Chủ nghĩa đế quốc ở châu Phi - Khối ASEAN - Sự hình thành và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa - Quan hệ quốc tế ở Trung Cận Đông/ Châu Á - Thái Bình Dương - Địa lý du lịch - Luật học...

+ **Chuyên ngành Lịch sử Đảng Cộng sản VN:** Lịch sử Đảng Cộng sản VN (CSVN) - Lịch sử phong trào công nhân VN - Quan hệ của Đảng và Nhà nước VN - Các đảng phái chính trị ở VN trước 1945 - Lịch sử báo chí VN - Đảng CSVN trong quá trình đổi mới - Phương pháp nghiên cứu lịch sử Đảng...

Tốt nghiệp ngành Lịch sử sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, giảng dạy những lĩnh vực có liên quan đến kiến thức lịch sử...

Sau khi tốt nghiệp ngành Lịch sử sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Sử học, Viện Khảo cổ học, Viện Lịch sử quân sự VN, Viện Bảo tồn di tích, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á...

+ Các Bảo tàng trên cả nước như: Bảo tàng Cách mạng, Bảo tàng Dân tộc học, Bảo tàng Lịch sử...

+ Các cơ quan Văn hóa - Thông tin: Ban Tuyên giáo, Báo chí, Đài phát thanh, Đài truyền hình...

+ Làm tại Ban Quản lý di tích trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có chuyên ngành đào tạo là Lịch sử. Dạy môn Lịch sử tại các trường Trung học phổ thông.

Ngành Triết học

Cử nhân ngành Triết học được trang bị những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội như: Nhập môn xã hội học - Tâm lý học - Lịch sử (LS) văn minh phương Đông - LS văn minh phương Tây... đồng thời còn được học những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Toán học cao cấp - Vật lý học - Sinh học - Phương pháp xã hội học - Triết học nhập môn... để từ đó ngành sẽ cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lịch sử triết học (LSTH) phương Đông cổ đại - LSTH phương Tây cổ đại - LSTH phương Đông thời phong kiến - LSTH phương Tây thời trung cận đại - LSTH cổ điển Đức - LSTH Mác, Lênin - Đạo đức học - Tôn giáo học - Phương pháp nghiên cứu khoa học.... Ngoài ra sinh viên cũng sẽ được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Khảo cổ học - Văn hóa học - LS nghệ thuật - LS kiến trúc - LS hội họa - LS toán học - LS vật lý học - LS hóa học - LS sinh học... để khi ra trường sinh viên **có kỹ năng** nghiên cứu khoa học, am hiểu các học thuyết triết học và vai trò của nó đối với đời sống xã hội, **có khả năng** vận dụng linh hoạt phương pháp biện chứng giải quyết những vấn đề phát sinh trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, khả năng đi sâu nghiên cứu một số lĩnh vực trong đời sống tinh thần của xã hội...

Sau khi tốt nghiệp ngành Triết học sinh viên có thể làm việc tại:

+ Viện Triết học...

+ Làm công tác tuyên huấn, tuyên giáo, giúp các cấp chính quyền hoạch định, thực thi chủ trương, chính sách trong hoạt động văn hóa, tư tưởng: các tổ chức đoàn thể xã hội như Mặt trận Tổ quốc VN, Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Hội Sinh viên VN...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Triết học.

Ngành Địa lý

Ngoài những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối C: Dân tộc học - Giáo dục học - Xã hội học - Lịch sử văn minh thế giới - Địa lý kinh tế VN - Tâm lý học ... các **kiến thức cơ bản** về Địa lý: Bản đồ chuyên đề - Địa lý tự nhiên các Châu - Địa lý công nghiệp/ nông nghiệp - Hệ thống thông tin địa lý - Bản đồ học - Cơ sở sinh thái học - Địa lý đô thị/ thực vật/ kinh tế - Khí hậu - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... thì sinh viên ngành Địa lý còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** theo học như:

+ **Chuyên ngành Địa lý môi trường:** Môi trường không khí/ nước/ đất và ô nhiễm - Địa chất khoáng sản và môi trường - Rác và chất thải rắn - Bệnh học môi trường - Chất thải độc hại - Dân số và môi trường - Kinh tế môi trường - Thông tin giám sát môi trường - Môi trường khí hậu - Môi trường sinh thái tài nguyên rừng ngập mặn - Hải dương học đại dương - Luật bảo vệ môi trường ở VN và một số nước Đông Nam Á...

+ **Chuyên ngành Địa lý kinh tế và phát triển bền vững:** Kinh tế VN - Kinh tế phát triển - Phân vùng kinh tế và quy hoạch vùng - Địa lý kinh tế thế giới - Kinh tế tài nguyên và tổ chức sản xuất lãnh thổ - Phát triển kinh tế nông thôn - Luật kinh tế - Quy hoạch đô thị - Địa lý các vùng kinh tế trọng điểm - Kinh tế du lịch/ môi trường/ phát triển - Marketing - Tiền tệ và thanh toán quốc tế - Giao tế nhân sự - Quản trị nhân sự...

+ **Chuyên ngành Địa lý dân số - xã hội:** Kinh tế VN - Dân số và phát triển - Dân số và môi trường - Chính sách dân số - Lao động việc làm và phát triển nguồn nhân lực - Thống kê và tin học ứng dụng trong khoa học xã hội và địa lý - Phát triển cộng đồng - Chính sách xã hội - Luật bảo vệ môi trường - Môi trường đô thị - Quy hoạch đô thị - Phát triển kinh tế nông thôn - Đánh giá tác động môi trường - Quản trị môi trường...

+ **Chuyên ngành Địa lý du lịch:** Chính sách phát triển vùng - Cơ sở địa lý du lịch - Địa lý du lịch VN - Địa lý du lịch thế giới - Bảo vệ môi trường du lịch và phát triển bền vững - Văn hóa du lịch VN - Kiến trúc và mỹ thuật VN - Hệ thống bảo tàng và di tích của VN - Lịch sử VN - Các nền văn hóa cổ và văn hóa các dân tộc VN - Lễ tân ngoại giao - Quản lý khách sạn - Quản lý nhà hàng - Marketing du lịch - Quản trị nhân sự du lịch - Thống kê du lịch - Quản trị thông tin du lịch - Quy hoạch du lịch - Quản trị kinh doanh lữ hành - Thiết kế và tổ chức điều hành chương trình du lịch - Ứng dụng GIS trong quản lý du lịch - Quy hoạch đô thị sinh thái...

+ **Chuyên ngành Bản đồ - Viễn thám & GIS:** Lựa chọn vị trí và tổ chức không gian kinh tế - Viễn thám nâng cao - Thể hiện nội dung bản đồ - Cơ sở dữ liệu GIS - Xử lý và giải đoán ảnh - Thành lập bản đồ - Thu thập và xử lý dữ liệu địa lý - Phân tích GIS - Lập trình GIS - Địa Marketing - Quy hoạch vùng và đô thị - Hệ thống thông tin môi trường - Xây dựng và quản lý dự án GIS - Phân tích và xây dựng dữ liệu viễn thám - Mô hình hóa ứng dụng trong GIS - Ứng dụng GIS & Viễn thám trong quản lý môi trường/đô thị...

Khi ra trường Cử nhân ngành Địa lý **có khả năng** phát hiện và giải quyết những vấn đề liên quan đến lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội...

Sinh viên học ngành Địa lý sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Địa kỹ thuật, Viện Địa chất, Viện Địa chất và Địa vật lý biển (IMGG); TT Tư vấn và Dịch vụ dân số, gia đình và trẻ em...

+ Các Cục: Cục Địa chất và Khoáng sản VN, Cục Đo đạc và Bản đồ...

+ TD Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, Cty Đo đạc ảnh địa hình, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Trắc địa bản đồ, Cty Đo đạc địa chính và công trình, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Vật tư mỏ địa chất...

+ Các phòng chức năng: Đo đạc và Bản đồ, Truyền thông - Vận động xã hội... ở các Sở như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em... thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có chuyên ngành đào tạo là Địa lý. Dạy môn Địa lý tại các trường Trung học phổ thông.

Ngành Xã hội học

Đào tạo cử nhân ngành Xã hội học nắm vững những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội như: Kinh tế học - Dân tộc học - Tâm lý học - Giáo dục học - Nhập môn xã hội học ... cùng các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Xã hội học: Xã hội học (XHH) gia đình - XHH quản lý - XHH đô thị - XHH văn hóa - XHH chính trị - XHH kinh tế - XHH dân số - XHH giới - XHH công tác xã hội - Lịch sử XHH - Thống kê XHH... đồng thời còn trang bị cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Phương pháp luận dân tộc học - Văn hóa làng xã - Lối sống đô thị - XHH du lịch - XHH nghệ thuật - Vai trò của chính sách xã hội trong quá trình công nghiệp hóa - XHH về an sinh xã hội - Vấn đề chất lượng dân số ... ngoài ra sinh viên được tự chọn một số môn học khác để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: XHH xã hội - XHH chính sách xã hội - XHH môi trường - XHH nghề nghiệp - XHH tôn giáo - XHH sức khỏe.... Ra trường, Cử nhân ngành Xã hội học **có khả năng** đi sâu nắm bắt các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội, có khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề xã hội và khả năng dự đoán xu hướng phát triển của hiện tượng xã hội đó trong tương lai...

Cử nhân ngành Xã hội học có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Xã hội học, Viện Khoa học lao động và Xã hội, Viện Nghiên cứu Con người, Viện Nghiên cứu Phát triển xã hội, Viện VN học và Khoa học phát triển...

+ Làm công tác điều tra xã hội học tại: Ủy ban Dân số, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Mặt trận Tổ quốc VN, Hội Sinh viên VN...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Xã hội học.

Ngành Thông tin - Thư viện

Sinh viên khi theo học ngành Thông tin - Thư viện sẽ được cung cấp không chỉ có các **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối C: Nhà nước và Pháp luật - Dân tộc học - Tâm lý học - Tôn giáo học - Giáo dục học - Kinh tế học - Cơ sở văn hóa VN - Tiến trình lịch sử VN ... mà còn có những **kiến thức cơ bản** về ngành: Thư viện học - Lịch sử sách - Lịch sử thư viện - Phân loại tài liệu - Hệ thống mục lục - Mô tả tài liệu.... Trên nền khối kiến thức cơ sở đã được học sinh viên còn được trang bị những **kiến thức**

chuyên sâu của chuyên ngành như: Lập chương trình tự động hóa thư viện - Xử lý thông tin - Đảm bảo thông tin - Hệ thống tìm thông tin - Thư viện trường học - In ấn và kinh doanh sách - Chính sách xuất bản - Mỹ thuật trong thư viện - Marketing thư viện ... Ngoài ra sinh viên sẽ được học một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Thông tin Khoa học Công nghệ/ Xã hội và Nhân văn - Thông tin về thị trường thương mại - Các loại thư viện điện tử - Thư mục xã hội chính trị ... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** tổ chức, quản lý hoạt động của các thư viện...

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Thông tin - Thư viện có thể làm việc tại:

- + Các Vụ, TT: Vụ Thư viện, các TT Thông tin - Thư viện ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước...
- + Các phòng nghiệp vụ có liên quan đến lĩnh vực Thông tin - Thư viện tại Sở Văn hóa thông tin trên toàn quốc.
- + Hệ thống các Thư viện của các cơ quan, trường học... từ Trung ương đến địa phương: Thư Viện Quốc gia VN, Thư viện Khoa học Xã hội, Thư viện Khoa học Kỹ thuật Trung ương, Thư Viện Quân đội...
- + Giảng dạy, nghiên cứu và công tác tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Thông tin - Thư viện.

Ngành Lưu trữ học

Ngành Lưu trữ học trang bị cho sinh viên ngoài các **kiến thức chung** của khối Khoa học Xã hội và Nhân văn như: Dân tộc học - Xã hội học - Địa lý kinh tế xã hội VN - Tiến trình văn học VN - Lịch sử văn minh thế giới - Hành chính học... còn cung cấp cho sinh viên khối **kiến thức cơ bản** về Lưu trữ và Quản trị văn phòng: Nghiệp vụ công tác văn thư - Nghiệp vụ Thư ký văn phòng - Nghiệp vụ kế toán văn phòng - Kỹ thuật bảo quản tài liệu lưu trữ - Lưu trữ tài liệu Khoa học kỹ thuật - Tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ - Xác định giá trị tài liệu và bổ sung tài liệu lưu trữ ... cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tiêu chuẩn hóa trong công tác lưu trữ - Quản lý Nhà nước trong công tác lưu trữ - Công tác văn thư, lưu trữ các cơ quan Đảng Cộng sản VN - Công tác văn thư, lưu trữ các doanh nghiệp - Tin học ứng dụng trong công tác văn phòng và Lưu trữ - Lưu trữ tài liệu điện tử... và một số môn học sinh viên được quyền lựa chọn để **bổ trợ kiến thức**: Thư viện học - Thông tin học - Kỹ thuật chụp ảnh tư liệu - Lưu trữ tài liệu điện tử.... Khi ra trường sinh viên ngành Lưu trữ học **có khả năng** nghiên cứu và ứng dụng phương pháp làm việc về Văn thư - Lưu trữ - Quản trị văn phòng tại các cơ quan, nhà máy...

Sinh viên học ngành Lưu trữ học sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

- + Các TT Lưu trữ Quốc gia, TT Thông tin Lưu trữ Tư liệu từ Trung ương đến địa phương, TT Tu bổ Phục chế Tài liệu Lưu trữ...
- + Các Cục: Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Cục Lưu trữ Nhà nước, Cục Hành chính quản trị, Cục Quản lý văn bản, Cục Lưu trữ văn phòng Trung ương Đảng, Cục Quản trị...
- + Làm công tác văn phòng tại các phòng Hành chính - Tổng hợp... ở các cơ quan, tổ chức xã hội, các đơn vị sản xuất...
- + Văn phòng các Sở trên địa bàn toàn quốc.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Lưu trữ học và ngành Văn thư lưu trữ.

Ngành Đông phương học

Trên nền những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối C như: Địa lý kinh tế xã hội - Lịch sử Đảng Cộng sản VN - Giáo dục học ... ngành Đông phương học sẽ cung cấp cho sinh viên các **kiến thức cơ bản** về ngành: Văn minh phương Đông - Các tộc người và ngôn ngữ phương Đông - Quan hệ giữa các nước phương Đông và quá trình hội nhập khu vực, thế giới... để từ đó trang bị cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Địa lý và Cư dân - Lịch sử - Hệ thống chính trị và Pháp luật hiện nay - Quan hệ với VN - Tiếng Anh chuyên ngành.... Ngoài khối kiến thức vừa nêu thì ngành còn tạo điều kiện để sinh viên được lựa chọn **kiến thức bổ trợ** cho ngành: Các nguồn sử liệu và Phương pháp tiếp cận - Văn học, nghệ thuật Sau khi ra trường, Cử nhân ngành Đông phương **sẽ trở thành** những chuyên gia có tri thức đa dạng và sự hiểu biết sâu sắc về lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội, quan hệ quốc tế và môi trường tự nhiên của một quốc gia tùy chuyên ngành học như Đông Á (Nhật Bản học, Hàn Quốc học), Đông Nam Á, Nam Á - Thái Bình Dương (Úc học, Ấn Độ học), đồng thời có khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo...

Sau khi tốt nghiệp ngành Đông phương học sinh viên có thể làm việc tại:

- + Viện Nghiên cứu Đông Nam Á...
- + Làm tại phòng Đối ngoại, Hợp tác quốc tế của các Bộ, Tổng cục, các Tổ chức Phi chính phủ...
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Đông phương học.

Ngành Ngữ văn Anh

Cử nhân ngành Ngữ văn Anh được cung cấp **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học cơ bản như: Cơ sở văn hóa VN - Tiếng Việt thực hành - Lịch sử Đảng Cộng sản VN ... và các **kiến thức cơ bản** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ Anh - Mỹ: Văn hóa & Xã hội Anh - Nhập môn Văn học Mỹ - Văn học Anh - Các tác giả lớn của Văn học Mỹ - Tiểu thuyết Anh - Ngữ âm... cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** để rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ như: Dịch (Anh - Việt, Việt - Anh) - Nói trước công chúng - Kỹ năng nghe hiểu - Kỹ năng nói - Kỹ năng đọc hiểu - Kỹ năng viết.... Ngoài ra sinh viên còn được học thêm một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành**: Tiếng Anh Kinh tế thương mại ... để khi ra trường Cử nhân ngành Ngữ văn Anh **có khả năng** sử dụng thành thạo các kỹ năng ngôn ngữ, sử dụng Tiếng Anh như một công cụ giao tiếp xã hội đồng thời có kiến thức cơ bản về văn hóa và ngữ văn Anh...

Ngành Song ngữ Nga - Anh (Ngữ văn Nga)

Chương trình đào tạo ngành Song ngữ Nga - Anh nhằm trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản giống như ngành Ngữ văn Anh, đồng thời sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu các **kiến thức cơ bản** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ Nga, Anh: Lịch sử địa lý Nga - Văn hóa Nga - Văn học Nga cổ điển - Văn học Nga hiện đại - Văn học Anh Bên cạnh đó, sinh viên ngành này còn được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ năng nói - Kỹ năng viết - Đọc hiểu - Nghe hiểu - Dịch (Nga - Việt, Việt - Nga - Dịch (Anh - Việt, Việt - Anh) - Ngữ âm tiếng Anh... để sau khi học xong Cử nhân chuyên ngành Song ngữ Nga-Anh **có khả năng** dạy đồng thời 2 ngoại ngữ Nga và Anh ở bậc Trung học và Đại học; phiên dịch 3 thứ tiếng Việt-Nga-Anh, nghiên cứu khoa học Ngữ văn đối chiếu ở các trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, hoặc các Viện, TT nghiên cứu...

Ngành Ngữ văn Trung

Đào tạo cử nhân ngành Ngữ văn Trung không chỉ có khối **kiến thức chung** như những ngành ngoại ngữ khác mà còn có những **kiến thức cơ bản** về ngành: Triết học Trung Quốc - Văn học Trung Quốc - Đất nước học Trung Quốc ... cũng như sẽ được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hán ngữ tổng hợp - Hán ngữ cao cấp - Nghe nói - Chữ Nôm - Đọc hiểu - Hán ngữ du lịch... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm công tác biên, phiên dịch, cán bộ đối ngoại tại các Bộ, ngành, trong các lĩnh vực như ngoại giao, ngoại thương, du lịch... hoặc cũng có khả năng giảng dạy tiếng Trung Quốc cho các đơn vị giáo dục...

Ngành Ngữ văn Pháp

Nội dung chương trình đào tạo ngành Ngữ văn Pháp bao gồm các **kiến thức chung** dành cho sinh viên của tất cả các ngành ngoại ngữ, ngoài ra sinh viên cũng được cung cấp **kiến thức cơ bản** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ Pháp: Đời sống văn hóa xã hội Pháp - Lịch sử Pháp - Đời sống kinh tế chính trị Pháp - Đời sống văn hóa nghệ thuật Pháp - Ngữ pháp tiếng Pháp - Ngữ âm tiếng Pháp - Ngữ nghĩa tiếng Pháp... sau đó ngành này sẽ trang bị cho sinh viên **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về kỹ năng, nghiệp vụ như: Kỹ năng nói - Kỹ năng viết - Đọc hiểu - Nghe hiểu - Phiên dịch - Biên dịch... để khi học xong sẽ trở thành Cử nhân ngành Ngữ văn Pháp **có khả năng** giao tiếp bằng tiếng Pháp như ngôn ngữ thứ 2 của mình, có khả năng giảng dạy tiếng Pháp cho mọi người...

Ngành Ngữ văn Đức

Ngành Ngữ văn Đức cung cấp **kiến thức chung** về khối D giống như ngành Ngữ văn Anh, đồng thời bước đầu cho sinh viên đi vào nghiên cứu các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Ngữ âm tiếng Đức - Ngữ nghĩa tiếng Đức - Ngữ pháp tiếng Đức - Văn học Đức ... sau đó sẽ trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ năng nói - Kỹ năng viết - Đọc hiểu - Nghe hiểu - Phiên dịch Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn khác để **bổ trợ kiến thức**: Dịch (Đức - Việt, Việt - Đức) - Văn chương - Ngôn ngữ học.... Ra trường, sinh viên ngành Ngữ văn Đức **có khả năng** giao tiếp bằng tiếng Đức như ngôn ngữ thứ 2 của mình có khả năng giảng dạy tiếng Đức cho mọi người...

Sau khi tốt nghiệp các ngành về Ngoại ngữ sinh viên có thể công tác tại:

- + Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Du lịch VN, Tổng cục Hải quan, Cục Xúc tiến du lịch, Cục Xúc tiến thương mại, Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Xuất khẩu lao động...
- + Các Vụ: Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Thương mại và Dịch vụ...
- + Vụ Hợp tác quốc tế, phòng hợp tác quốc tế, phòng đối ngoại trực thuộc các Bộ, Tổng cục...
- + Các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động với các đối tác nước ngoài: T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, T.Cty Xuất nhập khẩu... và các đơn vị thành viên: các Cty Thương mại và Đầu tư, Cty Xuất nhập khẩu, Cty Du lịch xuyên Việt, Cty Lữ hành...
- + T.Cty Du lịch VN, Cty Dịch thuật Việt, các Nhà xuất bản; Các cơ quan thông tấn báo chí (đài truyền hình, đài phát thanh, các cơ quan báo chí...); Trợ lý dự án hợp tác quốc tế, thư ký tại các tổ chức xã hội...
- + Các phòng chức năng: Hợp tác quốc tế, Quản lý Kinh doanh xuất nhập khẩu, Du lịch và Hợp tác đầu tư... của các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch, Sở Thương mại - Du lịch... trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CD, THCN, Trung học phổ thông, các TT dạy ngoại ngữ.

Ngành Quan hệ quốc tế

Sinh viên học ngành Quan hệ quốc tế được trang bị các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Triết học Mác, Lênin - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Lịch sử (LS) Đảng Cộng sản VN - Chủ nghĩa Khoa học Xã hội... cùng với những **kiến thức cơ bản** về khối ngành và ngành: LS văn minh thế giới - Đại cương văn hóa VN - Tâm lý học - Pháp luật đại cương - Logic học - Xã hội học - LS ngoại giao VN - LS các học thuyết kinh tế - Địa lý kinh tế thế giới - LS quan hệ quốc tế... bên cạnh đó ngành còn đào tạo cho sinh viên khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Quan hệ kinh tế quốc tế - Công pháp quốc tế - Tư pháp quốc tế - Chính sách đối ngoại VN - Đàm phán quốc tế - Ngoại ngữ chuyên ngành... đồng thời cũng trang bị các **kiến thức bổ trợ ngành**: LS thế giới - Luật kinh tế quốc tế - Chính trị quốc tế hiện đại - Những vấn đề toàn cầu - Ngoại giao và lãnh sự - Lễ tân ngoại giao - Đối ngoại công chúng (PR)...

Ngoài ra, sinh viên còn được **bổ trợ kiến thức chuyên ngành** thông qua các môn học tự chọn như:

+ **Chuyên ngành Chính trị và Ngoại giao**: Chính trị học so sánh - An ninh và hợp tác quốc tế - Xung đột và quản lý xung đột - Các tổ chức quốc tế - Toàn cầu hóa và khu vực hóa - Chủ nghĩa khủng bố - LS các học thuyết chính trị thế giới - Chủ nghĩa đế quốc: LS và hiện tại - Phân tích chính sách đối ngoại...

+ **Chuyên ngành Kinh tế quốc tế**: Thương mại quốc tế - Đàm phán kinh tế quốc tế - Đầu tư quốc tế - Thanh toán quốc tế - Tài chính tiền tệ quốc tế - Kế toán - Kiểm toán - Phân tích tài chính...

+ **Chuyên ngành Luật quốc tế**: Luật so sánh - Hiến pháp và bộ máy Nhà nước - Luật lãnh thổ và luật biển - Luật điều ước quốc tế - Giải quyết tranh chấp quốc tế - Luật cạnh tranh - Luật môi trường quốc tế - Các tổ chức quốc tế - Sở hữu trí tuệ...

+ **Chuyên ngành Khu vực Đông Nam Á**: Chính trị học so sánh - Nhân học văn hóa - Các tổ chức quốc tế - LS Đông Nam Á (ĐNA) - Quan hệ quốc tế ở ĐNA - Chủ nghĩa khu vực ở ĐNA - Vấn đề biển Đông - Thể chế chính trị các nước ĐNA - Tôn giáo ĐNA - Quan hệ hợp tác Á - Âu (ASEM)...

+ **Chuyên ngành Khu vực Đông Bắc Á**: Chính trị học so sánh - Nhân học văn hóa - LS Đông Bắc Á (ĐBA) - Chính sách đối ngoại Nhật Bản - Chính sách đối ngoại Trung Quốc - Vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên - Tôn giáo ĐBA - Quan hệ quốc tế ở ĐBA...

+ **Chuyên ngành Khu vực Trung Cận Đông**: Chính trị học so sánh - Nhân học văn hóa - LS Trung Cận Đông - Đạo Islam: LS và hiện tại - Quan hệ quốc tế ở Trung Cận Đông - Thể chế chính trị ở Trung Cận Đông - Văn hóa Ả Rập - Chính sách năng lượng trong quan hệ quốc tế...

+ **Chuyên ngành Khu vực châu Âu**: Chính trị học so sánh - Nhân học văn hóa - LS châu Âu hiện đại - EU và quan hệ VN - EU, Chính sách đối ngoại của EU - Hệ thống chính trị ở châu Âu - Vấn đề xung đột dân tộc ở châu Âu - Nước Nga: LS và hiện tại - Chính sách năng lượng trong quan hệ quốc tế...

+ **Chuyên ngành Khu vực Bắc Mỹ**: LS Mỹ - LS chính sách đối ngoại Mỹ - Văn hóa Mỹ - Hệ thống chính trị Mỹ - Chính sách năng lượng trong quan hệ quốc tế - Chủ nghĩa đế quốc: LS và hiện tại...

Đồng thời sinh viên cũng được cung cấp các chuyên đề lựa chọn về khối Lịch sử - Chính trị - Văn hóa, khối Luật - Kinh tế, khối Ngoại giao... để khi tốt nghiệp ra trường Cử nhân ngành Quan hệ quốc tế ***có khả năng*** ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ chuyên ngành vào trong công tác thực tiễn...

Sinh viên học ngành Quan hệ quốc tế sau khi tốt nghiệp có thể nhận công tác tại:

+ Các Cục, Vụ, TT: Cục Đầu tư nước ngoài; Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Chính sách thương mại đa biên, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kế hoạch và Đầu tư; TT Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội QG...

+ Các doanh nghiệp, Cty có hoạt động quan hệ với đối tác nước ngoài: T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, T.Cty Xuất nhập khẩu... và các Cty, đơn vị thành viên: các Cty Thương mại và

Đầu tư, Cty Xuất nhập khẩu, Cty Du lịch xuyên Việt, Cty Lữ hành...

+ Các phòng chức năng: Quản lý thương mại, Quản lý xuất nhập khẩu, Xúc tiến thương mại du lịch, Xúc tiến đầu tư... trực thuộc các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Du lịch... trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Quan hệ quốc tế.

Ngành Nhân học

Khi học ngành Nhân học (NH) sinh viên sẽ không chỉ được học các ***kiến thức chung*** về khối Khoa học Xã hội: Cơ sở văn hóa VN - Lịch sử văn minh thế giới - Lịch sử VN - Xã hội học - Pháp luật... mà bước đầu còn đi vào ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành: Lý thuyết văn hóa - Lịch sử và sự phát triển các lý thuyết NH - Lịch sử xã hội nguyên thủy... từ đó sinh viên sẽ đi vào chuyên ngành với những ***kiến thức chuyên sâu về ngành Nhân học***: NH về sinh thái nhân văn - Tổ chức xã hội và phân tầng xã hội - Quan hệ tộc người trên thế giới và VN - Lịch sử khảo cổ học thế giới và VN - Lịch sử và sự phát triển lý thuyết NH - NH hình thể - Cơ sở khảo cổ học - NH ngôn ngữ - Bảo tàng học và di sản văn hóa.... Ngoài ra sinh viên còn được trang bị các ***kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành*** theo học như:

+ ***Chuyên ngành Nhân học văn hóa - xã hội***: Thành tộc, hôn nhân và gia đình - NH ngôn ngữ - NH kinh tế - NH nghệ thuật và biểu tượng ... bên cạnh đó chuyên ngành còn cung cấp hàng loạt những ***kiến thức bổ trợ***: Văn hóa dân gian - Tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội VN - Các loại hình nghệ thuật ở VN - Công tác xã hội và Phát triển cộng đồng - NH dân số tộc người - NH chính trị - NH tâm lý - NH hình thể - NH y tế - NH pháp luật - NH nghiên cứu về vùng đồng bằng và miền núi Bắc Bộ - NH nghiên cứu về vùng Nam Bộ - PP thu thập và xử lý thông tin bằng hình ảnh...

+ ***Chuyên ngành Khảo cổ học***: Lý thuyết Khảo cổ học (KCH) và các trường phái lớn - KCH thời đại đồ đá - KCH thời đại đồ đồng - KCH thời đại đồ sắt - Các PP nghiên cứu KCH - Gốm sứ và lịch sử gốm sứ Trung Hoa và VN - Cổ vật học - KCH dưới nước ... đồng thời sinh viên cũng được lựa chọn các ***kiến thức bổ trợ*** dành riêng cho chuyên ngành: Các nền văn hóa cổ ở các tỉnh phía Bắc VN - Các nền văn hóa cổ ở các tỉnh phía Nam - KCH Trung Quốc - KCH Đông Nam Á - Tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội ở VN - Thành cổ VN - PP thu thập và xử lý dữ liệu bằng hình ảnh (chụp ảnh và quay phim) - Kỹ thuật học - Kỹ đệ tử...

Tốt nghiệp, Cử nhân ngành Nhân học ***có khả năng*** thiết kế dự án, khảo sát, nghiên cứu, đánh giá các vấn đề liên quan đến hoạt động của con người trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội...

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Nhân học có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu con người, Viện Khảo cổ học, TT Nghiên cứu con người...
- + Các cơ quan Trung ương và địa phương có hoạt động liên quan đến ngành học về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội và văn hóa; các tổ chức chính trị, văn hóa, xã hội... như: Ủy ban dân số kế hoạch hóa gia đình, Hội Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh...
- + Ngân hàng thế giới, các cơ quan phát triển quốc tế và trong các quốc gia tiên tiến...
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Nhân học.

Ngành Giáo dục học

Nội dung chương trình đào tạo ngành Giáo dục học nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Sinh lý học thần kinh - Giáo dục học - Lịch sử văn minh phương Đông - Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt - Tâm lý học (TLH) - Lịch sử văn minh phương Tây - Cơ sở văn hóa VN... cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành Giáo dục học: Khoa học quản lý - Đạo đức học - TLH lứa tuổi sư phạm - Phương pháp nghiên cứu khoa học - Xã hội học nhập môn - Lý luận giáo dục - Lý luận dạy học - Lịch sử giáo dục VN - Giáo dục hướng nghiệp - Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục - Giáo dục dân số môi trường - TLH xã hội - Lịch sử giáo dục thế giới - TLH giới tính - TLH quản lý - TLH giao tiếp ứng xử - Quản lý hành chính Nhà nước... đồng thời còn đào tạo cho sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**:

+ **Chuyên ngành Quản lý giáo dục:** TLH lao động - Trắc nghiệm khách quan - Đo lường đánh giá giáo dục - Chính sách chiến lược giáo dục - Quản lý nhân sự trong giáo dục - Giáo dục trẻ khuyết tật - Giáo dục lại - Quản lý giáo dục - Thanh tra giáo dục - Giáo dục học so sánh - Kinh tế học giáo dục...

+ **Chuyên ngành Tâm lý giáo dục:** TLH lao động - Trắc nghiệm khách quan - Lịch sử TLH - Nhân chủng học - Tư vấn tâm lý giáo dục - Giáo dục gia đình - TLH nhân cách - Giáo dục trẻ khuyết tật - Giáo dục lại - TLH sư phạm - TLH trẻ khuyết tật - Công nghệ dạy học - TLH tuyên truyền...

Sau khi ra trường sinh viên ngành Giáo dục học **có khả năng** tham gia thực hiện các đề tài, các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm giải quyết các vấn đề giáo dục phát sinh trong quá trình phát triển xã hội hay giải quyết các vấn đề phát sinh trong công tác Giáo dục và Đào tạo...

Tốt nghiệp Cử nhân ngành Giáo dục học có thể công tác tại:

- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các trường học trên địa bàn toàn quốc từ trường Mầm non đến Đại học...
- + Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu giáo dục, Viện Tâm lý học; TT Nghiên cứu giáo dục, TT Hướng nghiệp, TT Tư vấn tâm lý và Giáo dục Tình yêu Hôn nhân Gia đình, TT Tư vấn hướng nghiệp tâm lý giáo dục trẻ, TT Tư vấn tình yêu hôn nhân gia đình...
- + Các Vụ: Vụ Giáo dục (VGD) Chuyên nghiệp, VGD Thường xuyên, VGD Trung học, VGD Tiểu học, VGD Mầm non, VGD Quốc phòng...
- + Các cơ quan, đoàn thể hoạt động trên nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh tế khác nhau như: Cơ quan Hành chính Nhà nước, Công đoàn...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ chọi
1999	1.800	20.918	1/11.6
2000	2.100	19.197	1/9.1
2001	2.000	28.550	1/14.2
2002	2.100	18.629	1/8.8
2003	2.200	18.951	1/8.2
2004	2.260	13.522	1/5.9
2005	2.400	13.258	1/5.5
2006	2.520	14.830	1/5.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Ngữ văn C	14	18	17.5	16	17	18	17.5	18.5	17.5	20.5	16	19	15.5	-
Báo chí C	19	21	20	20	19.5	20.5	18.5	19.5	18.5	-	18	19.5	18	-
Báo chí D1	19	21	20	21.5	18.5	19.5	21.5	22.5	20	-	20	-	19	-
Lịch sử C	14	16.5	17	16.5	14.5	15.5	16	18	16	20	16.5	18.5	14.5	19.5
Triết học C	14	15	15.5	16	15	16	14	15	16	-	15	19	14	18.5
Triết học D1	14	15	15.5	14	13	14	14	15	15	-	15	16	14	16
Địa lý C	14	19	18	17.5	17.5	18.5	17	18	18	19	15	18	16	-
Xã hội học C	14	17	17	17	16.5	17.5	15.5	16.5	17	18	15	18	15	-
Xã hội học D1	14	17	17	16	18	19	15.5	16.5	17	-	15.5	16.5	15	-
Đ. Phương học D	19	17.5	18.5	19	17.5	18.5	20	21	18.5	-	18	19	19	-
Tiếng Anh D1	20.5	19.5	18.5	19.5	19	20	20	21	18.5	-	18	19	19	-
Tiếng Pháp D3	10	12.5	13	18	22.5	23.5	19	20	18.5	19.5	15.5	19	16	-
Tiếng Trung D1	10	10.5	13	17	14	15	18	20	17.5	18.5	15	18.5	16.5	-
Tiếng Trung D4	10	10.5	13	16.5	14	15	17	19	15	17	15	19	15	-
Tiếng Nga D1	10	10	11	14	15.5	16.5	12	14	16.5	18	15	17.5	14	19
Tiếng Nga D2*	10	10	11	12.5	11.5	12.5	15	17	20.5	-	15.5	17	16	17.5
TV - TT C	14	17	16	18	15	16	15	17	15	18	15	16.5	14	17
TV - TT D1	14	17	16	17	15	16	15.5	17.5	16.5	-	15	16	15	16
Giáo dục học C	-	-	16	17	14.5	15.5	15.5	17.5	15	19.5	15	16	14	18
Giáo dục học D1	-	-	16	16	13	14	16.5	18.5	15	18.5	15	16	14	17
Tiếng Đức D1	-	-	-	16	17	18	18.5	19.5	16.5	-	15.5	16.5	15	18.5
Ngữ văn D1	-	-	-	-	16.5	17.5	17.5	18.5	18	19	15	17.5	16	-
Lịch sử D1	-	-	-	-	13	14	16	18	15.5	-	15.5	-	15	16.5
Địa lý D1	-	-	-	-	16.5	17.5	17	18	19	-	15.5	16.5	16	-
Tiếng Pháp D1	-	-	-	-	16.5	17.5	17.5	18.5	17.5	19.5	15.5	17.5	17.5	-
Lưu trữ học C	-	-	-	-	-	-	-	-	15	19.5	15	16.5	14	17.5
Lưu trữ học D1	-	-	-	-	-	-	-	-	15	17	15	16	14	15
Nhân học C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	17.5	14	17
Nhân học D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	16	14	15
Quan hệ QT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	19	19.5	-

Ghi chú: - * - Điểm chuẩn NV2 của ngành Tiếng Nga D2 năm 2003 nhân hệ số 1.5.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH KHXH&NV tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối C, D1, 2, 3, 4 cũng giống như các khối mà trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Hà Nội) tuyển sinh.

- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

- Trường ĐH KHXH&NV tuyển sinh cho chương trình Cử nhân tài năng với các ngành: Văn học, Đông phương học, Ngữ văn Anh và Lịch sử. Các sinh viên trúng tuyển có tổng điểm các môn thi phải đạt từ 21 điểm trở lên, không có môn nào dưới 5 điểm. Riêng môn thi thuộc ngành đào tạo Cử nhân tài năng phải đạt từ 7 điểm trở lên. Các sinh viên đạt giải quốc tế, quốc gia được tuyển thẳng. Các sinh viên còn lại sau khi thi vấn đáp môn chuyên ngành và kiến thức tổng hợp phải thi viết môn chuyên ngành (Văn học thi Văn, Lịch sử thi Sử, Đông phương học và Ngữ văn Anh thi Anh văn).

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm tăng lên. (Xem bảng 1)

- Từ năm 2002 Bộ GD&ĐT bắt đầu thực hiện phương án tuyển sinh "3 chung" nên số thí sinh ĐKDT vào trường giảm. Từ năm 2004 đến 2006 tỉ lệ "chơi" không giao động mấy ở mức xấp xỉ 1/6 (1/5.9, 1/5.5, 1/5.9). (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển NV1 của trường các năm gần đây vẫn có sự chênh lệch giữa các ngành và các năm: năm 2005 điểm trúng tuyển giữa các ngành chênh nhau tới 5 điểm: ngành lấy điểm cao nhất là Báo chí D1: 20 điểm, đa số các ngành khác lấy 15 điểm; trong khi đó năm 2006 điểm chuẩn giữa các ngành cũng chênh nhau 5 điểm và ngành Báo chí D, vẫn lấy điểm cao nhất: 19 điểm, còn các ngành: Triết học, Lưu trữ học, Nhân học khối D1... lại lấy điểm chuẩn thấp hơn (14 điểm). (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm trúng tuyển vào trường năm 2006 nhìn chung giảm so với năm 2004, 2005, tuy nhiên những ngành đang đáp ứng được nhu cầu xã hội, khi ra trường sinh viên dễ xin được việc làm ngay thì điểm chuẩn vẫn cao như các ngành: Báo chí, Đông Phương học, Tiếng Anh, Quan hệ quốc tế (18-19.5 điểm)...

- Mặc dù điểm chuẩn vào trường năm 2006 có giảm so với 2 năm trước song so với điểm chuẩn một số ngành của trường với các ngành cùng ở một số trường khác thì điểm của trường ĐH KHXH&NV vẫn ở mức tương đối cao (Ví dụ: năm 2006 trường ĐH Đà Lạt chỉ lấy 14 điểm cho các ngành: Đông phương học; Tiếng Anh trong khi điểm trúng tuyển vào trường ĐH KHXH&NV vào ngành: Đông phương học và ngành Tiếng Anh là 19.0 điểm, chênh nhau đến 5 điểm...).

- Điểm trúng tuyển NV2 của trường thường cao hơn NV1 từ 1.0 - 5.0 điểm. (Xem bảng 2).

- Từ những đặc điểm trên lưu ý bạn khi chọn trường ĐKDT cũng như lưu ý khi chọn các ngành vào trường. Bạn nên so sánh với những trường có đào tạo khối Khoa học Xã hội và Nhân văn khác, cũng như nên so sánh giữa các ngành trong trường để có sự lựa chọn hợp lý.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

Địa chỉ: Khu phố 6, P. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp. HCM

Điện thoại: (84-8) 7242181- 3311 - Fax: (84-8) 7242195 - Website: <http://www.hcmiu.edu.vn/>

- Trường Đại học Quốc tế (DHQT) được thành lập ngày 05/12/2003, là trường đại học quốc tế đầu tiên tại VN đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực.
- Trường DHQT đào tạo theo học chế tín chỉ, ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Anh, do các giảng viên VN và nước ngoài giảng dạy. Điểm đặc biệt là trong loại hình đào tạo chính quy của trường cho cả ba bậc Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ có ba loại bằng mà không chỉ một, như đa số các trường khác.
- Chương trình đào tạo cho các chương trình liên kết cấp bằng của trường đối tác nước ngoài sẽ là chương trình của trường đối tác.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUỐC TẾ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Công nghệ thông tin

Cũng giống như ngành Công nghệ thông tin của Trường ĐHBK, ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM)...., sinh viên học ngành này của Trường DHQT cũng được trang bị các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành và **kiến thức chuyên sâu** của chuyên ngành, cùng với những **kiến thức bổ trợ** khác để khi ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế, phân tích các hệ thống máy tính và ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tế (bao gồm thiết kế phần cứng và phần mềm), khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm tương đương trình độ nước ngoài, đồng thời có khả năng giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh...

Ngành Quản trị kinh doanh

Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh của Trường DHQT cũng được đào tạo giống như cử nhân chuyên ngành cùng tên của Khoa Kinh tế (ĐH QG Tp.HCM), Trường ĐH Kinh tế quốc dân...., ngành không chỉ trang bị cho sinh viên khối **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế, cùng với **kiến thức cơ bản** về ngành, cũng như khối **kiến thức chuyên ngành**, mà còn cung cấp những **kiến thức bổ trợ** cho ngành, để sau khi tốt nghiệp cử nhân Quản trị kinh doanh sẽ **có khả năng** làm việc theo nhóm, độc lập trong suy nghĩ và sáng tạo, khả năng giao tiếp tốt và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh, khả năng ứng dụng lợi thế của công nghệ thông tin trong thực tiễn...

Ngành Công nghệ sinh học

Chương trình đào tạo Kỹ sư ngành Công nghệ sinh học của Trường DHQT cũng giống như chương trình đào tạo Kỹ sư ngành này của Trường ĐH KHTN, ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM)...., ngoài những **kiến thức chung**, **kiến thức cơ bản về ngành** thì sinh viên học ngành này còn được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, ngoài ra cũng được **bổ trợ kiến thức cho ngành**, để khi ra trường sinh viên ngành Công nghệ sinh học **có khả năng** ứng dụng công nghệ sinh học vào trong thực tiễn đời sống, đồng thời cũng có khả năng giao tiếp và làm việc chuyên môn bằng tiếng Anh...

Ngành Điện tử - Viễn thông

Sinh viên khi theo học ngành Điện tử - Viễn thông của Trường ĐHQT cũng được trang bị kiến thức giống như khối kiến thức mà Trường ĐHBK, ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM)... trang bị cho sinh viên ngành cùng tên. Sau khi tốt nghiệp Kỹ sư Điện tử - Viễn thông của Trường ĐHQT cũng **có khả năng** nghiên cứu, đánh giá, tham gia vận hành và bảo trì các hệ thống thông tin, các thiết bị điện tử viễn thông, đặc biệt là có kiến thức ngoại ngữ tốt: có khả năng đọc, tìm hiểu, nghiên cứu, làm việc trong môi trường mà ngôn ngữ tiếng Anh được sử dụng chính; đồng thời còn có khả năng sáng tạo, làm việc độc lập hoặc theo nhóm, cập nhật các kiến thức mới, hiện đại phù hợp với sự phát triển của ngành...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ chọi
2004	200	921	1/4.6
2005	600	1.351	1/2.2
2006	770	1.424	1/1.8

Bảng 2.1. Các ngành do Trường ĐH Quốc tế cấp bằng

Ngành	2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Công nghệ thông tin	17.5	18.5	18.0	19.0	15.5	16.0
Quản trị kinh doanh A/D1	19.0	20.0	21.0	22.0	17.0/17.5	17.5/18.0
Điện tử - Viễn thông	-	-	17.5	18.5	15.5	16.0
Công nghệ sinh học A/B	-	-	17.5	18.5	16.5/17.0	17.0/17.5

Bảng 2.2. Các ngành thuộc chương trình liên kết do trường Đại học nước ngoài cấp bằng

Ngành	Trường	2005		2006	
		NV1	NV2	NV1	NV2
Công nghệ thông tin	ĐH Nottingham	17.5	18.5	13.5	14.0
	ĐH West of England	17.0	18.0	13.5	14.0
Điện tử - Viễn thông	ĐH Nottingham	17.0	18.0	13.5	14.0
	ĐH West of England	17.0	18.0	13.5	14.0
Công nghệ sinh học A	ĐH Nottingham	17.0	18.0	13.5	14.0
Công nghệ sinh học B		17.0	18.0	14.5	15.0
Quản trị kinh doanh	ĐH Nottingham	18.5	19.5	13.5	14.0
	ĐH West of England	18.0	19.0	13.5	14.0
	Auckland University of Technology	-	-	13.5	14.0

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐHQT đăng ký tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, D1.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Trường Đại học Nottingham đào tạo tại trường các ngành: Công nghệ thông tin; Điện tử - Viễn thông; Công nghệ sinh học A, B; Quản trị kinh doanh.
- Trường Đại học West of England đào tạo tại trường các ngành: Công nghệ thông tin; Điện tử - Viễn thông; Quản trị kinh doanh.

- Trường Đại học Auckland University of Technology đào tạo tại trường ngành Quản trị kinh doanh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm tăng lên. (Xem bảng 1).
- Do Trường ĐHQT là đại học quốc tế đầu tiên tại VN với những chương trình đào tạo đòi hỏi sinh viên phải có trình độ ngoại ngữ khá cao trong khi thực tế khách quan là số thí sinh có đủ trình độ ngoại ngữ lại quá thấp vì thế số lượng thí sinh ĐKDT vào trường mặc dù tăng nhưng không nhiều (xem bảng 1).
- Mặc dù điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 có 0.5 điểm nhưng nhìn chung điểm trúng tuyển của trường năm 2006 của tất cả các ngành đều giảm so với năm 2005 và giảm khá nhiều, ngành Quản trị kinh doanh NV1 giảm tới 5.0 điểm (21/17). (Xem bảng 2). Đây cũng là tình hình chung về kỳ thi Đại học, Cao đẳng năm 2006.
- So với điểm sàn của Bộ thì điểm chuẩn của trường có cao hơn, tuy nhiên so với điểm chuẩn của một số ngành cùng tên ở một số trường trực thuộc ĐHQG Tp.HCM thì mức điểm trúng tuyển vào các ngành của trường lại ở mức trung bình. Ví dụ: năm 2006: ngành Công nghệ thông tin của trường chỉ lấy 15.5 điểm trong khi Trường ĐHBK lấy 22.5 điểm, Trường ĐH KHTN lấy 22 điểm; ngành Điện tử viễn thông của trường cũng lấy 15.5 điểm thì ở Trường ĐHBK lại lấy 21.0 điểm, Trường ĐH KHTN lấy 22.0 điểm; ngành Công nghệ sinh học của trường lấy 17 điểm (khối A), 17.5 điểm (khối B) còn ở trường ĐHBK lại lấy 18.0 điểm, Trường ĐH KHTN lấy 22 điểm (khối A) và 22.5 điểm (khối B). Theo chúng tôi có hiện tượng này vì trường ĐHQT giảng dạy bằng tiếng Anh, mà khả năng ngoại ngữ của học sinh phổ thông không phải là cao. (Xem điểm 2).
- Từ những nhận xét trên xin lưu ý các bạn khi ĐKDT vào trường cần xem xét so sánh điểm chuẩn giữa các ngành cùng tên ở một số trường khác, tuy nhiên cũng cần lưu ý đến trình độ ngoại ngữ của bản thân để có những lựa chọn phù hợp.
- Dự kiến sang năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Địa chỉ: 34 Trương Định, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: 9304897 - Fax : 9304900 - Website: <http://www.vnuit.edu.vn/>

- Trường Đại học Công nghệ thông tin (ĐH CNTT) được thành lập ngày 08/6/2006, là trường Đại học công lập chuyên ngành Công nghệ thông tin.
- Trường có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực CNTT chất lượng cao góp phần tích cực vào sự phát triển của nền công nghiệp CNTT VN, đồng thời tiến hành nghiên cứu khoa học và chuyển giao CNTT tiên tiến, đặc biệt là hướng vào các ứng dụng nhằm góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- Trường hiện có gần 100 Giảng viên cơ hữu trong đó hơn một nửa là Thạc sĩ, Tiến sĩ.
- Trường có các hệ đào tạo Đại học, Sau đại học và hệ Hoan chính Đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CỐ BẢN SAU:

Ngành Hệ thống thông tin

Đào tạo cử nhân ngành Hệ thống thông tin có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học..., cũng **kiến thức cơ bản** về ngành: Xử lý ảnh - Đồ họa máy tính - Thuật toán và độ phức tạp của thuật toán - Tương tác người máy... đồng thời đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: An toàn và bảo mật thông tin - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Cơ sở dữ liệu (CSDL) - Hệ CSDL đa phương tiện - Hệ chuyên gia - Hệ quản trị CSDL - Kho dữ liệu và các phương pháp khai phá dữ liệu - Thiết kế CSDL... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** xây dựng các hệ thống thông tin cho việc quản lý kinh tế, hành chính và dịch vụ, có năng lực tham mưu tư vấn và có khả năng thực hiện nhiệm vụ với tư cách như là một chuyên viên trong lĩnh vực công nghệ thông tin...

Ngành Kỹ thuật máy tính

Sinh viên khi theo học ngành Kỹ thuật máy tính cũng sẽ học những **kiến thức chung** về khối A giống như ngành Hệ thống thông tin, đồng thời được trang bị **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Lập trình hướng đối tượng - Lập trình đồng thời và hướng sự kiện - Giải thuật tính toán - Giải thuật chiến lược - Thiết kế mạch - Thiết kế hệ thống số - Thiết kế các khối mạch tổ hợp - Hệ điều hành..., cũng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Mạch và các mạch thụ động - Mạch và các mạch chủ động - Kiến trúc mạng - Mô hình tính toán trên mạng - Thiết kế phần mềm - Kiểm tra và xác nhận chất lượng phần mềm - Các công cụ và môi trường phần mềm - Hệ thống CSDL - Hiệu năng và mạch - Cấu trúc các mạch nguồn - Các mạch ngoại vi dạng chip - Công nghệ thiết kế mạch chuyên dùng - Các mô hình máy tính thế hệ mới - Lập trình đa phương tiện - Xử lý tín hiệu thoại - Cơ sở xử lý ảnh - Đọc và ghi file - Các phương pháp kiểm tra - Kiểm tra và chẩn đoán cấp hệ thống - Phát hiện lỗi và sửa lỗi - Thiết kế hệ thống an toàn - An toàn phần mềm... Sau khi tốt nghiệp Kỹ sư ngành Kỹ thuật máy tính **có khả năng** nghiên cứu và thiết kế các hệ thống máy tính, bao gồm cả phần cứng và phần mềm...

Ngành Khoa học máy tính

Ngành Khoa học máy tính trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên cũng như ngành Hệ thống thông tin, ngoài ra còn được học **kiến thức cơ bản** về ngành: Cơ sở

lập trình - Kiến trúc máy tính - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Hệ điều hành - Nguyên lý ngôn ngữ lập trình... và được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Xử lý tín hiệu - Mạng máy tính - Xử lý ảnh - Đồ họa máy tính - Cơ sở dữ liệu - Công nghệ phần mềm - Phân tích và thiết kế thuật toán - Trí tuệ nhân tạo.... Ngoài ra, sinh viên còn được học các môn **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành như: Các hệ cơ sở tri thức - Xử lý ngôn ngữ tự nhiên - Truyền thông đa phương tiện... Ra trường, Cử nhân ngành Khoa học máy tính **có khả năng** nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của xã hội, có năng lực tham mưu, tư vấn và có khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ với tư cách của một chuyên viên trong lĩnh vực công nghệ thông tin...

Ngành Kỹ thuật phần mềm

Ngoài những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa cũng được đào tạo như sinh viên ngành Hệ thống thông tin, thì sinh viên ngành Kỹ thuật phần mềm còn được trang bị **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Phương pháp mô hình hóa - Phương pháp luận lập trình - Kiểm chứng phần mềm - Nhập môn kỹ thuật phần mềm..., mặt khác cũng đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phát triển, vận hành và bảo trì phần mềm - Phát triển phần mềm hướng đối tượng - Phát triển phần mềm mã nguồn mở - Phát triển phần mềm dựa theo cấu phần - Con người, tổ chức và công nghệ phần mềm - Quản lý dự án công nghệ thông tin ..., đồng thời được **bổ trợ kiến thức chuyên ngành** bằng những môn học: Truyền thông đa phương tiện - Lập trình Java và Internet - Xử lý ảnh... để khi ra trường Cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm **có khả năng** xây dựng, quản lý và bảo trì hệ thống phần mềm, khả năng phân tích, thiết kế và quản lý các dự án phần mềm, xây dựng mô hình và áp dụng những nguyên tắc của công nghệ phần mềm vào trong thực tiễn...

Ngành Mạng máy tính và truyền thông

Chương trình đào tạo ngành Mạng máy tính và truyền thông nhằm cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên giống như ngành Hệ thống thông tin, cùng với khối **kiến thức cơ bản về ngành** như: Tín hiệu và mạch - Điện tử cho ngành công nghệ thông tin - Lý thuyết thông tin - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Kỹ thuật lập trình - Hệ điều hành..., sau đó sẽ được học **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kiến trúc máy tính - Cơ sở dữ liệu - Vi xử lý - Xử lý tín hiệu số - Mạng máy tính - Phân tích và thiết kế hệ thống - Thiết kế mạng Intranet - Truyền thông đa phương tiện - Thiết bị truyền thông và mạng - Lập trình mạng - Quản trị mạng - Đánh giá hiệu năng mạng - Hệ thống tin học phân tán - An toàn mạng - Mạng truyền thông và di động.... Tốt nghiệp, Kỹ sư Mạng máy tính và truyền thông **có khả năng** thiết kế chế tạo, bảo trì, sản xuất, thử nghiệm, quản lý các hệ thống mạng máy tính và truyền thông...

Kỹ sư các ngành Công nghệ thông tin sau khi ra trường có thể đảm nhận các công việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; Các TT Tin học, TT Công nghệ phần mềm, TT Giao dịch công nghệ ở khắp các tỉnh, thành phố trong toàn quốc...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Công nghệ tin học ngân hàng; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Khoa học công nghệ...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, TD Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Viễn thông quân đội, T.Cty Hàng không VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tin học ở khắp các tỉnh, thành phố, Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Điện tử - Tin học - Hóa chất, các Cty Điện tử, Cty Điện tử công

trình, Cty Máy tính VN, Cty Xuất nhập khẩu điện tử, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông tin học, Quản lý công nghệ, Công nghệ thông tin. Bưu chính viễn thông, Hệ thống quản trị, Thiết kế kỹ thuật... tại các Sở: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành đào tạo trong trường.

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐH CNTT mới thành lập năm 2006 nên không kịp tổ chức thi tuyển mà chỉ nhận hồ sơ ĐKDT của những thí sinh dự thi khối A với mức điểm trúng tuyển là 19 điểm. Dự kiến sang năm trường sẽ tổ chức thi tuyển.

2. Một số lưu ý:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường không lớn so với các trường khác trong ĐHQG Tp.HCM và so với nhu cầu thực tế hiện nay (năm 2006 lấy 500 chỉ tiêu), song vì Trường ĐH CNTT là một trường mới thành lập, lại chỉ đào tạo chuyên ngành về Công nghệ thông tin nên đây cũng là con số khá hấp dẫn đối với những bạn thí sinh yêu thích về ngành Công nghệ thông tin.

- Điểm trúng tuyển NV2 vào trường so với điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định và so với mặt bằng chung là tương đối cao. (Xem bảng 2).

- Tuy nhiên so với điểm chuẩn của một số ngành trong trường với các ngành cùng tên ở các trường khác như Trường ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM) thì điểm chuẩn của trường không cao bằng. Ví dụ năm 2006 Trường ĐH KHTN mới tuyển sinh các ngành: Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin nhưng điểm chuẩn các ngành này đều ở mức 22.0 điểm cao hơn 3.0 so với các ngành này của Trường ĐH CNTT. Do đó các thí sinh cần lưu ý khi ĐKDT vào trường.

- Dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT sẽ có xu hướng tăng nhưng không nhiều.

KHOA KINH TẾ

Địa chỉ: Khu phố 6, p. Linh Trung, Q. Thủ Đức, Tp. HCM

Điện thoại: 08.8897081 - Fax: (84.4) 7220851 - Website: <http://www.ecovnuhcm.com/khoakinhte/vie/>

- Khoa Kinh tế trực thuộc ĐHQG Tp.HCM được thành lập ngày 06/11/2000, là cơ sở đào tạo Đại học, Sau đại học, nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực Kinh tế.
- Khoa Kinh tế có các hệ đào tạo chính: Chính quy, vừa học vừa làm, văn bằng hai...
- Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Khoa Kinh tế hiện có khoảng 56 Giảng viên trong đó có 2 Phó Giáo sư, 16 Tiến sĩ, 17 Thạc sĩ, 7 Cử nhân, 12 Giảng viên chính...

KHOA KINH TẾ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kinh tế học

Ngành Kinh tế học trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** về Toàn, nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Phương trình vi phân - Xác suất và thống kê toán - Địa lý kinh tế - Kế toán - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Kinh tế: Kinh tế quốc tế - Marketing - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Kinh tế lượng - Nguyên lý thống kê kinh tế - Tài chính tiền tệ - Luật kinh tế ... cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kinh tế công cộng - Kinh tế học của sự phát triển - Kinh tế và tổ chức lao động - Kinh tế đối ngoại - Kinh tế tài nguyên và môi trường - Kinh tế đầu tư - Kế hoạch hóa và chính sách kinh tế - Các lý thuyết kinh tế hiện đại - Tâm lý và quản lý kinh doanh... tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** vận dụng các lý thuyết kinh tế để phân tích và đánh giá các hoạt động kinh tế và sự biến động của nền kinh tế, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội...

Ngành Kinh tế đối ngoại

Đào tạo cử nhân ngành Kinh tế đối ngoại không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A, nhóm ngành Kinh tế, mà còn có **kiến thức cơ bản** về ngành Kinh tế giống như ngành Kinh tế học. Trên cơ sở đó, sinh viên ngành Kinh tế đối ngoại sẽ được đào tạo những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tâm lý quản lý và nghệ thuật đàm phán kinh doanh - Vận tải và bảo hiểm quốc tế - Luật thương mại quốc tế - Chuyển giao công nghệ quốc tế - Quản trị chất lượng - Công tư pháp quốc tế - Kế toán ngoại thương - Kinh tế đối ngoại - Vận tải và bảo hiểm quốc tế - Đầu tư quốc tế Ngoài ra ngành còn tạo điều kiện để sinh viên được học một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Ngoại thương VN - Đầu tư nước ngoài của EU - Nợ nước ngoài của các nước đang phát triển... không những thế sinh viên còn được trang bị thêm khối **kiến thức nghiệp vụ**: Đàm phán quốc tế - Kế toán quốc tế - Thanh toán và tín dụng quốc tế... để khi ra trường Cử nhân ngành Kinh tế đối ngoại **có khả năng** phân tích đánh giá hiệu quả kinh doanh xuất nhập khẩu, sự biến động của tỉ giá hối đoái và đầu tư quốc tế, xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách thương mại và các dự án đầu tư trong và ngoài nước...

Ngành Kinh tế công cộng

Nội dung chương trình đào tạo ngành Kinh tế công cộng nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, nhóm ngành Kinh tế và các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Kinh tế tương tự chuyên ngành Kinh tế học, ngoài ra sinh viên còn được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kinh tế công cộng - Quản lý công cộng - Kinh doanh quốc tế - Thị trường chứng khoán - Tài chính công của chính quyền địa phương - Kinh tế y tế - Kinh tế giáo dục - Kinh tế môi trường - Thuế - Quan hệ quốc tế - Mạng lưới thông tin - Kinh tế không gian địa lý và giao thông vận tải - Tiền tệ và ngân hàng - Quản trị hành chính - Tâm lý quản lý và kinh doanh... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án phát triển và quản lý đô thị, quản lý vùng...

Sinh viên tốt nghiệp các ngành Kinh tế có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Kinh tế VN, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Chiến lược phát triển; TT Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia, TT Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý...

+ Các Vụ, Cục: Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Kinh tế nông nghiệp, Vụ Kinh tế công nghiệp, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu; Cục Kinh tế, Cục Đầu tư nước ngoài...

+ Các doanh nghiệp, Cty, nhà máy, xí nghiệp trong nước hoặc có quan hệ hợp tác với nước ngoài hoạt động ở tất cả các ngành kinh tế: T.Cty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp, T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Xây dựng công nghiệp VN, T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, TD Bảo hiểm VN, T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, TD Điện lực VN, TD Bưu chính viễn thông VN... và các đơn vị thành viên trên toàn quốc.

+ Các phòng chức năng: Kinh tế ngành, Kinh tế đối ngoại, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại, Sở Công nghiệp, Sở Ngoại vụ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... trực thuộc các tỉnh, thành phố trong cả nước. Làm tại Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Kinh tế.

Ngành Tài chính - Ngân hàng

Ngành Tài chính - Ngân hàng đào tạo cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A, nhóm ngành Kinh tế giống như ngành Kinh tế học, còn trang bị các **kiến thức cơ bản** về Tài chính, Ngân hàng: Kinh tế quốc tế - Tài chính tiền tệ - Tiền tệ ngân hàng - Luật kinh tế - Kế toán tài chính - Đầu tư tài chính ... bên cạnh đó ngành còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thị trường chứng khoán - Tài chính quốc tế - Tài chính công - Tài chính doanh nghiệp - Toán tài chính ... Ngoài ra, sinh viên còn được học những **kiến thức chuyên sâu dành riêng cho từng chuyên ngành** theo học:

+ **Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp:** Nghiệp vụ ngân hàng ngoại thương - Hệ thống thông tin tài chính kế toán - Kế toán quản trị - Đầu tư tài chính - Quản trị tài chính - Phân tích hoạt động kinh doanh - Quản trị doanh nghiệp - Luật kinh doanh...

+ **Chuyên ngành Tài chính Nhà nước:** Ngân sách Nhà nước - Kế toán ngân sách - Kế toán kho bạc - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Luật tài chính ngân sách - Hệ thống thông tin tài chính và kế toán...

+ Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Kế toán doanh nghiệp - Thanh toán quốc tế - Đầu tư tài chính - Kế toán ngân hàng - Quản trị ngân hàng - Luật ngân hàng - Kiểm toán...

Ngoài ra, sinh viên sẽ được lựa chọn một số môn học khác để **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Quản trị rủi ro marketing ngân hàng - Tài chính Cty và ngân sách - Phân tích báo cáo tài chính ngân hàng.... Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng **có khả năng** giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác quản lý hoạt động của hệ thống tài chính - ngân hàng và các hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, các định chế tài chính trung gian...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có thể công tác tại:

+ Viện Nghiên cứu Tài chính; các TT Giao dịch, TT Giao dịch chứng khoán trên địa bàn toàn quốc...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế...

+ Các Vụ: Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chiến lược phát triển ngân hàng, Vụ Chế độ kế toán, Vụ Chính sách thuế, Vụ Chính sách tiền tệ...

+ Các cơ quan kinh tế tiền tệ, các tổ chức tín dụng, các Cty cho thuê tài chính, bảo hiểm, mua bán nợ, kiểm toán trong nước và quốc tế như: hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các Cty Bảo hiểm nhân thọ, TD Bảo hiểm VN...

+ Các phòng chức năng: Tài chính doanh nghiệp, Tài chính hành chính sự nghiệp, Quản lý ngân sách... tại các Sở: Sở Tài chính, Sở Giao dịch... ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành về Tài chính - Ngân hàng.

Ngành Kế Toán - Kiểm toán

Sinh viên ngành Kế toán - Kiểm toán được trang bị khối **kiến thức chung** về Khoa học Tự nhiên và nhóm ngành Kinh tế như: Giải tích - Xác suất thống kê - Địa lý kinh tế - Lịch sử các học thuyết kinh tế - Kế toán ... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Kế Toán - Kiểm toán: Kinh tế quốc tế - Thị trường chứng khoán - Tài chính tiền tệ - Tài chính doanh nghiệp ... và cũng sẽ được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kế toán tài chính - Kế toán doanh nghiệp - Kế toán quản trị - Kế toán quốc tế - Kiểm toán - Kế toán thương mại - Kế toán ngân hàng thương mại - Kế toán thuế - Kế toán kho bạc - Kế toán ngân sách - Thanh toán quốc tế - Tiền tệ ngân hàng - Hệ thống thông tin kế toán... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có thể** tổ chức, điều hành công tác kế toán, kiểm toán, nội bộ và tài chính... ở các doanh nghiệp, đặc biệt là các Ngân hàng, có **khả năng** phân tích, đánh giá hiệu quả sản xuất, kinh doanh tổ chức và thực hiện các thông tin, số liệu có liên quan tới tổ chức kinh tế nhằm xác định các chuẩn mực đã được quy định, **khả năng** nghiên cứu khoa học để phát triển và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tế công tác...

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán - Kiểm toán sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính; Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán...

+ Các phòng chức năng: Kế toán, Quản lý ngân sách... tại các Sở: Sở Tài chính, Sở Du lịch và Thương mại, Sở Công nghiệp... ở các tỉnh, thành phố trên cả nước.

- + Hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương.
- + Các Cty, T.Cty trên địa bàn toàn quốc: T.Cty Xây dựng VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN, TĐ Điện lực VN, Cty Kiểm toán và Định giá VN...
- + Các cơ quan, đơn vị thực hiện chức năng soạn thảo văn bản pháp lý về kế toán, kiểm toán nói riêng và về kinh tế quản lý nói chung, các cơ quan kiểm tra tài chính...
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán.

Ngành Hệ thống thông tin quản lý

Ngành Hệ thống thông tin quản lý cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế: Giải tích toán học - Phương trình vi phân - Xác suất và thống kê - Quy hoạch tuyến tính - Kinh tế học... và một số môn học lựa chọn khác: Con người và môi trường - Địa lý kinh tế - Tâm lý học - Logic học - Nhập môn khoa học giao tiếp... đồng thời sẽ bước đầu đi vào nghiên cứu **kiến thức cơ bản** về Hệ thống thông tin quản lý: Kỹ thuật lập trình - Quản trị dự án phần mềm - Quản trị học - Quản trị Marketing - Kế toán... sau đó được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Nhập môn hệ thống thông tin - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị hệ thống thông tin - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Phân tích và thiết kế hệ thống - Hệ thống thông tin kế toán - Ngoại ngữ chuyên ngành... Ngoài ra, sinh viên còn được **bổ trợ kiến thức** cho ngành bằng các môn học tự chọn như: Kinh tế quốc tế - Luật kinh tế - Kinh doanh quốc tế - Hệ thống thông tin tài chính - Thiết kế trang Web kinh doanh - Thị trường chứng khoán ... Sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** tổ chức và quản lý mạng thông tin trong các doanh nghiệp, vi tính hóa các thao tác quản lý cũng như thiết kế các phần mềm tin học phục vụ công tác quản lý...

Cử nhân ngành Hệ thống thông tin quản lý có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Công nghệ thông tin, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; TT Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia, TT Giao dịch công nghệ, các TT Thông tin...
- + Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin; Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Viễn thông, Vụ Khoa học công nghệ...
- + TĐ Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Điện tử và Tin học VN, T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN, T.Cty Hàng không VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...
- + Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Hệ thống quản trị, Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Khoa học công nghệ... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao dịch... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước...
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Hệ thống thông tin quản lý.

Ngành Quản trị kinh doanh

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh không chỉ có những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế: Xác suất thống kê - Phương trình vi phân - Phân tích sai phân - Kinh tế học vi mô - Kinh tế vĩ mô - Kinh tế học phát triển ... mà còn có các **kiến thức cơ**

bản về Quản trị kinh doanh: Thống kê trong kinh doanh và kinh tế - Luật kinh doanh - Các phần mềm ứng dụng trong kế toán.... Từ đó, sinh viên sẽ được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Quản trị doanh nghiệp - Thị trường chứng khoán - Kế toán tài chính - Thanh toán quốc tế - Kế toán quản trị - Hệ thống tin kế toán - Đối chiếu kế toán quốc tế ... cùng với một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Kiểm toán marketing quốc tế - Quản trị marketing... không những thế sinh viên còn được trang bị thêm khối **kiến thức nghiệp vụ**: Quản trị sản xuất - Quản trị nguồn nhân lực - Quản trị chiến lược... để sau khi ra trường sinh viên sẽ **có kỹ năng sâu** về quản trị doanh nghiệp và biết tổ chức các hoạt động của một doanh nghiệp có hiệu quả cao, hình thành tư duy linh hoạt, nhạy bén với biến động thị trường, có khả năng giao tiếp quốc tế...

Ra trường, sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc tại:

- + Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, TT Tư vấn Quản lý và Đào tạo...
- + Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...
- + Các doanh nghiệp, Cty, T.Cty trên địa bàn toàn quốc: T.Cty Xây dựng, T.Cty Điện tử và Tin học VN, TD Dệt - May VN...
- + Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Ngành Luật kinh doanh

Khi theo học ngành Luật kinh doanh sinh viên sẽ được trang bị ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Tin học - Nhập môn xã hội học - Chính trị học - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Logic học... cùng với những môn học lựa chọn khác: Giải tích - Con người và môi trường - Dân số học - Nhập môn khoa học giao tiếp... thì còn được bước đầu đi vào chuyên ngành với những **kiến thức cơ bản** về ngành: Lý luận Nhà nước và pháp luật - Lịch sử Nhà nước và pháp luật - Luật hiến pháp VN và các nước trên thế giới - Luật dân sự - Luật hình sự - Luật hôn nhân và gia đình... sau đó sinh viên sẽ được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Luật kinh tế - Luật doanh nghiệp - Luật thương mại - Luật cạnh tranh - Luật thuế và tài chính - Luật bản quyền - Luật kinh doanh bảo hiểm - Luật thương mại quốc tế - Luật sở hữu công nghiệp - Luật tài chính doanh nghiệp - Luật ngân hàng... đồng thời còn được lựa chọn các môn học nhằm **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành**: Tin học quản lý - Tâm lý quản lý... để sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Luật kinh doanh **có khả năng** tư vấn, đàm phán, ký kết các hợp đồng kinh tế thương mại, khế ước và thỏa thuận khác...

Tốt nghiệp ngành Luật Kinh doanh sinh viên có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý, Vụ Pháp luật dân sự, kinh tế ...
- + Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân từ Trung ương đến địa phương.
- + Các phòng chức năng: Pháp chế, Thanh tra, Tư vấn... tại các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh... có hoạt động liên quan đến ngành Luật kinh doanh
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Luật kinh doanh.

Ngành Luật thương mại quốc tế

Bên cạnh những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, khối **kiến thức cơ bản** về ngành được trang bị giống như ngành Luật kinh doanh thì sinh viên khi theo học ngành Luật thương mại quốc tế còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Pháp luật thương mại - Luật lao động - Luật thuế - Luật tài chính doanh nghiệp - Luật ngân hàng - Luật môi trường và tài nguyên - Luật đất đai - Luật thương mại quốc tế - Hợp đồng thương mại quốc tế - Tập quán thương mại quốc tế ... để khi học xong Cử nhân ngành Luật thương mại quốc tế **có khả năng** phát hiện và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành đào tạo...

Sau khi tốt nghiệp ngành Luật thương mại quốc tế sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học xét xử, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Khoa học pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý, Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật, Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Vụ Pháp luật quốc tế...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Luật thương mại quốc tế.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	600	3.073	1/5.1
2003	850	15.119	1/17.7
2004	1.070	8.120	1/7.5
2005	1.250	8.345	1/6.6
2006	1.450	15.008	1/10.4

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	Khối thi	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
			NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Kinh tế học	A	13	11	12	13	15	15	-	16	21	18	-
	D1	13	11	12	14	16	18	-	16	21	18	-
Kinh tế đối ngoại	A	16	13	14	16	19	18	-	21.5	-	20.5	-
	D1	16	13	14	20	23	20	-	20.5	-	20.5	-
Kinh tế công cộng	A	13	11	12	13	14	15	18	15	19.5	16	-
	D1	13	11	12	14	15	17	20	15	19.5	16	-
Tài chính - Ngân hàng ^{1*}	A	-	12	13	15	17	17	-	19.5	-	20.5	-
	D1	-	12	13	19	21	17	-	19.5	-	21.5	-
Kế toán - Kiểm toán	A	-	12	13	16	18	18	-	21.5	-	20.5	-
	D1	-	12	13	20	22	20	-	20.5	-	20.5	-
Hệ thống thông tin QL	A	-	-	-	-	-	15	19	16	21.5	16	19.5
Luật kinh doanh	A	-	-	-	-	-	15	19	17	21	16	-
	D1	-	-	-	-	-	17	21	17	21	16	-
Luật thương mại QT	A	-	-	-	-	-	-	-	16	21	16	-
	D1	-	-	-	-	-	-	-	16	21	19	-
Quản trị kinh doanh	A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18	-
	D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-

Ghi chú: - 1* - Trước năm 2005 ngành Tài chính - Ngân hàng có tên Tài chính - Tín dụng

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Khoa Kinh tế tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A, D1.
- Khoa thường xét điểm trúng tuyển theo ngành mà thí sinh đã ĐKDT.
- Khoa Kinh tế có đào tạo lớp cử nhân tài năng và sẽ tuyển trong số các thí sinh trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh Đại học vào Khoa sẽ chọn các thí sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, các giải Olympic quốc tế, đạt kết quả tuyển sinh cao nhất, và có nguyện vọng theo học chương trình cử nhân tài năng của ngành Kinh tế học và Tài chính - Ngân hàng.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Khoa hàng năm tăng lên (xem chi tiết bảng 1).
- Số thí sinh ĐKDT vào Khoa từ năm 2002 đến nay không theo 1 quy luật nào vì thể tỉ lệ "chọi" của trường có năm cao, có năm thấp. (Xem bảng 1). Trong khi đó điểm trúng tuyển vào Khoa cũng tăng lên (Xem bảng 2), điều đó cho thấy chất lượng đầu vào của Khoa ngày càng được nâng cao.
- Điểm chuẩn của các ngành trong Khoa ngày càng có sự chênh lệch giữa các năm từ sau năm 2002: nếu như năm 2002 sự chênh lệch điểm giữa các ngành chỉ là 2 điểm (11-13 điểm) thì đến năm 2006 có một số ngành đã chênh nhau tới 5,5 điểm (ngành Tài chính - Ngân hàng D1 là 21,5 điểm trong khi đó ngành Kinh tế công cộng D1 chỉ lấy 16 điểm). (xem bảng 2).
- Nhìn vào bảng 2 cũng có thể thấy điểm trúng tuyển vào trường từ năm 2004 đến nay có một số ngành điểm chuẩn vẫn cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT (năm 2004 điểm sàn của Bộ quy định: khối A, D: 14 điểm; khối B, C: 15 điểm; năm 2005: khối A, B: 15 điểm; C, D: 14 điểm; năm 2006: khối A, D: 13 điểm; khối B, C: 14 điểm); năm 2004 điểm chuẩn của trường cao hơn điểm sàn của Bộ từ 1 - 6 điểm, năm 2005 có ngành cao hơn đến 7.5 điểm, năm 2006 điểm chuẩn nhìn chung cao hơn từ 3 đến 7.5 điểm (xem bảng 2).
- Điểm trúng tuyển của Khoa Kinh tế cao hơn so với một số trường thuộc khối Kinh tế khác: năm 2006 Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM lấy 17.5 điểm, Trường ĐH Kinh tế (ĐH Đà Nẵng) lấy điểm cao nhất là 18.0 điểm, còn Khoa Kinh tế điểm chuẩn cao nhất là 21.5 điểm.
- Từ những đặc điểm vừa nêu, lưu ý các bạn thí sinh trong việc chọn ngành thi, nên cân nhắc khả năng, sở thích của mình, chú ý đến chỉ tiêu, số lượng thí sinh ĐKDT vào ngành mình chọn vì các thông tin này liên quan đến tỉ lệ "chọi" của ngành đó, đồng thời nên lưu ý đến điểm trúng tuyển giữa các ngành để có quyết định hợp lý.
- Từ năm 2006 Khoa Kinh tế tuyển thêm ngành Quản trị kinh doanh tạo ra cơ hội mới cho những sinh viên muốn trở thành sinh viên của trường.
- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường giảm vì năm 2006 số lượng thí sinh ĐKDT tăng khá lớn trong khi đó điểm trúng tuyển vào trường lại cao hơn những năm khác.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 280 An Dương Vương, P.4, Q.5, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8352020 - Fax: 84.8.351180 - Website: <http://www.hcmupeda.edu.vn/>

- Trường Đại Học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP Tp.HCM) được thành lập ngày 27/10/1976, là trường trọng điểm ở khu vực phía Nam đào tạo giáo viên có chất lượng cao trên nhiều lĩnh vực Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội để phục vụ nhu cầu giáo dục cho học sinh các cấp.
- Trường ĐHSP Tp.HCM có khoảng 759 cán bộ, trong đó có 18 Nhà giáo ưu tú, 27 Giáo sư và Phó Giáo sư, 144 Giảng viên chính, 119 Tiến sĩ Khoa học và Tiến sĩ, 200 Thạc sĩ.
- Trường hiện đang đào tạo các bậc: Đại học và Sau đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

* CÁC NGÀNH SƯ PHẠM:

Ngành Sư phạm Toán

Sinh viên ngành Sư phạm Toán được trang bị **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Đại số tuyến tính - Giải tích - Tin học - Tâm lý học - Giáo dục học - Quản lý hành chính Nhà nước ... và còn được học những **kiến thức cơ bản** về Toán học: Đại số - Phương trình vi phân - Xác suất thống kê - Số học... bên cạnh đó ngành còn đào tạo cho sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hình học Afn và Hình học Euclide - Lý luận dạy học môn Toán - Không gian topo - Độ đo tích phân Ngoài ra sinh viên cũng sẽ được cung cấp những kiến thức nhằm rèn luyện **kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm**: Lý luận dạy học đại học - Phương pháp nghiên cứu khoa học - Giáo dục học so sánh - Quản lý giáo dục và trường - Phát triển và đào tạo học sinh năng khiếu - Đánh giá trong giáo dục - Luật giáo dục - Xã hội học giáo dục - Lịch sử giáo dục... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo và làm công tác nghiên cứu trong những lĩnh vực có liên quan đến Toán học...

Ngành Sư phạm Tin

Khi theo học ngành Sư phạm Tin sinh viên sẽ được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản và khối **kiến thức nghiệp vụ sư phạm** giống như ngành Sư phạm Toán, cùng với các **kiến thức cơ bản** dành riêng cho chuyên ngành: Tâm lý học lứa tuổi - Tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm - Cấu trúc dữ liệu ... từ đó ngành còn trang bị cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Foxpro - Foxpro - Ngôn ngữ lập trình - Kỹ thuật đồ họa, sư phạm Toán - Giải thuật - Cơ sở hình học - Đại số giao ho - Ngôn ngữ máy tính - Lập trình hướng đối tượng C++ - Xu hướng dạy học không truyền thống - Hệ điều hành... để khi ra trường Cử nhân ngành Sư phạm Tin sẽ **có khả năng** tham gia công tác nghiên cứu hoặc giảng dạy trong những lĩnh vực có liên quan đến Tin học...

Ngành Sư phạm Vật lý

Khối kiến thức mà ngành Sư phạm Vật lý trang bị cho sinh viên khi theo học ngành này bao gồm: **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Điện kỹ thuật - Hóa đại cương - Đại số - Hình học giải tích - Vật lý - Phương pháp toán lý..., cùng **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Tâm lý học - Tâm lý học lứa tuổi - Giáo dục học - Tổ chức hoạt động dạy học vật lý - Phương tiện kỹ thuật đồ dùng dạy học.... Trên nền những kiến thức đã được cung cấp sinh viên sẽ đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cơ học - Vật lý phân tử và nhiệt học - Điện và từ học - Dao động và sóng - Quang học - Vật lý nguyên tử và hạt nhân - Vật lý thống kê - Vô tuyến điện tử - Cơ học lượng tử - Vật lý thiên văn - Vật lý chất rắn... cùng với một số môn học bổ trợ cho **nghệ thuật sư phạm** tương tự như khối kiến thức mà nhà trường cung cấp cho ngành Sư phạm Toán, Sư phạm Tin... để khi học xong ngành này sinh viên **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu, công tác trong các lĩnh vực có liên quan tới chuyên ngành...

Ngành Sư phạm Hóa học

Nội dung đào tạo ngành Sư phạm Hóa học nhằm đào tạo cho sinh viên bước đầu có các **kiến thức chung** dành cho khối A: Đại số tuyến tính - Giải tích - Cơ & Nhiệt - Điện & Quang - Hóa học - Tin học... đồng thời cung cấp những **kiến thức cơ bản** về ngành: Tâm lý học - Tâm lý học lứa tuổi - Giáo dục học - Phương pháp giảng dạy hóa... sau đó sinh viên sẽ được đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cấu tạo chất - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa định tính - Hóa định lượng - Nhiệt động học - Hóa keo - Động học xúc tác - Điện hóa học - Hóa công - Hóa nông - Hóa học môi trường - Tin học trong hóa học... cùng với một số **chuyên đề** về phức chất, hợp chất tự nhiên... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** ứng dụng kỹ năng nghiệp vụ sư phạm vào công tác giảng dạy bộ môn chuyên ngành hoặc có khả năng tự học tự nghiên cứu chuyên môn và nghiệp vụ để tiếp tục phát triển nghề nghiệp và học lên cao...

Ngành Sư phạm Sinh học

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư phạm Sinh học không chỉ cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối A, B: Đại số tuyến tính - Hình học giải tích - Giải tích - Phép tính giải tích một biến số - Phép tính giải tích nhiều biến số - Xác suất thống kê - Thống kê sinh học - Vật lý học - Hóa học - Hóa phân tích... mà còn trang bị khối **kiến thức cơ bản về ngành Sinh học**: Lược sử sinh học - Tế bào học - Hình thái học thực vật - Động vật không xương sống - Vi sinh vật học - Mô học - Hệ thống học thực vật - Động vật học có xương sống - Di truyền học - Hóa sinh học - Cơ sở Sinh thái học - Lý sinh học - Sinh lý thực vật - Sinh lý người và động vật - Sinh học người - Sinh học phát triển - Lý thuyết tiến hóa.... Trên nền những kiến thức cơ sở đã được học sinh viên sẽ được đào tạo các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

+ **Chuyên ngành Sinh học phân tử và tế bào**: Vi sinh vật học công nghiệp - Công nghệ Hóa sinh - Di truyền phân tử và tế bào...

+ **Chuyên ngành Sinh học cơ thể động vật và người**: Sinh lý thần kinh - Nội tiết học - Nhân học....

+ **Chuyên ngành Sinh học quần thể, quần xã, đa dạng sinh học**: Đa dạng sinh học và bảo tồn thiên nhiên - Đa dạng sinh học người - Địa lý sinh vật - Sinh thái học quần thể...

Đồng thời, sinh viên ngành Sư phạm Sinh học còn được học khối **kiến thức nghiệp vụ sư phạm** giống như các ngành Sư phạm Toán, Sư phạm Tin... trang bị cho sinh viên, cùng với một số môn học mang tính đặc thù của ngành như: Chương trình & phương pháp dạy học Sinh học phổ thông... để sau khi học xong Cử nhân ngành này **có khả năng** nghiên cứu chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm, có năng lực giảng dạy môn Sinh học tại các cơ sở đào tạo...

Ngành Sư phạm Ngữ văn

Khi học ngành Sư phạm Ngữ văn sinh viên sẽ được học các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội: Văn học dân gian VN - Hán Nôm - Logic học - Tiếng Việt thực hành - Tâm lý học - Cơ sở ngôn ngữ học - Cơ sở văn hóa VN ... và được cung cấp **kiến thức cơ bản về ngành**: Văn học VN trung đại - Lý luận văn học - Đo lường kết quả dạy học - Phương pháp nghiên cứu khoa học... đồng thời sinh viên còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phương pháp giảng dạy (PPGD) văn học - PPGD tiếng Việt - Từ vựng học tiếng Việt - Ngữ pháp - Ngữ nghĩa, ngữ dụng - Ngữ pháp văn bản - Phong cách học ... bên cạnh đó trường còn đào tạo để sinh viên có những **kiến thức nghiệp vụ sư phạm** giống như những ngành sư phạm khác... để khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn **có khả năng** giảng dạy và nghiên cứu Ngữ văn tại các trường có đào tạo chuyên ngành và có khả năng quản lý văn hóa ở các tỉnh thành phía Nam nói riêng, trên toàn quốc nói chung...

Ngành Sư phạm Địa lý

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Địa lý nhằm cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Tâm lý học - Giáo dục học - Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo - Giải tích - Phương trình vi phân..., cùng với khối **kiến thức cơ bản và chuyên sâu của chuyên ngành**: Nhập môn khoa học trái đất - Địa chất đại cương - Địa chất lịch sử - Bản đồ - Lịch sử văn minh thế giới - Con người và môi trường - Khí hậu - Thủy văn - Thổ nhưỡng - Địa lý kinh tế xã hội - Địa sinh thái cảnh quan - Địa lý tự nhiên các lục địa - PPGD Địa lý đại cương - Địa lý tự nhiên VN - Thực địa Địa lý kinh tế xã hội - Địa lý kinh tế xã hội các nước - PP sử dụng các phương tiện dạy học - Địa lý du lịch - Địa lý biển Đông - Địa lý đô thị - Địa danh - Địa lý kinh tế xã hội VN - PPGD địa lý lớp 10+11+12 Tốt nghiệp ngành Sư phạm Địa lý sinh viên không chỉ **có khả năng** nghiên cứu và giảng dạy mà còn có thể đảm nhận công việc trong các lĩnh vực tổ chức và quy hoạch lãnh thổ, quản lý tài nguyên, xây dựng và quản lý các dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn và đô thị...

Ngành Sư phạm Lịch sử

Ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản được trang bị giống như ngành Sư phạm Địa lý thì sinh viên ngành Sư phạm Lịch sử còn được đào tạo **kiến thức cơ bản về ngành**: Tâm lý học - Giáo dục học - PPGD lịch sử - PP nghiên cứu khoa học giáo dục - Lịch sử văn minh thế giới - Nhập môn sử học - Khảo cổ học ... bên cạnh đó cũng được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lịch sử thế giới cổ trung đại - Lịch sử VN cổ trung đại - Lịch sử thế giới cận hiện đại - Lịch sử VN cận hiện đại - Phương pháp luận sử học - Lịch sử sử học - Sử liệu học - Lịch sử địa phương.... Ra trường, Cử nhân ngành Sư phạm Lịch sử **có khả năng** giảng dạy bộ môn Lịch sử tại các trường Trung học, có khả năng làm việc trong những lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành...

Ngành Sư phạm Giáo dục chính trị

Ngành Sư phạm Giáo dục chính trị cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Cơ sở văn hóa VN - Lý luận văn học Hán Nôm - Xã hội học - Tâm lý học - Giáo dục học - Tin học - Phương pháp nghiên cứu khoa học - Quản lý hành chính Nhà nước - Quản lý ngành Giáo dục và Đào tạo... cùng với khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Văn hóa học - Lịch sử triết học trước Mác - Lịch sử triết học Mác, Lênin - Logic hình thức - Đạo đức học - Chính trị học - Pháp luật học..., để từ đó sinh viên được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa - Giáo dục gia đình - Lý luận dạy môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông - Tác phẩm kinh điển của Mác, Ăngghen - Tác phẩm kinh điển của Lênin... đồng thời sẽ được rèn luyện những **kỹ năng và nghiệp vụ** sư phạm giống các ngành sư phạm khác... để

sau khi tốt nghiệp sinh viên ***có khả năng*** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo và làm công tác nghiên cứu tại các cơ quan...

Ngành Sư phạm Giáo dục đặc biệt

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm GDĐB có ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học cơ bản giống như ngành Sư phạm Giáo dục chính trị và có các ***kiến thức cơ bản*** về ngành: Phương pháp nghiên cứu khoa học trong GDĐB - Giáo dục trẻ khiếm thính - Giáo dục trẻ khiếm thị - Giáo dục trẻ chậm phát triển trí tuệ ..., cùng với những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Bệnh trẻ em - Chăm sóc, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non - Giáo dục học tiểu học - Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật... để khi ra trường Cử nhân ngành Sư phạm giáo dục đặc biệt ***có khả năng*** tư vấn, giúp đỡ phụ huynh, giáo viên ở các cấp học trong nuôi dạy và giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt, khả năng tham gia nghiên cứu khoa học GDĐB tại các cơ sở nghiên cứu và giảng dạy các môn khoa học thuộc lĩnh vực GDĐB đồng thời có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng thực hành thành thạo để tổ chức, chăm sóc giáo dục trẻ có nhu cầu đặc biệt ở độ tuổi mầm non và tiểu học...

Ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học

Nội dung chương trình đào tạo ngành Sư phạm GDTH bao gồm những ***kiến thức chung*** về khối Khoa học cơ bản: Đại số sơ cấp - Hình học sơ cấp - Số học - Tâm lý học - Giáo dục học - Tiếng Việt thực hành - Văn học... những ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành: Sinh lý trẻ - Tâm lý học tiểu học - Lý luận dạy học tiểu học - Lý luận giáo dục tiểu học - Âm nhạc - Mỹ thuật - Kỹ thuật - Giáo dục môi trường... bên cạnh đó ngành còn cung cấp ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Phương pháp tổ chức công tác đội - Phương pháp dạy học (PPDH) Đạo đức - PPDH Tiếng Việt - PPDH Toán - PPDH Tự nhiên Xã hội - PPDH Âm nhạc - PPDH Mỹ thuật - PPDH Thể dục - PPDH Kỹ thuật... ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn các ***chuyên đề về***: Tiếng Việt - Toán - Tâm lý học tiểu học - Lý luận dạy học tiểu học - Lý luận giáo dục tiểu học... để khi học xong sinh viên ngành này ***có khả năng*** ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ vào công tác giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực có liên quan chuyên ngành được đào tạo...

Ngành Sư phạm Giáo dục mầm non

Đào tạo cử nhân ngành Sư phạm GDMN không chỉ có ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học cơ bản: Môi trường và con người - Cơ sở văn hóa VN - Mỹ học đại cương - Tiếng Việt - Toán cơ sở... mà còn có ***kiến thức cơ bản*** về ngành: Tâm lý học - Giao tiếp ứng xử của cô giáo mầm non trong hoạt động sư phạm - Giáo dục học - Giáo dục học trẻ em - Tổ chức các hoạt động GDMN theo hướng tích hợp - Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên... đồng thời sinh viên sẽ được cung cấp những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Văn học dân gian - Văn học trẻ em - Sinh lý trẻ em - Dinh dưỡng - Âm nhạc - Múa và phương pháp (PP) dạy múa - Tổ chức hoạt động vui chơi - PP cho trẻ làm quen tác phẩm văn học - PP phát triển ngôn ngữ - PP hình thành biểu tượng toán - PP cho trẻ làm quen môi trường xung quanh - PP giáo dục âm nhạc - PP chăm sóc vệ sinh trẻ em - Hành vi văn hóa - PP nghiên cứu khoa học giáo dục - Quản lý ngành học mầm non - Tạo hình năng cao... để sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Sư phạm GDMN ***có khả năng*** giảng dạy tại các trường mầm non...

Ngành Sư phạm tiếng Anh

Sinh viên học ngành Sư phạm tiếng Anh được trang bị ngoài các ***kiến thức chung*** về khối Khoa học cơ bản: Địa lý - Thống kê xã hội học - Môi trường và con người... còn có ***kiến thức cơ bản*** về ngành: Cơ sở văn hóa VN - Ngôn ngữ học đối chiếu - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học... cùng với những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ và tiếng

Anh: Ngữ âm học tiếng Anh - Ngữ nghĩa học tiếng Anh - Giao văn hóa - Dịch - Nghe hiểu - Nói - Đọc hiểu - Viết - Tiếng Anh nâng cao... cũng như sẽ được rèn luyện **kỹ năng, nghiệp vụ** về ngành sư phạm nói chung giống như các ngành SP Toán, SP Tin, SP Sinh học... và về ngành SP tiếng Anh nói riêng: Tổ chức hoạt động dạy học môn Tiếng Anh - Phương tiện kỹ thuật đồ dùng dạy học... để khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** giảng dạy, giao tiếp bằng tiếng Anh...

Ngành Sư phạm tiếng Trung

Ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, các **kiến thức cơ bản** về ngành, cùng với khối **kiến thức nghiệp vụ sư phạm** được đào tạo giống như ngành Sư phạm tiếng Anh thì sinh viên ngành Sư phạm tiếng Trung còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ và tiếng Trung Quốc như: Ngữ pháp tiếng Trung - Luyện âm - Ngữ âm - Từ vựng - Nghe tin tức - Mậu dịch đối ngoại - Văn học Trung Quốc - Đất nước học Trung Quốc... đồng thời ngành cũng trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, biên dịch tiếng Trung... để khi học xong chuyên ngành này sinh viên **có khả năng** ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ vào công tác đào tạo lĩnh vực chuyên ngành...

Ngành Sư phạm tiếng Nga

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm tiếng Nga cũng trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** về ngành và về **nghiệp vụ sư phạm** giống như ngành Sư phạm tiếng Anh, bên cạnh đó sinh viên ngành này sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ và tiếng Nga: Ngữ pháp tiếng Nga - Lý thuyết tiếng - Đất nước học Nga - Văn học Nga - Luyện âm - Ngữ âm - Từ vựng... ngoài ra sinh viên cũng được cung cấp các kỹ năng, nghiệp vụ về nghe, nói, đọc, viết, biên dịch tiếng Nga... để sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Sư phạm tiếng Nga **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu, giao tiếp tiếng Nga...

Ngành Sư phạm tiếng Pháp

Trên nền những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản về ngành và về nghiệp vụ sư phạm** giống như ngành Sư phạm tiếng Anh, sinh viên ngành Sư phạm tiếng Pháp sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ và tiếng Pháp: Ngữ pháp tiếng Pháp - Ngữ âm tiếng Pháp - Từ vựng - Hình thái học - Cú pháp - Nghị luận - Thuyết trình - Văn học Pháp - Đất nước học Pháp... bên cạnh đó cũng sẽ được trang bị các kỹ năng, nghiệp vụ về nghe, nói, đọc, viết, biên dịch tiếng Pháp... để sau khi học xong, Cử nhân ngành Sư phạm tiếng Pháp **có khả năng** công tác trong lĩnh vực chuyên ngành hoặc có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Ngành Giáo dục thể chất

Nội dung đào tạo ngành Giáo dục thể chất (GDTC) không chỉ cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Tin học - Tiếng Việt thực hành - Lịch sử thể dục thể thao (TDTT) và lịch sử Olympic - Môi trường và con người - Cơ sở văn hóa VN... mà còn trang bị những **kiến thức cơ bản** về nghiệp vụ sư phạm và về ngành: Tâm lý học - Giáo dục học - Đo lường thể thao - Phương pháp (PP) nghiên cứu khoa học TDTT... đồng thời sinh viên sẽ bước đầu được đi vào chuyên ngành với các môn như: Điền kinh - Thể dục - Bơi lội - Bóng đá - Bóng chuyền - Cầu lông - Cờ vua - Bóng rổ.... Trên cơ sở đó, ngành sẽ đào tạo để sinh có được khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kinh tế xã hội TDTT - Y học TDTT - Sinh lý học TDTT - Giao tiếp sư phạm - Quản lý TDTT - Thể thao trường học - Thể thao chuyên sâu... ngoài ra ngành còn tạo điều kiện cho sinh viên đi

sâu nghiên cứu, học tập các môn cơ bản về chuyên ngành đã học cùng với một số môn học khác như: Võ thuật - Vật - Bóng ném - Bắn súng - Đá cầu - Âm nhạc vũ đạo.... Ra trường, sinh viên ngành này ***có khả năng*** giảng dạy, công tác trong ngành Giáo dục hoặc những ngành có liên quan khác...

Ngành Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng

Ngoài những ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học cơ bản, ***kiến thức cơ bản*** về nghiệp vụ sư phạm cũng như về ngành Giáo dục thể chất được trang bị giống như ngành Giáo dục thể chất thì sinh viên ngành Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng còn được đào tạo để có thêm các ***kiến thức cơ bản*** dành cho Giáo dục quốc phòng: Tâm lý học và Giáo dục quân sự - Công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội nhân dân VN - Pháp luật, pháp chế về quốc phòng - Công tác bảo đảm hậu cần và quân y ... để trên nền những kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ bước đầu đi vào nghiên cứu chuyên ngành không chỉ về Giáo dục thể chất tương tự ngành Giáo dục thể chất mà còn được trang bị ***kiến thức chuyên sâu về Giáo dục quốc phòng***: Đường lối quân sự và lịch sử nghệ thuật quân sự - Công tác quốc phòng địa phương - Địa hình quân sự - Một số loại binh khí kỹ thuật chiến đấu bộ binh - Tổ chức và phương pháp giảng dạy giáo dục quốc phòng.... Từ đó, ngành còn tạo điều kiện để sinh viên rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ các môn chuyên ngành như: Điền kinh - Thể dục - Bơi lội - Bóng đá - Bóng chuyền - Cầu lông - Võ thuật - Vật - Bóng ném - Quấn vợt - Bắn súng - Đá cầu - Âm nhạc vũ đạo.... Tốt nghiệp ngành này sinh viên sẽ ***có khả năng*** giảng dạy, công tác trong ngành Giáo dục hoặc những ngành có liên quan đến Giáo dục thể chất - quốc phòng...

Ngành Tâm lý giáo dục

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Tâm lý giáo dục của Trường ĐHSP Tp.HCM cũng giống như cử nhân chuyên ngành cùng tên của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM).... Sinh viên khi theo học ngành này cũng sẽ được cung cấp ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học cơ bản, được học các ***kiến thức cơ bản*** về ngành, đồng thời được trang bị những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... để khi tốt nghiệp ra trường Cử nhân ngành Tâm lý giáo dục ***có khả năng*** lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra các hoạt động giáo dục, kỹ năng giao tiếp, khả năng ứng dụng khoa học giáo dục vào quản lý các cơ sở giáo dục và các hoạt động sư phạm...

Sinh viên tốt nghiệp tất cả các ngành Sư phạm của Trường ĐHSP Tp.HCM có thể làm việc tại:

+ Giảng dạy tại các trường mầm non, các trường Trung học phổ thông, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, các trường bồi dưỡng giáo viên...

+ Các Viện, Vụ: Viện Khoa học và Công nghệ VN, Viện Khoa học Xã hội VN, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên...

+ TT Thể dục thể thao, Ủy ban Thể dục thể thao... từ Trung ương đến địa phương.

*** CÁC NGÀNH NGOÀI SƯ PHẠM:**

Ngành Việt Nam học

Sinh viên học ngành VN học được trang bị không chỉ có ***kiến thức chung*** của khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Thống kê xã hội - Môi trường và phát triển - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học... mà còn được đào tạo các ***kiến thức cơ bản*** về ngành: Nhập môn khu vực học - Xã hội học - Cơ sở ngôn ngữ học - Lịch sử văn minh thế giới - Tiếng Việt nâng cao... bên cạnh đó sẽ được cung

cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Các dân tộc ở VN - Kinh tế VN - Cơ sở văn hóa VN - Lịch sử VN - Địa lý VN - Lịch sử Văn học VN - Văn học Dân gian VN - Thể giới chính trị VN hiện đại Ngoài ra sinh viên còn được học những **kiến thức bổ trợ** nhằm hoàn thiện cho chuyên ngành: Ngữ âm tiếng Việt thực hành - Ngữ pháp tiếng Việt thực hành - Tiếng Việt giao tiếp hoàn thiện... để sau khi ra trường Cử nhân ngành VN học **có khả năng** đi sâu nghiên cứu và giảng dạy về VN học, hoặc làm trong các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện, văn phòng thương mại, các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ ở trong và ngoài nước VN...

Sinh viên học ngành VN học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Viện Khoa học Xã hội VN... và các đơn vị trực thuộc: Viện Kinh tế, Viện Sử học, Viện Văn học, Viện Nghiên cứu văn hóa...
- + Các Sở Văn hóa Thông tin... thuộc 64 tỉnh thành trong cả nước.
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có chuyên ngành đào tạo là VN học.

Ngành Quốc Tế học

Ngành Quốc Tế học cung cấp cho sinh viên ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội như: Thống kê xã hội - Môi trường và phát triển - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học - Tâm lý học - Giáo dục học... là những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Quốc tế học: Lịch sử văn minh thế giới - Dân tộc học - Kinh tế học - Các tổ chức quốc tế - Luật pháp VN - Xã hội học - Ngôn ngữ học... cùng với **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Lịch sử quan hệ quốc tế - Lịch sử quan hệ đối ngoại VN - Kinh tế học quốc tế - Kinh tế đối ngoại VN - Thể chế chính trị thời gian - Quan hệ quốc tế ... để sau khi học xong ngành Quốc tế học sinh viên sẽ **có khả năng** sử dụng tiếng Anh và một số ngoại ngữ khác như một công cụ giao tiếp quốc tế...

Ra trường, sinh viên học ngành Quốc tế học có thể làm việc tại:

- + Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới...
- + Các phòng chức năng: Đối ngoại, Hợp tác quốc tế... trực thuộc các Bộ, Tổng cục, các Tổ chức Phi chính phủ...
- + Làm công tác phiên, biên dịch tại các đơn vị có quan hệ hợp tác quốc tế trên toàn quốc.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Quốc tế học.

1) Ngành Anh văn; 2) Ngành Pháp văn; 3) Ngành Trung văn; 4) Ngành Nga văn

Khi theo học 4 ngành có tên trên của Trường ĐHSP Tp.HCM, sinh viên sẽ được trang bị bên cạnh **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối D, các **kiến thức cơ bản** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ chuyên ngành, cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** thì còn được học một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành**... giống như khối kiến thức mà Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM) cung cấp cho sinh viên khi theo học các ngành cùng tên... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** giao tiếp bằng ngoại ngữ chuyên ngành như ngôn ngữ thứ hai của mình, có khả năng giảng dạy bộ môn ngoại ngữ cho mọi người...

Ngành Quản lý giáo dục

Cũng giống như sinh viên chuyên ngành Quản lý giáo dục của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM), sinh viên ngành này của Trường ĐHSP Tp.HCM cũng được học ngoài khối **kiến thức**

chung và kiến thức cơ bản dành cho ngành, thì còn được trang bị những kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành... để sau khi tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Quản lý giáo dục sẽ có khả năng tham gia quản lý học sinh, sinh viên, quản lý đào tạo và quản lý cơ sở vật chất, phương tiện phục vụ cho công tác giáo dục đào tạo, tổ chức các hoạt động giáo dục, đồng thời có khả năng giảng dạy khoa học quản lý giáo dục ở các cơ sở đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ, nhân viên quản lý trong và ngoài ngành giáo dục đào tạo, bên cạnh đó cũng có thể tham gia nghiên cứu khoa học quản lý và quản lý giáo dục ở các cơ sở nghiên cứu, các cơ quan tham mưu hoạch định chiến lược quản lý xã hội nói chung và phát triển giáo dục nói riêng...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	1.300	29.756	1/22.8
2000	1.100	41.235	1/37.4
2001	1.200	39.467	1/32.8
2002	2.000	29.316	1/14.6
2003	2.000	28.186	1/14.0
2004	2.000	27.123	1/13.5
2005	2.200	24.786	1/11.2
2006	2.100	24.955	1/11.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Toán	21.5	20	31	33	29	30	22	25	24	-	25.5	-	23.5	-
Vật lý	18.5	17	27	30.5	24	25	20	23	21	-	24	-	19.5	-
Hoá học	22	17.5	28.5	30.5	28	29	22.5	25.5	23.5	-	25.5	-	22.5	-
Sinh học	14.5	14.5	20.5	26.5	24	27	19.5	22.5	21.5	-	20	-	19	-
Ngữ văn	19	22.5	29.5	28.5	27	28	18.5	21.5	19.5	-	17.5	-	17.5	-
Lịch sử	17	21	31	28.5	25.5	26.5	18.5	21.5	19	-	16.5	-	18	-
Địa A	15.5	21	11	27.5	26	27	13	16	16	-	16.5	-	15.5	-
Địa C	15.5	21	28	27.5	26	27	18	21	20	-	16.5	-	17	-
Tâm lý giáo dục C	16	13.5	20.5	19.5	17	18	17	20	17	-	15	17	15.5	-
Tâm lý giáo dục D1	16	13.5	18.5	17.5	17	18	17	20	17	-	15	-	15.5	-
GD chính trị A/D	11	13	16	15.5	16.5	17.5	16.5	19.5	16.5	-	15.5	-	15	-
GD chính trị C	17	13	19	19	16.5	17.5	16.5	19.5	16.5	-	15.5	-	15	-
Tiếng Anh	19.5	21.5	30.5	28	28	29	27	30	28.5	-	27.5	-	28.5	-
Nga-Nga	10	13	15	16	17.5	18.5	15	18	17	-	20	21	19	-
Nga-Anh	10	19	16	16	17.5	18.5	15	18	19	-	20	21	19	22
Tiếng Pháp	13	16	24.5	25.5	26.5	27.5	24	27	26	-	23.5	-	20	-
Tiếng Trung	11	14	21.5	24	17	18	22	25	22.5	-	21	-	20.5	-
Giáo dục tiểu học A	14.5	15	14	16.5	16.5	18	18	21	18	-	15.5	-	17	-
Giáo dục tiểu học D1	14.5	15	17.5	16.5	16.5	18	18	21	18.5	-	15.5	-	18.5	-
Giáo dục thể chất	-	-	20	17.5	20	21	20.5	-	20	-	21	-	19	-
GD mầm non C, D1	-	-	14	16.5	17	18	19.5	-	17.5	-	18	-	17	-
Tin	-	-	-	26.5	19	20	16	19	17.5	-	19.5	-	17	-
CN Anh văn	-	-	-	-	-	-	-	-	22	27	23	-	25	28

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
CN Nga	-	-	-	-	-	-	-	-	17	20	20	-	19	20
CN Pháp văn	-	-	-	-	-	-	-	-	20	24	20.5	-	19	20
CN Trung văn	-	-	-	-	-	-	-	-	20	24.5	21	21	19	22
GDTC - GDQP	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	20	-	19	-
GD Đặc biệt	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	15	15	14	17
Cử Nhân CNTT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	22.5	16	17.5
CN Vật lý	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	21	16	17
CN Hóa	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	23	16	19.5
CN Ngữ văn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	17.5	15	18
VN học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	16
Quốc tế học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	18

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHSP Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước nhưng chỉ tính điểm ưu tiên khu vực cho các thí sinh có hộ khẩu thường trú từ tỉnh Lâm Đồng, Ninh Thuận trở vào và các tỉnh Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum.

- Trường tuyển sinh các khối A, B, C, D1,2,3,4, M, T.

- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

- Trường không tuyển thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp vào các ngành Sư phạm.

- Sinh viên học ngành Song ngữ Nga - Anh sau khi tốt nghiệp sẽ được cấp 2 loại bằng là: bằng Đại học tiếng Nga và Cao đẳng tiếng Anh.

- Riêng đối với ngành Sư phạm Giáo dục thể chất, Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng chỉ tuyển thí sinh: nam cao 1,65m, nặng 45kg, nữ cao 1,55m, nặng 40kg trở lên.

- Các ngành ngoại ngữ, Giáo dục thể chất và Giáo dục thể chất - Giáo dục quốc phòng lấy hệ số 2 môn thi ngoại ngữ và năng khiếu.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường có sự thay đổi hàng năm. Từ năm 2002 đến 2004 chỉ tiêu ở mức ổn định (2.000 chỉ tiêu), đến năm 2005 tăng lên 200 chỉ tiêu nhưng sang năm 2006 lại giảm 100 chỉ tiêu so với năm 2005. Tuy nhiên, số lượng thí sinh ĐKDT vào trường vẫn luôn luôn đông, vì thế tỉ lệ "chọi" của trường so với mặt bằng chung cao hơn rất nhiều (xem bảng 1).

- Nhìn chung điểm trúng tuyển vào trường năm 2006 có một số ngành giảm đáng kể so với năm 2005 (ngành Sư phạm Vật lý giảm 4.5 điểm (19.5 - 24 điểm), ngành Sư phạm Hóa học giảm 3 điểm (22.5 - 25.5)...), nhưng so với những trường có đào tạo các ngành cùng tên thì điểm chuẩn của trường vẫn cao hơn hẳn các trường khác, đặc biệt là so với Trường ĐHSP (ĐH Huế/ĐH Đà Nẵng) (Ví dụ: năm 2006 ngành Sư phạm Toán của Trường ĐHSP Tp.HCM lấy điểm trúng tuyển là 23.5 điểm, trong khi đó cùng ngành này nhưng Trường ĐHSP (ĐH Đà Nẵng) lấy 19.5 điểm, Trường ĐHSP (ĐH Huế) chỉ lấy 18.5 điểm...). Tuy nhiên cũng có một số ngành điểm trúng tuyển đã tăng như ngành Sư phạm Lịch sử (16.5 - 18.0 điểm), ngành Anh văn (23 - 25 điểm)... (xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm chuẩn giữa một số ngành có sự chênh lệch khá lớn (lưu ý một số ngành nhân hệ số): các ngành Sư phạm: Toán, Vật lý, Hóa học là những ngành luôn lấy điểm cao, trong khi ngành Giáo dục đặc biệt, Tâm lý giáo dục, Giáo dục chính trị lại thường lấy ở mức điểm

trung bình. So sánh riêng năm 2006 điểm trúng tuyển vào ngành Sư phạm Toán là 23.5 điểm, cao nhất, ngành Sư phạm Giáo dục đặc biệt lấy điểm thấp nhất (14 điểm), điểm giữa 2 ngành này chênh nhau tới 9.5 điểm. Năm 2005 sự chênh lệch này còn cao hơn, ở mức 10.5 điểm (ngành lấy điểm trúng tuyển cao nhất là Sư phạm Toán, Sư phạm Hóa: 25.5 điểm, trong khi đó ngành Giáo dục đặc biệt, ngành Ngữ văn chỉ lấy 15.0 điểm)... Qua sự so sánh trên cho thấy điểm trúng tuyển giữa các khối có sự chênh lệch rất lớn. (Xem chi tiết bảng 2).

- Qua 2 bảng trên bạn có thể thấy rằng từ năm 2002 đến nay tỉ lệ "chọi" của trường đã giảm so với trước nhưng điểm chuẩn vào trường vẫn ở mức cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT, điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường tương đối ổn định và khá cao vì thế khả năng trở thành sinh viên của trường đối với các bạn học sinh có lực học trung bình là rất ít, đồng thời xin lưu ý bạn khi chọn ngành ĐKDT vào trường. Nên so sánh điểm chuẩn giữa các ngành, giữa các trường có cùng ngành đào tạo để có quyết định hợp lý.

- Từ năm 2004 đến nay trường chỉ tuyển NV2 đối với 1 số ngành, tuy nhiên bao giờ điểm chuẩn NV2 cũng cao hơn NV1. (Xem bảng 2).

- Bắt đầu từ năm 2005 trường ĐHSP Tp.HCM đào tạo thêm rất nhiều ngành học mới vì thế nó cũng mở ra cơ hội mới cho các bạn thí sinh có nguyện vọng được là sinh viên của trường.

- Từ những số liệu trên chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có biến động nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: 1 Võ Văn Ngân, Q.Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: (84-8) 8961333 - Fax: (84-8) 8964922 - Website: <http://www.hcmute.edu.vn/>

- Năm 1984 được chính thức mang tên Trường Đại học Sư phạm kỹ thuật (ĐH SPKT) Tp.HCM, là trường đầu ngành trong hệ thống Sư phạm kỹ thuật VN.
- Trường ĐH SPKT Tp.HCM đào tạo và bồi dưỡng giáo viên kỹ thuật cho các trường ĐH, CĐ, THCN, Dạy nghề và Trung học phổ thông.
- Hiện trường đang đào tạo các bậc: Cao học, ĐH, CĐ, THCN...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường có trình độ Đại học, Trên đại học đồng thời có kinh nghiệm giảng dạy và không ngừng được bổ sung thường xuyên...

TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Điểm khác biệt về chương trình đào tạo giữa trường ĐH SPKT Tp.HCM với các trường thuộc khối Kỹ thuật, Công nghệ khác là ngoài khối kiến thức dành cho ngành Kỹ thuật thì sinh viên tất cả các ngành trong trường còn được trang bị thêm những kiến thức về **ng nghiệp vụ sư phạm** với các môn học bắt buộc như: Giáo dục học - Tâm lý học - Phương pháp giảng dạy - Phương pháp nghiên cứu khoa học - Nhập môn quản trị học - Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học - Quản lý hành chính Nhà nước và ngành Giáo dục đào tạo...

Bên cạnh khối **kiến thức nghiệp vụ** thì tùy theo ngành theo học mà nhà trường sẽ cung cấp cho sinh viên khối kiến thức dành cho từng ngành riêng như:

Ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử

Sinh viên ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử được trang bị những **kiến thức chung** về khối A: Đại số tuyến tính - Hàm phức và phép biến đổi Laplace - Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Vật lý - Hóa học - Nhập môn logic học... cùng các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Mạch điện - Điện tử cơ bản - Khí cụ điện và máy điện - Đo lường điện và thiết bị đo - Trường điện từ điện, điện từ - Về điện, điện từ - An toàn điện - Kỹ thuật số - Ngôn ngữ lập trình - Lý thuyết tín hiệu - Vật liệu điện, điện tử - Giải tích mạch và mô phỏng trên máy tính - Kỹ thuật truyền số liệu - Vi xử lý - Điện tử công suất - Đo lường cảm biến - Cấu trúc máy tính và giao diện - Cơ kỹ thuật... đồng thời còn được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Mạch và cung cấp điện - Hệ thống điều khiển tự động - Độ tin cậy của hệ thống - Truyền động điện và ứng dụng - Kỹ thuật Audio và Video - Quản lý dự án - Mạng truyền thông công nghiệp - Kỹ thuật PLC và ASIC - Công nghệ mới - Điều khiển lập trình.... Ngoài ra sinh viên cũng được đi thực tập để rèn luyện các **kỹ năng, nghiệp vụ về kỹ thuật** đo lường điện, cảm biến, PLC, ASIC, điều khiển lập trình... để khi ra trường Kỹ sư ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, vận hành các hệ thống điện - điện tử...

Sinh viên học các ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử.
- + Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, Viện Chiến lược Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin (CNTT), Viện CNTT; TT Công nghệ vi điện tử và Tin học, TT Quang điện tử, các TT CNTT, TT Giao dịch công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố.
- + Các Cục, Vụ: Cục Ứng dụng CNTT, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính Viễn thông và CNTT, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Công nghiệp CNTT...
- + T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Điện lực VN, T.Cty Viễn thông quân đội, TĐ Bưu chính viễn thông VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Hàng không VN, T.Cty Hàng hải VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN... và các đơn vị thành viên, các Cty: Cty Cơ khí - Điện - Điện tử tàu thủy, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, Cty Dây và Cáp điện VN, Cty Chế tạo thiết bị điện...
- + Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở như: Sở Công nghiệp, Sở Điện lực, Sở Khoa học và Công nghệ... trên toàn quốc.

Ngành Điện khí hóa và cung cấp điện

Theo học ngành Điện khí hóa và cung cấp điện sinh viên không chỉ được học **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản giống như ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử, mà còn được cung

cấp những **kiến thức cơ bản về ngành** như: Mạch điện - Điện tử - Máy điện - Kỹ thuật số - Vi xử lý - Đo lường điện và thiết bị đo - Đo lường, cảm biến - Truyền động điện - Hệ thống điều khiển tự động - Trường điện từ trong kỹ thuật điện - Vật liệu điện, điện tử - Thiết bị điều khiển điện - Thiết bị chuyển đổi điện tử công suất Bên cạnh đó, sinh viên ngành này cũng được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hệ thống điện - Cung cấp điện - Hệ thống thu thập dữ liệu và điều khiển - Tính toán sửa chữa máy điện - CAD trong kỹ thuật điện - Bảo vệ và tự động hóa công nghiệp - Ứng dụng Matlab trong kỹ thuật điện - Quản lý dự án - Phương pháp giảng dạy chuyên ngành điện... Tốt nghiệp, Kỹ sư ngành Điện khí hóa và cung cấp điện **có khả năng** giảng dạy, thiết kế, triển khai, xây dựng, điều hành, bảo trì... trong các lĩnh vực khác nhau như: tự động hóa công nghiệp, phát dẫn điện, cung cấp điện, điện tử công nghiệp, truyền thông, sản xuất và sửa chữa thiết bị điện...

Sinh viên học ngành Điện khí hóa và cung cấp điện sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Điện khí hóa và cung cấp điện.
- + Các Viện, TT: Viện Năng lượng, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, TT Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện ...
- + Các Cục, Vụ: Cục Điều tiết điện lực, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...
- + TĐ Điện lực VN, T.Cty Thiết bị kỹ thuật điện... và các Cty, đơn vị trực thuộc: các Cty Truyền tải điện, Cty Điện lực, Cty Cơ điện, các Cty Chế tạo thiết bị điện, Cty Dây và Cáp điện VN...
- + Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... tại các Sở như: Sở Điện lực, Sở Công nghiệp... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ngành Công nghệ cắt may

Nội dung chương trình đào tạo ngành Công nghệ cắt may bao gồm những **kiến thức chung** về khối Khoa học tự nhiên: Xác suất thống kê - Giải tích - Kinh tế học - Vật lý - Hóa học... và các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kỹ thuật điện - Nguyên liệu dệt - Thiết bị may công nghiệp và bảo trì - Cơ sở sản xuất may công nghiệp - Hệ thống cỡ số trang phục - An toàn công nghiệp và môi trường - Quy hoạch toán học - Thủy khí - Kỹ thuật nhiệt - Nguyên liệu may phụ liệu may - Quá trình hoàn tất vải - Điều khiển tự động.... Trên cơ sở đó ngành sẽ tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thiết kế thời trang - Thiết kế Y phục thời trang - Công nghệ may trang phục - Quản lý chất lượng trang phục - Tiếp thị và kinh doanh hàng may mặc - Thêu máy và thêu vi tính - Thiết kế nhà xưởng và lắp đặt thiết bị may - Tổ chức và quản lý may công nghiệp - Thiết kế trang phục áo gió Ngoài ra, sinh viên còn được học các **kiến thức bổ trợ** khác qua một số môn học lựa chọn như: Lập kế hoạch tài chính - Xuất nhập khẩu hàng may mặc - Giao tiếp trong kinh doanh - Quảng cáo và xúc tiến thương mại - Kỹ năng buôn bán nhỏ - Thiết kế nón và túi xách - Thiết kế giày - Thiết kế quần áo bảo hộ lao động - Thiết kế thời trang năng cao... để sau khi ra trường, sinh viên ngành này **có khả năng** giảng dạy hoặc tham gia thiết kế, quản lý trong lĩnh vực may mặc...

Ngành Thiết kế thời trang

Sinh viên khi theo học ngành Thiết kế thời trang không chỉ được học khối **kiến thức chung** về Khoa học cơ bản: Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Xã hội học thời trang - Hình họa cơ bản - Môi trường và con người - Nhập môn tin học... mà còn được học **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Thẩm mỹ học - Vẽ mỹ thuật - Hình họa nâng cao - Vật liệu dệt may - Thiết kế thời trang cơ bản... đồng thời ngành còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**:

Thiết kế dụng hình (TKDH) Áo phục nam - TKDH Áo phục nữ - TKDH Y phục thời trang - TKDH Vest - TKDH và giác sơ đồ trên máy tính - TKDH tổng hợp - Thiết kế thời trang (TKTT) (DH+CDT) - TKTT trên máy tính - Corel draw - Trang điểm - Lập kế hoạch tài chính - Marketing... ngoài ra sinh viên còn được thực tập thực tế về TKDH, TKTT, Kỹ thuật tạo mẫu vải, Thời trang... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Thiết kế thời trang **có khả năng** áp dụng những nguyên tắc mỹ thuật cơ bản và các kỹ năng vẽ, khả năng phân tích, tổng hợp và có phương pháp sáng tạo để đảm đương công việc của một Cử nhân thiết kế thời trang, có khả năng giảng dạy trong các lĩnh vực liên quan tới chuyên ngành...

Sinh viên học ngành Công nghệ cắt may, Thiết kế thời trang khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Kinh tế - Kỹ thuật Dệt - May, Viện Mẫu thời trang VN (FADIN), Viện Nghiên cứu và Phát triển cây bông, Viện Nghiên cứu Da - Giấy; TT Y tế Dệt - May...

- + TD Dệt May VN, T.Cty Dầu tắm tơ VN, T.Cty Bông VN... và hàng trăm các Cty, doanh nghiệp trực thuộc: Cty Sản xuất - Xuất nhập khẩu dệt may, Cty Kinh doanh hàng thời trang VN, Cty Bông VN, Cty Giày thời trang VN, Cty Chuyển giao kỹ thuật dàu tắm tơ, Nhà máy Dệt lụa, Xí nghiệp Dầu tắm tơ, Xí nghiệp May xuất khẩu lụa tơ tằm...

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Công nghệ Dệt - May và Thời trang.

Ngành Cơ khí động lực

Ngành Cơ khí động lực cung cấp cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Đại số tuyến tính - Giải tích - Nhập môn tin học - Xác suất thống kê - Vật lý - Nhập môn logic học - Kinh tế học - Hóa học... còn cung cấp các **kiến thức cơ bản** về ngành: Nhập môn ngành công nghệ ô tô - Kỹ thuật điện - Cơ lý thuyết - Kỹ thuật điện tử - Cơ học lưu chất ứng dụng - Kỹ thuật nhiệt - Sức bền vật liệu - Vật liệu học - Động cơ đốt trong - Phương pháp tính - Chi tiết máy - Công nghệ kim loại - Vi xử lý ứng dụng - Hệ thống điện động cơ... ngoài ra ngành cũng sẽ trang bị cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hệ thống điều hòa không khí ô tô - Động cơ và ô tô - Thiết bị xử lý ô tô - Thiết bị tiện nghi trên ô tô - An toàn và Môi trường công nghiệp - Kiểm định và chẩn đoán Kỹ thuật ô tô - Kỹ thuật mô phỏng xe máy - Thử nghiệm ô tô - Công nghệ sửa chữa và bảo dưỡng ô tô - Công nghệ lắp ráp ô tô... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** khai thác, sử dụng kỹ thuật ô tô, kiểm định và thử nghiệm, sản xuất phụ tùng, phụ kiện và lắp ráp ô tô... cũng như sẽ có khả năng quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh hoặc giảng dạy những lĩnh vực liên quan đến ngành Cơ khí động lực...

Sinh viên học ngành Cơ khí động lực sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Cơ khí động lực.

- + Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu Phát triển cơ khí, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động...

- + Các Tổng cục, Vụ: Tổng Cục Công nghiệp Quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất...

- + TD Công nghiệp Ô tô VN, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp, T.Cty Lắp máy VN... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí Ô tô và Xe máy công trình, Cty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, Cty Xây dựng và Cơ khí...

- + Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Ngành Kỹ thuật in

Sinh viên học ngành Kỹ thuật in được cung cấp những **kiến thức chung** dành cho khối A: Giải tích - Đại số tuyến tính - Phương trình vi phân - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học... và **kiến thức cơ bản** về ngành: Cơ kỹ thuật - Kỹ thuật điện - Máy tính và mạng máy tính - Hóa lý in - Lý thuyết màu - Lý thuyết phục chế trong ngành in - Vật liệu in - Lý thuyết chụp.... Trên nền những kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật trạm hóa hình ảnh - Quá trình chế tạo khuôn in - Công nghệ hoàn tất sản phẩm in - Quá trình thành phẩm - Thiết bị thành phẩm - Kỹ thuật đóng sách - Đồ họa vi tính - Xử lý ảnh - Dàn trang - Nghệ thuật trình bày ấn phẩm - An toàn và môi trường công nghiệp in - Cơ sở thiết kế nhà máy in - Kinh tế và tổ chức sản xuất in - Công nghệ xử lý ảnh kỹ thuật số - Quản lý và kiểm tra sản phẩm in - Tự động hóa trong ngành in.... Ngoài ra, nhà trường còn tạo điều kiện cho sinh viên được đi thực tập, thực hành nhằm trang bị các **kỹ năng nghiệp vụ** về: sắp chữ điện tử, chụp - bích, in Offset, lập kế hoạch sản xuất in... để sau khi tốt nghiệp, Kỹ sư ngành Kỹ thuật in **có khả năng** tham gia vào các hoạt động sản xuất từ khâu thiết kế cho đến khâu hoàn tất sản phẩm in cũng như sẽ có khả năng giảng dạy theo chuyên ngành...

Tốt nghiệp ngành Kỹ thuật in sinh viên có thể đảm nhiệm các công việc tại:

- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật in.
- + Các Nhà xuất bản (NXB) trên địa bàn toàn quốc: NXB Văn hóa, NXB Giáo dục, NXB Kim Đồng, NXB Quân đội, NXB Công an nhân dân...
- + Các Cty, nhà máy xi nghiệp, phân xưởng... có hoạt động liên quan đến ngành in: Cty Phát hành sách, Cty Cung cấp thiết bị vật tư (ngành in)...

Ngành Công nghệ Môi trường

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ môi trường nhằm cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối A, B: Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Sinh học - Hóa học - Vi sinh vật - Sinh thái môi trường - Môi trường và con người..., đồng thời còn đào tạo để sinh viên có các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cơ ứng dụng - Hóa lý kỹ thuật môi trường - Kỹ thuật nhiệt - Thủy lực & thủy văn - Kỹ thuật điện - Phân tích hệ thống - Hóa học phân tích các chỉ tiêu môi trường - Vi sinh vật kỹ thuật môi trường - Thủy lực công trình - Kỹ thuật điện tử - Cơ học đất - Luật và chính sách môi trường... ngoài ra, sinh viên sẽ được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Độc tố học môi trường - Ô nhiễm không khí - Quản lý chất thải rắn - Ô nhiễm đất và kỹ thuật xử lý - Ngăn ngừa ô nhiễm và công nghệ sạch - Quản lý chất lượng môi trường - Đánh giá tác động môi trường - Mô hình hóa môi trường và sự lan truyền ô nhiễm - Kỹ thuật xử lý ô nhiễm không khí - Kinh tế môi trường - Bản đồ học và ứng dụng GIS trong quản lý môi trường - Ô nhiễm nước - Xử lý nước thải - Ô nhiễm tiếng ồn và kỹ thuật xử lý - Kỹ thuật xử lý nước thiên nhiên... để khi ra trường sinh viên ngành Công nghệ môi trường **có khả năng** phân tích đánh giá hiện trạng môi trường và các vùng lãnh thổ, kỹ năng đo đạc và phân tích các thông số môi trường, có khả năng giảng dạy theo chuyên ngành...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ Môi trường có thể công tác tại:

- + Các Viện, Cục, Vụ: Viện Công nghệ môi trường; Cục Bảo vệ môi trường; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Môi trường, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường...
- + T.Cty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và Môi trường VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Xây dựng Cấp thoát nước, Cty Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước, Cty Tư vấn Cấp thoát nước, các Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ Tài nguyên và Môi trường, Cty Môi trường VN xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển...

+ Các phòng chức năng: Quản lý môi trường, Kế hoạch, Kỹ thuật... trực thuộc các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nhà đất... ở các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công nghệ môi trường.

Ngành Công nghệ chế biến thực phẩm

Bên cạnh khối **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Đại số tuyến tính - Giải tích - Hóa học - Nhập môn tin học - Sinh học - Vật lý cơ nhiệt - Hóa hữu cơ - Vi sinh học - Xác suất thống kê - Cơ sở văn hóa VN... thì sinh viên ngành Công nghệ chế biến thực phẩm còn được trang bị những **kiến thức cơ bản** về ngành: Hóa học thực phẩm - Nhiệt kỹ thuật - Vi sinh vật thực phẩm - Hóa sinh thực phẩm - Kỹ thuật điện - Hóa phân tích - Dinh dưỡng học - Phân tích thực phẩm - Kỹ thuật thực phẩm Bên cạnh đó sinh viên cũng được đào tạo để có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công nghệ chế biến (CNCB) món ăn - CNCB các loại bánh - Đảm bảo chất lượng và luật thực phẩm - CNCB nước giải khát - Công nghệ sinh học thực phẩm - Kỹ thuật đo lường và tự động hóa - Công nghệ bảo quản lạnh thực phẩm - Nghiên cứu và phát triển sản phẩm - CNCB bánh, mứt, kẹo - CNCB trà, cafe, cacao - CNCB thủy sản - CNCB & bảo quản lương thực - Bao bì và phụ gia thực phẩm - Sinh thái môi trường - CNCB trứng sữa - CNCB rau quả - CNCB thịt - Quản trị doanh nghiệp thực phẩm - Vệ sinh và an toàn thực phẩm - Đánh giá cảm quan thực phẩm... cùng với một số môn lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Thực phẩm chức năng - Kỹ năng giao tiếp và hòa nhập cộng đồng - Xây dựng khẩu phần trên vi tính - Quản lý suất ăn công nghiệp - Văn hóa ẩm thực - Thẩm định dự án - Sở hữu trí tuệ... để sau khi học xong sinh viên ngành CNCB thực phẩm **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng trong lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành...

Sinh viên học ngành Công nghệ chế biến thực phẩm khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Công nghiệp thực phẩm; Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Cục Vệ sinh an toàn thực phẩm, Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản, Cục Công nghiệp tiêu dùng - Thực phẩm; Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Vụ Công nghiệp tiêu dùng và Thực phẩm...

+ T.Cty Chế biến xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm, T.Cty Chế biến nông sản thực phẩm, T.Cty Chế biến thủy sản, T.Cty Thủy sản VN, T.Cty Mía đường VN, T.Cty Sữa VN, T.Cty Lương thực, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Chế biến dầu thực vật và thực phẩm VN, Cty Chế biến lương thực thực phẩm, Cty Chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu...

+ Các phòng chức năng: Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn, Kỹ thuật, Quản lý sản

xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp... tại các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Công nghệ chế biến thực phẩm.

Ngành Kỹ thuật nữ công

Đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật nữ công có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Đại số - Hóa đại cương - Nhập môn tin học - Sinh học đại cương - Xác suất thống kê - Vật lý đại cương - Môi trường và con người - Hóa phân tích - Hóa sinh..., cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kỹ thuật may cơ bản - Vật liệu dệt may - Thẩm mỹ học - Thiết kế thời trang - Vi sinh thực phẩm - Công nghệ thực phẩm - Vệ mỹ thuật trang phục... đồng thời sinh viên được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Món ăn truyền thống VN - Âu phục nữ - Tạo mẫu - Bánh

truyền thống VN - Dinh dưỡng lý thuyết - Điện gia dụng - Vệ sinh an toàn thực phẩm - Thời trang Đông phương - Trang trí bánh kem - Cắm, kết hoa - Công nghệ chế biến thực phẩm - Thiết kế thời trang trên máy vi tính - Thiết kế nâng cao trên máy tính - Thiết kế phát triển - Phát triển sản phẩm mới - Quản lý xuất ăn công nghiệp - Đánh giá cảm quan thực phẩm - Xây dựng khẩu phần trên máy tính - Quản trị chất lượng thực phẩm - Hương liệu Ngoài ra, ngành còn trang bị các **kỹ năng, nghiệp vụ** thông qua việc thực hành thực tế về: May cơ bản - Nấu ăn VN - Vệ sinh thực phẩm, hóa thực phẩm - Thời trang Đông phương - Trang trí bánh kem - Bảo quản thực phẩm.... Tốt nghiệp Kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** làm việc trong các lĩnh vực y trang, chế biến thực phẩm, nuôi dạy trẻ...

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Kỹ thuật nữ công có thể công tác tại:

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học phổ thông, Dạy nghề có đào tạo các môn chuyên ngành.

+ Các Viện, TT: Viện Công nghiệp thực phẩm, Viện Kinh tế - Kỹ thuật dệt, may, Viện Mẫu thời trang VN (FADIN); TT Y tế dệt, may...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghiệp tiêu dùng - Thực phẩm, Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Vụ Công nghiệp tiêu dùng và Thực phẩm...

+ TD Dệt May VN, T.Cty Da - Giầy VN, T.Cty Chế biến xuất nhập khẩu nông sản thực phẩm, T.Cty Lương thực, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Kinh doanh hàng thời trang VN, Cty Giầy thời trang VN, Cty Chuyển giao kỹ thuật đầu tư, Cty Công nghệ thực phẩm, Cty Kỹ nghệ thực phẩm VN, Cty Chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu...

+ Hệ thống các nhà hàng, khách sạn trên địa bàn toàn quốc.

Ngành Tiếng Anh Khoa học kỹ thuật

Sinh viên ngành Tiếng Anh Khoa học kỹ thuật được trang bị **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như: Đại số và Hình giải tích - Giải tích - Phương trình vi phân cơ bản - Hình học - Phương pháp tính - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Cơ lý thuyết - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật nhiệt - Cơ học ứng dụng - Logic học... đồng thời ngành còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức và kỹ năng** của môn Anh văn nhất là tiếng Anh chuyên ngành như nghe, nói, đọc, viết... để sau khi tốt nghiệp sinh viên trở thành những Cử nhân Tiếng Anh khoa học kỹ thuật và công nghệ vững về lý thuyết đặc biệt là giỏi về **khả năng** thực hành, ứng dụng, có đủ khả năng làm công tác biên, phiên dịch tại các cơ quan xí nghiệp liên doanh với nước ngoài, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại VN, hoặc giảng dạy Ngoại ngữ cơ bản cũng như Ngoại ngữ chuyên ngành cho sinh viên khối Kỹ thuật tại các cơ sở có đào tạo chuyên ngành...

Sau khi tốt nghiệp ngành Tiếng Anh Khoa học kỹ thuật sinh viên có thể làm việc tại:

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành Tiếng Anh Khoa học kỹ thuật.

+ Các Viện: Viện Khoa học và Công nghệ VN, Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ, Viện Ứng dụng công nghệ, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật - Bảo hộ lao động...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng cục Hải quan; Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế kỹ thuật...

+ Các doanh nghiệp, Cty, nhà máy, xí nghiệp đặc biệt có hoạt động liên doanh với nước ngoài, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư tại VN trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ: T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp, T.Cty Lắp máy VN, TD Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Điện tử và

Tin học VN... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Bưu chính liên tỉnh và quốc tế, Cty Viễn thông quốc tế, Cty Công nghệ thông tin, Cty Máy tính VN, Cty Xuất nhập khẩu điện tử...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Quản lý khoa học... trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ngành Kỹ thuật Nhiệt - Điện lạnh

Khi học ngành Kỹ thuật Nhiệt - Điện lạnh của Trường ĐH SPKT Tp.HCM sinh viên không những được trang bị các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, mà còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như chương trình đào tạo ngành Công nghệ kỹ thuật nhiệt lạnh của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), ĐH Nha Trang.... Bên cạnh đó, sinh viên còn được cung cấp khối **kiến thức nghiệp vụ sư phạm** dành riêng cho các ngành của Trường ĐH SPKT Tp.HCM để khi ra trường sinh viên có **khả năng** giảng dạy, nghiên cứu, thiết kế và ứng dụng công nghệ nhiệt lạnh vào trong các hoạt động của đời sống đặc biệt là lĩnh vực liên quan đến bảo quản và chế biến nông sản thực phẩm, đến sản xuất hệ thống các thiết bị nhiệt lạnh...

1) Ngành Công nghệ điện tử viễn thông; 2) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 3) Ngành Quản lý công nghiệp; 4) Ngành Công nghệ thông tin; 5) Ngành Công nghệ điện tử động; 6) Ngành Cơ tin kỹ thuật; 7) Ngành Thiết kế máy; 8) Ngành Cơ khí chế tạo máy; 9) Ngành Kỹ thuật công nghiệp; 10) Ngành Cơ - Điện tử; 11) Ngành Công nghệ tự động;

Cũng giống như sinh viên học các ngành cùng tên trên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), sinh viên khi theo học các ngành này của Trường ĐH SPKT Tp.HCM không chỉ được học **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, mà còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Ngoài ra sinh viên Trường ĐH SPKT Tp.HCM còn được trang bị thêm các môn học mang tính đặc thù của trường về các **kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm**... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** giảng dạy và nghiên cứu những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

Ngành Công nghệ kỹ thuật máy tính

Tương tự ngành Kỹ thuật máy tính của Trường ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM), ngành này của Trường ĐH SPKT Tp.HCM cũng được đào tạo những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, không chỉ có vậy ngành còn được cung cấp khối kiến thức mang tính đặc thù của trường nhằm trang bị cho sinh viên có các kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm cần thiết để khi học xong ngành Kỹ thuật máy tính sinh viên sẽ trở thành những Kỹ sư **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu và thiết kế các hệ thống máy tính, bao gồm cả phần cứng và phần mềm...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	1.825	15.447	1/8.6
2000	2.000	22.349	1/11.1
2001	2.050	36.395	1/17.7
2002	2.100	25.116	1/11.9
2003	1.550	25.215	1/16.2
2004	1.750	25.753	1/14.7
2005	1.950	14.025	1/7.1
2006	2.200	18.267	1/8.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1999	2000	2001		2002		2003		2004		2005		2006	
			NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Kỹ thuật Điện - ĐT	14	17	22.5	-	15	17	17.5	20.5	19.5	-	20	-	18	-
Cơ khí CTM	12	16	20.5	21	14	16	16	19	19	-	20	-	18	-
Kỹ thuật CN	10.5	14	18.5	20	12	13	13	15	16	18.5	17	21	15	17
Cơ tin kỹ thuật	10.5	13	18	18.5	12	13	13	14	16	17	17	22	15.5	17
Thiết kế máy	10.5	13	18	18.5	12	13	13	14	16	19	17	21.5	15	17
Cơ khí động lực (Ô tô)	10.5	13	17	19	12	13	13.5	15.5	17.5	-	18.5	-	16	-
Kỹ thuật in	11	16	20	20.5	13	15	13.5	15.5	16	-	17	18	15	16
Kỹ thuật nữ công	10	10	12.5	12.5	12	13	12	13	16	16.5	15	-	15	16
Điện khí Hóa - CCD	12	15	19.5	20	12	13	15	17	16.5	20	18	-	15	18
Công nghệ cắt may	-	-	20	20.5	13	14	15	16	16	-	17	-	15	16
Cơ - Điện tử	-	-	21	21.5	15	16.5	16.5	19.5	20	-	17	-	19	-
CN tự động	-	-	20	20.5	14	16	15	18	18	-	18	-	17	-
Kỹ thuật nhiệt - ĐL	-	-	16.5	19.5	14	15	13.5	15.5	17.5	-	17	-	15	17
Công nghệ TT	-	-	22.5	-	15	16	16.5	19.5	19.5	-	18	-	17.5	-
Thiết kế thời trang ⁽¹⁾	-	-	26.5	-	18.5	-	19	-	21	-	20	-	20	-
Xây dựng DD&CN	-	-	-	-	12	13	16	19	20	-	19	-	19.5	-
CN Môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-	16	-	17	20.5	15	17
CN Thực phẩm	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	19	-	17.5	-
CN Điện tự động	-	-	-	-	-	-	-	-	18	-	17	-	17	18
CN Điện tử VT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	-	17	-
Tiếng Anh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	17
CN Kỹ thuật máy tính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	18.5

Ghi chú: - (1) - Ngành Thiết kế thời trang môn Vẽ trang trí tính hệ số 2.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH SPKT Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, D, V.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Hệ Cao đẳng không tổ chức thi tuyển, mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã dự thi khối A vào các trường Đại học trong cả nước theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển, trên cơ sở hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm tăng lên. Số thí sinh ĐKDT vào trường các năm gần đây không đều, số thí sinh ĐKDT năm 2006 tăng so với năm 2005 nên tỉ lệ "chọi" năm nay có tăng nhưng không đáng kể và vẫn thấp hơn so với những năm trước. Tuy nhiên, so với những trường khác thì tỉ lệ này vẫn ở mức khá cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành, khoa của trường có khác nhau. Từ năm 2002 đến nay nhìn chung điểm chuẩn của trường tăng lên. Riêng năm 2002 do là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT thực hiện theo phương án tuyển sinh "3 chung" nên điểm chuẩn vào trường tương đối thấp. (Xem bảng 2).

- Năm 2006 điểm chuẩn của một số ngành so với năm 2005 có giảm nhưng không đáng kể. Điểm chuẩn giữa các ngành vẫn có sự chênh lệch: các ngành Kỹ thuật điện - điện tử, Công nghệ thông tin, Công nghệ thực phẩm thường lấy điểm cao hơn những ngành khác. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm chuẩn NV2 cao hơn so với NV1 trung bình từ 1 - 5 điểm.

- Các ngành Kỹ thuật điện - điện tử, Cơ khí chế tạo máy 3 năm gần đây chỉ tuyển NV1 nhưng điểm chuẩn lại cao do đó chỉ có học sinh khá, giỏi mới có khả năng trúng tuyển.

- Từ năm 2005 đến nay trường đã mở rộng thêm nhiều ngành học mới mở ra một cơ hội mới cho các bạn học sinh có nguyện vọng vào trường này.

- Qua các số liệu trên cho thấy đây là cơ hội cho các bạn thí sinh có học lực khá, giỏi muốn được trở thành sinh viên của trường. Nếu không tự tin vào sức học của mình các bạn nên chọn những ngành như Kỹ thuật nữ công, Kỹ thuật nông nghiệp..., nhưng bạn cũng nên lưu ý vì đường như nhiều bạn học sinh đã nhận ra điều này nên năm 2002 có rất nhiều thí sinh ĐKDT vào các ngành đó.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 59C Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.8257582 - Fax: 84.8.8241186 - Website: <http://www.ueh.edu.vn/>

- Trường Đại học Kinh tế Tp.HCM được thành lập năm 1976, là một trong 10 trường đại học trọng điểm quốc gia, là một TT đào tạo và nghiên cứu khoa học kinh tế có uy tín trong cả nước.
- Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM là một trường đại học đa ngành trong lĩnh vực kinh tế, có truyền thống và uy tín trong công tác đào tạo các chuyên gia thuộc lĩnh vực kinh tế ở khu vực các tỉnh, thành phố phía Nam.
- Trường hiện có khoảng 474 cán bộ giảng viên với 2 Giáo sư, 23 Phó Giáo sư, 127 Tiến sĩ, 238 Thạc sĩ...
- Trường có các loại hình đào tạo chính: chính quy và vừa học vừa làm, với các cấp độ đào tạo: Đại học, Sau đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kinh tế

Ngành Kinh tế cung cấp cho sinh viên những *kiến thức chung* về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế: Phương pháp tính - Giải tích - Đại số - Xác suất và thống kê toán - Địa lý kinh tế - Kinh tế quốc tế - Quy hoạch tuyến tính - Nguyên lý kế toán... cùng các *kiến thức cơ bản* dành cho ngành: Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Kinh tế phát triển - Kinh tế công cộng - Kinh tế môi trường - Kinh tế lương - Nguyên lý thống kê kinh tế - Tài chính, tiền tệ - Luật Kinh tế - Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Dự báo kinh tế và phân tích dữ liệu - Kinh tế nông nghiệp - Kinh tế học lao động - Thiết lập và thẩm định dự án - Kế hoạch và chính sách kinh tế...

Trên cơ sở những kiến thức đã được trang bị, tùy theo chuyên ngành mà sinh viên theo học nhà trường sẽ cung cấp những *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* riêng như:

+ Chuyên ngành Kinh tế học: Lý thuyết trò chơi ứng dụng - Kinh tế học tổ chức kinh doanh - Tài chính phát triển - Đầu tư chứng khoán - Chính sách ngoại thương và công nghiệp - Tài chính quốc tế... để khi tốt nghiệp ra trường Cử nhân chuyên ngành Kinh tế học *có khả năng* phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân...

+ Chuyên ngành Kinh tế kế hoạch và đầu tư: Kế hoạch và chính sách kinh tế xã hội - Kế hoạch phát triển kinh tế địa phương - Mô hình hóa - Hạch toán quốc gia - Kinh tế vùng.... Khi học xong chuyên ngành này sinh viên sẽ *nắm được* những quy luật vận động của hoạt động đầu tư, *hiểu biết* những nguyên tắc và phương pháp tổ chức khai thác nguồn lực đầu tư, *tổ chức* triển khai và *quản lý* các hoạt động đầu tư trong nước và hợp tác quốc tế...

+ Chuyên ngành Kinh tế lao động và Quản lý nguồn nhân lực: Bảo trợ xã hội - Quản trị nguồn nhân lực - Định mức lao động - Tổ chức tiền lương trong doanh nghiệp - Hành vi tổ chức - Tâm lý học quản lý - Dân số học... để sau khi ra trường Cử nhân chuyên ngành này có những *kỹ năng, kỹ xảo* quản lý, duy trì, phát triển nguồn nhân lực trong phạm vi doanh nghiệp, địa phương và toàn xã hội...

+ Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Kinh tế nông nghiệp nâng cao - Phân tích chính sách nông nghiệp - Quản trị nông trại - Marketing nông sản - Phát triển nông thôn - Phương pháp nghiên cứu kinh tế nông nghiệp - Kỹ thuật nông nghiệp đại cương... để sau khi tốt nghiệp sinh viên *có thể* tham gia công tác quản lý ngành nông nghiệp và kinh tế nông thôn ở tầm vĩ mô, tham gia xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách vĩ mô đối với lĩnh vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn, xây dựng và quản lý các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trong nông nghiệp và nông thôn...

+ Chuyên ngành Kinh tế thẩm định giá: Nguyên lý kiến trúc và xây dựng - Nguyên lý thẩm định giá - Thẩm định giá bất động sản - Thẩm định giá máy móc thiết bị - Thẩm định giá trị thương hiệu - Thẩm định giá trị doanh nghiệp.... Ra trường, Cử nhân chuyên ngành này *có khả năng* thẩm định giá các loại tài sản quan trọng trong nền kinh tế; *có kỹ năng* giao tiếp và phối hợp với các tổ chức thẩm định giá trong nước và quốc tế, khả năng tư vấn khách hàng thông qua việc cung cấp các dịch vụ thẩm định giá các loại tài sản...

+ Chuyên ngành Kinh tế quản lý công cộng: Quản lý đô thị - Quản lý khu vực hành chính sự nghiệp - Quản lý Nhà nước ... nhằm đào tạo Cử nhân chuyên ngành *có khả năng* am hiểu, phân tích, đánh giá, hoạch định các chính sách kinh tế áp dụng trong khu vực công cộng; có khả năng

quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế các địa phương, các ngành, các khu vực hành chính sự nghiệp, sản xuất và dịch vụ công cộng...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Kinh tế VN, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Chiến lược phát triển; TT Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia, TT Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý...

+ Các Vụ, Cục: Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Kinh tế nông nghiệp, Vụ Kinh tế công nghiệp, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu; Cục Kinh tế, Cục Đầu tư nước ngoài...

+ Các đơn vị sản xuất kinh doanh trong nước hoặc có quan hệ hợp tác với nước ngoài hoạt động ở tất cả các ngành kinh tế: T.Cty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp, T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Xây dựng công nghiệp VN, T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, TĐ Bảo hiểm VN, T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, TĐ Điện lực VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN... và các Cty, đơn vị thành viên...

+ Các phòng chức năng: Kinh tế ngành, Kinh tế đối ngoại, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước. Làm tại Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Kinh tế.

Ngành Quản trị kinh doanh

Ngành Quản trị kinh doanh trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** cũng giống như khối kiến thức chung của ngành Kinh tế, không những thế sinh viên còn được học những **kiến thức cơ bản** về ngành: Kinh tế lượng - Nguyên lý kế toán - Quản trị (QT) học - QT chiến lược - QT nhân sự - QT tài chính - Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh - QT kinh doanh quốc tế - Giao tiếp kinh doanh.... Bên cạnh đó, sinh viên sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tùy theo sự lựa chọn riêng của mình:

+ **Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp:** QT dự án - QT sản xuất - QT công nghệ - QT hành chính văn phòng - QT doanh nghiệp - Nghệ thuật lãnh đạo ... tốt nghiệp ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** thực hiện một số kỹ năng quản lý và tư vấn trong công tác quản lý các doanh nghiệp...

+ **Chuyên ngành Quản trị chất lượng:** QT chất lượng - Kỹ thuật QT chất lượng - Hệ thống QT tiết kiệm và không lỗi - QT công nghệ - QT sản xuất - QT dự án.... Tốt nghiệp chuyên ngành, sinh viên sẽ có được **các kỹ năng:** dự báo và hoạch định, thiết kế hệ thống, xây dựng và ban hành văn bản, điều hành, thống kê và kiểm soát hệ thống quản lý chất lượng theo các chuẩn mực quốc gia và quốc tế ở các doanh nghiệp, các cơ quan và tổ chức liên quan...

+ **Chuyên ngành Marketing:** Hành vi khách hàng - Nghiên cứu Marketing - Marketing dịch vụ - Quảng cáo - Quan hệ công chúng - QT thương hiệu... để sau khi tốt nghiệp ra trường sinh viên sẽ **có khả năng** tổ chức và quản lý mạng lưới tiêu thụ sản phẩm, lực lượng bán hàng trực tiếp, quản lý và thực hiện các hoạt động quảng cáo và khuyến mại sản phẩm, lập chiến lược kinh doanh và chiến lược Marketing...

+ **Chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế:** QT xuất nhập khẩu - QT kinh doanh quốc tế - Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư quốc tế - QT tài chính đa quốc gia - QT Cty đa quốc gia - Mô

phông kinh doanh quốc tế... để khi ra trường Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh quốc tế **có khả năng** đàm phán và giao tiếp với nhiều đối tượng có nền văn hóa khác nhau, có khả năng phân tích và tìm ra những điểm khác biệt và tương đồng giữa các thị trường và tìm cách duy trì sự hiện diện của doanh nghiệp trên các thị trường chủ yếu...

+ **Chuyên ngành Thương mại:** Hành vi khách hàng - Kinh tế thương mại - Marketing toàn cầu - QT xuất nhập khẩu - QT bán hàng - QT bán lẻ - QT mua hàng và lưu kho - QT kinh doanh dịch vụ.... Tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** kinh doanh thương mại dịch vụ trong nước và nước ngoài, đàm phán, hoạch định chiến lược kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành một tập

thể, khả năng nhận biết cơ hội và thách thức trong kinh doanh thương mại...

+ **Chuyên ngành Ngoại thương:** Vận tải, bảo hiểm ngoại thương - Marketing toàn cầu - QT xuất nhập khẩu - Đầu tư quốc tế - Quan hệ kinh tế quốc tế - Kinh tế và phân tích hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu - Tài chính quốc tế.... Ra trường, Cử nhân chuyên ngành Ngoại thương **có khả năng** kinh doanh xuất nhập khẩu, đầu tư, thanh toán quốc tế; khả năng đàm phán và giao tiếp với nhiều đối tượng có những nền văn hóa khác nhau; khả năng nhận biết cơ hội và thách thức trong kinh doanh quốc tế...

+ **Chuyên ngành Quản trị du lịch:** QT du lịch - QT khách sạn - QT nhà hàng - QT hãng lữ hành - QT du lịch sự kiện và hội nghị - QT hãng vận chuyển - Khu du lịch và Du lịch sinh thái - Marketing du lịch... để khi học xong Cử nhân chuyên ngành này **có khả năng** điều tra, nghiên cứu thị trường, đánh giá và đo lường các quyết định; khả năng nhận dạng các hình thức tổ chức, đối tượng tham gia trong lĩnh vực du lịch; khả năng quản trị du lịch và cấu thành nghiệp vụ của mỗi lĩnh vực quản trị; có kỹ năng giao tiếp và nắm các nguyên tắc dịch vụ phục vụ du khách...

Ngoài ra, ngành Quản trị kinh doanh cũng cung cấp một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành:** Luật kinh tế - Thị trường chứng khoán - Ngoại ngữ chuyên ngành - Thanh toán quốc tế - Kế toán quản trị... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Quản trị kinh doanh **có khả năng** quản lý các hoạt động kinh doanh nói chung, cũng như sẽ có khả năng quản trị theo lĩnh vực chuyên ngành...

Sinh viên học ngành Quản trị kinh doanh sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu chiến lược, TT Tư vấn quản lý và đào tạo...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các doanh nghiệp, Cty, T.Cty trên địa bàn toàn quốc hoạt động trên các lĩnh vực: T.Cty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp, T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Xây dựng công nghiệp VN, T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, TĐ Bảo hiểm VN, T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, TĐ Điện lực VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc.

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành về Quản trị kinh doanh.

Ngành Tài chính - Ngân hàng

Nội dung chương trình đào tạo của ngành Tài chính - Ngân hàng nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức chung về Toán, nhóm ngành Kinh tế như: Giải tích - Xác suất thống kê - Quy hoạch tuyến tính - Marketing - Kinh tế phát triển Mác, Lênin... cùng với những kiến thức cơ bản dành cho ngành: Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Nguyên lý thống kê kinh tế - Nguyên lý kế toán - Luật kinh tế - Nhập môn tài chính, tiền tệ - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính quốc tế - Nghiệp vụ ngân hàng - Thị trường tài chính Thuế - Nguyên lý và thực hành bảo hiểm - Thanh toán quốc tế - Toán tài chính.... Trên nền những kiến thức đã được đào tạo, tùy theo năng lực và sở thích của sinh viên mà ngành sẽ tạo điều kiện cho sinh viên được chọn hướng chuyên ngành để từ đó sẽ trang bị kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành cho phù hợp:

+ **Chuyên ngành Tài chính Nhà nước:** Tài chính công - Thuế - Thuế quốc tế - Quản lý ngân sách Nhà nước - Kế toán ngân sách Nhà nước - Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp - Thẩm định dự án đầu tư khu vực công... để khi ra trường Cử nhân chuyên ngành Tài chính Nhà nước có khả năng đánh giá, quản lý tài chính Nhà nước; lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thuế, lập và thẩm định các dự án chi tiêu của Nhà nước, quản lý tài chính, kế toán các đơn vị hành chính sự nghiệp, lập báo cáo thuế, các tờ khai thuế, tư vấn thuế cho các doanh nghiệp...

+ **Chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp:** Hoạch định ngân sách vốn đầu tư - Phân tích tài chính - Đầu tư tài chính - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính Cty đa quốc gia - Quản trị rủi ro tài chính - Mô hình tài chính... để sau khi học xong Cử nhân ngành này **có khả năng** đảm nhận các công việc có liên quan đến các lĩnh vực tài chính - kế toán, kinh doanh tiền tệ, thẩm định dự án, kinh doanh chứng khoán và đầu tư tại các tổ chức tài chính, các Cty kiểm toán, các Cty kinh doanh trong nước hoặc các Cty đa quốc gia...

+ **Chuyên ngành Kinh doanh bảo hiểm:** Bảo hiểm hàng hải - Bảo hiểm phi hàng hải - Bảo hiểm nhân thọ - Tái bảo hiểm - Tổ chức quản lý doanh nghiệp bảo hiểm - Quản trị tài chính và kế toán doanh nghiệp bảo hiểm - Định phí sản phẩm bảo hiểm... nhằm đào tạo Cử nhân chuyên ngành Bảo hiểm **có khả năng** công tác tại các tổ chức bảo hiểm, cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức tài chính trung gian và các tổ chức chính trị khác có hoạt động liên quan đến lĩnh vực Bảo hiểm...

+ **Chuyên ngành Ngân hàng:** Nghiệp vụ ngân hàng Trung ương - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Kế toán ngân hàng - Phân tích và đầu tư chứng khoán - Quản trị ngân hàng thương mại... để sau khi tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng **có thể** vận dụng vào công tác quản lý hệ thống ngân hàng và hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, có thể lập và thực thi chính sách tiền tệ quốc gia.

Ngoài ra sinh viên ngành Tài chính - Ngân hàng còn được lựa chọn một số môn học **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Kế toán tài chính - Kiểm toán - Quản trị doanh nghiệp - Ngoại ngữ chuyên ngành.... Tốt nghiệp, Cử nhân ngành này **có khả năng** giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công tác quản lý hoạt động của hệ thống Tài chính - Ngân hàng và các hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, các định chế tài chính trung gian...

Sinh Viên học ngành Tài chính - Ngân hàng sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Tài chính; các TT Giao dịch, TT Giao dịch chứng khoán trên địa bàn toàn quốc...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế...

+ Các Vụ: Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán, Vụ Chính sách thuế, Vụ Chiến lược phát triển Ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ...

+ Các cơ quan kinh tế tiền tệ, các tổ chức tín dụng, các Cty cho thuê tài chính, bảo hiểm, mua bán nợ, kiểm toán trong nước và quốc tế như: hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các Cty Bảo hiểm nhân thọ, TD Bảo hiểm VN...

+ Các phòng chức năng: Tài chính doanh nghiệp, Tài chính hành chính sự nghiệp, Quản lý ngân sách... tại các Sở Tài chính, Sở Giao dịch... ở các tỉnh, thành phố trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Tài chính - Ngân hàng.

Ngành Kế toán

Sinh viên khi theo học ngành Kế toán được cung cấp những **kiến thức chung** dành cho Toán và nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Giải tích - Quy hoạch tuyến tính - Kinh tế quốc tế - Quản trị học..., cùng với các **kiến thức cơ bản** về Kế toán - Kiểm toán: Kinh tế vĩ mô - Kinh tế vi mô - Tài chính tiền tệ - Nguyên lý thống kê kinh tế - Luật kinh tế..., đồng thời sẽ được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Nguyên lý kế toán - Kế toán tài chính - Kế toán chi phí - Kế toán quản trị - Kiểm toán - Hệ thống thông tin kế toán - Phân tích hoạt động kinh doanh..., mặt khác sinh viên còn được học **kiến thức bổ trợ cho ngành**: Thuế - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại - Thanh toán quốc tế - Kế toán hành chính sự nghiệp... để khi tốt nghiệp trở thành Cử nhân ngành Kế toán **có khả năng** tổ chức, điều hành công tác kế toán, kiểm toán, nội bộ và tài chính... ở các doanh nghiệp, đặc biệt là các Ngân hàng; **khả năng** phân tích, đánh giá hiệu quả sản xuất, kinh doanh tổ chức và thực hiện các thông tin, số liệu có liên quan tới tổ chức kinh tế nhằm xác định các chuẩn mực đã được quy định; **có khả năng** nghiên cứu khoa học để phát triển và giải quyết những vấn đề phát sinh trong thực tế công tác...

Sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Thuế; Cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính; Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán...

+ Các phòng chức năng: Kế toán, Quản lý ngân sách... tại các Sở ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Các cơ quan, nhà máy xí nghiệp, Cty, T.Cty trên địa bàn toàn quốc hoạt động trên khắp các lĩnh vực: T.Cty Xây dựng VN, TD Bưu chính viễn thông VN, TD Điện lực VN, T.Cty Xây dựng công nghiệp VN, T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn... và các đơn vị trực thuộc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kế toán.

Ngành Hệ thống thông tin kinh tế

Khi học ngành Hệ thống thông tin kinh tế sinh viên sẽ không chỉ được học các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, khối ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Giải tích - Hàm số và giới hạn - Xác suất và thống kê toán - Quy hoạch tuyến tính - Thống kê ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế... cùng những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Cơ sở lập trình - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Cơ sở dữ liệu - Phát triển hệ thống thông tin kinh tế - Mạng và truyền thông.... Bên cạnh đó tùy từng chuyên ngành sinh viên theo học mà sẽ được ngành cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành** riêng như:

+ **Chuyên ngành Toán kinh tế:** Cử nhân chuyên ngành Toán kinh tế được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Toán kinh tế:** Thống kê toán - Các phương pháp dự báo và ứng dụng - Kinh tế lượng - Toán tài chính - Lý thuyết trò chơi - Quá trình ngẫu nhiên - Quyển chọn và hợp đồng giao sau - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại... để khi tốt nghiệp ra trường Cử nhân chuyên ngành Toán kinh tế **có khả năng** phân tích độc lập các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, những biến động kinh tế và tác động của chính sách kinh tế...

+ **Chuyên ngành Thống kê:** Sinh viên khi học chuyên ngành Thống kê sẽ được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Thống kê:** Kinh tế lượng - Dự báo trong kinh doanh và kinh tế - Thống kê kinh tế - Phương pháp mẫu - Tin học thống kê - Thống kê dân số - Thống kê doanh nghiệp - Thống kê thương mại - Thống kê xã hội.... Sau khi tốt nghiệp, Cử nhân chuyên ngành này **có khả năng** tổ chức thu thập, phân tích và xử lý các số liệu thống kê các loại, từ đó đưa ra các dự báo thống kê ngắn hạn và dài hạn...

+ **Chuyên ngành Tin học quản lý:** Nội dung chương trình đào tạo những kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Tin học quản lý gồm những môn học: Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Lập trình mạng - Lập trình hướng đối tượng - Phân tích thiết kế hướng đối tượng - Hệ trợ giúp ra quyết định.... Ngoài ra chuyên ngành này còn cung cấp cho sinh viên kiến thức bổ trợ: Phân tích dữ liệu - Kinh tế lượng - Hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp... để khi ra trường Cử nhân chuyên ngành Tin học quản lý **có khả năng** quản trị hệ thống thông tin trong các doanh nghiệp, thiết kế và xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ quản trị kinh doanh...

Không những thế sinh viên còn được lựa chọn các môn học **bổ trợ kiến thức** cho ngành Hệ thống thông tin kinh tế như: Kế toán tài chính - Ngoại ngữ chuyên ngành - Thị trường tài chính và các định chế tài chính - Thương mại điện tử.... Sau khi ra trường, Cử nhân ngành Hệ thống thông tin kinh tế **có khả năng** ứng dụng các phương pháp toán, thống kê, các phương pháp và sản phẩm tin học trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức kinh tế xã hội...

Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Hệ thống thông tin kinh tế có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ thông tin, Viện Nghiên cứu Khoa học thống kê, Viện Ứng dụng công nghệ; TT Thông tin khoa học và Công nghệ QG, TT Tin học thống kê, TT Tư liệu thống kê, các TT Thông tin...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Thống kê, Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin; Vụ Hệ thống tài khoản quốc gia, Vụ Phương pháp Chế độ thống kê, các Vụ Thống kê...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, Cty Phát hành biểu mẫu thống kê...

+ Các phòng chức năng: Thống kê, Quản lý thông tin, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... tại các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao dịch, Sở Văn hóa thông tin... trực thuộc 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Hệ thống thông tin kinh tế.

Ngành Kinh tế chính trị

Sinh viên ngành Kinh tế chính trị (KTCT) được cung cấp ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như: Đại số tuyến tính - Giải tích - Xác suất thống kê - Xã hội học - Logic

học - Tâm lý học... còn có **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Kinh tế chính trị: Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Kinh tế phát triển - Kinh tế công cộng - Kinh tế học lao động - Tài chính tiền tệ.... Bên cạnh đó ngành còn trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: KTCT phần Chủ nghĩa Tự bản (CNTB) tự do cạnh tranh - KTCT phần CNTB hiện đại - KTCT về thời kỳ quá độ - Tác phẩm kinh điển về CNTB tự do cạnh tranh - Tác phẩm kinh điển của Lênin về thời kỳ quá độ - Nguyên lý công tác tư tưởng - Chính trị học... ngoài ra sinh viên còn được học các môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Tư tưởng kinh tế Hồ Chí Minh quốc tế - Ngoại ngữ chuyên ngành... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** tự nghiên cứu những vấn đề lý luận kinh tế, phân tích, đánh giá những vấn đề kinh tế ở tầm vĩ mô...

Sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế chính trị sinh viên có thể nhận công tác tại:

- + Các Viện: Viện Kinh tế và Chính trị thế giới, Viện Kinh tế VN, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương...
- + Các cơ quan nghiên cứu, quản lý, hoạch định chính sách và điều hành kinh tế Nhà nước.
- + Các Cty thuộc đủ các thành phần kinh tế như: Quốc doanh, Tư nhân, Liên doanh...
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kinh tế chính trị.

Ngành Luật học

+ Chuyên ngành Luật kinh doanh

Khi học ngành Luật học sinh viên sẽ được trang bị bên cạnh những **kiến thức chung** dành cho Toán và nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Xác suất và thống kê - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... là những **kiến thức cơ bản** về ngành như: Tâm lý học quản lý - Logic học - Lý luận Nhà nước và pháp luật - Luật học so sánh.... Trên nền những kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Luật hiến pháp - Luật hành chính - Luật hình sự - Luật dân sự - Luật tố tụng hình sự - Luật tố tụng dân sự - Luật thương mại - Luật lao động - Luật tài chính - Luật kinh doanh bảo hiểm - Luật kinh doanh chứng khoán - Luật ngân hàng Đồng thời ngành cũng cung cấp cho sinh viên các môn học nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành** như: Nguyên lý thống kê - Nguyên lý kế toán - Tài chính tiền tệ - Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính - Kỹ năng đàm phán và soạn thảo hợp đồng - Kỹ năng hành nghề luật... ngoài các môn bổ trợ kiến thức bắt buộc thì sinh viên còn được lựa chọn những **kiến thức bổ trợ khác**: Luật thương mại và kinh doanh (LTM&KD) Hoa Kỳ - LTM&KD EU - LTM&KD các nước ASEAN - LTM&KD Trung Quốc - Luật cạnh tranh và chống độc quyền - Luật an sinh xã hội - Luật bản quyền - Thương mại điện tử.... Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Luật học **có khả năng** tư vấn, đàm phán, ký kết các hợp đồng kinh tế thương mại, khế ước và thỏa thuận khác...

Sinh viên ngành Luật học sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý, Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế...
- + Các phòng chức năng: Pháp chế, Thanh tra, Tư vấn... tại các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh... có hoạt động liên quan đến chuyên ngành Luật kinh doanh.
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Luật kinh doanh.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	4.200	53.065	1/12.6
2000	3.800	53.845	1/14.1
2001	3.900	42.175	1/10.8
2002	3.900	44.075	1/11.3
2003	4.000	35.369	1/8.8
2004	4.300	45.333	1/10.5
2005	4.700	47.540	1/10.1
2006	5.000	41.097	1/8.2

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
Kinh tế	14	17.5	15	15.5	16.5	12	15	16.5	19.5	17.5
Quản trị kinh doanh	13.5	17	16	17.5	18.5	14	17	16.5	19.5	17.5
Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng	14.5	18.5	16.5	18.5	19.5	14	17	16.5	19.5	17.5
Kế toán - Kiểm toán	14.5	19	17.5	19	20	15.5	18.5	16.5	19.5	17.5
Thống kê	15	16.5	14	15	16	12	15	16.5	19.5	17.5
Kinh tế chính trị	12	16	14	15	16	12	15	16.5	19.5	17.5
Toán kinh tế	15	16.5	20	17	18	-	-	16.5	19.5	17.5
Tin học quản lý	15	23	20	17	18	12	15	16.5	19.5	17.5
Luật kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5

Ghi chú: - Năm 2004, 2005, 2006 trường không xét tuyển NV2.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và chỉ tuyển sinh khối A chứ không tuyển cả khối D như Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), hay Trường ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.

- Điểm trúng tuyển của trường được xét chung cho tất cả các ngành.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường tương đối nhiều và những năm gần đây vẫn tăng lên (xem bảng 1).

- Số lượng các thí sinh ĐKDT vào trường hàng năm đông. Năm 2006 mặc dù chỉ tiêu tăng nhưng số lượng thí sinh ĐKDT giảm nên tỉ lệ "chọi" cũng vì thế mà giảm xuống thấp hơn so với các năm trước, so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này cũng không cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường có năm cao, có năm thấp. Năm 2003 điểm các ngành giảm và có sự chênh lệch giữa các ngành học (ngành thấp nhất là 12 điểm, ngành cao nhất là 15,5), từ năm 2004 đến nay trường lấy điểm chuẩn chung cho tất cả các ngành. Điểm chuẩn năm 2005, 2006 tăng so với các năm trước, điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường ngày càng được nâng cao.

- Do năm 2006 là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT không áp dụng tính điểm thưởng cho thí sinh ĐKDT, nên hầu hết các trường đều có điểm trúng tuyển so với năm trước, Trường ĐH Kinh tế

Tp.HCM mặc dù lấy điểm chuẩn thấp hơn năm 2005 nhưng so với mặt bằng chung thì điểm chuẩn của trường vẫn khá cao, và cũng cao hơn so với điểm sàn của Bộ, điều này lưu ý những bạn có học lực trung bình, trung bình khá nên thận trọng khi ĐKDT vào trường.

- So với Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM) thì điểm trúng tuyển của trường ĐH Kinh tế Tp.HCM nhìn chung không cao bằng đặc biệt là ngành Tài chính - Ngân hàng: Khoa Kinh tế lấy 21.5 điểm cao hơn 4 điểm so với điểm chuẩn ngành này của Trường ĐH Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh(21.5/17.5), ngành Kế toán - Kiểm toán cũng cao hơn 3 điểm(20.5/17.5). Tuy nhiên ngành Luật kinh doanh ở Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM lại cao hơn so với ngành này của Khoa Kinh tế 1.5 điểm. {

- Điểm chuẩn của ngành Quản trị kinh doanh của trường năm 2006 cao hơn so với ngành cùng tên ở Trường ĐH Kinh tế (ĐH Huế/ĐH Đà Nẵng) (17 điểm) nhưng điểm chuẩn ngành Tài chính - Ngân hàng của trường lại thấp hơn điểm chuẩn ngành này của 2 trường vừa nêu(Xem bảng 2 của các trường)...

- Từ những đặc điểm trên, xin lưu ý các bạn thí sinh khi lựa chọn ngành cũng như lựa chọn trường ĐKDT bởi Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM) cũng như một số trường khác có đào tạo một số ngành giống Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM.

- Dự kiến năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG TP.HCM

Địa chỉ: Số 15, Đường D5, Phường 25, Q.Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.5127254 - Fax: 08.5127255 - Website: <http://www.ftu.edu.vn/>

- Trường ĐH Ngoại thương Tp.HCM được thành lập năm 1993, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ kinh tế đối ngoại trong phạm vi toàn quốc.
- Trường có các cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ ở cơ sở 2 có khoảng 39 cán bộ, giảng viên trong đó có 1 Phó Giáo sư, 1 Tiến sĩ, 4 Thạc sĩ, 32 cử nhân...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kinh tế đối ngoại

+ Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế

Đào tạo cử nhân chuyên ngành Kinh doanh quốc tế ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Phát triển sai phân - Giải tích - Xác suất thống kê - Logic học - Ngôn ngữ cơ sở - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Kinh tế đối ngoại: Kinh tế lượng - Nguyên lý thống kê kinh tế - Tài chính tiền tệ - Chính sách thương mại quốc tế - Đầu tư nước ngoài - Ngôn ngữ kinh tế thương mại... cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kinh tế phát triển - Kinh tế công cộng - Giao dịch thương mại quốc tế - Vận tải và Giao nhận hàng hóa - Thanh toán quốc tế - Thương mại quốc tế.... Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học tự chọn nhằm **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành** như: Chuyển giao công nghệ - Phân tích hoạt động kinh doanh - Nghiệp vụ hải quan - Lễ tân ngoại giao - ASEAN và Kinh tế các nước phát triển... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** phân tích đánh giá hiệu quả kinh doanh xuất nhập khẩu, sự biến động của tỉ giá hối đoái và đầu tư quốc tế, xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách thương mại và các dự án đầu tư trong và ngoài nước...

Sinh viên học ngành Kinh tế đối ngoại sau khi tốt nghiệp có thể nhận công tác tại:

+ Các Cục, Vụ, TT: Cục Đầu tư nước ngoài; Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Chính sách thương mại đa biên; TT Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội QG...

+ Các doanh nghiệp, Cty có hoạt động quan hệ với đối tác nước ngoài: T.Cty Du lịch VN, các Cty, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu... trên địa bàn toàn quốc.

+ Các phòng chức năng: Quản lý thương mại, Quản lý xuất nhập khẩu, Xúc tiến thương mại du lịch, Xúc tiến đầu tư... trực thuộc các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Du lịch... của 64 tỉnh, thành phố.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kinh tế đối ngoại.

Ngành Quản trị kinh doanh

+ Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế

Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế không chỉ trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và nhóm ngành Kinh tế cũng giống như chuyên ngành Kinh doanh quốc tế, mà còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức cơ bản** về ngành Quản trị kinh doanh: Phân tích hoạt động kinh doanh - Quan hệ kinh tế quốc tế - Nguyên lý thống kê và thống kê doanh nghiệp - Kế toán và Kế toán doanh nghiệp - Marketing căn bản - Thống kê kinh tế - Tài chính, tiền tệ - Ngôn ngữ kinh tế thương mại.... Đồng thời sinh viên còn được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Quản trị chiến lược - Quản trị nhân sự - Quản trị tài chính - Giao dịch thương mại quốc tế - Thanh toán tín dụng quốc tế - Quản lý sản xuất và dịch vụ - Vận tải và Bảo hiểm ... bên cạnh đó, ngành còn tạo điều kiện để sinh viên được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Văn hóa doanh nghiệp - Nghiệp vụ hải quan - Quy hoạch tuyến tính - Kiểm toán - Thuế và hệ thống thuế - Lễ tân ngoại giao... để sau khi tốt nghiệp, Cử nhân chuyên ngành này sẽ **có khả năng** tư vấn, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo hoạt động kinh doanh, có khả năng tạo lập một doanh nghiệp mới...

Sau khi tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế) sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu chiến lược, TT Tư vấn quản lý và đào tạo, TT Trọng tài thương mại...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các doanh nghiệp, Cty, T.Cty trên địa bàn toàn quốc đặc biệt có quan hệ đối tác với nước ngoài: T.Cty Xây dựng, T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Dệt - May VN... hay các đơn vị cung cấp các dịch vụ tư vấn pháp lý...

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... và các Tòa án kinh tế thuộc hệ thống Tòa án nhân dân... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế).

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1998	1.000	13.157	1/13.1
1999	1.300	11.215	1/8.6
2000	1.200	12.630	1/10.5
2001	1.400	15.091	1/10.7
2002	1.450	15.083	1/10.4
2003	400	4.298	1/11.0
2004	400	2.840	1/7.4
2005	500	2.832	1/5.6
2006	650	2.981	1/4.6

(Ghi chú: Chỉ tiêu từ năm 1998 - 2002 là tổng chung cho cả trường bao gồm cả phía Bắc và phía Nam - Từ năm 2003 chỉ tiêu của trường được phân chia cho từng cơ sở).

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành (cơ sở 2).

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		
					NV1	NV2	NV3
Quản trị KD A	18	-	17	20	18	-	-
Kinh tế ĐN A	18	23.5	22	20	18	19	20
Anh - Anh	20.5	22	21	18	22.5	23.5	24.5
Anh - Trung	20.5	22	20.5	-	-	-	-
Anh - Nhật	20.5	22	-	18	23	24	25
Anh Thương mại	20.5	22	-	-	-	-	-
Nga - Nga	20.5	-	-	-	-	-	-
Pháp - Pháp	20.5	-	20.5	-	-	-	-

Ngành	2003		2004	2005	2006
	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
Kinh tế đối ngoại A	22	25	23	25	23
Kinh tế đối ngoại (học tiếng Anh) D1	22	25	22	22	22
Kinh tế đối ngoại (học tiếng Nhật) D1	22	25	22	22	22
Quản trị kinh doanh A/D1	-	-	-	24	23 / 22

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Ngoại thương tuyển sinh trong cả nước và chỉ tuyển sinh 2 khối A và D₁, không giống như cơ sở phía Bắc tuyển thêm cả khối D₂, 3.
- Trường thường xét điểm trúng tuyển theo ngành, khối mà thí sinh đã ĐKDT.
- Trường không tuyển thí sinh dị dạng, nói ngọng, nói lắp.
- ĐH Ngoại thương là một trong những trường đại học có số lượng thí sinh đăng ký tuyển thẳng chiếm tỷ lệ cao nhất trong số học sinh giỏi đạt giải Olympic quốc tế, quốc gia cũng như học sinh thi tốt nghiệp đạt loại giỏi. Số sinh viên được tuyển thẳng cho từng ngành theo chỉ tiêu quy định.
- Hệ Cao đẳng không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi Đại học của những thí sinh đã dự thi khối A, D₁, 2, 3, 4 vào trường và các trường Đại học trong cả nước theo đề chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển, trên cơ sở hồ sơ đăng ký xét tuyển.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ năm 2003 (năm bắt đầu tách riêng chỉ tiêu ở 2 miền Bắc, Nam) trở lại đây vẫn tiếp tục tăng lên trong khi số lượng thí sinh ĐKDT vào trường hầu như không biến động do đó tỉ lệ "chọi" có xu hướng giảm dần. (Xem bảng 1).
- Điểm trúng tuyển vào trường các năm gần đây rất cao so với mặt bằng chung và so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Từ năm 2003 đến nay điểm chuẩn của trường ít thay đổi và có chiều hướng tăng lên điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường khá ổn định đồng thời ngày càng được nâng lên. (Xem bảng 2).
- Điểm trúng tuyển giữa các ngành vẫn có sự chênh lệch qua các năm tuy nhiên ngành Kinh tế đối ngoại khối A bao giờ cũng lấy điểm chuẩn cao nhất. (Xem bảng 2).
- So sánh điểm chuẩn của các ngành trong Trường ĐH Ngoại thương với điểm chuẩn của các ngành cùng tên, cùng khối tại các trường khác như: Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM... thì điểm chuẩn các ngành này của trường này hầu như năm nào cũng cao hơn hẳn. (Xem chi tiết bảng 2 của các trường).
- Từ năm 2005 trường cũng đã bắt đầu đào tạo thêm ngành học mới: Quản trị kinh doanh, việc mở thêm ngành mới sẽ mở ra cơ hội mới cho thí sinh có nguyện vọng thi vào trường.
- Tuy nhiên muốn trở thành sinh viên của trường bạn cần xem xét kỹ bởi có thể nói Trường ĐH Ngoại thương có chất lượng "đầu vào" được sàng lọc tốt nhất và là trường kinh tế duy nhất đặc biệt chú trọng chương trình đào tạo ngoại ngữ chuyên ngành nên trường có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp tìm được việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo rất cao. Mặt khác Trường ĐH Ngoại thương cũng là trường "độc quyền" đào tạo cán bộ ngoại thương và có rất nhiều thí sinh đã đạt giải quốc gia ĐKDT vào trường nên nếu bạn muốn trở thành cử nhân ngoại thương bạn phải có lực học xuất sắc và phải nỗ lực rất nhiều.
- Từ những số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP.HCM

Địa chỉ: Số 2, Đường D3, Khu Vân Thánh Bắc, P. 25, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 8992862 – 8991373 - Fax: (08) 8980456 - Website: <http://www.hcmutrans.edu.vn/>

- Ngày 26/4/2001 trường Đại học Giao thông vận tải (ĐH GTVT) Tp.HCM được thành lập trên cơ sở Phân hiệu Đại học Giao thông, là TT đào tạo, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực giao thông vận tải lớn nhất phía Nam VN.
- Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên là công tác luôn được trường coi trọng. Nhà trường đang cử 38 cán bộ, giáo viên học nâng cao, trong đó có: 9 Giảng viên học Nghiên cứu sinh, Cao học ở Nhật Bản, Liên Bang Nga, Nam Triều Tiên; 6 Giảng viên học Nghiên cứu sinh trong nước và 23 Giảng viên học cao học. Số Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Tiến sĩ Khoa học, Thạc sĩ chiếm khoảng 47% trong tổng số đội ngũ giáo viên, còn lại đều có trình độ Cử nhân, Kỹ sư...
- Trường ĐH GTVT Tp.HCM hiện đang đào tạo các bậc: Cao đẳng, Đại học, Trên đại học... với 2 loại hình chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐH GIAO THÔNG VẬN TẢI TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Công nghệ Điện tử Viễn thông

Ngành Công nghệ Điện tử Viễn thông cung cấp cho sinh viên không chỉ những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa: Xác suất thống kê - Hàm phức toán tử - Phương pháp tính - Vật lý - Hóa học... mà còn đào tạo để sinh viên có **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Tin học - Mạch điện - Trường điện từ - Dung cụ linh kiện điện tử - Đo lường điện tử - Tín hiệu - Kỹ thuật điện - Điện tử công suất - Cơ sở điều khiển tự động.... Trên nền những kiến thức cơ sở đó ngành sẽ trang bị cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật số - Kỹ thuật xung - Xử lý tín hiệu số - Kỹ thuật truyền số liệu - Kỹ thuật siêu cao tần - Mạch siêu cao tần - Mạng và Kỹ thuật phối ghép máy tính - Anten truyền sóng - Hệ thống viễn thông ... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** thiết kế, khai thác, lắp đặt và quản lý kỹ thuật hệ thống điện tử viễn thông trong các ngành viễn thông thuộc hệ thống kinh tế quốc dân, đặc biệt hệ thống viễn thông ngành giao thông vận tải, đồng thời có khả năng nghiên cứu, giảng dạy trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

Sinh viên ngành Công nghệ Điện tử Viễn thông sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ Viễn thông, Viện Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Điện tử - Kỹ thuật quân sự, Các TT thông tin, TT Viễn thông trên toàn quốc.

+ Các Cục, Vụ: Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Khoa học công nghệ...

+ T.Cty Viễn thông quân đội, TĐ Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN... và hàng loạt Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện tử viễn thông hàng hải, Cty Điện tử viễn thông

VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty viễn thông liên tỉnh, quốc tế, các cơ quan an ninh, quốc phòng, hệ thống các đài phát thanh, truyền hình từ Trung ương đến địa phương...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông, Quản lý viễn thông... tại các Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Công nghệ Điện tử Viễn thông.

Ngành Đảm bảo an toàn hàng hải

Sinh viên ngành Đảm bảo an toàn hàng hải được cung cấp ngoài các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên: Đại số - Phương trình đạo hàm - Xác suất thống kê - Hóa kỹ thuật - Hóa môi trường - Vật lý... còn được học những **kiến thức cơ bản** về ngành Xây dựng: Cơ chất lỏng - Kỹ thuật điện - Sức bền vật liệu - Vật liệu xây dựng - Thực tập địa chất - Khí tượng - Thủy - Hải văn - Cơ học đất - Cơ học kết cấu - Kết cấu thép - Nền móng - Động lực học sông biển - Thi công cơ bản - An toàn lao động - Luật xây dựng - Kinh tế xây dựng Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thiết kế luồng và hệ thống báo hiệu đường thủy - Công trình cảng - Đo đạc và thành lập bản đồ đáy biển - Viễn thám ứng dụng - Công trình báo hiệu đường thủy - Công trình đường thủy - Bể cảng và dè chắn sóng - Công trình chống sa bồi - Ứng dụng tin học trong An toàn đường thủy... ngoài ra ngành cũng trang bị cho sinh viên rất nhiều **kiến thức bổ trợ** khác như: Tìm kiếm cứu nạn - Pháp luật đường thủy - Điều động tàu và quy tắc tránh va - An toàn hàng hải - Nguyên lý kết cấu tàu phao... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** khảo sát, thiết kế, tổ chức thi công, khai thác và quản lý các công trình đảm bảo an toàn đường thủy trên sông trên biển, phục vụ trực tiếp cho ngành giao thông vận tải thủy, đồng thời có khả năng xây dựng các bản đồ địa hình mặt đất và đáy biển, khả năng điều khiển tàu thuyền...

Ra trường, sinh viên ngành Bảo đảm an toàn hàng hải có thể công tác tại:

+ Các Tổng cục, Cục, TT: Tổng cục Hải quan, Cục Giám định và Quản lý chất lượng công trình giao thông, TT Phối hợp tìm kiếm và cứu nạn hàng hải VN...

+ T.Cty Hàng hải VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN, các T.Cty Xây dựng công trình giao thông, T.Cty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải... và các đơn vị, Cty trực thuộc: Cty Tư vấn thiết kế kiểm định công trình và đăng ký thủy, Cty Kỹ thuật công nghệ biển, Cty Nghiên cứu thiết kế cơ khí giao thông vận tải, Cty Tư vấn công nghệ, Thiết bị và Kiểm định xây dựng, hệ thống cảng biển trên toàn quốc...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý giao thông thủy... tại các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Bảo đảm an toàn hàng hải.

Ngành Xây dựng công trình thủy và thêm lục địa

Khi theo học ngành Xây dựng công trình thủy và thêm lục địa sinh viên không chỉ được trang bị những **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, mà còn được cung cấp những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Xây dựng cũng giống như ngành Đảm bảo an toàn hàng hải, đồng thời sinh viên cũng sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** riêng như: Quy hoạch cảng - Công trình (CT) bến cảng - CT thủy trong NMDT - Môi trường chuyên ngành - Chính trị sông, Âu tàu - CT cảng trên đất yếu - Thi công chuyên môn - CT thủy lợi - CT bảo vệ bờ và chắn sóng - CT và thiết bị báo hiệu đường thủy - CT biển cố định - Ổn định và động lực học kết cấu... đồng thời cũng

được rèn luyện **kỹ năng thực hành** thông qua các bài tập lớn, thiết kế môn học, đồ án môn học về: trắc địa, thủy hải văn, quy hoạch cảng, âu tàu, nền và móng, chỉnh trị sông.... Sinh viên ngành Xây dựng công trình thủy và thêm lục địa khi ra trường **có khả năng** đảm nhận việc khảo sát, thiết kế thi công, khai thác và quản lý các công trình phục vụ trực tiếp cho ngành vận tải đường thủy và công nghiệp thăm dò khai thác dầu khí, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền...

Sinh viên ngành Xây dựng công trình thủy và thêm lục địa sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng, Viện Chuyên ngành bê tông; TT Tư vấn thiết kế và Chuyển giao công nghệ xây dựng công trình giao thông vận tải, TT Khoa học công nghệ Bảo vệ công trình và Phương tiện giao thông vận tải...

- + Các T.Cty Xây dựng công trình giao thông, T.Cty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN, T.Cty Hàng hải VN... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Tư vấn xây dựng đường thủy, Cty Tư vấn xây dựng cảng đường thủy, Cty Dịch vụ kỹ thuật dầu khí, Cty Tư vấn xây dựng công trình hàng hải...

- + Các phòng chức năng: Xây dựng cơ bản, Thiết kế cơ sở, Quản lý giao thông thủy, Giao thông kỹ thuật... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Xây dựng... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Xây dựng công trình thủy và Thêm lục địa; các cơ sở đào tạo cán bộ và công nhân xây dựng.

Ngành Thiết kế và đóng thân tàu

Ngành Thiết kế và đóng thân tàu trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên giống như ngành Đảm bảo an toàn hàng hải, còn cung cấp các **kiến thức cơ bản** về ngành: Sức bền vật liệu - Vật liệu học - Điện kỹ thuật - Cơ chất lỏng - Chi tiết máy ... bên cạnh đó sẽ đào tạo để sinh viên có những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kết cấu thân tàu - Cơ kết cấu tàu thủy - Động lực học tàu thủy - Sức bền tàu - Chấn động tàu thủy - Thiết bị tàu - Công ước quốc tế có liên quan về đóng tàu - Thiết kế tàu - Hệ thống tàu - Mỹ thuật thiết kế tàu - Hàn tàu - Công nghệ đóng mới tàu thủy - Công nghệ sửa chữa tàu thủy - Quản trị sản xuất trong công nghiệp đóng tàu... để sau khi tốt nghiệp Kỹ sư ngành Thiết kế và đóng thân tàu sẽ **có khả năng** thiết kế các loại tàu vận tải, tàu công trình và các công trình nổi ở biển, biết cách lập quy trình công nghệ, biết cách dự trữ nguyên, nhiên liệu, nhân công, giá thành đóng mới và sửa chữa thân tàu, công trình nổi, có khả năng lập phương án thiết kế thân tàu - công trình nổi...

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Thiết kế và đóng thân tàu có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Vụ: Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Vụ Khoa học công nghệ...

- + TĐ Công nghiệp tàu thủy VN, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Hàng Hải VN, T.Cty Đường thủy VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... và hàng trăm các Cty, đơn vị trực thuộc trên khắp đất nước: Cty Chế tạo và Đóng tàu, Cty Tư vấn thiết kế công nghiệp tàu thủy, Cty Nghiên cứu thiết kế cơ khí giao thông vận tải, các Nhà máy đóng tàu, Cty Cơ khí đóng tàu...

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Thiết kế và đóng thân tàu.

Ngành Khai thác máy tàu thủy

Ngành Khai thác Máy tàu thủy đào tạo cho sinh viên không những có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Toán chuyên đề - Hàm phức - Lý thuyết toán tử - Vật lý - Hóa kỹ thuật - Môi trường..., mà còn cung cấp khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cơ lý thuyết - Nguyên lý máy - Sức bền vật liệu - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật nhiệt - Cơ chất lỏng - Cứu sinh cứu hỏa - Kết cấu nguyên lý tàu - Máy lạnh và điều hòa khí ... để từ đó sinh viên sẽ được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Khai thác máy tàu thủy: Điện tàu - Môi trường và bảo vệ môi trường biển - Trang trí động lực - Luật máy tàu - Tự động - Máy phụ tàu thủy - Kinh tế vận tải - Khai thác hệ động lực - Kỹ thuật tàu dầu, hóa chất - Tổ chức và công nghệ sửa chữa.... Sau khi tốt nghiệp, Kỹ sư ngành này **có thể đảm đương** các công việc liên quan chuyên ngành một cách có hệ thống, phân tích tổng hợp, vận dụng kỹ năng nghiệp vụ vào thực tiễn sản xuất, biết cách quản lý, vận hành thành thạo và **có khả năng** sửa chữa các máy móc và thiết bị trên tàu cũng như sẽ biết cách tổ chức đội ngũ máy để thực hiện khắc phục những sự cố hư hỏng, nắm vững các luật Hàng hải trong nước và Quốc tế, có trình độ tiếng Anh tốt để nghiên cứu tài liệu và giao dịch...

Ra trường, sinh viên ngành Khai thác máy tàu thủy có thể làm việc tại:

- + Các Viện: Viện Cơ học ứng dụng, Viện Khoa học công nghệ tàu thủy (TT Nghiên cứu và Kiểm định tàu thủy, TT Công nghệ điều khiển và Tự động hóa)...

- + TD Công nghiệp tàu thủy VN, T.Cty Hàng hải VN, TD Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... với hàng loạt các Cty, đơn vị trực thuộc được phân bố ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam: Cty Tư vấn thiết kế công nghiệp tàu thủy, Cty Cơ khí - Điện - Điện tử tàu thủy, các Cty Công nghiệp tàu thủy và Xây dựng, các Nhà máy đóng tàu, Cty Kỹ thuật điều khiển và Thông tin, Cty Cơ khí đóng tàu, Cty Tư vấn hàng hải...

- + Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý kỹ thuật, Quản lý giao thông thủy... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... của các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Khai thác máy tàu thủy.

Ngành Kinh tế vận tải biển

Trong thời gian học ở trường sinh viên ngành Kinh tế vận tải biển sẽ được cung cấp các **kiến thức chung** của khối A, nhóm ngành Kinh tế, Tin học: Đại số - Hàm phức - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Kinh tế môi trường - Tin học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Khoa học quản lý - Nguyên lý hoạt động tàu - Máy xếp dỡ - Quan hệ kinh tế thế giới - Tổ chức khai thác cảng - Kinh tế thương mại - Công nghệ vận tải hiện đại - Kinh tế vận tải - Luật vận tải.... Bên cạnh đó sinh viên còn được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hạch toán vận tải - Marketing vận tải - Thống kê vận tải - Tổ chức khai thác đội tàu - Thiết kế tổ chức khai thác đội tàu - Tin học quản lý - Tài chính vận tải - Toán ứng dụng trong vận tải - Đại lý giao nhận - Bảo hiểm vận tải - Thiết kế tài chính vận tải biển - Thương vụ vận tải - Quản trị doanh nghiệp - Phân tích hoạt động kinh tế - Thiết kế phân tích kinh tế... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành này **có khả năng** tổ chức, quản lý, khai thác, kinh doanh, lập kế hoạch sản xuất dài hạn, kế hoạch tác nghiệp, các công việc về quản trị kế toán, tài chính, kinh doanh, nhân sự, văn phòng hành chính, phân tích hoạt động kinh tế, kiểm toán tại các Cty hoạt động trong lĩnh vực Vận tải biển...

Sinh viên học ngành Kinh tế vận tải biển sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

- + Các Viện, Vụ: Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải, Vụ Vận tải...

+ T.Cty Hàng hải VN, TD Công nghiệp tàu thủy VN... với các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Vận tải biển VN, Cty Vận tải biển và Thuê tàu VN, Cty Vận tải dầu khí VN, Cty Xuất nhập khẩu vật tư đường biển, Cty Vận tải Biển Đông, Cty Vận tải Viễn dương... và hệ thống các cảng, vụ trên địa bàn toàn quốc.

+ Các phòng chức năng: Quản lý vận tải và Xếp dỡ, Kế hoạch tổng hợp, Quản lý dự án công trình giao thông... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... ở các tỉnh, thành ven biển.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kinh tế vận tải biển.

Ngành Kinh tế xây dựng (*Chuyên ngành Kinh tế xây dựng giao thông vận tải*)

Bên cạnh những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế giống như ngành Kinh tế vận tải biển thì sinh viên ngành Kinh tế xây dựng còn được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về ngành: Sức bền vật liệu - Cơ xây dựng - Địa chất - Nền móng - Đường ô tô - Đường sắt - Trắc địa - Vật liệu xây dựng ... đồng thời cũng sẽ đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công trình nhân tạo - Khoa học quản lý - Kinh tế xây dựng - Máy xây dựng - Quản trị doanh nghiệp - Marketing xây dựng - Kế toán - Thiết kế đường ô tô - Thiết kế công trình nhân tạo - Tài chính doanh nghiệp xây dựng - Toán ứng dụng trong vận tải - Điều tra qui hoạch giao thông vận tải ... để khi ra trường sinh viên **có thể** vận dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào trong các hoạt động có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

Tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế xây dựng giao thông vận tải sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT, Cục: Viện Kinh tế xây dựng, Viện Qui hoạch đô thị nông thôn, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương; TT Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia; Cục Quản lý và Xây dựng công trình...

+ T.Cty Xây dựng công trình giao thông, các T.Cty Xây dựng (T.Cty Xây dựng Thủy lợi 1, 2, 4..., T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Xây dựng và Phát triển hạ tầng...)... và hàng trăm Cty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tư vấn Thiết kế xây dựng, Cty Xây dựng đô thị và khu công nghiệp, Cty Xây dựng...

+ Các phòng chức năng: Kinh tế xây dựng, Quản lý kinh tế, Kiến trúc - Quy hoạch, Quản lý dự án... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Xây dựng, Sở Qui hoạch kiến trúc... tại các tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kinh tế xây dựng công trình giao thông vận tải.

Ngành Điện tự động tàu thủy

Chương trình đào tạo ngành Điện tự động tàu thủy bao gồm những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Hình học - Tin học - Hóa học - Toán cao cấp - Vật lý - Vệ kỹ thuật - Môi trường... và khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cơ lý thuyết - Cơ sở kỹ thuật điện - Sức bền vật liệu - Vật liệu điện - Máy điện - Kỹ thuật điện tử - Cơ sở truyền động điện - Kỹ thuật điều khiển logic - Nguyên lý điều khiển tự động - Lý thuyết tàu Bên cạnh đó, sinh viên ngành này còn được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật điều khiển thủy khí - Mô hình hóa thiết bị điện - Đo lường điện & không điện - Trạm phát lưới điện - Tự động điện tàu thủy - Hệ thống tự động - Tự động điện máy sản xuất - Thiết bị điện hàng hải - Thông tin liên lạc nội bộ - Sửa chữa khai thác ĐTC - Thiết

kế mạch điện tử OrCad... để khi học xong Kỹ sư ngành Điện tử động tàu thủy **có khả năng** làm việc trên tàu thủy, trên các công trình nổi, dàn khoan ngoài biển, ở các phòng kỹ thuật của các Cty vận tải biển, các đơn vị có hoạt động liên quan đến lĩnh vực tàu thuyền...

Sinh viên ngành Điện tử động tàu thủy sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Vụ: Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Vụ Khoa học công nghệ...

- + TD Công nghiệp tàu thủy VN, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Đường thủy VN, TD Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... với hàng loạt các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Cơ khí - Điện - Điện tử tàu thủy, Cty Cơ khí xây lắp và Đóng tàu, Cty Cơ khí đóng tàu, các Cty Công nghiệp tàu thủy và Xây dựng, Nhà máy đóng tàu...

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Điện tử động tàu thủy.

Ngành Tự động hóa công nghiệp

Sinh viên ngành Tự động hóa công nghiệp cũng được học những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A giống như ngành Điện tử động tàu thủy, ngoài ra còn được trang bị **kiến thức cơ bản** về ngành: Hệ thống điện, điện tử - Hệ thống truyền động điện - Điện tử công suất - Hệ thống chiếu sáng - Máy cơ khí công nghiệp cơ bản - Dây chuyền công nghệ sản xuất... đồng thời sinh viên ngành này cũng sẽ được đào tạo các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lý thuyết điều khiển tự động tương tự và số - Các phương pháp phân tích và tổng hợp hệ thống tự động - Xử lý tín hiệu đo - Truyền tín hiệu đo bằng các kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật số - Máy tính và mạng máy tính - Truyền động điện - Động cơ thủy lực và khí nén - Robot - Máy CNC - Điều khiển thủy khí - Kỹ thuật điện tử tương tự - Máy tính - PLC - Phương pháp phân tích và tổng hợp các quá trình tự động điều khiển - Dây chuyền sản xuất tự động - Hệ thống tự động điều khiển... bên cạnh đó ngành còn cung cấp cho sinh viên một số **môn học bổ trợ**: Tự động thiết kế CAD - Tự động tính toán kỹ thuật CAE - Thiết kế mạch điện tử OrCAD.... Tốt nghiệp, Kỹ sư chuyên ngành Tự động hóa công nghiệp **có khả năng** tư vấn, thiết kế, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cung cấp điện xí nghiệp, các hệ thống tiêu thụ năng lượng điện, các thiết bị điện, điện tử và máy điện thông dụng trong công nghiệp...

Sinh viên học các ngành Tự động hóa công nghiệp sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, TT Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện ...

- + Các Cục, Vụ: Cục Điều tiết Điện lực, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

- + TD Điện lực VN, T.Cty Thiết bị Kỹ thuật điện, T.Cty Điện tử và Tin học VN, TD Điện lực VN, TD Bưu chính viễn thông VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: các Cty Truyền tải điện, Cty Điện lực, Cty Cơ điện, các Cty Chế tạo thiết bị điện, Cty Dây và Cáp điện VN...

- + Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở như: Sở Công nghiệp, Sở Điện lực, Sở Khoa học và Công nghệ... trong toàn quốc.

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Tự động hóa công nghiệp.

Ngành Cơ giới hóa xếp dỡ

Khi theo học ngành Cơ giới hóa xếp dỡ sinh viên sẽ đi vào học **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản cũng giống như ngành Điện tử động tàu thủy, bên cạnh đó ngành còn cung cấp

các **kiến thức cơ bản** về máy xếp dỡ: Cơ lý thuyết - Kim loại và công nghệ - Nhiệt kỹ thuật - Nguyên lý máy - Điện kỹ thuật - Dung sai và kỹ thuật đo - Chi tiết máy - Hóa kỹ thuật - Thủy lực - Thiết kế chi tiết máy - Máy vận chuyển - Kỹ thuật điện tử - Cơ học kết cấu - Thiết kế máy vận chuyển.... Trên nền những kiến thức đã được đào tạo sinh viên sẽ được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thiết kế tổ chức cơ giới hóa cảng biển - Khoa học quản lý - Thiết bị điện máy xếp dỡ - Máy trục - Thiết kế máy trục - Kết cấu thép máy xếp dỡ - Công nghệ chế tạo - Hàng hóa, kỹ thuật xếp dỡ - Thiết kế máy vận chuyển - Thiết kế công nghệ sửa chữa - Công nghệ sửa chữa - Máy nâng hàng.... Sau khi ra trường, Kỹ sư ngành Cơ giới hóa xếp dỡ **có năng lực** chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu cơ giới hóa và tự động hóa đang phát triển mạnh, **sẽ nắm vững** chuyên môn về các nghiệp vụ quản lý, tổ chức, khai thác các phương tiện xếp dỡ, **có khả năng** khai thác, sửa chữa, thiết kế mới và thiết kế cải tiến theo các yêu cầu trong thực tế sản xuất...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Cơ giới hóa xếp dỡ cảng có thể công tác tại :

+ Các Viện, Vụ: Viện Cơ học ứng dụng, Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải; Vụ Khoa học công nghệ...

+ T.Cty Lắp máy VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN, TĐ Công nghiệp Ô tô VN, T.Cty Đường thủy VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... với hàng loạt các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Nghiên cứu thiết kế cơ khí giao thông vận tải, Cty Lắp máy và Xây dựng, Cty Cơ khí lắp máy, Cty Tư vấn Thiết kế công nghiệp tàu thủy, các Cty Vận tải thủy, biển, ô tô, hàng không...

+ Các phòng chức năng: Quản lý vận tải và Xếp dỡ, Quản lý kỹ thuật... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính của các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy, nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN, Trung cấp nghề có đào tạo ngành Cơ giới hóa xếp dỡ cảng.

Ngành Cơ khí ô tô

Đào tạo kỹ sư ngành Cơ khí ô tô nắm vững **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Hình họa họa hình - Xác suất thống kê - Lý thuyết toán tử - Toán rời rạc - Môi trường - Hóa học - Hóa kỹ thuật - Tin học - Vật lý..., cùng các **kiến thức cơ bản** về ngành: Kỹ thuật chế tạo máy - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Vật liệu học - Sức bền vật liệu - Nhiệt kỹ thuật - Thủy lực - Máy thủy lực - Cấu tạo ô tô - Lý thuyết ô tô - Động cơ đốt trong - Chi tiết máy ..., đồng thời nhà trường sẽ trang bị cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thiết kế động cơ đốt trong - Trang bị điện ô tô - Kết cấu và tính toán ô tô - Công nghệ lắp ráp ô tô - Chẩn đoán Kỹ thuật ô tô - Bảo dưỡng Kỹ thuật ô tô - Công nghệ sửa chữa - Thiết kế kết cấu và tính toán ô tô... để khi tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo, cải tiến, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô cũng như các thiết bị hiện đại dùng trên ô tô và các phương tiện khác tương tự ô tô...

Sinh viên học ngành Cơ khí ô tô sau khi ra trường có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu Phát triển cơ khí, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất...

+ TĐ Công nghiệp Ô tô VN, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp, T.Cty Lắp máy VN... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí Ô tô và Xe máy công trình, Cty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, Cty Xây dựng và Cơ khí...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý kỹ thuật, Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp... thuộc Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Công nghiệp... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở đào tạo có chuyên ngành đào tạo Cơ khí ô tô.

Ngành Điều khiển tàu biển

Khí học ngành này sinh viên được cung cấp không những chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như ngành Điện tự động tàu thủy, mà còn được trang bị **kiến thức cơ bản dành cho ngành**: Cơ lý thuyết - Cơ sở kỹ thuật điện - Vật liệu điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật điều khiển logic - Khí cụ điện - Phần tử tự động - Cơ sở truyền động điện - Lý thuyết tàu - Đại cương hàng hải..., sau khi được học các kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật vi xử lý - Mô hình hóa thiết bị điện - Điện tử công suất - Đo lường điện & không điện - Máy tàu thủy - Trạm phát lưới điện - Thiết bị điện máy sản xuất - Tự động điện tàu thủy - Thiết bị điện hàng hải - Vô tuyến viễn thông Tốt nghiệp, Kỹ sư chuyên ngành Điều khiển tàu biển **có khả năng** làm việc trong lĩnh vực hàng hải, các Cty chế tạo tàu thủy, Cty vận tải đường thủy, Cty tư vấn thiết kế công trình thủy...

Sau khi tốt nghiệp ngành Điều khiển tàu biển sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục: Viện Khoa học công nghệ tàu thủy, Viện Cơ học, Viện Cơ học ứng dụng, Cục Hàng hải VN...

+ T.Cty Hàng hải VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... với hàng loạt các Cty, đơn vị trực thuộc được phân bố ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam: Cty Kỹ thuật điều khiển và Thông tin, Cty Vận tải biển VN, Cty Vận tải dầu khí VN, Cty Vận tải và Thuê tàu biển VN...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý kỹ thuật, Quản lý giao thông thủy... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Điều khiển tàu biển.

1) Ngành Xây dựng cầu đường; 2) Ngành Máy xây dựng

Sinh viên học các ngành Máy xây dựng và ngành Xây dựng cầu đường của Trường ĐH GTVT Tp.HCM được trang bị trước hết là các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, những **kiến thức cơ bản** về ngành, sau đó sinh viên sẽ được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... giống như khối kiến thức mà Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM) cung cấp cho sinh viên theo học các chuyên ngành cùng tên trên. Để sau khi tốt nghiệp, sinh viên các ngành này **có khả năng** tư vấn, thiết kế cũng như ứng dụng kiến thức chuyên ngành vào trong những lĩnh vực có liên quan đến ngành Xây dựng nói chung và ngành Xây dựng cầu đường nói riêng...

Ngành Công nghệ thông tin bao gồm các chuyên ngành: Hệ thống thông tin; Công nghệ phần mềm; Mạng máy tính và viễn thông

Chương trình đào tạo Kỹ sư các chuyên ngành: Hệ thống thông tin, Công nghệ phần mềm, Mạng máy tính và viễn thông của Trường ĐH GTVT Tp.HCM cũng tương tự chương trình đào tạo các chuyên ngành cùng tên của Trường ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM)... Ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên và **kiến thức cơ bản** về ngành thì sinh viên sẽ được

trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để khi ra trường Kỹ sư các chuyên ngành có **khả năng** thiết kế và phát triển các hệ thống máy tính cả về phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo các sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống truyền thông, hệ thống điều khiển...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2001	600	7.413	1/12.3
2002	900	10.115	1/11.2
2003	1.130	14.376	1/12.7
2004	1.350	11.000	1/8.1
2005	1.575	11.330	1/7.2
2006	1.610	11.981	1/7.4

Bảng 2. Điểm trúng tuyển NV1 vào các ngành.

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Điều khiển tàu biển	19	18.5	21.5	19	11	12	13	16	14	17.5	15	19	14	15
Máy tàu thủy	19	18.5	21.5	19	10	11	12	13	14	16.5	15	19.5	14	15
Điện tàu thủy	19	18.5	21.5	19	10	11	12	13	14	20	15	19.5	15	16
Điện tử Viễn thông	19	18.5	21.5	19	14	15	17.5	20.5	18	-	18.5	-	17.5	-
Cơ giới hóa xếp dỡ	19	18.5	21.5	19	10	11	13	16	14	19	15	17	15	16
XD công trình thủy	19	18.5	21.5	19	11	12	14.5	17.5	14.5	-	17	-	15	16
Bảo đảm ATHH	19	18.5	21.5	19	10	11	12	13	14	18	15	17	15	16
XD cầu đường	19	18.5	21.5	19	16.5	17.5	19.5	22.5	20	-	22	-	18	-
Công nghệ thông tin	19	18.5	21.5	19	13	14	17	20	17	-	17.5	-	16	-
Kinh tế vận tải biển	19	18.5	21.5	19	11.5	12.5	13.5	16.5	15	-	16	-	15	-
Kinh tế xây dựng	19	18.5	21.5	19	12	13	16	19	15.5	-	17	23	16	20
Đóng tàu và CT nổi	19	18.5	21.5	19	10	11	-	-	-	-	-	-	-	-
TK và đóng thân tàu	-	-	-	-	-	-	12.5	15.5	15	-	16	21	15	16
Tự động hóa CN	-	-	-	-	-	-	15.5	18.5	15	-	18.5	-	15	-
Cơ khí ô tô	-	-	-	-	-	-	15	18	18.5	-	19.5	-	16	-
Máy xây dựng	-	-	-	-	-	-	12	14	14.5	-	16	19.5	15	16

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH GTVT Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và chỉ tuyển sinh khối A.

- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

- Riêng ngành Điều khiển tàu biển và ngành Khai thác máy tàu thủy chỉ tuyển nam và yêu cầu: tổng thị lực của 2 mắt phải đạt 18/20 trở lên, không mắc các bệnh khúc xạ, phải nghe rõ khi nói thường cách 5m và nói thầm cách 0,5m.

- Hệ Cao đẳng không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã dự thi vào khối A vào các trường Đại học trong cả nước theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển, trên cơ sở hồ sơ đăng ký của thí sinh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường năm 2006 giảm nhưng số lượng thí sinh ĐKDT vào trường lại tăng lên do đó tỉ lệ "chọi" của trường tăng so với năm 2005. Tuy nhiên do số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không chênh lệch nhiều lắm so với chỉ tiêu được giao nên tỉ lệ "chọi" của trường hai năm gần đây thấp hơn so với những năm trước. (Xem bảng 1).

- Từ khi Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh "3 chung" (năm 2002) thì điểm chuẩn của trường giảm đáng kể, nhất là năm 2002 điểm chuẩn giảm xuống tới 10-11 điểm, thấp hơn so với năm 2001 trung bình từ 3.5 - 9 điểm, tuy nhiên các năm gần đây đã tăng dần lên. Điều đó cho thấy chất lượng đầu vào của trường ngày càng được nâng cao. (Xem bảng 2).

- Năm 2006 điểm chuẩn vào trường có giảm do là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT bỏ quy chế tính điểm thường trong xét tuyển. Song so với mặt bằng chung thì điểm chuẩn của trường không cao (đặc biệt so với điểm chuẩn các ngành Xây dựng cầu đường ở Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), ngành Công nghệ thông tin ở Trường ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM) thì điểm chuẩn các ngành này của trường thấp hơn rất nhiều).

- Mặc dù điểm chuẩn vào trường không cao nhưng vẫn có sự chênh lệch về điểm giữa các ngành: Ví dụ năm 2006: ngành Xây dựng cầu đường (18 điểm) có điểm chuẩn cao nhất sau đó đến ngành Điện tử viễn thông (17.5 điểm), thấp nhất là ngành Điều khiển tàu biển và ngành Máy tàu thủy (14 điểm), chênh nhau từ 3.5 - 4 điểm. (xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm trúng tuyển của ngành Xây dựng cầu đường bao giờ cũng cao hơn các ngành khác và là ngành luôn thu hút các thí sinh ĐKDT nhiều vì nhu cầu về xây dựng trong giai đoạn hiện nay là rất lớn đồng thời khi ra trường hầu hết các sinh viên đều có việc làm ổn định.

- Điểm trúng tuyển NV2 nhìn chung cao hơn NV1. Sự chênh lệch giữa điểm chuẩn NV2 so với NV1 đến năm 2006 đã giảm so với những năm trước: nếu như từ năm 2005 trở về trước mức chênh lệch vào khoảng từ 1 - 5 điểm thì năm 2006 lại ở mức 1 điểm, duy chỉ có ngành Kinh tế xây dựng thì NV2 hơn NV1 là 4 điểm vì đây là ngành luôn thu hút được sự chú ý của thí sinh. (Xem bảng 2).

- Các số liệu trên cho thấy các thí sinh đăng ký vào trường nên xem xét điểm chuẩn các ngành và so sánh với các trường khác để có quyết định phù hợp với khả năng và sở thích.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có xu hướng giảm.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI (CS2)

Địa chỉ: P. Tăng Nhơn Phú, Q.9, Tp.HCM.

Điện thoại: (08) 8962018 - Website: <http://portal.uct.edu.vn/>

- Trường Đại học Giao thông Vận tải (ĐH GTVT) cơ sở 2 được thành lập năm 1990 tại Tp.HCM, là TT đầu ngành của cả nước về đào tạo, nghiên cứu trong lĩnh vực giao thông vận tải.
- Trường có khoảng 568 cán bộ giảng dạy, trong đó có: 02 Giáo sư, 37 Phó Giáo sư, 04 Tiến sĩ Khoa học, 102 Tiến sĩ, 150 Thạc sĩ, 16 Nhà giáo ưu tú...
- Trường có các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm, với các cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Xây dựng công trình giao thông

Kỹ sư Xây dựng công trình giao thông được trang bị ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên: Giải tích - Phương pháp tính - Nhiệt kỹ thuật - Kỹ thuật điện - Cơ học - Vật lý - Hóa học... là các **kiến thức cơ bản về ngành Xây dựng công trình giao thông**: Vật liệu xây dựng - Thủy lực cơ sở - Sức bền vật liệu - Thủy lực công trình - Địa chất công trình - Máy xây dựng - Động lực học công trình - Kết cấu bê tông cốt thép - Lý thuyết đàn hồi - Kinh tế xây dựng - Luật xây dựng - Môi trường trong xây dựng.... Trên cơ sở khối kiến thức đã được cung cấp sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu chuyên ngành với khối **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành** riêng (lựa chọn 1 trong những chuyên ngành dưới đây):

+ Chuyên ngành Cầu hầm: Đường sắt, an toàn - Thiết kế mô hình (TKMH) Nền và móng - Thiết kế đường ô tô - Tự động hóa thiết kế cầu đường - Kết cấu thép - Thủy văn công trình - Mổ trụ cầu - Cầu thép - Cầu bê tông cốt thép - Thi công cầu - TKMH Cầu thép - Đường thành phố & tổ chức giao thông - Thi công đường ô tô - Thiết kế hầm - Thi công hầm - Chuyên đề cầu hầm - TKMH Thi công cầu - Kiểm định cầu... để khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành Cầu hầm **có khả năng** đảm nhiệm các công việc nghiên cứu, thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý dự án, thi công xây dựng các công trình Cầu, Đường...

+ Chuyên ngành Xây dựng công trình thủy: Quy hoạch kiến trúc cảng - Hải văn công trình - Kết cấu cầu đường bộ và đường sắt - Công trình bến cảng - TKMH Công trình bến cảng - Lập và phân tích dự án xây dựng giao thông - Xây dựng đường ô tô (ĐOT) và sân bay - Hoạt động bến cảng và an toàn - Nhà máy sửa chữa và đóng mới tàu thủy - Động lực học sông biển - Quy hoạch và thiết kế sân bay - Công nghệ xây dựng cảng, đường thủy - TKMH Công nghệ xây dựng cảng, đường thủy - Công trình ven bờ và thềm lục địa.... Ra trường, Kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế, tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác các công trình giao thông thủy phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ngành giao thông vận tải...

+ Chuyên ngành Xây dựng đường bộ: Thiết kế yếu tố hình học ĐOT - Tự động hóa thiết kế cầu đường - Phương pháp số trong xây dựng - Kết cấu thép - Thủy văn công trình - Mổ trụ cầu - Thiết kế nền đường và các công trình trên đường - Đường thành phố & tổ chức giao thông - Xây dựng ĐOT - Thiết kế mặt ĐOT - Cầu thép - Cầu bê tông cốt thép - Thi công cầu - Chuyên đề ĐOT - TKMH Xây

dụng ĐOT- TKMH Khảo sát thiết kế ĐOT - Tổ chức thi công đường và xí nghiệp phụ - TKMH Tổ chức thi công và xí nghiệp phụ - Bảo dưỡng sửa chữa và thí nghiệm ĐOT- Xây dựng ĐOT.... Tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành ***có khả năng*** nghiên cứu, tư vấn thiết kế, tổ chức xây dựng và khai thác các công trình: đường ô tô, đường đô thị các cấp...

+ Chuyên ngành Đường sắt: Khảo sát và thiết kế đường sắt (ĐS) - Kết cấu tầng trên ĐS - Thi công ĐS - TKMH Nền ĐS - Nền ĐS - Hầm ĐS - Cầu thép - Thi công cầu - TKMH Thi công ĐS - Kỹ thuật sửa chữa ĐS - Thiết kế ĐOT - Xây dựng mặt ĐOT... để sau khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành đường sắt ***có khả năng*** nghiên cứu, tư vấn thiết kế, tổ chức xây dựng và khai thác các công trình đường sắt các cấp, đường ô tô...

+ Chuyên ngành Cầu - đường bộ: Cầu thép - Cầu bê tông cốt thép - Thi công cầu - Đường thành phố & tổ chức giao thông - Thi công ĐOT - Thiết kế ĐOT - TKMH Cầu thép - TKMH Thiết kế ĐOT - Bảo dưỡng sửa chữa ĐOT - Kiểm định cầu... để sau khi học xong sinh viên chuyên ngành Cầu - đường bộ ***có khả năng*** thiết kế, thi công và tổ chức thi công, kiểm định, khai thác công trình cầu đường...

+ Chuyên ngành Cầu - đường sắt: TKMH cầu thép - Nền ĐS - Thi công ĐS - Cầu bê tông cốt thép - Thi công cầu - Cầu bê tông cốt thép - Cầu thép - Hầm ĐS - Công nghệ xây dựng & sửa chữa cầu đường bộ và ĐS - Kiểm định cầu - Khảo sát & Thiết kế ĐS - Kỹ thuật sửa chữa ĐS - Kết cấu tầng trên ĐS - Kết cấu tầng trên ĐS - Chuyên đề cầu đường... để khi ra trường, sinh viên ***có khả năng*** đảm nhiệm các công việc nghiên cứu, thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý dự án, thi công xây dựng các công trình cầu, đường sắt...

+ Chuyên ngành Công trình giao thông công chính: Quy hoạch và kiến trúc đô thị - Cấp thoát nước đô thị - Lập phương án cầu đường sắt và đường bộ (ĐS&ĐB) - Kết cấu hầm ĐS&ĐB - Phương pháp số trong xây dựng - Kết cấu cầu thép ĐS&ĐB - Kết cấu cầu bê tông cốt thép ĐS&ĐB - TKMH Thiết kế đường ô tô và đường đô thị (ĐOT&ĐĐT) - Thiết kế ĐOT&ĐĐT - Chiếu sáng đô thị - Xây dựng dân dụng và công nghiệp - Tự động hóa thiết kế cầu đường - Công nghệ xây dựng và sửa chữa cầu - Chẩn đoán GTVT - Xây dựng ĐOT&ĐĐT - Bảo dưỡng sửa chữa và khai thác đường và ĐĐT.... Đào tạo kỹ sư chuyên ngành này ***có khả năng*** nghiên cứu, tư vấn thiết kế, tổ chức xây dựng và khai thác các công trình: đường ô tô và đường đô thị...

+ Chuyên ngành Công trình giao thông thành phố: Lập phương án cầu ĐB&ĐS - Lập và phân tích dự án XDGT - Quy hoạch và kiến trúc đô thị - Thiết kế ĐOT&ĐĐT - Kết cấu cầu bê tông cốt thép ĐB&ĐS - Kết cấu cầu thành phố - Quy hoạch và Thiết kế đường sân bay - TKMH Kết cấu cầu thành phố - Kết cấu cầu thép ĐB&ĐS - Kết cấu hầm ĐB&ĐS - Các phần mềm Thiết kế CTGT - Công nghệ xây dựng hầm ĐB&ĐS - Công nghệ Xây dựng và sửa chữa cầu - Chẩn đoán CTGT - Kết cấu cầu đặc biệt - Thi công ĐOT&ĐĐT.... Các Kỹ sư chuyên ngành Công trình giao thông thành phố ***có khả năng*** đảm nhiệm công tác nghiên cứu, thiết kế, tư vấn giám sát, quản lý dự án, thi công xây dựng các công trình cầu, đường, hầm giao thông...

+ Chuyên ngành Tự động hóa thiết kế cầu đường: Cấu trúc và cơ sở dữ liệu trong xây dựng - Lập trình hướng đối tượng trong xây dựng - Tổng luận CTGT - Phương pháp Phần tử hữu hạn ứng dụng - Công nghệ CAD trong xây dựng - Mô hình hóa và phân tích tính toán kết cấu - Cấu tạo máy tính và mạng - Chẩn đoán CTGT - Ứng dụng các phần mềm trong thiết kế cầu đường (TKCĐ) - Internet - TKMH Ứng dụng các phần mềm trong TKCĐ - Công nghệ xây dựng và sửa chữa cầu - Công nghệ phần mềm trong xây dựng - Chuyên đề tự động hóa TKCĐ - GIS... đồng thời chuyên ngành cũng sẽ cung cấp các ***kỹ năng, nghiệp vụ*** về cách tổ chức, thi công, thiết kế các CTGT... để khi ra trường sinh viên ngành này ***có khả năng*** ứng dụng kiến thức chuyên ngành một cách linh hoạt và có hiệu quả vào trong những lĩnh vực có liên quan...

+ Chuyên ngành Xây dựng hạ tầng đô thị: Cấp nước - Tổ chức thi công các công trình cơ sở hạ tầng (CSHT) - Thoát nước - Thiết kế nhà và các công trình trên đường - TKMH Thoát nước - TKMH Quy hoạch và phát triển hệ thống CSHT kỹ thuật - Kỹ thuật chiếu sáng - Chuyên đề về kết cấu xây dựng mới - Kỹ thuật thi công các công trình CSHT - TKMH Kỹ thuật thi công các công trình CSHT - Tổ chức thi công các công trình hạ tầng đô thị - TKMH Tổ chức thi công các công trình CSHT - Quản lý, khai thác, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình CSHT.... Ra trường, sinh viên chuyên ngành Xây dựng hạ tầng đô thị **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế, qui hoạch, quản lý, và thi công các công trình cơ sở hạ tầng đơn lẻ hoặc cả mạng lưới các công trình cơ sở hạ tầng cho một thành phố, một thị xã, thị trấn, một khu vực dân cư hoặc một khu công nghiệp...

+ Chuyên ngành Vật liệu và công nghệ xây dựng: Cơ sở lý thuyết của Công nghệ vật liệu xây dựng - Kết cấu thép - Tự động hóa thiết kế cầu đường - Mổ trụ cầu - Xây dựng và sửa chữa cầu ĐB&DS - Công nghệ xây dựng đường sắt tốc độ cao - TKMH Thi công ĐOT - Thi công ĐOT - TKMH Kết cấu cầu thép ĐB&DS - TKMH Kết cấu cầu bê tông cốt thép ĐB&DS - Kết cấu cầu bê tông cốt thép ĐB&DS - Tổ chức xây dựng CTGT - Công nghệ kết cấu thép - TKMH Công nghệ kết cấu thép - Thử nghiệm vật liệu và công trình xây dựng - Chẩn đoán CTGT - Bê-tông át phan - Công nghệ bê tông và khoan cắt bê tông - TKMH Công nghệ bê tông và khoan cắt bê tông - Công nghệ xây dựng và sửa chữa cầu... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế và quản lý công nghệ xây dựng các công trình giao thông...

+ Chuyên ngành Địa kỹ thuật công trình giao thông: Đánh giá chất lượng móng - TKMH Khảo sát địa kỹ thuật - Khảo sát địa kỹ thuật - Xử lý và gia cố móng - TKMH Cải tạo đất đá - Các phần mềm tin học trong tính toán địa kỹ thuật - Cải tạo đất đá... cùng với những công nghệ, kỹ thuật xây dựng CTGT... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** tính toán, thiết kế và giải quyết các vấn đề về địa kỹ thuật cho các công trình giao thông, đồng thời cũng có thể làm được các phần việc của các Kỹ sư Xây dựng cầu đường nói chung...

+ Chuyên ngành Đường ô tô và sân bay (ĐOT&SB): Quy hoạch cảng hàng không - TKMH Thiết kế ĐOT&SB - Thiết kế ĐOT&SB - Đường thành phố và tổ chức giao thông - Tổ chức thi công ĐOT&SB, xí nghiệp phụ - Khai thác ĐOT&SB - TKMH Tổ chức thi công và Xí nghiệp phụ - Khảo sát thiết kế ĐOT&SB - TKMH Thiết kế sân bay - Thiết kế sân bay - Xây dựng nền ĐOT&SB... nhằm đào tạo Kỹ sư chuyên ngành **có khả năng** khảo sát, thiết kế, quy hoạch và thi công, khai thác đường ô tô các loại và cảng hàng không (đường băng, bãi đỗ của máy bay)...

+ Chuyên ngành Đường hầm và Metro (H&M): Thiết bị khai thác Metro - Mổ trụ cầu - Cầu thép - H&M - Thi công H&M - Cầu bê tông cốt thép - TKMH Cầu thép - Thi công cầu - Thi công H&M - TKMH Thi công H&M - Kiểm định cầu hầm - Chuyên đề H&M - Đường sắt - Đường thành phố & tổ chức giao thông - Thiết kế ĐOT.... Tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** tính toán, thiết kế kỹ thuật, xây dựng, bảo trì, khai thác các công trình đường hầm và đường tàu điện ngầm trong đô thị (Metro)...

+ Chuyên ngành Dự án và quản lý dự án

Sinh viên tốt nghiệp ngành Xây dựng công trình giao thông có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý xây dựng công trình, Cục Giám định và Quản lý chất lượng công trình giao thông, Cục Đường bộ VN, Cục Đường sông VN, Vụ Khảo sát thiết kế xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế kỹ thuật...

+ Các T.Cty Xây dựng công trình giao thông, T.Cty Xây dựng và Phát triển hạ tầng, T.Cty Xuất nhập khẩu xây dựng VN, T.Cty Xây dựng và Vật liệu xây dựng, các T.Cty Vật liệu xây dựng... và các đơn vị trực thuộc: các Cty Xây dựng, Cty Tư vấn xây dựng, Cty Thiết kế cầu lớn - hầm...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật, Quản lý dự án các công trình giao thông... tại các Sở: Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... trực thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Xây dựng công trình giao thông.

Ngành Vô tuyến điện và Thông tin liên lạc gồm các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Kỹ thuật thông tin

Trên nền những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Tin: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Trường và sóng điện từ - Cơ kỹ thuật - Tin học... thì sinh viên chuyên ngành Kỹ thuật thông tin sẽ được cung cấp những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành: Xử lý tín hiệu số - Kỹ thuật (KT) số - Kinh tế viễn thông - Lý thuyết tín hiệu ... đồng thời ngành cũng sẽ tạo điều kiện cho sinh viên đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: KT đa truy nhập vô tuyến - KT chuyển mạch - Cơ sở KT siêu cao tần - Thông tin vi ba số - TKMH Các hệ thống thông tin sợi quang - KT xử lý ảnh - KT định vị đạo hàng - Các hệ thống thông tin sợi quang - Mạng số liệu - TKMH KT mạch siêu cao tần - TKMH KT phát, phát thanh truyền hình (PTTH) - TKMH KT thu, PTTH - KT Studio - KT chuyển mạch - KT thu, PTTH - KT phát, phát thanh - KT mạch siêu cao tần - Thông tin di động.... Tốt nghiệp, Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật thông tin **có khả năng** nắm bắt khai thác và thiết kế các loại thiết bị viễn thông trong lĩnh vực viễn thông và thông tin liên lạc...

+ Chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông

Kỹ sư chuyên ngành Kỹ thuật viễn thông được học ngoài các **kiến thức chung** dành cho Toán, Lý, Tin như chuyên ngành Kỹ thuật thông tin thì còn được trang bị những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Cấu kiện điện tử - Xử lý tín hiệu số - Nguồn điện - Cấu trúc máy tính số - KT xung - KT mạch điện tử - KT vi xử lý - Cơ sở KT truyền số liệu - Kinh tế viễn thông - KT ghép kênh số ... đồng thời cũng sẽ được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: KT lập trình C - KT đa truy nhập vô tuyến - KT chuyển mạch - KT thông tin sợi quang - TT chuyển mạch - Thông tin vệ tinh - Các hệ thống thông tin sợi quang - KT đồng bộ mạng và báo hiệu - KT mạch siêu cao tần - Các hệ thống thông tin sợi quang - Thiết bị đầu cuối - Phân tích thiết kế mạng viễn thông - Thông tin di động - Mạng viễn thông... cùng với các môn học về TKMH như: TKMH TT chuyển mạch - TKMH Phân tích thiết kế mạng viễn thông - TKMH Các hệ thống thông tin sợi quang - TKMH Thông tin di động... để khi ra trường, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** nghiên cứu, khai thác, triển khai và quản lý mạng viễn thông, mạng thông tin trong giao thông vận tải...

Sau khi tốt nghiệp ngành Vô tuyến điện và Thông tin liên lạc sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ thông tin; Các TT Thông tin, TT Viễn thông trên khắp cả nước...

+ Các Cục, Vụ: Cục Tấn số vô tuyến điện, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin; Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin...

+ T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Hàng không VN, T.Cty Hàng hải VN, T.Cty Đường sắt VN... và các đơn vị trực thuộc, các Cty trên cả nước: Cty Điện tử viễn thông Hàng hải, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Kỹ thuật điều khiển và thông tin...

+ Các phòng chức năng: Công nghiệp điện tử - Công nghệ thông tin, Quản lý dự án Công nghệ thông tin, Quản lý Viễn thông, Giao thông kỹ thuật... tại các Sở: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Giao thông vận tải... ở các tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Làm tại phòng Kỹ thuật của các Đài phát thanh, Đài truyền hình từ Trung ương đến địa phương...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Vô tuyến điện và Thông tin liên lạc.

Ngành Điều khiển học kỹ thuật có các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Điều khiển học kỹ thuật giao thông vận tải

Chương trình đào tạo chuyên ngành Điều khiển học kỹ thuật giao thông vận tải bao gồm: **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Hóa học - Vật lý - Truyền động điện - Cơ kỹ thuật - Đại số - Giải tích - Phương pháp tính - Hình học họa hình ..., **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cấu kiện điện tử - Phương tiện giao thông vận tải - Kỹ thuật điện tử tương tự - Cảm biến đo lường - Máy điện - Khai thác vận tải - Mô phỏng và thiết kế hệ thống điều khiển - Kỹ thuật điện tử số - Mạng máy tính và số liệu - Lý thuyết điều khiển tự động..., và các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Ngôn ngữ lập trình trong điều khiển - Truyền động điện tự động - Trang bị điện, điện tử - Tự động hóa trong giao thông vận tải - Robot công nghiệp - Thiết kế hệ thống cung cấp điện - KT điều khiển giao thông đường sắt - KT điều khiển nâng cao - KT điều khiển giao thông đường bộ ... để sau khi học xong Kỹ sư chuyên ngành **có khả năng** tham gia công tác nghiên cứu thiết kế và khai thác sửa chữa các hệ thống điều khiển tự động, tự động hóa sản xuất...

+ Chuyên ngành Tín hiệu giao thông vận tải

Ngoài các môn học thuộc khối **kiến thức chung** về Khoa học Tự nhiên, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành được học giống như chuyên ngành Điều khiển học kỹ thuật giao thông vận tải, sinh viên chuyên ngành Tín hiệu giao thông vận tải còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Máy tính và kỹ thuật ghép nối - Kỹ thuật đo lường - Nguồn điện tín hiệu - Cơ sở hệ thống tín hiệu giao thông - Điều khiển tín hiệu đường thủy - Điều khiển tín hiệu đường bộ - TKMH Điều khiển tín hiệu đường bộ - Kỹ thuật thông tin giao thông - Hệ thống tín hiệu ga - An toàn giao thông - Hệ thống tín hiệu khu gian - TKMH Hệ thống tín hiệu khu gian - Điều khiển tín hiệu hàng không - Phân tích, thiết kế & đánh giá Hệ thống tín hiệu - Tín hiệu Metro - Hệ thống tập trung điều độ - TKMH Hệ thống tín hiệu ga... để khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên **có khả năng** tham gia công tác nghiên cứu, tư vấn, thiết kế và khai thác các hệ thống thuộc lĩnh vực tự động hóa và điều khiển tín hiệu giao thông; có **khả năng** giải quyết những vấn đề về điều khiển tín hiệu giao thông...

Ra trường, sinh viên ngành Điều khiển học kỹ thuật có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Chiến lược và Phát triển giao thông, Viện Cơ học VN, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa; Các TT Điều khiển giao thông vận tải, TT Điều hành vận tải đường sắt...

+ T.Cty Hàng hải VN, T.Cty Đường sắt VN, T.Cty Hàng không VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... với hàng loạt các Cty, đơn vị thành viên được phân bố

ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam: Cty Kỹ thuật điều khiển và Thông tin, Cty Vận tải biển VN, Cty Vận tải dầu khí VN, Cty Vận tải hành khách, Cty Vận tải hàng hóa...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Giao thông kỹ thuật, Quản lý vận tải và xếp dỡ, Quản lý giao thông... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính... trực thuộc 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN, dạy nghề có liên quan đến lĩnh vực Điều khiển học kỹ thuật.

Ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử có chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Trang thiết bị trong công nghiệp và giao thông vận tải

Sinh viên chuyên ngành Trang thiết bị trong công nghiệp và giao thông vận tải (GTVT) được trang bị những **kiến thức chung** về khối A: Giải tích - Đại số - Hình học - Hóa học - Vật lý - Cơ học ứng dụng - Trường điện từ - Xác suất thống kê - Toán rời rạc..., và **kiến thức cơ bản** về điện, điện tử, máy điện, thiết bị điện - điện tử, năng lượng: Máy điện - Hợp ngữ trong thiết bị điện - Khí cụ điện - Kỹ thuật nhiệt - Điện tử công suất - Tự động hóa với thiết bị PLC - Điện xí nghiệp - TKMH Về lập trình - Lập trình hệ thống điện & điện tử - Cung cấp điện và mạng hạ áp - Ghép nối vi tính thiết bị điện - TKMH Về cung cấp điện..., đồng thời sinh viên còn được học các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thiết bị điện trong CNC - Truyền dữ liệu trong mạng công nghiệp - Vi điều khiển trong thiết bị điện - TKMH Về tự động hóa sản xuất - Vật liệu điện - Điều khiển quá trình tự động hóa - Thiết bị điện lạnh - Đo lường Công nghiệp và Giao thông - Trang bị điện ô tô - Điều khiển tín hiệu giao thông thành phố - TKMH Về đo lường - Trang bị điện máy xây dựng & giao thông ... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành Trang thiết bị trong công nghiệp và giao thông vận tải **có khả năng** khai thác và thiết kế các loại trang thiết bị điện - điện tử trong công nghiệp và giao thông vận tải...

Sinh viên học các ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử sau khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, TT Công nghệ vi điện tử và Tin học, TT Quang điện tử, TT Giao dịch công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố.

+ Các Cục, Vụ: Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin, Cục Tần số vô tuyến điện, Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Công nghiệp công nghệ thông tin...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Điện lực VN, T.Cty Hàng không VN, T.Cty Hàng hải VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí - Điện - Điện tử tàu thủy, Cty Thông tin điện tử Hàng hải VN, Cty Dây và Cáp điện VN, Cty Chế tạo thiết bị điện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở như: Sở Công nghiệp, Sở Điện lực, Sở Khoa học và Công nghệ... trong toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Trang thiết bị trong công nghiệp và giao thông vận tải.

Ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải:

Sinh viên khi theo học ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải (QTKD GTVT) được cung cấp **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Đại số tuyến tính - Giải tích toán học - Dao động và sóng - Môi trường - Tâm lý học - Xác suất và Thống kê toán - Hóa ứng dụng trong GTVT... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho khối ngành và ngành: Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Luật kinh tế - Marketing căn bản - Nguyên lý kế toán - Nguyên lý thống kê kinh tế - Tài chính tiền tệ - Kinh

tế lượng - Kiểm toán... đồng thời, ngành còn trang bị để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của ngành Quản trị kinh doanh**: Quản trị văn phòng - Quản trị nhân lực - Quản trị khoa học công nghệ - Quản trị sản xuất - Quản trị chiến lược - Quản trị Marketing - Kinh tế vận tải - Tổ chức vận tải - Kinh tế xây dựng.... Ngoài ra, tùy chuyên ngành lựa chọn của sinh viên mà nhà trường sẽ cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành** cho phù hợp như:

+ **Chuyên ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải**: Thống kê trong doanh nghiệp (DN) GTVT - Quản trị dự án đầu tư GTVT - Quản trị khoa học công nghệ trong DN GTVT - Tổ chức điều hành sản xuất DN GTVT - Định mức kinh tế kỹ thuật trong GTVT - Chiến lược kinh doanh trong DN GTVT - Định giá sản phẩm trong xây dựng - Kế toán quản trị trong DN GTVT - Phân tích hoạt động kinh tế DN GTVT... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới trong giao thông vận tải.

+ **Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp vận tải**: Quản trị chất lượng dịch vụ vận tải - Quản trị dự án đầu tư trong doanh nghiệp vận tải (DNVT) - Quản trị khoa học công nghệ trong DNVT - Chiến lược kinh doanh trong DNVT - Định mức kinh tế, kỹ thuật trong DNVT - Phân tích hoạt động kinh tế trong DNVT - Thống kê trong DNVT - Kế toán quản trị trong DNVT.... Tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** làm việc tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trong lĩnh vực giao thông vận tải, bao gồm các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, Cty trong lĩnh vực vận tải hàng hóa và vận tải hành khách....

+ **Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp xây dựng giao thông**: Tổ chức và điều hành sản xuất DN Xây dựng giao thông (XDGT) - Quản trị dự án đầu tư trong XDGT - Quản trị khoa học công nghệ trong DN XDGT - Chiến lược kinh doanh trong DN XDGT - Định mức kinh tế, kỹ thuật trong XDGT - Phân tích hoạt động kinh tế trong DN XDGT - Quản trị chất lượng sản phẩm XDGT - Kế toán quản trị trong DN XDGT... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** hoạch định chính sách, chiến lược kinh doanh, kế hoạch kinh doanh, dự thảo ngân sách, lập kế hoạch và tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp; ngoài ra sinh viên có khả năng tự tổ chức các hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới trong ngành xây dựng giao thông....

Ra trường, sinh viên học ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương, Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải; TT Tư vấn quản lý và Đào tạo....

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên....

+ T.Cty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải, TĐ Công nghiệp Ô tô VN, T.Cty Vận tải biển VN, các T.Cty Xây dựng công trình giao thông... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng, các Cty Tư vấn xây dựng, Cty Xây dựng và Xuất nhập khẩu giao thông....

+ Các phòng chức năng: Quản lý dự án các công trình giao thông, Quản lý giao thông... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính ở khắp các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh GTVT

Ngành Kỹ thuật khai thác - Kinh tế vận tải

+ **Chuyên ngành Vận tải ô tô**

Chuyên ngành Vận tải ô tô (VTOT) cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** của khối A: Hóa học - Đại số - Vật lý - Tin học - Toán kinh tế - Giải tích ... những **kiến thức cơ bản** về nhóm ngành

Kinh tế, Kinh tế vận tải: Nguyên lý thống kê kinh tế - Luật kinh tế - Khoa học quản lý - Kinh tế vĩ mô - Toán kinh tế - Tài chính tiền tệ - Kinh tế phát triển - Kinh tế công cộng - Kinh tế môi trường - Kinh tế vận tải... song song với các **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành Kinh tế VTOT: Quản lý Nhà nước về VTOT - Thị trường tài chính trong VTOT - Chiến lược phát triển ngành VTOT - Công nghệ bảo dưỡng sửa chữa ô tô... đồng thời sẽ đào tạo cho sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về khai thác và quản lý VTOT: Điều tra trong VTOT - Thống kê VTOT - Định mức kinh tế kỹ thuật trong VTOT - Tài chính doanh nghiệp VTOT - Bảo hiểm và an toàn VTOT - Tổ chức vận tải hàng hóa bằng ô tô - Kế toán doanh nghiệp VTOT - Tổ chức vận tải hành khách bằng ô tô - Thương vụ VTOT - Quản lý dự án đầu tư trong VTOT - Phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp VTOT... để khi ra trường, sinh viên **có khả năng** quản lý, kinh doanh và khai thác vận tải đường bộ gồm vận tải hành khách trong thành phố bằng đường bộ nói chung và vận tải ô tô nói riêng đặc biệt là vận tải xe buýt trong đô thị...

+ Chuyên ngành Vận tải đa phương thức

Trong quá trình học tập chuyên ngành Vận tải đa phương thức sinh viên được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên giống như chuyên ngành Vận tải ô tô, ngoài ra, chuyên ngành còn cung cấp cho sinh viên các **kiến thức cơ bản** về khai thác kỹ thuật và kinh tế vận tải: Phương tiện giao thông vận tải (GTVT) - Cơ sở hạ tầng GTVT - Kinh tế vận tải - Kinh tế học - Môi trường - Lý thuyết tài chính - Phương tiện vận tải - Cơ sở hạ tầng GTVT - Địa lý GTVT - Tổ chức xếp dỡ - Quy hoạch GTVT - Thương vụ vận tải - Bảo hiểm GTVT... Trên cơ sở đó sinh viên sẽ được đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về kỹ năng tổ chức quản lý vận tải: Thống kê vận tải - Công nghệ vận tải đường sắt - Tổ chức khai thác đội tàu - Tổ chức vận tải hàng hóa - Tổ chức quản lý doanh nghiệp - Marketing - An toàn giao thông - Tổ chức vận tải hành khách - Liên vận quốc tế - Phân tích đánh giá dự án đầu tư - Thiết kế cơ sở sản xuất vận tải.... Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành Vận tải đa phương thức **có khả năng** quản lý, kinh doanh và khai thác vận tải đa phương thức, phối hợp và gắn kết đa dạng các phương thức vận tải khác nhau trong hệ thống vận tải để đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất trong quá trình vận tải trong nước cũng như quốc tế...

+ Chuyên ngành Vận tải - Kinh tế đường bộ và thành phố

Sinh viên chuyên ngành Vận tải - Kinh tế đường bộ và thành phố được trang bị không chỉ những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, mà còn được học những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành thuộc lĩnh vực khai thác kỹ thuật và kinh tế vận tải giống như chuyên ngành Vận tải ô tô, để từ đó sẽ đi vào nghiên cứu các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về khai thác và tổ chức quản lý vận tải đường bộ và giao thông đô thị (thành phố): Thống kê VTOT - Tổ chức quản lý doanh nghiệp - Khai thác cơ sở vật chất kỹ thuật GTVT đô thị - TKMH Tổ chức vận tải hành khách - Tổ chức và an toàn giao thông đường bộ - Tổ chức vận tải hành khách - Thiết kế cơ sở sản xuất vận tải - Phân tích đánh giá dự án đầu tư GTVT - Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh.... Ra trường, Kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** quản lý, kinh doanh và khai thác vận tải đường bộ gồm vận tải hành khách trong thành phố và vận tải ô tô đặc biệt là vận tải xe buýt trong đô thị...

+ Chuyên ngành Điều khiển các quá trình vận tải

Chương trình đào tạo chuyên ngành Điều khiển các quá trình vận tải (QTVT) nhằm cung cấp **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành giống như chuyên ngành Vận tải ô tô, nhưng bên cạnh đó khi theo học chuyên ngành này sinh viên sẽ được đào tạo những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Mạng lưới giao thông - TKMH Điều khiển chạy tàu trên đường sắt (ĐS) - Điều khiển chạy xe trên Đường bộ - Chỉ huy vận hành đoàn tàu thủy - Điều khiển cảng hàng không sân bay - Kế hoạch vận tải ĐS - Điều khiển chạy tàu trên ĐS - An toàn GTVT - TKMH Kế hoạch vận tải ĐS - Thống kê vận tải - Phân tích quá trình vận tải - Điều hành phối hợp các phương tiện vận tải -

Công nghệ vận tải.... Sau khi tốt nghiệp chuyên ngành Điều khiển các QTVT sinh viên ***có khả năng*** làm công tác điều khiển, chỉ huy, điều hành các quá trình vận tải trên các phương tiện vận tải (điều độ đường sắt, điều độ bay, điều độ taxi, chỉ huy ra vào cảng biển)...

+ Chuyên ngành Quy hoạch & Quản lý giao thông vận tải đô thị

Khi sinh viên theo học chuyên ngành Quy hoạch & Quản lý giao thông vận tải đô thị ngoài ***kiến thức chung, kiến thức cơ bản*** dành cho ngành được đào tạo giống như chuyên ngành Vận tải ô tô, còn được học các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Điều tra và dự báo trong quy hoạch đô thị - Tổ chức giao thông đô thị - Phương tiện vận tải đô thị - Lý thuyết dòng giao thông - Kinh tế GTVT đô thị - Vận tải và quản lý vận tải đô thị - Tổ chức và quản lý doanh nghiệp giao thông công cộng - TKMH Vận tải và quản lý vận tải đô thị - Quy hoạch và thiết kế cơ sở dịch vụ vận tải đô thị Không những thế, sinh viên còn được trang bị khối ***kiến thức nghiệp vụ*** về công nghệ thông tin hiện đại như: Kinh doanh trên mạng Internet, Công nghệ thiết kế bản đồ điện tử, khai thác thông tin, và các phần mềm ứng dụng thực hiện các nghiệp vụ tổ chức, quản lý.... Sau khi tốt nghiệp, Kỹ sư chuyên ngành này ***có khả năng*** lập quy hoạch, xây dựng các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh giao thông vận tải đô thị, tổ chức điều hành, quản lý các hoạt động giao thông vận tải trong đô thị cũng như phối hợp quy hoạch và quản lý toàn vùng và quốc gia...

+ Chuyên ngành Vận tải đường sắt

Trong thời gian học ở trường ngoài phần ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, sinh viên chuyên ngành Vận tải đường sắt sẽ được trang bị những ***kiến thức cơ bản*** về nhóm ngành Kinh tế, Kinh tế vận tải tương tự như sinh viên chuyên ngành VTOT, đồng thời chuyên ngành này còn cung cấp các ***kiến thức cơ bản*** về công nghệ vận tải, các kiến thức về tổ chức, điều hành công tác khai thác vận tải của ngành đường sắt, trên cơ sở đó đi vào nghiên cứu ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** về các phương pháp nghiên cứu công nghệ vận tải và phát triển ngành đường sắt... để sau khi tốt nghiệp các Kỹ sư Vận tải đường sắt ***có thể*** làm công tác nghiên cứu những vấn đề có tính chất vĩ mô của ngành đường sắt như lập dự án đầu tư, chiến lược phát triển giao thông vận tải...; tham gia trực tiếp vào công tác chỉ huy điều hành công tác vận tải, như ở các bộ phận điều độ chỉ huy chạy tàu trên các tuyến và các ga lớn...

+ Chuyên ngành Vận tải đường bộ và thành phố

Sinh viên chuyên ngành Vận tải đường bộ và thành phố được đào tạo ngoài các ***kiến thức chung*** về khối A và những ***kiến thức cơ bản*** về ngành Kinh tế, Kinh tế vận tải cũng giống như chuyên ngành VTOT thì còn được cung cấp các ***kiến thức cơ bản*** dành cho chuyên ngành cùng khối ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** về các lĩnh vực tổ chức khai thác và quản lý giao thông vận tải đô thị. Ngoài ra sinh viên được trang bị những ***kỹ năng, nghiệp vụ*** về công nghệ thông tin hiện đại như: tự động hóa thiết kế mạng lưới tuyến vận tải hành khách công cộng; tổ chức điều hành mạng lưới giao thông đô thị, tự động hóa quản lý... để sau khi học xong ***có thể*** làm tại các cơ quan quản lý nghiệp vụ, quản lý Nhà nước về giao thông vận tải đô thị; các viện hoặc các trường đào tạo về giao thông vận tải; các doanh nghiệp kinh doanh vận tải và khai thác cơ sở hạ tầng giao thông đô thị; các cơ quan tư vấn về lĩnh vực giao thông vận tải đô thị...

+ Chuyên ngành Vận tải & Kinh tế đường sắt

Trong thời gian theo học chuyên ngành Vận tải & Kinh tế đường sắt ngoài phần ***kiến thức chung*** của khối Khoa học cơ bản thì sinh viên sẽ được trang bị những ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành Kinh tế và Kinh tế vận tải giống như sinh viên chuyên ngành VTOT, đồng thời sinh viên còn được học thêm các ***kiến thức cơ bản*** về Công nghệ vận tải, bên cạnh đó cũng được cung cấp các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** về tổ chức, quản lý kinh tế và điều hành công tác vận

tải của ngành đường sắt... Sau khi ra trường, Kỹ sư chuyên ngành Vận tải & Kinh tế đường sắt **có khả năng** làm việc tương tự như Kỹ sư chuyên ngành Vận tải đường sắt.

Ngành Kinh tế vận tải bao gồm các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Kinh tế vận tải đường sắt

Chuyên ngành Kinh tế vận tải đường sắt (VTĐS) cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản và khối **kiến thức cơ bản** dành cho nhóm ngành Kinh tế, Kinh tế vận tải giống như chuyên ngành Quản trị kinh doanh giao thông vận tải, ngoài ra sinh viên còn được học **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành Kinh tế vận tải đường sắt: Thống kê VTĐS - Điều tra kinh tế VTĐS - Thông tin tín hiệu ĐS - Cấu tạo đầu máy toa xe - Cơ sở hạ tầng ĐS... bên cạnh đó sinh viên sẽ được đào tạo những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành KTVT đường sắt**: Tổ chức vận chuyển hàng hóa và hành khách - Định mức lao động trong VTĐS - Tài chính kế toán VTĐS - Kế hoạch và hạch toán ngành VTĐS - Marketing VTĐS - Kế hoạch và hạch toán ngành VTĐS - Kiểm toán nội bộ VTĐS - Tổ chức chạy tàu trên ĐS - Giá thành VTĐS - Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh VTĐS... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** tổ chức công tác khai thác, quản lý kinh tế, điều hành công tác vận tải, biết vận dụng vào công tác tổ chức sản xuất kinh doanh cụ thể của ngành đường sắt và có khả năng giải quyết các vấn đề về phát triển ngành vận tải ở tầm vĩ mô...

+ Chuyên ngành Kinh tế vận tải và du lịch

Bên cạnh những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, **kiến thức cơ bản** dành cho nhóm ngành Kinh tế, Kinh tế vận tải giống như chuyên ngành Vận tải ô tô thì sinh viên chuyên ngành Kinh tế vận tải và du lịch (VT&DL) còn được trang bị khối kiến thức riêng dành cho chuyên ngành đó là: **kiến thức cơ bản** về VT&DL: Cơ sở vật chất kỹ thuật kinh doanh du lịch - Kinh tế du lịch - Thị trường tài chính trong VT&DL - Chiến lược sản xuất kinh doanh VT&DL... cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Văn hóa du lịch - Định mức kinh tế kỹ thuật trong VT&DL - Marketing du lịch - Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch - Thống kê vận tải du lịch (VTDL) - Tổ chức VTDL - Địa lý du lịch - Nghệ thuật giao tiếp - Kế toán doanh nghiệp vận tải (DNVT) & DL - Tổ chức quản lý DNVT & DL - Hạch toán nội bộ DNVT & DL - Quản lý dự án đầu tư trong VT&DL - Phân tích hoạt động kinh tế DNVT & DL.... Ra trường, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** quản lý kinh tế ở tất cả các cấp trong ngành vận tải - du lịch và các lĩnh vực có liên quan...

+ Chuyên ngành Kinh tế vận tải hàng không

Trên nền những **kiến thức chung** về Khoa học Tự nhiên, **kiến thức cơ bản** của khối ngành Kinh tế và Kinh tế vận tải tương tự như chuyên ngành Vận tải ô tô thì sinh viên chuyên ngành Kinh tế vận tải hàng không (VTHK) còn được trang bị các **kiến thức cơ bản về** kinh tế và quản lý VTHK: Khí tượng hàng không - Thị trường tài chính trong VTHK - Chiến lược phát triển ngành VTHK - Thiết kế cơ sở vận chuyển VTHK... đồng thời cũng sẽ đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Khai thác cảng hàng không - Thương vụ VTHK - Kỹ thuật mặt đất & công nghệ bảo dưỡng sửa chữa - Luật và bảo hiểm trong hàng không - An toàn và an ninh hàng không - Định mức kinh tế kỹ thuật trong VTHK - Tổ chức điều hành bay - Tổ chức VTHK - TKMH Tổ chức VTHK - Quản lý Nhà nước về VTHK - Kế toán doanh nghiệp VTHK - Tổ chức quản lý doanh nghiệp VTHK - Giá thành & giá cước VTHK - Phân tích hoạt động kinh tế doanh nghiệp VTHK.... Tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** quản lý kinh tế ở tất cả các cấp trong ngành vận tải hàng không và các lĩnh vực có liên quan...

+ Chuyên ngành Kinh tế vận tải thủy bộ

Ngành Kinh tế vận tải thủy bộ (VTTB) cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** về khối ngành Kinh tế và Kinh tế vận tải nói chung giống như chuyên ngành Vận tải ô tô, bên cạnh đó sinh viên chuyên ngành Kinh tế vận tải thủy bộ còn được nghiên cứu bước đầu về **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành Kinh tế VTTB: Thủy văn - Thủy lực - Điều tra trong VTTB - Thị trường tài chính trong vận tải - Chiến lược phát triển ngành VTTB..., sau đó sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công nghệ bảo dưỡng sửa chữa phương tiện vận tải thủy - Công nghệ bảo dưỡng sửa chữa phương tiện VTOT - Thương vụ VTTB - Tổ chức VTOT - TKMH Tổ chức VTOT - Tổ chức vận tải thủy - Cảng & khai thác cảng đường thủy - Định mức kinh tế kỹ thuật trong VTTB - Quản lý Nhà nước về VTTB - Kế toán doanh nghiệp VTTB - Tổ chức quản lý doanh nghiệp VTTB - Quản lý Nhà nước về VTTB - Thống kê VTTB - Quản lý dự án đầu tư trong VTTB - Phân tích hoạt động kinh tế DN VTTB... để khi học xong sinh viên **có khả năng** quản lý kinh tế ở tất cả các cấp trong ngành vận tải thủy bộ và các lĩnh vực có liên quan...

+ Chuyên ngành Kinh tế vận tải ô tô

Chương trình đào tạo chuyên ngành Kinh tế vận tải ô tô tương tự chuyên ngành Vận tải ô tô thuộc ngành Kỹ thuật khai thác - Kinh tế vận tải.

Sinh viên học ngành Kỹ thuật khai thác - Kinh tế vận tải và ngành Kinh tế vận tải sau khi ra trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải; Cục Đường sắt, Cục Đường sông; Vụ Vận tải...

+ T.Cty Vận tải đường sông VN, T.Cty Đường sắt VN, T.Cty Hàng không VN, T.Cty Hàng hải VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... với hàng trăm các xí nghiệp vận tải, Cty vận tải trực thuộc: Cty Vật tư vận tải và Xếp dỡ, Cty Vận tải biển VN, Cty Vận tải dầu khí VN, Cty Vận tải hành khách, Cty Vận tải hàng hóa...

+ Các phòng chức năng: Quản lý vận tải và xếp dỡ, Quản lý kỹ thuật, Quản lý phương tiện và người lái... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Kỹ thuật khai thác - Kinh tế vận tải.

Ngành Kinh tế bưu chính viễn thông

Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Kinh tế bưu chính viễn thông của trường gồm có những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế, cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành giống như nhóm ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh của trường, bên cạnh đó sinh viên còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kinh tế bưu chính viễn thông - Kinh tế mạng viễn thông - Quản trị kinh doanh bưu chính viễn thông - Tài chính, kế toán chuyên ngành bưu chính viễn thông - Quản lý Nhà nước về hoạt động bưu chính viễn thông - Kinh tế bưu điện... để từ đó sinh viên sẽ **có phương pháp** nghiên cứu và phân tích thị trường, xây dựng chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh, phân tích hoạt động kinh tế, có các **kỹ năng quản lý** hoạt động sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính viễn thông...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế bưu chính viễn thông sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Chiến lược Kinh tế bưu điện, Viện Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương; Các TT Bưu chính viễn thông, TT Công nghệ thông tin từ Trung ương đến địa phương...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng cục Bưu điện, Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông...

+ TD Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Viễn thông quân đội, T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế, Cty Dịch vụ vật tư bưu điện, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC...

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch kinh doanh, Nghiên cứu đổi mới tổ chức quản lý và Phát triển kinh doanh bưu chính, Quản lý dự án Công nghệ thông tin và Thông tin... tại các Sở Bưu chính Viễn thông, Bưu điện... trực thuộc 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kinh tế bưu chính viễn thông.

Ngành Công nghệ thông tin (gồm các chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Hệ thống thông tin)

Cũng giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Hệ thống thông tin của Trường ĐHBK, ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM), nội dung đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐH GTVT cũng cung cấp cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, còn trang bị **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Công nghệ thông tin, từ đó sẽ đào tạo để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Ra trường, sinh viên sẽ **có khả năng** ứng dụng công nghệ thông tin đặc biệt là có khả năng thiết kế, quản lý trong các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Ngành Cơ khí chuyên dùng có các chuyên ngành:

+ 1) Chuyên ngành Máy xây dựng và xếp dỡ; 2) Chuyên ngành Cơ giới hóa xây dựng giao thông; 3) Chuyên ngành Cơ khí giao thông công trình; 4) Chuyên ngành Trang thiết bị mặt đất hàng không; 5) Chuyên ngành Cơ khí ô tô

Cũng tương tự như chương trình đào tạo chuyên ngành Máy xây dựng và nâng chuyển của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), các ngành: Máy xây dựng, Cơ khí ô tô, Cơ giới hóa xếp dỡ của Trường GTVT Tp.HCM, chương trình đào tạo các ngành có tên trên của trường ĐH GTVT cũng sẽ cung cấp cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, mà còn trang bị các **kiến thức cơ bản về ngành**, trên cơ sở đó tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** nhằm đào tạo Kỹ sư chuyên ngành **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, khai thác, sử dụng và sửa chữa các loại máy xây dựng, xếp dỡ phục vụ trong lĩnh vực xây dựng các công trình giao thông, xây dựng công nghiệp, bốc xếp và vận chuyển hàng hóa; **có khả năng** thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa ô tô, am hiểu và sử dụng thành thạo cũng như thiết kế, cải tiến các phương tiện hiện đại dùng trên ô tô máy kéo...

+ Chuyên ngành Đầu máy

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về sửa chữa, bảo dưỡng, khai thác kỹ thuật, vận dụng đầu máy, nghiên cứu thiết kế, chế tạo các bộ phận tổng thành, các chi tiết của đầu máy.

+ Chuyên ngành Toa xe

Sinh viên học chuyên ngành này có khả năng nghiên cứu, chế tạo các bộ phận, chi tiết và chế tạo toa xe, sửa chữa bảo dưỡng và tổ chức khai thác kinh tế kỹ thuật toa xe.

+ Chuyên ngành Đầu máy - Toa xe

Đào tạo kỹ sư có trình độ chuyên môn tổng hợp thuộc cả hai lĩnh vực Đầu máy và Toa xe.

Sinh viên ngành Cơ khí chuyên dùng sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu phát triển cơ khí, Viện Khoa học và Công nghệ giao thông vận tải, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng Cục Công nghiệp Quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất...

+ Các T.Cty Cơ khí xây dựng, T.Cty Lắp máy VN, TD Công nghiệp Ô tô VN, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp, T.Cty Lắp máy VN... và các Cty, đơn vị thành viên: các Cty Cơ giới và Xây lắp, Cty Cơ giới, Lắp máy và Xây dựng, Cty Cơ khí Ô tô và Xe máy công trình, Cty Thương mại và Sản xuất vật tư thiết bị giao thông vận tải, Cty Cơ khí xây dựng, Cty Xây dựng và Cơ khí, Cty Chế tạo vật liệu xây dựng, các loại máy phục vụ xây dựng...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật, Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp... tại các Sở: Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính, Sở Công nghiệp... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN, các cơ sở đào tạo có chuyên ngành đào tạo Cơ khí chuyên dùng.

Ngành Kinh tế xây dựng (Chuyên ngành Kinh tế xây dựng công trình giao thông)

Chương trình đào tạo kỹ sư ngành Kinh tế xây dựng của Trường ĐH GTVT gồm có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Xây dựng công trình và **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cũng giống như chương trình đào tạo Kỹ sư ngành cùng tên của Trường ĐH GTVT Tp.HCM. Tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên **có khả năng** thiết kế, tổ chức thi công, xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật, tính dự toán, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, tổ chức công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành công trình giao thông, phân tích hoạt động kinh doanh, xây dựng chiến lược Marketing cho các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
2002	600	1.944	1/3.2
2003	600	2.765	1/4.6
2004	600	3.310	1/5.5
2005	600	2.759	1/4.7
2006	600	1.388	1/2.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường và các ngành tuyển NV2.

Cơ sở /Ngành	1997	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
						NV1	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Cơ sở 1	13	19.5	20	22.5	19	19.5	21.5	-	22	20.5	-	20	-	-	-
Cơ sở 2	-	-	-	21	19.5	11	13.5	-	15.5	18.5	-	13	-	-	-
Giao thông công chính	-	-	-	-	-	11	13.5	16.5	15	18.5	21.5	13	19	-	-
Cơ khí	-	-	-	-	-	11	13.5	16.5	15	18.5	19.5	13	-	-	-
Đầu máy toa xe	-	-	-	-	-	11	13.5	16.5	15	18.5	19.5	13	-	-	-
Cơ điện tử	-	-	-	-	-	11	13.5	16.5	15	18.5	-	13	16.5	-	-
Quy hoạch và QL GTVT	-	-	-	-	-	11	13.5	16.5	15	18.5	-	13	16.5	-	-
Điều khiển học	-	-	-	-	-	11	13.5	16.5	15	18.5	-	13	15	-	-
Các ngành còn lại	-	-	-	-	-	11	13.5	16.5	15	18.5	-	13	-	-	-

Ghi chú: - Năm 2004 trường xét 100% NV1.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH GTVT tuyển sinh trong cả nước và chỉ tuyển sinh khối A.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét chung cho tất cả các ngành.
- Nếu bạn không đủ điểm vào hệ Đại học và có nguyện vọng bạn sẽ được gọi vào hệ Cao đẳng của trường trên cơ sở hồ sơ ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho cơ sở 2 từ năm 2002 đến nay ổn định (600 chỉ tiêu), số lượng thí sinh ĐKDT từ năm 2002 đến năm 2004 tăng dần lên nên tỉ lệ "chọi" của trường tăng nhưng từ sau năm 2004 đến nay số lượng ĐKDT lại có xu hướng giảm dần do độ tỉ lệ "chọi" của trường cũng giảm (xem bảng 1).

- Tỉ lệ "chọi" của trường giảm một phần khách quan là do thí sinh ĐKDT dự thi vào cơ sở 2 Trường ĐH GTVT khi tìm hiểu về mã ngành đã không cẩn thận dẫn đến việc nhầm lẫn giữa Trường ĐH GTVT Tp.HCM với cơ sở 2 Trường ĐH GTVT.

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm trúng tuyển giữa cơ sở 1 và cơ sở 2 có sự chênh lệch: điểm chuẩn của cơ sở 1 luôn lớn hơn cơ sở 2, đặc biệt là từ năm 2002 đến nay thì sự chênh lệch này thể hiện khá rõ, mức dao động từ 2 - 8.5 điểm.

- Năm 2002 do là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh "3 chung" nên thí sinh ĐKDT vào trường có nhiều lúng túng, cũng vì thế mà điểm trúng tuyển năm này giảm đột ngột. Nhưng từ sau năm 2002 đến nay thì điểm trúng tuyển lại tăng dần lên. Năm 2005 điểm chuẩn của trường khá cao. Năm 2006 giảm, đây cũng là tình trạng chung của hầu hết các trường, do đây là năm mà Bộ GD&ĐT bắt đầu không áp dụng việc tính điểm thưởng cho các học sinh giỏi. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 vào các ngành, chuyên ngành trong trường khá cao, cao hơn so với NV1 và điểm sàn của Bộ GD&ĐT. (Xem bảng 2).

- Hiện nay Trường ĐH GTVT được đánh giá là trường có tỉ lệ học sinh ra trường có việc làm ngay cao nhất đặc biệt là sinh viên ngành Xây dựng công trình, vì thế mà số lượng thí sinh ĐKDT vào khoa này bao giờ cũng lớn.

- Từ những đặc điểm trên, nhìn chung điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường ĐH GTVT cơ sở 2 so với các trường khác có "mềm" hơn song cũng nên lưu ý đến việc chọn ngành nhất là những thí sinh đăng ký NV2 vào trường.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP.HCM

Địa chỉ: 196 Pasteur, Q. 3, Tp.HCM.

Điện thoại: 08.8228451 - 8232571 - Website: <http://www.hcmuarc.edu.vn/>

- Trường Đại học Kiến trúc Tp.HCM được thành lập năm 1976, là TT đào tạo và nghiên cứu khoa học để cung cấp nguồn nhân lực thuộc lĩnh vực Kiến trúc - Xây dựng - Mỹ thuật công nghiệp có trình độ cao phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa ở các tỉnh phía Nam.
- Đào tạo cán bộ khoa học trình độ Đại học và Sau đại học...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường hầu hết đều có trình độ Đại học, Trên đại học trong đó có nhiều Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kiến trúc công trình

Sinh viên ngành Kiến trúc công trình được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Hình học họa hình - Địa lý kinh tế... và được chọn một số môn học như: Tiếng Việt thực hành - Mỹ học - Cơ sở văn hóa VN... đồng thời sinh viên ngành này còn không chỉ được cung cấp các **kiến thức cơ bản** về Kiến trúc công trình: Cơ sở thiết kế kiến trúc (Kiến trúc nhập môn - Cơ sở kiến trúc - Bố cục kiến trúc - Kiến trúc nhà ở...) - Kỹ thuật (Vật liệu xây dựng - Cấu tạo kiến trúc) - Mỹ thuật (Hội họa)... mà còn được đào tạo những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cấu tạo kiến trúc - Kết cấu công trình - Trắc địa bản đồ - Kỹ thuật điện - Cây xanh môi trường - Vật lý kiến trúc - Kinh tế xây dựng - Luật xây dựng... ngoài ra còn được học rất nhiều môn học lựa chọn khác để **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành**: Vật liệu trang trí - Trang thiết bị công trình - Kết cấu công trình - Xử lý nền móng - Vật lý môi trường - Điều khiển - Kiến trúc công - Quy hoạch công viên - Nhà ở - Nhà công cộng - Nội thất và trang thiết bị - Cảnh quan kiến trúc và giữ gìn môi trường thiên nhiên - Bảo tồn, trùng tu môi trường kiến trúc - Thiết kế nhanh... Sau khi tốt nghiệp Kỹ sư ngành Kiến trúc công trình **có khả năng** thiết kế kiến trúc các thể loại công trình công cộng, công nghiệp và nhà ở...

Ngành Quy hoạch đô thị

Chương trình đào tạo ngành Quy hoạch đô thị bao gồm những **kiến thức chung** thuộc khối Khoa học cơ bản, cùng với các **kiến thức cơ bản** về Cơ sở thiết kế kiến trúc, về Kỹ thuật và Mỹ thuật cũng giống như ngành Kiến trúc công trình... Bên cạnh đó, sinh viên còn được ngành cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Trắc địa, bản đồ - Vật lý kiến trúc - Luật xây dựng đô thị - Quy hoạch (QH) mạng lưới đường - QH mạng lưới điện và thông tin - Kinh tế và chính sách phát triển đô thị - Quản lý và khai thác đô thị... Ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được lựa chọn rất nhiều môn học nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Xử lý chất thải đô thị - Lịch sử đô thị - Quy hoạch cảnh quan và cây xanh - Bảo tồn, trùng tu công trình kiến trúc - Công trình công cộng phục vụ đô thị - Lý luận phê bình kiến trúc - Thiết kế nhanh - Kiến trúc hiện đại nước ngoài... để khi ra trường, sinh viên **có thể** tìm ra phương án tối ưu cho sự phát triển đô thị hài hòa, hợp lý và bền vững mục đích phục vụ cho cư dân đô thị một điều kiện sống ngày càng hoàn thiện hơn...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kiến trúc công trình và ngành Quy hoạch đô thị có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu kiến trúc, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn, Viện Chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng; TT Công nghệ xây dựng, TT Tư vấn thiết kế và Xây dựng...

+ Các Vụ: Vụ Kiến trúc quy hoạch xây dựng, Vụ Khảo sát thiết kế xây dựng...

+ Các T.Cty Xây dựng, T.Cty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, T.Cty Xây dựng và Phát triển hạ tầng, T.Cty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp, T.Cty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Tư vấn thiết kế xây dựng, Cty Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị VN, Cty Đầu tư và Phát triển xây dựng, Cty Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng...

+ Các phòng chức năng: Kiến trúc quy hoạch, Nghiên cứu quy hoạch kiến trúc, Kinh tế xây dựng, Quản lý dự án... tại các Sở: Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... trực thuộc 64 tỉnh và thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các ngành Kiến trúc công trình và ngành Quy hoạch đô thị.

Ngành Kỹ thuật công trình có các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị

Chuyên ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị đào tạo cho sinh viên không chỉ có các **kiến thức chung** dành cho khối A: Phương pháp tính - Hình học họa hình - Vật lý - Hóa học - Vẽ kỹ thuật..., mà còn có những **kiến thức cơ bản** về ngành: Vật liệu xây dựng - Sức bền vật liệu - Động học công trình - Trắc địa - Địa chất công trình - Kỹ thuật điện tử - Cấp thoát nước - Thủy lực - Nền móng - Hóa môi trường... mà còn trang bị cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công trình nước bên trong nhà - Giao thông đô thị - Kỹ thuật và Môi trường - Thủy lực, thủy văn môi trường đô thị ... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** quy hoạch, thiết kế kỹ thuật đô thị, vận hành, xử lý các vấn đề có liên quan đến Kỹ thuật hạ tầng đô thị, quản lý đô thị...

Sinh viên học ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Quy hoạch đô thị nông thôn; TT Kỹ thuật môi trường đô thị và khu công nghiệp, TT Khoa học công nghệ xây dựng công nghiệp và đô thị, TT Nghiên cứu Ứng dụng công nghệ môi trường, TT Công nghệ và Môi trường, TT Tư vấn Đào tạo và Chuyển giao công nghệ môi trường, TT Quan trắc và Thông tin môi trường...

+ Các Vụ: Vụ Hạ tầng kỹ thuật đô thị, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường...

+ T.Cty Xây dựng và Phát triển hạ tầng, T.Cty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, T.Cty Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, T.Cty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị VN, các Cty Cấp thoát nước, Cty Quản lý mạng lưới điện, Cty Giao thông đô thị, Cty Đầu tư và Phát triển xây dựng, Cty Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng...

+ Các phòng chức năng: Hạ tầng - Kỹ thuật đô thị, Xây dựng cơ bản, Quản lý các công trình giao thông, Quản lý môi trường... tại các Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng, Sở Giao thông công chính, Sở Tài nguyên và Môi trường... ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị.

+ Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Kỹ sư chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp được trang bị không những chỉ có các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, mà còn có khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... cũng giống như Kỹ sư chuyên ngành cùng tên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM). Tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** tính toán hạng mục công trình, thiết kế, giám sát, thi công, quản lý, quy hoạch công trình xây dựng, công nghiệp và cầu đường...

Ngành Mỹ thuật công nghiệp

Về chuyên môn, sinh viên ngành Mỹ thuật công nghiệp được học những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Hình học họa hình - Mỹ học - Vật lý - Hóa học... với các môn học lựa chọn: Toán cao cấp - Pascal - Kinh tế học - Nghệ thuật học - Cơ sở văn hóa VN - Tâm lý học..., cùng các **kiến thức cơ bản** về ngành Mỹ thuật công nghiệp: Trang trí - Điêu khắc - Hình họa - Nghệ thuật ảnh - Kỹ thuật in loát - Tin học ứng dụng... và một số môn lựa chọn: Kiến trúc dân dụng - Kỹ thuật điện dân dụng - Cây xanh môi trường..., thì còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thiết kế đồ họa (TKĐH) - Thiết kế đồ đạc nội thất - Khối cơ bản, khối ảo - Biện thể và hướng, khối động - Thiết kế mô hình - Thiết kế tạo khối - Xử lý chất liệu.... Để từ đó tùy theo từng chuyên ngành sinh viên sẽ được đào tạo **thiết kế đồ án theo chuyên ngành** riêng:

+ Chuyên ngành Thiết kế đồ họa: Thiết kế đồ án (TKĐA) (Văn hóa - Chính trị - Xã hội - Môi trường - Hàng hóa - Công thương - Du lịch - Quảng cáo - Tổng hợp)...

+ Chuyên ngành Thiết kế nội thất: TKĐA (Nhà ở - Siêu thị, khách sạn - Phương tiện giao thông - Trường học nhà trẻ - Cao ốc văn phòng và chuyên về thiết kế: Đồ đạc nội thất - Quy hoạch sân vườn, công viên...)

+ Chuyên ngành Thiết kế tạo dáng: TKĐA (Trang trí - Đồ dùng công nghiệp nhẹ - Công cụ cầm tay - Thủy tinh, gốm, sành, sứ - Đồ đạc gia dụng - Đồ chơi - Máy móc công nghiệp - Phương tiện giao thông)...

Khi tốt nghiệp sinh viên ngành Mỹ thuật công nghiệp **có khả năng** thiết kế mẫu mã sản phẩm công nghiệp, các mô hình nội ngoại thất... tại các Cty, các nhà máy sản xuất thiết bị nội thất, vật liệu xây dựng,

làm chuyên viên tư vấn ở các TT Tư vấn mẫu mã công nghiệp...

• Sinh viên ngành Mỹ thuật công nghiệp sau khi ra trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu kiến trúc, TT Tư vấn thiết kế và Xây dựng, TT Công nghệ xây dựng...

+ Các T.Cty tư vấn thiết kế trong lĩnh vực xây dựng nhà, quy hoạch đô thị, các Cty quảng cáo và mỹ thuật: T.Cty Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng, T.Cty Thủy tinh và Gốm xây dựng, T.Cty Xây dựng Hà Nội... và các Cty, đơn vị thành viên trên cả nước: Cty Xây dựng và Trang trí nội thất, Cty Mỹ thuật Trung ương, các Cty Gốm sứ, Cty Gạch men...

+ Các phòng chức năng: Nghiên cứu Quy hoạch - Kiến trúc, Quản lý kiến trúc, Quản lý quy hoạch... tại các Sở: Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... ở các tỉnh và thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Mỹ thuật công nghiệp.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	475	5.303	1/11.1
2000	500	5.789	1/11.5
2001	600	7.903	1/13.1
2002	675	6.582	1/9.7
2003	700	8.678	1/12.3
2004	900	7.123	1/7.9
2005	950	8.387	1/8.8
2006	1.000	7.857	1/7.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Kiến trúc công trình V	21	23.5	26	29	17	-	19.5	20.5	17.5	20.5	22	21	19.0	17.5
Quy hoạch đô thị V	19	21.5	23.5	27.5	15.5	16.5	17.5	18.5	16.5	18.5	17.5	-	19.0	-
Mỹ thuật công nghiệp H	30	35	19	21.5	22	-	20.5	22.5	19	22.5	20	-	22.0	-
Xây dựng DD&CN A	-	-	-	24	14.5	15.5	20	22	19.5	22	24	24	18.0	18
Kỹ thuật Hạ tầng ĐT A	-	-	-	-	12	13	16	18	16.5	18	20.5	-	18.0	-

Chú ý: Điểm trúng tuyển NV2 năm 2005, 2006 dành cho thí sinh học tại Vĩnh Long không có hộ khẩu thuộc 13 tỉnh, thành vùng đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), còn thí sinh có hộ khẩu thuộc 13 tỉnh, thành vùng ĐBSCL thì điểm chuẩn NV2 như sau: Năm 2005 (Xây dựng dân dụng và công nghiệp: 18; Kiến trúc công trình: 21); Năm 2006 (Xây dựng dân dụng và công nghiệp: 16; Kiến trúc công trình: 15.5).

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, H, V.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo khối thi, phân ngành dựa trên hồ sơ ĐKDT, kết quả thi, chỉ tiêu tuyển sinh và quy định của hội đồng tuyển sinh được ghi trong giấy báo nhập học.
- Thí sinh thi khối V, H môn năng khiếu phải đạt từ 5 điểm trở lên mới được xét tuyển.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM hàng năm tăng dần lên. Năm 2006 tăng 325 chỉ tiêu so với năm 2002 (Xem bảng 1).
- Số thí sinh ĐKDT vào trường biến động từng năm nên tỉ lệ "chọi" của trường có năm cao, có năm thấp, năm 2006 tỉ lệ "chọi" giảm so với năm 2005, nhìn chung ba năm gần đây thấp hơn những năm trước và so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này không cao, trong khi đó điểm chuẩn vào trường vẫn ở mức cao so với mặt bằng chung và so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường tương đối ổn định và khá cao. (Xem 2 bảng trên).
- Năm 2006 điểm trúng tuyển vào trường giảm so với năm 2005 (đây cũng là tình hình chung của hầu hết các trường một phần nguyên nhân vì năm 2006 là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT bỏ chế độ tính điểm thưởng cho học sinh giỏi). Đồng thời điểm chuẩn giữa các ngành vẫn chênh lệch và có sự thay đổi: năm 2005 điểm chuẩn khối V ngành Quy hoạch đô thị lấy 17.5 điểm trong khi ngành Kiến trúc công trình lấy tới 22 điểm (chênh nhau 4.5 điểm); khối A ngành Xây dựng dân dụng và công

ngành cao nhất (24 điểm) nhưng ngành Kỹ thuật hạ tầng đô thị lại chỉ lấy 20.5 điểm, như vậy cũng chênh nhau 3.5 điểm; năm 2006 khối H lại có điểm chuẩn cao nhất, các ngành cùng khối V, cùng khối A thì điểm chuẩn lại bằng nhau. (Xem bảng 2).

- Năm 2006 mặc dù số lượng thí sinh ĐKDT vào các ngành Kiến trúc công trình, Xây dựng dân dụng và công nghiệp vẫn đông hơn các ngành khác nhưng điểm chuẩn của các ngành này lại giảm, đặc biệt là ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp giảm tới 6 điểm (năm 2005: 24 điểm, năm 2006: 18 điểm) trong khi đó ngành Quy hoạch đô thị năm nay lại tăng lên (cao hơn năm 2005 là 2.5 điểm) vì xu thế đô thị hóa ở nước ta hiện nay đang diễn ra khá nhanh, nhu cầu của xã hội về Quy hoạch đô thị là rất lớn nên ngành này thu hút được sự chú ý của các thí sinh dự thi (xem bảng 2).

- So sánh điểm chuẩn của một số ngành của Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM với các ngành cùng tên của các trường khác thì cũng có ngành điểm chuẩn cao hơn, cũng có ngành điểm chuẩn thấp hơn và cũng thay đổi từng năm. Ví dụ: điểm chuẩn ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp năm 2005 của trường cao hơn điểm trúng tuyển ngành này của Trường ĐHSP Kỹ thuật Tp.HCM tới 5 điểm và chỉ thấp hơn điểm của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM) có 0.5 điểm, Trường ĐHBK (ĐH Đà Nẵng) có 1.0 điểm.... Nhưng năm 2006 điểm chuẩn của ngành này (18 điểm) lại thấp hơn các trường: ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM) (23 điểm), ĐHBK (ĐH Đà Nẵng) (21 điểm), ĐHSP Kỹ thuật Tp.HCM (19.5 điểm)... (Xem chi tiết bảng 2 của các trường đã nêu tên).

- Tuy nhiên, nhìn chung điểm trúng tuyển vào ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp, ngành Kỹ thuật công nghiệp và ngành Kiến trúc công trình thường cao hơn các ngành khác do nhu cầu xã hội về các ngành này ở thời điểm nào cũng rất lớn, sinh viên ra trường dễ xin được việc làm hơn, vì thế mà số lượng thí sinh ĐKDT vào các ngành này rất đông dẫn tới sự cạnh tranh về điểm là điều không tránh khỏi.

- Sự biến động điểm chuẩn cũng như số lượng thí sinh ĐKDT vào các ngành không đồng đều lưu ý bạn khi chọn ngành ĐKDT vào trường.

- Bắt đầu từ năm 2007 trường mở thêm ngành học mới là ngành Thiết kế nội ngoại thất.

- Dự kiến sang năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP.HCM

Địa chỉ: 36 Tôn Thất Đạm, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 8291901 - Fax: (08) 8212584 - Website: <http://www.dnh.edu.vn/>

- Ngày 20/8/2003 Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM chính thức được thành lập trên cơ sở Phân viện Tp.HCM trực thuộc Học viện Ngân hàng, là cơ sở chuyên đào tạo nguồn nhân lực cho hệ thống Ngân hàng và các Định chế tài chính khác nhằm phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội ở các tỉnh phía Nam nói riêng và cả nước nói chung.
- Trường có trên 168 Giảng viên, trong đó có 30 Tiến sĩ, trên 80 Thạc sĩ, 6 Giáo sư, Phó Giáo sư, 50% các giảng viên của trường đã qua chương trình đào tạo quốc tế hoặc tu nghiệp ở nước ngoài.
- Hiện trường đang đào tạo các bậc: Cao đẳng, Đại học, Trên đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG ĐÀO TẠO NHỮNG NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Tài chính - Ngân hàng

Đào tạo cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng có những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A, nhóm ngành Kinh tế: Giải tích - Phương trình vi phân - Kinh tế học vi mô - Kinh tế học vĩ mô - Kinh tế lượng - Kinh tế học phát triển... cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành: Tài chính - Tiền tệ - Ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Hệ thống thông tin quản trị - Marketing - Tài chính quốc tế - Nghiệp vụ ngân hàng phát triển - Thị trường tài chính và định chế tài chính... đồng thời tùy theo từng chuyên ngành sinh viên theo học mà nhà trường trang bị cho những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** riêng như:

+ **Chuyên ngành Tín dụng và Thẩm định giá:** Tín dụng ngân hàng - Tài trợ dự án - Bảo hiểm - Xếp hạng tín nhiệm - Thẩm định giá...

+ **Chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán ngân hàng:** Kế toán doanh nghiệp - Kế toán ngân hàng - Kế toán quản trị - Kiểm toán công nghệ thông tin - Kiểm toán doanh nghiệp - Nguyên lý thống kê - Nguyên lý kế toán - Phân tích tài chính doanh nghiệp - Thống kê kinh tế - Tiếng Anh cho kế toán ngân hàng...

+ **Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng quốc tế:** Tài chính quốc tế - Thương mại quốc tế - Thanh toán quốc tế - Kinh doanh ngoại hối - Tín dụng quốc tế - Tài trợ ngoại thương - Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương...

+ **Chuyên ngành Thị trường chứng khoán:** Thị trường tài chính và các định chế tài chính - Thị trường chứng khoán nghiệp vụ - Tiếng Anh cho thị trường chứng khoán - Phân tích chứng khoán - Quản lý danh mục đầu tư - Quản trị rủi ro trong đầu tư chứng khoán - Giao dịch chứng khoán - Tiền tệ ngân hàng...

Sau khi tốt nghiệp, Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng ***có khả năng*** nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Tài chính - Ngân hàng có thể công tác tại:

- + Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Tài chính; các TT Giao dịch, TT Giao dịch chứng khoán trên địa bàn toàn quốc...
- + Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kho bạc Nhà nước, Cục Thuế...
- + Các Vụ: Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán, Vụ Chính sách thuế, Vụ Chiến lược phát triển Ngân hàng, Vụ Chính sách tiền tệ...
- + Các cơ quan kinh tế tiền tệ, các tổ chức tín dụng, các Cty cho thuê tài chính, bảo hiểm, mua bán nợ, kiểm toán trong nước và quốc tế như: hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương, các Cty Bảo hiểm nhân thọ, TĐ Bảo hiểm VN... Ngoài ra, Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng còn có thể làm quản lý tài chính tại các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khác...
- + Các phòng chức năng: Tài chính doanh nghiệp, Tài chính hành chính sự nghiệp, Quản lý ngân sách... tại các Sở Tài chính, Sở Giao dịch chứng khoán... trực thuộc 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.

Ngành Quản trị kinh doanh (*Chuyên ngành Quản trị kinh doanh ngân hàng*)

Ngành Quản trị kinh doanh không chỉ trang bị cho sinh viên những ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế: Giải tích - Xác suất thống kê - Kinh tế học vi mô - Kinh tế vĩ mô... mà còn cung cấp cho sinh viên các ***kiến thức cơ bản*** về Kinh tế và Quản trị kinh doanh: Marketing căn bản - Nguyên lý kế toán - Luật thương mại và doanh nghiệp... đồng thời sinh viên còn được đào tạo ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Quản trị (QT) học - QT nhân lực - QT doanh nghiệp - QT tài chính - QT ngân hàng - QT dự án - QT Marketing - Tín dụng - Kế toán ngân hàng - Marketing ngân hàng - Tài chính doanh nghiệp - Kế toán doanh nghiệp - Tiếng Anh QT.... Ngoài ra, sinh viên cũng được lựa chọn một số môn học ***bổ trợ kiến thức chuyên ngành***: Soạn thảo, thẩm định và tài trợ dự án đầu tư - Thuế - Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này sẽ ***có khả năng*** xây dựng chiến lược và chính sách kinh doanh cho các ngân hàng, hoạch định, phân tích, đánh giá thị trường tài chính, tín dụng, chứng khoán, đặc biệt là khả năng quản trị hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính...

Ra trường, sinh viên học chuyên ngành Quản trị kinh doanh ngân hàng có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu chiến lược, TT Tư vấn quản lý và đào tạo...
- + Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại, Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...
- + Hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương như: Ngân hàng Thương mại, Ngân hàng Đầu tư, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...
- + Các định chế tài chính phi ngân hàng như: Cty Chứng khoán, Cty Môi giới, Cty Thẩm định giá, Cty Xếp hạng tín nhiệm, Cty Cung cấp Thông tin tài chính, Cty Tài chính, Cty Bảo hiểm Nhân thọ

và Phi nhân thọ, Cty Tư vấn Quản trị và đầu tư, Cty Quản lý danh mục đầu tư... và các định chế phi tài chính khác...

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Giao dịch chứng khoán, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh ngân hàng.

Ngành Hệ thống thông tin kinh tế (*Chuyên ngành Công nghệ thông tin ngân hàng*)

Trên nền những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** dành cho nhóm ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh được cung cấp giống như ngành Quản trị kinh doanh vừa nêu thì ngành Hệ thống thông tin kinh tế còn tạo điều kiện để sinh viên đi sâu nghiên cứu các khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về:

• **Quản trị:** Quản trị (QT) học - QT ngân hàng - QT dự án - Hệ thống thông tin quản trị - Thương mại và ngân hàng điện tử - Kiểm toán công nghệ thông tin...

• **Công nghệ thông tin:** Kiến trúc máy tính và Hệ điều hành - Cấu trúc dữ liệu và Giải thuật - Lý thuyết ngôn ngữ lập trình - Cơ sở lập trình - Lập trình và thiết kế theo hướng đối tượng - Cơ sở dữ liệu - Mạng và truyền thông - Kỹ thuật truyền số liệu - An toàn và bảo mật...

• **Tài chính - Ngân hàng:** Lý thuyết tiền tệ và ngân hàng - Kế toán - Tín dụng - Thanh toán quốc tế - Kinh doanh hối đoái - Thị trường chứng khoán...

Khi ra trường, sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** quản lý và thiết kế hệ thống thông tin, nghiên cứu lập trình các phần mềm trong quản lý doanh nghiệp, đặc biệt các định chế tài chính...

Sau khi tốt nghiệp, Cử nhân ngành Hệ thống thông tin kinh tế có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ thông tin, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; TT Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia, TT Giao dịch công nghệ, các TT Thông tin trực thuộc các Bộ, Tổng cục, hệ thống Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin; Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Viễn thông, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Các Cty, T.Cty có hoạt động liên quan đến quản lý và thiết kế hệ thống thông tin đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng, phân tích chương trình và phân tích hệ thống, thực hiện các công việc liên quan đến máy tính: TĐ Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Điện tử và Tin học VN, T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

+ Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giao dịch... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Công nghệ Thông tin ngân hàng.

Ngành Tiếng Anh thương mại (Chuyên ngành Tiếng Anh Tài chính - Ngân hàng)

Ngoài những **kiến thức chung** và các **kiến thức cơ bản** về nhóm ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh được tương tự như chuyên ngành Quản trị kinh doanh Ngân hàng, ngành Tiếng Anh thương mại của Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM còn trang bị cho sinh viên các nhóm **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về lĩnh vực tiếng Anh cho Tài chính - Ngân hàng: Kiến thức ngôn ngữ - Kiến thức về văn hóa, văn học - Tiếng Anh thương mại - Thanh toán quốc tế - Marketing quốc tế - Đầu tư nước ngoài... bên cạnh đó sinh viên sẽ được lựa chọn một số môn học như: Nghệ thuật nói trước công chúng - Ngôn ngữ thương mại ... đồng thời được **bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành**: Tiếng Anh cho kế toán ngân hàng - Tiếng Anh cho tín dụng ngân hàng - Tiếng Anh cho thanh toán quốc tế - Tiếng Anh cho kinh doanh ngoại hối - Tiếng Anh cho thị trường chứng khoán... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tại các ngân hàng, đặc biệt là các ngân hàng nước ngoài hoặc ngân hàng liên doanh giữa VN với các nước trên thế giới...

Sinh viên học ngành Tiếng Anh thương mại sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Cục, Vụ: Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Xuất khẩu lao động; Vụ Chính sách thương mại đa biên, Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kế hoạch và Đầu tư...

+ Các phòng chức năng: Quản lý thương mại, Hợp tác quốc tế, Quản lý xuất nhập khẩu, Xúc tiến thương mại du lịch, Xúc tiến đầu tư... trực thuộc các Sở: Sở Thương mại, Sở Giao dịch, Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Du lịch... trên địa bàn toàn quốc.

+ Các cơ quan tổ chức, các doanh nghiệp, các Cty có hoạt động quan hệ với đối tác nước ngoài: T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, T.Cty Xuất nhập khẩu... và các đơn vị thành viên: các Cty Thương mại và Đầu tư, Cty Xuất nhập khẩu, Cty Du lịch xuyên Việt, Cty Lữ hành...

+ Các Cty dịch thuật, các Nhà xuất bản, các cơ quan thông tấn báo chí... có hoạt động liên quan đến Thương mại; Hoặc làm trợ lý các dự án hợp tác quốc tế, thư ký tại các tổ chức xã hội...

+ Hệ thống các Ngân hàng, Kho bạc Nhà nước từ Trung ương đến địa phương...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Tiếng Anh thương mại. Dạy môn Tiếng Anh tại các trường Trung học phổ thông, các TT dạy ngoại ngữ.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	1.100	24.994	1/22.7
2001	1.100	21.522	1/19.5
2002	1.200	14.760	1/12.3
2003	570	2.507	1/4.3
2004	800	7.490	1/9.3
2005	870	12.170	1/13.9
2006	1.300	13.006	1/10.0

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành/khối trong trường

Khối	2000	2001	2002		
			NV1	NV2	NV3
D1	19.5	20	19	20	21
A	25	22	17.5	18.5	19.5

Ngành	2003		2004	2005		2006
	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1
Tài chính - Ngân hàng	15.5	17.5	17.5	20.5	-	20.0
Quản trị kinh doanh	-	-	-	20.5	-	19.0
Hệ thống thông tin Kinh tế	-	-	-	20	22	19.0
Tiếng Anh thương mại	-	-	-	20	-	20.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM tuyển sinh trong toàn quốc và tuyển sinh khối A, D1.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM được xét theo ngành mà thí sinh đã ĐKDT.

- Hệ Cao đẳng không tổ chức thi tuyển, mà lấy kết quả thi của những thí sinh đã dự thi Khối A vào Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM để xét tuyển NV1 và của những thí sinh đã dự thi khối A vào các trường trong cả nước theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển NV2 và NV3.

- Từ năm 2004 trở về trước trường chỉ đào tạo duy nhất 1 ngành là Tài chính - Ngân hàng.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ khi thành lập (2003) đến nay vẫn tăng lên, số lượng thí sinh ĐKDT vào trường cũng tăng nhưng không nhiều nên tỉ lệ "chọi" đến năm 2006 có thấp hơn năm trước. Tuy nhiên, so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này của trường trong 2 năm 2005, 2006 cũng tương đối cao. (Xem bảng 1).

- Trước năm 2002, Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM xét điểm trúng tuyển theo khối. Nhìn bảng 2 bạn có thể thấy điểm chuẩn giữa các khối có sự chênh lệch đáng kể, ví dụ năm 2000 điểm chuẩn của khối A chênh đến 5,5 điểm so với khối D (khối A: 25, khối D: 19,5). Tuy nhiên, những năm gần đây sự chênh lệch về điểm chuẩn giữa các ngành lại không lớn.

- Điểm trúng tuyển vào trường từ năm 2003 đến nay vẫn tăng dần lên và ở mức cao hơn so với điểm sàn do Bộ GD&ĐT qui định.

- Mặc dù năm 2006 điểm chuẩn của trường so với năm 2005 có giảm nhưng không đáng kể (đây cũng là tình trạng chung của hầu hết tất cả các trường) và vẫn ở mức cao hơn so với một số trường cùng đào tạo chuyên ngành. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm chuẩn NV2 thường cao hơn NV1 từ 1 - 2 điểm, mức chênh lệch không lớn như một số trường khác.

- Với những đặc điểm trên đây, chúng tôi có thể khẳng định rằng bạn phải là người có học lực khá giỏi mới có thể trở thành sinh viên của Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

Địa chỉ: Khu phố 6, P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8966780 - Fax: 08.8960713 - Website: <http://www.hcmuaf.edu.vn/>

- Trường Đại học Nông Lâm (ĐHNL) Tp.HCM được thành lập từ năm 1955, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học và trên đại học trong lĩnh vực nông nghiệp và các lĩnh vực liên quan; Thực hiện các nghiên cứu khoa học và hợp tác nghiên cứu với các đơn vị trong và ngoài nước; Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật đến người sản xuất;
- Từ năm 2000 Trường ĐH Nông lâm mở rộng đào tạo sang các lĩnh vực khác như: Công nghệ thông tin, Công nghệ môi trường, Công nghệ sinh học, Ngoại ngữ và Sử phạm Kỹ thuật nông nghiệp.
- Hiện nay, trường có khoảng 400 cán bộ giảng dạy với hơn 50% có trình độ trên đại học.
- Trường ĐHNL Tp.HCM đang đào tạo các bậc: Cao đẳng, Đại học, Trên đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Cơ khí bảo quản chế biến nông sản

Trên nền những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Vật lý - Đại số - Hình học họa hình - Cơ học - Hóa học... và các **kiến thức cơ bản** về ngành: Cơ sở nhiệt động lực học - Kỹ thuật điện - Kim loại và nhiệt luyện - Cơ lưu chất - Động cơ đốt trong - Kỹ thuật điện tử - Sức bền vật liệu - Công nghệ kim loại - Điện công nghiệp - Kỹ thuật thực phẩm - Kỹ thuật đo lường - Điều khiển tự động - Bao bì đóng gói - Vật liệu kim loại - Cơ điện tử ... thì sinh viên ngành Cơ khí bảo quản chế biến nông sản còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Bảo dưỡng máy và thiết bị chế biến nông sản thực phẩm (CBNSTP) - Máy gia công CBNSTP - Thiết kế máy CBNSTP - Kỹ thuật môi trường... đến khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tốt tại các nhà máy xí nghiệp liên quan đến chuyên ngành đã được đào tạo.

Kỹ sư ngành Cơ khí bảo quản chế biến nông sản có thể được bố trí làm việc tại:

+ Các Viện, Cục: Viện Công nghiệp Thực phẩm, Viện Nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Nghiên cứu Ngô, Viện Nghiên cứu Chè; Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối...

+ T.Cty Chế biến nông sản thực phẩm, T.Cty Thuốc lá VN, Cty Sữa VN, các T.Cty Bia - Rượu - Nước giải khát, T.Cty Chế biến thủy sản... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Chế biến thực phẩm, Cty Chế biến hải sản Biển Đông, Cty Chế biến thủy sản xuất khẩu, Cty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm VN, Cty Kỹ nghệ thực phẩm VN...

+ Các phòng chức năng: Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn, Kỹ thuật, Quản lý sản xuất công nghiệp... tại các Sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp... của 64 tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Bảo quản chế biến nông sản.

Ngành Cơ khí Công thôn (Cơ khí nông lâm)

Cử nhân ngành Cơ khí Công thôn được cung cấp những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên như: Xác suất thống kê - Đại số - Vật lý - Hình học họa hình - Kinh tế học - Hóa học... cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành: Nhiệt kỹ thuật - Cơ sở kỹ thuật điện - Kim loại và nhiệt luyện - Lập trình và thiết kế trên PC - Dung sai và đo lường - Sức bền vật liệu - Công nghệ kim loại - Cơ sở kỹ thuật lạnh - Chi tiết máy - Kỹ thuật đo lường - Điều khiển tự động... đồng thời ngành còn trang bị cho sinh viên khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thủy lực và máy thủy lực - Công nghệ chế tạo - Động cơ ô tô máy kéo - Hệ thống máy công nghiệp và chế biến - Cơ điện tử - Máy làm đất - Máy CS và gieo trồng - Truyền động ô tô máy kéo - Máy thu hoạch - Bảo dưỡng kỹ thuật - Sửa chữa ô tô máy kéo - Vận chuyển thủy - Sử dụng máy... để khi tốt nghiệp ngành này sinh viên **có khả năng** ứng dụng khoa học kỹ thuật nhằm phát triển nông nghiệp nông thôn...

Sau khi ra trường sinh viên học ngành Cơ khí công thôn có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Cục: Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện Cơ điện nông nghiệp và Sau thu hoạch; Cục Quản lý và Xây dựng công trình, Cục Thủy lợi...

+ T.Cty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, T.Cty Máy động lực và Máy nông nghiệp, các T.Cty Xây dựng thủy lợi, TĐ Điện lực VN, T.Cty Cơ khí xây dựng, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Xuất nhập khẩu xây dựng VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Cơ giới và Xây lắp, Cty Cơ giới, lắp máy và xây dựng, Cty Thi công cơ giới và Lắp máy, Cty Truyền tải điện, Cty Tư vấn xây dựng điện...

- + Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật, Thủy lợi... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hệ thống các Trạm bơm, hồ Thủy lợi... trên khắp cả nước.

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Cơ khí công thôn.

Ngành Điều khiển tự động quá trình công nghệ

Nội dung chương trình đào tạo ngành Điều khiển tự động quá trình công nghệ nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** của khối A, bộ môn Kỹ thuật cơ sở: Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê - Cơ học - Vật lý - Hình học họa hình - Hóa học - Vẽ kỹ thuật - Vẽ cơ khí... đồng thời cũng sẽ cung cấp khối **kiến thức cơ bản** về ngành: Nguyên lý máy - Điện tử cơ bản - Dung sai đo lường - Kỹ thuật điện - Công nghệ chế tạo máy - Cấu trúc máy tính - Điện tử công nghiệp - Cơ sở điều khiển tự động - Kỹ thuật lập trình.... Bên cạnh đó ngành còn đào tạo để sinh viên có những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật số - Máy và thiết bị lạnh - Máy gia công chế biến nông sản thực phẩm - Đo lường - Điều khiển - Lập trình hệ thống - Kỹ thuật điều khiển tự động - Máy thủy lực - Thiết kế mạch điều khiển - Hợp ngữ và lập trình ứng dụng - Hệ vi xử lý và ứng dụng - Cơ điện tử... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp, Cty, doanh nghiệp sản xuất công - nông nghiệp hoặc tại các viện chuyên ngành, hay tham gia giảng dạy tại các cơ sở đào tạo có ngành liên quan...

Sinh viên học ngành Điều khiển tự động quá trình công nghệ sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa; TT Công nghệ vi điện tử và Tin học, TT Quang điện tử, các TT Công nghệ thông tin, TT Giao dịch công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố.

+ Các Cục, Vụ: Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Điện lực VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Hàng không VN, T.Cty Hàng hải VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN... và các đơn vị thành viên, các Cty: Cty Kỹ thuật điều khiển và Thông tin, Cty Cơ khí - Điện - Điện tử tàu thủy, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, Cty Dây và Cáp điện VN, Cty Chế tạo thiết bị điện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở như: Sở Công nghiệp, Sở Điện lực, Sở Khoa học và Công nghệ... trong toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Điều khiển tự động quá trình công nghệ.

Ngành Công nghệ nhiệt lạnh

Sinh viên ngành Công nghệ nhiệt lạnh được cung cấp các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa: Đại số - Vật lý - Hóa học - Hình học họa hình - Xác suất thống kê - Vẽ kỹ thuật - Vẽ cơ khí... cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Nhiệt động lực học kỹ thuật - Cơ sở kỹ thuật điện - Kim loại và nhiệt luyện - Tin học ứng dụng - Sức bền vật liệu - Công nghệ kim loại - Truyền nhiệt - Điện công nghiệp - Cơ điện tử - Điều khiển tự động - Chi tiết máy - Vật liệu phi kim loại... ngoài ra còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thiết bị lạnh và kỹ thuật điều hòa không khí - Nhiệt động lực học kỹ thuật - Đo lường và tự động hóa trong thiết bị lạnh - Năng lượng môi trường và năng lượng gió - Kỹ thuật nâng, vận chuyển - Tuabin hơi, tuabin khí - Kỹ thuật thực phẩm - Thiết bị sấy - Phương pháp BTTN và xử lý số liệu - Kỹ thuật môi trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** ứng dụng, thực hành, thiết kế, bảo trì và vận hành các loại máy lạnh và thiết bị nhiệt đặc biệt phục vụ trong nông nghiệp...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ nhiệt lạnh sinh viên có thể làm việc tại:

+ T.Cty Thiết bị kỹ thuật điện, T.Cty Điện tử và Tin học VN... và các Cty, đơn vị thành viên: các Cty Điện tử, Cty Xuất nhập khẩu điện tử, Cty Toshiba VN, Cty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước...

+ T.Cty Chế biến thủy sản, T.Cty Sữa VN, T.Cty Lương thực, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Công nghệ thực phẩm, Cty Đầu tư và Phát triển công nghệ thực phẩm, Cty Chế biến lương thực thực phẩm, Cty Chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu...

+ Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... tại Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Công nghệ nhiệt lạnh.

Ngành Công nghệ thông tin có các chuyên ngành: Công nghệ phần mềm; Hệ thống thông tin - Thông tin địa lý; Mạng máy tính và truyền thông

+ Chương trình đào tạo các chuyên ngành: Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính và truyền thông của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên của Trường ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM). Ngoài những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản**, sinh viên sẽ được học các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi ra

trường, Kỹ sư các chuyên ngành **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng vào trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

+ Ngoài ra, Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM còn có chuyên ngành mang tính đặc thù riêng đó là **chuyên ngành Hệ thống thông tin - Thông tin địa lý**:

Khi theo học chuyên ngành này sinh viên được trang bị các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên: Đại số tuyến tính - Toán học rời rạc - Vật lý... và những **kiến thức cơ bản** về Công nghệ thông tin: Công nghệ phần mềm - Mạng máy tính và truyền thông - Hệ thống thông... cũng như sẽ được đào tạo các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phân tích và thiết kế hệ thống - Cơ sở dữ liệu nâng cao - Hệ thống thông tin địa lý... cùng với các kỹ năng ứng dụng công nghệ 3S (GPS, RS và GIS)... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** thiết kế, phát triển hệ thống máy tính cả phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo hệ thống các sản phẩm phần mềm, Internet đặc biệt trong lĩnh vực Thông tin địa lý...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ thông tin sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ thông tin, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; TT Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia, TT Giao dịch công nghệ, các TT Thông tin trực thuộc các Bộ, Tổng cục...

+ TĐ Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Điện tử và Tin học VN, T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN, T.Cty Hàng không VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

+ Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành CNTT

Ngành Thú y bao gồm các chuyên ngành: Dược thú y; Bác sĩ thú y

Trên nền **kiến thức chung** dành cho sinh viên các ngành thuộc khối A, B: Đại số và Hình giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Sinh học... sinh viên ngành Thú y được trang bị các **kiến thức cơ bản** về ngành: Siêu vi trùng thú y - Cơ thể học - Hóa phân tích - Sinh hóa - Sinh lý gia súc - Di truyền ứng dụng - Giải phẫu bệnh - Vi trùng và nấm - Dinh dưỡng động vật - Chế biến và bảo quản súc sản - Môi trường và sức khỏe vật nuôi... để từ đó trường sẽ đào tạo để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Chẩn đoán - Sản khoa - Bệnh ký sinh trùng - Bệnh thú hoang dã - Bệnh nội khoa - Bệnh truyền nhiễm (BTN) chung và gia cầm - Chăn nuôi heo - Chăn nuôi thú nhai lại - Chăn nuôi gia cầm - Độc chất học - Nuôi ong - Luật thú y - Kiểm nghiệm thú sản - Dược lâm sàng - Ngộ độc dược phẩm - Bảo chế dược phẩm - Kiểm nghiệm dược phẩm.... Tốt nghiệp ra trường sinh viên chuyên ngành **có khả năng** chẩn đoán, điều trị, phòng chống dịch bệnh dịch bệnh để phát triển chăn nuôi, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và môi trường sinh thái.

Sau khi tốt nghiệp ngành Thú y sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Thú y Quốc gia, Viện Chăn nuôi, Viện Khoa học nông nghiệp VN, TT Khuyến nông Quốc gia, TT Kiểm dịch thú y...

+ Các Cục: Cục Thú y, Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản...

+ Các Chi cục thú y, các trạm, trại chuyên chăn nuôi thú y ở khắp các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ T.Cty Chăn nuôi VN và các đơn vị trực thuộc: các Cty Chăn nuôi thú y, Cty Thức ăn chăn nuôi Trung ương, các Nhà máy thức ăn chăn nuôi...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Thú y.

Nghành Nông học có các chuyên ngành: *Nông học; Bảo vệ thực vật*

Sinh viên khi học ngành Nông học sẽ được cung cấp ***kiến thức chung*** về Toán, Lý, Hóa, Sinh: Đại số - Xác suất thống kê - Hình học - Vật lý - Hóa học - Sinh học - Sinh hóa ... cùng với những ***kiến thức cơ bản*** về Nông học: Hệ thống canh tác - Nông học - Sinh lý thực vật - Khoa học đất - Chăn nuôi - Bảo vệ môi trường nông nghiệp - Nông lâm kết hợp... để trên nền những kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được trang bị các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Độ phì đất và phân bón - Chọn giống cây trồng - Bệnh học - Côn trùng - Kinh tế nông lâm - Khuyến nông - Thuốc bảo vệ thực vật - Phương pháp nghiên cứu cây trồng - Cây công nghiệp ngắn ngày - Cây công nghiệp dài ngày - Bảo quản nông sản... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên ***có khả năng*** lai tạo, nhân giống và bảo quản các loại giống tốt, nắm bắt được những tiến bộ khoa học kỹ thuật trong nước và quốc tế, biết thao tác nghề nghiệp trong phòng thí nghiệm cũng như ngoài hiện trường đồng ruộng để chỉ đạo được sản xuất nông nghiệp.

Sau khi tốt nghiệp ngành Nông học sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp, Viện Chăn nuôi, Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Bảo vệ thực vật; TT Khuyến nông Quốc gia, TT Tài nguyên thực vật, TT Giống chăn nuôi...

+ Các Cục, Vụ: Cục Nông nghiệp, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Vụ Khoa học công nghệ...

+ T.Cty Rau quả, nông sản VN, T.Cty Hóa chất VN, T.Cty Chè VN, T.Cty Cao su VN, T.Cty Cà phê VN... và các Cty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc: Cty Giống cây trồng Trung ương, các Cty Giống cây trồng, Cty Giống chăn nuôi ở các tỉnh, Cty Giống lâm nghiệp Trung ương, Cty Phân bón, Cty Phân lân, Cty Phân đạm...

+ Các phòng chức năng: Nông lâm nghiệp, Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Nông học.

Nghành Chăn nuôi

Khi theo học ngành Chăn nuôi sinh viên được trang bị những ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, của Sinh học: Đại số - Xác suất thống kê - Vật lý - Sinh học ... các ***kiến thức cơ bản*** về ngành: Vi sinh - Cơ thể học - Mô phôi - Sinh lý động vật - Hóa phân tích - Di truyền - Vi sinh chăn nuôi - Trồng trọt - Thiết kế chăn nuôi - Kinh tế nông lâm - Đồng cỏ và cây thức ăn gia súc - Thống kê sinh học... đồng thời ngành còn cung cấp khối ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** như: Thú y - Sản khoa - Cơ khí chăn nuôi - Giống chuyên biệt - Phương pháp thí nghiệm chăn nuôi - Bệnh truyền nhiễm và kí sinh trùng - Bảo quản và chế biến súc sản - Thức ăn chuyên biệt - Chăn nuôi gia cầm - Nuôi ong hoặc nuôi cá - Khuyến nông và phát triển nông thôn - Môi trường và sức khỏe vật nuôi - Chăn

nuôi heo - Chăn nuôi thú nhai lại... để sau khi tốt nghiệp sinh viên trở thành những Kỹ sư nông nghiệp ngành Chăn nuôi ***có khả năng*** quản lý, chăm sóc các trại chăn nuôi và khả năng giảng dạy bộ môn này tại các trường có đào tạo chuyên ngành Chăn nuôi.

Sinh viên học ngành Chăn nuôi sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Chăn nuôi, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Nghiên cứu Hải sản, các Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản; TT Khuyến nông Quốc gia, TT Khuyến ngư VN...

+ Các Cục, Vụ: Cục Thú y, Cục Nông nghiệp, Cục Quản lý Chất lượng An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ Các nông, lâm trường, các vườn Quốc gia, các trạm, trại, Cty, T.Cty: T.Cty Chăn nuôi VN, T.Cty Thủy sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Giống gia súc lớn Trung ương, các Cty Chăn nuôi, Cty Giống chăn nuôi, Cty Thức ăn chăn nuôi Trung ương, các Nhà máy thức ăn chăn nuôi...

+ Các phòng chức năng: Chăn nuôi, Kỹ thuật... tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Chăn nuôi.

Ngành Lâm nghiệp

Kỹ sư ngành Lâm nghiệp được đào tạo các ***kiến thức chung*** dành cho sinh viên khối A, B như Đại số - Vật lý - Hóa học - Sinh học - Xác suất thống kê - Nhập môn sinh học - Xã hội học - Hóa phân tích... Đồng thời tùy theo từng chuyên ngành mà sinh viên sẽ được trang bị khối ***kiến thức chuyên ngành*** riêng như:

+ Chuyên ngành Lâm nghiệp

Chuyên ngành Lâm nghiệp cung cấp cho sinh viên những ***kiến thức cơ bản*** về Lâm nghiệp: Sinh lý thực vật - Khí tượng thủy văn rừng - Bảo vệ môi trường nông lâm nghiệp - Bảo tồn đa dạng sinh học... và các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Trồng rừng - Cơ giới trồng rừng - Khai thác lâm sản... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này ***có khả năng*** thiết kế chỉ đạo các biện pháp kỹ thuật, các hoạt động trồng, chăm sóc, điều tra, quy hoạch, điều chế rừng và nghiên cứu thực nghiệm giống, xây dựng vốn rừng...

+ Chuyên ngành Nông lâm kết hợp

Sinh viên chuyên ngành Nông lâm kết hợp được học các ***kiến thức cơ bản*** của ngành: Sinh thái rừng - Côn trùng lâm nghiệp - Bệnh hại rừng - Động vật rừng - Di truyền và giống cây rừng... cùng với những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** Nông Lâm kết hợp: Nông Lâm kết hợp - Cơ giới trồng rừng - Khuyến Lâm - Lâm nghiệp đô thị - Trồng rừng - Chọn giống cây trồng... để khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành ***có thể đảm đương*** các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chỉ đạo dịch vụ kỹ thuật và quản lý các tổ chức, cơ sở thuộc các thành phần kinh tế khác nhau cũng như các cơ quan trong lĩnh vực Nông Lâm.

+ Chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng

Ngoài những ***kiến thức cơ bản*** về Quản lý tài nguyên rừng: Lâm nghiệp và chính sách lâm nghiệp - Kỹ thuật lâm sinh - Đo đạc và bản đồ - Phòng chống cháy rừng - Điều tra rừng - Quy hoạch và điều chế... thì chuyên ngành Quản lý tài nguyên rừng còn trang bị cho sinh viên các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Khuyến Lâm - Lâm nghiệp đô thị - Điều tra rừng - Khai thác lâm sản - Lâm sản ngoài gỗ... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành ***có khả năng*** bảo vệ, khai thác nguồn tài nguyên rừng...

Sinh viên học ngành Lâm nghiệp sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Khoa học lâm nghiệp VN, Viện Điều tra quy hoạch rừng; TT Môi trường và Lâm sinh nhiệt đới...

+ T.Cty Lâm nghiệp VN, T.Cty Giấy VN, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Máy động lực và Máy nông nghiệp... và hàng loạt các xí nghiệp, Cty trực thuộc ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước: Cty Lâm sản, Cty Giồng lâm nghiệp Trung ương, Cty Chế biến lâm sản xuất khẩu, Cty Sản xuất kinh doanh và dịch vụ lâm nghiệp, Cty Lâm đặc sản xuất khẩu, Cty Thương mại lâm sản, Cty Xuất khẩu lâm sản mỹ nghệ, Cty Thi công cơ giới và Lắp máy...

+ Các cơ quan thuộc ngành kiểm lâm, ngành môi trường, các nông, lâm trường trên địa bàn toàn quốc...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Lâm nghiệp.

Ngành Nuôi trồng thủy sản có các chuyên ngành sau:

+ Chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản

Sinh viên chuyên ngành Nuôi trồng Thủy sản được trang bị ngoài **kiến thức chung** về Toán, Hóa, Sinh: Xác suất thống kê - Sinh động - Hóa phân tích... còn có **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Di truyền - Thủy sản - Ngư loại học - Chế biến thủy sản - Hệ thống canh tác - Sinh thái vùng - Sinh lý cá và giáp xác - Dinh dưỡng và thức ăn cá - Vi sinh ứng dụng trong thủy sản - Hóa học thủy sản... đồng thời còn được đào tạo những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật (KT) nuôi cá nước ngọt - KT nuôi giáp xác - KT nuôi nhuyễn thể - KT nuôi cá cảnh - KT nuôi rong biển - KT nuôi cá biển - Di truyền và chọn giống cá ... và được học các môn học **bổ trợ kiến thức cho ngành**: Công trình nuôi thủy sản - Phương pháp thống kê trong nuôi thủy sản - Khai thác thủy sản - Khuyến ngư - Quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản - Quản lý trại thủy sản - Vệ sinh và an toàn thực phẩm - Bảo quản và chế biến thủy sản công nghiệp.... Tốt nghiệp ra trường, Kỹ sư chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản **có khả năng** giải quyết những vấn đề khoa học kỹ thuật và quản lý ngành Nuôi trồng thủy sản và một số lĩnh vực khác của ngành kinh tế quốc dân...

+ Chuyên ngành Ngư y

Chuyên ngành Ngư y cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** về khối A, về Sinh học, **kiến thức cơ bản** về ngành cùng với các **kiến thức bổ trợ cho ngành** giống như chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản, ngoài ra chuyên ngành còn trang bị thêm cho sinh viên những **kiến thức cơ bản về Ngư y**: Vi rút học - Sinh học phân tử - Quản lý đánh giá chất lượng nước... đồng thời sinh viên cũng được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Bệnh tôm - Bệnh cá - Hóa dược - Ngộ độc dược phẩm - Bệnh truyền nhiễm chung và gia cầm... cùng các môn đào tạo kỹ thuật nuôi trồng thủy sản tương tự như chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản.... Học xong sinh viên chuyên ngành Ngư y **có khả năng** chẩn đoán và tiên lượng bệnh, có khả năng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất động vật hay phòng chống dịch bệnh cho cá, tôm...

Ra trường, sinh viên học chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản, Thú y có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: các Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản, Viện Nghiên cứu Hải sản, Viện Chăn nuôi, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp; TT Khuyến ngư Quốc gia, TT Khuyến nông Quốc gia...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ T.Cty Thủy sản VN, T.Cty Chăn nuôi VN... và các đơn vị trực thuộc: Cty Thức ăn chăn nuôi Trung ương, Cty Chế biến, nuôi trồng thủy sản, các trạm, trại nuôi tôm, cá giống, các TT VAC...

+ Các phòng chức năng: Kỹ thuật nghiệp vụ, Chăn nuôi, Nông lâm nghiệp... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản; Thú y.

Ngành Chế biến thủy sản

Ngành Chế biến thủy sản không chỉ đào tạo cho sinh viên **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản: Toán cao cấp - Xác suất thống kê - Vật lý - Sinh học - Hóa học - Vi sinh - Dân số học - Xã hội học..., mà còn trang bị **kiến thức cơ bản** về ngành: Di truyền học - Chế biến thực phẩm - Thủy sản - Ngư loại học - Kỹ thuật (KT) điện - Sinh hóa - Kinh tế thủy sản (TS) - Cơ sở sinh học nuôi TS... đồng thời sinh viên cũng được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hòa thực phẩm TS - Nước và chất lượng nước cho chế biến TS - Vi sinh thực phẩm - Vệ sinh và an toàn thực phẩm - KT đồ hộp - KT nuôi cá nước ngọt - KT chất lượng sản phẩm TS - Dinh dưỡng thực phẩm - Công nghệ sinh học ứng dụng - Xử lý chất thải - Chế biến TS tổng hợp - Chế biến lạnh - Khai thác TS - KT nuôi TS ven bờ - Máy chế biến TS... cùng với một số môn **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Phương pháp phân tích xử lý số liệu - An toàn lao động - Cơ sở kỹ thuật thực phẩm - Quản trị doanh nghiệp TS - Tiếp thị sản phẩm TS... để khi tốt nghiệp sinh viên ngành Chế biến thủy sản **có khả năng** chế biến, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm tra chất lượng sản phẩm thủy sản, nghiên cứu vật liệu mới dùng trong chế tạo bao bì và đóng gói sản phẩm thủy sản...

Sau khi tốt nghiệp ngành Chế biến thủy sản sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Công nghiệp thực phẩm; Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản, Cục Công nghiệp tiêu dùng - Thực phẩm; Vụ Nuôi trồng thủy sản, Vụ Công nghiệp tiêu dùng và Thực phẩm...

+ T.Cty Chế biến thủy sản, T.Cty Rau quả, nông sản VN, T.Cty Chế biến nông sản thực phẩm... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu, Cty Chế biến hải sản Biển Đông, Cty Chế biến thủy sản xuất khẩu...

+ Các phòng chức năng: Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn, Kỹ thuật, Quản lý sản xuất công nghiệp... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp... trực thuộc các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Chế biến thủy sản.

Ngành Sư phạm kỹ thuật có các chuyên ngành sau:

+ Chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp

Ngành Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp (SPKTNN) trang bị cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, Sinh: Giải tích - Hình giải tích - Vật lý - Hóa học - Sinh học, cùng các **kiến thức cơ bản** về ngành như: Vi sinh - Thủy sản - Lý luận dạy học - Tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm - Sinh lý động vật - Sinh lý thực vật - Thú y... thì còn cung cấp cho sinh viên khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phương pháp giảng dạy môn Kỹ thuật nông nghiệp - Cây công nghiệp - Cây ăn quả - Máy nông nghiệp - Khuyến nông và phát triển nông thôn - Nông lâm kết hợp - Bệnh cây - Phương pháp thí nghiệm - Chăn nuôi gia cầm - Chăn nuôi gia súc - Kỹ thuật nuôi thủy sản

nước lợ - Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt.... Ngoài ra trong thời gian học sinh viên sẽ được đi thực tập nghiệp vụ sư phạm... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên ***có khả năng*** giảng dạy môn Kỹ thuật nông nghiệp tại các cơ sở đào tạo hoặc làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế xã hội có hoạt động liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp...

+ Chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật công nông nghiệp

Chuyên ngành Sư phạm kỹ thuật công nông nghiệp cung cấp cho sinh viên bên cạnh những ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học cơ bản, những ***kiến thức cơ bản*** về ngành thì cũng đào tạo để sinh viên chuyên ngành này có ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** Sư phạm Kỹ thuật giống như Kỹ sư chuyên ngành SPKTNN, ngoài ra sinh viên còn được trang bị thêm một số kiến thức về lĩnh vực Kỹ thuật công nghiệp: Kỹ thuật điện, điện tử - Động cơ, ô tô, máy kéo - Điều khiển tự động ... để Kỹ sư chuyên ngành này ***có thể*** giảng dạy môn Kỹ thuật ở các trường phổ thông, dạy nghề, trung cấp kỹ thuật hoặc các khoa Kỹ thuật ở các trường đại học sư phạm, các TT hướng nghiệp của tỉnh, thành phố.

Sinh viên học ngành Sư phạm kỹ thuật sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học phổ thông có đào tạo môn chuyên ngành: ĐH Nông nghiệp I, ĐH Lâm nghiệp, ĐH Nông lâm Tp.HCM...

+ Các Viện, TT: Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Nghiên cứu hải sản, các Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản; Các TT phổ biến kiến thức nông nghiệp, TT Khuyến nông Quốc gia, TT Tài nguyên thực vật, TT Khuyến ngư VN...

+ Các Cục, Vụ: Cục Nông nghiệp, Cục Thú y, Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ T.Cty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, T.Cty Chè VN, T.Cty Cao su VN, T.Cty Rau quả, nông sản VN, T.Cty Cà phê VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị thành viên: các Cty Giống cây trồng, hoặc Cty Giống rau quả, Cty Giống chăn nuôi, Cty Cơ giới ở hầu khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước, các đơn vị sản xuất kinh doanh thuốc, máy móc phục vụ nông nghiệp, các nhà máy, Cty Chế biến thức ăn chăn nuôi...

+ Các phòng chức năng: Kỹ thuật nghiệp vụ, Nông lâm nghiệp, Chăn nuôi, Trồng trọt... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ngành Phát triển nông thôn và khuyến nông

Đào tạo cán bộ ngành Phát triển nông thôn và khuyến nông có ***kiến thức chung*** dành cho sinh viên khối A, nhóm ngành Kinh tế: Giải tích - Kinh tế nông lâm - Xã hội học - Môi trường và con người - Địa lý kinh tế..., ***kiến thức cơ bản*** về Phát triển nông thôn và khuyến nông: Chăn nuôi - Khoa học đất - Lâm nghiệp - Giáo dục khuyến nông - Côn trùng và bệnh cây - Kỹ thuật canh tác một số cây trồng - Thú y..., cùng với các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Truyền thông khuyến nông - Kỹ thuật nuôi thủy sản - Nông lâm kết hợp - Chăn nuôi gia súc và gia cầm - Bảo vệ nguồn lợi thủy sản - Marketing nông nghiệp - Kinh tế phát triển nông thôn - Phân tích chính sách nông nghiệp... đồng thời sinh viên ngành này còn được lựa chọn các môn học nhằm ***bổ trợ kiến thức*** cho ngành như: Kinh tế ứng dụng - Kinh tế quốc tế - Bảo quản chế biến nông sản... để khi ra trường sinh viên ***có khả năng*** tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình phát triển, các chương trình khuyến nông như: Đánh giá phân tích những khó khăn về kỹ thuật, về kinh tế xã hội mà người dân ở nông thôn đang gặp phải, từ đó đề xuất những giải pháp với sự tham gia của người dân; xây dựng đề án thực hiện những chương trình nghiên cứu kế hoạch phát triển nông thôn và phân tích những chính sách nông nghiệp có liên quan; hình thành và quản lý những cơ sở sản xuất nông nghiệp hay công nghiệp, dịch vụ ở nông thôn...

Sinh viên học ngành Phát triển nông thôn và Khuyến nông sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Quy hoạch và Phát triển nông thôn, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn, Viện Tư vấn phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi, Viện Nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi; TT Khuyến nông Quốc gia, các TT Khuyến nông khuyến lâm của các tỉnh, thành phố trên cả nước...

- + T.Cty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, T.Cty Chăn nuôi VN, T.Cty Thủy sản VN, T.Cty Máy động lực và Máy nông nghiệp, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị thành viên ở khắp 3 miền Bắc - Trung - Nam.

- + Hợp tác xã Khuyến nông, Khuyến lâm ở các quận, huyện trong toàn quốc.

- + Các phòng chức năng: Chính sách nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch - Đầu tư... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của các tỉnh, thành phố.

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Phát triển nông thôn và Khuyến nông.

Ngành Quản lý đất đai có các chuyên ngành sau:

+ Chuyên ngành Quản lý đất đai

Chương trình đào tạo kỹ sư chuyên ngành Quản lý đất đai bao gồm ngoài **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội, Khoa học Kinh tế: Giải tích - Xác suất thống kê - Hóa học - Vật lý - Tin học - Tâm lý học - Dân số học - Địa lý kinh tế - Chủ nghĩa xã hội khoa học..., các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Quản lý đất đai: Khoa học đất - Quản lý nguồn nước - Đánh giá tác động môi trường - Đánh giá đất đai - Hệ thống nông nghiệp - Trắc địa - Trắc địa ảnh, viễn thám - Cơ sở dữ liệu ... còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội - Quy hoạch sử dụng đất - Quy hoạch phát triển nông thôn - Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn - Quản lý hành chính về đất đai - Đăng ký thống kê đất đai - Thị trường bất động sản - Tin học ứng dụng ... để sinh viên sau khi tốt nghiệp **có khả năng** đánh giá, phân hạng đất, thiết lập bản đồ, đồng thời Kỹ sư ngành này có thể nghiên cứu các giải pháp kinh tế kỹ thuật thực hiện các phương án sử dụng đất đai, giải quyết tranh chấp, đền bù đất nông thôn, đô thị...

+ Chuyên ngành Công nghệ địa chính

Chuyên ngành Công nghệ địa chính đào tạo cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành giống như sinh viên chuyên ngành Quản lý đất đai, đồng thời cũng cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Công nghệ địa chính: Khoa học trắc địa - Công nghệ viễn thám - Hệ thống thông tin địa lý (GIS) - Hệ thống định vị toàn cầu (GPS) - Toán bản đồ - Bản đồ địa hình - Kỹ thuật đo đạc thành lập bản đồ - Hệ thống thông tin đất đai... để sau khi tốt nghiệp Kỹ sư chuyên ngành Công nghệ địa chính **có khả năng** tham gia vào việc thành lập hệ thống bản đồ địa chính và xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính, phục vụ đắc lực cho công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

+ Chuyên ngành Quản lý thị trường bất động sản

Sinh viên khi theo học chuyên ngành Quản lý thị trường bất động sản (BDS) sẽ không những được trang bị **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản giống như chuyên ngành Quản lý đất đai, mà còn được cung cấp **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Phong thủy và cảnh quan môi trường - Khoa học đất - Hệ thống thông tin địa lý - Pháp luật đất đai và BDS - Đánh giá tác động môi trường - Kinh tế học đô thị -

Đánh giá và phân hạng đất... mặt khác sinh viên cũng sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Quản lý thông tin đất đai bản đồ (ĐĐ BD) - Quản lý hành chính về ĐĐ BD - Đăng ký thống kê ĐĐ, BDS - Nhà ở và kiến trúc đô thị - Quản lý dự án đầu tư BĐS - Đánh giá đất và BĐS - Marketing - Quản lý thị trường BĐS... để khi ra trường sinh viên ngành này **có khả năng** đảm nhận các công việc trong lĩnh vực địa chính và thực hiện các giao dịch về bất động sản...

Ra trường, sinh viên học ngành Quản lý đất đai có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Điều tra quy hoạch đất đai, TT Điều tra quy hoạch đất đai...
- + Các Cục, Vụ: Cục Đo đạc và Bản đồ, Vụ Đất đai, Vụ đăng ký và thống kê đất đai...
- + T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Xây dựng và Phát triển hạ tầng, T.Cty Đầu tư phát triển nhà và xây dựng, Cty Đo đạc ảnh địa hình, Cty Công nghệ địa vật lý, Cty Trắc địa bản đồ, Cty Đo đạc địa chính và công trình...
- + Các phòng chức năng: Đo đạc và Bản đồ, Quản lý Địa chính Nhà đất, Chính sách đất... ở các Sở như: Sở Địa chính - Nhà đất, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất... trực thuộc các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Quản lý đất đai.

Ngành Cảnh quan và Kỹ thuật hoa viên

Sinh viên ngành Cảnh quan và Kỹ thuật hoa viên không chỉ có **kiến thức chung** về Khoa học Tự nhiên và Sinh học như: Sinh học - Xác suất thống kê - Phương pháp tính - Vật lý - Hóa học..., cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Phân loại thực vật - Sinh lý thực vật - Đất và dinh dưỡng cây trồng - Khí tượng học - Trắc địa và bản đồ - Kỹ thuật làm vườn - Thiết bị và công cụ làm vườn - Đa dạng sinh học và quản lý động vật hoang dã - Hệ thống tưới tiêu... mà còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Sinh thái và cảnh quan - Chọn giống cây trồng - Côn trùng và bệnh cây - Lâm nghiệp đô thị - Phương pháp thí nghiệm - Kỹ thuật trồng hoa và cỏ - Du lịch sinh thái... ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Nghệ thuật hoa viên - Công nghệ sinh học giống cây trồng - Kỹ thuật nuôi cá cảnh - Thảm định dự án đầu tư - Đánh giá tác động môi trường... để khi ra trường Kỹ sư ngành Cảnh quan và kỹ thuật hoa viên **có khả năng** thiết kế, thực hiện thi công các công trình trong lĩnh vực Cảnh quan hoa viên, đặc biệt là các công trình phát triển mảng xanh ở các đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch...

Ra trường, sinh viên ngành Cảnh quan và Kỹ thuật hoa viên có thể công tác tại :

- + Các Viện, TT: Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp, TT Tài nguyên thực vật, TT Giống cây trồng...
- + Các Cục, Vụ: Cục Nông nghiệp, Cục Bảo vệ thực vật; Vụ Khoa học công nghệ...
- + Các Cty Công viên và Cây xanh, Cty Du lịch sinh thái, Cty Công trình công cộng ở các đô thị, các Khu du lịch, các Vườn Quốc gia, Khu Bảo tồn thiên nhiên, Khu Dự trữ sinh quyển, Khu Di tích lịch sử, các Khu chế xuất, Khu công nghiệp, sân Golf, các cơ sở khuyến xanh, kinh doanh hoa kiểng...
- + Các phòng chức năng: Trồng trọt, Quản lý quy hoạch... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Giảng dạy, nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, CĐ nghề, THCN, Trung cấp nghề có đào tạo chuyên ngành Cảnh quan và Kỹ thuật hoa viên.

Ngành Chế biến lâm sản

+ Chuyên ngành Chế biến lâm sản

Sinh viên học chuyên ngành Chế biến lâm sản được trang bị các **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, khối Kinh tế: Phương trình vi phân - Giải tích - Vật lý - Hóa học - Xác suất thống kê - Quản trị học - Dân số học - Kinh tế học... đồng thời bước đầu đi vào chuyên ngành với những **kiến thức cơ bản** về ngành: Sức bền vật liệu - Cơ học - Nhiệt kỹ thuật - Điện kỹ thuật - Hình họa và vẽ kỹ thuật - Cơ lưu chất - Lâm nghiệp - Khoa học gỗ - Nguyên lý và chi tiết máy.... Trên nền những kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Nguyên lý cắt gọt - Kinh tế chế biến lâm sản - Bảo quản gỗ - Sấy gỗ - Bảo vệ môi trường công nghiệp - Lâm luật và chính sách lâm nghiệp - Sử dụng máy chế biến - Công nghệ xẻ - Công nghệ mộc - Công nghệ chất phủ - Công nghệ ván nhân tạo - Ergonomic và an toàn lao động - Khai thác lâm sản - Công nghệ sợi giấy - Lâm sản ngoài gỗ... để khi ra trường sinh viên **có được khả năng** làm việc trong các lĩnh vực sử dụng, bảo quản, chế biến các mặt hàng lâm sản...

+ Chuyên ngành Công nghệ giấy và bột giấy

Khi theo học chuyên ngành Công nghệ giấy và bột giấy sinh viên sẽ được cung cấp những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản giống như chuyên ngành Chế biến lâm sản, đồng thời cũng sẽ được đào tạo **kiến thức cơ bản** về ngành: Sức bền vật liệu - Nhiệt kỹ thuật - Điện kỹ thuật - Cơ lưu chất - Các phương pháp phân tích hóa lý - Quá trình và thiết bị công nghệ hóa học - Kỹ thuật môi trường... để từ đó đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Quá trình công nghệ sản xuất bột giấy, giấy - Công nghệ sản xuất giấy - Cơ sở thiết kế và xây dựng nhà máy giấy - Công nghệ sản xuất Xenluloz - Công nghệ làm sạch Xenluloz - Điều khiển tự động - Tính chất giấy - Phụ gia giấy - Máy và thiết bị sản xuất giấy, bột giấy.... Tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên **có thể** đánh giá chất lượng và kiểm định giấy, bột giấy, định danh gỗ, có trình độ kỹ thuật chế biến gỗ, giấy và lâm sản... đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh...

Sinh viên học ngành Chế biến lâm sản sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Điều tra quy hoạch rừng, Viện Khoa học lâm nghiệp VN; TT Phát triển công nghệ lâm sản, TT Môi trường và Lâm sinh nhiệt đới, TT Công nghệ Giấy và Bột giấy...

+ Cục, Vụ: Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối; Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm...

+ T.Cty Lâm nghiệp VN, T.Cty Giấy VN... và các Cty, đơn vị thành viên trên toàn quốc: Cty Lâm sản, Cty Chế biến lâm sản xuất khẩu, Cty Lâm đặc sản xuất khẩu, Cty Thương mại lâm sản, Cty Xuất khẩu lâm sản mỹ nghệ...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo cả chuyên ngành về Chế biến lâm sản.

Ngành Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm gồm có các chuyên ngành: *Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm; Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm và dinh dưỡng người; Bảo quản chế biến nông sản và vi sinh thực phẩm*

Trên nền những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Tự nhiên, Sinh học: Phương pháp tính - Sinh học - Vật lý - Hóa học - Xác suất thống kê - Hóa phân tích - Nông học - Môi trường và con người..., các **kiến thức cơ bản** về ngành: Vẽ kỹ thuật - Vi sinh - Điện kỹ thuật - Nhiệt kỹ thuật - Nước trong CNTP và xử lý nước thải ... thì sinh viên ngành Bảo quản chế biến nông sản thực phẩm còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Bao bì đóng gói - Máy thiết bị trong CNTP - Phương pháp thí nghiệm và xử lý số liệu - Bảo quản và chế biến (BQ&CB) thịt -

Công nghệ sản xuất thức uống lên men và không lên men - BQ&CB thủy sản - Kiểm tra chất lượng nông sản thực phẩm và HACCP - Kỹ thuật đồ hộp - BQ&CB sữa trứng - BQ&CB ngũ cốc, tinh bột - BQ&CB trà, cà phê, ca cao - Đường và các chất làm ngọt - BQ&CB rau quả - Chế biến dầu mỡ - Hóa sinh thực phẩm - Vi sinh thực phẩm - Kỹ thuật bảo quản tồn trữ - Cơ sở kỹ thuật thực phẩm ... để khi tốt nghiệp sinh viên ***có khả năng*** nghiên cứu, giải quyết những vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm theo yêu cầu của thực tế, đồng thời có khả năng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật bảo quản chế biến nông sản thực phẩm đến người sản xuất...

Kỹ sư ngành Bảo quản chế biến nông sản có thể được bố trí làm việc tại:

+ Các Viện, Cục: Viện Công nghiệp Thực phẩm, Viện Nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Nghiên cứu Rau quả, Viện Nghiên cứu Ngô, Viện Nghiên cứu Chè, Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối...

+ T.Cty Chế biến nông sản thực phẩm, T.Cty Thuốc lá VN, Cty Sữa VN, các T.Cty Bia - Rượu - Nước giải khát, T.Cty Chế biến thủy sản... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Chế biến thực phẩm, Cty Chế biến hải sản Biển Đông, Cty Chế biến thủy sản xuất khẩu, Cty Kỹ nghệ thực phẩm VN...

+ Các phòng chức năng: Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn, Kỹ thuật, Quản lý sản xuất công nghiệp... tại các Sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp... của các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Bảo quản chế biến nông sản.

Ngành Kinh tế nông lâm

Sinh viên học ngành Kinh tế nông lâm bước đầu được học những ***kiến thức chung*** dành cho nhóm ngành Kinh tế, khối Khoa học Tự nhiên: Kinh tế chính trị - Xác suất thống kê - Đại số tuyến tính - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô... sau đó sẽ được trang bị khối ***kiến thức cơ bản*** về ngành: Địa lý kinh tế - Nguyên lý thống kê kinh tế - Cơ sở toán cho kinh tế - Lâm nghiệp - Kinh tế nông lâm - Kinh tế lượng - Phân tích định lượng trong quản lý - Kinh tế lượng ứng dụng - Kinh tế tài nguyên - Luật kinh tế - Kinh tế nguồn nhân lực... đồng thời được đi vào nghiên cứu các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Tín dụng nông thôn - Khuyến nông - Kinh tế phát triển nông thôn - Thị trường nông lâm sản - Phân tích chính sách nông nghiệp - Kế toán - Kinh tế phát triển - Kinh tế môi trường - Kinh tế công cộng - Kinh tế quốc tế... cùng với những môn học lựa chọn nhằm ***bổ trợ kiến thức*** cho ngành: Quản trị trang trại - Kinh tế hộ - Tài chính tiền tệ - Tín dụng ngân hàng - Kinh tế sản xuất nông nghiệp - Marketing.... Ra trường, sinh viên ngành Kinh tế nông lâm ***có khả năng*** làm việc độc lập trong những lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Ngành Kinh tế tài nguyên môi trường

Ngành Kinh tế tài nguyên môi trường trang bị cho sinh viên các ***kiến thức chung*** về khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế giống như chuyên ngành Kinh tế nông lâm, cùng với khối ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành: Kinh tế lượng - Nguyên lý thống kê kinh tế - Cơ sở toán cho kinh tế - Địa lý kinh tế.... Bên cạnh đó sẽ cung cấp để sinh viên có những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** như: Đánh giá tác động môi trường - Kinh tế phát triển - Phân tích lợi ích, chi phí tài nguyên môi trường - Kinh tế công cộng - Kinh tế môi trường - Kinh tế ô nhiễm - Định giá tài nguyên môi trường - Chính sách quản lý tài nguyên môi trường - Luật môi trường tài nguyên - Kinh tế tài nguyên (KTTN).... Ngoài ra, sinh viên còn được tự chọn rất nhiều môn học nhằm ***bổ trợ kiến thức chuyên ngành*** như: KTTN tái sinh - KTTN không tái sinh - KTTN đất - KTTN nước - Kinh tế nguồn nhân lực - Kinh tế lượng ứng dụng - Luật kinh tế - Phương pháp nghiên cứu khoa học - Bảo tồn đa sinh học - Viễn thám trong quản lý môi trường - Hóa học môi trường - Độc chất học sinh thái.... Sau

khi tốt nghiệp sinh viên ngành này sẽ ***có khả năng*** phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề thuộc kinh tế tài nguyên môi trường ở các cấp khác nhau của nền kinh tế quốc dân...

Sinh viên các ngành Kinh tế sau khi ra trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Khoa học lâm nghiệp VN, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn; TT Nghiên cứu tài nguyên và môi trường...

+ Các Cục, Vụ: Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Cục Hợp tác và Phát triển nông thôn, Vụ Kế hoạch, Vụ Môi trường...

+ Các nông, lâm trường, Cty, T.Cty có hoạt động liên quan đến nông, lâm nghiệp: T.Cty Lâm nghiệp VN, T.Cty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Chăn nuôi VN, T.Cty Thủy sản VN, T.Cty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, T.Cty Rau quả, nông sản VN, T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, T.Cty Hóa chất VN...

+ Các phòng chức năng: Kỹ thuật nghiệp vụ, QL dự án cải thiện môi trường, Nông lâm nghiệp, Chăn nuôi, Trồng trọt... tại các Sở: Sở NN và Phát triển nông thôn, Sở Thủy sản ở các tỉnh; TP trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Kinh tế.

Ngành Tiếng Anh

Cũng giống như cử nhân ngành Tiếng Anh của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM), cử nhân ngành Tiếng Anh của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM cũng được cung cấp ***kiến thức chung*** dành cho sinh viên khối C và các ***kiến thức cơ bản*** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ Anh - Mỹ, cùng với những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***, bên cạnh đó sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn khác để ***bổ trợ kiến thức*** cho ngành... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này cũng ***có khả năng*** giảng dạy, nghiên cứu hoặc có khả năng biên dịch, phiên dịch cho các tổ chức khoa học kỹ thuật, kinh tế và xã hội...

1) Ngành Quản trị kinh doanh (gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh tổng hợp; Quản trị kinh doanh thương mại); 2) Ngành Kế toán

Sinh viên khi theo học các ngành có tên trên của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM cũng giống như sinh viên các chuyên ngành cùng tên của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM. Bên cạnh việc trang bị những ***kiến thức chung*** về khối Khoa học cơ bản thì nhà trường còn cung cấp cho sinh viên các ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành, để trên nền những kiến thức cơ sở đó sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... nhằm đào tạo cử nhân ***có khả năng*** tổ chức, điều hành các hoạt động có liên quan tới chuyên ngành, hình thành tư duy linh hoạt, nhạy bén với biến động thị trường, có khả năng giao tiếp quốc tế...

1) Ngành Cơ - Điện tử; 2) Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; 3) Ngành Công nghệ hóa học; 4) Ngành Công nghệ sinh học; 5) Ngành Quản lý môi trường; 6) Ngành Kỹ thuật môi trường

Chương trình đào tạo các ngành có tên trên của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM cũng tương tự như chương trình đào tạo các chuyên ngành cùng tên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM).... Sinh viên thi theo học các ngành này của trường không những chỉ có các ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học cơ bản, mà còn có những ***kiến thức cơ bản*** về ngành, cùng với khối ***kiến thức chuyên***

sâu của chuyên ngành... để khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng kỹ năng nghiệp vụ vào thực tế công tác trong lĩnh vực có liên quan tới chuyên ngành...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	900	13.811	1/15.3
2000	1.000	11.674	1/11.6
2001	1.600	38.615	1/24.1
2002	1.800	19.984	1/11.1
2003	1.960	37.031	1/18.8
2004	2.000	32.295	1/16.1
2005	2.700	43.903	1/16.2
2006	3.300	48.862	1/14.8

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành, chuyên ngành.

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Nông học B	10	12	10	17.5	15	19	16	18	16	-	17	-	15	-
Nuôi trồng thủy sản A	10	12	10	20	11.5	12.5	16	19	15	-	17	-	13	-
Nuôi trồng thủy sản B	10	12	10	19	15.5	16.5	19	22	17	-	18.5	-	15	-
Lâm nghiệp A	10	12	10	16.5	11	13	14	16	14	-	15	17	15	14.5
Lâm nghiệp B	10	12	10	15.5	15	16	15	17	16	-	16	17	15	16
Chế biến BQNS A	10	13	11.5	22	14	16	16	19	16	-	17	-	14	-
Kinh tế Nông lâm A	12	14.5	13.5	16.5	10	13.5	14	17	14	18.5	15	17	14	-
Quản lý đất đai	12	16	16.5	22.5	11	12.5	14	16	14	-	15	-	15	-
Thú y A (Bác sĩ TY)	10	13	11.5	21.5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Cơ khí nông lâm	12	15	12	20.5	10	11	14	15	14	16.5	15	16.5	14	15
Chăn nuôi B	10	12	10	15.5	15.5	20.5	16	18	15	20	17	18.5	15	15
Chăn nuôi A	-	-	10	16.5	11	16	14	16	14	-	16	18.5	13	14
CB Lâm sản	-	12.5	-	16.5	10	11	14	15	14	15	15	16	13	-
CK BQ&CB NSTP	-	-	12	19.5	10	11	14	15	14	16.5	15	17	14	15
Phát triển NT A	-	-	13	16.5	10	14	14	16	14	17	15	16.5	13	15
Kế toán A	-	-	-	16.5	10.5	14.5	14	17	14	-	16	-	13	-
Kế toán D1	-	-	-	16.5	15.5	16.5	17	20	15	-	16	-	15	-
Nông học A	-	-	-	18.5	11	13.5	14	17	14	-	16	-	13	-
CN sinh học A	-	-	-	24.5	13.5	15.5	17	20	17	-	20	-	15	-
Kỹ thuật MT A	-	-	-	21.5	13.5	16	16	19	16	-	18	-	14	-
Chế biến thủy sản A	-	-	-	20	11.5	15.5	16	19	16	-	17	-	13	-
Chế biến thủy sản B	-	-	-	19	18	-	18	21	19	-	17.5	-	16	-
Tiếng Anh	-	-	-	27	19	24	21	24	21	-	18.5	-	18	-
Tin học (CNTT)	-	-	-	17.5	10.5	11.5	15	18	15	18.5	17	-	14	17
Phát triển NT D1	-	-	-	-	13.5	15.5	14	16	14	17.5	15	16.5	13	15
Kinh tế Nông lâm D1	-	-	-	-	12	13.5	15	18	14	19	15	17	14	-

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Kỹ thuật NN A	-	-	-	-	10	14	14	17	14	-	15	19	13	14
SP Kỹ thuật NN B	-	-	-	-	12.5	16	16	19	15	-	16	19	15	16
CQ&KINH Tế hoa viên A	-	-	-	-	10.5	14	14	17	14	-	16	18	14	14
CQ&KINH Tế hoa viên B	-	-	-	-	12.5	15	15	18	17	-	16	18	15	16
QT kinh doanh A	-	-	-	-	10	13	14	17	14	-	15	-	13	-
QT kinh doanh D1	-	-	-	-	13.5	14.5	16	19	15	-	16	-	15	-
Bác sĩ thú y A	-	-	-	-	12.5	13.5	16	19	15	-	18	-	14	-
Bác sĩ thú y B	-	-	-	-	17.5	18.8	18	21	18	-	20	-	16	-
Chế biến BQNS B	-	-	-	-	19	20	19	22	20	-	20	-	14	-
Kỹ thuật MT B	-	-	-	-	18.5	21	18	21	19	-	19	-	15	-
CN sinh học B	-	-	-	-	19	22.5	20	23	21	-	23	-	18	-
CN giấy và bột giấy	-	-	-	-	-	-	-	-	14	16.5	15	16	13	15
Điều khiển tự động	-	-	-	-	-	-	-	-	14	17	15	18.5	14	15
Công nghệ nhiệt lạnh	-	-	-	-	-	-	-	-	14	17	15	18.5	14	16
Ngư y A	-	-	-	-	-	-	-	-	14	20	16	19.5	13	14
Ngư y B	-	-	-	-	-	-	-	-	15	20	16	19.5	15	16
Kinh tế TNMT A	-	-	-	-	-	-	-	-	14	18.5	15	18.5	14	-
Kinh tế TNMT B D1	-	-	-	-	-	-	-	-	14	19	16	18.5	14	-
Nông lâm kết hợp A/B	-	-	-	-	-	-	-	-	14/16	-	16	-	15	14/16
CN Hóa học A	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	20	-	15	-
CN Hóa học D	-	-	-	-	-	-	-	-	19	-	23	-	18	-
QL Thị trường BDS A	-	-	-	-	-	-	-	-	14	-	16	-	14	-
QL Thị trường BDS D	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	16	-	15	-
Quản lý TN rừng A/B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16	18/18.5	15	14/16
Công nghệ địa chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	14	16
Dược thú y A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	-	14	-
Dược thú y B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19	-	16	-
Bảo vệ thực vật A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16	-	13	-
Bảo vệ thực vật B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	-	15	-
BQCB&DD người A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17	-	14	-
BQCB&DD người B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	16	-
Quản trị KDTM A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-	14	-
Quản trị KDTM D	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16	-	15	-
Quản lý môi trường A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18	-	14	-
Quản lý môi trường B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	-	15	-
Cơ điện tử	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	17
Công nghệ kỹ thuật ô tô	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	17
SP Kỹ thuật CNN A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13	14
SP Kỹ thuật CNN B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	16
BQCBNS& VSTP A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14	-
BQCBNS& VSTP B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, D1.
- Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM xét điểm trúng tuyển theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Nếu bạn không đủ điểm vào hệ Đại học và có nguyện vọng bạn sẽ được trường gọi vào học hệ Cao đẳng.
- Riêng ngành Anh văn, môn Tiếng Anh trường lấy hệ số 2.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm tăng lên. trong khi đó số lượng thí sinh ĐKDT vào trường luôn luôn đông do đó tỉ lệ "chọi" của trường thuộc "top" cao so với những trường khác. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường từ năm 2002 đến nay nhìn chung không cao so với mặt bằng chung nhưng cũng có chiều hướng tăng, điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường ngày càng được nâng lên. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm chuẩn của trường cũng có một số ngành cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT nhưng không quá chênh lệch và tập trung vào những ngành như: Công nghệ sinh học, Công nghệ hóa học, những ngành này cũng lấy điểm trúng tuyển cao hơn những ngành khác do số lượng thí sinh ĐKDT vào các này đông, hơn nữa đây cũng là những ngành dễ xin được việc làm khi ra trường.

- Điểm trúng tuyển NV2 so với NV1 thường cao hơn và có sự chênh lệch: các năm 2004, 2005 điểm chuẩn NV2 cao hơn NV1 trung bình từ 1 - 5 điểm, nhưng đến năm 2006 mức chênh lệch đã giảm (chênh từ 0 - 3.0 điểm) (xem chi tiết bảng 2).

- Điểm chuẩn của một số ngành như: Nuôi trồng thủy sản; Nông học; Quản lý tài nguyên rừng... trong trường thường cao hơn so với điểm chuẩn những ngành cùng tên ở các trường khác như: ĐH Nông lâm (ĐH Huế), ĐH Cần Thơ... Tuy nhiên một số ngành như: Công nghệ sinh học; Công nghệ hóa học... thì lại lấy điểm trúng tuyển thấp hơn rất nhiều so với điểm chuẩn các ngành này của các trường: ĐHBK, ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM)... (Xem chi tiết tại bảng 2 của các trường).

- Từ những đặc điểm trên có thể thấy đây là cơ hội cho những bạn có học lực trung bình, trung bình khá nếu cố gắng và chọn trúng ngành có điểm trúng tuyển không cao sẽ trở thành sinh viên của trường, vì vậy thí sinh cần lưu ý khi chọn ngành ĐKDT.

- Dự kiến năm 2007 số lượng ĐKDT vào trường sẽ không có biến động lớn so với năm 2006.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM

Địa chỉ: 2 Nguyễn Tất Thành, Q. 4, Tp. HCM

Điện thoại: 8262208 - Fax: 8265291 - Website: <http://www.hcmulaw.edu.vn/>

- Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh được thành lập ngày 10/10/2000 là đơn vị có chức năng đào tạo cán bộ pháp luật cho các tỉnh phía Nam.
- Đội ngũ cán bộ của trường hiện có khoảng 123 Giảng viên trong đó có: 02 Phó Giáo sư, 16 Tiến sĩ, 45 Thạc sĩ...
- Hiện nay, trường đang đào tạo các bậc: Đại học, Sau đại học... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm, cử nhân chất lượng cao...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Luật thương mại; 2) Ngành Luật dân sự; 3) Ngành Luật hình sự; 4) Ngành Luật hành chính; 5) Ngành Luật quốc tế

Chương trình đào tạo cử nhân Luật của Trường ĐH Luật Tp. HCM sẽ cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Những vấn đề cơ bản về luật pháp - Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN - Xây dựng văn bản pháp luật..., và không những được trang bị các **kiến thức cơ bản dành cho khối ngành và ngành**: Tâm lý học - Lịch sử văn minh thế giới - Lý luận về Nhà nước - Lý luận về pháp luật... mà còn được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu của ngành**: Luật hành chính - Luật tổ tụng hành chính - Luật hợp đồng - Luật hôn nhân và gia đình - Pháp luật về thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ - Luật cạnh tranh - Luật phá sản và giải quyết tranh chấp - Luật ngân sách Nhà nước - Luật thuế - Luật đất đai - Luật thương mại quốc tế - Trách nhiệm hình sự và hình phạt - Tội phạm học - Tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động - Xung đột pháp luật - Các lĩnh vực cụ thể trong tư pháp quốc tế - Tổ tụng dân sự quốc tế và trọng tài quốc tế - Khái luận chung về luật quốc tế - Một số vấn đề cơ bản của luật quốc tế - Giải quyết tranh chấp quốc tế...

Đồng thời, tùy theo chuyên ngành sinh viên theo học mà nhà trường sẽ cung cấp những **kiến thức bổ trợ cho chuyên ngành** riêng như:

Ngành Luật thương mại: Pháp luật (PL) về khuyến khích đầu tư trong nước và đầu tư ra nước ngoài - PL về đầu tư xây dựng cơ bản - PL xuất nhập khẩu - PL kinh doanh chứng khoán - PL về kinh doanh bất động sản - PL kinh doanh bảo hiểm - PL về kiểm dịch, y tế - PL về bảo vệ môi trường trong một số lĩnh vực đặc biệt - PL về thị trường tiền tệ - Luật dân sự thương mại các nước ... để sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Luật thương mại **có khả năng** làm cán bộ tư vấn pháp luật, cán bộ kinh doanh trong các cơ quan kinh tế, các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài...

Ngành Luật dân sự: Quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ - Giao dịch dân sự về nhà ở - Đàm phán, soạn thảo, giao kết hợp đồng, giải quyết tranh chấp - Quyền nhân thân theo quy định pháp luật dân sự - Áp dụng luật lao động vào việc quản lý nhân sự trong doanh nghiệp - Giải quyết tranh chấp lao động - Thi hành án dân sự - Quan hệ lao động có yếu tố nước ngoài - Hợp đồng

bảo hiểm - Luật dân sự và thương mại các nước - Hoạt động chứng minh trong tố tụng dân sự - Một số vấn đề chuyên sâu về luật hôn nhân và gia đình ... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Luật dân sự...

Ngành Luật hình sự: Tâm thần học tư pháp - Tâm lý tư pháp - Lý luận định tội và quyết định hình phạt - Khoa học điều tra hình sự - Đấu tranh phòng chống tội phạm - Luật tố tụng hình sự chuyên sâu - Nghiệp vụ tòa án - Nghề luật sư và tư vấn pháp luật - Giám định pháp y.... Tốt nghiệp, Cử nhân ngành này **có khả năng** giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Luật Hình sự...

Ngành Luật hành chính: Lịch sử các học thuyết chính trị pháp lý - Luật hiến pháp nước ngoài - Pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương - Cơ chế giám sát và thực hiện quyền lực Nhà nước - Quyền con người, quyền công dân - Tổ chức và điều hành công sở - Pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo - Luật hành chính so sánh - Nhà nước và pháp luật trong thế giới hiện đại - Pháp luật về công chứng và luật sư... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** giải quyết các vấn đề liên quan đến ngành Luật hành chính...

Ngành Luật quốc tế: Luật các tổ chức quốc tế - Luật hàng không quốc tế - Luật hàng hải quốc tế - Luật biển quốc tế - Luật quốc tế về nhân quyền - Pháp luật giải quyết tranh chấp trong thương mại quốc tế - Đàm phán xây dựng hợp đồng thương mại quốc tế - Tập quán thương mại quốc tế và nghiệp vụ thanh toán quốc tế.... Ra trường, Cử nhân ngành Luật quốc tế **có khả năng** lựa chọn và vận dụng pháp luật của các quốc gia, đàm phán hợp đồng ngoại thương, giải quyết các tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài...

Sinh viên tốt nghiệp các ngành Luật của trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học xét xử, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Viện Khoa học pháp lý, Cục Trợ giúp pháp lý, Vụ Pháp luật dân sự, Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật...

+ Tòa án nhân dân, UBND, HĐND, Cơ quan điều tra thi hành án từ Trung ương đến địa phương.

+ Làm ở phòng Tư pháp tại các Sở Tư pháp, các Văn phòng tư vấn PL ở các tỉnh, TP trong cả nước.

+ Các phòng chức năng: Pháp chế, Thanh tra, Tư vấn... tại các cơ quan, doanh nghiệp, các tổ chức kinh doanh... có hoạt động liên quan đến ngành Luật kinh doanh.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Luật.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	1.000	17.896	1/17,8
2000	900	13.476	1/14,9
2001	900	11.924	1/13,2
2002	900	11.267	1/12,5
2003	900	14.948	1/16,6
2004	900	11.788	1/13,0
2005	900	11.470	1/12,7
2006	990	17.374	1/17,5

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	Khối	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005		2006	
						NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2
Luật Thương mại	A	20.5	16.5	20.5	16.5	12.5	13.5	15	17	17.5	19	-	20.0	-
	C	18	19.5	19	18.5	14.5	15.5	14	16	18	16.5	-	19.0	-
	D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.0	-
Luật Dân sự	A	20.5	16.5	18	14	12.5	13.5	15	17	15.5	17	20	17.5	19.5
	C	18	19.5	17	17	14.5	15.5	14	16	16	15	18.5	16.5	-
	D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	19.5
Luật Hình sự	A	20.5	16.5	18	14	12.5	13.5	15	17	15.5	17	20	17.5	19.5
	C	-	-	17	17	14.5	15.5	14	16	16	15	18.5	16.5	-
	D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	19.5
Luật Hành chính	A	20.5	16.5	18	14	12.5	13.5	15	17	15.5	17	20	17.5	19.5
	C	18	19.5	17	17	14.5	15.5	14	16	16	15	18.5	16.5	-
	D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.5	19.5
Luật Quốc tế	A	20.5	16.5	18	14	12.5	13.5	15	17	15.5	17	20	17.5	19.5
	C	18	19.5	17	17	14.5	15.5	14	16	16	15	18.5	16.5	-
	D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	19.5

Ghi chú: Năm 2004 trường không xét NV2.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Luật Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, C và D1.
- Trường ĐH Luật Tp.HCM xét điểm trúng tuyển theo khối thi và ngành thi nhưng khi trúng tuyển sẽ được học chung một chương trình đào tạo.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ năm 2000 đến năm 2005 luôn ở mức ổn định (900 chỉ tiêu) nhưng đến năm 2006 đã tăng lên 90 chỉ tiêu. Cùng với chỉ tiêu tăng là số lượng các thí sinh ĐKDT vào trường cũng tăng cao, đạt mức sắp xỉ bằng năm 1999 do đó tỉ lệ "chọi" của trường cao hơn hẳn so với những năm trước.
- Mặc dù từ năm 2002 đến nay điểm trúng tuyển vào trường không cao như những năm trước nhưng cũng đã tăng dần lên: Năm 2006 điểm trúng tuyển của trường đã cao hơn các năm (từ năm 2002 đến năm 2005); có thể thấy từ năm 2002 - 2005 duy chỉ có ngành Luật thương mại năm 2004, 2005 lấy điểm trúng tuyển cao hơn 17 điểm còn các ngành khác thì giao dịch từ 12.5 đến 17 điểm cho cả hai khối A, C, trong khi đó năm 2006 điểm thấp nhất cũng ở mức 16.5 điểm; đồng thời so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT thì điểm trúng tuyển của trường cũng cao hơn: khối A cao hơn 4.5 điểm, khối C cao hơn 2.5 điểm (điểm sàn của Bộ là: khối A: 13 điểm, khối C: 14 điểm). (Xem bảng 2).
- Điểm chuẩn giữa các ngành, các khối trong trường có sự chênh lệch tuy không lớn nhưng cũng là điểm mà các thí sinh nên lưu ý khi lựa chọn ngành, khối ĐKDT. Ví dụ: năm 2006 ngành có điểm chuẩn cao nhất vẫn là ngành Luật thương mại (khối A: 20 điểm, khối C và D1: 19.0 điểm), trong khi đó khối C: 16.5 điểm, khối D1 của các ngành khác: 17.5 điểm (xem bảng 2).
- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn so với NV1 và sự chênh lệch ngày càng tăng: năm 2002 điểm chuẩn NV2 chỉ cao hơn NV1 là 1 điểm nhưng từ năm sau năm 2002 thì mức chênh lệch này luôn xê dịch ít nhất cũng từ 2 - 3.5 điểm. (Xem bảng 2).
- Từ năm 2005 đến nay ngành Luật thương mại không xét tuyển NV2.
- Từ năm 2006 trường mới tuyển thêm khối D1 nhưng điểm chuẩn cũng khá cao so với các khối khác trong trường và so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Đây cũng là điểm mà các bạn thí sinh cần lưu ý khi ĐKDT vào trường.
- Từ những đặc điểm nêu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI (CƠ SỞ 2)

Cơ sở 2: Số 2 Trường Sa, Phường 17, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8400532 - Fax: 08.8400542 - Website: <http://www.swru.edu.vn/>

- Trường Đại học Thủy lợi (Cơ sở 2) chính thức được thành lập năm 1997 tại thành phố Hồ Chí Minh là trường đầu ngành trong cả nước đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực Thủy lợi - Thủy điện - Tài nguyên nước.
- Hiện nay trường có khoảng 354 cán bộ giảng dạy, trong đó có 2 Nhà giáo nhân dân, 58 Nhà giáo ưu tú, 10 Giáo sư, 42 Phó Giáo sư, 92 Tiến sĩ, 142 Thạc sĩ... Số cán bộ có trình độ từ Thạc sĩ trở lên là 234 người, chiếm 66,1% đội ngũ cán bộ.
- Trường có các cấp độ đào tạo: Cao đẳng, Đại học, Sau đại học và Trên đại học với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI (CƠ SỞ 2) ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Thủy văn môi trường (*Chuyên ngành Môi trường - Quản lý khu vực*)

Sinh viên khi học chuyên ngành Môi trường - Quản lý lưu vực sẽ được cung cấp không chỉ các **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa; Giải tích - Xác suất thống kê - Hình học - Vật lý - Hóa học... cùng khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Thủy văn môi trường: Địa lý thủy văn, hải dương học - Kỹ thuật môi trường - Cơ sở môi trường... mà còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Viễn thám và hệ thống thông tin địa lý - Phân tích tính toán thủy văn - Điều khiển hệ thống nguồn nước - Quy hoạch phát triển nguồn nước - Kỹ thuật môi trường - Quản lý chất lượng nước - Quản lý tổng hợp lưu vực sông - Quy hoạch và quản lý môi trường - Điều tra thủy văn và môi trường - Chính trị sông và bờ biển... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** phân tích, tính toán, dự báo thủy văn và môi trường, các dự án phát triển tài nguyên nước, quy hoạch và quản lý tổng hợp nguồn tài nguyên nước, quản lý lưu vực và bảo vệ môi trường, quy hoạch và thiết kế các công trình chỉnh trị sông và biển phòng chống thiên tai...

Ra trường, sinh viên học ngành Thủy văn môi trường có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Khoa học khí tượng thủy văn, các TT Dự báo khí tượng thủy văn, TT Quản lý - Điều tra tài nguyên nước, TT Công nghệ và Đánh giá tài nguyên nước...
- + Các phòng chức năng: Quản lý tài nguyên nước, Quản lý môi trường... trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường của 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.
- + Các Cty, đơn vị hoạt động trong lĩnh vực Thủy văn môi trường như: T.Cty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và Môi trường VN, Cty Vật tư khí tượng thủy văn...
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Thủy văn môi trường.

Ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng (*Chuyên ngành Cấp thoát nước*)

Sinh viên khi theo học ngành Kỹ thuật cơ sở hạ tầng sẽ được trang bị không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên của khối A giống như ngành Thủy văn môi trường, mà còn có các **kiến**

thức cơ bản và những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cấp nước - Thoát nước dân dụng và công nghiệp - Công trình xử lý nước cấp - Công trình xử lý nước thải - Hệ thống cấp thoát nước trong nhà - Công trình thu nước - Cấp nước và vệ sinh nông thôn - Thiết lập các dự án cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn.... Sau khi tốt nghiệp, Kỹ sư chuyên ngành Cấp thoát nước **có khả năng** quy hoạch, lập dự án, thiết kế, quản lý các hệ thống cấp thoát nước cho đô thị và nông thôn, quản lý chất lượng nước và vệ sinh môi trường...

Sinh viên học chuyên ngành Cấp thoát nước sau khi ra trường có thể công tác tại:

+ Các Viện: Viện Khí tượng Thủy văn, Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường...

+ Các TT: TT Công nghệ và Đánh giá tài nguyên nước, TT Quản lý cơ sở dữ liệu tài nguyên nước, TT Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, TT Nghiên cứu thủy nông cải tạo đất và Cấp thoát nước...

+ Các Cục, Vụ: Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đê điều, phòng chống lụt, bão; Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường...

+ T.Cty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và Môi trường VN và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Xây dựng Cấp thoát nước, Cty Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước, Cty Tư vấn Cấp thoát nước, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Môi trường VN xanh...

+ Các phòng chức năng: Quản lý Tài nguyên nước và Khoáng sản, Quản lý Môi trường... tại các Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên môi trường và Nha đất... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Cấp thoát nước.

Ngành Thủy nông - Cải tạo đất

Đào tạo kỹ sư ngành Thủy nông - Cải tạo đất nhằm cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học tự nhiên: Giải tích - Đại số và Hình giải tích - Hình họa - Vật lý đại cương - Hóa học đại cương - Cơ học cơ sở... đồng thời còn đào tạo khối **kiến thức cơ bản và chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thủy nông - Cấp thoát nước - Cải tạo đất - Viễn thám và Hệ thông tin địa lý - thủy văn đô thị - Khí hậu nông nghiệp... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên chuyên ngành này sẽ **có khả năng** quy hoạch, thiết kế, quản lý các hệ thống thủy nông, xử lý nước bẩn, cấp nước sinh hoạt và nước sản xuất cho thành phố, nông thôn, miền núi...

Kỹ sư ngành Thủy nông - Cải tạo đất có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp; TT Nghiên cứu thủy nông cải tạo đất và cấp thoát nước, các TT Nghiên cứu đất, phân bón và môi trường, TT Chuyển giao công nghệ quản lý nước và công trình thủy lợi...

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Quản lý ruộng đất; Cục Nông nghiệp, Cục Thủy lợi, Cục Quản lý đê điều, phòng chống lụt, bão...

+ T.Cty Chè VN, T.Cty Cao su VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc: Cty Giống cây trồng Trung ương, các Cty Giống cây trồng ở các tỉnh, Cty Giống lâm nghiệp Trung ương...

+ Các phòng chức năng: Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; Quản lý tài nguyên nước; Thủy lợi; Kỹ thuật... trực thuộc các Sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên

và Môi trường.... Các hợp tác xã khuyến nông (Tổ dịch vụ của các xã, thôn)... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Làm cán bộ giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng, Cao đẳng nghề, Trung cấp chuyên nghiệp, Trung cấp nghề có đào tạo của chuyên ngành Thủy nông - Cải tạo đất.

Ngành Công trình thủy lợi

Cũng giống như chương trình đào tạo chuyên ngành Thủy công đồng bằng của Trường ĐH Cần Thơ, chương trình đào tạo ngành Công trình thủy lợi của Trường ĐHTL (Cơ sở 2) cũng trang bị cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** về ngành mà còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi ra trường, Kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** tham gia thiết kế, lập các phương án thi công và trực tiếp tổ chức chỉ đạo thi công các công trình Thủy lợi - Thủy điện, các công trình trên sông và ven biển như: Đập, Cống, Trạm bơm, Tràn xả lũ...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2003	200	1.067	1/5.3
2004	280	622	1/2.2
2005	280	1.242	1/4.4
2006	280	722	1/3.2

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành (cơ sở 2).

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Thủy nông cải tạo đất	12.5	15	15	14.5	13	14	12	13	14	15	16	20.5	13	16
Công trình thủy lợi	12.5	18.5	18	18	15.5	16.5	15	16	15	-	20	-	14	-
Kỹ thuật cơ sở hạ tầng	-	-	-	-	-	-	12	13	14	-	16	21.5	13	18.5
Thủy văn - Môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-	14	15	16	20.5	13	16

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHTL (cơ sở 2) tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh theo khối A cũng giống như cơ sở 1.

- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường ba năm trở lại đây khá ổn định (280 chỉ tiêu). Tuy nhiên số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có năm nhiều, có năm ít hơn vì thế tỉ lệ "chọi" có năm cao, có năm thấp. Năm 2006 số thí sinh ĐKDT vào trường giảm nên tỉ lệ "chọi" đã thấp hơn so với năm 2005. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường năm 2006 giảm so với năm 2004, 2005, nhất là so với năm 2005: năm 2006 điểm trúng tuyển vào trường chỉ ở mức bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT, và giảm từ 2 - 6 điểm so với năm 2005. Đặc biệt ngành Công trình thủy lợi giảm những 6 điểm (20 - 14 điểm), các ngành còn lại cũng giảm tới 3 điểm (16 - 13 điểm). (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 bạn sẽ thấy điểm trúng tuyển NV2 luôn cao hơn NV1. Đặc biệt từ khi Bộ GD&ĐT áp dụng việc tính điểm sàn cho các trường Đại học, Cao đẳng trên toàn quốc (từ năm 2004) thì mức chênh lệch về điểm chuẩn giữa NV1 và NV2 ngày càng lớn: năm 2004 điểm chuẩn NV2 cao hơn NV1 là 1 điểm, năm 2005, 2006 mức chênh lệch cao nhất lên tới 5.5 điểm. Điều này lưu ý bạn khi không trúng tuyển NV1 mà nộp NV2 vào trường cần hết sức chú ý.

- So với các trường cùng khối tuyển sinh khác thì điểm trúng tuyển của Trường ĐHTL (Cơ sở 2) thuộc "tốp trung bình" (xem bảng 2). Điều này tạo thuận lợi cho các thí sinh khi dự thi vào trường, chỉ cần có lực học trung bình, trung bình khá nếu cố gắng có thể trở thành sinh viên của trường.

- Từ năm 2005 trường đã bắt đầu đào tạo thêm ngành học mới đó là Thủy văn môi trường, việc mở thêm ngành học mới cũng mở ra cơ hội lựa chọn ngành cho thí sinh ĐKDT, cũng như cơ hội vào trường.

- Trong bối cảnh đất nước đang tiến hành công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì các ngành mà Trường ĐHTL đào tạo phục vụ rất thiết thực cho xã hội và là những ngành xã hội có nhu cầu nhiều nhất, vì thế sinh viên các ngành này ra trường rất dễ tìm được việc làm.

- Qua những số liệu ở 2 bảng trên chúng tôi dự kiến sang năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng nhưng không nhiều.

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG TP.HỒ CHÍ MINH

Cơ sở 2: 11 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 8295258 - Fax : (08) 8295092 - Website: <http://www.ptithcm.edu.vn/>

- Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (HVCN BCVT) Tp.HCM được thành lập ngày 11/7/1997, là trường đào tạo đội ngũ cán bộ Khoa học - Công nghệ về lĩnh vực Bưu chính Viễn thông, Điện tử, Tin học và Quản trị kinh doanh.
- HVCN BCVT Tp.HCM là một trong hai cơ sở trực thuộc HVCN BCVT.
- Trường đào tạo các bậc: Trung cấp, Cao Đẳng, Đại học và trên Đại học...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Học viện hiện có khoảng 1064 người trong đó: trình độ trên đại học chiếm 16,35%; trình độ đại học chiếm 64,75% và trình độ khác 18,90%...

HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông

Đào tạo cử nhân ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A như: Toán chuyên ngành - Phương pháp tính - Xác suất thống kê - Vật lý... mà còn có **kiến thức cơ bản** về Điện tử - Viễn thông: Mạch - Trường điện từ - Nguồn điện - Cấu kiện điện tử, quang điện tử - Kiến trúc máy tính và hệ điều hành cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Kỹ thuật mạch điện tử - Kỹ thuật số - Đo lường điện tử viễn thông - Truyền sóng và Anten - Kỹ thuật siêu cao tần - Mạng viễn thông - Mạng ngoại vi và truy nhập - Kỹ thuật thông tin quang - Kỹ thuật chuyển mạch - Cơ sở kỹ thuật ghép kênh - Tổng đài điện tử số - Thông tin di động - Thông tin vệ tinh - Kỹ thuật truyền số liệu - Kinh tế bưu chính viễn thông.... Ngoài những môn học trên sinh viên cũng sẽ được học thêm các môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành**: Quản trị giao tác - Ngôn ngữ đặc tả hình thức - Quy hoạch mạng - Xử lý ảnh - Xử lý tiếng nói - Quản lý dự án - Cơ sở dữ liệu phân tán - Kỹ thuật phát thanh và truyền hình - Trắc phổ và đa truy nhập vô tuyến... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** quản lý và khai thác các hệ thống điện tử, viễn thông, thông tin, có khả năng tiếp nhận và phát triển các hệ thống này trong bưu chính viễn thông...

Ra trường, sinh viên ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ Viễn thông, Viện Ứng dụng công nghệ, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Điện tử - Kỹ thuật quân sự; Các TT thông tin, TT Viễn thông trên toàn quốc...

+ Các Cục, Vụ: Cục Tần số vô tuyến điện, Cục Ứng dụng CNTT, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Khoa học công nghệ...

+ T.Cty Viễn thông quân đội, T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN... và hàng loạt các đơn vị trực thuộc các T.Cty trên. Đồng thời có thể làm việc tại các Cty: Cty Điện tử viễn thông hàng hải, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty viễn thông liên tỉnh, quốc tế, các cơ quan an ninh, quốc phòng, hệ thống các đài phát thanh, truyền hình từ Trung ương đến địa phương...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông, Quản lý viễn thông... tại các Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông.

Ngành Công nghệ thông tin

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin được trang bị các **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên: Nhập môn Logic học - Phương pháp tính - Xác suất thống kê - Vật lý - Tâm lý học... và bước đầu đi vào chuyên ngành với các **kiến thức cơ bản**: Hệ điều hành - Cơ sở kỹ thuật truyền thông số liệu - Mạng viễn thông - Mạng máy tính - Cơ sở kỹ thuật điện, điện tử - Kiến trúc máy tính - Điều khiển tự động - Cơ sở kỹ thuật truyền thông số liệu - Cơ sở dữ liệu phân tán... đồng thời sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Xử lý tín hiệu số - Kỹ thuật số - Kỹ thuật lập trình C - Kỹ thuật vi xử lý - Kỹ thuật đồ họa - Kỹ thuật truyền dẫn - Kỹ thuật chuyển mạch - Công nghệ phần mềm - Các công nghệ truyền thông số liệu - Quản lý mạng số liệu - Lập trình hướng đối tượng - Trí tuệ nhân tạo - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu - Phân tích

thiết kế hệ thống thông tin - Hệ điều hành mạng và linux Ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức**: Lập trình mạng - Chương trình dịch - Ngôn ngữ đặc tả hình thức raise - Hệ chuyên gia - Mạng nơron - Logic mờ - Phân tích, thiết kế và cài đặt thông tin quản lý... để khi ra trường sinh viên **có được khả năng** phân tích thiết kế hệ thống, xây dựng, lập trình hệ thống thông tin, lập dự án xây dựng các phần mềm ứng dụng...

Sinh viên học ngành Công nghệ thông tin sau khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ thông tin, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; TT Thông tin khoa học và Công nghệ Quốc gia, TT Giao dịch công nghệ, các TT Thông tin trực thuộc các Bộ, Tổng cục...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin; Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Viễn thông, Vụ Khoa học công nghệ...

+ TD Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Điện tử và Tin học VN, T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN, T.Cty Hàng không VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty Viễn thông liên tỉnh, quốc tế...

+ Các phòng chức năng: Công nghệ thông tin, Bưu chính viễn thông, Quản lý công nghệ, Khoa học công nghệ - Hệ thống quản trị... trực thuộc các Sở như: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành CNTT

Ngành Quản trị kinh doanh Bưu chính viễn thông

Ngành Quản trị kinh doanh Bưu chính viễn thông (QTKD BCVT) không chỉ cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế: Xác suất thống kê - Giải - Kinh tế học vi mô - Kinh tế vĩ mô - Kinh tế học phát triển ... mà còn cung cấp cho sinh viên các **kiến thức cơ bản** về Quản trị kinh doanh: Marketing - Nguyên lý kế toán - Nguyên lý thống kê - Luật kinh tế - Lý thuyết (LT) Tài chính, tiền tệ - LT Hạch toán kế toán Ngoài ra sinh viên còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Quản trị (QT) học - QT chiến lược - QT nhân lực - QT tài chính - Thống kê doanh nghiệp - Quản lý Nhà nước về hoạt động BCVT - Kinh tế bưu điện - Định mức kinh tế kỹ thuật - Quy trình khai thác các dịch vụ BCVT - Quản lý chất lượng - Kế toán quản trị - Hệ thống thông tin quản lý - Tài chính, kế toán chuyên ngành BCVT.... Khi ra trường Cử nhân chuyên ngành này sẽ có khả năng phân tích, tổng hợp, đánh giá các vấn đề về tổ chức, kế hoạch, tài chính, kế toán, kiểm toán, tiếp thụ trong các doanh nghiệp bưu chính viễn thông...

Sau khi học xong ngành Quản trị kinh doanh Bưu chính viễn thông sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, TT Tư vấn Quản lý và Đào tạo...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các doanh nghiệp, Cty, T.Cty trên địa bàn toàn quốc: T.Cty Xây dựng, Tổng Cty Điện tử và Tin học VN, TD Dệt - May VN...

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh BCVT

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1998	200	15.381	1/76.9
1999	300	18.480	1/61.6
2000	300	11.802	1/39.3
2001	400	10.227	1/25.5
2002	400	4.459	1/11.1
2003	200	2.563	1/13.0
2004	250	1.454	1/5.8
2005	275	2.313	1/8.4
2006	200	1.474	1/7.4

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành (cơ sở 2).

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002			2003	2004	2005	2006
					NV1	NV2	NV3	NV1	NV1	NV1	NV1
Kỹ thuật ĐTVT	26.5	24	24.5	20.5	18	19	20	21	17	23.5	21
Công nghệ thông tin	26.5	24	22.5	21.5	17.5	18.5	19.5	20	17.5	22	20
Quản trị KD BCVT	26.5	24	22.5	18.5	15	16	17	17.5	18.5	21	17.5

Ngành	2002			2003		2004	2005	2006	
	NV1	NV2	NV3	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1	NV2
Kỹ thuật ĐTVT	18	19	20	21	24	17	23.5	21	22
Công nghệ thông tin	17.5	18.5	19.5	20	23	17.5	22	20	22
Quản trị KD BCVT	15	16	17	17.5	20.5	18.5	21	17.5	-

Ghi chú: Năm 2004, 2005 trường không xét tuyển NV2.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- HVCN BCVT tuyển sinh trong cả nước và chỉ tuyển sinh khối A.
- HVCN BCVT thường xét điểm trúng tuyển theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho HVCN BCVT năm 2006 thấp hơn năm 2004, 2005 (xem bảng 1).

- Số lượng thí sinh ĐKDT vào HVCN BCVT luôn biến động theo chỉ tiêu đào tạo, do đó tỉ lệ "chọi" cũng có sự thay đổi: năm cao, năm thấp. Tuy nhiên, có thể thấy tỉ lệ "chọi" của trường 3 năm gần đây thấp hơn những năm về trước, điều này chứng tỏ nhận thức của thí sinh ngày càng được nâng cao do điểm trúng tuyển vào trường luôn luôn cao. (Xem 2 bảng trên).

- Điểm trúng tuyển vào trường năm 2006 bằng năm 2003, cao hơn năm 2004 nhưng lại thấp hơn năm 2005 mặc dù mức chênh lệch không lớn. Điểm giữa các ngành cũng có sự thay đổi. Nhìn chung thì điểm chuẩn của ngành Kỹ thuật điện tử viễn thông vẫn cao hơn 2 ngành còn lại nhưng năm 2004 lại là ngành lấy điểm trúng tuyển thấp nhất. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy mặc dù điểm trúng tuyển của trường năm 2006 có giảm so với năm 2005 nhưng so với điểm chuẩn của các trường khác thì điểm chuẩn của trường vẫn thuộc top những trường có điểm chuẩn cao.

- Từ những đặc điểm trên lưu ý bạn khi ĐKDT vào trường, bạn phải có học lực khá trở lên mới có khả năng thi đỗ vào trường.

- Từ năm 2006 trường đào tạo thêm ngành học mới: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM

Cơ sở 1: 12 - Nguyễn Văn Bảo - P.4 - Q.Gò Vấp - Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 9851.932 / 8955.858 - Fax: (08) 8946.268 - Website: <http://www.hui.edu.vn/>

- Trường Đại học Công nghiệp (ĐHCN) Tp.HCM được thành lập ngày 24/12/2004 trên cơ sở trường Cao đẳng Công nghiệp IV, là cơ sở đào tạo đại học đa ngành, đa nghề, đa bậc học, đa cơ sở đào tạo.
- Trường ĐHCN Tp.HCM có chức năng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ đại học kỹ thuật - kinh tế công nghiệp.
- Hiện nay Trường ĐHCN Tp.HCM đang đào tạo các hệ: Đại học, Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, Trung cấp, Công nhân kỹ thuật và đang thực hiện mô hình đào tạo Đại học du học tại chỗ...
- Trường hiện có khoảng 1.200 Giảng viên trong đó có: 12 Giáo sư và Phó Giáo sư, 95 Tiến sĩ và Nghiên cứu sinh, 465 Thạc sĩ và Cao học, đội ngũ giảng viên thỉnh giảng bao gồm những người có học hàm, học vị cao, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy tại các cơ sở đào tạo nổi tiếng, thường xuyên cộng tác với nhà trường...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Công nghệ may thời trang

Ngành Công nghệ may thời trang cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Giải tích - Vật lý - Hóa học - Nhập môn Tin học - Quy hoạch tuyến tính - Môi trường và con người..., bên cạnh **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Điều khiển tự động - Vẽ mỹ thuật trang phục - Vật liệu dệt may - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Giao tiếp trong kinh doanh - Thiết bị may công nghiệp và bảo trì - Cơ sở thiết kế trang phục - An toàn lao động trong công nghiệp và môi trường... đồng thời sinh viên sẽ được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Công nghệ may thời trang: Công nghệ may trang phục - Thiết kế trang phục - Thiết kế mặt bằng xi

ngành may - Quản lý chất lượng trang phục - Tổ chức và quản lý sản xuất may công nghiệp - Quản trị thương hiệu sản phẩm - Đồ án công nghệ may trang phục - Đồ án thiết kế trang phục... ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn hàng loạt các môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Mỹ thuật trang phục - Mỹ thuật công nghiệp - Quản trị nguồn nhân lực - Nhiếp ảnh - Thêu may - Quản lý xuất nhập khẩu ... để khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** thiết kế mẫu, chỉ đạo kỹ thuật, chuẩn bị sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và điều hành sản xuất trong công nghiệp may mặc - thời trang...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ may thời trang sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Mẫu thời trang VN (FADIN), Viện Kinh tế - Kỹ thuật dệt may; TT Y tế dệt may...

+ TD Dệt May VN, T.Cty Da - Giày VN, T.Cty Dầu tắm tơ VN... và hàng trăm các Cty, doanh nghiệp trực thuộc: Cty Sản xuất - Xuất nhập khẩu dệt may, Cty Kinh doanh hàng thời trang VN, Cty Giày thời trang VN, Nhà máy Dệt lụa, Xi nghiệp May xuất khẩu lụa tơ tằm, Cty Giày VN...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Công nghệ may thời trang.

1) Ngành Công nghệ kỹ thuật cơ khí; 2) Ngành Công nghệ kỹ thuật điện; 3) Ngành Công nghệ nhiệt - lạnh; 4) Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô; 5) Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử; 6) Ngành Công nghệ hóa học; 7) Ngành Công nghệ thực phẩm; 8) Ngành Điện tử (*Chuyên ngành Điều khiển tự động; Chuyên ngành Điện tử viễn thông*)

Sinh viên học một trong các ngành có tên trên của Trường ĐHCN Tp.HCM được đào tạo không chỉ có khối **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, mà còn có những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành**... cũng giống như sinh viên học các ngành này của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM)... ngoài ra tùy theo ngành và chuyên ngành mà nhà trường sẽ tạo điều kiện cho sinh viên được học thêm những môn học **bổ trợ kiến thức cho ngành** một cách phù hợp... để khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên **có khả năng** ứng dụng kỹ năng nghiệp vụ chuyên ngành vào công tác thực tiễn...

Ngành Công nghệ môi trường

Khi theo học ngành Công nghệ môi trường ở Trường ĐHCN Tp.HCM sinh viên sẽ được học khối **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành**... tương tự như khối kiến thức mà sinh viên chuyên ngành cùng tên của Trường ĐH SPKT Tp.HCM được cung cấp. Tốt nghiệp, sinh viên ngành Công nghệ môi trường **có khả năng** phân tích đánh giá hiện trạng môi trường và các vùng lãnh thổ, kỹ năng đo đạc và phân tích các thông số môi trường, có khả năng giảng dạy, nghiên cứu theo chuyên ngành...

1) Ngành Kế toán; 2) Ngành Quản trị kinh doanh; 3) Ngành Kinh doanh quốc tế; 4) Ngành Tiếng Anh

Cũng giống như sinh viên khi theo học 4 ngành cùng tên trên của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, sinh viên của Trường ĐHCN Tp.HCM khi học một trong những ngành này sẽ được trang bị ngoài những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, là những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, không những thế sinh viên còn được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** mà mình lựa chọn, cộng với một số **kiến thức bổ trợ** cho ngành... để khi học xong cử nhân các ngành này **có khả năng**

tác nghiệp tại các cơ quan, ban ngành có hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành, có tư duy Logic và tác phong làm việc khoa học...

Ngành Khoa học máy tính

Chương trình đào tạo ngành Khoa học máy tính của Trường ĐHCN Tp.HCM cũng tương tự chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM).... Sinh viên không chỉ được học các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như các ngành khác mà còn được cung cấp những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cùng các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Khoa học máy tính, ngoài ra cũng được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành...** để sau khi ra trường, Kỹ sư ngành Khoa học máy tính **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng Khoa học máy tính vào thực tiễn công tác...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ chọi
2005	1.000	33.076	1/33.0
2006	1.200	30.354	1/25.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Tên ngành	2005		2006		
	NV1	NV2	NV1	NV2	
				Khối A/D1	Khối B
Quản trị kinh doanh	18	20	16.0	19	20
Kế toán	18	21	16.0	19.5	20.5
Công nghệ hóa học	20	20.5	17.0	21.5	22.5
Công nghệ môi trường	18	-	16.0	19	20
Công nghệ kỹ thuật điện	18.5	21	17.0	18	-
Công nghệ kỹ thuật cơ khí	19.5	22	17.5	19	-
Công nghệ nhiệt lạnh	17	20	16.0	16	-
Khoa học máy tính	19	20	16.0	20	-
Công nghệ may	17	18.5	15.0	15	-
Công nghệ kỹ thuật ô tô	19	-	17.5	20	-
Công nghệ kỹ thuật điện tử	20.5	-	18.5	-	-
Công nghệ thực phẩm	21	-	17.5	-	-
Anh văn	19.5 ⁽¹⁾	21 ⁽²⁾	17.0 ⁽³⁾	-	-

Ghi chú: - (1*) - Môn Anh văn hệ số 2; (3*) - Môn Anh văn không nhân hệ số.

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐHCN Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A, D1.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành mà thí sinh đã ĐKDT.
- Hệ Cao đẳng chính qui không thi tuyển mà lấy kết quả thi Đại học của những thí sinh đã thi các khối A, D1 vào các trường Đại học trong cả nước theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển trên cơ sở hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh.

2. Một số lưu ý:

- Chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho trường năm 2006 tăng lên so với năm 2005, nhưng số lượng thí sinh ĐKDT lại giảm, nên tỉ lệ "chọi" của trường giảm đáng kể tuy nhiên so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này rất cao (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của trường năm 2006 cũng giảm so với năm 2005 song vẫn cao hơn so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT từ 3 - 4,5 điểm. (Xem bảng 2).

- Điểm chuẩn 1 số ngành của trường tuy không cao bằng so với điểm chuẩn các ngành cùng tên ở Trường ĐHBK, ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM) nhưng so với mặt bằng chung ở khu vực phía Nam thì mức điểm này cũng khá cao. (Xem bảng 2).

- Điểm chuẩn NV2 của trường thường lấy cao hơn NV1. Năm 2006 ngoài ngành Công nghệ may (A) và ngành Công nghệ nhiệt lạnh (A) là lấy điểm chuẩn NV2 bằng NV1, các ngành còn lại thì điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 từ 1 - 3,5 điểm (A). Điểm đặc biệt trong năm 2006 là trường xét tuyển NV2 với cả khối B. Điểm chuẩn khối B nhìn chung cao hơn khối A/D1 vì không có ngành nào lấy dưới 20 điểm. (Xem bảng 2).

- Từ những đặc điểm nêu trên các bạn cần xem xét, so sánh với các ngành của các trường khác để có quyết định đúng hợp lý.

- Dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có biến động nhưng không đáng kể.

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA (CƠ SỞ 2)

Địa chỉ: Số 10, đường 3 tháng 2, Q.10, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 8653383

- Học viện Hành chính Quốc gia (HVHCQG) là cơ quan trực thuộc Chính phủ, là TT đào tạo bồi dưỡng công chức hành chính Nhà nước và nghiên cứu khoa học hành chính Nhà nước.
- Trường HVHCQG có các cấp đào tạo: Đại học, Sau đại học... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của Học viện gồm 163 người, trong đó có 15 Giáo sư, Phó giáo sư, 67 Thạc sĩ, 2 Nhà giáo nhân dân, 7 Nhà giáo ưu tú.

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA ĐÀO TẠO NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Hành chính học

Chương trình đào tạo ngành Hành chính học bao gồm những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Quản lý học - Logic học - Tâm lý học - Xã hội học - Kinh tế học vĩ mô - Tin học - Tiếng Việt thực hành - Toán cao cấp... cùng các nhóm **kiến thức chuyên ngành** về:

+ **Nhà nước và pháp luật:** Lý luận về Nhà nước và pháp luật - Luật hiến pháp và tổ chức bộ máy Nhà nước - Luật hành chính và tài phán hành chính - Luật dân sự - Luật đất đai - Luật quốc tế...

+ **Hành chính Nhà nước:** Hành chính công và Quản lý công - Lịch sử hành chính VN - Quản lý và phát triển tổ chức hành chính Nhà nước - Tổ chức nhân sự hành chính Nhà nước - Hoạch định và phân tích chính sách công - Tâm lý học quản lý...

+ **Văn bản và Công nghệ hành chính:** Kỹ thuật xây dựng và ban hành văn bản - Kỹ thuật tổ chức công sở - Hành chính văn phòng trong cơ quan Nhà nước - Thủ tục hành chính - Ứng dụng tin học trong hành chính...

+ **Quản lý Nhà nước về Kinh tế:** Chiến lược phát triển kinh tế xã hội - Quản lý Nhà nước (QLNN) về kinh tế - Tài chính công (Ngân sách, Kiểm toán, Kế toán, Chứng khoán, Tài chính tiền tệ...) - QLNN về đô thị - QLNN về nông nghiệp và phát triển nông thôn...

+ **Quản lý Nhà nước về Văn xã - Nội chính:** QLNN về văn hoá - xã hội (Y tế, Giáo dục) - QLNN về khoa học công nghệ, tài nguyên và môi trường - Quản lý nguồn nhân lực xã hội - QLNN về an ninh, quốc phòng - QLNN về dân tộc, tôn giáo - Tổ chức phi chính phủ...

Tốt nghiệp, Cử nhân chuyên ngành Hành chính học ***có khả năng*** tham mưu, tư vấn về hành chính cho các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức kinh tế - xã hội, đồng thời cũng có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học hành chính...

Sau khi tốt nghiệp ngành hành chính học sinh viên được bố trí làm việc tại:

+ Các TT: TT Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý, TT lưu trữ Quốc gia, TT Thông tin lưu trữ tư liệu từ Trung ương đến địa phương, TT Tu bổ, phục chế tài liệu lưu trữ...

+ Các Cục: Cục Hành chính quản trị, Cục Quản lý văn bản, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước, Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, Cục Quản trị Văn phòng Quốc hội...

+ Làm công tác văn phòng tại các cơ quan, tổ chức xã hội, các đơn vị sản xuất kinh doanh từ Trung ương đến địa phương: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, T.Cty Du lịch VN, T.Cty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp, T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Vật tư xây dựng cấp thoát nước và môi trường VN... và các đơn vị thành viên.

+ Các phòng chức năng: Quản lý Sở, Ngành, Đào tạo bồi dưỡng cán bộ công chức Nhà nước, Xây dựng chính quyền... tại Sở Nội vụ và các phòng, ban: Tổ chức hành chính, Hành chính quản trị, Văn phòng... tại tất cả các Sở ở 64 tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Hành chính học, ngành Lưu trữ học và ngành Văn thư lưu trữ.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	350	8.182	1/23.3
2001	800	8.137	1/10.1
2002	200	2.496	1/12.5
2003	250	2.591	1/10.0
2004	350	2.904	1/9.6
2005	400	3.137	1/7.8
2006	450	4.897	1/10.8

(Ghi chú: Chỉ tiêu từ năm 200 - 2001 là tính chung cho cả trường bao gồm cả phía Bắc và phía Nam - Từ năm 2002 chỉ tiêu của trường được phân chia cho từng cơ sở).

Bảng 2. Điểm chuẩn vào trường.

Khối	2001	2002		2003		2004	2005	2006
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
A	25.5	19	20	16	18	17	19	16
C	23	20	21	16.5	18.5	18.5	15	17.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- HVHCQG tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, C.
- Điểm trúng tuyển của HVHCQG được xét theo khối thi.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Học viện tăng dần lên qua các năm (Xem bảng 1).
- Số lượng các thí sinh ĐKDT vào Học viện cũng tăng dần lên nhưng không nhiều do đó tỉ lệ "chọi" của trường có năm cao, có năm thấp: từ năm 2002 - 2005 giảm dần, đến năm 2006 lại tăng lên và ở mức khá cao. (Xem bảng 1).
- Điểm chuẩn vào Học viện hàng năm thay đổi từ năm 2002 đến nay thì cứ năm trước thấp thì năm sau cao và có sự chênh lệch giữa các khối, giữa các miền (xem bảng 2).
- Từ năm 2004 đến nay trường tuyển 100% NV1.
- Học viện là trường duy nhất đào tạo Cử nhân hành chính, vì vậy nếu bạn muốn trở thành cử nhân hành chính thì bạn sẽ phải nỗ lực rất nhiều.
- Từ những số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào Học viện có xu hướng giảm.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 51 Quốc Hương, P.Thảo Điền, Q.2, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 8992901

- Trường Đại học Văn hóa (ĐHVH) Tp.HCM được thành lập ngày 23/6/2005 trên cơ sở trường Cao đẳng Văn hóa Tp.Hồ Chí Minh.
- Trường ĐHVH Tp.HCM tuyển sinh từ tỉnh Quảng Trị trở vào và tuyển sinh các khối: C, D1.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành mà thí sinh ĐKDT.
- Thí sinh vào ngành Văn hóa du lịch không bị khuyết tật, nam cao 1.65m, nữ cao 1.55 m trở lên.
- Hệ Cao đẳng không tổ chức thi tuyển mà xét tuyển từ kết quả thi đại học của những thí sinh dự thi vào các ngành của trường không trúng tuyển.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Phát hành xuất bản phẩm

Sinh viên học ngành Phát hành sách được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Đại cương kinh doanh xuất bản phẩm - Lịch sử phát hành sách VN - Tài chính doanh nghiệp phát hành xuất bản phẩm - Kế toán doanh nghiệp phát hành xuất bản phẩm... để **có thể** nghiên cứu lý luận và tham gia trực tiếp các hoạt động thực tiễn kinh doanh xuất bản phẩm.

Sinh viên học ngành Phát hành xuất bản phẩm sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

- + Cục Xuất bản...
- + Các Cty, T.Cty sản xuất kinh doanh phát hành sách báo; Các Cty xuất nhập khẩu sách báo, các nhà xuất bản... trên địa bàn toàn quốc
- + Giảng dạy trong các trường ĐH, CĐ, CĐ nghề, THCN, TH nghề có đào tạo ngành Phát hành xuất bản phẩm.

Ngành Bảo tàng

Đào tạo cử nhân ngành Bảo tàng không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, mà còn có các **kiến thức cơ bản** về ngành. Ngoài ra sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lịch sử sự nghiệp bảo tồn bảo tàng VN từ 1945 đến nay - Quản lý bảo tàng - Một số vấn đề về sưu tập hiện vật bảo tàng - Nghiên cứu nguồn sử liệu hiện vật bảo tàng... để sau khi ra trường **có thể** làm hướng dẫn viên trong các bảo tàng.

Cử nhân ngành Bảo tàng có thể làm việc tại:

- + Hệ thống các bảo tàng từ trung ương đến địa phương: Bảo tàng Cách mạng, Bảo tàng Dân tộc học, bảo tàng Lịch sử, các Bảo tàng trực thuộc tỉnh...

+ Làm ở Phòng Truyền thống, Ban Lịch sử tại các cơ quan văn hóa - thông tin; các báo, đài phát thanh, truyền hình...

+ Giảng dạy và công tác trong các trường ĐH, CĐ, CĐ nghề, THCN, Trung học nghề có đào tạo ngành Bảo tàng.

Ngành Văn hóa du lịch

Ngành Văn hóa du lịch trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời ngành còn cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Tổng quan du lịch - Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch - Du lịch di tích lịch sử văn hóa - Lễ hội VN trong sự phát triển du lịch - Du lịch và Kinh doanh du lịch... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có thể** làm hướng dẫn viên du lịch, nghiên cứu phát triển du lịch...

Ngành Quản lý văn hóa

Khi học ngành Quản lý văn hóa sinh viên sẽ được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về đường lối chính sách, chủ trương của Đảng và Nhà nước về văn hóa, văn nghệ và những quy phạm quản lý các hoạt động văn hóa như: Luật sử quản lý văn hóa ở VN - Những bài giảng về văn hóa - Văn hóa học - Xã hội học văn hóa.... Sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** quản lý các loại văn hóa phẩm, các hoạt động văn hóa...

Sinh viên học các ngành Văn hóa du lịch, Quản lý văn hóa sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Viện Văn hóa thông tin...

+ Tổng cục Du lịch và các cơ quan trực thuộc, các cơ sở kinh doanh du lịch: T.Cty Du lịch VN, Cty Du lịch xuyên Việt, các Cty Du lịch lữ hành, Cty Du lịch và Xúc tiến đầu tư, Cty Du lịch dịch vụ đầu khí VN...

+ Làm công tác phong trào quần chúng về văn hóa văn nghệ tại các nhà văn hóa, quản lý câu lạc bộ văn hóa văn nghệ từ cơ sở đến trung ương.

+ Các phòng chức năng: Quản lý văn hóa, Nghiên cứu văn hóa, Văn hóa cơ sở... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và công tác trong các trường ĐH, CĐ, CĐ nghề, THCN, TH nghề có đào tạo ngành Văn hóa du lịch, Văn hóa quần chúng, Quản lý văn hóa.

Ngành Thông tin - Thư viện

Sinh viên học ngành Thông tin - Thư viện được cung cấp các **kiến thức chung**, **kiến thức cơ bản kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên ngành này tại trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM)... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** tổ chức, quản lý hoạt động của các thư viện từ trung ương đến địa phương.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT TP.HCM

Địa chỉ: 5 Phan Đăng Lưu, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8416010 - Website: <http://www.hcmufa.edu.vn/>

- Tiến thân của trường Đại học Mỹ thuật (ĐHMT) thành phố Hồ Chí Minh là "Trường vẽ Gia Định" được thành lập năm 1913, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ mỹ thuật, họa sĩ, nhà sư phạm mỹ thuật, nhà lý luận mỹ thuật, nhà quản lý và nghiên cứu khoa học mỹ thuật nắm vững kiến thức về mỹ thuật, có khả năng sáng tác, nghiên cứu và giảng dạy...
- Trường ĐHMT đào tạo các hệ Đại học, sau Đại học và hệ Trung học...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường có năng lực chuyên môn cao, có trình độ từ Đại học, Trên đại học với nhiều Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỸ THUẬT TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Đồ họa

Ngành Đồ họa đào tạo cho sinh viên khi theo học có **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và **kiến thức cơ bản** về ngành Mỹ thuật: Đường lối văn hóa, văn nghệ của Đảng - Hình họa - Văn học - Trang trí ... để trên nền những kiến thức cơ sở đó ngành Đồ họa sẽ trang bị để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Giới thiệu về chuyên khoa Đồ họa tạo hình - Sáng tác tranh cổ động theo chủ đề - Bố cục tĩnh vật và kỹ thuật in kẽm - Bố cục phong cảnh và kỹ thuật in đá - Bố cục phong cảnh và kỹ thuật tranh khắc gỗ - Nghiên cứu chân dung tự họa và kỹ thuật in đá - Bố cục chủ đề và kỹ thuật tranh in lưới - Bố cục chủ đề và kỹ thuật tranh khắc gỗ - Bố cục chủ đề và kỹ thuật tranh in đá ... để khi ra trường sinh viên ngành này sẽ trở thành những họa sĩ **có khả năng** thiết kế về đồ họa ứng dụng trên các lĩnh vực đồ họa in ấn, thiết kế bao bì, nhãn hiệu, biểu trưng, tranh khắc gỗ, đồ họa quảng cáo cho sản phẩm công thương nghiệp...

Ngành Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật

Sinh viên khi theo học ngành Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật sẽ được trang bị ngoài các **kiến thức chung** và **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Mỹ thuật giống như ngành Đồ họa thì còn được học **kiến thức cơ bản** về Lý luận và Lịch sử Mỹ thuật: Điều khắc - Lịch sử Thế giới - Lịch sử VN - Lịch sử văn học Thế giới - Lịch sử văn học VN - Lý luận văn học - Khảo cổ - Bảo tồn và Trưng tu di tích - Văn hóa học - Hán nôm - Phương pháp nghiên cứu, thực tế về Mỹ thuật.... Không những thế ngành còn cung cấp để sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lịch sử Mỹ thuật VN - Lịch sử Mỹ thuật Thế giới - Mỹ thuật học - Lịch sử tư tưởng thẩm mỹ - Lý luận và phê bình Mỹ thuật - Tâm lý học sáng tạo nghệ thuật và xã hội nghệ thuật... ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được học một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Lịch sử kiến trúc Thế giới và VN (TG&VN) - Lịch sử âm nhạc TG&VN - Lịch sử sân khấu TG&VN - Lịch sử điện ảnh TG&VN - Nghệ thuật múa - Công tác sư phạm.... Tốt nghiệp, Cử nhân ngành này **có khả năng** nghiên cứu, phê bình, tổ chức các hoạt động và giảng dạy trong những lĩnh vực có liên quan đến Mỹ thuật...

Ngành Hội họa (gồm các chuyên ngành: 1) Chuyên ngành Sơn mài; 2) Chuyên ngành Sơn dầu; 3) Chuyên ngành Lụa)

Chương trình đào tạo ngành Hội họa nhằm cung cấp cho sinh viên không chỉ **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội, cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành Mỹ thuật giống như sinh viên ngành Đồ họa, mà ngoài ra ngành còn tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: về Sơn mài; về Sơn dầu và về Lụa.... Bên cạnh đó sinh viên sẽ được nghiên cứu và thể nghiệm chất liệu theo quy trình thực hiện các bài tập sáng tác như: tranh tĩnh vật, tranh phong cảnh, bố cục và thể hiện một tác phẩm bằng chính chất liệu mà sinh viên đã chọn theo chuyên ngành... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** sáng tác những tác phẩm nghệ thuật bằng các chất liệu như sơn dầu, sơn mài, lụa, giấy..., **có phương pháp** sáng tạo phong phú theo đường lối đúng đắn và có sự hiểu biết chắc chắn về kỹ thuật và sử dụng các chất liệu, có khả năng giảng dạy.

Ngành Điêu khắc

Cử nhân ngành Điêu khắc được trang bị bên cạnh **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, là những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Mỹ thuật giống như sinh viên ngành Đồ họa, đồng thời khi theo học ngành này sinh viên sẽ được học **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về: kỹ năng sáng tác, nghiên cứu và giảng dạy, tổ chức phong trào mỹ thuật ở cơ sở, có trình độ chuyên môn cao, chắc chắn về kỹ thuật sử dụng chất liệu... để sau khi học xong sinh viên ngành này **có khả năng** nghiên cứu chuyên sâu, có phương pháp sáng tác lành mạnh, **có khả năng** sáng tác, thể hiện tác phẩm từ chân dung, tượng trang trí công viên, tượng đài phục vụ nhân dân và xã hội, những công trình cấp quốc gia...

Ngành Sư phạm Mỹ thuật

Trên nền những **kiến thức chung và kiến thức cơ bản** về Khoa học Nhân văn và Mỹ thuật được trang bị giống như sinh viên các ngành khác thì sinh viên ngành Sư phạm Mỹ thuật còn đi vào tìm hiểu các môn học thuộc khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Giải phẫu tạo hình - Luật xa gần - Mỹ thuật học - Trang trí cơ bản - Trang trí ứng dụng ... và các **kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm**: Tâm lý học đại cương - Tâm lý học lứa tuổi - Tâm lý học sư phạm - Giáo dục học - Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên - Kỹ năng chấm bài - Phương pháp giảng dạy Mỹ thuật - Cách quản lý giờ học - Lý luận chung về phương pháp dạy học Mỹ thuật... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** sáng tác, thẩm định và giảng dạy trong lĩnh vực có liên quan tới chuyên ngành...

Ngành Mỹ thuật ứng dụng

Ngành Mỹ thuật ứng dụng đào tạo cho sinh viên ngoài **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** về ngành Mỹ thuật cũng giống như ngành Đồ họa, thì ngành Mỹ thuật ứng dụng còn trang bị cho sinh viên những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Mỹ thuật ứng dụng: Lịch sử Mỹ thuật VN - Lịch sử Mỹ thuật thế giới - Triết học ... để trên nền các kiến thức cơ sở đó ngành sẽ đào tạo để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về Nghệ thuật thiết kế trên các lĩnh vực thiết kế về: biểu tượng, danh thiếp, bao thư, lịch, Poster, Catalog, thiết kế bao bì, biết thiết kế trang Web, , thể hiện ý tưởng, kỹ thuật xuất các dữ liệu đồ họa.... Ra trường, sinh viên ngành Mỹ thuật ứng dụng sẽ **có khả năng** thiết kế 2 chiều, có khả năng tư duy thị giác, phát triển ý tưởng, sử dụng ngôn ngữ thị giác, các yếu tố thị giác, trên cơ sở am hiểu các nguyên lý thị giác để thực hành sáng tạo các sản phẩm về đồ họa ứng dụng truyền thông hai chiều...

Sinh viên học các ngành của trường Mỹ thuật sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Viện Âm nhạc
- + Các cơ sở mỹ thuật thuộc mọi thành phần kinh tế.
- + Các cơ quan quản lý mỹ thuật.
- + Giảng dạy và công tác tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành về Mỹ thuật.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1999	75	570	1/7.6
2000	90	769	1/8.5
2001	85	473	1/5.5
2002	85	682	1/8.0
2003	85	717	1/8.4
2004	105	653	1/6.2
2005	110	63	1/0.5
2006	110	-	-

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào một số ngành trong trường

Ngành	1999	2003	2004	2005	2006
Hội họa	23	29.5	28.5	31.5	30.5
Điêu khắc	22.5	31.5	26.5	26	27.0
Sư phạm Mỹ thuật	23.5	29.5	31	32.5	31.0
Đồ họa	-	-	28.5	31.5	27.5
Mỹ thuật ứng dụng	-	-	-	-	28.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường Đại học Mỹ thuật Tp.HCM tuyển sinh từ Thừa Thiên Huế trở vào và tuyển sinh khối H. Thí sinh phải qua sơ tuyển.

- Hồ sơ ĐKDT nộp trực tiếp cho phòng Đào tạo trường hoặc cho Sở Giáo dục và Đào tạo địa phương (trường không nhận hồ sơ qua đường Bưu điện).

- Các môn thi: Hình họa, Tượng tròn điểm nhân hệ số 2, các môn còn lại lấy hệ số 1.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH Mỹ thuật Tp.HCM không ổn định nhưng mấy năm gần đây có xu hướng tăng lên trong khi số lượng thí sinh ĐKDT vào trường cũng biến động không theo một quy luật nhất định nào. Đặc biệt năm 2005 số thí sinh ĐKDT không đủ so với chỉ tiêu mà trường đưa ra. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường tăng dần qua các năm, điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào ngày càng nâng lên. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 bạn cũng có thể thấy năm 2005 mặc dù số lượng ĐKDT không đủ so với chỉ tiêu song điểm trúng tuyển lại hầu như cao hơn hẳn các năm khác. (Xem bảng 2).

- Từ những đặc điểm trên lưu ý bạn khi thi vào trường không nên chủ quan nhìn vào số lượng thí sinh ĐKDT mà đánh giá chất lượng đầu vào vì đây là trường thuộc diện thi năng khiếu.

NHẠC VIỆN TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 112 Nguyễn Du, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8298646

NHẠC VIỆN TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Âm nhạc dân tộc; 2) Ngành Đàn dây; 3) Ngành Piano; 4) Ngành Kèn - Gỗ; 5) Ngành Guitare - Accordeon;

Ngành Thanh nhạc

Đào tạo ca sĩ chuyên nghiệp có trình độ Đại học, có khả năng thể hiện các bài hát thuộc các loại hình, thể loại khác nhau. Sinh viên tốt nghiệp có thể làm diễn viên, ca sĩ ở các đoàn nghệ thuật chuyên nghiệp, các TT văn hóa, làm giáo viên thanh nhạc ở các trường Văn hóa Nghệ thuật...

Ngành Sáng tác - Lý luận - chỉ huy

Các chuyên ngành trên đào tạo cán bộ chỉ đạo nghệ thuật âm nhạc, nghiên cứu, phê bình, biên tập, lý luận âm nhạc, soạn nhạc, chỉ huy dàn nhạc bậc đại học. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng chuyên môn về lý luận, sáng tác và những kiến thức cơ bản về âm nhạc cũng như trình độ sư phạm âm nhạc và có thể làm việc ở nhiều cơ quan chuyên ngành về âm nhạc...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1997	40	33	1/0.8
1998	40	54	1/1.3
1999	80	67	1/0.8
2000	90	75	1/0.8
2001	90	71	1/0.78
2002	90	81	1/0.9
2004	100	66	1/0.6
2005	120	10	1/0.08
2006	150	-	-

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào một số ngành trong trường

Ngành	1997	1998	1999	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Thanh nhạc	25	19.5	12.5	22.5		26	23	25	23
Lý luận	31					25.5		26	
Sáng tác	27.5					26.5	26	24	26
Chỉ huy	32.5	19.5	16	26		22.0		26	
Kèn (Kèn Cor)	-	28		22		27	24	27	24

Ngành	1997	1998	1999	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Guitare, Accordeon, Organ	26.5 (Gui)	25	-	25		22	25 (Gui)	26	25 20
Piano	30.5	26.5	20	27		21	24	27	24
Đàn tranh	28	-	-	-		25.5	-	26	23
Đàn tỳ bà	33	-	-	-		-	23	-	23
Đàn nguyệt	28	-	-	-		-	23	-	23
Đàn bầu	-	-	-	-		23.5	-	-	-
Đàn tam thập lục	-	-	-	-		-	23	-	23
Sáo trúc	-	-	-	-		24.5	24	-	24
Viola	31.5	-	-	-		30.0	-	27	17
Violon	-	-	-	-		21.5	24	-	24
Violoncell	-	-	-	-		29	-	-	-
Contrebasse	28.5	-	-	-		24	-	-	-
Mandoline	-	25	-	-			-	-	-
Clarinet	-	-	-	-		28	-	-	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Nhạc viện Tp.HCM tuyển thí sinh từ Quảng Bình trở vào và tuyển sinh khối N.
- Hồ sơ ĐKDT thí sinh nộp trực tiếp tại Nhạc viện hoặc chuyển phát nhanh qua đường bưu điện, không nộp cho Sở GD&ĐT.
- Thí sinh khi ĐKDT vào trường phải qua sơ tuyển.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Nhạc viện Tp.HCM trong một số năm ổn định, năm 2004 tăng so với các năm trước. Số thí sinh ĐKDT vào Nhạc viện cũng có xu hướng tăng nhưng thường không bằng chỉ tiêu được giao nên tỉ lệ "chọi" của trường rất thấp.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO 2

Địa chỉ: Khu phố 6, Phường Linh Trung, Q.Thủ Đức, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8960322 - Fax: 8960319 - Website: <http://www.upes2.edu.vn/>

- Năm 1985, Trường Đại học TDTT II được thành lập trên cơ sở trường Trung học TDTT TW2, là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ trong lĩnh vực thể dục thể thao đáp ứng yêu cầu phát triển về quy mô, chất lượng, hiệu quả của giáo dục, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO 2 ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Điện kinh; 2) Ngành Thể dục; 3) Ngành Bơi lội; 4) Ngành Bóng đá; 5) Ngành Cầu lông; 6) Ngành Bóng rổ; 7) Ngành Bóng bàn; 8) Ngành Bóng chuyền; 9) Ngành Cờ vua; 10) Ngành Võ; 11) Ngành Vật; 12) Ngành Bắn súng; 13) Ngành Quấn vợt.

Sinh viên khi theo học các ngành có tên trên của Trường ĐH TDTT 2 sẽ được trang bị những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Tin học - Tiếng Việt thực hành - Lịch sử thể dục thể thao (TDTT) và lịch sử Olympic - Môi trường và con người - Cơ sở văn hóa VN... đồng thời bước đầu đi vào chuyên ngành với các **kiến thức cơ bản** về nghiệp vụ sư phạm và về ngành: Tâm lý học - Giáo dục học - Giáo dục học TDTT; Giải phẫu - Sinh lý học TDTT - Y học TDTT - Vệ sinh TDTT - Quản lý TDTT...

Trên nền khối kiến thức cơ sở đó nhà trường sẽ cung cấp cho sinh viên **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kinh tế xã hội TDTT - Y học TDTT - Sinh lý học TDTT - Giao tiếp sư phạm - Thể thao trường học... để từ đó sinh viên sẽ được đào tạo về **Thể thao chuyên sâu** tùy theo ngành học như: **Ngành Điện kinh** (Đi bộ thể thao - Ném lựu đạn thể thao - Chạy cự ly ngắn - Nhảy cao kiểu nằm nghiêng - Đẩy tạ lưng hướng ném - Nhảy xa kiểu uốn thân - Chạy vượt rào - Nhảy cao - Nhảy 3 bước - Ném đĩa - Ném lao - Nhảy cao kiểu lưng qua xà - Nhảy sào và ném tạ xích - Nâng cao thành tích môn điện kinh sở trường...); **Ngành Bơi lội** (Các môn bơi - Các môn lặn - Bơi nghệ thuật - Bóng nước - Nhảy cầu...); **Ngành Thể dục** (Thể dục cơ bản - Thể dục nghệ thuật - Thể dục nhào lộn - Thể dục dụng cụ - Thể dục đồng diễn - Sport Aerobic...); **Ngành Võ và Ngành Vật** (Karatedo - Taekawondo - Vật - Võ cổ truyền - Judo - Cử tạ...); **Ngành Bóng đá; Ngành Cầu lông; Ngành Bóng rổ; Ngành Bóng bàn; Ngành Bóng chuyền; Ngành Cờ vua; Ngành Bắn súng; Ngành Quấn vợt...**

Tốt nghiệp ra trường, sinh viên các ngành này **có khả năng** giảng dạy, công tác trong ngành Giáo dục nói chung và những ngành có liên quan...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1997	200	1.599	1/7.9
1998	200	2.324	1/11.6
1999	200	2.340	1/11.7
2000	180	3.028	1/16.8
2001	180	3.398	1/18.8
2002	230	3.752	1/16.3
2003	200	3.477	1/17.3
2004	250	3.421	1/13.6
2005	270	3.401	1/12.5
2006	300	4.155	1/13.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1997	2001	2003	2004	2005	2006	Ngành	1997	2001	2003	2004	2005	2006
Điện kinh	22	24.5	20.5	-	20	19.5	B.Chuyên	20	22.5	22	21	20.5	18.5
Thể dục	18.5	21.5	20.5	-	17	16.0	Bóng rổ	21	23	19	19	23	17.5
Bơi lội	18	24	18.5	17.5	16.5	16.0	Cờ vua	19	23	20	22	20	17.0
Bóng đá	22	24	21	19.5	21.5	18.0	Võ thuật	20	25	23	23	21.5	22.0
Bóng bàn	19	20	16.5	19.5	16.5	18.0	Bắn súng	-	22	20	19	20	17.0
Cầu lông	19	22.5	18.5	18.5	20	16.0	Quấn vợt	-	-	16	16.5	17.5	16.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH TDTT2 tuyển sinh trong toàn quốc và tuyển sinh khối T (thí sinh không phải qua sơ tuyển).

- Ngoài điều kiện chung, thí sinh phải có cơ thể cân đối và sức khỏe tốt, không bị dị tật, dị nình, tối thiểu nam cao 1,65m, nặng 45kg, nữ cao 1,55m, nặng 40kg trở lên.

- Điều kiện trúng tuyển vào trường: a) Các thí sinh đạt điểm chuẩn theo từng ngành; b) Các môn thi văn hóa không có điểm liệt (0 điểm); c) Điểm năng khiếu sau khi nhân hệ số phải đạt tối thiểu: Khu vực 1: từ 9.0 điểm trở lên; Khu vực 2 và 3: Từ 10.0 điểm trở lên.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH TDTT 2 từ năm 2003 đến nay tăng so với các năm trước. Trong khi đó từ năm 2003 - 2005 số lượng thí sinh ĐKDT lại có xu hướng giảm tuy không lớn nhưng vì thế mà tỉ lệ "chọi" cũng giảm xuống, song đến năm 2006 tỉ lệ này lại tăng do số lượng thí sinh ĐKDT tăng đáng kể so với trước (ở mức trên 4.000). (Xem bảng 1).

- Nhìn vào bảng 1 có thể thấy tỉ lệ "chọi" của trường từ năm 1998 đến nay vẫn ở mức trên 11/1, khá cao so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của các ngành trong trường có sự chênh lệch và thay đổi theo từng năm. Ví dụ: ngành Bóng chuyền, Điền kinh, Thể dục... từ năm 2003 đến nay giảm, điểm chuẩn ngành Bóng đá, Cầu lông, Bóng rổ... của năm 2005 tăng so với năm 2004 nhưng năm 2006 lại giảm xuống, trong khi đó điểm chuẩn của các ngành như: Bóng bàn, Võ thuật năm 2005 giảm so với năm 2004 song lại tăng so với năm 2006. (Xem bảng 2).

- Nhìn chung thì điểm chuẩn ngành Võ thuật bao giờ cũng cao hơn so với các ngành khác. (Xem bảng 2).

- Trường ĐHTDTT là trường thuộc diện năng khiếu nên khi ĐKDT thí sinh cần lưu ý.

- Năm tới khả năng số lượng thí sinh ĐKDT không tăng nhưng tỉ lệ "chọi" vẫn ở mức cao.

ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO TP.HCM

Địa chỉ: số 639 Nguyễn Trãi, P. 11, Q. 5, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8555432 - 08.8556300 - Fax: 08.8556846 - Website: <http://www.upes.edu.vn/>

- Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao (ĐHSP TDTT) Tp.HCM được thành lập ngày 08/11/2005 trên cơ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Thể dục TW2, là cơ sở đào tạo đội ngũ giáo viên thể dục trình độ cử nhân Đại học cho các trường phổ thông từ Quảng Trị trở vào, là TT nghiên cứu khoa học về giáo dục thể chất và đào tạo chuẩn hóa giáo viên thể dục theo định chuẩn của Bộ GD&ĐT.
- Trường ĐHSP TDTT Tp.HCM hiện có các hệ đào tạo chính: Hệ Đại học, Hệ Cao đẳng, Hệ hoàn thiện đại học...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường hầu hết có trình độ trên đại học, đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Sư phạm Giáo dục thể chất

Cũng giống như chương trình đào tạo ngành Sư phạm Giáo dục thể chất của Trường ĐHSP Tp.HCM, nội dung đào tạo ngành này của Trường ĐHSP TDTT Tp.HCM không chỉ cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, còn đào tạo để sinh viên có **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, để từ đó tạo điều kiện cho sinh viên đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với những kỹ năng nghiệp vụ cần thiết của ngành sư phạm.... Sau khi ra trường, Cử nhân ngành này **có khả năng** giảng dạy lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành....

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh và điểm trúng tuyển vào trường năm 2006.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ	Điểm trúng tuyển	
				NV1	NV2
2006	250	2.918	1/11.7		18.5

1. Đặc điểm tuyển sinh và một số lưu ý:

- Trường ĐHSP TDTT Tp.HCM tuyển sinh từ Quảng Trị trở vào và tuyển sinh khối T.
- Nếu thí sinh không trúng tuyển vào hệ Đại học sẽ được chuyển điểm xuống xét tuyển hệ Cao đẳng và hệ Trung học của nhà trường.
- Thí sinh là Vận động viên kiện tướng, Cấp 1 sẽ được tuyển thẳng vào hệ đào tạo tương đương theo Quy chế tuyển sinh, hàng tháng được hưởng tiền đăng cấp, được tham gia tập luyện và thi đấu cùng các đội tuyển trường, được ưu tiên học tập theo chương trình đặc biệt của trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM

Địa chỉ: 217 Hồng Bàng (An Dương Vương cũ), Q.5, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8567645 - Website: <http://www.yds.edu.vn/>

- Trường Đại học Y Dược (ĐHYD) Tp.HCM được thành lập năm 1976, là trường trọng điểm phía Nam về đào tạo đội ngũ cán bộ ngành Y tế.
- Tổng số cán bộ công chức toàn trường là 982 người, với 659 Giảng viên, trong đó có 8 Giáo sư, 25 Phó giáo sư, 96 Tiến sĩ, 180 Thạc sĩ...
- Trường đào tạo các hệ: Trung cấp, Cao đẳng, Đại học, Sau đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Sinh viên học các ngành trong trường sẽ được cung cấp **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Toán cao cấp - Xác suất thống kê - Vật lý đại cương, Lý sinh - Sinh học - Hóa học đại cương - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Di truyền học... cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành Y: Giải phẫu học - Mô phôi - Sinh lý học - Hóa sinh - Vi sinh vật - Kỹ sinh trùng - Sinh lý bệnh, Miễn dịch - Dược lý học - Dịch tễ học - Sức khỏe môi trường - Dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm - Giáo dục sức khỏe và kỹ năng giao tiếp - Dân số, Kế hoạch hóa gia đình, Sức khỏe sinh sản... Đồng thời tùy từng ngành sinh viên theo học mà nhà trường sẽ trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cho phù hợp như:

Ngành Bác sĩ đa khoa

Ngành Bác sĩ đa khoa trang bị cho sinh viên các **kiến thức và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành** về Y học lâm sàng và cộng đồng, Y học hiện đại, Y học cổ truyền: Nội đa liễu - Ngoại nội tiết - Phụ sản gây mê hồi sức - Nhi tâm thần - Nhiễm lao và bệnh phổi - Nội thần kinh - Ngoại thần kinh - Tai mũi họng - Chấn thương chỉnh hình mắt - Bệnh học - Chẩn đoán hình ảnh - Sinh lý bệnh miễn dịch... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Bác sĩ đa khoa **có khả năng** khám và chữa bệnh ở các cơ sở y tế; điều trị và hướng dẫn chăm sóc bệnh nhân tại nhà; thực hiện công tác phòng bệnh và giáo dục sức khỏe; tổ chức và quản lý các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng; tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học...

Ngành Bác sĩ Y học cổ truyền

Đào tạo Bác sĩ Y học cổ truyền (YHCT) có **kiến thức và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành** về Y học cổ truyền: Y học cổ truyền cơ sở - Dược học cổ truyền (Thực vật dược - Dược lâm sàng - Dược học cổ truyền - Chế biến dược liệu...) - Dưỡng sinh (Phương pháp xoa bóp - Phương pháp thực dưỡng...) - Châm cứu (Điện châm - Đầu châm - Châm té...) - Bệnh học (Triệu chứng học Đông Y - Bệnh học kết hợp nội khoa - Bệnh học kết hợp Ngoại, Nhi, Nhiễm, Phụ sản - Điều trị học dùng thuốc YHCT...)... để sinh viên sau khi ra trường sẽ **có khả năng** khám, chữa bệnh, phục hồi sức khỏe, dự phòng bệnh tật, giáo dục tăng cường sức khỏe bằng y học cổ truyền; phát hiện và xử lý ban đầu một số bệnh cấp cứu; tổ chức quản lý các dịch vụ, các chương trình chăm sóc sức khỏe bằng y học cổ truyền tại cộng đồng; tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học...

Ngành Bác sỹ Răng - Hàm - Mặt

Khi học ngành Bác sỹ Răng - Hàm - Mặt sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu các **kiến thức và kỹ năng chuyên sâu của chuyên ngành** về Răng - Hàm - Mặt: Nha khoa cơ sở - Phẫu thuật hàm mặt - Nhổ răng tiểu phẫu thuật - Nha chu - Bệnh học miệng - Tia X - Răng trẻ em - Nha khoa công cộng - Phục hình răng - Mô phỏng nha khoa... để khi học xong sinh viên chuyên ngành **có khả năng** khám và chữa bệnh răng miệng ở các cơ sở y tế; làm việc phòng bệnh, tư vấn và giáo dục sức khỏe răng miệng; tổ chức quản lý các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng; Tham gia công tác đào tạo nghiên cứu khoa học...

Ngành Cử nhân điều dưỡng

Sinh viên học ngành Cử nhân điều dưỡng được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Điều dưỡng (ĐD) cơ bản - Phục hồi chức năng - ĐD cấp cứu, hồi sức - ĐD nội - ĐD ngoại - ĐD nhi - ĐD phụ sản - ĐD truyền nhiễm - ĐD chuyên khoa hệ nội (Lão khoa/Thần kinh/Da liễu) - ĐD chuyên khoa hệ ngoại (Mắt/Tai mũi họng/Răng hàm mặt) - Quản lý ĐD - ĐD tâm thần - ĐD công cộng - Y học cổ truyền - Nội bệnh lý - Ngoại bệnh lý - Sản bệnh lý - Nhi bệnh lý... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** tham gia quản lý, nghiên cứu khoa học về điều dưỡng...

Ngành Cử nhân Kỹ thuật y học (xét nghiệm)

Cử nhân ngành Kỹ thuật Y học được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Giải phẫu bệnh - Huyết học cơ bản - Ký sinh trùng - Hóa sinh - Vi sinh - Ký sinh trùng - Gây mê hồi sức - Xét nghiệm - Vật lý trị liệu - X quang... Khi tốt nghiệp sinh viên ngành này **có khả năng** thực hiện được các xét nghiệm thuộc các lĩnh vực: Vi sinh, Ký sinh trùng, Hóa sinh, Huyết học truyền máu, Miễn dịch, Giải phẫu bệnh...

Ngành Cử nhân Y tế công cộng

Đào tạo cử nhân Y tế công cộng có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Xã hội học sức khỏe - Các bệnh thông thường ở cộng đồng - Sức khỏe môi trường - Nghiên cứu sức khỏe cộng đồng - Thảm họa và Sức khỏe - Nâng cao sức khỏe - Chính sách Y tế - Hệ thống thông tin quản lý sức khỏe - Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm - Dịch tễ học các bệnh không truyền nhiễm - Dinh dưỡng và an toàn thực phẩm - Pháp y - Phân loại bệnh tật và tử vong.... Sinh viên sau khi ra trường sẽ **có khả năng** xác định các yếu tố của môi trường tự nhiên, xã hội ảnh hưởng đến sức khỏe và những vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng rồi đưa ra các chiến lược giải quyết; giáo dục sức khỏe và chăm sóc sức khỏe ban đầu; tham gia quản lý các chương trình và dịch vụ y tế; phát hiện và xử lý một số bệnh thông thường; giám sát, phát hiện sớm và tham gia phòng chống dịch; tham gia công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học...

1) Ngành Xét nghiệm; 2) Ngành Phục hồi chức năng; 3) Ngành Vật lý trị liệu; 4) Ngành Bác sĩ Hộ sinh; 5) Ngành Gây mê hồi sức

Sau khi tốt nghiệp các ngành của trường Đại học Y được Tp.HCM sinh viên có thể công tác tại:

+ Các Viện Nghiên cứu y học: Viện Dinh dưỡng, Viện Dược liệu, Viện Huyết học và Truyền máu, Viện Y học hàng không, Viện Y học lâm sàng các bệnh nhiệt đới, Viện Y học tư pháp Trung ương...

+ Các TT Tư vấn và Chăm sóc sức khỏe, TT Chăm sóc sức khỏe...

+ Các bệnh viện, các cơ quan y tế, trạm y tế và một số cơ sở y tế... trực thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước: Bệnh viện Đa khoa, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Nội tiết, Bệnh viện Tâm thần kinh Trung ương, Bệnh viện Da liễu...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có các chuyên ngành đào tạo.

Ngành Dược sĩ

Sinh viên ngành Dược sĩ được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hóa dược - Sinh hóa - Kỹ sinh - Thực vật - Nhận thức dược liệu - Dược liệu (Thực vật dược - Dược lâm sàng...) - Thủ thuật bào chế - Quản lý dược - Phân tích kiểm nghiệm - Dược lý - Công nghiệp dược... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên ngành này **có khả năng** hướng dẫn sử dụng, bào chế, sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc trong các cơ sở y tế và cộng đồng; có khả năng tự học vươn lên đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Sinh viên học ngành Dược sĩ sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Viện Dược liệu...

+ Các bệnh viện, các cơ sở sản xuất, kinh doanh dược phẩm và một số cơ sở y tế khác như: T.Cty Dược VN và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Dược phẩm Trung ương, Cty Sản xuất thuốc, Nhà máy Sản xuất thuốc Tân dược...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Dược sĩ.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
1998	660	11.376	1/17.2
1999	580	14.279	1/24.6
2000	670	13.312	1/19.8
2001	670	16.215	1/24.2
2002	785	22.810	1/29.0
2003	770	15.119	1/19.6
2004	970	17.792	1/18.3
2005	970	18.829	1/19.4
2006	1.020	18.701	1/18.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005		2006
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1
Đa khoa	20	22	21	22	26	27	25	26	24.5	26.0	-	24.5
R - H - M	19	19	19	23	25	26	23	24	25.0	26.0	-	23.0
Y học cổ truyền	-	12	15	20	23	24	20	21	21.5	23.0	-	18.0
Dược sĩ	18	19	19	20	25	26	24	25	25.0	26.0	-	23.5
Y tế công cộng	13	13	13	16	21.5	22.5	15.5	18.5	19.0	18.5	19	14.5
Xét nghiệm	13	16	17.5	-	24	25	17	20	22.5	19.5	25	19.5
Điều dưỡng	13	12.5	13.5	-	23	24	16.5	19.5	20.5	20.0	-	18.0
Kỹ thuật HA	13	-	-	16	21.5	22.5	20	21	18.0	21.5	-	17
Kỹ thuật PHR	13	-	-	16	23	24	18	21	22.5	21.5	-	21.0
Vật lý trị liệu	-	-	-	-	-	-	-	-	21.5	18.0	22	18.0
Hộ sinh	-	-	-	-	-	-	-	-	16.0	20.0	-	15.5
Gây mê hồi sức	-	-	-	-	-	-	-	-	19.5	21.5	-	18.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHYD Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và tuyển khối B.
- Các ngành Bác sĩ Đa khoa, Bác sĩ Răng-Hàm-Mặt, Bác sĩ Y học cổ truyền, Dược sĩ và cử nhân Kỹ thuật phục hình răng tuyển sinh trong cả nước, các ngành cử nhân còn lại tuyển sinh từ Đà Nẵng trở vào.
- Ngành Hộ sinh chỉ tuyển nữ.
- Ngành Bác sĩ đa khoa, Y học cổ truyền, Răng Hàm Mặt và Dược sĩ chỉ tính điểm ưu tiên khu vực cho thí sinh từ Ninh Thuận, Lâm Đồng trở vào và các tỉnh Đắc Lắc, Gia Lai, Kon Tum. Các ngành cử nhân tuyển từ Đà Nẵng trở vào.
- Trường xét điểm trúng tuyển theo ngành học.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường các năm gần đây vẫn tăng lên. (Xem bảng 1).
- Số thí sinh ĐKDT vào trường hàng năm đông nên tỉ lệ "chọi" của trường tương đối cao, năm 2006 có chiều hướng giảm là do chỉ tiêu của trường tăng lên trong khi đó số thí sinh ĐKDT vào trường lại giảm tuy nhiên sự chênh lệch không đáng kể. (Xem bảng 1).
- Điểm trúng tuyển của trường trong năm 2006 giảm đáng kể so với năm 2005, tuy nhiên vẫn ở mức cao và vẫn có sự chênh lệch tương đối lớn giữa các ngành: các ngành có điểm chuẩn cao vẫn là: Bác sĩ Đa khoa (24.5), Dược sĩ (23.5), Răng hàm mặt (23); ngành có điểm chuẩn thấp nhất là Y tế công cộng (14.5). Ta thấy ngành Đa khoa với ngành Y tế công cộng điểm chuẩn chênh nhau đến 10 điểm. Điều này lưu ý bạn khi chọn ngành. (Xem bảng 2).
- So với điểm trúng tuyển của một số trường khác cùng đào tạo các ngành về Y - Dược thì điểm trúng tuyển của Trường ĐHYD Tp.HCM vẫn cao hơn rất nhiều, nhất là so với Trường ĐHYD Dược Cần Thơ, ĐHYD Y khoa (ĐHY Huế)..., tuy nhiên năm 2006 điểm trúng tuyển của Trường ĐHYD Dược Tp.HCM lại thấp hơn TT đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Y tế Tp.HCM 1 điểm. (Xem chi tiết bảng 2 các trường).
- Ngoài sự chênh lệch về điểm chuẩn, khi chọn ngành bạn cũng nên lưu ý đến tỉ lệ "chọi" của từng ngành sao cho phù hợp với sức học của mình. Nếu bạn có lực học trung bình khá rất khó có cơ hội được là sinh viên của trường.
- Từ những số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

Địa chỉ: Đường 30/4 - P.Hưng Lợi - Q.Ninh Kiều - Tp.Cần Thơ

Điện thoại: 071.739730 - Fax: 071.739730 - Website: www.ctump.edu.vn/

- Trường Đại học Y dược (ĐHYD) Cần Thơ được thành lập 22/12/2002, trên cơ sở tách từ Khoa Y-Nha-Dược Trường ĐH Cần Thơ, là một trong những cơ sở đào tạo y học hiện đại của nước ta, là TT khoa học kỹ thuật y học phục vụ các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long nói chung và thành phố Cần Thơ nói riêng.
- Tổng số cán bộ, giảng viên của trường có khoảng 323 người trong đó hầu hết đội ngũ cán bộ có trình độ Đại học, Trên đại học với nhiều Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ...
- Trường hiện đang đào tạo các hệ chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Bác sĩ đa khoa; 2) Ngành Nha khoa; 3) Ngành Dược; 4) Ngành Điều dưỡng

Cũng giống như chương trình đào tạo các ngành Bác sĩ đa khoa; Nha khoa; Dược; Điều dưỡng của Trường ĐHYD Tp.HCM, chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐHYD Cần Thơ cũng sẽ cung cấp cho sinh viên ngoài các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản**, thì sinh viên còn trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cùng một số môn học đặc thù riêng của trường... để khi ra trường sinh viên các ngành **có khả năng** ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ về Y - Dược nhằm phục vụ công tác khám chữa bệnh cho nhân dân...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
2003	200	5.965	1/29.8
2004	400	6.493	1/16.2
2005	400	6.130	1/15.3
2006	420	8.285	1/19.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2003		2004		2005	2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2
Bác sĩ đa khoa	21.0	24.0	22.0	-	22.5	20.5	-
Nha khoa	20.0	23.0	20.5	-	21.5	19.5	-
Dược	21.0	24.0	24.0	-	23.0	22.0	-
Điều dưỡng	-	-	15.0	15.0	16.5	14.0	18.5

Ghi chú: - Năm 2005 trường không xét tuyển NV2

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHYD Cần Thơ chỉ tuyển thí sinh các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và chỉ tuyển sinh khối B.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường năm 2006 tăng so với những năm trước. Số lượng các thí sinh ĐKDT vào trường ngày càng tăng lên vì thế tỉ lệ "chọi" của trường rất cao và cao hơn hẳn một số trường cũng tuyển sinh khối B khác: ĐH Y dược Tp.HCM, TT đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế Tp.HCM... (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường khá cao, năm 2006 có giảm xuống so với năm 2004, 2005 do là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT không áp dụng việc tính điểm thưởng cho các thí sinh ĐKDT. Tuy nhiên, so với điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định thì điểm chuẩn của trường vẫn cao hơn rất nhiều (trừ ngành Điều dưỡng lấy điểm chuẩn NV1 bằng điểm sàn của Bộ nhưng điểm chuẩn NV2 lại cao hơn 4.5 điểm). (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển giữa các ngành có sự chênh lệch đáng kể, ngành Dược điểm chuẩn bao giờ cũng lớn hơn các ngành khác, nhất là so với ngành Điều dưỡng (năm 2004: nhiều hơn 9 điểm, năm 2005: 6.5 điểm, năm 2006: 8 điểm). (Xem bảng 2).

- Điểm chuẩn các ngành Bác sĩ Đa khoa, Dược của trường so với các trường khác cùng đào tạo các ngành này như: ĐH Y dược Tp.HCM, TT đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế Tp.HCM... thì điểm chuẩn các ngành này của Trường ĐHYD Cần Thơ vẫn "mềm" hơn nhiều. Ví dụ: năm 2006: ngành Bác sĩ đa khoa của TT đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế Tp.HCM lấy 25.5 điểm cao hơn những 5 điểm so với điểm chuẩn ngành này của ĐHYD Cần Thơ, cũng điểm chuẩn ngành này của trường ĐH Y dược Tp.HCM lại lấy 24.5 điểm cao hơn cũng tới 4 điểm; điểm chuẩn ngành Dược thì chênh lệch ít hơn, chỉ thấp hơn Trường ĐH Y dược Tp.HCM 1 điểm. (Xem chi tiết bảng 2 các trường).

- Nếu bạn có lực học xuất sắc mà không đủ tự tin ĐKDT vào những trường trọng điểm bạn có thể ĐKDT vào ĐHYD Cần Thơ. Tuy nhiên lưu ý bạn khi chọn ngành vào trường, những bạn có học lực trung bình cần xem xét kỹ trước khi ĐKDT, nếu không thực sự có lực học khá giỏi bạn nên đăng ký vào ngành Điều dưỡng.

- Từ những số liệu của 2 bảng trên chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ giảm nhưng không đáng kể.

TT ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ Y TẾ TP.HCM

Địa chỉ: 520 Nguyễn Tri Phương, Q.10, Tp.HCM

Điện thoại: 08.9300072 - Website: <http://pnt.edu.vn/>

- TT Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ Y tế Tp.HCM (TT ĐT&BDCB Y tế Tp.HCM) được thành lập ngày 15/3/1989, là TT đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên ngành y tế đáp ứng nhu cầu về bảo vệ và nâng cao sức khỏe của người dân Tp.HCM nói riêng và của khu vực, của quốc tế nói chung.
- TT ĐT&BDCB Y tế Tp.HCM đào tạo các bậc: Đại học, Trung học, Sơ học với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của TT bao gồm nhiều Giáo sư, Tiến sĩ... có kinh nghiệm giảng dạy và tâm huyết với nghề...

TT ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ Y TẾ TP.HCM ĐÀO TẠO DUY NHẤT NGÀNH:

Ngành Bác sĩ đa khoa

Cũng như sinh viên ngành Bác sĩ đa khoa của Trường ĐH Y - Dược Tp.HCM... sinh viên ngành Bác sĩ đa khoa TT Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ Y tế cũng được trang bị các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, đồng thời còn được học một số môn học mang chức năng riêng của trường... để khi ra trường có khả năng khám chữa bệnh cho nhân dân.

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
2002	120	1.511	1/12.5
2003	120	1.661	1/13.8
2004	120	1.415	1/11.7
2005	120	789	1/6.6
2006	120	1.476	1/12.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003		2004	2005	2006
					NV1	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1
21.0	21.5	20.5	23.5	21.5	22.5	22.0	24.0	25.5	23.0	25.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- TT ĐT&BDCB Y tế Tp.HCM chỉ tuyển thi sinh có hộ khẩu thường trú tại Tp.HCM và tuyển sinh khối B.

- Điểm trúng tuyển của trường được xét chung cho tất cả các ngành.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho TT ĐT&BD Cán bộ Y tế từ năm 2002 đến nay rất ổn định. (Xem bảng 1).

- Từ sau khi Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh "3 chung" (từ năm 2002) thì số lượng thi

sinh ĐKDT vào TT có xu hướng giảm so với trước, do đó tỉ lệ "chọi" cũng có năm cao, năm thấp. Năm 2005 số lượng thi sinh ĐKDT vào TT giảm xuống dưới 1000 chỉ tiêu nên tỉ lệ "chọi" cũng vì thế giảm và thấp hơn rất nhiều so với các năm khác. Tuy nhiên năm 2006 lại tăng lên xấp xỉ bằng các năm 2002, 2003, 2004. (Xem chi tiết bảng 1).

- Trong khi tỉ lệ "chọi" từ năm 2002 đến nay có xu hướng giảm thì điểm trúng tuyển vào trường lại tăng dần lên, điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào TT ngày càng cao.

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm chuẩn của trường cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT và so với mặt bằng chung, đồng thời điểm chuẩn vào trường cũng khá ổn định (không năm nào lấy dưới 20.5 điểm, thường lấy trong khoảng từ 21.5 - 25.5). (Xem bảng 2).

- Năm 2006 điểm chuẩn của trường bằng năm 2004 và cao hơn hẳn những năm khác. (Xem bảng 2).

- So sánh điểm chuẩn ngành Bác sĩ đa khoa của TT năm 2006 với ngành cùng tên của Trường ĐH Y Dược Tp.HCM thì điểm chuẩn ngành này của TT vẫn cao hơn, so với điểm chuẩn ngành này của Trường ĐH Y dược Cần Thơ thì cao hơn tới 5 điểm. (Xem bảng 2 các trường).

- Từ những đặc điểm trên có thể kết luận rằng nếu bạn không có học lực xuất sắc thì không thể thi đỗ vào trường.

- Do điểm trúng tuyển năm 2006 rất cao trong khi tỉ lệ "chọi" cao gấp đôi năm trước nên khả năng năm tới số lượng thi sinh ĐKDT vào trường sẽ giảm nhưng không đáng kể.

ĐẠI HỌC MỞ BÁN CÔNG TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 97 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Tp.HCM

Điện thoại: (84.8) 9300210 - Fax: (84.8) 9300085 - Website: <http://www.ou.edu.vn/>

- Đại học Mở bán công Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHMBC Tp.HCM) được thành lập ngày 26/07/1993 theo quyết định số 389/TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Viện Đào tạo Mở rộng thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo quyết định số 451/TCCB của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 15/06/1990.
- ĐHMBC Tp.HCM là mô hình trường đại học đầu tiên ở nước ta hoạt động theo qui chế bán công và đào tạo theo phương thức mở nhằm thực hiện chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa giáo dục, đa dạng hóa các loại hình đào tạo.

ĐẠI HỌC MỞ BÁN CÔNG TP. HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) bao gồm các chuyên ngành:

+ Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế; Quản trị du lịch; Marketing

Chương trình đào tạo các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Kinh doanh quốc tế; Quản trị du lịch; Marketing của Trường ĐHMBC Tp.HCM cũng tương tự chương trình đào tạo của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM. Bên cạnh những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản của ngành**, sinh viên sẽ được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Ra trường, sinh viên **có khả năng** quản trị kinh doanh nói chung đặc biệt là quản trị trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

Ngoài ra, Trường ĐHMBC Tp.HCM còn là một trong số rất ít trường ở phía Nam đào tạo các chuyên ngành: **Chuyên ngành Dịch vụ; Chuyên ngành Quản trị nhân lực**

Chương trình đào tạo các chuyên ngành này cũng bao gồm các **kiến thức chung** của Toán và nhóm ngành Kinh tế: Phương trình vi phân - Kinh tế vi mô - Kinh tế chính trị... những **kiến thức cơ bản** về ngành: Quản trị (QT) học - Marketing căn bản - Lý thuyết thương mại quốc tế - Nguyên lý kế toán - Hành vi khách hàng - Kế toán quản trị - Dự báo trong kinh doanh - Truyền thông và giao thông trong kinh doanh ... và cũng cung cấp cho sinh viên khối **kiến thức chuyên sâu về Quản trị kinh doanh**: Phân tích định lượng trong kinh doanh - QT chi phí - Thiết lập & thẩm định dự án đầu tư - QT nhân lực - Nghiệp vụ ngoại thương - QT dự án - Nghiên cứu Marketing - Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh - QT quan hệ lao động - QT thương hiệu - Luật kinh doanh - QT quan hệ khách hàng... đồng thời sinh viên được tự chọn các chuyên đề nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành**: QT doanh nghiệp vừa và nhỏ - QT dịch vụ - QT Cty đa quốc gia - Thương mại điện tử...

Mặt khác, tùy theo chuyên ngành sinh viên theo học mà nhà trường sẽ tạo điều kiện cho việc đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** một cách phù hợp:

+ Chuyên ngành Dịch vụ: QT mua hàng và cung ứng - Marketing dịch vụ - QT kênh phân phối - QT bán hàng - Thương mại điện tử... Tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên sẽ **có khả năng** kinh doanh các sản phẩm dịch vụ hiện đang có xu hướng phát triển mạnh mẽ trong xã hội hiện đại, có khả năng tổ chức và quản trị các cơ sở cung cấp dịch vụ cho thị trường như: chăm sóc sức khỏe, thể thao, văn nghệ, giáo dục...

+ **Chuyên ngành Quản trị nhân lực:** Quan hệ công chúng - QT mua hàng và cung ứng - Marketing dịch vụ - QT dịch vụ - QT kênh phân phối - QT bán hàng - Thương mại điện tử... để khi học xong sinh viên sẽ **có khả năng** phân tích và xác định các yêu cầu của công việc làm cơ sở cho việc tuyển dụng, bố trí nhân sự, xây dựng chính sách tiền lương, phát triển tổ chức và am tường nghệ thuật, kỹ năng lãnh đạo...

Ra trường, sinh viên ngành Quản trị kinh doanh có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, TT Tư vấn Quản lý và Đào tạo...
- + Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...
- + Các doanh nghiệp, Cty, T.Cty trên địa bàn toàn quốc: T.Cty Xây dựng, T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Dệt - May VN...
- + Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

Ngành Công nghệ sinh học

Sinh viên học ngành Công nghệ sinh học (CNSH) sẽ được trang bị những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Phép tính vi phân - Hệ phương trình vi phân - Vật lý - Hóa cấu tạo và vô cơ - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ - Tế bào học và sinh học phân tử - Kế toán... và những **kiến thức cơ bản** về ngành: Nhập môn công nghệ sinh học - Vi sinh - Sinh hóa học - Di truyền học & Kỹ thuật gen - Động vật học - Các quá trình cơ học - Quá trình truyền khối và nổi lên men - Quá trình truyền nhiệt - Cơ thể và bệnh học - Vi sinh học ứng dụng - Miễn dịch học, vi sinh gây bệnh - Công nghệ chế biến thực phẩm - Kiểm tra chất lượng sản phẩm... đồng thời cũng sẽ được đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** mà sinh viên lựa chọn:

+ **Chuyên ngành Công nghệ thực phẩm:** Công nghệ bảo quản và chế biến (CNBQ&CB) thực phẩm - CNBQ&CB thịt cá - CNBQ&CB rau quả - Công nghệ lên men thực phẩm - Các hệ thống quản trị chất lượng...

+ **Chuyên ngành Công nghệ sinh học:** Kỹ thuật nuôi cấy mô tế bào - Kỹ thuật trồng và chế biến nấm - Sinh thái học - Kỹ thuật bảo vệ môi trường - CNSH trong kỹ nghệ dược phẩm...

+ **Chuyên ngành Công nghệ vi sinh:** Giám định sinh vật - CN sản xuất các chế phẩm sinh vật - Virus, bacteriophage & Kỹ thuật miễn dịch hiện đại - Vi sinh trong nông nghiệp - CNSH trong kỹ nghệ dược phẩm...

Ra trường, sinh viên ngành Công nghệ sinh học **có khả năng** nghiên cứu, sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ con người như các loại thực phẩm chế biến, thuốc chữa bệnh cho người và động vật, các chế phẩm cho sản xuất công nghệ như các Enzymee, dung môi hữu cơ...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ sinh học (Chuyên ngành Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học, Công nghệ vi sinh) sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Nghiên cứu Y Dược, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Nghiên cứu Dấu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Chăn nuôi QG, Viện Công nghiệp thực phẩm...; TT Công nghệ sinh học thực vật, TT Môi trường

sinh học nông nghiệp, TT Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao, TT Phân tích ADN và Công nghệ di truyền...

+ Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ môi trường, Cục Khuyến nông khuyến lâm, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Vệ sinh an toàn thực phẩm, Cục Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, Cục Công nghiệp tiêu dùng - Thực phẩm, Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối; Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Vụ Công nghiệp tiêu dùng và Thực phẩm...

+ T.Cty Da - Giấy VN, T.Cty Thuốc lá VN, T.Cty Lâm nghiệp VN, T.Cty Giấy VN, T.Cty Sữa VN, T.Cty Lương thực, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Mía đường Lam Sơn, Cty Dầu thực vật hương liệu mỹ phẩm VN, Các Cty Chế biến, Bảo quản thực phẩm, Cty Giống cây trồng Trung ương...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Nông lâm nghiệp, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... tại Sở Công nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thủy sản... ở khắp các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo về ngành Công nghệ sinh học.

Ngành Công tác xã hội

Ngành Công tác xã hội (CTXH) cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** của khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Giáo dục học - Quản trị học căn bản - Kinh tế học vi mô - Thống kê trong Khoa học Xã hội - Nhập môn khoa học thư viện..., **kiến thức cơ bản** về ngành: Logic học - Tâm lý học - Nhập môn xã hội học - Phát triển học - Nhân học đại cương - Sức khỏe cộng đồng - Giới và phát triển - Gia đình học - Phương pháp và kỹ thuật nghiên cứu xã hội học - Tâm lý học xã hội - Tâm lý học phát triển - Hành vi con người và môi trường xã hội... và sinh viên ngành này cũng sẽ được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Nhập môn CTXH - CTXH với cá nhân - CTXH với nhóm - Tổ chức và Phát triển cộng đồng - An sinh xã hội và những vấn đề xã hội - Chính sách xã hội - Tham vấn - Quản trị ngành CTXH - An sinh nhi đồng và gia đình - Quản lý dự án - Sức khỏe tâm thần - CTXH với người khuyết tật... ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp **kiến thức bổ trợ cho ngành**: Anh văn chuyên ngành - Quản lý doanh nghiệp nhỏ - Tham vấn trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn... để sau khi ra trường Cử nhân ngành này **có khả năng** cung ứng dịch vụ xã hội, xây dựng, xúc tác các nhóm tự nguyện nhằm mục đích trị liệu, xã hội hóa hay hành động giải quyết các vấn đề xã hội, phát hiện các vấn đề cũng như tiềm năng ở cộng đồng, huy động và liên kết người dân trong cộng đồng để giải quyết các vấn đề này, đồng thời có khả năng tham gia hay điều hành các dự án phát triển...

Sinh viên học ngành Công tác xã hội sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Xã hội học, Viện Khoa học Lao động và Xã hội, Viện Khoa học pháp lý, Viện Nhà nước và pháp luật, Viện Quan hệ quốc tế về quốc phòng...

+ Các tổ chức xã hội như: Ủy ban dân số các cấp, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ VN, Mặt trận tổ quốc VN, Hội Sinh viên VN...

+ Bộ phận nghiên cứu thị trường của các đơn vị kinh tế như: các T.Cty, Cty, nhà máy, xí nghiệp...

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Công tác xã hội.

Ngành Đông Nam Á học

Bên cạnh những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Nhập môn Quản trị học - Nhập môn Logic học - Xã hội học - Nhập môn Nhân học xã hội - Tâm lý học - Cơ sở Văn hóa VN - Cơ sở ngôn ngữ học - Môi trường và phát triển - Tiếng Anh... và các môn ngoại ngữ được lựa chọn: Tiếng Mã Lai căn bản - Tiếng Thái - Tiếng Nhật Tiếng Hoa... thì sinh viên khi theo học ngành Đông Nam Á (DNA) học còn được cung cấp những **kiến thức cơ bản về ngành**: Nhập môn DNA học - Địa lý các nước DNA - Lịch sử VN đại cương - Lịch sử các nước DNA - Lịch sử văn minh thế giới - Thể chế chính trị các nước DNA - Chiến lược phát triển các nước DNA - Nghi thức ngoại giao các nước DNA... Đồng thời, tùy theo sự lựa chọn chuyên ngành của sinh viên mà nhà trường sẽ đào tạo **kiến thức chuyên sâu cho từng chuyên ngành** riêng như:

+ **Chuyên ngành Văn hóa**: Lịch sử tư tưởng Phương Đông (PD) - Tiếng Việt và ngôn ngữ PD - Văn hóa các nước DNA - Quan hệ quốc tế DNA - Âm nhạc các nước DNA - Lịch sử Nghệ thuật DNA - Các dân tộc DNA - Tôn giáo các nước DNA - Nghiệp vụ hành chính QCNN - Người Hoa ở DNA - Văn hóa Chăm-pa - Ấn Độ và quan hệ khu vực - Islam giáo và thế giới Hồi giáo - Chuyên đề văn hóa DNA...

+ **Chuyên ngành Kinh tế**: Kinh tế học vĩ mô/ vi mô - Kế toán đại cương - Marketing căn bản - Luật kinh doanh - Kinh doanh quốc tế - Kinh tế đối ngoại - Kinh tế phát triển/ môi trường/ nhân lực - Nghiệp vụ xuất nhập khẩu - Tiến tệ ngân hàng - Địa lý kinh tế biển DNA - Chuyên đề kinh tế DNA...

+ **Chuyên ngành Du lịch Đông Nam Á**: Tài nguyên và môi trường du lịch - Phương pháp hướng dẫn du lịch - Nhân học du lịch - Văn hóa các nước DNA - Lịch sử văn hóa du lịch - Các dân tộc DNA - Tôn giáo các nước DNA - Luật du lịch - Marketing du lịch - Kinh tế du lịch - Quản trị hãng lữ hành/ khu du lịch/ khách sạn - nhà hàng - Chuyên đề du lịch DNA...

Sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** nghiên cứu và hoạt động văn hóa, kinh tế Đông Nam Á và có khả năng vận dụng tri thức vào thực tế công tác có liên quan đến ngành học...

Sinh viên học ngành Đông Nam Á học sau khi ra trường có thể công tác tại:

- + Viện Nghiên cứu Đông Nam Á...
- + Làm tại phòng đối ngoại của các tổ chức phi chính phủ, các Vụ hợp tác quốc tế ...
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Đông Nam Á học.

1) Ngành Tin học; 2) Ngành Tiếng Anh; 3) Ngành Tiếng Trung Quốc

Cũng như sinh viên các ngành: Tin học; Tiếng Anh; Tiếng Trung Quốc của Trường DHSP Tp.HCM... sinh viên học các ngành này của Trường ĐHMBC Tp.HCM cũng được trang bị khối **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** đồng thời còn được học một số môn học mang đặc thù riêng của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng kỹ năng nghiệp vụ vào công tác quản lý, sản xuất trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

1) Ngành Xây dựng (gồm các chuyên ngành: **Xây dựng dân dụng; Xây dựng cầu đường; Kỹ thuật đô thị và môi trường**); 2) Ngành Công nghiệp (gồm có các chuyên ngành: **Cơ điện; Điện - Điện tử**);

Chương trình đào tạo các chuyên ngành: Xây dựng dân dụng; Xây dựng cầu đường; Kỹ thuật đô thị và môi trường; Cơ điện; Điện - Điện tử của Trường ĐHMBC Tp.HCM cũng giống như chương

trình đào tạo các ngành cùng tên của Trường ĐHBK, ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM).... Khi học các chuyên ngành này sinh viên sẽ bước đầu đi vào học **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, sau đó được trang bị **kiến thức cơ bản dành cho ngành**, mặt khác cũng sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu** của từng chuyên ngành, đồng thời còn được cung cấp các **kiến thức bổ trợ** cho ngành... để sau khi tốt nghiệp sinh viên các ngành Xây dựng, Công nghiệp **có khả năng** làm việc độc lập, khả năng nghiên cứu, quản lý các công việc có liên quan đến chuyên ngành...

1) Ngành Tài chính - Ngân hàng; 2) Ngành Kinh tế (gồm các chuyên ngành: Kinh tế học; Kinh tế phát triển; Kinh tế đầu tư; Quản lý Nhà nước về kinh tế; Quản lý khu vực công; Quản lý môi trường; Quản lý đô thị; Quan hệ kinh tế quốc tế; Kinh tế luật); 3) Ngành Kế toán

Ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** về ngành, thì sinh viên còn học các ngành có tên trên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cũng giống như sinh viên các ngành này của Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), ĐH Kinh tế Tp.HCM... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc trong các cơ quan, ban ngành cũng như các Cty, đơn vị sản xuất ở khắp các thành phần kinh tế...

Ngành Xã hội học

Chương trình đào tạo Cử nhân ngành Xã hội học sẽ trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời còn cung cấp cho sinh viên **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cũng giống như chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐH KH&NV (ĐHQG Tp.HCM)... ngoài ra nhà trường còn tạo điều kiện cho sinh viên được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**.... Học xong chương trình này sinh viên **có khả năng** ứng dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào trong công tác thực tế một cách sáng tạo, có tư duy logic, khả năng làm việc theo nhóm hoặc độc lập...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
2002	2.800	8.867	1/3.1
2003	2.800	11.354	1/4.0
2004	2.700	14.615	1/5.3
2005	2.900	10.256	1/3.5
2006	2.820	10.845	1/3.8

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	1997	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV1	NV2
Tin học A/D1	22.0	10.0	19.0	21.0	8.0	9.0	10.0	11.0	14.0	15/14	13.0	14.5
Xây dựng A	17.5	10.0	15.0	21.0	8.0	9.0	10.0	11.0	14.0	15.0	13.0	13.5
Công nghiệp A	17.5	10.0	-	21.0	8.0	9.0	10.0	11.0	14.0	15.0	13.0	13.0
CN Sinh học A	18.0	10.0	21.0	21.0	8.0	9.0	10.0	11.0	14.0	15.0	13.0	14.5
CN Sinh học B	18.0	10.0	21.0	23.0	8.5	9.5	9.0	10.0	15.0	15.0	14.0	15.5
Quản trị KD A	21.0	10.0	17.5	18.5	8.0	9.0	9.0	10.0	14.0	15.0	13.0	16.5
Quản trị KD D	21.0	10.0	17.5	18.5	9.0	10.0	9.0	10.0	14.0	14.0	13.0	16.5
ĐNA học C	17.5	10.0	17.0	15.0	9.0	10.0	9.0	10.0	15.0	14.0	14.0	14.0
ĐNA học D1	17.5	10.0	17.0	15.0	9.0	10.0	9.0	10.0	14.0	14.0	13.0	13.0

Ngành	1997	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2			NV1	NV2
Xã hội học C	15.0	10.0	15.0	16.0	9.0	10.0	9.0	10.0	15.0	14.0	14.0	14.0
Xã hội học D1	15.0	10.0	15.0	16.0	9.0	10.0	9.0	10.0	14.0	14.0	13.0	13.0
Tiếng Anh D1	11.0	10.0	15.0	15.0	9.0	10.0	9.0	10.0	14.0	14.0	13.0	14.0
Kinh tế A/D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	13.0	13.0
Tài chính - NH A/D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	13.0	17.0
Kế toán A/D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	13.0	16.0
Công tác XH C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	14.0	14.0
Công tác XH D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	13.0	13.0
Tiếng Trung D1/D4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	13.0	13.0
Quản trị KD A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	13.0	16.5
Quản trị KD D	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	13.0	16.5

Ghi chú: - Điểm trúng tuyển NV2 năm 2004, 2005 bằng điểm trúng tuyển NV1.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHMBC Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D₁, D₂.
- Trường xét điểm trúng tuyển theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Nếu không đủ điểm vào hệ Đại học và có nguyện vọng bạn sẽ được trường gọi vào học hệ Cao đẳng với các ngành: Tin học, Quản trị kinh doanh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho ĐHMBC Tp.HCM thường ở mức trên hai nghìn chỉ tiêu. Năm 2002 do áp dụng quy chế tuyển sinh mới của Bộ GD&ĐT nên số lượng thí sinh đăng ký vào trường giảm nhưng năm 2005 đã tăng lên 200 chỉ tiêu so với năm 2004 khiến tỉ lệ "chọi" của trường có sự thay đổi theo từng năm (xem bảng 1). Đến năm 2006 chỉ tiêu lại giảm nhưng số lượng thí sinh ĐKDT tăng nên tỉ lệ "chọi" của trường tăng lên song so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này vẫn thấp.

- Điểm trúng tuyển vào trường từ năm 2002 đến nay đã tăng lên và có sự chênh lệch giữa các ngành: ví dụ năm 2006 ngành có điểm chuẩn cao nhất là: Tài chính - Ngân hàng (khối A) (17 điểm) trong khi một số ngành chỉ lấy bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định (khối A: 13 điểm) (xem bảng 2). Điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường ngày càng được nâng cao.

- Từ những đặc điểm trên lưu ý các bạn trong việc chọn ngành khi vào trường và đối với những bạn có lực học trung bình khá muốn trở thành sinh viên của trường không khó.

- Dự kiến sang năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng nhưng không đáng kể.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁN CÔNG TÔN ĐỨC THẮNG

Địa chỉ: 98 Ngô Tất Tố, P.19, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: (84 - 8) 8405794 - Fax: (84 - 8) 8404894 - Website: <http://www.tut.edu.vn/>

- Trường Đại học Công nghệ Dân lập Tôn Đức Thắng được thành lập ngày 24/9/1997, đến ngày 28/01/2003, Thủ tướng Chính phủ đã ký quyết định số 18/2003/QĐ-TTg cho phép chuyển loại hình trường và đổi tên trường thành Đại học Bán công (ĐHBC) Tôn Đức Thắng.
- ĐHBCTôn Đức Thắng là một trường Đại học đa ngành, đa lĩnh vực, đào tạo các ngành thuộc khối Kỹ thuật, Công nghệ, Khoa học ứng dụng, Khoa học xã hội & nhân văn, Kinh tế, Quản trị, Ngoại ngữ, Mỹ thuật...
- Ngoài việc đào tạo hệ Đại học, Cao đẳng chính quy, nhà trường đã chủ động phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức các lớp nghiệp vụ từ sơ cấp đến cao cấp theo hình thức đào tạo lại, bồi dưỡng ngắn hạn, trung hạn cho công nhân viên chức thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.
- Tổng số cán bộ công nhân viên có khoảng 300 người trong đó: 189 cán bộ Giảng dạy, 11 Giáo sư và Phó Giáo sư, 5 Nhà giáo ưu tú, 1 Tiến sĩ Khoa học, 36 Tiến sĩ, 65 Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁN CÔNG TÔN ĐỨC THẮNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Quy hoạch đô thị (*Chuyên ngành Quản lý đô thị*)

Chuyên ngành Quản lý đô thị trang bị cho sinh viên không những chỉ có **kiến thức chung** về Toán, Tin; Đại số tuyến tính - Giải tích - Tin học cơ sở - Tin học chuyên ngành... mà còn có **kiến thức cơ bản** về ngành Xây dựng: Autocad xây dựng - Cơ học lý thuyết - Vật liệu xây dựng - Cơ học đất và nền móng - Thủy lực đại cương - Thủy văn và địa chất thủy văn - Trắc địa - Bê tông cốt thép - Kết cấu thép ... đồng thời sinh viên sẽ được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu về Quy hoạch đô thị**: Kiến trúc nhập môn - Cơ sở kiến trúc - Bài tập lớn cơ sở kiến trúc - Cấu tạo kiến trúc - Nguyên lý kiến trúc dân dụng - Nguyên lý kiến trúc công nghiệp - Đồ án kiến trúc - Lịch sử đô thị - Quy hoạch (QH) đô thị - QH cảnh quan cây xanh - QH dân cư - QH mạng lưới điện và thông tin - Vật lý kiến trúc - Tổ chức giao thông công cộng - Xử lý chất thải đô thị - QH khu sản xuất ở đô thị - Kiến trúc nhà ở - Công trình giao thông đô thị ... cũng như sẽ được đi sâu nghiên cứu về **chuyên ngành Quản lý kinh tế và đô thị**: Kinh tế (KT) vi mô - KT vĩ mô - KT đô thị và chính sách môi trường - KT đô thị và chính sách cộng đồng - Chính sách kinh tế trong phát triển đô thị - KT xây dựng và dự án - Nguyên lý quản trị - Quản trị (QT) chiến lược trong thiết kế xây dựng - QT thiết kế và tổ chức xây dựng - QT môi trường - QT xây dựng - QT tài sản hạ tầng cơ sở - Quản lý hạ tầng kỹ thuật - QT địa chất môi trường - QT và đánh giá dự án - QT hệ thống giao thông - QT hệ thống chất thải công nghiệp - QT tài chính đô thị - Xã hội học đô thị... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **sẽ trở thành** những chuyên gia đầu ngành về quản lý, sử dụng và khai thác đô thị; quản lý dự án xây dựng và quản lý phát triển đô thị mới...

Sinh viên học chuyên ngành Quản lý đô thị sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Viện, TT: Viện Quy hoạch đô thị, nông thôn; TT Khoa học công nghệ xây dựng công nghiệp và đô thị...

+ Cục, Vụ: Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Vụ Kiến trúc, quy hoạch xây dựng, Vụ Khảo sát thiết kế xây dựng, Vụ Hạ tầng kỹ thuật đô thị...

+ T.Cty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp, T.Cty Đầu tư phát triển nhà và đô thị, T.Cty Đầu tư phát triển nhà và Xây dựng, T.Cty Xây dựng và Phát triển hạ tầng, T.Cty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và Môi trường VN... và các Cty, đơn vị thành viên: các Cty Xây dựng phát triển đô thị, Cty Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị VN, Cty Phát triển đô thị và khu công nghiệp, Cty Xây dựng đô thị và khu công nghiệp...

+ Các phòng nghiệp vụ: Quản lý quy hoạch, Quản lý chất lượng công trình, Nghiên cứu quy hoạch kiến trúc, Kế hoạch tổng hợp... trực thuộc Sở Quy hoạch kiến trúc, Sở Xây dựng... trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Quản lý đô thị.

Ngành Công nghệ sinh học

Sinh viên khi học ngành Công nghệ sinh học (CNSH) sẽ được cung cấp *kiến thức chung* dành cho khối Khoa học cơ bản: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Cơ sở tin học - Hóa học - Sinh học tế bào - Sinh học phân tử - Khoa học trái đất..., cùng những *kiến thức cơ bản* về ngành Công nghệ sinh học: Tiến hóa và đa dạng sinh học (SH) - Nhập môn công nghệ sinh học (CNSH) - - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ - Hóa lí - Hóa keo - Thực phẩm lên men - Di truyền học - Hóa sinh học - Vi sinh học - CNSH vi sinh vật (VSV) - CNSH thực vật (TV) - CNSH động vật - CNSH môi trường - Kỹ thuật di truyền - KT Vi sinh - Nuôi cấy mô TV - Quá trình và thiết bị CNSH - KT nhiệt - KT điện - KT lạnh - Tự động hóa sản xuất - Đồ án Quá trình và thiết bị CNSH...

Ngoài ra, tùy chuyên ngành sinh viên theo học mà nhà trường sẽ trang bị *kiến thức chuyên sâu* cũng như *kiến thức bổ trợ* cho từng chuyên ngành một cách phù hợp như:

+ **Chuyên ngành Công nghệ sinh học công nghiệp:** CNSH Công nghiệp - Công nghệ lên men - Đồ án công nghệ sản xuất (CNSX)... và một loạt các môn lựa chọn khác CN lên men rượu bia - CN lên men axit hữu cơ - Công nghiệp hóa sản xuất thực phẩm lên men cổ truyền - CN chế biến thịt và sữa ...

+ **Chuyên ngành Công nghệ sinh học nông nghiệp:** CNSH Nông nghiệp - CN sau thu hoạch - VSV học nông nghiệp - Đồ án CNSH..., cùng các môn bổ trợ kiến thức như: Công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi - Công nghệ bảo quản và chế biến rau quả - KT trồng nấm - CNSH động vật nuôi - Kiểm nghiệm vi sinh...

+ **Chuyên ngành Công nghệ sinh học thủy sản:** CNSH Thủy sản - Bảo quản và chế biến thủy sản - KT nuôi tôm, cá - Đồ án CNSX..., bên cạnh những môn tự chọn: Kiểm nghiệm vi sinh - Chế biến thức ăn thủy sản - SX các chế phẩm SH cho NTTS - Bệnh tôm cá và phương pháp chẩn đoán - KT sinh sản nhân tạo cá giống...

Sinh viên ngành Công nghệ sinh học sau khi tốt nghiệp *có khả năng* nghiên cứu, ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

Sinh viên ngành Công nghệ sinh học khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Công nghiệp thực phẩm, Viện Nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Chăn nuôi QG...

+ Các TT: TT Công nghệ sinh học thực vật, TT Sinh học thực nghiệm, TT Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao, TT Phân tích AND và Công nghệ di truyền, TT Môi trường sinh học nông nghiệp...

+ Các Cục: Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Cục Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, Cục Bảo vệ thực vật...

+ T.Cty Chế biến thủy sản VN, T.Cty Mía đường VN, T.Cty Sữa VN, T.Cty Lương thực, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Công nghệ thực phẩm, Cty Đầu tư và Phát triển công nghệ thực phẩm, Cty Kỹ nghệ thực phẩm VN, Cty Dầu thực vật hương liệu mỹ phẩm VN, các Cty Chế biến, Bảo quản thực phẩm, Cty Giống cây trồng Trung ương...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Kỹ thuật, Chế biến nông lâm sản... tại các Sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp... ở 64 tỉnh, thành phố.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CD, THCN cổ đào tạo các chuyên ngành CN sinh học.

Ngành Công nghệ hóa học

Kỹ sư ngành Công nghệ hóa học sẽ được đào tạo ***kiến thức chung*** về Toán, Lý, Hóa và Tin học: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Cơ sở Tin học... bước đầu đi vào chuyên ngành với những ***kiến thức cơ bản dành cho Hóa học***: Hóa vô cơ - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ - Hóa lý kỹ thuật - Hóa lý - Hóa sinh - Vi sinh... và ***Kỹ thuật hóa học***: Quá trình truyền nhiệt - Quá trình truyền khối - Dụng cụ đo và điều khiển tự động trong công nghệ hóa học - Công nghệ sinh học - Vật liệu học - Kỹ thuật phản ứng và xúc tác - Công nghệ sản xuất (CNSX) sạch - Quá trình và thiết bị cơ học - Cơ lưu chất... cùng các môn hỗ trợ cơ bản: Phương pháp tính - Tối ưu - Hình học họa hình - Tin học trong hóa học và công nghệ hóa học - Kỹ thuật điện - Cơ sở mạch điện tử - Vẽ kỹ thuật (cơ khí) - Internet - AutoCAD - Quản trị doanh nghiệp...

Đồng thời, ngành Công nghệ sinh học còn tạo điều kiện cho sinh viên đi vào nghiên cứu những ***kiến thức chuyên sâu*** và các ***kiến thức bổ trợ*** theo từng chuyên ngành lựa chọn:

+ ***Chuyên ngành Công nghệ vật liệu vô cơ***: Giản đồ pha - Các phương pháp nghiên cứu và phân tích vật liệu vô cơ - CNSX hóa chất vô cơ - Kỹ thuật tổng hợp vật liệu vô cơ... và các môn ***bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành***: Hóa học và hóa lý silicat - CNSX các chất kết dính - Vật liệu composit vô cơ - CNSX các oxyt kim loại - Kỹ thuật tổng hợp vô cơ điện hóa - Vật liệu xử lý nước ô nhiễm - CNSX pin, acquy - Vật liệu gốm cao cấp (điện tử, bán dẫn, siêu âm) - Công nghệ chế biến quặng phi kim/kim loại - Công nghệ luyện kim bột - CNSX gốm sứ - Quá trình và thiết bị gốm sứ - Nguyên lý lò nung gốm sứ - Men và màu gốm sứ...

+ ***Chuyên ngành Tổng hợp hữu cơ***: CNSX hóa chất hữu cơ - Hóa học và Hóa lý polyme - Các phương pháp nghiên cứu và phân tích hợp chất hữu cơ... và hàng loạt ***môn học bổ trợ cho chuyên ngành tổng hợp hữu cơ bằng phương pháp hóa học***: Hóa học các hợp chất thiên nhiên - Hóa hương liệu và mỹ phẩm - Công nghệ chế biến dầu khí - Kỹ thuật chiết tách tinh dầu, chất thơm - Phân tích kiểm tra chất lượng hương liệu - Công nghệ chế biến và bảo quản mỹ phẩm - Công nghệ các chất hoạt động bề mặt - - Hóa học chất kích thích tăng trưởng động vật ... cùng với ***kiến thức bổ trợ cho chuyên ngành tổng hợp hữu cơ bằng phương pháp hóa sinh***: Các phương pháp nghiên cứu phân tích hóa sinh hiện đại - Kỹ thuật phản ứng sinh học - Công nghệ lên men (CNLM) - Các phương pháp kiểm tra vi sinh - Các phương pháp kiểm tra hóa sinh - CNSX Enzyme - CNSX các sản phẩm y dược - CNLM sản phẩm từ thịt cá - CNSX các sản phẩm nước uống - CNSX các sản phẩm từ sữa - CNLM các nguyên liệu nông sản - CNSX các chất kích thích tăng trưởng - CNSX các chất xử lý môi trường ...

+ Chuyên ngành Vật liệu hữu cơ: Hóa học và hóa lý polyme - CNSX hóa chất hữu cơ - Hóa học và phương pháp tổng hợp hữu cơ hiện đại - Các phương pháp nghiên cứu và phân tích hợp chất hữu cơ... và các **kiến thức bổ trợ:** Kỹ thuật gia công chất dẻo - Cơ sở công nghệ chất dẻo/ cao su/ xenlulo, giấy và sợi hóa học - Polymer sinh học và polymer phân hủy - Công nghệ vật liệu hữu cơ - CNSX các sản phẩm composit - CNSX các chất dẻo đặc chủng - CNSX chất tạo màng (sơn) và kết dính hữu cơ - Kỹ thuật gia công chất dẻo - Kỹ thuật sơ chế cao su - Công nghệ cao su nhiệt dẻo - CNSX sản phẩm cao su thông dụng - CNSX sản phẩm cao su kỹ thuật - Kỹ thuật sản xuất xenlulo/ giấy/ sợi hóa học - Cơ sở kỹ thuật nhuộm màu...

Ra trường, Kỹ sư ngành Công nghệ hóa học **có khả năng** nghiên cứu sản xuất và ứng dụng các sản phẩm hóa học hoặc liên quan, có khả năng vận hành dây chuyền sản xuất, quản lý sản xuất ở các cơ sở sản xuất cũng như ở các cơ quan nghiên cứu khoa học kỹ thuật...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ hóa học sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Vật liệu xây dựng, Viện Đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu (ITIMS), Viện Khoa học vật liệu, Viện Khoa học vật liệu ứng dụng, Viện Nghiên cứu Mỏ và Luyện kim, Viện Luyện kim đen; TT Công nghệ vật liệu, các TT Tư vấn thiết kế và Xây dựng...

+ Các Vụ: Vụ Vật liệu xây dựng, Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Cơ khí Luyện kim và Hóa chất, Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế kỹ thuật...

+ Các T.Cty Vật liệu xây dựng, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Thủy tinh và Gốm xây dựng, T.Cty Chế biến kinh doanh sản phẩm khí, T.Cty Xăng dầu VN, T.Cty Dầu khí VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Thép VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Vật liệu xây dựng, Cty Xây lắp và Vật liệu xây dựng, Cty Vật liệu và Công nghệ, Cty Ống thép VN, các Cty Thép, Cty KT xây dựng và Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở: Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Công nghệ hóa học.

Ngành Khoa học Bảo hộ lao động (gồm các chuyên ngành: Kỹ thuật an toàn; Kỹ thuật xử lý môi trường; Vệ sinh lao động)

(Xin xem nội dung ngành của Trường ĐHDL Kỹ thuật - Công nghệ Tp.HCM).

1) Ngành Công nghệ thông tin; 2) Ngành Toán - Tin ứng dụng; 3) Ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử và Viễn thông (bao gồm các chuyên ngành: Hệ thống điện; Điện tử viễn thông; Tự động hóa); 4) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 5) Ngành Xây dựng cầu đường; 6) Ngành Cấp thoát nước - Môi trường nước; 7) Ngành Khoa học môi trường

Nội dung chương trình đào tạo các ngành có tên trên của Trường ĐHBK TĐT cũng giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành cùng tên của Trường ĐHBK, ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM)... Ngoài các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** dành cho ngành, thí sinh viên còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** theo học, để khi ra trường, sinh viên các ngành này **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng nghiệp vụ vào công tác thực tế trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

1) Ngành Tài chính - Tín dụng; 2) Ngành Kế toán - Kiểm toán; 3) Ngành Quản trị kinh doanh (bao gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị kinh doanh quốc tế; Quản trị sản xuất; Quản trị Marketing; Nhà hàng - Khách sạn);

Cũng giống như sinh viên 3 ngành cùng tên trên ở các trường: ĐH Ngân hàng Tp.HCM, ĐH Kinh tế Tp.HCM và Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM)... sinh viên khi theo học các ngành này của Trường ĐHBCTĐT cũng sẽ được trang bị không chỉ có *kiến thức chung, kiến thức cơ bản về ngành*, mà còn được đào tạo để có *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*... Tốt nghiệp, Cử nhân các chuyên ngành trên *có khả năng* làm việc độc lập tại các vị trí liên quan chuyên ngành ở các cơ quan, đơn vị Nhà nước hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh ở khắp các lĩnh vực kinh tế...

1) Ngành Xã hội học; 2) Ngành Tiếng Anh; 3) Ngành Tiếng Trung; 4) Ngành Trung - Anh

Sinh viên học các ngành có tên trên của Trường ĐHBCTĐT được học ngoài các *kiến thức chung* dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, thì còn được đào tạo *kiến thức cơ bản* dành cho ngành, đồng thời cũng sẽ được trang bị *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*... giống như khối kiến thức mà Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM) cung cấp cho sinh viên các chuyên ngành cùng tên. Sau khi tốt nghiệp Cử nhân các ngành này *có khả năng* nghiên cứu, giảng dạy và khả năng ứng dụng nghiệp vụ vào trong công tác thực tế...

Ngành VN học (Chuyên ngành Du lịch)

Tương tự chương trình đào tạo ngành Du lịch của Trường ĐH Cần Thơ, chương trình đào tạo chuyên ngành Du lịch của Trường ĐHBCTĐT cũng cung cấp cho sinh viên bên cạnh những *kiến thức chung và kiến thức cơ bản về ngành*, là khối *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*, cùng với một số môn học khác nhằm *bổ trợ kiến thức cho ngành*... để khi ra trường sinh viên *có khả năng* làm hướng dẫn viên du lịch cũng như có khả năng thiết kế tour du lịch... tại các Cty du lịch và các tổ chức hoạt động du lịch trong nước...

Ngành Mỹ thuật công nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Mỹ thuật công nghiệp của Trường ĐHBCTĐT cũng bao gồm các *kiến thức chung* dành cho khối Khoa học cơ bản, cùng với những *kiến thức cơ bản* về ngành, đồng thời còn cung cấp cho sinh viên *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*... giống như chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM. Tốt nghiệp ngành Mỹ thuật công nghiệp sinh viên sẽ *có khả năng* thiết kế mẫu mã sản phẩm công nghiệp, các mô hình nội ngoại thất... tại các Cty, các nhà máy sản xuất thiết bị nội thất, vật liệu xây dựng, làm chuyên viên tư vấn ở các TT Tư vấn mẫu mã công nghiệp...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
2002	1.500	5.098	1/3.3
2004	1.600	8.238	1/5.0
2005	2.000	7.585	1/3.8
2006	2.200	9.540	1/4.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Công nghệ thông tin(A,D1)	22.5	9.0	10.0	10.0	11.0	14.0	14.0	15/14	15/14	13.0	13.0
Toán - Tin ứng dụng (A)	25.0	9.0	10.0	10.0	11.0	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Kỹ thuật Điện - ĐT (A)	23.5	9.0	10.0	10.0	11.0	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Bảo hộ lao động (A,B)	19.0	9.0	10.0	10.0	11.0	14/15	14.0	15.0	15.0	13/14	13/14
Công nghệ hóa học (A,B)	25.5	9.0	10.0	12.0	14.0	14/16	14/18.5	15.0	17.0	13/14	14.0
Kinh tế (A)	19.0	9.0	10.0	13.0	15.0	14.0	-	15.0	15.0	13.0	-
Kinh tế (D ₁)	19.0	12.0	13.0	13.0	15.0	14.0	-	14.0	14.0	-	-
Quản trị kinh doanh (A,D1)	19.0	9/12	10/13	10.0	11.0	14.0	15.0	15/14	15/14	13/14	14.0
Tiếng Anh (D1)	16.0	12.0	13.0	14.0	15.0	17.0	20.5	14.0	14.0	15.0	19.0
Xã hội học (C,D1)	16.0	13.0	14.0	10.0	11.0	15/14	15/14	14.0	14.0	14.0	14/13
Xây dựng DD&CN (A)	-	9.0	10.0	10.0	11.0	14.0	15.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Xây dựng cầu đường (A)	-	9.0	10.0	10.0	11.0	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Cấp thoát nước (A/B)	-	9.0	10.0	10.0	11.0	14.0	14/15	15.0	15.0	13.0	13/14
Khoa học môi trường (A,B)	-	9.0	10.0	10.0	11.0	14/15	14/15.5	15.0	15.0	13/14	13/14
Tiếng Trung (D1, D4)	-	-	-	13.0	14.0	14.0	14/16	14.0	14.0	13/15	13/15
Mỹ thuật công nghiệp (H)	-	-	-	-	-	16.0	17.0	17.0	19.0	18.0	19.0
Kế toán - Kiểm toán (A,D1)	-	-	-	-	-	14.0	17.0	15/14	17.0	13/14	16.0
Công nghệ sinh học (A,B)	-	-	-	-	-	15.0	B-18	15.0	B-17	14.0	13/14
Tài chính - Ngân hàng(A,D1)	-	-	-	-	-	14.0	15.0	15/14	16.0	16.0	16.0
QT kinh doanh quốc tế (A,D1)	-	-	-	-	-	14.0	14.0	15/14	15/14	13.0	15.0
QT kinh doanh NH-KS (A,D1)	-	-	-	-	-	-	-	15/14	15/14	14.0	-
Quản lý đô thị (A)	-	-	-	-	-	-	-	15.0	15.0	13.0	13.0
Trung - Anh (D1, D4)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	16.0
VN học (C,D1)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14/13	/1314

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHBCTT tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, D₁, D₄, H.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành và khối thi.
- Khối H môn vẽ phải từ 5 điểm trở lên và chỉ tuyển thí sinh thi khối H ở Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM hoặc ĐH Mỹ thuật công nghiệp Hà Nội. Các ngành Ngoại ngữ môn chuyên ngữ hệ số 2.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ năm 2002 đến nay vẫn tăng, trong khi số lượng thí sinh ĐKDT từ khi trường thành lập đến nay lại không theo 1 quy định nhất định nào, thường cứ 1 năm tăng thì năm sau lại giảm, do đó tỉ lệ "chơi" có năm cao, có năm thấp. Tuy nhiên tỉ lệ "chơi" của trường không phải là cao so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).
- Điểm trúng tuyển vào trường từ năm 2002 đến nay nhìn chung tăng dần lên, điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường đã được nâng cao. (Xem bảng 2).
- Từ khi Bộ GD&ĐT áp dụng quy định điểm sàn cho các khối thi (năm 2004) thì điểm chuẩn vào trường hầu như bằng điểm sàn của Bộ và cũng ở mức trung bình như các trường Dân lập, Bán công khác ở khu vực phía Nam.
- Nhìn vào bảng 2 cũng có thể thấy điểm chuẩn NV2 thường chỉ chênh so với điểm chuẩn NV1 từ 0 – 1.0 điểm.

- Bắt đầu từ năm 2006 trường đào tạo thêm ngành mới là: ngành VN học (chuyên ngành Du lịch) mở ra cơ hội mới cho những thí sinh có nguyện vọng ĐKDT vào trường đồng thời cũng mở ra cơ hội việc làm mới cho sinh viên khi ra trường vì ngành này đang phát triển khá mạnh ở nước ta.

- Khả năng năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁN CÔNG MARKETING

Địa chỉ: 306 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 1, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (08) 9970941 - Website: <http://www.vnmu.edu.vn/>

- Ngày 05/3/2004 Trường Đại học Bán công (ĐHBC) Marketing được thành lập trên cơ sở nâng cấp từ Trường Cao đẳng bán công Marketing.
- Trường ĐHBC Marketing đào tạo các hệ: ĐH, CĐ, THCN...
- Đội ngũ giảng viên giảng dạy gồm nhiều Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ tận tâm và giàu kinh nghiệm trong nghề nghiệp.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁN CÔNG MARKETING ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Quản trị nguồn nhân lực (bao gồm các chuyên ngành sau: Quản trị kinh doanh tổng hợp; Marketing; Thẩm định giá; Thương mại quốc tế; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Du lịch lữ hành (Hướng dẫn viên du lịch)); 2) Ngành Kế toán; 3) Ngành Hệ thống thông tin kinh tế (Tin học quản lý); 4) Ngành Tiếng Anh kinh doanh

Cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên trên của trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, ĐH Ngân hàng Tp.HCM... chương trình đào tạo các ngành này của trường ĐHBC Marketing cũng nhằm trang bị cho sinh viên không những có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế, mà còn cung cấp **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời cũng sẽ đào tạo để sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Ra trường, Cử nhân chuyên ngành **có khả năng** hoạt động trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Bảng điểm trúng tuyển vào các ngành, chuyên ngành và chỉ tiêu của trường

Ngành/Chuyên ngành	2005	2006	
	NV2	NV1	NV2
Quản trị kinh doanh tổng hợp A/D1	15.0/14.0	13.0	16.5
Quản trị nguồn nhân lực A/D1	15.0/14.0	13.0	16.5
Marketing A/D1	15.0/14.0	13.0	16.5
Thâm định giá A/D1	15.0/14.0	13.0	13.5
Thương mại quốc tế A/D1	15.0/14.0	13.0	16.0
Kế toán A/D1	15.0/14.0	13.0	16.0
Tin học quản lý A	15.0	13.0	13.5
Tiếng Anh kinh doanh D1	14.0	13.0	13.5
Kinh doanh bất động sản A/D1	-	13.0	13.5
Kinh doanh quốc tế A/D1	-	13.0	13.5
Du lịch lữ hành A/D1	-	13.0	13.5
Chỉ tiêu	600	680	

Ghi chú: - Năm 2005 trường chỉ xét tuyển NV2.

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐHBC Marketing tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, D1.
- Hệ Cao đẳng của trường không thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã dự thi khối A, D1 theo đề thi của Bộ GD&ĐT để xét tuyển trên cơ sở hồ sơ đăng ký của thí sinh.

2. Một số lưu ý:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ khi thành lập đến nay tăng lên. (Xem bảng trên).
- Điểm trúng tuyển vào trường được lấy bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT. (Xem bảng trên).
- Các ngành: Kinh doanh bất động sản, Kinh doanh quốc tế, Du lịch lữ hành (Hướng dẫn viên du lịch) là 3 ngành học mới tuyển sinh năm 2006.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HUẾ

Địa chỉ: 3 Lê Lợi, Tp. Huế

Điện thoại: 054.828493 - Website: <http://www.hueuni.edu.vn/>

- Trường Đại học (ĐH) Huế được thành lập năm 1957, là một trong những TT đào tạo, nghiên cứu, đầu mối giao lưu văn hóa, khoa học, giáo dục lớn nhất miền Trung.
- Trường ĐH Huế có các bậc đào tạo chính: Đại học, Trung học... với các hệ đào tạo chính quy, không chính quy...
- ĐH Huế là một đại học vùng có quy mô đào tạo và cơ cấu ngành nghề vào loại lớn trong phạm vi cả nước với 73 ngành đào tạo Đại học, 53 ngành đào tạo Thạc sĩ, 16 chuyên ngành đào tạo Tiến sĩ...
- Đội ngũ cán bộ viên chức của trường có trình độ chuyên môn cao trong đó có: 1.316 Giảng viên và Nghiên cứu viên, 80 Giáo sư, Phó Giáo sư, 250 Tiến sĩ, gần 600 Thạc sĩ và trên 40 Nhà giáo ưu tú...
- ĐH Huế gồm có 7 trường đại học thành viên và 1 khoa trực thuộc:
 - Trường Đại học Khoa học
 - Trường Đại học Sư phạm
 - Trường Đại học Nông lâm
 - Trường Đại học Y
 - Trường Đại học Nghệ thuật
 - Trường Đại học Kinh tế
 - Trường Đại học Ngoại ngữ
 - Khoa Giáo dục thể chất

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1997	2.835	25.036	1/8.8
1998	3.316	38.193	1/11.5
1999	3.430	42.824	1/12.4
2000	3.470	49.167	1/14.1
2001	3.800	60.819	1/16.0
2002	4.780	51.450	1/10.8
2003	4.500	53.610	1/11.9
2004*	4.780	53.372	1/11.0
2005	5.400	56.734	1/10.5
2006	5.900	58.454	1/9.9

Ghi chú: - * - Năm 2004 số lượng ĐKDT tính chung cho cả trường ĐH Huế nên không có số liệu cụ thể của từng trường.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- ĐH Huế tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh theo các khối A, B, C, D, H, M, N, T, V.
- ĐH Huế xét điểm trúng tuyển theo trường, ngành, khối mà thí sinh ĐKDT.
- Thí sinh vào các ngành năng khiếu không phải qua sơ tuyển, thí sinh phải dự thi đầy đủ các phần trong môn năng khiếu của khối thi. Đối với môn Vẽ mỹ thuật phải đạt 5 điểm trở lên, chưa nhân hệ số mới được xét tuyển.
- Các ngành có thi môn năng khiếu không xét tuyển đợt 2, 3.
- Các ngành Sư phạm không tuyển những thí sinh dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.
- Ngành Quản lý giáo dục chỉ tuyển đối tượng là giáo viên, cán bộ quản lý đang công tác trong ngành giáo dục.
- Các ngành Sư phạm Thể chất - Giáo dục quốc phòng, Sư phạm Giáo dục thể chất phải đạt yêu cầu: thể hình cân đối, nam cao 1.65m, nặng 45kg; nữ cao 1.55m, nặng 40 kg trở lên. Thí sinh không đạt yêu cầu về thể hình sẽ không được dự thi.
- Những thí sinh thi vào khối A của ĐH Huế, trúng tuyển với điểm cao, có thể dự tuyển vào lớp cử nhân chất lượng cao các ngành Toán, Vật lý, Công nghệ thông tin theo chương trình đào tạo phối hợp giữa ĐH Huế và ĐH Tổng hợp Quốc gia Belarus (bằng ngân sách Nhà nước).
- Những thí sinh có điểm thi từ điểm sàn trở lên, có thể đăng ký học lớp cử nhân ngành Quản trị kinh doanh du lịch và Công nghệ giải trí theo chương trình đào tạo phối hợp giữa ĐH Huế và Trường ĐH Quản lý khoa học ứng dụng Krems, Cộng hòa Áo (theo mức học phí liên kết). 2 lớp trên, sinh viên theo học chương trình đào tạo của trường nước ngoài. Cấp bằng giai đoạn của tại ĐH Huế, giai đoạn II học tại nước ngoài.
- Từ năm 2006 ĐH Huế mở 12 ngành và chuyên ngành mới: Văn học, Ngôn ngữ học (2 ngành này được tách ra từ ngành Ngữ văn) và Xã hội học thuộc Trường ĐH Khoa học; Chế biến lâm sản (ĐH Nông lâm); Tiếng Trung, tiếng Nhật (ĐH Ngoại ngữ); Sư phạm Giáo dục thể chất (Khoa Giáo dục thể chất); Tài chính ngân hàng (ĐH Kinh tế); Quản lý giáo dục (ĐH Sư phạm). 3 chuyên ngành mới là: Ngư y (thuộc ngành Nuôi trồng thủy sản, ĐH Nông lâm); Thống kê kinh doanh (thuộc ngành Quản trị kinh doanh, ĐH Kinh tế); Kế toán kiểm toán (thuộc ngành Kế toán, ĐH Kinh tế).

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường ĐH Huế hàng năm có sự thay đổi, năm 2003 chỉ tiêu giảm so với những năm trước nhưng từ năm 2004 đến nay lại có xu hướng tăng lên (xem bảng 1).
- Số thí sinh ĐKDT vào ĐH Huế tăng hàng năm và mức tăng cao hơn mức tăng chỉ tiêu khiến tỉ lệ "chọi" của trường cao. Tuy nhiên do từ năm 2002 Bộ GD&ĐT có sự thay đổi trong Quy chế tuyển sinh Đại học và Cao đẳng nên số thí sinh ĐKDT vào trường năm 2002 giảm 15% so với năm 2001.
- Năm 2006 số thí sinh đăng ký vào trường tăng lên cùng với chỉ tiêu cũng tăng, nên tỉ lệ chọi của trường mặc dù có giảm so với năm 2005 nhưng không đáng kể.
- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

- Ngày 27/10/1976 Trường Đại học Tổng hợp Huế được thành lập trên cơ sở sáp nhập Đại học Văn khoa và Đại học Khoa học thuộc Viện Đại học Huế. Ngày 4/4/1994 Trường đổi tên thành Trường Đại học Khoa học (ĐHKH) trực thuộc Đại học Huế.
- Trường ĐHKH có nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ.
- Đội ngũ cán bộ công chức của trường gồm 486 người, trong đó có: 371 Giảng viên với 14 Phó Giáo sư, 72 Tiến sĩ, 163 Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC ĐÀO TẠO CÁC CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Toán học; 2) Ngành Tin học; 3) Ngành Vật lý; 4) Ngành Điện tử - Viễn thông; 5) Ngành Hóa học; 6) Ngành Địa chất (*gồm các chuyên ngành: Địa chất; Địa chất công trình và địa chất thủy văn*); 7) Ngành Sinh học; 8) Ngành Khoa học môi trường; 9) Ngành Công nghệ sinh học;

Chương trình đào tạo 9 ngành có tên trên của Trường ĐHKH cũng tương tự chương trình đào tạo các ngành cùng tên của Trường ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM).... Sinh viên khi theo học các ngành này không chỉ được trang bị các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, mà bước đầu còn đi vào chuyên ngành với những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời cũng được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành.... Để sau khi học xong sinh viên **có được khả năng** ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ vào đời sống, sản xuất và nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên ngành....

1) Ngành Địa lý (*gồm các chuyên ngành: Địa lý tài nguyên và môi trường; Bản đồ - Viễn thám*); 2) Ngành Ngôn ngữ; 3) Ngành Lịch sử; 4) Ngành Triết học; 5) Ngành Hán - Nôm; 6) Ngành Báo chí; 7) Ngành Công tác xã hội; 8) Ngành Văn học; 9) Ngành Xã hội học

Cũng giống như chương trình đào tạo cử nhân các ngành cùng tên trên của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM), chương trình đào tạo cử nhân các ngành này của Trường ĐHKH cũng được cung cấp ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, thì còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, và cũng sẽ được học một số môn học lựa chọn khác để **bổ trợ kiến thức** cho ngành.... Để khi ra trường, Cử nhân các ngành có được những **kỹ năng, nghiệp vụ và phương pháp** làm việc độc lập theo lĩnh vực chuyên ngành đã theo học...

Ngành Kiến trúc công trình

Sinh viên học ngành Kiến trúc công trình của Trường ĐHKH được học những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** về ngành, bên cạnh đó còn được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về Khoa học - Kỹ thuật và Nghệ thuật kiến trúc xây dựng, cũng rất nhiều môn học lựa chọn để **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành cũng giống như khối kiến thức mà sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM được cung cấp.... Để sau khi tốt nghiệp, Kiến trúc sư ngành này sẽ **có khả năng** thiết kế kiến trúc các thể loại công trình công cộng, công nghiệp và nhà ở...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	1.400	9.749	1/6.9
2003	1.450	18.735	1/12.9
2004	1.500	-	-
2005	1.220	12.910	1/10.5
2006	1.350	12.387	1/9.2

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành/khoa

Ngành	2000	2001		2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Toán học A	22.5	19.0	23.5	17.5	19.5	13.0	15.0	14.0	18.0	15.0	18.5	15.0	18.5
Tin học A	22.5	20.5	23.5	15.5	20.0	13.0	16.0	14.0	19.0	15.0	20.5	14.5	20.5
Vật lý A	27.0	25.5	27.0	15.5	19.5	12.5	14.5	14.0	18.0	15.0	19.5	15.0	19.5
Địa chất A	16.5	19.0	25.5	14.5	19.5	12.0	14.0	14.0	17.0	15.0	16.0	14.5	16.0
Hóa học A	25.0	23.5	28.0	19.0	23.5	14.0	17.0	16.0	-	17.5	-	15.0	-
Sinh học A	17.0	21.0	26.5	20.0	26.0	14.0	17.0	18.5	-	16.0	-	15.5	-
Địa lý A	13.0	16.5	25.5	14.0	15.0	11.5	14.5	14.0	-	-	-	-	-
Địa lý B	13.0	14.0	21.0	15.5	22.5	12.5	15.5	15.5	-	16.0	-	14.5	-
Luật A	16.5	15.5	18.0	12.5	16.5	16.5	19.5	16.0	-	-	-	16.5	-
Luật C	16.5	16.5	18.5	15.5	18.5	16.5	19.5	16.0	-	16.0	-	16.5	-
Lịch sử	19.5	21.5	25.5	21.5	23.5	15.5	18.5	17.5	-	15.0	-	16.0	-
Triết học A	15.0	16.0	16.5	12.0	13.0	12.0	15.0	14.0	-	-	-	14.0	-
Triết học C	15.0	16.0	19.0	15.5	16.5	15.5	18.5	16.5	-	15.0	-	14.0	-
Triết học D _{1,2,3}	15.0	14.0	16.5	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-
Tiếng Anh	21.0	23.0	24.0	20.0	22.5	15.0	18.0	14.5	-	-	-	-	-
Tiếng Nga D ₂	12.0	17.5	19.5	15.5	17.5	11.0	14.0	14.0	17.0	-	-	-	-
Tiếng Nga D _{1,3}	12.0	17.5	23.0	15.5	19.5	11.0	14.0	14.0	17.0	-	-	-	-
Tiếng Pháp D ₁	15.5	21.5	22.0	17.5	21.5	15.0	18.0	14.0	-	-	-	-	-
Tiếng Pháp D ₃	15.5	21.5	22.0	20.0	22.0	15.0	18.0	14.0	-	-	-	-	-
Khoa học MT A	26.0	-	-	18.5	22.5	17.0	20.0	19.0	-	-	-	18.5	-
Khoa học MT B	26.0	-	-	24.5	28.0	19.5	22.5	21.5	-	21.5	-	18.5	-
Ngữ văn C	20.5	-	-	21.5	25.0	17.0	20.0	16.0	-	16.0	-	14.5	-
Kiến trúc công trình V	-	26.0	-	19.0	-	20.5	-	24.0	-	27.0	-	24.0	-
Hàn Nôm C	-	-	-	21.0	24.5	12.5	15.5	17.0	-	15.0	17.0	14.5	17.0
Báo chí C	-	-	-	-	-	17.0	20.0	16.0	-	16.5	-	16.5	-
Điện tử - Viễn thông A	-	-	-	-	-	-	-	17.0	-	19.5	-	17.5	-
C. nghệ sinh học B	-	-	-	-	-	-	-	21.0	-	22.5	-	19.0	-
Công tác xã hội C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.0	-	15.0	-

Ghi chú: - Một số ngành môn chính lấy hệ số 2.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Khoa học tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, V.
- Trường thường xét điểm trúng tuyển theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường có sự biến động: từ năm 2002 đến 2004 chỉ tiêu tăng từ 1.400 - 1.500 nhưng đến năm 2005 lại giảm xuống, và giảm 280 chỉ tiêu so với năm 2004, tuy nhiên sang năm 2006 mặc dù chỉ tiêu của trường vẫn thấp hơn những năm trước song đã tăng lên 130 chỉ tiêu so với năm 2005. (Xem bảng 1).

- Chỉ tiêu không ổn định nên số lượng các thí sinh ĐKDT vào trường cũng có sự biến động, vì thế tỉ lệ "chọi" của trường có năm cao, có năm thấp nhưng so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này vẫn ở mức tương đối cao (xem bảng 1).

- Năm 2006 điểm trúng tuyển của trường có chiều hướng giảm so với năm 2005, do đây là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT không áp dụng việc tính điểm thưởng cho thí sinh ĐKDT. Mặc dù vậy, điểm trúng tuyển vào trường vẫn cao hơn so với điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định. (Xem bảng 2).

- Điểm chuẩn giữa các ngành, các khối trong trường có sự chênh lệch: nhìn chung các ngành khối B thường lấy điểm trúng tuyển cao hơn so với các ngành khối A. Giữa các ngành khối B thì ngành Công nghệ sinh học, ngành Khoa học môi trường lại lấy điểm chuẩn cao hơn hẳn các ngành khối B khác. Còn các ngành khối A thì bao giờ điểm chuẩn của ngành Điện tử viễn thông luôn cao nhất... (Xem bảng 2).

- Từ khi áp dụng việc tính điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định (từ năm 2004) thì Trường ĐH Khoa học chỉ tuyển NV2 ở một số ngành nhưng mức điểm trúng tuyển khá cao, thường cao hơn NV1 từ 1.5 - 5.5 điểm. (xem bảng 2).

- Qua những số liệu của 2 bảng trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: 34 Lê Lợi - Huế

Điện thoại: 054.822132 - Fax: 054.825824 - Website: <http://www.hueuni.edu.vn/dhsp/>

- Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) được thành lập năm 1957, tiền thân là Trường Cao đẳng Sư phạm trực thuộc Viện Đại học Huế. Ngày 4/4/1994 trực thuộc Đại học Huế với tên gọi Trường ĐHSP.
- Trường ĐHSP là TT đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các cấp và nghiên cứu khoa học mạnh ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên.
- Trường ĐHSP hiện có các cấp đào tạo: Đại học, Sau đại học... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ công chức của trường gồm 345 người, trong đó 212 Giảng viên, 14 Phó Giáo sư, 67 Tiến sĩ và Tiến sĩ Khoa học, 102 Thạc sĩ, 84 Giảng viên chính và 03 Chuyên viên chính...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Sư phạm (SP) Toán học; 2) Ngành SP Tin học; 3) Ngành SP Vật lý; 4) Ngành SP Hóa học; 5) Ngành SP Sinh học; 6) Ngành SP Ngữ văn; 7) Ngành SP Lịch sử; 8) Ngành SP Địa lý; 9) Ngành SP Giáo dục chính trị; 10) Ngành SP Tâm lý học giáo dục; 11) Ngành SP Mẫu giáo; 12) Ngành SP Giáo dục tiểu học

Tương tự chương trình đào tạo các ngành Sư phạm có tên trên của các Trường ĐHSP Tp.HCM, ĐHSP (ĐH Đà Nẵng)... chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐHSP (ĐH Huế) cũng sẽ cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, cộng với **kiến thức cơ bản** về ngành, và cũng sẽ trang bị cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, ngoài ra sinh viên còn được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành... Để sau khi học xong sinh viên các ngành này **có kỹ năng, nghiệp vụ** sư phạm theo lĩnh vực chuyên ngành...

Ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp

Giống như ngành Sư phạm kỹ thuật công nghiệp của Trường ĐHSP Kỹ thuật Tp.HCM, ngành này của Trường ĐHSP Huế cũng sẽ cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, đồng thời còn trang bị cho sinh viên những **kỹ năng và nghiệp vụ** sư phạm... để sinh viên khi tốt nghiệp ra trường **có khả năng** giảng dạy môn Kỹ thuật ở các trường Phổ thông, Dạy nghề, Trung cấp kỹ thuật hoặc các khoa Kỹ thuật ở các trường Đại học sư phạm, các TT hướng nghiệp của các tỉnh, thành phố.

Sư phạm Kỹ thuật nông lâm

Ngành Sư phạm Kỹ thuật nông lâm của Trường ĐHSP Huế cũng trang bị cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, Sinh, những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Sư phạm kỹ thuật nông lâm, còn cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cũng như chương trình đào tạo chuyên ngành Nông lâm kết hợp của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM... đồng thời ngoài những kiến thức về Kỹ thuật nông lâm, sinh viên còn được đào tạo khối kiến thức

ngành vụ sự phạm... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** giảng dạy môn Kỹ thuật nông nghiệp, Kỹ thuật lâm nghiệp tại các cơ sở đào tạo hoặc làm việc tại các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế xã hội có hoạt động liên quan đến lĩnh vực nông lâm nghiệp...

Ngành Quản lý giáo dục

Đào tạo cử nhân ngành Quản lý giáo dục sẽ có **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, ngoài ra sinh viên cũng được lựa chọn các môn học để **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành tương tự như sinh viên học ngành này của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM).... Sau khi tốt nghiệp Cử nhân ngành Quản lý giáo dục của Trường ĐHSPh Huế **có khả năng** lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra các hoạt động giáo dục, kỹ năng giao tiếp trong quản lý giáo dục, khả năng ứng dụng khoa học giáo dục và quản lý vào quản lý các cơ sở giáo dục và các hoạt động sự phạm...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	1.800	22.393	1/12.4
2003	1.250	20.654	1/16.5
2004	1.280	-	-
2005	1.100	14.752	1/13.4
2006	1.150	14.898	1/13.0

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2001		2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Toán học	26.0	28.0	22.0	24.0	20.0	23.0	17.5	-	23.5	-	18.5	-
Tin học	20.0	24.0	15.5	18.5	14.5	17.5	16.5	-	17.0	-	14.5	-
Vật lý	28.5	30.0	22.5	24.5	16.5	19.5	21.0	-	18.0	-	18.5	-
Hóa học A	31.0	33.0	25.0	27.0	22.5	25.5	19.0	-	24.0	-	17.0	-
Sinh học	26.0	28.5	26.5	28.5	18.0	21.0	21.0	-	22.0	-	15.5	-
K. thuật NL	19.0	27.0	19.5	22.0	13.5	16.5	19.0	-	15.5	-	14.0	-
Tâm lý GD B	16.5	19.0	14.5	16.5	16.0	19.0	17.0	-	15.0	19.5	14.5	-
GD chính trị	18.5	20.0	17.5	19.0	18.0	21.0	19.0	-	16.5	-	18.0	-
Lịch sử	26.5	29.0	25.5	27.0	20.5	23.5	19.5	-	19.0	-	17.5	-
Ngữ văn	25.5	27.0	25.5	27.5	20.0	23.0	19.0	-	19.0	-	18.5	-
Địa lý B	27.0	29.0	15.5	16.5	19.0	22.0	-	-	18.5	-	19.0	-
Tiếng Anh	21.0	28.0	23.0	25.0	19.0	22.0	16.5	-	-	-	-	-
Tiếng Nga	20.5	23.0	18.5	20.5	11.0	14.0	14.0	17.0	-	-	-	-
Tiếng Pháp	23.5	26.0	23.0	-	17.5	20.5	15.5	-	-	-	-	-
Tiếng Trung D ₁	21.5	24.5	15.5	-	15.0	18.0	14.0	-	-	-	-	-
GD Tiểu học	17.5	20.5	18.0	-	15.5	18.5	16.5	-	14.0	-	17.0	-
Hóa học B	-	-	28.5	30.5	22.5	25.5	23.0	-	23.5	-	17.0	-
Tiếng Trung D ₂	-	-	16.5	-	15.0	18.0	14.0	-	-	-	-	-
Tâm lý GD C	-	-	18.5	19.5	16.0	19.0	17.0	-	15.0	19.5	14.5	-
Địa lý C	-	-	27.5	29.5	19.0	22.0	20.5	-	18.5	-	19.0	-
Mẫu giáo M	-	-	-	-	15.5	-	16.5	-	15.0	-	14.0	-
Kỹ thuật CN	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	19.0	14.0	14.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHSP tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D1, D4, M.
- Trường thường xét điểm trúng tuyển theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Trường không tuyển những thí sinh dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường không cố định. Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường năm 2006 cũng tăng lên so với năm 2005 nhưng không đáng kể. Do đó tỉ lệ "chọi" có sự biến động song so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này vẫn ở mức khá cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường thuộc diện "top" trên và có sự thay đổi qua các năm. Điểm chuẩn giữa các ngành cũng biến động không đều: một số ngành điểm chuẩn tăng lên nhưng một số ngành lại có chiều hướng giảm, sự chênh lệch giữa các ngành tương đối lớn, đặc biệt các ngành: Hóa học, Sinh học điểm chuẩn năm 2006 giảm tới 7.0 điểm.... Điều này lưu ý bạn khi chọn ngành thi.

- Các bạn ở miền Trung nếu có nguyện vọng trở thành sinh viên của trường nên tham khảo điểm chuẩn, số lượng thí sinh ĐKDT của các Trường ĐH Vinh, ĐH Sư phạm (ĐH Đà Nẵng), ĐH Quy Nhơn, các ngành Sư phạm của ĐH Tây Nguyên... để có sự lựa chọn trường để ĐKDT sao cho hợp lý.

- Từ năm 2004 đến nay Trường ĐHSP chỉ tuyển NV2 ở một số ngành. Nhìn chung thì điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1, tuy nhiên năm 2006 điểm chuẩn NV2 chỉ xét cho ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp và lấy ở mức bằng điểm chuẩn NV1. (xem bảng 2)

- Từ năm 2005 trường mở thêm ngành học mới: Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp.

- Dự kiến số lượng thí sinh ĐKDT vào trường năm 2007 sẽ không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA

Địa chỉ: 06 Ngô Quyền, Tp. Huế

Điện thoại: +84.54.822173 - Fax: +84.54.826269 - Website: http://www.hueuni.edu.vn/dh_ykhoa/

- Trường Đại học Y khoa (trực thuộc ĐH Huế) được thành lập năm 1957, là trường đào tạo cán bộ y tế cho khu vực miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận.
- Đội ngũ cán bộ của trường ĐH Y khoa có khoảng 453 người, trong đó có 15 Giáo sư, Phó Giáo sư, 28 Tiến sĩ, 57 Bác sĩ Chuyên khoa I, Chuyên khoa II.
- Trường có các bậc đào tạo: Đại học, Trên đại học với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Bác sĩ đa khoa; 2) Ngành Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt; 3) Ngành Cử nhân Kỹ thuật y học; 4) Ngành Dược sĩ; 5) Ngành Cử nhân Y tế công cộng; 6) Ngành Cử nhân điều dưỡng

Chương trình đào tạo các ngành có tên trên của Trường ĐHY (ĐHY Huế) cũng tương tự chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐHY được Tp.HCM.... Sinh viên khi theo học không chỉ được học những *kiến thức chung* về khối Khoa học cơ bản, các *kiến thức cơ bản* dành cho ngành, mà còn được đào tạo những *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*, cùng với một số môn học *bổ trợ kiến thức ngành*... để khi ra trường, sinh viên sẽ có *kỹ năng, nghiệp vụ* trong lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	280	6.985	1/24.9
2003	290	4.945	1/17.0
2004	350	-	-
2005	600	856	1/1.4
2006	600	6.380	1/10.6

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2000	2001		2002		2003		2004		2005		2006
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV3	NV1	NV3	
Đa khoa	20.0	19.5	20.5	22.0	23.0	21.5	24.5	25.0	25.0	23.5	-	22.0
R - H - M	19.0	20.0	21.0	21.0	23.0	23.5	26.5	23.0	-	25.0	-	22.0
Kỹ thuật Y học	14.0	14.0	19.5	19.0	21.5	20.0	23.0	20.5	23.0	20.0	23.0	19.0
Dược	-	20.0	21.5	19.5	20.5	23.5	27.0	23.5	-	24.5	-	25.5
Điều dưỡng	-	12.5	17.5	19.5	21.5	21.0	19.5	21.0	23.0	18.0	23.0	19.0
Y tế công cộng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.0	22.0	15.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHY khoa tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B.
- Trường thường xét điểm trúng tuyển theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ năm 2005 ổn định (Xem bảng 1).
- Điểm trúng tuyển của trường tăng dần qua các năm. Các năm gần đây ngành Bác sĩ Đa khoa, ngành Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt, ngành Dược sĩ là những ngành luôn lấy điểm cao nhất, các ngành Y tế công cộng, Điều dưỡng lấy điểm thấp hơn... (Xem bảng 2).
- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy từ năm 2004 đến nay trường chủ yếu lấy những thí sinh trúng tuyển NV1, không xét NV2 mà chỉ xét NV3 với một số ngành nhưng mức điểm trúng tuyển rất cao (không dưới 22 điểm).

- Do điểm chuẩn của trường cao vì thế các thí sinh có lực học trung bình ít có cơ hội trở thành sinh viên của trường. Những bạn có lực học trung bình khá cũng nên lưu ý bạn khi chọn ngành ĐKDT để có sự lựa chọn hợp lý, không nên đăng ký vào những ngành lấy điểm chuẩn cao nếu bạn muốn được trở thành sinh viên của Trường ĐHY khoa.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

Địa chỉ: 24 Đường Phùng Hưng, Tp. Huế

Điện thoại: 054.522535 - Fax: 054.524923

- Trường Đại học Nông nghiệp 2 Hà Bắc - tiền thân của Trường Đại học Nông Lâm (trực thuộc ĐH Huế) được thành lập năm 1967, là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học Nông - Lâm - Ngư nghiệp trọng điểm của các tỉnh miền Trung.
- Đội ngũ cán bộ viên chức của trường có khoảng 160 người trong đó có: 1 Giáo sư, 18 Tiến sĩ, 64 Thạc sĩ, 6 Nhà giáo ưu tú...
- Trường ĐH Nông lâm hiện đang đào tạo các bậc: Đại học, Trên đại học với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Cơ khí bảo quản chế biến nông sản thực phẩm; 2) Ngành Bảo vệ thực vật; 3) Ngành Bảo quản chế biến nông sản; 4) Ngành Lâm nghiệp; 5) Ngành Thú y; 6) Ngành Nuôi trồng thủy sản; 7) Ngành Nông học; 8) Ngành Khuyến nông và phát triển nông thôn; 9) Ngành Quản lý đất đai; 10) Ngành Chế biến lâm sản; 11) Ngành Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; 12) Ngành Công nghiệp và Công trình nông thôn; 13) Ngành Lâm vườn và sinh vật cảnh; 14) Ngành Chăn nuôi - Thú y; 15) Ngành Trồng trọt

Chương trình đào tạo các ngành có tên trên của Trường ĐH Nông lâm (ĐH Huế) cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên của các trường như: ĐH Nông lâm Tp.HCM, ĐH An Giang.... Sinh viên khi theo học một trong các ngành này không chỉ được trang bị **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, mà còn được cung cấp **kiến thức cơ bản** về ngành, cũng như sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi tốt nghiệp ra trường Kỹ sư các ngành này **có khả năng** đảm nhận các công việc có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	750	6.284	1/8.3
2003	850	7.986	1/9.3
2004	850	-	-
2005	1.000	9.822	1/9.8
2006	1.100	9.516	1/8.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành

Ngành	2003				2004				2005				2006			
	A		B		A		B		A		B		A		B	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Công nghiệp và CTNT	12.0	15.0	-	-	14.5	-	-	-	15.0	20.0	-	-	13.0	13.0	-	-
Cơ khí BQCBNSTP	-	-	-	-	14.0	-	-	-	15.0	-	-	-	13.0	13.0	-	-
Lâm vườn và SVC	12.0	15.0	15.0	18.0	14.0	17.0	15.0	-	-	15.0	-	-	14.0	14.0	-	-
Lâm nghiệp	12.0	15.0	15.0	18.0	14.0	20.0	16.0	-	-	16.0	-	-	14.0	14.0	-	-
Trồng trọt	12.0	15.0	15.0	18.0	14.0	-	15.0	-	-	15.5	-	-	14.0	14.0	-	-
Chế biến nông sản	12.0	15.0	15.0	18.0	16.0	-	19.5	-	-	16.5	-	-	13.0	13.0	-	-
Bảo vệ thực vật	12.0	15.0	15.0	18.0	14.0	-	15.0	-	-	16.5	-	-	14.0	14.0	-	-
Chăn nuôi - Thú y	12.0	15.0	15.0	18.0	14.0	-	15.0	-	-	15.5	-	-	14.0	14.0	-	-
Thú y	12.0	15.0	15.0	18.0	14.0	-	15.0	-	-	16.5	-	-	14.0	14.0	-	-
Nuôi trồng thủy sản	12.0	15.0	15.0	18.0	17.0	-	19.0	-	-	17.0	-	-	14.0	-	-	-
Quản lý đất đai	12.0	15.0	15.0	18.0	15.5	-	-	-	-	15.0	-	-	13.0	-	-	-
Nông học	-	-	-	-	14.0	-	15.0	-	-	16.0	-	-	14.0	14.0	-	-
K.Nông và PTNT	-	-	-	-	15.5	-	19.0	-	-	17.5	-	-	14.0	-	-	-
QL tài nguyên rừng	-	-	-	-	15.5	-	19.0	-	-	17.5	-	-	15.0	-	-	-

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Nông lâm tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B.
- Trường thường xét điểm trúng tuyển theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường có xu hướng tăng lên, năm 2006 tăng 100 chỉ tiêu so với năm 2005 nhưng số lượng thí sinh ĐKDT lại giảm nên tỉ lệ "chọi" năm 2006 giảm so với năm 2005. Nhìn chung tỉ lệ "chọi" của Trường ĐH Nông lâm so với mặt bằng chung không cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường năm 2006 giảm so với năm 2005, đa số điểm chuẩn của các ngành ở mức bằng điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định, một số ngành cao hơn 1 điểm. (Xem bảng 2).

- Năm 2004, 2005 trường không xét tuyển NV2 đối với các ngành khối B tuy nhiên có thể thấy rằng hầu như năm nào điểm chuẩn của khối B cũng cao hơn khối A trung bình từ 1 - 4.5 điểm. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 bạn sẽ thấy trước năm 2006 điểm chuẩn NV2 có sự chênh lệch khá lớn so với điểm chuẩn NV1 và thường ở mức khá cao. Đến năm 2006 thì tất cả các ngành đều lấy điểm trúng tuyển NV2 bằng điểm NV1.

- Điểm chuẩn vào một số ngành trong Trường ĐH Nông lâm (ĐH Huế) so với điểm chuẩn các ngành cùng tên ở một số trường như: ĐH Nông lâm (ĐH Đà Nẵng), ĐH Nông lâm Tp.HCM... thì mức chênh lệch về điểm là không đáng kể. (Xem chi tiết bảng 2 của các trường).

- Từ những đặc điểm trên có thể thấy những bạn có lực học khá, giỏi mà yêu thích những ngành về Nông - Lâm - Ngư nghiệp muốn trở thành sinh viên của trường không khó, những bạn có lực học trung bình khá nếu cố gắng sẽ có thể thi đỗ vào trường.

- Qua số liệu 2 bảng trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

- Trường Đại học Ngoại ngữ được thành lập ngày 13/07/2004 trực thuộc Trường ĐH Huế là TT đào tạo giáo viên và chuyên gia giảng dạy, nghiên cứu ngôn ngữ, cán bộ biên - phiên dịch, đáp ứng nhu cầu nhân lực ngoại ngữ của khu vực miền Trung nói riêng, của đất nước nói chung.
- Đội ngũ cán bộ viên chức của trường hiện có gần 180 Giảng viên trong đó trên 75% có trình độ Thạc sĩ và Tiến sĩ...
- Trường đang đào tạo các bậc: Đại học, Sau đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Tiếng Nhật

Chương trình đào tạo cử nhân tiếng Nhật không chỉ cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Cơ sở văn hóa VN - Tiếng Việt - Logic học - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học - Địa lý Nhật Bản - Lịch sử Nhật Bản... mà còn trang bị cho sinh viên những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: **về Ngôn ngữ tiếng Nhật** (Ngữ âm học tiếng Nhật - Từ vựng học tiếng Nhật...); **về Văn hóa, văn học Nhật Bản** (Lịch sử văn học Nhật Bản - Trích giảng văn học...); **về Kiến thức tiếng** (Tiếng Nhật tổng hợp - Nghe - Nói...).... Ngoài ra, ngành còn đào tạo để sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Ngữ pháp chuyên đề - Lịch sử tiếng Nhật - Kỹ thuật dịch viết - Kỹ thuật dịch nói... đồng thời sinh viên còn được lựa chọn một số môn học khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành như: Tiếng Nhật luật hành chính - Tiếng Nhật kinh tế thương mại - Tiếng Nhật kiến trúc xây dựng - Tiếng Nhật y học giáo dục Sau khi tốt nghiệp ra trường, Cử nhân ngành Tiếng Nhật có **đủ khả năng** hợp tác nghiên cứu với các nhà khoa học, có khả năng độc lập thuyết trình bằng tiếng Nhật tại các hội nghị, hội thảo, có khả năng sử dụng các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) để phục vụ mục đích nghề nghiệp biên, phiên dịch tiếng Nhật...

Sinh viên ngành Tiếng Nhật sau khi ra trường có thể công tác tại:

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Du lịch VN, Tổng cục Hải quan; Cục Xúc tiến du lịch, Cục Xuất khẩu LD...

+ Vụ Hợp tác quốc tế, phòng Hợp tác quốc tế, phòng Đối ngoại trực thuộc các Bộ...

+ Các phòng chức năng: Hợp tác quốc tế, Quản lý Kinh doanh xuất nhập khẩu, Du lịch và Hợp tác đầu tư... của các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch, Sở Thương mại - Du lịch... trên địa bàn toàn quốc.

+ Các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động với các đối tác là nước Nhật.

+ T.Cty Du lịch VN, Cty Dịch thuật Việt, các Nhà xuất bản; Các cơ quan thông tấn báo chí (đài truyền hình, đài phát thanh, các cơ quan báo chí...); Trợ lý dự án hợp tác quốc tế, thư ký tại các tổ chức xã hội...

+ Giảng dạy và nghiên cứu ở các trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học phổ thông, các TT dạy tiếng Nhật.

1) Ngành Tiếng Anh; 2) Ngành Tiếng Nga; 3) Ngành Tiếng Pháp; 4) Ngành Tiếng Trung;

Trường ĐH Ngoại ngữ (ĐH Huế) trang bị cho sinh viên khi theo học các ngành Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên khi học các ngành này của Trường ĐH KH&NV (ĐHQG Tp.HCM), ĐNSP Tp.HCM... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, sử dụng, giảng dạy các ngoại ngữ tại các cơ quan, đơn vị có hoạt động liên quan đến ngôn ngữ chuyên ngành...

1) Ngành Sư phạm tiếng Anh; 2) Ngành Sư phạm tiếng Nga; 3) Ngành Sư phạm tiếng Pháp;

4) Ngành Sư phạm tiếng Trung

Ngoài các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** dành cho ngành thi sinh viên các ngành sư phạm có tên trên của trường ĐH Ngoại ngữ (ĐH Huế) còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên các ngành Sư phạm cùng tên của Trường ĐHSP Tp.HCM... để khi ra trường **có khả năng** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, làm công tác nghiên cứu ở các Viện, các TT hoặc làm biên, phiên dịch tại các đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực chuyên ngành...

Bảng 1. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2005		2006		Ngành	2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2		NV1	NV2	NV1	NV2
Tiếng Anh D1	15.0	-	16.0	-	SP Tiếng Nga D1,2	14.0	15.0	13.0	16/17
Tiếng Nga D1,2	14.0	15.0	13.0	14.5	SP Tiếng Pháp D3	14.0	18.0	16.0	-
Tiếng Pháp D3	14.0	17.0	15.0	17.0	SP Tiếng Trung D1,4	14.0	18.0	15/14	-
Tiếng Nhật D	-	-	15.0	-	SP Tiếng Anh D1	17.0	-	18.0	-
Tiếng Trung D4	-	-	13.0	-					

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐH Ngoại ngữ tuyển sinh trong cả nước và tuyển các khối D1,2,3,4.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành mà thí sinh ĐKDT.

2. Một số lưu ý:

- Trường ĐH Ngoại ngữ mới được thành lập nên chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường không lớn, năm 2006 là 600 chỉ tiêu, số lượng thí sinh ĐKDT cũng không nhiều (3.273) nên tỉ lệ "chọi" của trường không cao so với mặt bằng chung.

- Nhìn vào bảng 1 có thể thấy điểm trúng tuyển năm 2006 tăng so với năm 2005. Điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường đã được nâng lên. Nhìn chung điểm trúng tuyển của trường năm 2006 cũng cao hơn so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT (ví dụ: năm 2006 điểm chuẩn ngành Sư phạm tiếng Anh cao hơn điểm sàn 4 điểm).

- Điểm chuẩn giữa các ngành trong trường có sự chênh lệch qua 2 năm 2005, 2006: ngành Sư phạm tiếng Anh là ngành lấy điểm cao nhất so với những ngành khác trong khi đó ngành Tiếng Nga và Sư phạm tiếng Nga lại lấy điểm chuẩn thấp hơn hẳn các ngành còn lại ở cả hai NV. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 bạn sẽ thấy điểm chuẩn NV2 cao hơn so với NV1 từ 1- 4 điểm vì thế đây cũng là điểm bạn cần lưu ý bạn khi nộp NV2.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Địa chỉ: 100 - Phùng Hưng - Huế

ĐT: 84.54.529139 - Fax: 84.54.529491 - Website: <http://www.hce.edu.vn/>

- Trường Đại học Kinh tế (trực thuộc ĐH Huế) là một trường Đại học Kinh tế đa ngành, đa lĩnh vực ở khu vực miền Trung - Tây Nguyên.
- Trường ĐHKT Huế đào tạo hệ Đại học, Sau đại học... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên của trường hiện có khoảng 143 người trong đó: 105 Giảng viên, 2 Phó Giáo sư, 3 Nhà giáo ưu tú, 16 Tiến sĩ và 42 Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Kinh tế (*Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp*); 2) Ngành Kinh tế chính trị;
3) Ngành Quản trị kinh doanh (QTKD) (*gồm có các chuyên ngành: + 1) Chuyên ngành QTKD tổng hợp; 2) Chuyên ngành QTKD thương mại; 3) Chuyên ngành Marketing; 4) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch; 5) Chuyên ngành Kinh doanh nông nghiệp và phát triển nông thôn; 6) Chuyên ngành Thống kê kinh doanh*); 4) Ngành Kế toán (*gồm các chuyên ngành: Chuyên ngành Kế Toán - Kiểm toán; Chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp*); 5) Ngành Tài chính - Ngân hàng

Cũng giống như chương trình đào tạo các ngành, chuyên ngành có tên trên của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM)... chương trình đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐHKT Huế cũng sẽ cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời còn đào tạo cho sinh viên khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc độc lập tại các cơ quan, đơn vị có hoạt động liên quan đến những lĩnh vực chuyên ngành...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	400	4.096	1/10.2
2003	480	5.591	1/12.0
2004	600	-	-
2005	700	10.805	1/15.4
2006	780	10.215	1/13.1

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2000	2001		2002		2003		2004	2005		2006
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1
Kinh tế NN và PTNT A	15.0	14.5	17.5	12.5	15.5	12.5	15.5	15.0	15.5	-	15.5
Quản trị kinh doanh A	15.0	16.5	17.5	12.5	15.5	15.0	18.0	14.5	18.0	-	17.0
Quản trị KD DL A	14.5	16.0	19.0	14.0	16.5	-	-	-	18.0	-	17.0
Kế toán A	15.0	17.5	21.0	15.5	17.5	18.0	21.0	14.0	21.5	-	18.0
Kinh tế NN và PTNT D	-	-	-	14.0	15.5	16.6	19.5	15.5	15.0	-	15.5
Quản trị kinh doanh D	-	-	-	14.5	17.5	18.5	21.5	15.5	17.0	-	17.0
Kế toán D	-	-	-	17.0	19.5	19.5	22.5	14.0	21.0	-	18.0
Quản trị KD thương mại A	-	-	-	12.0	14.5	-	-	-	18.0	-	17.0
Quản trị KD thương mại D	-	-	-	15.5	17.5	-	-	-	17.0	-	17.0
Quản trị KD DL D	-	-	-	17.0	18.5	-	-	-	17.0	-	17.0
Kinh tế chính trị A	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	21.0	14.0
Kinh tế chính trị D	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	21.0	14.0
Tài chính ngân hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	23.5	-	18.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHKHT Huế tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, D.
- Trường thường xét điểm trúng tuyển theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường ngày càng tăng. Điều đó cho thấy nhu cầu xã hội đang cần nhiều cử nhân của trường, cũng vì thế mà số lượng các thí sinh ĐKDT vào trường cũng ngày càng đông dẫn đến tỉ lệ "chọi" của trường cao so với mặt bằng chung (xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường có sự thay đổi qua các năm. Năm 2006 điểm chuẩn một số ngành của trường giảm so với năm 2005 tuy nhiên so với những năm trước thì điểm của trường đã cao hơn, điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường tăng lên, vì vậy các học sinh có lực học trung bình khá muốn được trở thành sinh viên của trường bạn phải cố gắng rất nhiều. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 bạn sẽ thấy điểm trúng tuyển NV2 bao giờ cũng cao hơn NV1 và ngày càng có sự chênh lệch: năm 2002 điểm chuẩn NV2 cao hơn so với NV1 trung bình từ 1.5 - 3 điểm, đến năm 2005 lại chênh lệch đến 6 điểm.

- Điểm chuẩn vào các ngành như Kế toán (A), Tài chính ngân hàng của Trường ĐH Kinh tế (ĐH Huế) năm 2005, 2006 tuy có thấp hơn so với điểm chuẩn các ngành này ở Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), ĐH Ngân hàng Tp.HCM... nhưng lại cao hơn Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM. Một số ngành khác như: Kinh tế chính trị, Kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thì lại thường lấy điểm chuẩn không cao và thấp hơn so với một số trường khác như: Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, ĐH Kinh tế (ĐH Đà Nẵng)... (Xem bảng 2 các trường).

- Năm 2004, 2006 Trường ĐH Kinh tế không xét tuyển NV2.

- Từ những đặc điểm nêu trên lưu ý bạn khi chọn ngành ĐKDT vào các trường, nên so sánh điểm trúng tuyển giữa các ngành trường trường cũng như so sánh điểm chuẩn giữa các ngành cùng tên của các trường để có sự lựa chọn hợp lý.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động gì lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT

Cơ sở 1: Đại Nội, Huế; Cơ sở 2: Tĩnh Tâm, Huế

Điện thoại: 054.511824 - Fax: 054.527450 - Website: http://www.hueuni.edu.vn/dh_nghehthuati/

- Trường Đại học Nghệ thuật (ĐHNT) Huế được thành lập ngày 04/4/1994 từ sự hợp nhất của hai trường: Trường Cao đẳng Mỹ thuật Huế và Trường Quốc gia Âm nhạc Kịch nghệ Huế, là nơi duy nhất đào tạo tài năng âm nhạc cho các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.
- Trường có nhiệm vụ đào tạo những tài năng Âm nhạc - Mỹ thuật, đào tạo các nhạc sĩ, nghệ sĩ, họa sĩ, nhà điêu khắc, nhà nghiên cứu phê bình Mỹ thuật - Âm nhạc, đào tạo giáo viên giảng dạy Âm nhạc - Mỹ thuật có trình độ đại học, đào tạo cán bộ làm công tác văn hóa cho các địa phương.
- Các hệ đào tạo của trường: Đại học 5 năm, Đại học 4 năm, Trung học 4 năm, Sơ trung 9 năm.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường hiện nay đều có trình độ cao, có kinh nghiệm giảng dạy lâu năm và có tâm huyết với nghề...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGHỆ THUẬT ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Hội họa; 2) Ngành Điêu khắc; 3) Ngành Sư phạm hội họa; 4) Ngành Mỹ thuật ứng dụng; 5) Ngành Sáng tác - Lý luận âm nhạc (gồm 2 chuyên ngành: Sáng tác âm nhạc; Lý luận âm nhạc); 6) Ngành Biểu diễn âm nhạc (có các chuyên ngành: Nhạc cụ dân tộc; Nhạc cụ phương Tây, Thanh nhạc); 7) Ngành Sư phạm âm nhạc; 8) Ngành Nhã nhạc

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	150	1.924	1/12.8
2003	180	1.853	1/10.0
2004	200	-	-
2005	200	2.028	1/10.1
2006	200	1.785	1/8.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1997	1998	1999	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Hội họa	41.5	43.0	40.5	44.5	45.0	46.0	40.5	46.0	45.5
Điêu khắc	32.5	27.0	33.0	24.5	29.0	30.0	23.0	29.5	27.0
SP Họa	30.0	34.0	31.5	34.0	34.0	37.5	36.5	33.5	35.0
Mỹ thuật ứng dụng	34.0	31.5	34.5	32.0	33.5	34.5	34.0	33.0	32.5
S.tác-Lý luận âm nhạc	51.0	48.0	41.7	19.5	42.0	42.0	52.5	34.0	41.0
Biểu diễn âm nhạc	37.5	27.5	31.2	24.0	20.5	23.5	22.5	25.0	23.5
SP Nhạc	23.5	29.5	30.0	25.0	26.5	25.0	28.0	26.5	23.0
Nhã nhạc	-	23	31.2	20.0	25.5	15.0	20.0	14.0	21.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Nghệ thuật tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh hai khối H và N.
- Trường thường xét điểm trúng tuyển theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường ba năm gần đây khá ổn định, số lượng thí sinh ĐKDT vào trường vẫn đông nên tỉ lệ "chọi" của trường tương đối cao mặc dù năm 2006 có giảm so với năm 2005. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của trường hàng năm cao và giữa các ngành cùng khối luôn có sự chênh lệch (Ví dụ năm 2006 ngành Hội họa là: 45.5 điểm thi ngành Điêu khắc: 27 điểm). Điều này lưu ý khi bạn chọn ngành thi vào trường. (Xem bảng 2).

KHOA GIÁO DỤC THỂ CHẤT

1) Ngành Sư phạm (SP) Thể chất - Giáo dục quốc phòng; 2) Ngành SP Giáo dục thể chất

Cũng như sinh viên ngành SP Giáo dục thể chất, SP Thể chất - Giáo dục quốc phòng của Trường ĐHSP Tp.HCM... sinh viên Khoa Giáo dục thể chất (ĐH Huế) cũng được trang bị các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cùng với **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi ra trường sinh viên của Khoa sẽ **có khả năng** giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, có khả năng làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các TT... hoạt động trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 41 Lê Duẩn, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: 84.511.832678 - Website: <http://www.ud.edu.vn/>

- Đại học Đà Nẵng (ĐHĐN) được thành lập ngày 04/4/1994, là một Đại học đa lĩnh vực, một TT đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn của VN.
- ĐHĐN gồm 4 trường đại học thành viên và 1 trường cao đẳng trực thuộc:
 - Trường Đại học Bách khoa
 - Trường Đại học Kinh tế
 - Trường Đại học Sư phạm
 - Trường Đại học Ngoại ngữ
 - Trường Cao đẳng Công nghệ
- Trường hiện có 1.485 cán bộ, công chức, trong đó có 945 Giảng viên với 34 Giáo sư và Phó Giáo sư, 363 Giảng viên cao cấp và Giảng viên chính, 132 Tiến sĩ Khoa học và Tiến sĩ, 408 Thạc sĩ...
- Trường ĐH Đà Nẵng đào tạo các cấp: Đại học, Sau đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
1997	3.100	29.847	1/9.6
1998	3.300	28.511	1/8.6
1999	3.300	57.782	1/17.5
2000	3.860	84.045	1/21.7
2001	4.200	66.578	1/15.8
2002	4.300	51.103	1/11.8
2003	4.525	47.924	1/10.5
2004*	4.900	42.318	1/8.6
2005	5.400	42.157	1/7.8
2006	6.000	46.534	1/7.8

Ghi chú: - * - Năm 2004 số lượng ĐKDT tính chung cho cả trường ĐH Đà Nẵng nên không có số liệu cụ thể của từng trường.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- ĐH Đà Nẵng tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh theo các khối A, B, C, D1,2,3,4, M, V, T.
- Điểm trúng tuyển được xét cho toàn trường ở các trường: Trường ĐH Bách khoa, ĐH Kinh tế và Cao đẳng Công nghệ; Các trường: ĐH Ngoại ngữ, ĐH Sư phạm xét điểm trúng tuyển theo ngành đào tạo.

- Hệ Cao đẳng không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh thi khối A vào các trường đại học trong cả nước theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển trên cơ sở hồ sơ ĐKDT của thí sinh.

2. Một số lưu ý

Nhìn vào bảng 1 có thể thấy:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường có xu hướng tăng lên, đến năm 2006 chỉ tiêu đào tạo đã tăng gần gấp đôi so với năm 1997.

- Bắt đầu từ năm 2002 đến nay Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh "3 Chung" nên số thí sinh ĐKDT vào trường có giảm so với các năm 1999 - 2001, trong khi đó chỉ tiêu đào tạo vẫn tăng lên, vì thế mà tỉ lệ "chọi" của trường từ đó đến nay có xu hướng giảm.

- Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng trong khi chỉ tiêu cũng tăng lên do đó tỉ lệ "chọi" năm 2006 không thay đổi so với năm 2005.

- Nhìn chung, từ năm 2004 đến năm 2006 tỉ lệ "chọi" của trường ở mức vừa phải so với mặt bằng chung song so với Trường ĐH Huế vẫn thấp hơn một chút.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Địa chỉ: 54 - Nguyễn Lương Bằng - Hòa Khánh - Liên Chiểu - Đà Nẵng.

Điện thoại: (+84.511) 842308 - Fax: (+84.511) 842771 - Website: <http://www.dut.edu.vn/>

- Trường Đại học Bách Khoa (ĐHBK) (là một trong năm trường thành viên của Đại học Đà Nẵng) được thành lập vào năm 1975, là một trong ba trường đào tạo kỹ sư đa ngành, đa lĩnh vực trong cả nước, cung cấp nguồn nhân lực khoa học công nghệ trình độ cao phục vụ cho sự nghiệp công nghệ hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và khu vực miền Trung - Tây Nguyên nói riêng.
- Trường ĐHBK hiện có 336 cán bộ, công chức, trong đó có 19 Giáo sư và Phó Giáo sư, 49 Tiến sĩ Khoa học và Tiến sĩ, 103 Thạc sĩ, 144 Giảng viên cao cấp và Giảng viên chính, 122 Giảng viên...
- Trường có quan hệ hợp tác đào tạo với Trường ĐH Bách khoa Hà Nội, Trường ĐH Xây dựng cùng nhiều trường đại học, Viện Nghiên cứu khác trong nước. Ngoài ra, nhà trường cũng đang đào tạo nhiều lớp hệ cử tuyển theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Điện kỹ thuật có các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Hệ thống điện

Sinh viên học ngành Hệ thống điện ngoài việc được trang bị các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên như: Giải tích - Đại số tuyến tính - Phương trình vi phân - Hóa học - Vật lý - Cơ học ứng dụng... còn được học những **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành Hệ thống điện: Lưới điện - Khí cụ điện - An toàn điện - Điện tử công suất - Điện tử số - Truyền động điện - Máy điện... đồng thời cũng được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Cung cấp điện - Ngắn mạch - Thiết kế cao áp - Thiết kế bảo vệ Rôle - Quy hoạch mạng - Phương pháp giải tích mạch điện - Mạng và thiết bị siêu cao - Phân tử tự động - Điện tử công suất - Kỹ thuật điện cao áp - Phần mềm nhà máy điện và trạm biến áp - Vận hành nhà máy điện - Quy hoạch phát triển hệ thống điện - Thông tin và điều độ hệ thống điện - Tự động hóa hệ thống điện.... Sinh viên sẽ **được thực hành** qua các thí nghiệm về đo điện, kỹ thuật điện, điện công nghiệp... để khi tốt nghiệp **có kiến thức và kỹ năng** về nghiên cứu, thiết kế và khai thác các công trình sản xuất truyền tải, phân phối và cung cấp điện năng...

+ Chuyên ngành Tự động hóa điện công nghiệp

Chuyên ngành Tự động hóa điện công nghiệp cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A giống như chuyên ngành Hệ thống điện, cùng với **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Kỹ thuật thủy khí - Vật liệu kỹ thuật đo - Điều khiển tự động - Điện tử tương tự - Điện tử số, công suất... cũng như sẽ được trang bị các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Điều khiển truyền động điện - Trang bị điện, điện tử cho máy công cụ - Thiết bị ngoại vi và ghép nối - Điều khiển số - Đo lường và điều khiển xa - Điều khiển Logic - Phần tử tự động - Trang bị điện, điện tử cho máy công nghiệp ... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành này **có khả năng** thiết kế, vận hành các thiết bị thuộc lĩnh vực truyền động điện, tự động không chế, ứng dụng điện tử và tin học trong điều khiển và Tự động hóa xí nghiệp...

+ Chuyên ngành Thiết bị điện - điện tử

Chương trình đào tạo chuyên ngành Thiết bị điện - điện tử nhằm tạo điều kiện để sinh viên có khối **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên tương tự như sinh viên chuyên ngành Hệ thống điện, bên cạnh đó sinh viên chuyên ngành này còn được học **kiến thức cơ bản dành cho ngành** đồng thời còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thiết kế máy điện quay - Thiết kế khí cụ điện - CNCT Máy điện, Khí cụ điện - Máy điện nhỏ - Mô hình hóa máy điện.... Không những thế sinh viên còn được rèn luyện những kỹ năng về kiểm tra, bảo trì, sửa chữa các thiết bị điện; nghiên cứu triển khai tiếp nhận và chuyển giao công nghệ tự động hóa điện công nghiệp; tổ chức quản lý, chỉ đạo sản xuất và tham gia xây dựng dự án phát triển sản xuất... để khi ra trường sinh viên chuyên ngành Thiết bị điện - điện tử **có khả năng** tự đào tạo và nâng cao trình độ để làm việc trong các lĩnh vực: Khai thác vận hành thiết bị hệ thống điện; lập trình, kết nối PLC trong các tủ Điều khiển tự động hóa. Điều khiển dùng máy tính, SCADA...

Sau khi tốt nghiệp ngành Điện kỹ thuật sinh viên có thể làm việc tại :

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, TT Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện ...

+ Các Cục, Vụ: Cục Điều tiết điện lực, Cục Tấn số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ các ngành kinh tế, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

+ TD Điện lực VN, T.Cty Thiết bị kỹ thuật điện... và các Cty, đơn vị trực thuộc: các Cty Truyền tải điện, Cty Điện lực, Cty Cơ điện, các Cty Chế tạo thiết bị điện, Cty Dây và Cáp điện VN...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp... tại các Sở như: Sở Điện lực, Sở Công nghiệp ... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Điện kỹ thuật.

1) Ngành Cơ khí chế tạo; 2) Ngành Điện tử - Viễn thông; 3) Ngành Tin học (Công nghệ thông tin); 4) Ngành Cơ - Điện tử; 5) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 6) Ngành Xây dựng cầu đường; 7) Ngành Công nghệ sinh học

Cũng giống như chương trình đào tạo 7 ngành cùng tên trên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), chương trình đào tạo các ngành này của trường ĐHBK (ĐH Đà Nẵng) cũng trang bị cho sinh viên các ngành không chỉ có khối ***kiến thức chung*** và ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành, mà còn đào tạo những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...*** để khi ra trường sinh viên ***có khả năng*** làm việc độc lập tại các cơ quan, đơn vị có hoạt động liên quan đến chuyên ngành, đồng thời cũng có khả năng nghiên cứu tại các Viện, các TT nghiên cứu, quản lý...

Ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp

Ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp đào tạo cho sinh viên ngoài các ***kiến thức chung, kiến thức cơ bản về ngành*** thì còn trang bị khối ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** cùng với những ***kiến thức bổ trợ*** về nghiệp vụ Sư phạm... giống như khối kiến thức mà ngành cùng tên của trường Trường ĐH Quy Nhơn cung cấp cho sinh viên khi theo học.... Sau khi học xong Cử nhân ngành Sư phạm Kỹ thuật ***có khả năng*** làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các TT có hoạt động liên quan đến chuyên ngành...

Ngành Công nghệ môi trường

Cũng giống như sinh viên chuyên ngành Công nghệ môi trường của trường ĐHSP Kỹ thuật Tp.HCM, sinh viên chuyên ngành này của Trường ĐHBK (ĐH Đà Nẵng) cũng được học trên nền các ***kiến thức chung và kiến thức cơ bản*** dành cho ngành, để từ đó đi vào nghiên cứu những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...*** ngoài ra sinh viên Trường ĐHBKĐN còn được trang bị một số môn học đặc thù riêng của trường... để khi ra trường sinh viên ngành Công nghệ môi trường ***có khả năng*** phân tích đánh giá hiện trạng môi trường và các vùng lãnh thổ, kỹ năng đo đạc và phân tích các thông số môi trường...

Ngành Kiến trúc

Tương tự như sinh viên ngành Kiến trúc công trình của trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM, sinh viên học ngành này của trường ĐHBK (ĐH Đà Nẵng) cũng được trang bị những ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học cơ bản, đồng thời còn được cung cấp các ***kiến thức cơ bản*** về ngành Kiến trúc, cũng như sẽ được đào tạo để có khối ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...*** cùng với rất nhiều môn học lựa chọn khác để ***bổ trợ kiến thức cho chuyên ngành...*** Sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Kiến trúc ***có khả năng*** thiết kế kiến trúc các thể loại công trình công cộng, công nghiệp và nhà ở...

Ngành Công nghệ hóa thực phẩm

Ngành Công nghệ hóa thực phẩm của Trường ĐHBK (ĐH Đà Nẵng) trang bị cho sinh viên các ***kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** giống như

ngành Công nghệ thực phẩm của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM). Khi ra trường sinh viên ngành này sẽ **có khả năng** ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ hóa thực phẩm vào trong các Cty có hoạt động liên quan đến ngành công nghiệp thực phẩm...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	2.100	19.998	1/9.5
2003	2.200	19.165	1/8.7
2004	2.300	-	-
2005	2.400	13.979	1/5.8
2006	2.475	10.814	1/4.4

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào trường.

Ngành	1997	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005	2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2			NV1	NV2
Các ngành kỹ thuật A	18.0	18.0	20.0	18.0	15.0	16.0	17.5	20.5	18.5	21.0	17.0	17.0
Kiến trúc V	18.0	18.0	-	20.5	21.0	-	23.0	-	24.0	26.0	22.5	-
Cơ khí chế tạo máy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	19.5
Cơ khí động lực	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.5
Điện kỹ thuật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0
Điện tử - Viễn thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.5	17.0
XD dân dụng & CN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	21.0	17.0
XD thủy lợi & thủy điện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0
XD Cầu đường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	17.0
Công nghệ nhiệt lạnh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0
Tin học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0
SP Kỹ thuật ĐT-TH	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0
Cơ điện tử	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.5	17.0
Công nghệ môi trường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	17.0
CN Hóa thực phẩm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0
Công nghệ hóa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0
Công nghệ CB dầu khí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.5	17.0
Công nghệ Silicat	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0
Công nghệ Polyme	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0
Công nghệ sinh học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	17.0
Kinh tế kỹ thuật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	17.0

Ghi chú: Năm 2004, 2005 trường không xét tuyển NV2.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Bách khoa tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A, V.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm tăng, năm sau tăng hơn năm trước 100 chỉ tiêu, riêng năm 2006 tăng 175 chỉ tiêu so với năm 2005. Số lượng thi sinh ĐKDT biến động theo

từng năm, số lượng thí sinh ĐKDT năm 2006 so với năm 2002 đã giảm đi gần 1 nửa, vì thế tỉ lệ "chọi" của trường năm 2006 thấp hơn rất nhiều nếu đối chiếu với những năm trước. (Xem bảng 1).

- Năm 2006 điểm trúng tuyển vào trường giảm, nhưng nhìn chung điểm trúng tuyển vào trường cao hơn nhiều so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định đặc biệt từ khi thực hiện phương án tuyển sinh "3 Chung" thì điểm chuẩn vào trường tăng. Điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của Trường ĐH Bách Khoa (ĐH Đà Nẵng) ngày càng nâng cao đòi hỏi những thí sinh ĐKDT vào trường phải có lực học khá giỏi trở lên mới có khả năng thi đỗ. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐH Bách Khoa (ĐH Đà Nẵng) nhìn chung cao hơn so với ĐH Khoa học (ĐH Huế) vì không có ngành nào ĐH Bách Khoa (ĐH Đà Nẵng) lấy dưới 17 điểm, trong khi ĐH Khoa học (ĐH Huế) có ngành lấy 14 - 14.5 điểm. (Xem bảng 2).

- Điểm chuẩn NV2 thường cao hơn NV1. (Xem chi tiết bảng 2).

- Từ những đặc điểm trên bạn nên lưu ý so sánh điểm chuẩn vào các ngành của trường với điểm chuẩn ngành cùng tên ở các trường khác để ĐKDT.

- Dự kiến năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường tăng nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

Địa chỉ: 71 Ngũ Hành Sơn, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.836169 - Fax: 0511.836255 - Website: <http://www.ued.edu.vn/>

- Trường Đại học Kinh tế tiền thân là Khoa Kinh tế trực thuộc Trường ĐHBK Đà Nẵng (1975), Phân hiệu ĐH Kinh tế Đà Nẵng (1984) - là một trong năm trường thành viên của ĐH Đà Nẵng ra đời theo Nghị định 32/CP ngày 4-4-1994 của Chính phủ.
- Trường ĐH Kinh tế là TT đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế có trình độ và chất lượng cao cho các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên và cả nước.
- Hiện nay Trường ĐH Kinh tế có 231 cán bộ công chức trong đó có: 7 Phó Giáo sư, 30 Tiến sĩ, 100 Thạc sĩ, 55 Giảng viên chính và 101 Giảng viên.
- Trường đào tạo các bậc: Đại học, Sau đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Kinh tế

+ Chuyên ngành Kinh tế phát triển

Chuyên ngành Kinh tế phát triển cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên, khối ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Giải tích - Hệ phương trình tuyến tính - Phương trình vi phân - Lịch sử kinh tế - Lịch sử học thuyết kinh tế - Phương pháp định lượng trong kinh tế - Quản trị học - Luật kinh tế..., cùng với các **kiến thức cơ bản** về ngành Kinh tế: Kinh tế vi mô - Kinh tế phát triển - Kinh tế ngành - Kinh tế quốc tế - Kinh tế công cộng ... đồng thời ngành còn trang bị cho sinh viên những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kinh tế vùng và đô thị - Dự báo phát triển kinh tế xã hội (KTXH) - Phân tích KTXH - Chương trình và dự án phát triển KTXH.... Ngoài ra, ngành còn tạo điều kiện để sinh viên được học những môn **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành: Nguyên lý kế toán - Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội - Hệ thống tài khoản quốc gia - Kinh tế lao động - Quản lý Nhà nước về kinh tế và chính sách Sau khi học xong sinh viên **có khả năng** lập, phân tích và thẩm định các chương trình dự án phát triển trên phạm vi quốc gia, các địa phương, vùng lãnh thổ và tại các tổ chức kinh tế, có năng lực phân tích và hoạch định các chính sách phát triển kinh tế xã hội...

+ Chuyên ngành Kinh tế lao động

Chuyên ngành Kinh tế lao động trang bị cho sinh viên bên cạnh những **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế, cùng các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Kinh tế cũng giống như chuyên ngành Kinh tế phát triển, thì sinh viên chuyên ngành này còn được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Kinh tế lao động như: Kinh tế lao động - Phân tích lao động xã hội - Bảo hộ lao động - Bảo hiểm xã hội - Luật lao động - Quản trị nguồn nhân lực... đồng thời sinh viên cũng sẽ được **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành bằng các môn học như: Hệ thống tài khoản quốc gia - Quản lý Nhà nước về kinh tế và chính sách - Nguyên lý kế toán - Định mức lao động - Tâm lý học xã hội lao động - Thống kê dân số và lao động - Dân số và phát triển - Chiến lược phát triển kinh tế xã hội... để khi ra trường, Cử nhân chuyên ngành này sẽ có những **kỹ năng, kỹ xảo** quản lý, duy trì, phát triển nguồn nhân lực trong phạm vi doanh nghiệp, địa phương và toàn xã hội...

+ Chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công

Khi theo học chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công sinh viên cũng được cung cấp khối **kiến thức chung và kiến thức cơ bản** về ngành, ngoài ra sinh viên chuyên ngành này sẽ được học **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như sinh viên ngành Kinh tế công cộng của Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), sinh viên chuyên ngành Kinh tế quản lý công cộng của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM. Sau khi học xong Cử nhân chuyên ngành Kinh tế và Quản lý công của trường ĐH Kinh tế (ĐH Đà Nẵng) cũng sẽ có **các kỹ năng**: Kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong quản lý công, kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng sử dụng các công cụ hiện đại trong quản lý công, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra trong quản lý công, kỹ năng ra quyết định quản lý công... để **có thể** làm việc tốt ở các cơ quan quản lý khu vực công từ Trung ương tới địa phương và các đơn vị hành chính công...

Sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Kinh tế VN, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Chiến lược phát triển; TT Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia, TT Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý...

+ Các Vụ, Cục: Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Kinh tế nông nghiệp, Vụ Kinh tế công nghiệp, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu; Cục Kinh tế, Cục Đầu tư nước ngoài...

+ Các doanh nghiệp, Cty, nhà máy, xí nghiệp trong nước hoặc có quan hệ hợp tác với nước ngoài hoạt động ở tất cả các ngành kinh tế: T.Cty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp, T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Xây dựng công nghiệp VN, T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, TĐ Bảo hiểm VN, T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, TĐ Điện lực VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN... và các đơn vị thành viên.

+ Các phòng chức năng: Kinh tế ngành, Kinh tế đối ngoại, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước. Làm tại Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Kinh tế.

1) Ngành Kế toán; 2) Ngành Ngân hàng; 3) Ngành Hệ thống thông tin kinh tế; 4) Ngành Kinh tế chính trị; 5) Ngành Quản trị kinh doanh (bao gồm các chuyên ngành: + 1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh QTKD; 2) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch và dịch vụ; 3) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Marketing; 4) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế; 5) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh thương mại; 6) Chuyên ngành Luật kinh doanh)

Chương trình đào tạo các chuyên ngành có tên trên của Trường ĐH Kinh tế (ĐH Đà Nẵng) cũng giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành cùng tên của Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), các trường: ĐH Kinh tế Tp.HCM, ĐH Ngân hàng Tp.HCM, ĐH Cần Thơ.... Sinh viên khi theo học các chuyên ngành này sẽ không chỉ được cung cấp những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế, mà còn được trang bị các **kiến thức cơ bản về ngành**, và khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... Sinh viên Trường ĐH Kinh tế (ĐH Đà Nẵng) học các chuyên ngành này khi ra trường sẽ **có khả năng** quản trị trong lĩnh vực chuyên ngành, phân tích hoạt động kinh tế, đồng thời **có khả năng** tổ chức, quản lý, khai thác, kinh doanh, lập kế hoạch sản xuất dài hạn và kế hoạch tác nghiệp...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	1.100	7.812	1/7.1
2003	1.075	10.203	1/9.1
2004	1.100	-	-
2005	1.175	13.470	1/11.5
2006	1.270	13.676	1/10.8

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường.

Trường/Ngành	1997	1999	2000	2001	2002		2003		2004	2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV1	NV2	NV1	NV2
Trường	15.0	19.5	18.5	20.0	12.0	13.5	14.5	16.5	17.0	20.0	22.5	17.0	-
Kế toán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20.0
Ngân hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.5
Các ngành còn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHKT (ĐH Đà Nẵng) tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A.
- Điểm trúng tuyển của trường thường xét chung cho toàn trường nhưng từ năm 2006 được xét theo ngành mà thí sinh ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm không cố định nhưng số lượng các thí sinh ĐKDT vào trường ngày càng đông do đó tỉ lệ "chọi" đã tăng lên. Cùng với việc điểm chuẩn 2 năm trở lại đây tăng lên chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường ĐHKT ngày càng cao. (xem chi tiết 2 bảng trên).

- Điểm trúng tuyển của trường thường cao hơn điểm sàn của Bộ GD&ĐT từ 3 - 5 điểm.

- Đối chiếu với mặt bằng chung thì điểm chuẩn của trường là tương đối cao, đặc biệt là năm 2005, 2006 điểm chuẩn của một số ngành còn cao hơn so với điểm chuẩn các ngành cùng tên của một số trường thuộc khối Kinh tế khác như: Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, ĐHKT (ĐH Huế), tuy nhiên so với Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM) thì điểm chuẩn một số ngành của trường vẫn thấp hơn. Điều này lưu ý bạn khi chọn ngành và chọn trường ĐKDT. (Xem bảng 2 của các trường).

- Điểm chuẩn NV2 cao hơn so với NV1 nhưng mức chênh lệch không lớn, chỉ từ 1 - 3 điểm. (Bảng 2).

- Từ những số liệu trên chúng tôi dự kiến sang năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Địa chỉ: 459 Tôn Đức Thắng - Q. Liên Chiểu - TP. Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.841323 - 841513 - Fax: 0511.842953 - Website: <http://www.dce.udn.vn/>

- Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) trực thuộc ĐH Đà Nẵng được thành lập ngày 04/4/1994 là trường trọng điểm ở khu vực miền Trung đào tạo đội ngũ giáo viên có chất lượng cao trên nhiều lĩnh vực Khoa học Tự nhiên, Khoa học Xã hội để phục vụ nhu cầu giáo dục cho học sinh các cấp.
- Trường ĐHSP Tp.HCM hiện có khoảng 759 cán bộ, trong đó có 18 Nhà giáo ưu tú, 27 Giáo sư và Phó Giáo sư, 144 Giảng viên chính, 119 Tiến sĩ Khoa học và Tiến sĩ, 200 Thạc sĩ...
- Trường hiện đang đào tạo các bậc: Đại học và Sau đại học... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Tâm lý

Trên nền những **kiến thức chung** của khối Khoa học Xã hội và Khoa học Nhân văn như: Đạo đức học - Giáo dục học - Tôn giáo học... ngành Tâm lý sẽ cung cấp cho sinh viên những **kiến thức cơ bản** về ngành: Tâm lý học nhân cách - Tâm lý học phát triển - Tâm lý học lao động - Tâm lý học sư phạm - Tâm lý học thần kinh - Tâm lý học dân số - Tâm lý học văn hóa ... đồng thời cũng đào tạo để sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tâm lý học du lịch - Tâm lý học người tiêu dùng - Tâm lý học thanh tra - Tâm lý học gia đình - Tâm lý học tôn giáo Không những thế sinh viên còn được lựa chọn các môn học nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành**: Tư vấn tâm lý trong quản trị kinh doanh - Dự luận xã hội và thông tin đại chúng - Tâm bệnh học trẻ em... và được học các môn học mang tính **nghiệp vụ** như: Xử lý thống kê theo chương trình SPSS trong nghiên cứu tâm lý học - Kỹ năng tư vấn tâm lý... để khi ra trường Cử nhân ngành Tâm lý **có khả năng** nắm bắt tâm lý đối phương, khả năng xử lý tình huống, giải quyết các vấn đề có liên quan đến tâm lý, khả năng chuẩn đoán, trị liệu các vấn đề tâm lý...

Sinh viên học ngành Tâm lý sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Tâm lý học; TT Tư vấn tâm lý và Giáo dục tình yêu hôn nhân gia đình, TT Tư vấn hướng nghiệp tâm lý giáo dục trẻ, TT Tư vấn tình yêu hôn nhân gia đình...
- + Làm Chuyên gia tâm lý tại các TT hướng nghiệp, các tổ chức đoàn thể như Hội Liên hiệp Thanh niên VN, Hội Sinh viên VN, Hội Liên hiệp Phụ nữ VN...
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Tâm lý.

Ngành Văn hóa học

Sinh viên ngành Văn hóa học không chỉ được học những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội: Thống kê xã hội - Môi trường và con người - Văn học VN (VN) - Lịch sử văn minh thế giới -

Lịch sử tư tưởng VN - Tín ngưỡng và các tôn giáo ở VN... cùng với các **kiến thức cơ bản của ngành**: Logic học - Xã hội học - Hán văn cơ sở - Chữ Nôm - Văn bản tiếng Việt - Các phạm trù văn hóa, văn học trung đại VN - Ngôn ngữ và văn hóa - Cơ sở khảo cổ học - Văn hóa học - Văn hóa du lịch ... mà còn được học **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lịch sử âm nhạc VN - Lịch sử kiến trúc VN - Lịch sử mỹ thuật VN - Tiếp xúc văn hóa Đông Tây ở VN - Phong tục tập quán, lễ hội VN - Quản lý và khai thác di sản văn hóa - Di tích và thắng cảnh ở VN - Văn hóa, văn học dân gian VN - Văn hóa Chăm pa - Văn hóa ẩm thực VN - Văn hóa trang phục VN - Làng xã VN trong lịch sử - Lịch sử văn hóa VN Tốt nghiệp ngành Văn hóa học sinh viên **có khả năng** làm công tác nghiên cứu, giảng dạy hoặc quản lý nghiệp vụ tại các tổ chức, cơ quan thuộc ngành văn hóa và các ngành nghề có đòi hỏi tri thức về văn hóa khác...

Sinh viên học ngành Văn hóa học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Viện Văn hóa thông tin...
- + Tổng cục Du lịch và các cơ quan trực thuộc, các cơ sở kinh doanh du lịch: T.Cty Du lịch VN, Cty Du lịch xuyên Việt, các Cty Du lịch lữ hành, Cty Du lịch và Xúc tiến đầu tư, Cty Du lịch Dịch vụ Dầu khí VN...
- + Làm công tác phong trào quần chúng về văn hóa văn nghệ tại các nhà văn hóa, quản lý câu lạc bộ văn hóa văn nghệ từ cơ sở đến trung ương.
- + Các phòng chức năng: Quản lý văn hóa, Nghiên cứu văn hóa, Văn hóa cơ sở... trực thuộc Sở Văn hóa thông tin ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.
- + Giảng dạy và công tác trong các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Văn hóa học.

Ngành Sinh - Môi trường

Ngành Sinh - Môi trường (MT) cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, Sinh học: Giải tích - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Hóa phân tích - Hóa hữu cơ - Tế bào học... cùng những **kiến thức cơ bản** về ngành: Thực vật học - Động vật học - Hóa sinh học - Sinh lý học thực vật - Giải phẫu và sinh lý người... đồng thời sinh viên còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Động vật không xương sống - Giải phẫu hình thái thực vật - Phân loại thực vật - Sinh lý thực vật - Giải phẫu người - Sinh lý người và động vật - Sinh thái - Công nghệ sinh học - Đa dạng sinh học - Lý sinh học - Tài nguyên MT - Công nghệ MT - Đánh giá tác động MT - Luật và chính sách MT - Quản lý MT ... cũng như sẽ được tự chọn rất nhiều môn học để **bổ trợ kiến thức cho ngành**: Di truyền người - Sinh lý thần kinh cao cấp - Kỹ thuật di truyền - Công nghệ gen - Sinh lý sinh sản - Sinh lý nội tiết - Công nghệ vi sinh - Quang hợp và năng suất cây trồng - Dinh dưỡng khoáng - Chất điều hòa sinh trưởng thực vật - Công nghệ sau thu hoạch - Vi nấm - Công nghệ nuôi cấy mô và tế bào thực vật - Vitamin - Địa động vật - Cây thuốc - Nguồn lợi thủy vực - Đánh giá chất lượng nước - Độc tố MT.... Ra trường, Cử nhân chuyên ngành này **có khả năng** giải quyết những vấn đề có liên quan đến Sinh - Môi trường cũng như khả năng nghiên cứu độc lập...

Sinh viên ngành Sinh - Môi trường khi ra trường có thể công tác tại:

- + Các Viện: Viện Công nghệ sinh học, Viện Sinh học nhiệt đới, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Chăn nuôi Quốc gia, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Y học và Vệ sinh môi trường...
- + Các TT: TT Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, TT Công nghệ sinh học thực vật, TT Môi trường sinh học nông nghiệp, TT Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao, TT Phân tích AND và Công nghệ di truyền...

+ Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ Môi trường VN, Cục Bảo vệ môi trường, Cục Bảo vệ thực vật; Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động Môi trường, Vụ Môi trường...

+ T.Cty Đa - Giấy VN, T.Cty Thuốc lá VN, T.Cty Lâm nghiệp VN, T.Cty Giấy VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Môi trường VN xanh, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển, Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ Tài nguyên và Môi trường...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Nông lâm nghiệp, Quản lý Môi trường, Quản lý Dự án cải thiện môi trường... tại Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Khoa học và Công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Sinh - Môi trường.

Ngành Sư phạm Toán - Tin

Sinh viên ngành sư phạm Toán - Tin được trang bị nền **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Đại số tuyến tính - Giải tích - Xác suất thống kê - Lập trình căn bản - Tin học - Vật lý... cùng với những **kiến thức cơ bản** về Khoa học sư phạm: Tâm lý học - Giáo dục học - Phương pháp nghiên cứu khoa học - Toán cho máy tính - Các nguyên lý điều hành và Các phương pháp lập trình của máy tính... để từ đó tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Phương trình vi phân - Hàm thực và Giải tích hàm - Hình học sơ cấp - Hình học Afn và Euclide - Đại số đồng đều - Số luận - Quy hoạch tuyến tính - Cấu trúc máy tính và hệ điều hành - Nguyên lý cơ sở dữ liệu - Lập trình toán học - Lập trình nâng cao - Công nghệ phần mềm - Mạng máy tính.... đồng thời sẽ rèn luyện những **kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm** qua các môn học như: Tâm lý học sư phạm và Lứa tuổi - Đo lường và Đánh giá trong giáo dục... để khi ra trường sinh viên **có thể** làm công tác nghiên cứu hoặc làm công tác giảng dạy.

Ngành Sư phạm Giáo dục đặc biệt (Chuyên ngành Giáo dục hòa nhập bậc tiểu học)

Chương trình đào tạo chuyên ngành Giáo dục hòa nhập bậc tiểu học nhằm cung cấp cho sinh viên không chỉ **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Tâm lý học - Giáo dục học - Lý thuyết tập hợp và logic toán - Nhập môn lý thuyết xác suất và thống kê - Sinh lý thần kinh và các giác quan ... **kiến thức cơ bản** về ngành: Tâm lý học lứa tuổi học sinh tiểu học và Tâm lý học sư phạm - Tâm lý trẻ khuyết tật - Chẩn đoán và đánh giá trẻ khuyết tật - Lý luận giáo dục tiểu học - Nhập môn Giáo dục đặc biệt (GDĐB) - Giao tiếp sư phạm trong GDĐB ... mà còn được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Tâm lý trẻ chậm phát triển trí tuệ - Tâm lý trẻ khiếm thính - Tâm lý trẻ khiếm thị - Tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ khuyết tật - Giáo dục hòa nhập cho trẻ: khuyết tật; khó khăn về học; khiếm thính; khiếm thị; khuyết tật... và hàng loạt các phương pháp dạy học và dạy hòa nhập môn cho học sinh tiểu học về các môn: Toán, Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên-xã hội, Âm nhạc, Kỹ thuật, Mỹ thuật, Thể dục... Tốt nghiệp Cử nhân ngành này **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng và giảng dạy môn chuyên ngành cho các trường bậc tiểu học nói chung...

Ngành Sư phạm Sinh - Môi trường

Trên nền những **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, Sinh học: Đại số tuyến tính - Hình học giải tích - Vật lý - Hóa học vô cơ - Hóa học hữu cơ - Sinh học - Nhập môn khoa học môi trường... sinh viên khi học ngành Sư phạm Sinh - Môi trường sẽ được trang bị **kiến thức cơ bản** về ngành: Tâm lý học - Tâm lý học lứa tuổi sư phạm - Tổ chức hoạt động dạy học môn Sinh - Môi trường... không những thế sinh viên còn được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Hóa sinh học - Sinh học vi sinh - Cơ sở khoa học môi trường - Di truyền học - Giải phẫu sinh lý người

- Sinh thái đại dương - Sinh lý thực vật - Hóa môi trường - Ô nhiễm môi trường - Đánh giá tác động môi trường - Môi trường sức khỏe - Luật pháp môi trường... ngoài ra sinh viên cũng được lựa chọn các chuyên đề về Sinh học, Môi trường nhằm bổ trợ kiến thức ngành... để khi tốt nghiệp cử nhân Sư phạm Sinh - Môi trường **có khả năng** giảng dạy bộ môn chuyên ngành ở bậc trung học nội riêng và các cơ sở có chuyên ngành đào tạo liên quan...

1) Ngành VN học; 2) Ngành Sư phạm Giáo dục chính trị; 3) Ngành Sư phạm Ngữ văn; 4) Ngành Sư phạm Toán; 5) Ngành Sư phạm Giáo dục thể chất & Giáo dục quốc phòng; 6) Ngành Sư phạm Tin; 7) Ngành Sư phạm Hóa học; 8) Ngành Sư phạm Vật lý; 9) Ngành Sư phạm Giáo dục mầm non; 10) Ngành Sư phạm Lịch sử; 11) Ngành Sư phạm Giáo dục tiểu học; 12) Ngành Sư phạm Địa lý

Sinh viên khi theo học các ngành có tên trên của trường ĐHSP (ĐH Đà Nẵng) cũng sẽ được trang bị khối kiến thức giống như sinh viên các ngành cùng tên của trường ĐHSP Tp.HCM. Bên cạnh việc học những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, tùy theo từng ngành mà sinh viên sẽ được cung cấp **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, và cũng sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** một cách phù hợp... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, công tác trong các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

Sinh viên tốt nghiệp tất cả các ngành Sư phạm mà trường đào tạo có thể làm việc tại:

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học phổ thông, các trường bồi dưỡng giáo viên, các trường mầm non...

+ Ngoài ra còn có thể làm công tác nghiên cứu tại các Viện, Vụ: Viện Khoa học và Công nghệ VN, Viện Khoa học Xã hội VN, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Vụ Khoa học Xã hội và Tự nhiên...

1) Ngành Toán - Tin; 2) Ngành Công nghệ thông tin; 3) Ngành Hóa học

Trường ĐHSP (ĐH Đà Nẵng) trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên ngành Toán - Tin, Công nghệ thông tin, Hóa học của Trường ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM)... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng và giảng dạy trong các lĩnh vực có liên quan đến các chuyên ngành đã được đào tạo...

1) Ngành Văn học; 2) Ngành Địa lý (**Chuyên ngành Địa lý môi trường**)

Ngoài các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** được trang bị tương tự sinh viên chuyên ngành Văn học, chuyên ngành Địa lý môi trường của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM)... sinh viên khi học các ngành này của Trường ĐHSP (ĐH Đà Nẵng) còn được cung cấp một số môn học đặc thù riêng của trường... để khi ra trường Cử nhân các ngành này **có khả năng** làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các TT hoặc làm công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	1.100	22.457	1/20.4
2003	680	13.397	1/20
2004	900	-	-
2005	1.100	16.209	1/14.7
2006	1.400	16.934	1/12.1

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1997	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Toán - Tin	18.0	19.5	34.0	22.0	22.5	23.5	19.0	22.0	19.5	-	21.5	-	19.5	-
SP Sinh - MT	14.5	18.0	32.5	30.0	23.5	24.5	18.0	20.0	20.0	-	21.5	-	17.0	-
Toán - Tin	-	-	19.5	19.0	13.0	14.5	12.0	14.0	15.5	18.0	15.0	-	13.5	16.5
SP Vật lý	-	-	30.5	26.0	21.0	22.0	15.5	18.5	20.0	-	18.0	-	18.0	-
SP Địa lý	-	-	27.5	27.5	25.0	26.0	16.0	19.0	18.5	-	17.0	-	17.0	-
SP Ngữ văn	-	-	26.0	25.5	23.5	25.5	17.5	20.5	18.0	-	16.5	-	17.0	-
SP Hóa học	-	-	-	30.5	22.5	23.5	19.5	22.5	19.0	-	22.5	-	17.0	-
Sinh - Môi trường	-	-	-	-	19.5	20.5	15.5	17.5	20.0	-	16.0	-	15.0	-
SP Lịch sử	-	-	-	-	22.5	24.5	16.5	19.5	17.5	-	17.5	-	17.0	-
SP Giáo dục CT	-	-	-	-	16.0	18.0	15.0	18.0	16.0	-	16.0	-	15.0	-
CN Thông tin	-	-	-	-	-	-	12.0	13.0	15.5	18.5	15.0	20.5	13.5	16.0
Văn học	-	-	-	-	-	-	13.0	16.0	15.0	20.5	14.0	18.5	14.0	17.5
Địa lý	-	-	-	-	-	-	13.5	16.5	15.5	-	15.0	15.0	14.0	17.5
SP GD Tiểu học	-	-	-	-	-	-	15.0	18.0	15.0	-	14.0	-	14.5	-
SP GD Đặc biệt	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	20.5	14.0	14.0	13.0	15.5
SP GD Mầm non	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-	14.0	-	13.5	-
SP Tin	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	22.0	13.5	-
Tâm lý học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-	14.0	15.0
Văn hóa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	14.0
VN học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	17.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHSP tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh theo khối A, B, C, D, M.
- Trường thường xét điểm trúng tuyển theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Từ năm 2004 Trường ĐHSP không đào tạo các ngành về Ngoại ngữ.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường các năm 2005, 2006 tăng, số lượng thí sinh ĐKDT vào trường vẫn đông nên tỉ lệ "chọi" của trường thuộc diện nhiều. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của trường tương đối cao và giữa các ngành có sự chênh lệch: các ngành Sư phạm thường lấy điểm chuẩn cao hơn các ngành đào tạo cử nhân do đó nếu không đủ khả năng để thi đỗ vào các khoa sư phạm bạn có thể thi vào các khoa đào tạo cử nhân sau đó học khóa bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm 6 tháng hoặc bạn nên tìm hiểu thêm các trường sư phạm khác xem tỉ lệ "chọi" và điểm chuẩn. (Xem bảng 2).

- Từ năm 2005 trường mở thêm ngành học mới, đó là các ngành: Sư phạm Tin học (khối A) và Cử nhân Tâm lý học (khối C). Đến năm 2006 lại mở thêm 2 ngành: Văn hóa học và VN học. Việc mở thêm các ngành học mới sẽ mở ra những cơ hội mới cho sự lựa chọn của sinh viên cũng như cơ hội việc làm khi ra trường.

- Sang năm 2007 dự kiến số lượng thí sinh ĐKDT không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Địa chỉ: 100 Ngô Thi Nhậm, Q. Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: (+84.511). 765766 - Fax: (+84.511).765764 - Webside: <http://www.cfln.edu.vn/>

- Trường Đại học Ngoại ngữ (ĐHNN) là một trong năm trường thành viên trực thuộc Đại học Đà Nẵng, được thành lập ngày 26/8/2002, trên cơ sở tách và tổ chức lại 5 Khoa ngoại ngữ từ trước năm 2002, thuộc trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng.
- Trường ĐHNN - ĐH Đà Nẵng là TT đào tạo Giáo viên và Cán bộ ngoại ngữ đồng thời là TT nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần tích cực cho việc phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.
- Trường hiện đang đào tạo các bậc: Đại học và Sau đại học với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ công chức bao gồm 206 người, trong đó có 168 Giảng viên (164 Giảng viên đang giảng dạy và 4 Giảng viên tập sự) bao gồm: 13 Tiến sĩ, 97 Thạc sĩ, 39 Giảng viên chính, 9 Cán bộ giảng dạy đang làm Nghiên cứu sinh trong và ngoài nước...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Tiếng Hàn Quốc

Đào tạo cử nhân ngành Tiếng Hàn Quốc không chỉ có các **kiến thức chung** về Khối Khoa học Xã hội và Nhân văn: Địa lý - Môi trường và con người - Cơ sở văn hóa VN - Tiếng Việt thực hành - Ngữ âm tiếng Việt - Ngữ pháp tiếng Việt - Logic học - Phương pháp luận nghiên cứu khoa học ... mà ngành còn trang bị cho sinh viên khi theo học ngành này những **kiến thức cơ bản** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ và về tiếng Hàn Quốc: Văn hóa, văn minh Hàn - Hàn tự - Văn học Hàn Quốc - Ngữ âm, Văn tự Hàn - Từ vựng học tiếng Hàn - Ngữ pháp tiếng Hàn... và các **kỹ năng** về: Nghe hiểu - Nói... Bên cạnh đó sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về: Lý thuyết dịch - Biên dịch tiếng Hàn Quốc Ngoài ra sinh viên còn được học các môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Tiếng Hàn thư ký văn phòng - Tiếng Hàn tài chính ngân hàng - Tiếng Hàn khoa học kỹ thuật - Tiếng Hàn khách sạn du lịch ... để khi ra trường, Cử nhân ngành này **có khả năng** giao tiếp bằng tiếng Hàn Quốc như ngôn ngữ thứ hai của mình, có khả năng giảng dạy tiếng Hàn Quốc cho mọi người.

Ngành Tiếng Thái Lan

Trên nền những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn được trang bị giống như ngành Tiếng Hàn Quốc thì sinh viên ngành Tiếng Thái Lan sẽ được học các **kiến thức cơ bản** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ và về tiếng Thái Lan: Văn hóa văn minh Thái Lan - Ngữ âm học tiếng Thái - Từ vựng học tiếng Thái - Văn học Thái Lan - Văn học hiện đại Thái Lan - Thành ngữ tiếng Thái ... đồng thời cũng được rèn luyện **kỹ năng** về: Nghe - Nói - Đọc ... để từ đó đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Lý thuyết dịch - Phiên dịch tiếng Thái Ngoài ra, sinh viên chuyên ngành này cũng được cung cấp những **kiến thức bổ trợ** cho ngành như: Tiếng Thái du lịch - Tiếng Thái thương mại ... để sau khi tốt nghiệp, Cử nhân ngành Tiếng Thái Lan **có khả năng** giao tiếp bằng tiếng Thái Lan như ngôn ngữ thứ hai của mình, cũng như sẽ có khả năng giảng dạy tiếng Thái Lan cho mọi người.

1) Ngành SP Tiếng Anh; 2) Ngành SP Tiếng Trung; 3) Ngành SP Tiếng Pháp; 4) Ngành SP Tiếng Nga;

Sinh viên theo học các ngành Sư phạm có tên trên của Trường ĐHNN (ĐH Đà Nẵng) được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cũng như sẽ được học các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như khối kiến thức mà Trường ĐHSP Tp.HCM đào tạo cho sinh viên các ngành cùng tên trên. Ra trường, sinh viên các ngành này **có khả năng** giao tiếp thành thạo ngoại ngữ chuyên ngành, khả năng giảng dạy, nghiên cứu trong những lĩnh vực có liên quan...

1) Ngành Tiếng Anh; 2) Ngành Tiếng Nga; 3) Ngành Tiếng Pháp; 4) Ngành Tiếng Trung

Trường ĐHNN (ĐH Đà Nẵng) trang bị cho sinh viên khi theo học các ngành Tiếng Anh, Tiếng Nga, Tiếng Pháp, Tiếng Trung những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên các ngành cùng tên của Trường ĐH KH&NV (ĐHQG Tp.HCM)... ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học mang đặc điểm riêng của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, sử dụng, giảng dạy ngôn ngữ chuyên ngành...

Ngành Tiếng Nhật

Ngành Tiếng Nhật cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản cùng với **kiến thức cơ bản** về văn hóa, văn học, ngôn ngữ và tiếng Nhật, đồng thời còn trang bị để sinh viên có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cũng như sẽ được học một số môn học lựa chọn khác để **bổ trợ kiến thức cho ngành...** giống như khối kiến thức mà ngành Tiếng Nhật của trường ĐHNN (ĐH Huế) cung cấp cho sinh viên khi theo học ngành này. Tốt nghiệp, Cử nhân ngành Tiếng Nhật **có khả năng** giao tiếp bằng tiếng Nhật như ngôn ngữ thứ 2 của mình có khả năng giảng dạy tiếng Nhật cho mọi người...

Sinh viên học các ngành về Ngoại ngữ sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Du lịch VN, Tổng cục Hải quan, Cục Xúc tiến du lịch, Cục Xúc tiến thương mại, Cục Đầu tư nước ngoài, Cục Xuất khẩu lao động...

+ Các Vụ: Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Thương mại và Dịch vụ, Vụ Hợp tác quốc tế...

+ Các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động với các đối tác nước ngoài hoặc có sử dụng đến ngoại ngữ: T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, T.Cty Xuất nhập khẩu... và các Cty, đơn vị thành viên: các Cty Thương mại và Đầu tư, Cty Xuất nhập khẩu, Cty Du lịch xuyên Việt, Cty Lữ hành, các Cty Dịch thuật...

+ Các Nhà xuất bản, cơ quan thông tấn báo chí (Đài truyền hình, Đài phát thanh, Cơ quan báo chí...); Trợ lý dự án hợp tác quốc tế, thư ký tại các tổ chức xã hội...

+ Các phòng chức năng: Hợp tác quốc tế, Đối ngoại, Quản lý Kinh doanh xuất nhập khẩu, Du lịch và Hợp tác đầu tư... của các Sở: Sở Thương mại, Sở Ngoại vụ, Sở Du lịch, Sở Thương mại - Du lịch... trên địa bàn cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN, Trung học phổ thông, các TT dạy ngoại ngữ.

Ngành Quốc tế học

Ngoài các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** của ngành được trang bị tương tự sinh viên ngành Quốc tế học của Trường ĐHSP Tp.HCM... sinh

viên Trường ĐH Ngoại ngữ (ĐH Đà Nẵng) còn được học một số môn học đặc thù riêng của trường như: Phương pháp nghiên cứu quốc tế - Nghiệp vụ báo chí tuyên truyền - Hệ thống chính trị EU - Chính sách đối ngoại EU - Ảnh hưởng của văn hóa châu Âu đối với Phương đông và VN - Ảnh hưởng của hệ thống chính trị châu Âu đối với VN - Mô hình liên kết châu Âu và kinh nghiệm đối với ASEAN... để khi học xong sinh viên **có khả năng** sử dụng tiếng Anh và một số ngoại ngữ khác như một công cụ giao tiếp quốc tế...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong 2 năm gần đây

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2005	725	3.625	1/5.0
2006	855	4.524	1/5.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Tiếng Anh D1	22.5	23.5	22.5	25.5	23.5	-	20.5	-	25.5	-
SP Tiếng Nga D2	16.5	17.5	16.0	19.0	20.0	20.5	16.5	16.5	18.5	-
SP Tiếng Pháp D3	21.0	22.0	23.0	25.0	20.5	25.0	16.5	19.5	16.0	-
SP Tiếng Trung D1,4	17.0	18.0	18.0	21.0	19.5	25.0	16.5	20.5	16.5/19	24/20
Tiếng Anh D1	18.5	19.5	18.5	21.5	20.5	-	16.5	21.0	21.5	24.5
Tiếng Nga D1,3	13.5	14.5	14.0	15.0	18.5	18.5	16.5	16.5	18.5/22.0	18.5
Tiếng Pháp D3	15.5	16.5	15.0	18.0	19.0	23.5	16.5	16.5	18.5	19.0
Tiếng Trung D1,4	18.0	19.0	17.0	19.0	19.0	-	18.0	-	19.5/18.5	23.5/19.5
Tiếng Nhật D1	-	-	19.0	22.0	21.5	-	20.0	-	23.5	-
Tiếng Hàn Quốc D1	-	-	-	-	-	-	16.5	17.0	20.0	-
Tiếng Thái Lan D1	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	20.5
Quốc tế học D1,2,3	-	-	-	-	-	-	-	-	21.5/17/20	-

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐHNH (ĐH Đà Nẵng) tuyển sinh trong toàn quốc và tuyển sinh các khối D1, D2, D3, D4.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành mà thí sinh ĐKDT.

2. Một số lưu ý:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường năm 2006 tăng 130 chỉ tiêu so với năm 2005. Số lượng thí sinh ĐKDT năm 2006 cũng tăng nên tỉ lệ "chọi" nhiều hơn năm 2005 tuy nhiên mức tăng không đáng kể. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển của trường năm 2006 nhìn chung cao hơn những năm trước và có sự chênh lệch giữa các ngành: ngành cao nhất là Sư phạm tiếng Anh (25.5 điểm), ngành thấp nhất là Sư phạm tiếng Pháp khối D1 (16 điểm). Điều này lưu ý bạn khi chọn ngành ĐKDT vào trường. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm trúng tuyển vào trường cao hơn so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT.

- Năm 2006 trường bắt đầu tuyển thêm 2 ngành học mới: ngành Tiếng Thái Lan và ngành Quốc tế học. Việc tăng thêm ngành mới cũng mở ra nhiều cơ hội cho sinh viên lựa chọn hơn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Địa chỉ: Khu II, đường 3/2, Tp. Cần Thơ

Điện thoại: (8471) 838237 - Fax: (8471) 838262 - Website: <http://www.ctu.edu.vn/>

- Đại học Cần Thơ được thành lập ngày 31/3/1966, là cơ sở đào tạo Đại học, Sau đại học trọng điểm của Nhà nước ở Đồng bằng sông Cửu Long, là TT văn hóa - khoa học kỹ thuật của vùng.
- Đội ngũ cán bộ giảng viên bao gồm các Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ... có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Điện tử

Chương trình đào tạo ngành Điện tử nhằm cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối A: Vi tích phân - Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê - Toán thuật trong vật lý - Vật lý lượng tử - Cơ & Nhiệt - Điện & Quang - Hóa học... cùng với các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Linh kiện điện tử, Công nghệ thông tin - Lập trình căn bản - Lý thuyết mạch - Mạch điện tử - Kỹ thuật xung - Tín hiệu - Trường điện từ - Kỹ thuật số - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật - Kiến trúc máy tính, điện tử - Truyền dữ liệu ... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cho từng hướng lựa chọn, cụ thể như:

+ Hướng Viễn thông

Sinh viên theo học hướng ngành này sẽ được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của hướng Viễn thông**: Cơ sở viễn thông - Anten và truyền sóng - Ngôn ngữ hệ thống - Kỹ thuật Video - Mạng điện thoại - Mạng máy tính, điện tử - Hệ thống viễn thông - Lập trình hướng đối tượng - Cơ sở tự động học - Hệ thống viễn thông... ngoài ra, sinh viên cũng sẽ được lựa chọn các môn học **bổ trợ kiến thức cho hướng ngành** như: Kỹ thuật điện - Marketing chuyên ngành - Quản trị doanh nghiệp - Ngôn ngữ lập trình - Điện tử công suất - Phân tích hệ thống - Điều khiển tự động - Cảm biến - Điện tử công nghiệp - Mạng Nơron - Robotica - Tự động hóa quá trình sản xuất... để khi ra trường Kỹ sư ngành Điện tử - hướng Viễn thông **có khả năng** thiết kế, cài đặt, giám định, khai thác, bảo trì các thiết bị điện tử, hệ thống viễn thông...

+ Hướng Điều khiển tự động

Ngành Điện tử cung cấp cho sinh viên theo hướng Điều khiển tự động những **kiến thức chuyên sâu của hướng ngành**: Cảm biến - Kỹ thuật điện - Điện tử công suất và ứng dụng - Cơ sở tự động học, công nghệ thông tin - Ngôn ngữ hệ thống - Xử lý tín hiệu số - Mạng máy tính, điện tử - Lập trình hướng đối tượng - Cơ sở viễn thông ... và một số môn lựa chọn theo tín chỉ: Logic mờ - Mạng Nơron - Nhân dạng hệ thống... cùng với **kiến thức bổ trợ cho hướng ngành** qua một số môn học lựa chọn khác như: Marketing chuyên ngành - Quản trị doanh nghiệp - Ngôn ngữ lập trình - Siêu cao tần - Hệ thống điện thoại - Phân tích hệ thống - Hệ thống viễn thông - Công nghệ viễn thông mới... để sau khi tốt nghiệp, Kỹ sư Điện tử - hướng Điều khiển tự động **có khả năng** thiết kế, cài đặt, giám định, khai thác, bảo trì các thiết bị điện tử, hệ thống tự động...

Sinh viên ngành Điện tử sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện BCVT & CNTT, Viện Công nghệ Viễn thông, Viện Ứng dụng công nghệ, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa; Các TT thông tin, TT Viễn thông trên toàn quốc.

+ Các Cục, Vụ: Cục Tấn số vô tuyến điện, Cục Ứng dụng CNTT, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Khoa học công nghệ...

+ T.Cty Viễn thông quân đội, T.Cty Truyền thông đa phương tiện VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN... và hàng loạt các đơn vị trực thuộc các T.Cty trên. Đồng thời có thể làm việc tại các Cty: Cty Điện tử viễn thông hàng hải, Cty Điện tử viễn thông VTC, Cty Phát triển công nghệ thông tin VTC, các Cty viễn thông liên tỉnh, quốc tế, các cơ quan an ninh, quốc phòng, hệ thống các đài phát thanh, truyền hình từ Trung ương đến địa phương...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông, Quản lý viễn thông... tại các Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Điện tử.

Ngành Thủy sản bao gồm các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Bệnh học thủy sản

Nội dung chương trình đào tạo nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như: Cơ và nhiệt - Hóa học - Logic học - Đại số tuyến tính - Điện và quang - Sinh học - Vật lý - Hóa keo - Hóa phân tích - Xã hội học - Microsoft Access... và các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Vi sinh - Di truyền học - Thực vật thủy sinh - Động vật thủy sinh - Nuôi thức ăn tự nhiên - Quản lý chất lượng nước trong nuôi thủy sản - Chăn nuôi - Trồng trọt... cùng những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Bệnh vi khuẩn - Bệnh vi rút - Bệnh nấm và ký sinh trùng - Miễn dịch học - Mô bệnh học - Thuốc và hóa chất trong thủy sản - Vệ sinh và kiểm nghiệm chất lượng sản phẩm thủy sản - ... ngoài ra sinh viên còn được cung cấp một số môn học **bổ trợ kiến thức chuyên ngành** như: Hệ thống nuôi cá kết hợp - Kỹ thuật nuôi cá cảnh - Các hệ sinh thái ven biển - Khuyến ngư và giao tiếp - Di truyền và chọn giống thủy sản Sau khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** làm việc độc lập tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo, các cơ sở sản xuất thủy sản...

+ Chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản

Cũng giống như ngành Nuôi trồng thủy sản của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM, chuyên ngành này của Trường ĐH Cần Thơ cũng được trang bị ngoài các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** là những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi tốt nghiệp chuyên ngành Nuôi trồng thủy sản sinh viên sẽ **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng, quản lý và tổ chức sản xuất có hiệu quả trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản...

Ngành Quản lý nghề cá

Sinh viên học ngành Quản lý nghề cá được học những **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A, Tin học: Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê - Toán kinh tế - Cơ và nhiệt - Hóa học - Điện và quang - Logic học - Microsoft Access... cùng với **kiến thức cơ bản** về ngành: Ngư nghiệp - Kỹ thuật khai thác - Ngư trường và nguồn lợi thủy sản - Nguồn lợi thủy sản - Sinh lý và sinh thái thủy sinh vật - Vật liệu và ngư cụ khai thác thủy sản - Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt - Kỹ thuật nuôi thủy sản nước lợ - Kinh tế ngoại thương - Kinh tế thủy sản - Kế toán ... đồng thời sinh viên còn được trang bị **kiến thức**

chuyên sâu của chuyên ngành: Đánh giá và quản lý nguồn lợi thủy sản - Quản lý môi trường ao nuôi thủy sản - Quy hoạch và quản lý vùng nuôi thủy sản - Vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản - Quản lý nghề cá - Marketing các sản phẩm thủy sản Khi tốt nghiệp Kỹ sư ngành này sẽ **có khả năng** nghiên cứu, quy hoạch, quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản đồng thời phát triển nuôi trồng, khai thác và sử dụng nguồn lợi thủy sản một cách có hiệu quả nhất...

Ra trường, sinh viên học ngành Thủy sản, Quản lý nghề cá có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: các Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản, Viện Nghiên cứu Hải sản, Viện Chăn nuôi, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp; TT Khuyến ngư Quốc gia, TT Khuyến nông Quốc gia...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ T.Cty Thủy sản VN, T.Cty Chăn nuôi VN... và các đơn vị trực thuộc: Cty Thức ăn chăn nuôi Trung ương, Cty Chế biến, nuôi trồng thủy sản, các trạm, trại nuôi tôm, cá giống, các TT VAC...

+ Các phòng chức năng: Kỹ thuật nghiệp vụ, Chăn nuôi, Nông lâm nghiệp... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Ngành Quản trị kinh doanh gồm các chuyên ngành: *Quản trị kinh doanh Tổng hợp, Quản trị kinh doanh Du lịch và dịch vụ, Quản trị kinh doanh Marketing*

+ Chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch và dịch vụ

Sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh du lịch và dịch vụ được trang bị khối **kiến thức chung** dành cho Toán, nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Vi tích phân - Toán kinh tế ứng dụng - Quản trị học - Kinh tế học - Kinh tế vi mô ...cùng những **kiến thức cơ bản** về Quản trị kinh doanh: Nguyên lý kế toán - Marketing - Tài chính, tiền tệ - Thị trường tài chính - Thuế - Kinh tế lượng ... đồng thời còn được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Thanh toán quốc tế - Quản trị (QT) tài chính - QT chiến lược - Kinh tế du lịch - Tiếng Anh chuyên ngành - Marketing du lịch - Phương pháp hướng dẫn du lịch - Thương mại điện tử - QT dự án phát triển - QT chất lượng du lịch - Tình huống QT khách sạn nhà hàng - QT kinh doanh lữ hành - Công tác xã hội - Tổ chức kinh doanh du lịch... cộng với **kiến thức bổ trợ** cho ngành: Kinh tế quốc tế - Nghiên cứu Marketing - Kinh tế sản xuất - Kỹ thuật đàm phán - Kỹ thuật quảng cáo... để khi học xong chuyên ngành này sinh viên **có khả năng** thực hiện và tổ chức thực hiện các nghiệp vụ về dịch vụ và du lịch, phân đoán, xây dựng chiến lược kinh doanh trong nền công nghiệp "không khói" (Du lịch)...

1) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh tổng hợp; 2) Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Marketing

Chương trình đào tạo hai chuyên ngành này cũng giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành cùng tên ở Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), bên cạnh việc học những **kiến thức chung** và **kiến thức cơ bản** dành cho ngành thì sinh viên còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Ngoài ra, Trường ĐH Cần Thơ còn cung cấp cho sinh viên một số môn học mang tính đặc thù của trường: QT văn phòng - Nghiên cứu Marketing - Kinh tế sản xuất - Thanh toán quốc tế - Marketing thương mại, dịch vụ và du lịch - Kiểm toán - Phân tích hoạt động kinh tế - Marketing quốc tế.... Sinh viên sau khi tốt nghiệp các chuyên ngành này sẽ **có khả năng** quản trị kinh doanh trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Sinh viên học ngành Quản trị kinh doanh sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu chiến lược; TT Tư vấn quản lý và đào tạo...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý thị trường, Cục Quản lý cạnh tranh, Cục Xúc tiến thương mại; Vụ Chính sách thị trường trong nước, Vụ Chính sách thương mại đa biên...

+ Các doanh nghiệp, Cty, T.Cty trên địa bàn toàn quốc hoạt động trong các lĩnh vực đặc biệt về Du lịch, Marketing: T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, TD Bảo hiểm VN, T.Cty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp, T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Xây dựng công nghiệp VN, T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, TD Điện lực VN, TD Bưu chính viễn thông VN... và các đơn vị trực thuộc.

+ Các phòng chức năng: Kế hoạch tổng hợp, Quản lý xuất nhập khẩu, Quản lý thương mại, Quản lý thương mại du lịch... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại và Du lịch, Sở Thương mại... của 64 tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh.

Ngành Kế toán gồm các chuyên ngành: *Kế toán tổng hợp; Kiểm toán*

Sinh viên ngành Kế toán sẽ được trang bị những ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học Tự nhiên và nhóm ngành Kinh tế như ngành Kinh tế. Bên cạnh những ***kiến thức cơ bản*** về ngành như: Nguyên lý kế toán - Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Nguyên lý thống kê kinh tế - Tài chính, tiền tệ - Thị trường tài chính - Thuế - Marketing căn bản - Tình huống kế toán tài chính... và một số môn học lựa chọn khác: Toán tài chính - Quản trị (QT) nhân sự - Nghiên cứu Marketing - Hành vi tổ chức... thì sinh viên cũng được đào tạo ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** như: Nghiệp vụ ngân hàng - Kế toán QT - Kiểm toán - QT tài chính - Kế toán đơn vị sự nghiệp - Kế toán ngân hàng - Thanh toán quốc tế - Hệ thống thông tin kế toán - Kế toán quản trị - Công tác xã hội - Tổ chức thực hiện công tác kế toán ... đồng thời còn được học những môn học nhằm ***bổ trợ kiến thức chuyên ngành***: QT doanh nghiệp - QT sản xuất - Kinh tế sản xuất - Phân tích hoạt động kinh tế - QT rủi ro... để khi ra trường sinh viên ***có khả năng*** nghiên cứu, trực tiếp làm việc tại các đơn vị sản xuất kinh doanh, hoặc làm công tác giảng dạy các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đã được đào tạo.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Kế toán có thể làm việc tại:

+ Các Tổng cục, Cục, Vụ: Tổng cục Thuế; Cục Thuế, Cục Tài chính doanh nghiệp, Cục Tin học và Thống kê tài chính; Vụ Tài chính kế toán, Vụ Chế độ kế toán...

+ Các cơ quan, nhà máy xí nghiệp, Cty, T.Cty trên địa bàn toàn quốc hoạt động trên khắp các lĩnh vực đặc biệt có liên quan đến Thương mại: T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu và các đơn vị trực thuộc, Cty Thương mại và Đầu tư, Cty Thương mại và Dịch vụ...

+ Các phòng chức năng: Kế toán, Quản lý ngân sách... tại các Sở ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kế toán.

Ngành Kinh tế ngoại thương

Ngành Kinh tế ngoại thương trang bị cho sinh viên ***kiến thức chung*** về khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Vi tích phân - Toán kinh tế ứng dụng - Quản trị học - Kinh tế học - Kinh tế vi mô ..., những ***kiến thức cơ bản*** của ngành: Kinh tế quốc tế - Marketing - Luật kinh tế - Nghiên cứu Marketing - Kinh tế lượng - Mô hình toán kinh tế - Thuế - Quản trị chất lượng sản phẩm... đồng thời được đào tạo ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** như: Kinh tế ngoại thương - Tài chính quốc tế - Tình huống kinh tế ngoại thương - Nghiệp vụ ngoại thương - Bảo hiểm ngoại thương - Marketing quốc tế - Thương mại điện tử - Đầu tư quốc tế... Bên cạnh đó sinh viên ngành này còn được lựa chọn một số môn học nhằm ***bổ trợ kiến thức chuyên ngành*** như: Quản trị

doanh nghiệp - Nghiệp vụ ngân hàng - Phân tích hoạt động kinh tế - Phân tích và thẩm định dự án - Marketing thương mại, dịch vụ và du lịch - Quản trị Marketing - Quản trị rủi ro tài chính - Thị trường tài chính - Kế toán tài chính... để khi tốt nghiệp sinh viên ngành Kinh tế ngoại thương **có khả năng** nắm bắt và phân đoán diễn biến tình hình kinh tế và các nghiệp vụ sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước để thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh có hiệu quả trên thương trường quốc tế...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Kinh tế ngoại thương có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Kinh tế VN, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Viện Chiến lược phát triển; TT Thông tin và Dự báo kinh tế xã hội Quốc gia, TT Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý...

+ Các Vụ, Cục: Vụ Kinh tế đối ngoại, Vụ Kế hoạch và Đầu tư, Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ Xuất nhập khẩu, Vụ Kinh tế nông nghiệp, Vụ Kinh tế công nghiệp; Cục Kinh tế, Cục Đầu tư nước ngoài...

+ Các doanh nghiệp, Cty, nhà máy, xí nghiệp trong và ngoài nước: T.Cty Đầu tư phát triển đô thị và Khu công nghiệp, T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Xây dựng công nghiệp VN, T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu, TD Bảo hiểm VN, T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, TD Điện lực VN, TD Bưu chính viễn thông VN... và các đơn vị thành viên.

+ Các phòng chức năng: Kinh tế ngành, Kinh tế đối ngoại, Kế hoạch tổng hợp... tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thương mại, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... thuộc các tỉnh, thành phố trên cả nước. Làm tại Văn phòng Ủy ban Quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kinh tế ngoại thương.

Ngành Luật khoa bao gồm các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Luật tư pháp

Khi theo học chuyên ngành Luật tư pháp sinh viên sẽ được đào tạo những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Logic học - Xã hội học - Kinh tế học - Văn bản và lưu trữ học - Lịch sử Nhà nước và pháp luật VN/thế giới... cùng những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Luật hiến pháp - Luật hành chính - Luật dân sự - Luật thương mại - Giao tiếp và hùng biện - Luật dân sự La Mã - Luật đất đai - Luật hình sự các nước - Luật hôn nhân và gia đình ... và cũng sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Luật tố tụng dân sự - Luật tố tụng hình sự - Luật ngân sách - Luật dân sự, thừa kế - Luật công pháp quốc tế - Luật tư pháp quốc tế - Luật so sánh... đồng thời còn được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành: Pháp luật sở hữu trí tuệ - Luật hành chính đô thị - Pháp luật về chứng khoán & TTCK - Giám định pháp y - Pháp luật về bảo hiểm - Các cơ quan và tổ chức pháp luật - Nghề Luật sư và hội đồng tư vấn pháp luật - Luật ngân hàng - Luật ASEAN - Tố tụng lao động - Pháp luật về cạnh tranh - Luật thương mại quốc tế - Kỹ thuật đàm phán hợp đồng - Phòng chống một số tội phạm.... Tốt nghiệp, Cử nhân ngành Luật tư pháp **có khả năng** giải quyết được những vấn đề thông thường trong lĩnh vực pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực Tư pháp...

1) Chuyên ngành Luật hành chính; 2) Chuyên ngành Luật thương mại

Cử nhân khi theo học 2 chuyên ngành trên của Trường ĐH Cần Thơ sẽ được trang bị khối **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** cũng như **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như chương trình đào tạo chuyên ngành cùng tên của Trường ĐH Luật Tp.HCM. Ra trường, sinh viên những ngành này sẽ **có khả năng** giải quyết những vấn đề liên quan đến chuyên ngành...

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Luật khoa có thể công tác tại:

- + Các Viện, Cục, Vụ: Viện Khoa học xét xử, Viện Kiểm sát tối cao, Viện Khoa học pháp lý; Cục Trợ giúp pháp lý; Vụ Hành chính tư pháp, Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật...
- + Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự, Viện Kiểm sát nhân dân từ Trung ương đến địa phương, Viện kiểm sát quân sự, cơ quan công an...
- + Làm ở phòng Tư pháp tại các Sở Tư pháp ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Các phòng chức năng: Pháp chế, Thanh tra, Công chứng... tại các cơ quan pháp luật trực thuộc Chính phủ, cơ quan thuộc hệ thống hành chính Nhà nước hay các cơ quan thông tin đại chúng.
- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Luật khoa.

Ngành Du lịch⁴ (*Chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch*)

Nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch nhằm trang bị cho sinh viên các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Tâm lý học - Quản trị học - Luật du lịch - Mỹ học - Địa danh VN - Địa lý du lịch - Logic học... và không chỉ được học những **kiến thức cơ bản** về ngành: Du lịch sinh thái - Đặc điểm văn hóa đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) - Y tế trong du lịch - Thủ tục hải quan và cước phí - Kinh tế học - Marketing - Hệ thống bảo tàng VN - Lữ hành nội địa và quốc tế... mà còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Marketing du lịch, hướng dẫn du lịch (HDDL) - Tổ chức và điều hành Tour - Văn hóa dân tộc thiểu số VN - Văn hóa ẩm thực - Nghệ thuật biểu diễn truyền thống VN - Công nghệ phục vụ bán - Quy hoạch vùng du lịch - Nghệ thuật thuyết trình - Các tổ chức du lịch VN và quốc tế - Bản đồ du lịch - Anh chuyên môn HDDL - Bảo vệ môi trường và cảnh quan du lịch... ngoài ra, sinh viên còn được cung cấp **kiến thức bổ trợ cho ngành** qua một số môn học lựa chọn bắt buộc: Văn học VN - Địa lý/Lịch sử Đông Nam Á - Tài nguyên du lịch tự nhiên - Tài nguyên du lịch nhân văn - Tuyến điểm du lịch ĐBSCL.... Tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên sẽ **có khả năng** giới thiệu về đất nước và con người VN với du khách quốc tế, tổ chức được các hoạt động văn hóa kinh doanh phục vụ cho du lịch, hướng dẫn viên du lịch...

Sinh viên học ngành Du lịch sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Viện Nghiên cứu Phát triển du lịch, Cục Xúc tiến du lịch, Vụ Lữ hành... thuộc Tổng Cục Du lịch.
- + Các Cty Du lịch lữ hành, Cty Du lịch và Xúc tiến đầu tư, Cty Du lịch dịch vụ đầu khí VN...
- + Các phòng nghiệp vụ: Du lịch và Hợp tác đầu tư, Quản lý du lịch và khách sạn, Xúc tiến du lịch, Nghiên cứu Phát triển du lịch... của các Sở như: Sở Du lịch, Sở Du lịch - Thương mại, Sở Thương mại - Du lịch thuộc các tỉnh, thành phố trong cả nước.
- + Làm hướng dẫn viên du lịch.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Du lịch.

Ngành Sư phạm Thể dục thể thao

Ngành Sư phạm Thể dục thể thao (TDTT) cung cấp những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản cho sinh viên: Hàm một biến - Hàm nhiều biến - Phương trình vi phân - Tâm lý học - Tiếng Việt thực hành... đồng thời sinh viên cũng được học các **kiến thức cơ bản về ngành**: Tâm lý học lứa tuổi - Giải phẫu người - Điện kinh và phương pháp giáo dục (PPGD) - Lý luận và phương pháp (PP) TDTT - Thể thao chuyên sâu và PP huấn luyện - PP nghiên cứu khoa học giáo dục...

cũng như những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Trò chơi vận động và PPGD - Tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm - Sinh lý học TDTT - Bóng chuyền và PPGD - Bơi lội và PPGD - Bóng đá và PPGD - Cờ vua và PPGD - Y học TDTT - Đo lường TDTT - Lý luận và PP TDTT trường học - Giáo dục học TDTT ... cùng với các môn học tự chọn nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành**: Logic học - Bóng rổ và PPGD - Bóng ném và PPGD - Karatedo và PPGD - Quần vợt và PPGD - Taekwondo và PPGD... để khi tốt nghiệp ngành Sư phạm TDTT sinh viên **có khả năng** giảng dạy và nghiên cứu tại các cơ sở có đào tạo chuyên ngành cũng như các cơ quan, đơn vị hoạt động có liên quan...

Ngành Kinh tế nông nghiệp gồm các chuyên ngành: **Kinh tế nông nghiệp; Kinh tế tài nguyên môi trường; Kinh tế thủy sản**

+ Chuyên ngành Kinh tế thủy sản

Cử nhân chuyên ngành Kinh tế thủy sản được trang bị **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, nhóm ngành Kinh tế: Đại số tuyến tính - Toán kinh tế ứng dụng - Tâm lý học - Kinh tế học vi mô - Kinh tế học vĩ mô... cùng các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Nguyên lý kế toán - Phương pháp nghiên cứu kinh tế - Nguyên lý thống kê kinh tế - Tổng quan nghề cá - Kỹ thuật nuôi trồng thủy sản - Kinh tế lượng - Mô hình toán kinh tế... ngoài ra, sẽ được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Kinh tế thủy sản: Kỹ thuật khai thác thủy sản - Kinh tế tài nguyên thủy sản - Kế toán doanh nghiệp thủy sản - Thuế - Kinh tế phát triển - Luật kinh tế - Kỹ thuật chế biến thủy sản - Marketing thủy sản - Xây dựng và tham quan dự án đầu tư - Quản trị tài chính - Quản lý và phát triển nghề cá - Quản trị doanh nghiệp thủy sản - Thương mại quốc tế - Kinh tế nguồn lực thủy sản... Tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên **có khả năng** phân đoán được tình hình phát triển nguồn lợi thủy sản để thực hiện kinh doanh ngành ngư nghiệp có hiệu quả, đảm bảo duy trì và phát triển nguồn lợi về mặt kinh tế, ổn định môi trường tạo thế mạnh và phát huy tiềm năng của vùng đồng bằng sông Cửu Long...

+ Chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp; Chuyên ngành Kinh tế tài nguyên môi trường

Chương trình đào tạo các chuyên ngành Kinh tế nông nghiệp, Kinh tế tài nguyên môi trường của Trường ĐH Cần Thơ cũng giống như chương trình học các chuyên ngành này của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM, ĐH Nha Trang.... Sinh viên không những được cung cấp các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** về ngành mà còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Để khi ra trường Cử nhân chuyên ngành **có khả năng** phân tích, tổng hợp và đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, tài nguyên môi trường...

Ngành Kỹ thuật công trình gồm các chuyên ngành: **Thủy công đồng bằng; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Xây dựng cầu đường**

+ Chuyên ngành Thủy công đồng bằng

Sinh viên theo học chuyên ngành Thủy công đồng bằng sẽ được đào tạo để có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Hình học giải tích - Đại số tuyến tính - Hóa học - Vật lý - Xác suất thống kê - Cơ lý thuyết, kỹ thuật ... và những **kiến thức cơ bản** về ngành: Vật lý đất - Trắc lượng - Địa chất công trình - Thủy lực cơ sở - Sức bền vật liệu - Cơ học trong môi trường liên tục - Vật liệu xây dựng - Thủy lực công trình - Cơ học kết cấu - Kỹ thuật điện - Kết cấu thép, gỗ - Công nghệ môi trường - Điện công nghiệp - Nguyên lý kiến trúc - Bê tông cơ sở - Kết cấu bê tông - Nguyên lý quy hoạch..., đồng thời được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Quản lý công trình thủy - Khoa học về an toàn và bảo hộ - Thi công công trình - Cấp thoát nước - Quy hoạch và phát triển nông thôn - Cầu nông thôn - Công trình trên đất yếu - Quy hoạch thủy lợi - Máy bơm và trạm bơm - Nền móng công trình - Đường nông thôn - Thủy công..., ngoài ra sinh viên còn được **bổ**

trợ kiến thức cho ngành bằng một số môn học lựa chọn: Phương pháp xử lý nước thải - Luật xây dựng - Thủy văn nước ngầm Tốt nghiệp Kỹ sư chuyên ngành Thủy công đồng bằng **có khả năng** thiết kế và thi công các công trình thủy nhằm phục vụ cho nông nghiệp và phát triển nông thôn...

Ra trường, sinh viên chuyên ngành Thủy công đồng bằng có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Khoa học thủy lợi, Viện Quy hoạch thủy lợi, Viện chuyên ngành Kết cấu công trình xây dựng, Viện Chuyên ngành Bê tông, Viện Khoa học xây dựng, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn...

+ Các Cục: Cục Thủy lợi; Cục Quản lý đê điều, phòng chống lụt, bão; Cục Quản lý xây dựng công trình...

+ Các T.Cty Xây dựng thủy lợi, T.Cty Cơ điện nông nghiệp - Thủy lợi, T.Cty Xây dựng nông nghiệp và Phát triển nông thôn... và các Cty trực thuộc trên địa bàn toàn quốc.

+ Các phòng chức năng: Thủy lợi, Quản lý kỹ thuật... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, hệ thống các trạm bơm, hồ thủy lợi... trên khắp cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Thủy công đồng bằng.

1) Chuyên ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 2) Chuyên ngành Xây dựng cầu đường

Chương trình đào tạo các chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Xây dựng cầu đường của Trường ĐH Cần Thơ cũng giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM)... Sinh viên khi theo học được trang bị những **kiến thức chung và kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời được cung cấp các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, ngoài ra còn được **bổ trợ kiến thức cho ngành** bằng một số môn học... Sau khi học xong Kỹ sư các ngành **có khả năng** làm việc độc lập, khả năng tư duy sáng tạo, ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ vào các công việc liên quan đến chuyên ngành...

Ngành Nông học gồm các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Hoa viên - Cây cảnh

Chuyên ngành Hoa viên - Cây cảnh cung cấp cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối A, B: Vi tích phân - Đại số tuyến tính - Hóa học - Hóa phân tích - Mỹ học - Vật lý - Xác suất thống kê - Sinh học ..., **kiến thức cơ bản** về ngành: Di truyền học - Phân loại thực vật - Thổ nhưỡng - Trắc địa bản đồ - Sinh lý thực vật - Quản lý và đánh giá tác động môi trường - Chọn giống cây trồng - Côn trùng nông nghiệp - Du lịch sinh thái - Bệnh cây - Công nghệ sinh học chọn giống cây trồng - Khí tượng thủy văn... đồng thời đào tạo cho sinh viên các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: IPM trong bảo vệ thực vật - Sinh lý Stress thực vật - Hóa bảo vệ thực vật - Quản lý dự án đầu tư - Kỹ thuật (KT) làm vườn - Hệ thống tưới tiêu và thủy cảnh - Kiến trúc phong cảnh - Quy hoạch, thiết kế và bảo dưỡng cảnh quan đô thị - KT nuôi cá cảnh - KT trồng hoa, kiểng cỏ và bonsai - KT cắm hoa và mâm trái cây - Cây khô mỹ thuật và hòn non bộ - Nghệ thuật hoa viên - Nhân giống vô tính và ứng dụng - KT trang trí nội thất.... Ra trường, Kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** sản xuất, thiết kế, thi công và bảo dưỡng cảnh quan đô thị cũng như các hoa viên, sinh vật cảnh; nghiên cứu và phát triển phong trào nuôi trồng sinh vật cảnh; ứng dụng công nghệ cao để sản xuất các loại hoa, cỏ và sinh vật cảnh, đáp ứng ngày càng cao cho mỹ quan và cảnh quan đô thị, duy trì cảnh quan môi trường...

+ Chuyên ngành Nông học

Nội dung đào tạo chuyên ngành Nông học của Trường ĐH Cần Thơ cũng tương tự nội dung chương trình đào tạo ngành cùng tên của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM. Bên cạnh được trang bị

kiến thức chung dành cho khối Khoa học cơ bản, thì sinh viên chuyên ngành này còn được cung cấp khối **kiến thức cơ bản** về ngành, cùng những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi tốt nghiệp sinh viên có **kỹ năng** nghiệp vụ để ứng dụng khoa học nông nghiệp vào trong các lĩnh vực về cây trồng, bảo vệ thực vật, khoa học đất, chăn nuôi, thú y, thủy sản...

Sinh viên học ngành Nông học sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện KH Kỹ thuật nông nghiệp, Viện Chăn nuôi, Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Bảo vệ thực vật; TT Khuyến nông QG, TT Tài nguyên thực vật, TT Giống chăn nuôi...

+ Các Cục, Vụ: Cục Nông nghiệp, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Vụ Khoa học công nghệ...

+ T.Cty Rau quả, nông sản VN, T.Cty Hóa chất VN, T.Cty Chè VN, T.Cty Cao su VN, T.Cty Cà phê VN... và các Cty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc: Cty Giống cây trồng Trung ương, các Cty Giống cây trồng, Cty Giống chăn nuôi ở các tỉnh, Cty Giống lâm nghiệp Trung ương, Cty Phân bón, Cty Phân lân, Cty Phân đạm...

+ Các phòng chức năng: Nông lâm nghiệp, Trồng trọt, Chăn nuôi, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Nông học.

Ngành Bảo vệ thực vật

Sinh viên ngành Bảo vệ thực vật (BVTV) cũng được cung cấp khối **kiến thức chung** giống như chuyên ngành Hoa viên - Cây cảnh, đồng thời là các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Khí tượng thủy văn - Sinh lý học cơ bản - Sinh lý thực vật - Vi sinh - Động vật hại nông nghiệp - Cây công nghiệp - Dinh dưỡng cây trồng - Chất điều hòa sinh trưởng thực vật - Sản xuất giống vô tính - Khoa học đất - Côn trùng - Bệnh cây - Phát triển cộng đồng nông thôn - Chọn giống cây kháng sâu bệnh - Vi khuẩn học - Khuyến nông ... bên cạnh đó sinh viên sẽ được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Côn trùng chuyên khoa - Bệnh cây chuyên khoa - Cổ đại và cách phòng trừ - Hóa BVTV - Virus học - Côn trùng truyền bệnh siêu vi khuẩn - Dịch bệnh cây trồng - Phòng trừ sinh học côn trùng - Thống kê sinh học trong BVTV - Chất hữu cơ và mầm bệnh trong đất - Phòng trừ sinh học bệnh cây trồng - Phương pháp giám định côn trùng/bệnh cây... để khi học xong, Kỹ sư ngành Bảo vệ thực vật **có khả năng** quản lý dịch hại trên cây trồng đạt hiệu quả cao và an toàn môi trường; khả năng nghiên cứu và khả năng giải quyết các vấn đề về bảo vệ thực vật tốt...

Sau khi tốt nghiệp ngành Bảo vệ thực vật có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Bảo vệ thực vật - Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Nghiên cứu rau quả; TT Khuyến nông, TT Tài nguyên thực vật...

+ Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ thực vật, Cục Nông nghiệp; Vụ Khoa học công nghệ...

+ T.Cty Rau quả, nông sản VN, T.Cty Hóa chất VN, T.Cty Chè VN, T.Cty Cao su VN, T.Cty Cà phê VN... và các Cty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc, Cty Giống cây trồng Trung ương, các Cty Giống cây trồng, Cty Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật ở các tỉnh, Cty Giống lâm nghiệp Trung ương...

+ Các phòng chức năng: Nông lâm nghiệp, Trồng trọt... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Bảo vệ thực vật.

Ngành Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp

Ngành Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp (KTNN) không chỉ cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** dành cho khối A, B: Vi tích phân - Hóa học - Sinh học - Điện quang - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Xác suất thống kê ... mà còn trang bị những **kiến thức cơ bản** về ngành: Vi sinh - Sinh hóa - Sinh lý động vật - Di truyền chọn giống - Sinh lý thực vật... cũng như các **kiến thức sư phạm cốt lõi**: Tâm lý xã hội và giao tiếp sư phạm - Đánh giá trong giáo dục - Luật giáo dục - Lý luận dạy học Sinh - KTNN - Tâm lý lứa tuổi... đồng thời sinh viên ngành này còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Động vật không xương - Hình thái giải phẫu thực vật - Sinh thái học - Thống kê sinh học - Nông hóa thổ nhưỡng - Động vật có xương - Phân loại thực vật - Giải phẫu động vật - Trồng trọt - Chăn nuôi - Thủy sản đại cương - Sinh lý thần kinh cấp cao - Công nghệ sinh học - Chăn nuôi gia cầm ... ngoài ra sinh viên cũng sẽ được tự chọn rất nhiều các môn học nhằm **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Địa lý sinh vật - Côn trùng nông nghiệp - Lược sử sinh học - Cây hằng niên - Tài nguyên thực vật - Kỹ thuật nuôi tôm - Nuôi cấy mô - Dinh dưỡng (DD) khoáng - Trao đổi chất và năng lượng - Sinh thái học ứng dụng - Giáo dục môi trường - Tập tính sinh học - Kỹ thuật nuôi trâu bò - Giống gia súc - Bệnh cây trồng - Hoa kiểng.... Sinh viên sau khi học xong ngành này **có khả năng** giảng dạy và nghiên cứu theo chuyên ngành...

Sinh viên học ngành Sư phạm Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật nông nghiệp: Đại học Nông nghiệp I, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh.... Dạy các môn Sinh học, môn Kỹ thuật nông nghiệp tại trường Trung học phổ thông.

+ Các Viện, TT: Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Nghiên cứu hải sản, các Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản; Các TT phổ biến kiến thức nông nghiệp, TT Khuyến nông Quốc gia, TT Tài nguyên thực vật, TT Khuyến ngư VN...

+ Các Cục, Vụ: Cục Nông nghiệp, Cục Thú y; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ T.Cty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, T.Cty Chế VN, T.Cty Cao su VN, T.Cty Rau quả, nông sản VN, T.Cty Cà phê VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị thành viên: các Cty Giống cây trồng, Cty Giống rau quả, Cty Giống chăn nuôi ở hầu khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước, các đơn vị sản xuất kinh doanh thuốc phục vụ nông nghiệp, các nhà máy, Cty Chế biến thức ăn chăn nuôi...

+ Các phòng chức năng: Kỹ thuật nghiệp vụ, Nông lâm nghiệp, Chăn nuôi, Trồng trọt... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ngành Khoa học đất

Khung chương trình đào tạo ngành Khoa học đất bao gồm những **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên: Đại số tuyến tính - Vi tích phân - Hóa học - Hóa phân tích - Sinh học - Vật lý..., **kiến thức cơ bản** về ngành: Địa chất - Cây trồng - Khí tượng thủy văn - Sinh lý thực vật - Vi sinh - Môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên - Hóa lý đất - Ô nhiễm đất đai - Hóa môi trường - Thủy nông - Sinh thái (ST) và sinh học đất - ST đất ngập nước - Phân bón và khuyến cáo phân bón - ST rừng ngập mặn - Các

hệ ST ven biển - Quan hệ đất và cây trồng - Hệ thống canh tác - Hệ ST nông nghiệp... cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Bạc màu và bảo vệ đất đai - Các trở ngại của đất và cách quản lý - Hóa bảo vệ thực vật - Phân tích đất, phân, cây - Nông nghiệp sạch và bền vững - Quản lý đất ao nuôi thủy sản - Thống kê thổ nhưỡng - Quy hoạch phân bố sử dụng đất - Đánh giá đất - Quy hoạch phân bố sử dụng đất - Luật đất đai - Seminar, khoa học đất - Viễn thám và bản đồ đất... để sau khi tốt nghiệp Kỹ sư ngành Khoa học đất **có khả năng** thực hiện công tác khảo sát đất, mô tả và phân loại đất phục vụ cho việc thực hiện bản đồ đất ở cấp độ vùng, tỉnh, huyện cũng như khả năng phân tích và đánh giá các đặc tính của các chất dinh dưỡng trong đất... phục vụ cho ngành nông nghiệp...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Khoa học đất có thể công tác tại:

- + Các Viện, TT: Viện Thổ nhưỡng Nông hóa; TT Nghiên cứu Thủy nông cải tạo đất và Cấp thoát nước, TT Nghiên cứu Phân bón và Dinh dưỡng cây trồng, các TT Nghiên cứu Đất, phân bón và Môi trường...

- + Các Tổng cục, Cục: Tổng cục Quản lý ruộng đất, Cục Nông nghiệp...

- + T.Cty Chè VN, T.Cty Cao su VN, T.Cty Hóa chất VN, các Cty Giống cây trồng Trung ương ở các tỉnh, Cty Giống lâm nghiệp Trung ương... và các đơn vị trực thuộc: các Cty Chè, Cty Phân bón, Cty Phân lân, Cty Phân đạm...

- + Các phòng chức năng: Kỹ thuật, Quy hoạch Kế hoạch sử dụng đất... trực thuộc các Sở: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước.

- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Khoa học đất.

Ngành Kỹ thuật điện

Nội dung chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật điện nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Hình học giải tích - Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê - Cơ & Nhiệt - Điện & Quang - Vật lý lượng tử - Hóa học - Hàm phức... và các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Trường điện từ - Lý thuyết mạch - Cơ học ứng dụng - Vật liệu điện và điện tử - Nhiệt kỹ thuật, công nghệ - Phương pháp tính kỹ thuật - Kỹ thuật điện - CAD trong kỹ thuật điện... bên cạnh khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật chiếu sáng - Mạch điện tử - Kỹ thuật đo - An toàn điện - Điện tử công suất - Mạch điện - Vi xử lý - Hệ thống điện... thì sinh viên còn được cung cấp **kiến thức bổ trợ** cho ngành qua một số môn học lựa chọn: Điện tử công nghiệp - Khí cụ điện - Thiết kế hệ thống điện - Kỹ thuật cao áp - Nhà máy nhiệt điện - Nhà máy thủy điện - Ổn định hệ thống điện - Vận hành và điều khiển hệ thống điện - Kỹ thuật điện lạnh - Cung cấp điện.... Tốt nghiệp Kỹ sư ngành này **có khả năng** nghiên cứu, khai thác và thiết kế các hệ thống điện và mạng điện; nghiên cứu qui trình quản lý và sử dụng các thiết bị điện trong dây chuyền tự động hóa, có khả năng chế tạo một số công đoạn tự động trong dây chuyền sản xuất hiện đại; quản lý kỹ thuật tại cơ sở công tác về điện công suất, hệ thống điện, mạng điện...

Sinh viên học ngành Kỹ thuật điện sau khi tốt nghiệp có thể công tác tại:

- + Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, Viện Cơ điện nông nghiệp và sau thu hoạch; TT Điều độ hệ thống điện Quốc gia, TT Thông tin và Dịch vụ khách hàng ngành điện ...

- + Các Cục, Vụ: Cục Điều tiết điện lực, Cục Tấn số vô tuyến điện; Vụ KH công nghệ các ngành kinh tế...

+ TD Điện lực VN, T.Cty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, T.Cty Thiết bị kỹ thuật điện, TD Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... với hàng loạt các Cty, đơn vị thành viên trên địa bàn toàn quốc như: Cty Chế tạo thiết bị điện, các Nhà máy, Cty Thủy điện, Cty Nhiệt điện, Cty Điện lực, Cty Truyền tải điện, Cty Tư vấn xây dựng điện...

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Kỹ thuật điện.

Ngành Cơ khí gồm các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Cơ khí chế biến

Sinh viên khi học chuyên ngành Cơ khí chế biến cũng được học **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên giống như ngành Kỹ thuật điện, ngoài ra sẽ được bước đầu nghiên cứu **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Cơ lưu chất - Kỹ thuật điện/điện tử - Nhiệt động lực học kỹ thuật - Sức bền vật liệu - Truyền nhiệt - Cơ học máy - Cơ sở thiết kế máy - Truyền động lực học và khí nén - Điều khiển hệ thống... sau đó đi vào **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Truyền khối - Kỹ thuật thực phẩm - Máy và thiết bị chế biến lương thực - Vật lý học thực phẩm - Điện công nghiệp - Kỹ thuật lạnh - Bơm & Quạt & Máy nén - Cơ sở thiết kế máy - Máy và thiết bị chế biến thực phẩm (CBTP) - An toàn và ô nhiễm trong sản xuất thực phẩm - Kỹ thuật sấy và bảo quản nông sản thực phẩm ... đồng thời cũng được trang bị **kiến thức bổ trợ cho chuyên ngành**: Ăn mòn kim loại - PLC trong điều khiển - Quản trị sản xuất - Bao bì thực phẩm - Phân tích hoạt động kinh tế - Cấu tạo động cơ và ô tô - Đánh giá chất lượng thực phẩm - Quản lý và kỹ thuật bảo trì công nghiệp ... ngoài ra sinh viên có thể tự chọn một số môn học khác: Công nghệ sản xuất mía đường - CNCB sản phẩm đóng hộp - Công nghệ sau thu hoạch rau quả - Kỹ thuật chế biến hạt giống ... để khi ra trường, Kỹ sư ngành Cơ khí chế biến **có khả năng** ứng dụng công nghệ và kỹ thuật vào bảo quản nông sản thực phẩm, cũng như khả năng sử dụng thành thạo các quy trình công nghệ trong chế biến lương thực, thực phẩm...

+ Chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy

Chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy của Trường ĐH Cần Thơ được trang bị khối kiến thức giống như chuyên ngành Kỹ thuật chế tạo (thuộc ngành Cơ khí) của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM). Sinh viên khi học ngành này không chỉ được cung cấp **kiến thức chung, kiến thức cơ bản về ngành** mà còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** thiết kế và chế tạo các sản phẩm và thiết bị máy móc, có khả năng nghiên cứu, khai thác các loại máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và tự động hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng của máy móc thiết bị...

Sinh viên học ngành Cơ khí sau khi tốt nghiệp có thể làm việc và công tác tại:

+ Các Viện: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, Viện Tự động hóa kỹ thuật quân sự...

+ Các Tổng cục, Vụ: Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất...

+ T.Cty Máy động lực và Máy nông nghiệp, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Cơ khí xây dựng, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp... và hàng loạt các xí nghiệp, Cty trực thuộc ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước: Cty Chế tạo động cơ, Cty Cơ giới và Xây lắp, Cty Cơ giới, lắp máy và xây dựng, Cty Thi công cơ giới và Lắp máy...

+ Các phòng chức năng: Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý công nghệ... thuộc Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành về Cơ khí.

Ngành Sư phạm Vật lý - Tin học

Cử nhân ngành Sư phạm Vật lý - Tin học được đào tạo không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Tâm lý học - Đại số tuyến tính - Cơ học - Nhiệt học - Hình học giải tích - Logic học - Tâm lý học lứa tuổi - Xác suất thống kê ... mà còn có **kiến thức cơ bản** về Vật lý - Tin học: PP nghiên cứu khoa học giáo dục - Tâm lý xã hội và giao thông sư phạm - Toán cho vật lý - Quang học - Toán rời rạc - Cấu trúc dữ liệu... ngoài ra sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Vật lý nguyên tử & hạt nhân - Cơ lý thuyết - Vô tuyến điện - Điện động lực học - Kiến trúc máy tính - Kỹ thuật đồ họa, công nghệ thông tin - Internet - Cơ học lượng tử - Vật lý thống kê... đồng thời được cung cấp hàng loạt **kiến thức bổ trợ** cho ngành thông qua các môn học lựa chọn: Thiết kế và cài đặt mạng - Thiên văn học - Kỹ thuật điện tử - Luật giáo dục - Vật lý địa cầu đại cương - Tiếng Việt thực hành - Xã hội học - Con người và môi trường - Đại cương về trái đất - Dân số học đại cương - Quản trị học đại cương ... để sau khi học xong cử nhân ngành Sư phạm Vật lý - Tin học **có khả năng** giảng dạy, cũng như ứng dụng kỹ năng nghiệp vụ vào trong công tác chuyên ngành như: dạy môn Vật lý, Tin học tại các cơ sở đào tạo hoặc làm công tác quản lý phòng máy...

1) Ngành Toán học (gồm 2 chuyên ngành: Sư phạm (SP) Toán học, Toán thống kê); 2) Ngành SP Vật lý; 3) Ngành SP Sinh vật; 4) Ngành SP Hóa học; 5) Ngành SP Tiểu học; 6) Ngành SP Ngữ văn; 7) Ngành SP Lịch sử; 8) Ngành SP Địa lý; 9) Ngành SP Pháp văn; 10) Ngành Sư phạm Toán - Tin học; 11) Ngành SP Anh văn; 12) Ngành SP Giáo dục công dân;

Cũng giống như sinh viên học các ngành này của các trường đại học khác như: ĐH KHXH&NV, ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM), ĐHSP Tp.HCM, ĐHSP (ĐH Đà Nẵng)... sinh viên học các ngành này của Trường ĐH Cần Thơ cũng được học khối **kiến thức chung** về Khoa học cơ bản, và những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với các **kiến thức bổ trợ** cho ngành... để sau khi học xong Cử nhân các ngành này **có kỹ năng và nghiệp vụ** về sư phạm để có thể giảng dạy, nghiên cứu công tác theo chuyên ngành...

1) Ngành Hóa học; 2) Ngành Khoa học môi trường

Ngành Hóa học, ngành Khoa học môi trường của Trường ĐH Cần Thơ trang bị kiến thức tương tự như kiến thức các ngành cùng tên của Trường ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM)... Ngoài việc cung cấp những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, thì nhà trường còn cho sinh viên đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với một số **kiến thức bổ trợ** khác... để khi tốt nghiệp sinh viên các ngành này **có khả năng** tham gia nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào thực tế công tác...

Ngành Công nghệ thực phẩm gồm các chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Chế biến thủy sản

Sinh viên học các chuyên ngành về Công nghệ thực phẩm của Trường ĐH Cần Thơ cũng được trang bị kiến thức giống như sinh viên học các chuyên ngành này của Trường ĐH Nha Trang.... Ngoài những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** thì sinh viên còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... Học xong, Kỹ sư ngành này **có khả năng** làm việc trong các Cty, nhà máy, xí nghiệp... có hoạt động liên quan đến lĩnh vực được đào tạo...

1) Ngành Trồng trọt; 2) Ngành Chăn nuôi - Thú y; 3) Ngành Thú y; 5) Ngành Nông nghiệp (Chuyên ngành Phát triển nông thôn); 6) Ngành Quản lý đất đai

Chương trình đào tạo các ngành nêu trên của Trường ĐH Cần Thơ giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM, ĐH An Giang... Sinh viên không những được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, mà còn được cung cấp **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời được đào tạo các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với những **kiến thức bổ trợ cho ngành...** để sau khi ra trường sinh viên các ngành này **có khả năng** ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ vào thực tế công việc liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành...

1) Ngành Kỹ thuật môi trường; 2) Ngành Công nghệ thông tin; 3) Ngành Cơ điện tử; 4) Ngành Quản lý công nghiệp; 5) Ngành Công nghệ hóa học; 6) Ngành Công nghệ sinh học;

Tương tự chương trình đào tạo các ngành này của các Trường ĐHBK, ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM)... sinh viên của Trường ĐH Cần Thơ khi theo học các ngành trên cũng được đào tạo những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, đồng thời sẽ được học một số môn học **bổ trợ kiến thức cho ngành...** để khi học xong sinh viên các ngành này **có khả năng** ứng dụng kiến thức vào trong hoạt động thực tiễn của đời sống sản xuất và nghiên cứu...

1) Ngành Kinh tế học; 2) Ngành Tài chính gồm các chuyên ngành: *Tài chính tín dụng; Tài chính doanh nghiệp*

Nội dung chương trình đào tạo các ngành có tên trên của Trường ĐH Cần Thơ cũng giống như nội dung đào tạo các chuyên ngành cùng tên của Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, ĐH Kinh tế (ĐH Huế)... Chương trình học những ngành này cũng bao gồm những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, các **kiến thức cơ bản về ngành** và khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** Tốt nghiệp các ngành trên sinh viên **có khả năng** làm việc độc lập tại các cơ quan, nhà máy xí nghiệp... có hoạt động liên quan đến chuyên ngành...

1) Ngành Thông tin - Thư viện; 2) Ngành Ngữ văn; 3) Ngành Anh văn

Sinh viên khi theo học các ngành Thông tin - Thư viện, ngành Ngữ văn, ngành Anh văn của Trường ĐH Cần Thơ sẽ được cung cấp những **kiến thức chung**, cũng như **kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên học những ngành này của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM)... Bên cạnh đó, sinh viên Trường ĐH Cần Thơ còn được học một số môn học **bổ trợ kiến thức cho ngành...** để sau khi tốt nghiệp Cử nhân các ngành này **có khả năng** ứng dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào công tác theo chuyên ngành một các linh hoạt và có hiệu quả cao...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	3.600	38.804	1/10.7
2001	3.450	46.116	1/13.3
2002	3.950	57.137	1/14.4
2003	4.200	53.590	1/12.7
2004	4.200	55.144	1/13.1
2005	4.700	47.556	1/10.1
2006	5.200	58.188	1/11.2

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Toán	18.0	27.0	25.0	25.5	23.5	25.5	17.5	18.5	19.5	-	21.0	-	17.0	-
SP Vật lý	14.0	21.0	25.0	23.0	21.5	22.5	14.5	15.5	17.0	-	17.0	-	16.0	-
SP Toán - Tin	16.0	23.5	24.0	21.5	20.5	22.5	16.5	17.5	16.0	-	20.0	-	15.0	-
Cơ khí	10.0	13.0	13.0	11.5	15.0	17.0	12.5	13.5	13.5	14.5	16.5	-	13.0	13.5/13*
Thủy công DB	10.0	13.0	13.0	11.0	15.0	17.0	11.0	12.0	13.5	14.0	15.0	16.0	13.0	13.0
Công trình NT	12.0	14.0	13.0	11.0	14.5	16.5	11.0	12.0	13.5	14.0	-	-	-	-
Tin học (CNTT)	12.5	13.5	13.5	18.0	17.0	19.0	12.0	14.0	13.5	15.5	15.0	-	14.0	19.0
Kỹ thuật MT	12.0	13.5	13.0	13.0	15.5	17.5	11.0	13.0	13.5	14.0	15.0	16.5	13.0	14.0
Điện tử	15.0	16.5	14.5	18.0	17.5	19.5	12.5	15.5	13.5	15.0	16.0	-	13.0	16.0
CN Thực phẩm	14.0	15.0	15.5	15.0	17.5	19.5	13.5	14.5	15.5	-	20.0	-	13.5	-
SP Hóa	15.0	23.0	23.0	21.0	23.0	25.0	17.5	18.5	19.5	-	21.5	-	18.0	-
SP Sinh	10.5	15.0	17.0	16.0	20.5	23.5	16.5	19.5	17.0	-	18.0	-	14.0	-
Trồng trọt	10.0	12.0	12.0	10.0	14.0	16.0	11.0	14.0	14.5	15.0	15.0	17.0	14.0	14.0
Chăn nuôi-thú y	10.0	12.0	12.0	10.0	14.5	17.5	13.0	14.0	14.5	15.5	15.0	-	14.0	14.0
Nuôi trồng TS	10.0	12.0	12.0	10.0	16.5	19.5	14.5	16.5	15.0	-	19.0	-	14.0	14.0
Nông học	10.0	12.0	12.0	10.0	15.5	18.5	12.5	14.5	14.5	15.0	15.0	-	14.0	14.0
Môi trường	10.0	12.0	12.0	10.0	20.5	23.5	14.0	16.0	16.5	-	18.5	-	14.0	14.0
Kế toán	13.0	14.0	14.0	-	15.5	17.5	11.5	12.5	13.5	15.5	17.5	-	16.0	-
Tài chính-TD	13.5	14.5	14.0	14.0	16.5	18.5	13.0	14.0	14.5	-	18.5	-	17.5	-
Quản trị KD	12.5	13.0	13.0	12.0	14.0	16.0	11.0	13.0	13.5	14.0	17.0	15.0	16.5	-
NN&PTNT	10.0	13.5	13.0	12.0	14.0	16.0	11.0	12.0	13.5	14.0	-	-	14.0	14.0
Quản trị KD (NT)	13.5	14.5	14.0	12.0	16.0	18.0	11.0	12.0	13.5	-	16.5	-	-	-
Quản lý đất đai	10.0	13.5	13.5	12.0	14.0	16.0	12.5	14.5	13.5	14.0	16.0	-	13.0	15.0
Luật	14.5	15.5	15.0	17.0	20.0	22.0	12.5	13.5	14.5	15.0	15.0	16.0	15.0	-
SP Ngữ văn	15.0	23.5	25.5	28.0	25.5	27.5	17.5	18.5	17.0	-	16.6	-	18.0	-
SP Lịch sử	13.5	23.0	25.5	27.5	24.5	26.5	16.5	17.5	16.5	-	16.0	-	17.0	17.0
SP Địa lý	14.0	21.0	23.5	26.0	23.5	25.5	16.5	18.5	15.5	-	16.5	-	16.5	-
Ngữ văn	13.5	17.0	21.0	24.0	18.0	21.0	14.0	16.0	14.5	16.0	15.0	15.0	14.5	17.0
SP Anh văn	19.0	26.5	25.5	28.0	22.5	24.5	18.0	19.0	18.5	-	19.0	-	18.5	-
Anh văn	14.5	23.0	22.0	23.0	19.5	21.5	15.5	16.5	16.5	-	16.5	-	15.0	-
SP Pháp văn	14.5	16.5	17.0	19.5	22.0	24.0	13.0	14.0	13.5	14.0	15.0	15.5	13.0	13.0
Y khoa	22.5	22.0	21.0	18.5	26.0	29.0	-	-	-	-	-	-	-	-
Nha khoa	21.0	19.5	18.5	18.5	22.5	25.5	-	14.0	-	-	-	-	-	-
SP Lý - Tin	-	19.0	23.0	22.0	18.5	20.5	15.0	18.0	14.0	-	18.5	-	13.0	17.5
CN Hóa học	-	-	15.5	14.0	17.5	19.5	14.0	15.0	15.0	-	18.5	-	13.5	-
Kỹ thuật điện	-	-	14.5	14.5	18.0	20.0	12.5	13.5	13.5	15.5	15.0	-	13.0	15.0
XDDD&CN	-	-	16.0	16.5	19.5	21.5	14.0	15.0	16.0	-	19.0	-	15.5	-
CN Sinh học	-	-	-	12.5	21.0	24.0	16.5	19.5	19.0	-	20.0	-	16.0	-
Thú y	-	-	-	10.0	15.0	18.0	13.5	16.5	14.5	17.5	16.0	-	14.0	14.0
SP GD&CD	-	-	-	18.5	22.5	24.5	14.5	16.5	15.0	-	15.0	15.0	14.5	-
Hoà học	-	-	-	-	14.0	16.0	11.0	13.0	13.5	15.5	15.0	18.5	14.0	14.0

Ngành	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
					NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Khai thác TS	-	-	-	-	15.0	17.0	11.0	12.0	13.5	14.0	-	-	-	-
SP Tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	13.5	15.0	16.0	-	13.0	14.0
Cơ điện tử	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	15.5	15.0	-	13.0	-
QL Nghề cá	-	-	-	-	-	-	-	-	14.5	15.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Du lịch	-	-	-	-	-	-	-	-	14.5	15.0	15.0	15.0	17.5	-
Ngoại thương	-	-	-	-	-	-	-	-	13.5	14.0	16.5	-	18.0	-
SP Tác Động - TT	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-	22.0	-	20.0	-
SP Sinh - KTN	-	-	-	-	-	-	-	-	14.5	-	17.0	-	14.0	15.0
Kinh tế NN	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	15.5	13.0	17.0
QL Công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	15.0	13.0	14.5
Khoa học đất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	16.5	14.0	14.0
Hoa viên CC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	15.0	14.0	14.0
CKBQCB - NSTP	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	15.0	13.0	-
Thông tin TV	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	-	13.0	14.0
CB thủy sản	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	-	13.0	13.0
Bảo vệ thực vật	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.5	-	14.0	14.0
Bệnh học TS	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	-	14.0	14.0
XD Cầu đường	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	15.0
Toán thống kê	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	13.0
Kinh tế học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	17.0

Ghi chú: - - Chuyên ngành Cơ khí chế tạo máy: 13.5; chuyên ngành Cơ khí chế biến 13.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Cần Thơ chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long và tuyển sinh các khối A, B, C, D1, D3, T.
- Trường xét điểm trúng tuyển theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Thí sinh thi khối T môn năng khiếu phải đạt từ 10 trở lên sau khi đã nhân hệ số mới được xét tuyển.
- Ngành Cao đẳng Tin học không thi tuyển mà lấy điểm kế cận của điểm Đại học khối A.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường tăng dần lên qua các năm (xem bảng 1).
- Số thí sinh ĐKDT vào trường tăng hàng năm tương xứng với sự thay đổi của chỉ tiêu. Bạn có thể thấy rõ điều này khi nhìn vào phần tỉ lệ ở bảng 1, tỉ lệ "chọi" của trường giữa các năm không chênh nhau. Năm 2006 chỉ tiêu của trường và số lượng thí sinh ĐKDT cao hơn so với những năm trước. Điều này cho thấy tỉ lệ "chọi" của trường năm nay đã tăng cao hơn so với năm 2005.
- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm trúng tuyển vào trường thường ở mức trung bình, bắt đầu từ năm 2002 khi trường sử dụng phương án "3 chung" của Bộ GD&ĐT thì điểm chuẩn cao lên so với những năm trở về trước. Điểm trúng tuyển vào ngành Sư phạm bao giờ cũng cao hơn các ngành khác. (Xem bảng 2).

Nhưng đến năm 2006 điểm chuẩn NV1 đã giảm xuống so với năm 2005 và ở mức bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT tuy nhiên vẫn có sự chênh lệch về điểm giữa các ngành: năm 2006 ngành Sư phạm Hóa khối A lấy điểm trúng tuyển cao nhất là 18 điểm trong khi 1 số ngành khối A khác lại chỉ lấy bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT là 13 điểm. Như vậy, điểm trúng tuyển giữa ngành cao nhất và ngành thấp nhất là 5 điểm) (xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển NV2 vào các ngành trong trường không cao so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Hầu hết các ngành đều lấy điểm chuẩn NV2 bằng NV1. Tuy nhiên một số ngành cũng lấy điểm chuẩn NV2 cao hơn NV1 rất nhiều như ngành Công nghệ thông tin năm 2006, mức chênh lệch giữa 2 NV lên tới 5 điểm, điểm chuẩn NV2 của ngành Sư phạm Lý - Tin cũng cao hơn NV1 tới 4.5 điểm. (Xem bảng 2).

- Điểm chuẩn các ngành Sư phạm của Trường ĐH Cần Thơ so với điểm chuẩn một số trường Đại học khác có đào các ngành giống với trường thì điểm chuẩn các ngành này không cao bằng tuy nhiên so với các ngành ngoài Sư phạm trong trường thì mức chênh lệch lại khá lớn (như đã nói trên).

- Từ những điều trên lưu ý những bạn có lực học ở mức trung bình, trung bình khá trở lên nếu cố gắng bạn sẽ được trở thành sinh viên của trường song phải chú ý đến việc chọn ngành học cho phù hợp.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thi sinh ĐKDT vào trường không biến động nhiều so với mấy năm gần đây..

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Địa chỉ: số 2 Nguyễn Đình Chiểu, Tp.Nha Trang, Khánh Hòa

Điện thoại: (058)831149 - Fax: (058)831147 - Website: <http://www.dhts.edu.vn/>

- Trường Đại học Thủy sản được thành lập năm 1996, đến năm 2006 đổi tên thành trường Đại học Nha Trang (DHNT), là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, quản lý kinh tế cho ngành Thủy sản, phục vụ nhu cầu xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội khu vực Nam Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.
- Trường ĐH Nha Trang hiện đang đào tạo các cấp: Đại học, Cao đẳng... với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường đều có chuyên môn và trình độ cao...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử

Sinh viên học ngành Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Nhập môn tin học - Vật lý - Hóa học - Phương pháp tính - Toán rời rạc - Hàm biến phức và phép biến đổi Laplace... và **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Mạch điện - Vật liệu điện - Cấu kiện điện tử - Khí cụ điện và máy điện - Điện tử cơ bản - Trường điện từ - Đo lường và thiết bị đo - Kỹ thuật số - An toàn điện - Hệ thống điều khiển tự động - Kỹ thuật truyền số liệu - Đo lường cảm biến - Điện tử công suất ... đồng thời sinh viên còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thiết kế thiết bị điện - Thiết kế thiết bị điện tử - Vi xử lý - Cấu trúc máy tính và giao diện - Mạng và cung cấp điện - Giải tích mạch và mô phỏng trên máy tính - Truyền động điện.... Ngoài ra, sinh viên sẽ được lựa chọn một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành**: Cấu trúc dữ liệu - Điều khiển lập trình - Cơ khí - Thông tin - Điện tử hàng hải - Kỹ thuật nhiệt - Tự động hóa và bảo vệ rơle - Trang bị điện tàu - Hệ thu thập dữ liệu và điều khiển - Kỹ thuật chiếu sáng - Mạng số liệu - Hệ thống thông tin số.... Không những thế, sinh viên học ngành này cũng sẽ được rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ chuyên ngành về điện tử, vi xử lý, máy điện... để khi ra trường Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử **có khả năng** khai thác, vận hành, sửa chữa, bảo trì máy và thiết bị điện, điện tử, đồng thời có khả năng tham gia thiết kế, cải tiến thiết bị và hệ thống điện, điện tử; có tư duy và năng lực nghiên cứu khoa học về các vấn đề thuộc lĩnh vực điện - điện tử...

Sinh viên học ngành Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử sau khi ra trường có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Năng lượng, Viện Chiến lược Bưu chính viễn thông và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ thông tin; TT Công nghệ vi điện tử và Tin học, TT Quang điện tử, các TT Công nghệ thông tin, TT Giao dịch công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố.

+ Các Cục, Vụ: Cục Ứng dụng Công nghệ thông tin, Cục Quản lý chất lượng Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin, Cục Tấn số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Điện lực VN, T.Cty Viễn thông quân đội, TĐ Bưu chính viễn thông VN, TĐ Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, T.Cty Hàng không VN, T.Cty Hàng hải VN, TĐ Công nghiệp tàu thủy VN... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí - Điện - Điện tử tàu thủy, Cty Thông tin điện tử hàng hải VN, Cty Dây và Cáp điện VN, Cty Chế tạo thiết bị điện...

+ Các phòng chức năng: Quản lý điện, Quản lý kỹ thuật và An toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại các Sở như: Sở Công nghiệp, Sở Điện lực, Sở Khoa học và Công nghệ... trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Công nghệ kỹ thuật Điện - Điện tử.

Ngành Công nghệ chế biến thủy sản

Ngành Công nghệ Chế biến thủy sản không chỉ đào tạo những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Đại số tuyến tính - Hóa học - Sinh học - Vật lý - Tâm lý học - Hóa phân tích - Kỹ thuật điện tử... mà còn trang bị cho sinh viên các **kiến thức cơ bản** về ngành: Hóa keo - Hóa sinh công nghiệp - Thiết kế và phân tích thí nghiệm - Kỹ thuật nhiệt - Cấp và xử lý nước thải - Vi sinh thực phẩm - Phân tích kiểm nghiệm - Máy và thiết bị thực phẩm - Kỹ thuật lạnh cơ sở - Hóa học thực phẩm... Bên cạnh đó, sinh viên cũng sẽ được học khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Công nghệ chế biến thủy sản - Công nghệ lạnh thủy sản - Công nghệ sạch hơn trong chế biến thủy sản - Xây dựng trạm lạnh - Cơ sở thiết kế dây chuyền công nghệ - Công nghệ đồ hộp - Chế biến rong biển - Bao bì thực phẩm - Quản lý chất lượng thủy sản - Quản lý kinh tế.... Ngoài ra, sinh viên còn được tự chọn một số môn **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Công nghệ Enzyme - Tự động hóa máy lạnh - Vận hành và sửa chữa máy lạnh - Các thiết bị truyền nhiệt - Công nghệ các sản phẩm lên men - Công nghệ sinh học ... để khi tốt nghiệp sinh viên ngành Công nghệ chế biến thủy sản **có khả năng** chế biến, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm tra chất lượng sản phẩm thủy sản, nghiên cứu vật liệu mới dùng trong chế tạo bao bì và đóng gói sản phẩm thủy sản...

Sau khi tốt nghiệp ngành Công nghệ chế biến thủy sản sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Cục, Vụ: Viện Công nghiệp thực phẩm; Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản, Cục Công nghiệp tiêu dùng - Thực phẩm; Vụ Nuôi trồng thủy sản, Vụ Công nghiệp tiêu dùng và Thực phẩm...

+ T.Cty Chế biến thủy sản, T.Cty Chế biến nông sản thực phẩm, T.Cty Thủy sản VN, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu, Cty Chế biến hải sản Biển Đông, Cty Chế biến thủy sản xuất khẩu...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Quản lý sản xuất công nghiệp, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn, Kỹ thuật... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... tại các tỉnh, thành phố trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Công nghệ chế biến thủy sản.

Ngành Công nghệ sinh học thực phẩm

Khi học ngành Công nghệ sinh học (CNSH) thực phẩm sinh viên bước đầu được cung cấp những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, Sinh: Xác suất thống kê - Đại số tuyến tính - Hóa học - Hóa lý - Lý sinh - Sinh học - Sinh thái tiến hóa... cùng với khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành CNSH:

Hóa phân tích - Hóa sinh học - Di truyền học - Tế bào, mô phôi học - Công nghệ di truyền - Kỹ thuật nuôi cấy mô và tế bào - Quá trình và thiết bị truyền nhiệt ... từ đó sinh viên còn được đi sâu nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** với hàng loạt các môn học như: Miễn dịch học phân tử - Phân tích thực phẩm - Quản lý chất lượng thực phẩm - Quá trình truyền khối, truyền chất và kiểm tra phản ứng - Các quá trình và thiết bị CNSH - Công nghệ lên men - Kỹ thuật trồng nấm - Công nghệ chế biến thực phẩm - CNSH chất màu, vitamin và chất kích thích tăng trưởng - Các quá trình cơ bản trong chế biến thực phẩm - CNSH môi trường - Kỹ thuật an toàn lao động - Sinh học động vật nuôi - Tự động hóa và tối ưu hóa trong quá trình sinh học ... để khi ra trường Kỹ sư ngành này **có khả năng** vận hành sản xuất, chọn lọc và phát triển công nghệ sinh học theo qui mô công nghiệp phù hợp với điều kiện của nước ta hiện nay...

Sinh viên ngành Công nghệ sinh học thực phẩm khi ra trường có thể công tác tại:

- + Các Viện, TT: Viện Công nghệ sinh học, Viện Công nghiệp thực phẩm, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm, Viện Chăn nuôi Quốc gia; TT Công nghệ sinh học thực vật, TT Sinh học thực nghiệm, TT Thực nghiệm sinh học nông nghiệp công nghệ cao...

- + Các Cục, Vụ: Cục Vệ sinh an toàn thực phẩm, Cục Quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, Cục Công nghiệp tiêu dùng - Thực phẩm, Cục Chế biến nông lâm sản và nghề nuôi; Vụ Khoa học công nghệ và Chất lượng sản phẩm, Vụ Công nghiệp tiêu dùng và Thực phẩm...

- + T.Cty Mía đường VN, T.Cty Sữa VN, T.Cty Chế biến nông sản thực phẩm, T.Cty Lương thực, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Công nghệ thực phẩm, Cty Đầu tư và Phát triển công nghệ thực phẩm, Cty Kỹ nghệ thực phẩm VN, Cty Chế biến dầu thực vật và thực phẩm VN, Cty Chế biến lương thực thực phẩm, Cty Chế biến nông sản thực phẩm xuất khẩu...

- + Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp, Kỹ thuật, Chế biến nông lâm sản... tại các Sở: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành CNSH học thực phẩm.

Ngành Cơ khí bao gồm các chuyên ngành:

+ Chuyên ngành Cơ khí tàu thuyền

Kỹ sư chuyên ngành Cơ khí tàu thuyền được trang bị những **kiến thức chung** dành cho khối A như: Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê - Vật lý - Cơ lý thuyết - Hóa học... và một số học phần tự chọn: Pháp luật VN - Tâm lý học - Quản trị học ..., đồng thời bước đầu đi vào học **kiến thức cơ bản** về ngành Cơ khí: Kỹ thuật điện - Kỹ thuật đồ họa - Kỹ thuật nhiệt - Sức bền vật liệu - Nguyên lý máy - Kỹ thuật thủy khí - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật an toàn và môi trường - Cơ sở thiết kế máy - Kỹ thuật gia công cơ khí - Công nghệ chế tạo máy - Kỹ thuật điều khiển tự động - Máy nâng chuyển - Anh văn chuyên ngành - Phương pháp nghiên cứu khoa học... cùng các **kiến thức cơ bản về Cơ khí tàu thuyền**: Lý thuyết tàu thủy - Cơ học kết cấu tàu thủy - Trang bị điện tàu thủy.... Trên cơ sở đó sinh viên cũng được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật và thiết bị khai thác thủy sản - Thiết kế tàu - Sức bền thân tàu - Thiết bị năng lượng tàu thủy - Qui phạm và các công ước liên quan đến đóng tàu - Công nghệ đóng và sửa tàu vỏ kim loại - Thiết bị mặt boong - Quản trị sản xuất - Công trình thủy công Ngoài ra, sinh viên còn được **bổ trợ kiến thức chuyên ngành** bằng một số môn học tự chọn như: Tính toán kết cấu thân tàu - Rung động tàu - Kiểm tra và thử nghiệm

tàu thủy - Ăn mòn và bảo vệ bề mặt vỏ tàu - Công nghệ CAD/CAM trong đóng tàu... để khi ra trường Kỹ sư chuyên ngành này **có khả năng** thiết kế, lắp ráp và bảo dưỡng máy móc thiết bị tàu thuyền...

+ Chuyên ngành Động lực tàu thuyền

Chuyên ngành Động lực tàu thuyền cung cấp cho sinh viên bên cạnh các **kiến thức chung** và **kiến thức cơ bản** về ngành cũng giống như chuyên ngành Cơ khí chế tạo tàu thuyền thì còn trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Khai thác kỹ thuật hệ động lực tàu thủy - Kỹ thuật sửa chữa thiết bị năng lượng tàu thủy - Kỹ thuật thử nghiệm động cơ đốt trong - Tự động hóa hệ động lực tàu thủy - Thiết bị mặt boong - Máy phụ tàu thủy ... cùng với các môn học **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Tin học ứng dụng - Tàu thủy với môi trường - Kỹ thuật khai thác thủy sản - Thiết bị lạnh tàu thủy - Tăng áp cho động cơ đốt trong - Các hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm... để sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành Động lực tàu thuyền **có khả năng** thiết kế, chế tạo, bảo dưỡng hệ thống động lực tàu thuyền nói riêng và ngành cơ khí nói chung...

+ Chuyên ngành Chế tạo máy

Sinh viên chuyên ngành Chế tạo máy không những được học các **kiến thức chung** và **kiến thức cơ bản** về ngành Cơ khí giống như chuyên ngành Cơ khí đóng tàu, mà còn được đào tạo thêm những **kiến thức cơ bản** dành cho chuyên ngành Chế tạo máy: Ma sát học - Nguyên lý cắt - Thiết kế dụng cụ cắt - Máy công cụ - Động cơ đốt trong - Máy công nghiệp - Tự động hóa quá trình sản xuất - Trang bị điện xí nghiệp ... đồng thời cũng được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công nghệ chế tạo máy - Các phương pháp gia công đặc biệt - Kỹ thuật đo trong chế tạo máy - Truyền động thủy lực và khí nén - Quản trị sản xuất - Tự động hóa quá trình sản xuất Ngoài ra, sinh viên còn được lựa chọn một số môn học để **bổ trợ kiến thức chuyên ngành**: Dao động trong kỹ thuật - Phương pháp thực nghiệm và xử lý số liệu - Lập trình PLC - Kỹ thuật vi xử lý - Thiết kế xương - Thiết kế và chế tạo khuôn mẫu - Kiểm tra và đảm bảo chất lượng - Sửa chữa máy công cụ - Kỹ thuật người máy Tốt nghiệp, Kỹ sư ngành Chế tạo máy **có khả năng** làm việc độc lập trong các Cty, nhà máy, doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chế tạo máy...

+ Chuyên ngành Động lực ô tô

Ngoài những **kiến thức chung**, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Cơ khí cũng được trang bị giống như các chuyên ngành: Cơ khí tàu thuyền, Chế tạo máy... thì sinh viên chuyên ngành Động lực ô tô còn được học những môn học đặc thù như: một số môn học thuộc khối **kiến thức cơ bản** dành riêng cho chuyên ngành: Đồ án thiết kế truyền động cơ khí - Ma sát học - ô tô - Cấu trúc ô tô - Thiết bị thủy khí - Đồ án kỹ thuật gia công cơ khí - Các hệ thống ô tô - Điện ô tô - Khai thác kỹ thuật ô tô.... Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành Động lực ô tô**: Kỹ thuật thử nghiệm động cơ đốt trong - Tự động hóa ô tô - Kỹ thuật thử nghiệm ô tô - Kỹ thuật sửa chữa ô tô - Thiết kế Cấu tạo ô tô - Quản trị sản xuất - điện tử ô tô... đồng thời còn có một số môn học lựa chọn để sinh viên có thể **bổ trợ kiến thức chuyên ngành** như: ô tô với môi trường - Công nghệ lắp ráp ô tô - Xe cơ giới chuyên dụng - ô tô chạy bằng nhiên liệu thay thế - Kỹ thuật lái ô tô - Kiểm định Kỹ thuật ô tô - Độ tin cậy trong sửa chữa và sử dụng ô tô Ra trường, Kỹ sư ngành này **có khả năng** chế tạo, gia công, lắp ráp, bảo trì, bảo hành máy móc thiết bị có liên quan đến ô tô...

Sinh viên học ngành Cơ khí sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Tổng cục, Vụ: Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Cơ khí năng lượng mỏ, Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động; Tổng Cục Công nghiệp Quốc phòng; Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất...

+ TD Công nghiệp tàu thủy VN, TD Công nghiệp Ô tô VN, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Cơ khí công nghiệp, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Cơ khí đóng tàu, Cty Cơ khí - Điện - Điện tử tàu thủy, Cty Cơ khí lắp máy...

+ Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Cơ khí.

Ngành Khai thác thủy sản

Khi học ngành Khai thác thủy sản sinh viên sẽ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản như: Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Cơ học - Tâm lý học - Kỹ thuật điện tử - Nhập môn Logic học - Vật lý... cùng hàng loạt những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Tàu thủy - Trang bị động lực tàu thủy - Trang bị điện tàu thủy - Phương pháp xử lý số liệu thực nghiệm - Khí tượng, hải dương học - Vật liệu và công nghệ chế tạo ngư cụ - Máy điện, vô tuyến điện hàng hải - Pháp luật hàng hải - Quản lý tàu cá - Kinh tế môi trường - Tiếng Anh chuyên ngành - Lưới kéo - Nghề câu và ngư cụ cố định - Ứng dụng tin học trong khai thác thủy sản - Công tác khuyến ngư ... đồng thời còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Tránh va - Quản lý đối bờ - Marketing sản phẩm khai thác thủy sản - Cơ sở kỹ thuật sinh học khai thác cá - Cơ sở khoa học tính chọn lọc trong khai thác - Cơ sở điều khiển đối tượng khai thác thủy sản - Quản lý khai thác thủy sản - Khai thác cá thủy sản - Bảo quản sản phẩm trên tàu cá ... để khi ra trường Kỹ sư Khai thác thủy sản **có khả năng đảm nhận**: nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và chuyển giao công nghệ khai thác thủy sản, quản lý và quy hoạch nghề khai thác thủy sản...

Ra trường, sinh viên học ngành Khai thác thủy sản có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: các Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản, Viện Nghiên cứu Hải sản, Viện Chăn nuôi, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp; TT Khuyến ngư Quốc gia, TT Khuyến nông Quốc gia...

+ Các Cục, Vụ: Cục Quản lý Chất lượng, An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ T.Cty Thủy sản VN, T.Cty Chăn nuôi VN... và các đơn vị trực thuộc: các Cty Khai thác thủy sản, Cty Chế biến, nuôi trồng thủy sản, các trạm, trại nuôi tôm, cá giống, các TT VAC...

+ Các phòng chức năng: Quản lý nghề cá, Quản lý kỹ thuật... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

Ngành An toàn hàng hải

Đào tạo kỹ sư ngành An toàn hàng hải không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản như: Quản trị học - Nhập môn Logic học - Đại số - Giải tích - Xác suất thống kê - Tin học - Cơ học - Kỹ thuật điện tử - Địa lý hàng hải nghề cá ..., mà còn có **kiến thức cơ bản** về ngành: Tàu thủy - Quản lý khai thác hàng hải - Trang bị động lực tàu thủy - Máy điện, vô tuyến điện hàng hải - Khí tượng, hải dương học - Hàng hải địa văn - Điều động tàu - Công nghệ khai thác thủy sản - Thiết bị mặt boong - Thông tin, báo hiệu và cứu nạn trên biển - Quản lý Nhà nước tại cảng - Công tác dây, nút - Luồng lạch, hoa tiêu - Ứng dụng tin học trong hàng hải - Tiếng Anh chuyên ngành... đồng thời cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tránh va - Công tác bảo dưỡng vỏ tàu - Quản lý tàu cá - Xếp dỡ hàng hóa trên tàu - Trang bị điện tàu thủy - Xử lý sự cố hàng hải - Pháp luật hàng hải - Kinh tế hàng hải - Huấn

luyện nghiệp vụ an toàn tàu cá - Vệ sinh hàng hải và ô nhiễm biển... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành An toàn hàng hải có kiến thức và **kỹ năng** đảm bảo an toàn về kỹ thuật và pháp lý hàng hải, có **khả năng đảm nhận** công tác điều tra nghiên cứu biển phục vụ kinh tế, bảo vệ môi trường biển, an ninh quốc phòng...

Sinh viên tốt nghiệp ngành An toàn hàng hải có thể công tác tại:

+ Các Tổng cục, Cục, TT: Tổng cục Hải quan, Cục Giám định và Quản lý chất lượng công trình giao thông, TT Phối hợp tìm kiếm và cứu nạn hàng hải VN...

+ T.Cty Hàng hải VN, TĐ Công nghiệp Tàu thủy VN, các T.Cty Xây dựng công trình giao thông, T.Cty Tư vấn Thiết kế giao thông vận tải... và các đơn vị, Cty trực thuộc: Cty Tư vấn thiết kế Kiểm định công trình và Đăng ký thủy, Cty Kỹ thuật công nghệ biển, Cty Nghiên cứu thiết kế cơ khí giao thông vận tải, Cty Tư vấn Công nghệ, Thiết bị và Kiểm định Xây dựng, hệ thống cảng biển trên toàn quốc...

+ Các phòng chức năng: Quản lý phương tiện và người lái, Quản lý giao thông thủy... tại các Sở Giao thông vận tải, Sở Giao thông công chính ở các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành An toàn hàng hải.

Ngành Hải dương học

Khi theo học ngành Hải dương học sinh viên được trang bị ngoài **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, Địa: Xác suất thống kê - Đại số tuyến tính - Giải tích - Cơ học - Hóa học - Họa hình - Vật lý - Kỹ thuật điện - Địa lý tự nhiên... thì còn được học các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Khí tượng học - Thủy văn học - Vật lý biển - Công trình biển và các đặc trưng kỹ thuật - Sóng biển - Hải lưu - Thủy triều - Cơ sở thủy động lực học biển - Khí hậu học - Khí hậu VN... đồng thời sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như: Tương tác biển và khí quyển - Hệ thống thông tin địa lý - Quản lý và phân tích thông tin khí tượng thủy văn biển - Hải dương học biển Đông - Cơ sở địa chất biển - Cơ sở trầm tích học biển - Hải dương học nghề cá - Hóa môi trường biển - Nuôi trồng hải sản - Kinh tế biển.... Ngoài ra, ngành còn cung cấp cho sinh viên một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** chuyên ngành như: Kỹ thuật khai thác hải sản - Sinh thái biển ... để khi tốt nghiệp Kỹ sư Hải dương học có **khả năng đảm nhận** công tác điều tra, nghiên cứu biển phục vụ phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường biển, an ninh quốc phòng...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Hải dương học có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Hải dương học VN, Viện Địa chất và Địa vật lý biển, Viện Khoa học và Công nghệ VN, Viện Nghiên cứu nuôi trồng thủy sản, Viện Nghiên cứu hải sản, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Khí tượng Thủy văn; Các TT Dự báo khí tượng thủy văn, TT Khảo sát Nghiên cứu Tư vấn môi trường biển...

+ T.Cty Hàng hải VN, T.Cty Thủy sản VN, T.Cty Dầu khí VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc trên địa bàn toàn quốc; Các đài, trạm Khí tượng Thủy văn Quốc gia...

+ Các phòng chức năng: Quản lý khoa học, Quản lý môi trường, Quản lý tài nguyên... trực thuộc các Sở: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ... ở khắp các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Hải dương học.

Ngành Quản trị kinh doanh du lịch

Trên nền **kiến thức chung** về Toán, nhóm ngành Kinh tế: Giải tích - Xác suất thống kê - Xã hội học - Lịch sử kinh tế - Địa lý du lịch... các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Quản trị kinh doanh du lịch: Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Marketing căn bản - Nguyên lý kế toán - Kinh tế lượng... thì sinh viên ngành Quản trị kinh doanh du lịch còn được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Thống kê du lịch - Ngoại ngữ chuyên ngành du lịch - Tâm lý và Nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong du lịch Không những thế, ngành còn tạo điều kiện để sinh viên được **bổ trợ kiến thức chuyên ngành** qua các môn học như: Văn hóa du lịch - Hướng dẫn du lịch - Thanh toán quốc tế trong du lịch.... Bên cạnh đó sinh viên sẽ được rèn luyện **kỹ năng, nghiệp vụ** chuyên ngành về: Quản trị kinh doanh lữ hành - Quản trị kinh doanh khách sạn - Marketing du lịch... để khi ra trường Cử nhân ngành Quản trị kinh doanh du lịch **có thể** tác nghiệp tại các nhà hàng, khách sạn...

Sinh viên học ngành Quản trị kinh doanh du lịch sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện, Cục, Vụ: Viện Nghiên cứu phát triển du lịch, Cục Xúc tiến du lịch, Vụ Lữ hành...
- + T.Cty Du lịch VN và các Cty, đơn vị thành viên trên khắp cả nước: các Cty Du lịch, Cty Lữ hành, Cty Du lịch và Xúc tiến đầu tư, Cty Du lịch dịch vụ Dấu khi VN...
- + Các phòng chức năng: Quản lý Du lịch - Khách sạn, Du lịch và Hợp tác đầu tư, Xúc tiến du lịch, Nghiên cứu phát triển Du lịch... trực thuộc các Sở như: Sở Du lịch, Sở Du lịch - Thương mại, Sở Thương mại - Du lịch... ở các tỉnh thành phố trong toàn quốc.
- + Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành QTKD du lịch.

1) Ngành Công nghệ thực phẩm; 2) Ngành Máy lạnh và thiết bị nhiệt (Công nghệ kỹ thuật nhiệt - lạnh)

Khi học 2 ngành có tên trên của Trường ĐH Nha Trang sinh viên không những được học các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, mà còn được trang bị những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cũng như sẽ còn được lựa chọn một số môn học **bổ trợ kiến thức** cho chuyên ngành... giống như sinh viên các ngành cùng tên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM)... để sau khi tốt nghiệp sinh viên các ngành này **có khả năng** nghiên cứu, thiết kế và ứng dụng công nghệ chuyên ngành vào trong các hoạt động của đời sống, sản xuất...

Ngành Công nghệ thông tin (bao gồm các chuyên ngành: Hệ thống thông tin; Mạng máy tính và truyền thông; Công nghệ phần mềm)

Cũng giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành cùng tên trên của Trường ĐHBK, ĐH KHTN, ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM), chương trình đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐH Nha Trang cũng bao gồm các **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, của Tin học, cũng những **kiến thức cơ bản** về Công nghệ thông tin, đồng thời sinh viên còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin...

Ngành Công nghệ Cơ - Điện tử

Sinh viên học ngành Công nghệ Cơ - Điện tử của Trường ĐH Nha Trang không những chỉ học các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, mà còn học những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành

Cơ - điện tử, cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự với khối kiến thức mà sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM) được đào tạo.... Ngoài ra sinh viên của Trường ĐH Nha Trang còn được trang bị những môn học mang tính đặc thù của trường... để khi tốt nghiệp sinh viên ngành này có **khả năng** sử dụng, vận hành và bảo trì tốt các thiết bị của hệ thống sản xuất tự động, khai thác và xây dựng các phần mềm trong việc điều khiển các máy móc tự động bằng máy tính và các phương tiện điều khiển số khác, thiết kế cải tiến, thiết kế chế tạo mới và lắp ráp thiết bị khác nhau trong hệ thống sản xuất tự động...

Ngành Nuôi trồng thủy sản bao gồm các chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản; Quản lý môi trường và nguồn lợi thủy sản

Nội dung chương trình đào tạo các chuyên ngành có tên trên của Trường ĐH Nha Trang cũng tương tự chương trình đào tạo các chuyên ngành: Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản, Quản lý nghề cá của Trường ĐH Cần Thơ. Ngoài việc trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản và các **kiến thức cơ bản** của ngành, thì ngành còn đào tạo để sinh viên có những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Tốt nghiệp các chuyên ngành này sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng, quản lý và tổ chức sản xuất có hiệu quả trong lĩnh vực liên quan đến Nuôi trồng thủy sản...

1) Ngành Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Kế toán; 3) Ngành Tài chính doanh nghiệp; 4) Ngành Kinh tế thủy sản; 5) Ngành Kinh tế ngoại thương

Chương trình đào tạo các ngành có tên trên của Trường ĐH Nha Trang cũng giống như chương trình đào tạo chuyên ngành cùng tên của Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), các trường: Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, ĐH Ngân hàng, ĐH Cần Thơ.... Sinh viên khi theo học các chuyên ngành này sẽ được trang bị **kiến thức chung** dành cho khối A, nhóm ngành Kinh tế, đồng thời còn cung cấp những **kiến thức cơ bản** về ngành để từ đó tạo điều kiện cho sinh viên đi vào nghiên cứu các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... nhằm đào tạo cử nhân các chuyên ngành **có khả năng** giải quyết những vấn đề phát sinh thực tiễn trong công tác có liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành...

Ngành Tiếng Anh

Cử nhân ngành Tiếng Anh của Trường ĐH Nha Trang được cung cấp **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như khối kiến thức mà sinh viên ngành cùng tên của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM) được trang bị.... Ngoài ra, sinh viên của Trường ĐH Nha Trang còn được học một số môn học lựa chọn khác nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu hoặc có khả năng biên dịch, phiên dịch tiếng Anh cho các tổ chức khoa học kỹ thuật, kinh tế và xã hội...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2000	1.400	18.179	1/12.9
2001	1.700	18.092	1/10.6
2002	1.700	17.164	1/10.0
2003	1.700	17.371	1/10.2
2004	1.800	13.500	1/7.5
2005	1.900	12.153	1/6.3
2006	2.000	13.435	1/6.7

Bảng 2a. Điểm chuẩn vào các ngành (tại Nha Trang).

Nhóm ngành / Ngành	1997	1999	2001	2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Khai thác hàng hải* A	12.5	12.0	13.5	12.0	14.0	14.5	17.0	16.0	16.5	13.0	14.0
CN Thực phẩm** A	-	13.5	16.5	15.5	18.5	16.0	19.0	16.0	16.5	13.5	14.5
Nuôi trồng thủy sản B	-	11.5	14.5	18.0	20.0	18.0	22.0	18.0	18.5	14.5	15.5
Kinh tế TS	-	13.5	14.5	13.0	15.0	15.0	18.0	15.5	16.0	13.5	14.5
Cơ khí*** A	-	14.5	14.5	13.0	15.0	15.0	18.0	16.0	16.5	13.5	14.5
Quản trị kinh doanh	-	14.5	14.5	13.0	15.0	15.0	18.0	15.5	16.0	13.5	14.5
Tin học (CNTT)	-	15.5	15.5	13.5	15.5	15.0	16.0	16.5	17.0	14.0	15.0
Kế toán DN	-	14.5	-	13.0	15.0	15.0	18.0	15.5	16.0	13.5	14.5
Tiếng Anh	-	-	-	-	-	-	-	15.0	15.5	14.0	15.0
CN cơ - điện tử	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.5	14.5
CN KT điện- điện tử	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.5	14.5

Bảng 2b. Điểm chuẩn vào các ngành (tại Kiên Giang 2006).

Ngành	1999	2000	2001	2005	2006	
					NV1	NV2
Khai thác hàng hải	14.5	16.5	15.0	16.0	13.0	13.0
Cơ khí	13.5	18.5	18.0	16.0	13.0	13.0
Tin học (CNTT)	15.5	23.0	18.0	16.5	13.0	13.0
CN Thực phẩm	15.5	23.0	19.0	16.0	13.0	13.0
Nuôi trồng thủy sản B	13.5	20.5	18.0	18.0	14.0	14.0
Quản trị kinh doanh	14.5	17.5	16.0	15.5	13.0	13.0
Kinh tế TS	14.5	17.5	16.0	-	13.0	13.0
CN Chế biến	15.5	21.5	-	-	13.0	13.0
Kế toán DN	14.5	18.5	-	-	13.0	13.0
Khai thác TS	14.5	-	-	-	13.0	13.0
Tiếng Anh	-	-	-	15.0	13.0	13.0

Ghi chú: - * - Nhóm ngành Khai thác hàng hải gồm các ngành: Khai thác thủy sản, An toàn hàng hải.

- ** - Nhóm ngành Công nghệ thực phẩm bao gồm các ngành: Công nghệ thực phẩm, Công nghệ kỹ thuật nhiệt - lạnh, Công nghệ chế biến thủy sản, Công nghệ sinh học

- *** - Nhóm ngành Cơ khí bao gồm các chuyên ngành: Cơ khí tàu thủy; Cơ khí động lực ô tô; Cơ khí động lực tàu thuyền; Chế tạo máy.

- Nhóm ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh gồm các ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị kinh doanh du lịch, Kế toán, Tài chính doanh nghiệp, Kinh tế thủy sản, Kinh tế thương mại

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Nha Trang tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A, B, D1.
- Điểm trúng tuyển của Trường ĐH Nha Trang được xét theo nhóm ngành.
- Ngành Khai thác hàng hải không tuyển nữ.
- Thí sinh từ Quảng Bình trở ra thi tại trường Trung học Thủy sản 4 - Cây số 13 đường từ Hà Nội đi Bắc Ninh, xã Đình Bảng, Huyện Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh. Thí Sinh từ Quảng Trị trở vào thi tại

Trường Đại học Nha Trang - Số 02 Nguyễn Đình Chiểu, Tp.Nha Trang. Thi sinh các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long thi tại Tp.Cần Thơ.

- Cơ sở 2 ĐH Nha Trang số 217 Chu Văn An, Tp.Rạch Giá, Kiên Giang dành cho thí sinh có nguyên vọng và hộ khẩu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, đào tạo các chuyên ngành: Khai thác Thủy sản, Cơ khí tàu thủy, Công nghệ chế biến thủy sản, Nuôi trồng thủy sản, Kinh tế thủy sản.

- Hệ Cao đẳng không thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã dự thi khối A, B, D1 vào các trường Đại học trong cả nước theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT để xét tuyển trên cơ sở hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường ba năm gần đây có xu hướng tăng lên trong khi đó số lượng thí sinh ĐKDT lại chỉ ở mức xê dịch không đáng kể nên tỉ lệ "chọi" 3 năm nay không cao và thấp hơn so với bốn năm trước. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường năm 2006 giảm hơn so với năm 2005 và chỉ cao hơn so điểm sàn của Bộ GD&ĐT từ 0 - 1 điểm. Điều này chứng tỏ trường không đòi hỏi những thí sinh phải có học lực xuất sắc, bạn chỉ cần có học lực trung bình, trung bình khá nếu cố gắng có thể đỗ vào trường. (Bảng 2a).

- Nhìn chung điểm chuẩn vào các ngành trong Trường ĐH Nha Trang thường thấp hơn so với một số trường khác. Ví dụ năm 2006: Các ngành Cơ khí của ĐH Nha Trang thì thấp hơn rất nhiều so với Trường ĐH Bách Khoa (ĐHQG Tp.HCM), ngành Nuôi trồng thủy sản (khối B) của trường cũng không cao bằng điểm chuẩn ngành này của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM... (Xem chi tiết bảng 2 các trường).

- Đồng thời ta cũng thấy điểm chuẩn giữa các ngành trong trường tương đối đồng đều nên việc chọn ngành của thí sinh cũng thuận lợi hơn so với một số trường khác.

- Nhìn vào bảng 2a cũng có thể thấy sự chênh lệch giữa điểm trúng tuyển NV2 so với NV1 đã có sự thay đổi: các năm 2003, 2004 mức chênh lệch khá lớn từ 2 - 4 điểm nhưng đến năm 2005, 2006 điểm chuẩn NV2 thường cao hơn điểm chuẩn NV1 chỉ từ 0.5 - 1 điểm.

- Dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, Bình Định

Điện thoại: 056.646071 - 846803 - Website: <http://www.qnu.edu.vn/>

- Trường Đại học Quy Nhơn được thành lập năm 1977 là TT đào tạo Đại học, Sau đại học và bồi dưỡng cán bộ cho khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
- Trường hiện có gần 400 cán bộ giảng dạy với 50 Phó Giáo sư, Tiến sĩ, 120 Thạc sĩ, 30 Nghiên cứu sinh, 50 Học viên cao học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Toán

Theo học ngành Toán sinh viên sẽ được cung cấp **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, Khoa học giáo dục: Quản lý hành chính Nhà nước - Tư tưởng Hồ Chí Minh - Tâm lý học - Giáo dục học - Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục - Nhà nước và pháp luật - Rèn luyện nghiệp vụ thường xuyên..., những **kiến thức cơ bản** về ngành: Cơ sở toán cao cấp - Đại số - Số luận - Cơ sở Số học - Lý thuyết Galois - Đại số sơ cấp - Hình học sơ cấp - Lý thuyết Môđun - Tôpô - Vật lý... đồng thời cũng được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Đại số tuyến tính - Hình học (HH) giải tích - HH xạ ảnh - HH vi phân - Giải tích cổ điển - Phương trình vi, tích phân - Phương trình đạo hàm riêng - Hàm số biến số phức - Độ đo tích phân - Giải tích hàm - Giải tích số - Xác suất thống kê - Quy hoạch tuyến tính - Toán rời rạc - Ngôn ngữ lập trình Pascal - Chuyên đề ứng dụng Tin học vào dạy toán... Ra trường Cử nhân ngành Toán **có khả năng** sử dụng thành thạo ngôn ngữ lập trình cơ bản, một số thuật toán và phần mềm toán học để phục vụ công tác chuyên ngành...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Toán có thể làm việc tại:

+ Các Viện: Viện Toán học, Viện Cơ học, Viện Cơ học ứng dụng
+ TB Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Viễn thông quân đội, T.Cty Điện tử và Tin học VN, TB Công nghiệp Ô tô VN, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp, T.Cty Lắp máy VN, TB Công nghiệp Than - Khoáng sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Internet Viettel, Cty Điện tử - Tin học - Hóa chất, Cty Lắp máy và Thí nghiệm cơ điện, Cty Công nghiệp ô tô...

+ Các phòng chức năng: Thí nghiệm, Quản lý kỹ thuật, Thiết kế kỹ thuật... trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Công nghiệp... tại các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Làm cán bộ giảng dạy, nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN, trường Công nhân kỹ thuật... có đào tạo về ngành Toán. Dạy môn Toán tại các trường Trung học phổ thông.

Ngành Địa lý

+ Chuyên ngành Bản đồ - Viễn thám

Chương trình đào tạo chuyên ngành Bản đồ - Viễn thám nhằm trang bị cho sinh viên bên cạnh các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Vật lý cho địa lý - Hệ phương trình tuyến tính - Xác suất thống kê - Cơ sở văn hóa VN - Tiếng Anh chuyên ngành..., cùng với hàng loạt **kiến thức cơ bản** dành

cho ngành: Trái đất - Địa chất - Địa chất lịch sử - Bản đồ địa hình, đo vẽ địa phương - Khí quyển, thủy quyển - Thạch quyển - Sinh quyển, thổ nhưỡng quyển - Lớp vỏ cảnh quan - ĐLTN VN - ĐLTN khu vực - Địa lý (ĐL) kinh tế xã hội (KTXH) - ĐL KTXH thế giới - ĐL kinh tế VN - Dân số, giáo dục dân số..., thì sinh viên còn được đi vào nghiên cứu ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Thực địa, địa chất bản đồ - Thực địa, ĐLTN tổng hợp - Thực địa KTXH - Bản đồ giáo khoa - Bản đồ chuyên đề - ĐL nhiệt đới - ĐL Biển Đông - Môi trường và giáo dục môi trường - ĐL địa phương - Cơ sở kỹ thuật công nông nghiệp - ĐL du lịch ... để khi học xong Cử nhân chuyên ngành này có ***khả năng*** ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ một cách sáng tạo trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

Sinh viên chuyên ngành Bản đồ - Viễn thám sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Tổng cục, Cục: Viện Khoa học địa chính; Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; Cục Đo đạc và Bản đồ...

+ TD Công nghiệp Than - Khoáng sản VN, Liên đoàn bản đồ địa chất, Cty Đo đạc ảnh địa hình, Cty Trắc địa bản đồ, Cty Đo đạc địa chính và công trình, Cty Công nghệ địa vật lý...

+ Các phòng chức năng: Đo đạc và Bản đồ, Quản lý Địa chính Nhà đất, Quản lý Kỹ thuật và Giám định chất lượng... ở các Sở như: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Địa chính - Nhà đất, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất, Sở Xây dựng... thuộc các tỉnh, thành phố.

+ Phòng Địa chính của Ủy ban nhân dân các cấp từ Trung ương đến địa phương.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Bản đồ - Viễn thám.

Ngành Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp

Khi học ngành Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp sinh viên sẽ được trang bị ***kiến thức chung*** về khối Khoa học cơ bản: Tâm lý học - Toán cao cấp - Xác suất thống kê - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Vật lý..., và các ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành: Tế bào học - Hình thái và giải phẫu thực vật - Động vật không xương sống - Động vật có xương sống - Mô học - Phân loại thực vật - Hóa sinh học - Lý sinh học - Khoa học đất - Sinh thái học - Sinh học người - Di truyền học - Học thuyết tiến hóa - Sinh lý học thực vật - Cây trồng - Vật nuôi - Miễn dịch học - Công nghệ sinh học... đồng thời còn được học những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***: Di truyền chọn giống thực vật - Quang hợp - Địa lý thực vật - Dinh dưỡng thực vật - Sinh lý chống chịu - Di truyền chọn giống động vật - Sinh lý thần kinh - Côn trùng học ứng dụng - Năng lượng sinh học - Hình thái và giải phẫu thực - Rèn luyện nghiệp vụ Sư phạm - Phương pháp dạy sinh học 10, 11, 12 - Học thuyết tiến hóa - Lâm nghiệp - Phương pháp dạy học Kỹ thuật nông nghiệp... để khi học xong Cử nhân ngành này sẽ ***có khả năng*** giảng dạy bộ môn chuyên ngành tại các cơ sở đào tạo...

Sinh viên học ngành Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật NN sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN và Trung học phổ thông có đào tạo chuyên ngành Kỹ thuật nông nghiệp: Đại học Nông nghiệp I, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Nông lâm Thành phố Hồ Chí Minh...

+ Các Viện, TT: Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Nghiên cứu Hải sản, các Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản; Các TT phổ biến kiến thức nông nghiệp, TT Khuyến nông Quốc gia, TT Tài nguyên thực vật, TT Khuyến ngư VN...

+ Các Cục, Vụ: Cục Nông nghiệp, Cục Thú y, Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ T.Cty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, T.Cty Chè VN, T.Cty Cao su VN, T.Cty Rau quả, nông sản VN, T.Cty Cà phê VN, T.Cty Hóa chất VN... và các đơn vị thành viên. Ngoài ra, sinh viên ngành này còn có thể công tác tại các Cty Giống cây trồng, hoặc Cty Giống rau quả, Cty Giống chăn nuôi ở hầu khắp các tỉnh, thành phố trên cả nước, các đơn vị sản xuất kinh doanh thuốc phục vụ nông nghiệp, các nhà máy, Cty Chế biến thức ăn chăn nuôi...

+ Các phòng chức năng: Kỹ thuật nghiệp vụ, Nông lâm nghiệp, Chăn nuôi, Trồng trọt... tại các Sở: Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ở các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Ngành Vật lý

Cử nhân ngành Vật lý được đào tạo không những có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản: Phép tính vi phân - Định thức - Xác suất thống kê - Phương trình toán lý - Cơ học - Nhiệt học - Điện học - Quang học..., mà còn được trang bị **kiến thức cơ bản về ngành**: Vật lý nguyên tử - Cơ lý thuyết - Nhiệt động lực học & Vật lý thống kê - Điện động lực học - Cơ học lượng tử - Thiên văn..., đồng thời sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Vật lý chất rắn - Kỹ thuật điện - Vô tuyến điện tử - Vật lý hạt nhân và hạt cơ bản - Công nghệ (CN) vật lý lý thuyết - CN vật lý thiên văn - CN hạt nhân - CN vật lý chất rắn - CN quang và quang phổ học... để khi tốt nghiệp ra trường Cử nhân ngành Vật lý **có khả năng** giải quyết các vấn đề có liên quan đến nghề nghiệp một cách sáng tạo, có phương pháp tư duy logic.

Sinh viên sau khi tốt nghiệp ngành Vật lý có thể công tác tại:

+ Các Viện, Cục: Viện Vật lý và Điện tử, Viện Vật lý địa cầu, Viện Vật lý ứng dụng và Thiết bị khoa học, Viện Năng lượng nguyên tử VN, Viện Địa chất và Địa vật lý biển, Viện Đào tạo quốc tế về khoa học vật liệu (ITIMS); Cục Kiểm soát và An toàn bức xạ hạt nhân...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Thép VN, các T.Cty Vật liệu xây dựng, T.Cty Lắp máy VN, Cty Điện tử - Tin học - Hóa chất...

+ Các phòng chức năng: Quản lý công nghệ, Quản lý sở hữu trí tuệ, Quản lý chất thải rắn, Quản lý kinh tế và An toàn công nghiệp... tại các Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công nghiệp... ở 64 tỉnh, thành phố trên cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo về ngành Vật lý. Dạy môn Vật lý tại các trường Trung học phổ thông.

Ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp (KTCN) nhằm trang bị cho sinh viên không những chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên: Giải tích - Hình học giải tích - Đại số tuyến tính - Nhiệt, phân tử - Điện - Quang, vật lý nguyên tử..., mà còn có các **kiến thức cơ bản về KTCN**: Nguyên lý máy - Mạch điện - Hình học họa hình - Cơ kỹ thuật - Vẽ kỹ thuật - Sức bền vật liệu..., đồng thời cũng cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Vật liệu cơ khí - Công nghệ kim loại - Động cơ đốt trong - Ô tô máy kéo - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật điện tử - Kỹ thuật xung số - Rèn - Hàn - Tiện - Đúc - Ngui - Lý luận dạy học KTCN - Phân tích chương trình KTCN - Điện ứng dụng - Điện tử ứng dụng - Tình trạng kỹ thuật động cơ - Khí cụ điện - Chi tiết máy... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ngành Sư phạm KTCN **có khả năng** tổ chức hiệu quả quá trình dạy học môn chuyên ngành đáp ứng được yêu cầu đổi mới của giáo dục hiện nay...

Sinh viên học ngành Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp sau khi ra trường có thể làm việc tại:

- Làm công tác giảng dạy trong các trường ĐH, CĐ, THCN, các trường dạy nghề có đào tạo chuyên ngành SP Kỹ thuật công nghiệp. Dạy môn Kỹ thuật tại các trường Trung học phổ thông.

- Ngoài ra còn có thể làm công tác nghiên cứu, quản lý Nhà nước theo chuyên ngành tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, Viện Nghiên cứu cơ khí, Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Luyện kim đen, Viện Công nghệ thông tin; TT Kỹ thuật và Tin học, các TT Kiểm soát tần số khu vực và hệ thống các TT Tin học từ Trung ương đến địa phương...

+ Các Cục, Vụ: Cục Kỹ thuật an toàn công nghiệp, Cục Tần số vô tuyến điện; Vụ Khoa học công nghệ, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin...

Ngành Tin học

Ngành Tin học đào tạo cho sinh viên các **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối A: Đồ thị - Xác suất thống kê - Toán rời rạc - Vật lý - Hóa học... những **kiến thức cơ bản** về ngành: Cấu trúc máy tính và Hợp ngữ - Thiết kế cơ sở dữ liệu - Mạng máy tính cơ bản - Hệ điều hành - Lập trình trên Windows... cùng với các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Công nghệ phần mềm - Java - Trí tuệ nhân tạo - Ngôn ngữ lập trình - Xử lý ảnh - Quản trị mạng - Lập trình hướng đối tượng - Quản trị dự án tin học - Hệ quản trị dữ liệu - Đồ họa máy tính... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** phân tích thiết kế, triển khai cài đặt các hệ thống tin học, nghiên cứu và phát triển về hệ thống thông tin và phát triển máy tính, triển khai các loại hình ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quốc phòng...

Kỹ sư ngành Tin học có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Nghiên cứu Điện tử - Tin học - Tự động hóa, Viện Chiến lược và Công nghệ thông tin, Viện Công nghệ thông tin, Viện Ứng dụng công nghệ; Các TT Tin học, TT Công nghệ phần mềm, TT Giao dịch công nghệ ở khắp các tỉnh, thành phố trong toàn quốc...

+ Các Cục, Vụ: Cục Công nghệ tin học nghiệp vụ, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Công nghệ tin học ngân hàng; Vụ Bưu chính, Vụ Viễn thông, Vụ Công nghiệp Công nghệ thông tin, Vụ Khoa học công nghệ...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, TĐ Bưu chính viễn thông VN, T.Cty Viễn thông quân đội... và các Cty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tin học ở khắp các tỉnh, thành phố, Cty Điện toán và Truyền số liệu, Cty Điện tử - Tin học - Hòa chất, các Cty Điện tử, Cty Điện tử công trình, Cty Máy tính VN, Cty Xuất nhập khẩu điện tử...

+ Các phòng chức năng: Bưu chính viễn thông tin học, Quản lý công nghệ, Thiết kế kỹ thuật... tại các Sở: Sở Bưu chính viễn thông, Bưu điện, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Tin học.

1) Ngành Sư phạm (SP) Toán; 2) Ngành SP Giáo dục tiểu học; 3) Ngành SP Hóa học; 4) Ngành SP Ngữ văn; 5) Ngành SP Lịch sử; 6) Ngành SP Địa lý; 7) Ngành SP Giáo dục chính trị; 8) Ngành SP Tâm lý giáo dục; 9) Ngành SP Tiếng Anh; 10) Ngành SP Giáo dục đặc biệt; 11) Ngành SP Giáo dục mầm non; 12) Ngành SP Thể dục thể thao; 13) Ngành Giáo dục thể chất (ghép với Giáo dục quốc phòng); 14) Ngành SP Vật lý

Chương trình đào tạo các ngành Sư phạm có tên trên của Trường ĐH Quy Nhơn cũng tương tự như chương trình đào tạo các ngành này của trường ĐHSPTp.HCM, ĐHSPT (ĐH Đà Nẵng)... Ngoài những **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, sinh viên còn được trang bị **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời cũng sẽ đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với những **kiến thức hỗ trợ cho ngành**... Để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên các ngành sẽ trở thành những giáo viên, giảng viên **có nghiệp vụ, kỹ năng** giảng dạy theo chuyên ngành một cách tốt nhất...

Ngành Tiếng Anh

Đào tạo cử nhân ngành Tiếng Anh của Trường ĐH Quy Nhơn không chỉ có **kiến thức chung, kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐHKHTN&NV (ĐHQG Tp.HCM) mà còn có một số môn học đặc thù riêng của ngành: Hình thái - Ngôn ngữ so sánh - Ngôn ngữ xã hội học... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** giảng dạy và nghiên cứu trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

1) Ngành Kỹ thuật điện; 2) Ngành Điện tử - Viễn thông; 3) Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng có các chuyên ngành: **Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Xây dựng cầu đường; Kỹ thuật tài nguyên nước**

Kỹ sư các ngành, chuyên ngành có tên trên của Trường ĐH Quy Nhơn được học ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên, còn có khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như khối kiến thức mà sinh viên học các chuyên ngành cùng tên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM) được cung cấp... để khi tốt nghiệp sinh viên các ngành này **có khả năng** quản lý, thiết kế, tổ chức tư vấn và kinh doanh, cũng như làm việc trực tiếp tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo có liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành...

1) Ngành Sinh học; 2) Ngành Hóa học

Cũng giống như sinh viên ngành Sinh học, Hóa học của Trường ĐHKHTN (ĐHQG Tp.HCM)... sinh viên Trường ĐH Quy Nhơn khi theo học các ngành này cũng sẽ được trang bị không những chỉ những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản về ngành**, mà còn được đào tạo **những kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi tốt nghiệp Cử nhân Sinh học, Hóa học **có khả năng** làm công tác nghiên cứu hay tham gia trực tiếp các hoạt động sản xuất ứng dụng trong lĩnh vực Sinh học, Hóa học...

1) Ngành Địa chính (**Chuyên ngành Quản lý đất đai**); 2) Ngành Nông học; 3) Ngành Quản trị kinh doanh; 4) Ngành Kế toán

Giống như sinh viên theo học chuyên ngành Quản lý đất đai, các ngành Nông học, Quản trị kinh doanh và ngành Kế toán của Trường ĐHKHTN & NV Tp.HCM... sinh viên học các ngành này của Trường ĐH Quy Nhơn cũng được cung cấp ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, là các **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời được đào tạo để có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Sau khi ra trường sinh viên các ngành này **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng chuyên môn nghiệp vụ và đề ra các giải pháp, phương án nhằm giải quyết những vấn đề phát sinh trong lĩnh vực chuyên ngành...

1) Ngành Văn học; 2) Ngành Lịch sử; 3) Ngành Công tác xã hội

Tương tự như chương trình đào tạo các ngành Văn học, Lịch sử, Công tác xã hội của Trường ĐHKHTN & NV (ĐHQG Tp.HCM)... các ngành này của Trường ĐH Quy Nhơn cũng đào tạo cho sinh

viên những *kiến thức chung* của khối Khoa học Xã hội, *kiến thức cơ bản* về ngành, và đồng thời còn cung cấp *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...* để sinh viên khi ra trường sẽ *có khả năng* nghiên cứu, ứng dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	2.050	27.253	1/13.2
2003	2.100	48.028	1/23.0
2004	2.200	22.646	1/10.2
2005	2.300	26.047	1/11.3
2006	2.800	30.587	1/10.9

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Toán A	33.0	20.5	22.0	14.0	16.0	21.0	22.0	18.0	-	18.5	-	18.0	-
SP Hóa A	31.0	21.5	21.5	14.0	16.0	21.0	23.0	18.0	-	18.5	-	19.0	-
SP Sinh - KTNN B	22.5	18.0	21.5	14.0	16.0	21.0	22.0	19.0	-	18.5	-	17.0	-
SP Lịch sử C	27.5	19.0	18.5	17.0	18.0	21.0	22.0	20.0	-	-	-	18.0	-
SP Ngữ văn C	28.0	19.0	18.5	16.5	18.0	21.0	22.0	20.0	-	17.0	-	18.0	-
SP Địa lý A	24.0	12.5	18.0	10.0	12.0	20.0	21.0	20.0	-	17.0	-	13.0	-
SP Địa lý C	26.0	17.5	18.0	17.0	18.0	20.0	21.0	20.0	-	17.0	-	13.0	-
SP GD chính trị A	27.0	15.5	17.0	10.0	12.0	19.5	20.5	18.0	-	17.0	-	13.0	13.0
SP GD chính trị C	27.0	15.5	17.0	15.0	17.0	19.5	20.5	18.0	-	17.0	18.5	13.0	-
SP Tiểu học (A)	24.5	14.0	16.0	12.0	13.0	17.0	18.0	18.0	-	17.0	-	14.5	-
SP Tiểu học (C)	24.5	17.0	16.0	16.0	18.0	20.0	21.0	18.0	-	17.0	-	14.5	-
SP Tiếng Anh D1	26.0	19.5	18.5	15.0	17.0	20.0	21.0	19.0	-	17.0	-	17.0	-
Toán học A	26.0	14.5	18.0	10.0	11.0	15.0	16.0	14.0	17.0	15.0	17.5	13.0	14.0
Vật lý A	25.0	12.5	17.5	9.0	10.0	15.0	16.0	14.0	16.0	15.0	17.0	13.0	14.0
Tin học A	25.0	12.5	17.5	8.5	9.5	15.0	16.0	14.0	15.0	15.0	17.0	13.0	14.0
Hoá học A	27.0	15.5	17.5	9.0	10.0	15.0	16.0	14.0	17.0	15.0	18.0	13.0	15.0
Hoá học B	27.0	15.5	17.5	9.0	10.0	15.0	16.0	14.0	17.0	15.0	-	13.0	-
Văn học C	22.0	15.5	16.0	10.0	11.0	15.0	17.0	15.0	19.5	14.0	18.0	14.0	15.0
Tiếng Anh D1	20.0	15.5	15.0	11.0	13.0	15.0	16.0	14.0	17.5	14.0	17.0	14.0	-
Kỹ thuật điện A	16.5	13.0	17.5	9.0	10.0	15.0	16.0	14.0	17.5	15.0	19.0	13.0	-
Điện tử A	15.0	12.5	17.5	9.0	10.0	-	-	-	-	-	-	-	-
Quản trị DN A	15.0	12.5	17.5	9.0	10.0	15.0	16.0	14.0	16.5	15.0	18.5	13.0	-
Hoá dầu A	15.5	15.5	17.5	9.0	10.0	15.0	16.0	14.0	18.0	15.0	19.0	13.0	15.5
Quản trị KD A	15.5	17.0	17.5	9.0	10.0	15.0	16.0	14.0	-	15.0	18.5	13.0	15.0
SP Vật lý A	-	18.5	20.5	14.0	16.0	21.0	22.0	17.0	-	18.5	-	18.0	-
SP KTCN A	-	15.5	17.5	10.0	11.0	16.0	17.0	17.0	-	18.5	20.0	13.0	14.0
Sinh học B	-	12.5	20.0	10.0	10.0	15.0	17.0	15.0	21.0	15.0	20.0	14.0	15.0
Lịch sử C	-	15.5	15.5	10.0	11.0	15.0	17.0	15.0	19.5	14.0	18.0	14.0	15.5
SP Tâm lý B	-	-	16.5	14.0	16.0	18.0	19.0	16.0	-	17.0	18.5	14.0	14.0
Công nghệ MT A	-	-	-	9.0	10.0	15.0	16.0	14.0	-	15.0	19.0	13.0	14.0
Thống kê tin học A	-	-	-	8.0	10.0	-	-	14.0	-	-	-	-	-

Ngành	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Kế toán A	-	-	-	9.0	10.0	15.0	16.0	14.0	19.0	15.0	19.5	13.0	-
Điện tử - Tin học A	-	-	-	-	-	15.0	16.0	14.0	18.0	15.0	19.0	13.0	14.0
Điện tử - Viễn thông A	-	-	-	-	-	15.0	16.0	14.0	17.5	15.0	19.0	13.0	-
Địa chính A	-	-	-	-	-	-	-	14.0	16.0	15.0	17.0	13.0	14.0
Địa lý A	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-	15.0	15.0	13.0	14.0
SP Thể dục TT T	-	-	-	-	-	-	-	21.0	-	23.0	-	22.0	-
SP GD Mầm non M	-	-	-	-	-	-	-	17.0	-	16.0	-	15.0	-
SP GD Đặc biệt D1	-	-	-	-	-	-	-	15.0	-	17.0	17.0	13.0	13.0
Kinh tế (KTPT) A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	17.0	-	-
Công tác XH C	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-	14.0	15.0
Nông học B	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-
Công nghệ KTXD A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	-
GDTC&GDQP T	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	19.0	-
Kinh tế (KTĐT) A	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	15.5

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐH Quy Nhơn tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D1, T, M.
- Trường không tuyển thí sinh dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp...
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành học (các ngành khối T điểm thi môn năng khiếu nhân hệ số 2).
- Ngành Sư phạm Thể dục thể thao yêu cầu thể hình cân đối, nam cao 1,65m nặng 45 kg trở lên; nữ cao 1,55m nặng 40kg trở lên.
- Trường ĐHBK Hà Nội mở tại trường lớp đào tạo Kỹ sư các ngành: Điện tử - Tin học, Hóa dầu, Công nghệ môi trường, Quản trị doanh nghiệp.
- Trường ĐH Đà Nẵng mở tại trường lớp đào tạo các ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Kế toán.
- Trường ĐH Kinh tế quốc dân mở tại trường lớp đào tạo cử nhân kinh tế ngành: Kinh tế đầu tư; Thống kê tin học (chuyên ngành Thống kê kinh tế xã hội).

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ năm 2002 đến nay vẫn tăng lên tuy nhiên số lượng thí sinh ĐKDT vào trường lại không ổn định do đó tỉ lệ "chọi" có năm cao có năm thấp: năm 2003 số lượng thí sinh ĐKDT tăng đột biến khiến cho tỉ lệ "chọi" của trường năm này rất cao 23/1. Tuy nhiên, từ năm 2004 đến nay tỉ lệ "chọi" lại ở mức khá ổn định, chỉ dao động từ 10-11/1. Mặc dù vậy so với mặt bằng chung thì tỉ lệ "chọi" của trường vẫn tương đối cao. (Xem bảng 1).
- Năm 2006 điểm chuẩn của trường nhìn chung giảm so với những năm gần đây nhưng giữa các ngành có sự chênh lệch đáng kể, các ngành Sư phạm điểm chuẩn thường cao hơn những ngành khác. Ví dụ: năm 2006 khối A ngành SP Hóa có điểm chuẩn cao (19.0 điểm), các ngành SP Toán, Lý (18.0 điểm), còn lại hầu hết các ngành khối A khác đều lấy bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Điểm chuẩn các ngành khối C cũng tương tự, điểm chuẩn cao vào các ngành Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Lịch sử còn hầu như các ngành khối C khác điểm trúng tuyển không cao. (Xem bảng 2).

- So sánh điểm chuẩn một số ngành Sư phạm năm 2006 như: Sư phạm Toán, Lý, Hóa của Trường ĐH Quy Nhơn với điểm chuẩn của các ngành này ở những trường khác như: ĐHSP (ĐH Huế), ĐHSP (ĐH Đà Nẵng) thì điểm chuẩn các ngành này của Trường ĐH Quy Nhơn cũng ở mức ngang bằng hoặc xấp xỉ bằng nhưng so với điểm chuẩn của các ngành Sư phạm ở Trường ĐHSP Tp.HCM thì nhìn chung không cao bằng. Tuy nhiên cũng có thể thấy điểm chuẩn các ngành Sư phạm của Trường ĐH Quy Nhơn mặc dù có sự thay đổi qua các năm nhưng bao giờ cũng cao hơn hẳn các ngành khác. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 cũng có thể thấy điểm chuẩn vào các ngành trong trường ngoài một số ngành Sư phạm thì thường ở mức trung bình và trên trung bình vì vậy các bạn có lực học trung bình khá nếu cố gắng có thể trở thành sinh viên của trường song cần lưu ý bạn khi chọn ngành.

- Từ năm 2005 trở về trước điểm trúng tuyển NV2 thường cao hơn NV1 từ 1 - 4.5 điểm, đến năm 2006 mức chênh lệch này đã giảm chỉ ở mức cao hơn từ 1 - 2.5 điểm, thậm chí một số ngành điểm chuẩn NV2 còn ngang bằng điểm chuẩn NV1. (Xem bảng 2).

- Bắt đầu từ năm 2006 trường mở thêm 4 ngành học mới đó là các ngành: Nông học, Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng, Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư). Riêng ngành Kinh tế là ngành liên kết đào tạo với Trường ĐH Kinh tế quốc dân Hà Nội.

- Qua 2 bảng số liệu trên dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ biến động nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

Địa chỉ: 1 Phủ Đồng Thiên Vương, Tp. Đà Lạt, Lâm Đồng

Điện thoại: 063.821216 - Website: <http://www.dlu.edu.vn/>

- Trường Đại học Đà Lạt được thành lập ngày 27/10/1976 trên cơ sở cũ của Viện Đại học Đà Lạt, là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực.
- Trường ĐH Đà Lạt có khoảng trên 400 cán bộ viên chức trong đó có 268 cán bộ giảng dạy, hầu hết đều có trình độ Đại học, Trên đại học với nhiều chức danh: Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ...
- Trường hiện đang đào tạo các bậc: Đại học, Cao đẳng... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Quản lý môi trường

Ngành Quản lý môi trường (QLMT) đào tạo cho sinh viên có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Hóa học - Hóa lý - Hóa vô cơ - Hóa hữu cơ - Hóa phân tích - Vật lý - Đại số - Dân số học - Địa lý - Môi trường và con người - Sinh hóa..., cũng **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Các phương pháp phân tích hóa lý - Sinh thái và MT - Đất và MT - MT và sự phát triển bền vững - Hóa MT - Luật và chính sách MT - Thống kê trong kinh tế (KT) MT - Kỹ thuật phân tích MT - Công nghệ sản xuất sạch - KTMT - Đánh giá tác động MT - Phân tích và kiểm soát thực phẩm..., cũng như sẽ được cung cấp **kiến thức bổ trợ** cho ngành QLMT: Công nghệ vi sinh bảo vệ MT - GIS trong QLMT - Giáo dục MT - QL tài nguyên thiên nhiên - QL chất lượng MT - QLMT đô thị và công nghiệp - Mô hình hóa trong QLMT - Sắc ký trong phân tích MT - Phân tích và kiểm soát thực phẩm..., và tùy theo chuyên ngành theo học mà sinh viên được nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** như:

+ **Chuyên ngành Công nghệ môi trường:** Quá trình và thiết bị công nghệ MT - Mô hình hóa các quá trình ô nhiễm - Xử lý nước và chất thải - Kiểm soát ô nhiễm không khí và tiếng ồn - Kỹ thuật xử lý chất thải rắn và độc - Kiểm soát phóng xạ MT - Kỹ thuật hạt nhân trong nghiên cứu MT...

+ **Chuyên ngành Sinh thái và Bảo vệ môi trường:** Công nghệ (CN) vi sinh bảo vệ MT - GIS trong QLMT - Sinh học (SH) MT - CNSH MT - Chỉ thị SH và MT - Hệ sinh thái (HST) biển - HST hoang dã - HST thực vật - QL HST rừng - Kiểm soát ô nhiễm nông nghiệp...

Tốt nghiệp Kỹ sư ngành QLMT **có khả năng** quản lý và xử lý chất thải, ứng dụng vi sinh vật trong xử lý chất thải, quản lý các hệ sinh thái môi trường, ứng dụng tin học trong QLMT, hoặc nghiên cứu, làm việc tại các xí nghiệp, các cơ sở có liên quan...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý môi trường có thể công tác tại:

+ Các Viện, TT: Viện Công nghệ môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ môi trường, Viện Kỹ thuật nhiệt đới và Bảo vệ môi trường, Viện Y học và Vệ sinh môi trường, Viện Khí tượng thủy văn, Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt; TT Nghiên cứu môi trường, TT Nghiên cứu tài nguyên và môi trường...

+ Các Cục, Vụ: Cục Bảo vệ môi trường VN, Vụ Khoa học và Công nghệ, Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường, Vụ Môi trường...

+ T.Cty Vật tư xây dựng Cấp thoát nước và Môi trường VN, T.Cty Hóa chất VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty Môi trường VN xanh, Cty Cấp thoát nước và Môi trường đô thị, Cty Thiết bị và Môi trường phát triển, Cty Tư vấn dịch vụ và Phát triển công nghệ tài nguyên và môi trường...

+ Các phòng chức năng: Quản lý môi trường, Quản lý dự án cải thiện môi trường, Quản lý chất thải rắn, Quản lý khoa học... tại các Sở: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất... thuộc các tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp có đào tạo về Quản lý môi trường.

1) Ngành Sư phạm (SP) Toán học; 2) Ngành SP Tin; 3) Ngành SP Vật lý; 4) Ngành SP Hóa học; 5) Ngành SP Sinh học; 6) Ngành SP Tiếng Anh; 7) Ngành SP Ngữ văn; 8) Ngành SP Lịch sử;

Cũng giống như chương trình đào tạo các ngành Sư phạm nêu trên của Trường ĐHSPTp.HCM, ĐHSPT (ĐHĐN)... chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐH Đà Lạt cũng cung cấp cho sinh viên những *kiến thức chung* của khối Khoa học cơ bản, các *kiến thức cơ bản* về ngành, đồng thời còn trang bị cho sinh viên *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*, cùng những kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm... để khi ra trường, Cử nhân các ngành này *có khả năng* giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

1) Ngành Toán học; 2) Ngành Tin học; 3) Ngành Vật lý; 4) Ngành Công nghệ thông tin; 5) Ngành Điện tử viễn thông; 6) Ngành Hóa học; 7) Ngành Sinh học;

Khi theo học một trong 7 ngành này của Trường ĐH Đà Lạt sinh viên sẽ được cung cấp không chỉ *kiến thức chung* về khối Khoa học cơ bản, mà còn được trang bị *kiến thức cơ bản* dành cho ngành, đồng thời sẽ được đào tạo *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*, cùng với một số *kiến thức bổ trợ cho ngành*... giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên của Trường ĐHKHTN (ĐHQG Tp.HCM)... để khi tốt nghiệp sinh viên *có khả năng* ứng dụng chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

1) Ngành Kế toán; 2) Ngành Công nghệ sinh học; 3) Ngành Nông học; 4) Ngành Quản trị kinh doanh; 5) Ngành Kinh tế nông lâm; 6) Ngành Luật học

Chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐH Đà Lạt cũng tương tự như chương trình đào tạo của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM... Ngoài những *kiến thức chung* dành cho khối Khoa học cơ bản, sinh viên còn được trang bị *kiến thức cơ bản về ngành*, bên cạnh khối *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*, đồng thời cũng được cung cấp một số *kiến thức bổ trợ cho ngành*... để khi học xong sinh viên sẽ *có khả năng* làm việc độc lập trong các ngành liên quan...

1) Ngành Xã hội học; 2) Ngành Ngữ văn; 3) Ngành Lịch sử; 4) Ngành VN học; 5) Ngành Đông phương học; 6) Ngành Quốc tế học; 7) Ngành Tiếng Anh; 8) Ngành Công tác xã hội - Phát triển cộng đồng; 9) Ngành Văn hóa học

Tương tự khối kiến thức mà các trường: ĐHKHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM), ĐHSPT (ĐHĐN)... trang bị cho sinh viên khi theo học các chuyên ngành nêu tên trên, Trường ĐH Đà Lạt cũng cung cấp

cho sinh viên các ngành này không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, mà còn có các **kiến thức cơ bản về ngành**, đồng thời được trang bị cả **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cũng như sẽ được cung cấp một số môn học lựa chọn nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành...** để khi học xong sinh viên sẽ **có khả năng** nghiên cứu và ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ vào công việc liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo...

Ngành Du lịch

Sinh viên theo học ngành Du lịch của Trường ĐH Đà Lạt sẽ được học ngoài những **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, còn được học **kiến thức cơ bản về ngành**, ngoài ra được cung cấp cả **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cũng như sẽ được trang bị thêm một số **kiến thức bổ trợ cho ngành...** giống như chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch của Trường ĐH Cần Thơ. Học xong ngành này sinh viên sẽ **có khả năng** giới thiệu về đất nước và con người VN với du khách quốc tế, tổ chức được các hoạt động văn hóa kinh doanh phục vụ cho du lịch, hướng dẫn viên du lịch...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	2.300	17.599	1/7.6
2003	2.350	19.244	1/8.1
2004	2.450	19.621	1/8.0
2005	2.850	20.007	1/7.0
2006	2.800	22.472	1/8.0

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1997	1999	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Toán	19.0	22.0	25.0	13.5	15.5	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	16.0	14.0	15.0
SP Toán	35.0	35.0	33.5	22.0	24.0	18.0	21.0	20.0	-	22.0	-	19.5	-
SP Hóa	35.0	35.0	33.5	22.0	24.0	19.0	22.0	19.5	-	21.0	-	18.0	-
Tin học	19.0	17.5	22.0	14.5	16.5	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	16.0	14.0	15.0
SP Tin học	35.0	26.0	30.5	17.0	19.0	18.0	21.0	15.0	-	20.0	-	19.5	-
Vật lý	19.0	20.5	25.5	13.0	15.0	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	16.0	14.0	-
SP Vật lý	35.0	33.0	32.5	20.0	22.0	17.0	20.0	17.0	-	20.0	-	18.0	-
Hóa học	19.0	24.0	25.0	15.0	17.0	13.0	15.0	14.0	16.0	15.0	16.0	14.0	15.0
Quản trị Kinh doanh	19.0	14.0	17.5	12.0	14.0	12.5	14.5	14.0	16.0	15.0	16.0	14.0	15.0
Sinh học	19.0	18.5	22.5	18.0	20.0	15.0	17.0	15.0	-	16.5	-	15.0	-
SP Sinh học	35.0	30.0	30.0	24.0	26.0	18.0	21.0	20.5	-	21.0	-	18.0	-
Luật học	16.0	-	17.0	17.5	19.5	13.0	15.0	15.0	-	14.0	-	14.0	17.0
Ngữ văn	16.0	15.0	17.5	18.0	20.0	15.0	17.0	15.0	-	15.0	-	14.0	17.0
6P Ngữ văn	22.0	23.0	24.0	24.0	26.0	19.5	22.5	21.5	-	20.0	-	19.0	-
Lịch sử	16.0	17.0	20.0	17.5	19.5	15.5	17.5	15.0	-	15.0	-	14.0	-
Tiếng Anh	17.0	16.0	22.0	17.0	19.0	15.0	17.0	14.0	-	14.5	15.5	14.0	17.0
SP Tiếng Anh	32.0	23.5	28.0	22.5	24.5	20.0	23.0	-	-	19.0	-	20.0	-
VN học C/D1	16.0	14.0	17.0	18.5	20.5	14.0	16.0	15/14	-	14.0	-	14.0	15.0
SP Lịch sử	-	24.5	27.0	24.5	26.5	19.5	22.5	18.5	-	20.0	-	19.0	-
Quản trị Nông Lâm	-	-	17.0	11.0	13.0	-	-	-	-	-	-	-	-

Ngành	1997	1999	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Kinh tế Nông Lâm	-	-	17.0	-	-	12.0	15.0	14.0	15.0	15.0	16.0	14.0	15.0
Môi trường A	-	-	22.0	14.5	16.5	13.0	15.0	14.0	15.0	15.0	-	14.0	15.0
Môi trường B	-	-	-	18.0	22.0	15.0	17.0	15.0	15.0	15.0	-	14.0	15.0
Du lịch C	-	-	-	19.0	21.0	15.0	17.0	15.0	-	14.0	-	15.0	-
Du lịch D	-	-	-	19.5	21.5	14.0	16.0	14.0	-	14.0	-	15.0	-
Công tác XH- PTCD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-	14.0	15.0
Đông phương học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	-	14.0	15.0
CN thông tin	-	-	-	-	-	-	-	-	16.0	15.0	18.0	14.0	15.0
Kế toán	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	16.0	14.0	15.0
Nông học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	-	14.0	15.0
CN Sinh học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.0	-	17.0	-
Điện tử viễn thông	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	15.0
Xã hội học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	15.0
Văn hóa học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	15.0
Quốc tế học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	15.0

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH Đà Lạt tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D.
- Trường xét điểm trúng tuyển theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Hệ Cao đẳng của trường không tổ chức thi tuyển, mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã dự thi khối A, B theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT vào các trường Đại học trong cả nước để xét tuyển, trên cơ sở hồ sơ đăng ký của thí sinh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo Bộ GD&ĐT giao cho trường có xu hướng tăng năm (từ năm 2002 đến 2006) tăng 500 chỉ tiêu. Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường từ năm 2002 đến nay biến động không đáng kể nên tỉ lệ "chọi" của trường từ đó đến nay ở mức xấp xỉ bằng nhau. (Xem bảng 1).
- Điểm trúng tuyển giữa các ngành trong trường có sự chênh lệch. Năm 2006 điểm chuẩn vào các ngành có sự biến động đáng kể và tăng giảm không đều so với năm 2005. Các ngành Sư phạm thường lấy điểm chuẩn cao hơn các ngành khác, đặc biệt là SP Toán, SP Hóa, SP Sinh học, SP Ngữ văn (xem bảng 2).
- Điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 trung bình từ 1-2 điểm. (Xem bảng 2).
- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường từ năm 2002 đến nay nhìn chung không cao so với mặt bằng chung và so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Những bạn có lực học trung bình khá trở lên nếu có nguyện vọng sẽ có khả năng trở thành sinh viên của trường, tuy nhiên cũng cần xem xét lưu ý lựa chọn giữa các ngành để phù hợp với năng lực và sở thích.
- Từ những số liệu trên chúng tôi dự kiến sang năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không biến động.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

Địa chỉ: 5678 Đường Lê Duẩn, Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk

Điện thoại: 050.852290 - Fax: 050.855572

- Trường Đại học Tây Nguyên (ĐHTN) được thành lập ngày 11/11/1977.
- Trường ĐHTN chủ yếu tuyển thí sinh các tỉnh Tây Nguyên. Ngoài ra, trường có tuyển thí sinh các huyện xã miền núi (KV1) từ Quảng Ngãi đến Bình Thuận.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Sư phạm Toán - Tin; 2) Ngành SP Vật lý; 3) Ngành SP Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; 4) Ngành SP Ngữ văn; 5) Ngành SP Tiểu học; 6) Ngành SP Tiếng Anh; 7) Ngành SP Hóa học; 8) Ngành Giáo dục chính trị; 9) Ngành Sinh học

Chương trình đào tạo các ngành nêu trên của Trường ĐHTN cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên của Trường ĐHSP Tp.HCM, ĐH Quy Nhơn, ĐH Cần Thơ, ĐHSP (ĐH Đà Nẵng). Ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản thì sinh viên còn được trang bị các **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời sẽ được nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với những kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm và một số môn học mang tính đặc thù của trường... để khi ra trường cử nhân các ngành này sẽ **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu trong lĩnh vực có liên quan chuyên ngành...

1) Ngành Kinh tế nông lâm; 2) Ngành Quản trị kinh doanh; 3) Ngành Kế toán; 4) Ngành Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; 5) Ngành Quản lý đất đai; 6) Ngành Tài chính - Ngân hàng; 7) Ngành Bảo quản và chế biến nông sản; 8) Ngành Trồng trọt; 9) Ngành Chăn nuôi thú y; 10) Ngành Thú y; 11) Ngành Lâm sinh; 12) Ngành Tiếng Anh; 13) Ngành Tin học;

Sinh viên khi theo học các ngành có tên trên của Trường ĐHTN sẽ được trang bị các **kiến thức cơ bản** về khối Khoa học cơ bản, các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cũng như được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với một số môn học **bổ trợ kiến thức** cho ngành tương tự như chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM, ĐH An Giang... ngoài ra sinh viên còn được học các môn mang tính đặc thù của trường... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng kỹ năng nghiệp vụ vào lĩnh vực có liên quan tới chuyên ngành được đào tạo...

1) Ngành Y khoa; 2) Ngành Điều dưỡng; 3) Ngành Răng - Hàm - Mặt; 4) Ngành Dược sỹ

Khi học các ngành này sinh viên sẽ được cung cấp không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, mà còn có **kiến thức cơ bản về ngành**, bên cạnh các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, thí sinh viên cũng sẽ được trang bị những **kiến thức bổ trợ cho ngành**... giống như sinh viên học các ngành này của Trường ĐH Y dược Tp.HCM, ĐH Y (ĐH Huế)... Tốt nghiệp các ngành này sinh viên **có khả năng** công tác trong các ngành, các cơ quan, đơn vị có hoạt động liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ
2002	1.300	46.639	1/35.8
2003	1.300	14.249	1/10.9
2004	1.500	24.886	1/16.5
2005	1.500	19.275	1/12.8
2006	1.800	21.271	1/11.8

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	1998	2001	2002	2003		2004		2005		2006	
				NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Y khoa B	29.5	19.0	21.5	12.5	15.5	21.0	14.0	21.5	-	19.0	-
Kinh tế Nông Lâm A	22.0	14.5	10.5	5.0	7.0	14.0	15.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Lâm sinh B	15.0	14.0	11.0	6.0	9.0	15.0	14.0	15.0	15.0	14.0	14.0
Trồng trọt B	15.5	15.0	10.5	6.0	-	15.0	14.0	15.0	15.0	14.0	14.0
SP Toán - Tin A	30.5	21.5	16.5	12.5	14.5	17.0	-	18.5	-	16.0	-
SP Sinh - Kỹ thuật B	19.0	18.5	17.5	11.0	14.0	17.0	-	19.0	-	15.5	-
SP Ngữ văn C	19.0	16.5	16.0	12.0	15.0	15.0	-	15.0	-	17.5	-
Tiểu học A	25.5	17.5	12.0	10.0	12.0	14.0	14.0	15.0	-	14.0	-
Tiểu học C	25.5	16.5	16.0	11.0	14.0	15.0	-	15.0	-	17.0	-
SP Tiếng Anh D1	27.5	15.5	18.0	10.0	13.0	14.0	-	14.0	16.5	17.0	-
Chăn nuôi - Thú y B	19.0	13.5	10.5	6.0	9.0	15.0	14.0	15.0	15.0	14.0	14.0
Quản trị KD A	-	14.0	10.0	5.5	7.5	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	14.5
Bảo vệ thực vật B	-	14.0	12.5	6.0	9.0	15.0	15.0	15.0	15.0	14.0	14.0
Thú y B	-	13.5	10.5	6.0	9.0	15.0	15.0	15.0	16.0	14.0	14.0
Kế toán A	-	15.5	11.5	7.5	9.5	14.0	14.0	15.0	17.0	13.0	14.5
Quản lý đất đai A	-	16.0	12.5	6.0	8.0	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Quản lý đất đai B	-	16.5	17.0	6.0	8.0	14.0	15.0	15.0	-	13.0	-
SP Vật lý A	-	19.5	16.0	11.5	13.5	15.5	-	16.5	-	14.0	-
BQ & CB Nông sản B	-	-	-	5.0	7.0	14.0	15.0	15.0	-	13.0	13.0
CN Tin học A	-	-	-	-	-	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
QLTN Rừng & MT B	-	-	-	-	-	15.0	15.0	16.0	-	14.0	-
Điều dưỡng B	-	-	-	-	-	15.0	19.5	15.0	-	14.0	-
Giáo dục chính trị C	-	-	-	-	-	15.0	-	14.0	16.5	14.5	-
Răng - Hàm - Mặt B	-	-	-	-	-	-	-	16.5	-	23.0	-
Dược sỹ B	-	-	-	-	-	-	-	20.0	-	22.5	-
Sinh học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	15.0
Tiếng Anh	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.0	15.5

Ghi chú: - - Từ năm 2002 trở về trước ngành Chăn nuôi - Thú y có tên là ngành Chăn nuôi.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHTN chủ yếu tuyển thi sinh các tỉnh Tây Nguyên và thi sinh ở KV1, KV2-NT, KV2 từ Thừa Thiên Huế đến Bình Thuận và tuyển sinh các khối A, B, C, D.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành, khoa mà thi sinh đã ĐKDT.
- Ngành Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt và Dược sĩ liên kết đào tạo với Trường ĐH Y được Tp.HCM, 2 ngành học này chỉ tuyển sinh khu vực Tây Nguyên.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường hàng năm có xu hướng tăng lên. Tuy nhiên số lượng thi sinh ĐKDT vào trường từ năm 2002 đến nay tăng giảm không đều nên tỉ lệ "chọi" cũng không ổn định: Năm 2002 do số lượng thi sinh ĐKDT tăng đột biến nên tỉ lệ "chọi" rất cao (1/35.8), nhưng từ năm 2004 đến nay đã giảm xuống đáng kể song so với năm 2002, tuy nhiên so với mặt bằng chung nhất là ở khu vực phía Nam thì tỉ lệ này vẫn ở mức tương đối cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào trường so với các trường khác nhìn chung không cao, đặc biệt năm 2003 điểm trúng tuyển vào trường rất thấp (ngành lấy điểm cao nhất là ngành Y khoa, SP Toán - tin cũng chỉ là 12.5 điểm còn hầu hết dưới 10 điểm, có những ngành như: Kinh tế nông lâm, Bảo quản và chế biến nông sản thực phẩm chỉ lấy có 5 điểm). Từ sau khi Bộ GD&ĐT áp dụng việc tính điểm sàn cho các trường Đại học, Cao đẳng thì điểm trúng tuyển vào trường đã được nâng lên, thường bằng điểm sàn của Bộ. (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 có thể thấy điểm trúng tuyển NV2 của trường thường bằng hoặc cao hơn NV1 trung bình khoảng 1 điểm. Từ năm 2004 đến nay các ngành Sư phạm (khối A, C) thường chỉ tuyển NV1 và điểm chuẩn những ngành này luôn cao hơn những ngành khác trong trường (cùng khối). Điểm chuẩn các ngành thuộc nhóm ngành Y - Dược (khối B) cũng luôn cao hơn những ngành tuyển sinh khối B khác. (Xem chi tiết bảng 2).

- Điểm trúng tuyển vào trường từ năm 2004 đến nay có tăng lên so với những năm trước. Điều này cho thấy chất lượng đầu vào của trường ngày càng được nâng cao. Mặt khác điểm chuẩn giữa các ngành cũng có sự chênh lệch đáng kể: năm 2006 các ngành có điểm chuẩn cao là: ngành Răng - Hàm - Mặt (23 điểm), ngành Dược sĩ (22.5 điểm) trong khi một số ngành khác chỉ ở mức 13-14 điểm. Vì vậy, lưu ý các bạn nên cân nhắc trước khi chọn ngành vào trường đặc biệt là những bạn có lực học trung bình, trung bình khá.

- Từ năm 2005 đến nay trường ĐHTN Tây Nguyên mở thêm một số ngành học mới đồng thời mở ra cơ hội mới cho những thí sinh muốn trở thành sinh viên của trường.

- Qua số liệu của 2 bảng trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thi sinh ĐKDT vào trường sẽ không có biến động lớn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG

Địa chỉ: 119 Ấp Bắc, Phường 5, Tp.Mỹ Tho, Tiền Giang

Điện thoại: (073) 970101

- Trường Đại học Tiền Giang được thành lập ngày 06/06/2005 trên cơ sở hợp nhất 2 trường Cao đẳng Sư phạm Tiền Giang và Cao đẳng Cộng đồng Tiền Giang.
- Trường ĐH Tiền Giang hiện có 212 cán bộ, giảng viên, giáo viên cơ hữu trong đó có 3 Tiến sĩ, 6 Nghiên cứu sinh, 43 Thạc sĩ, 45 Học viên cao học.
- Trường đào tạo chính quy các hệ: Đại học, Cao đẳng, Trung cấp dạy nghề và Hệ Cao đẳng không chính quy. Trường ĐH Tiền Giang sẽ đào tạo liên thông từ Trung cấp nghề lên Đại học.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TIỀN GIANG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Sư phạm Toán; 2) Ngành Sư phạm Ngữ văn

Chương trình đào tạo hai ngành Sư phạm trên của Trường DHTG cũng giống như chương trình đào tạo 2 ngành cùng tên của Trường ĐHSP Tp.HCM, ĐHSP (ĐHĐN/ĐH Huế)... sinh viên khi theo học các ngành này sẽ được trang bị ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, còn có **kiến thức cơ bản về ngành**, cũng như sẽ được cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, đồng thời còn được học một số môn học **bổ trợ kiến thức cho ngành...** để khi ra trường sinh viên sẽ trở thành những giáo viên **có khả năng** giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

1) Ngành Kế toán; 2) Ngành Quản trị kinh doanh

Cũng tương tự chương trình đào tạo các chuyên ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM)... chương trình đào tạo các ngành này của Trường DHTG cũng cung cấp cho sinh viên không chỉ **kiến thức chung** cho tất cả các ngành mà còn cung cấp **kiến thức cơ bản về ngành**, đồng thời sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, và còn được học một số **kiến thức bổ trợ cho ngành...** để khi học xong cử nhân các ngành này **có khả năng** làm việc độc lập trong các lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

Bảng 1. Chỉ tiêu tuyển sinh, số lượng đăng ký và tỉ lệ chọi của trường năm 2006.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỉ lệ chọi
2006	350	6.124	1/17.5

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành năm 2006.

Sư phạm Toán		Sư phạm Ngữ văn		Kế toán		Quản trị kinh doanh	
NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
16.0	17.0	14.0	15.5	13.0	14.5	13.0	14.0

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Mùa tuyển sinh đầu tiên Trường ĐH Tiền Giang tuyển những thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre và một phần tỉnh Đồng Tháp; Trường tuyển sinh các khối A, C.

- Trường ĐH Tiền Giang xét điểm trúng tuyển theo ngành học.

- Ngành Sư phạm chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Tiền Giang, riêng ngành SP Toán tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở 3 tỉnh: Tiền Giang, Long An và Bến Tre.

- Hệ Cao đẳng không thi mà xét tuyển những thí sinh đã dự thi Đại học khối A, B, C, D1 theo đề thi chung của Bộ, trên cơ sở hồ sơ đăng ký của thí sinh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu tuyển sinh mà Bộ GD&ĐT giao cho trường không nhiều nhưng số lượng thí sinh ĐKDT đông nên tỉ lệ "chọi" của trường so với mặt bằng chung khá cao.

- Điểm trúng tuyển vào trường nhìn chung không cao so với mặt bằng chung và ở mức bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định (trừ ngành Sư phạm Toán lấy điểm trúng tuyển cao hơn điểm sàn 3 điểm). (Xem bảng 2).

- Nhìn vào bảng 2 bạn sẽ thấy điểm chuẩn NV2 cao hơn NV1 từ 1-1.5 điểm. Đồng thời cũng thấy điểm trúng tuyển giữa các ngành của Trường ĐH Tiền Giang cũng có sự chênh lệch: các ngành Sư phạm có điểm chuẩn cao hơn các ngành Kinh tế, ngành Sư phạm Toán (khối A) có điểm trúng tuyển NV1 cao nhất (16 điểm), trong khi điểm trúng tuyển ngành Kế toán, Quản trị kinh doanh chỉ là 13 điểm. Điều này cũng lưu ý bạn khi chọn ngành thi vào trường.

- Năm 2006 điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường so với các trường khác đặc biệt là các ngành Sư phạm thấp hơn rất nhiều (Ví dụ: ngành Sư phạm Toán của trường lấy 16 điểm trong khi ở Trường ĐHSP Tp.HCM điểm chuẩn của ngành này lại lấy 23.5 điểm, Trường ĐH Quy Nhơn lấy 18 điểm; ngành Sư phạm Ngữ văn của trường có điểm chuẩn là 14 điểm thấp hơn 4 điểm so với Trường ĐH Quy Nhơn...). (Xem chi tiết bảng 2 các trường).

- Từ những số liệu trên chúng tôi dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng nhưng không đáng nhiều

TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG

Địa chỉ: Đường Võ Thị Sáu, Tp.Long Xuyên

Điện thoại: 076.846074 - 847567 - Website: <http://www.agu.edu.vn/>

- Trường Đại học An Giang (ĐHAG) được thành lập tháng 12/1999, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ đa ngành, đa lĩnh vực, đồng thời là TT nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh An Giang và các tỉnh lân cận.
- Trường đào tạo các bậc: Đại học, Cao đẳng... với các cấp độ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ giảng viên của trường đều có trình độ cao, có tâm huyết và tận tụy với nghề.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN GIANG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Chăn nuôi - Thú y

Ngành Chăn nuôi - Thú y trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, của Sinh học: Vi tích phân - Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê - Hóa học - Cơ thể học gia súc - Sinh hóa động vật... và các **kiến thức cơ bản** về Chăn nuôi - Thú y: Bệnh học - Tổ chức học động vật - Sinh lý gia súc - Vi sinh - Sinh lý tiêu hóa gia súc nhai lại - Dược lý thú y - Dinh dưỡng gia súc - Thức ăn gia súc - Vi sinh chuyên ngành chăn nuôi, thú y - Di truyền và chọn giống gia súc - Thụ tinh nhân tạo - Đồng cỏ và thức ăn gia súc nhai lại... đồng thời ngành còn cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành** như:

+ **Chuyên ngành Chăn nuôi:** Chăn nuôi gia cầm - Chăn nuôi heo - Chăn nuôi trâu, bò - Chăn nuôi dê, cừu, thỏ - Chăn nuôi chó, mèo - Hệ thống canh tác kết hợp dựa trên vật nuôi - Vệ sinh môi trường chăn nuôi - Thống kê và phép thí nghiệm chăn nuôi & thú y - Quản lý sản xuất chăn nuôi...

+ **Chuyên ngành Thú y:** Chẩn đoán xét nghiệm - Nội khoa gia súc - Sản khoa gia súc - Ngoại khoa gia súc - Bệnh truyền nhiễm gia súc & gia cầm - Bệnh ký sinh gia súc - Kiểm nghiệm sản phẩm gia súc...

Sau khi tốt nghiệp Kỹ sư ngành Chăn nuôi - Thú y **có khả năng** quản lý, chăm sóc các trại chăn nuôi và khả năng giảng dạy bộ môn này tại các trường có đào tạo chuyên ngành.

Sinh viên học ngành Chăn nuôi - Thú y sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Chăn nuôi, Viện Khoa học nông nghiệp VN, Viện Nghiên cứu Hải sản, các Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản; TT Khuyến nông Quốc gia, TT Khuyến ngư VN...

+ Các Cục, Vụ: Cục Thú y, Cục Nông nghiệp, Cục Quản lý Chất lượng An toàn vệ sinh và Thú y thủy sản, Vụ Nuôi trồng thủy sản...

+ Các nông, lâm trường, các vườn Quốc gia, các trạm, trại chăn nuôi trên toàn quốc.

+ Các Cty, T.Cty hoạt động sản xuất, kinh doanh trong ngành chăn nuôi, sản xuất thức ăn chăn nuôi: T.Cty Chăn nuôi VN, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị trực thuộc: Cty

Giống gia súc lớn Trung ương, các Cty Chăn nuôi, Cty Giống chăn nuôi, Cty Thức ăn chăn nuôi Trung ương, các Nhà máy thức ăn chăn nuôi...

+ Các phòng chức năng: Chăn nuôi, Kỹ thuật... tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của 64 tỉnh, thành phố trong cả nước.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các chuyên ngành Chăn nuôi - Thú y.

Ngành Trồng trọt

Sinh viên học ngành Trồng trọt sẽ có được kiến thức chung về Toán, Lý, Hóa, Sinh: Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê - Vật lý - Hóa học - Hóa phân tích - Vi sinh - Sinh học... cùng những kiến thức cơ bản dành cho ngành: Chăn nuôi - Thủy sản - Khí tượng và thủy văn nông nghiệp - Địa chất - Thủy nông - Di truyền học - Thổ nhưỡng - Sinh lý thực vật - Sinh thái học và hệ sinh thái nông nghiệp - Thống kê và phép thí nghiệm - Nông hóa - Quy hoạch và đánh giá sử dụng đất nông nghiệp - Kỹ thuật phòng thí nghiệm... bên cạnh đó sinh viên được đi vào nghiên cứu kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành: Bệnh cây trồng - Cây lúa - Côn trùng trong nông nghiệp - Cỏ dại và cách phòng trừ - Chọn giống cây trồng - Hóa bảo vệ thực vật và IPM - Cây rau quả - Cây lương thực - Cây công nghiệp dài ngày - Cây công nghiệp ngắn ngày ... ngoài ra sinh viên còn được cung cấp những kiến thức bổ trợ chuyên ngành: Cơ khí nông nghiệp - Lâm nghiệp - Kỹ thuật tồn trữ - bảo quản nông sản - Kinh doanh nông nghiệp - Luật bảo vệ môi trường và bảo vệ thực vật - Hệ thống canh tác bền vững ... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên có khả năng lai tạo, nhân giống và bảo quản các loại giống tốt, thực hiện thí nghiệm hoàn chỉnh một giống cây, nhân rộng, tổ chức sản xuất đại trà với trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến...

Sau khi tốt nghiệp ngành Trồng trọt sinh viên có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT: Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật nông nghiệp, Viện Di truyền nông nghiệp, Viện Thổ nhưỡng nông hóa, Viện Cây lương thực và Cây thực phẩm, Viện Nghiên cứu rau quả, Viện Bảo vệ thực vật; TT Khuyến nông Quốc gia, TT Tài nguyên thực vật...

+ Các Cục, Vụ: Cục Nông nghiệp, Cục Bảo vệ thực vật, Cục Chế biến nông lâm sản và nghề muối, Vụ Khoa học công nghệ...

+ Các T.Cty Lương thực, T.Cty Cao su VN, T.Cty Chè VN, T.Cty Cà phê VN, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị thành viên: Cty Giống cây trồng Trung ương, các Cty Giống cây trồng ở các tỉnh, Cty Giống lâm nghiệp Trung ương, Cty Phân bón, Cty Phân lân, Cty Phân đạm...

+ Các phòng chức năng: Nông lâm nghiệp, Trồng trọt, Chế biến nông lâm sản và ngành nghề nông thôn... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các Nông, Lâm trường trên địa bàn toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Trồng trọt.

Ngành Phát triển nông thôn

Khi theo học ngành Phát triển nông thôn sinh viên không chỉ được trang bị các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản: Vi tích phân - Đại số tuyến tính - Xác suất thống kê - Sinh thái học - Sinh học - Hóa học - Vật lý..., cùng với khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành: Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Phương pháp (PP) nghiên cứu - PP truyền thông - Thực vật học - Động vật học - Vi sinh vật học - Khí tượng và thủy văn nông nghiệp - Đánh giá và quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp - Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý - Quản lý môi trường, tài nguyên thiên nhiên và vật liệu - Hệ thống canh tác bền vững - Chăn nuôi - Lâm sinh học - Thủy sản - Trồng trọt - Chế biến thực phẩm - Cơ khí

nông nghiệp... mà còn được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành về: Phát triển nông thôn, Kỹ thuật sản xuất nông nghiệp**... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** tổ chức và quản lý các loại hình sản xuất trong cộng đồng, nhằm truyền đạt thông tin, chuyển giao các thành tựu khoa học kỹ thuật vào sản xuất, có khả năng tìm ra các giải pháp tác động vào cộng đồng góp phần nâng cao đời sống và phân tích năng lực cộng đồng ở nông thôn...

Sinh viên học chuyên ngành Phát triển nông thôn sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

- + Các Viện, TT: Viện Quy hoạch và Phát triển nông thôn, Viện Quy hoạch đô thị nông thôn, Viện Tư vấn phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi, Viện Nghiên cứu chính sách dân tộc và miền núi; TT Khuyến nông Quốc gia, các TT Khuyến nông khuyến lâm của các tỉnh, thành phố trên cả nước...

- + T.Cty Xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, T.Cty Cơ điện - Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi, T.Cty Chăn nuôi VN, T.Cty Thủy sản VN, T.Cty Máy động lực và Máy nông nghiệp, T.Cty Rau quả, nông sản VN... và các Cty, đơn vị thành viên.

- + Hợp tác xã Khuyến nông, Khuyến lâm ở các quận, huyện trong toàn quốc.

- + Các phòng chức năng: Chính sách nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch - Đầu tư... tại các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của 64 tỉnh, thành phố.

- + Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo chuyên ngành Phát triển nông thôn.

1) Ngành Sư phạm (SP) Toán - Tin học; 2) Ngành SP Vật lý - Kỹ thuật nông nghiệp; 3) Ngành SP Hóa - Sinh; 4) Ngành SP Sinh - Kỹ thuật nông nghiệp; 5) Ngành SP Văn - Giáo dục công dân; 6) Ngành SP Sử - Giáo dục công dân; 7) Ngành SP Sử - Địa; 8) Ngành SP Âm nhạc; 9) Ngành SP Hội họa; 10) Ngành SP Giáo dục Tiểu học

Cũng như sinh viên các ngành cùng tên trên của Trường ĐHSP.Tp.HCM... sinh viên học các ngành này của Trường ĐH An Giang cũng được trang bị các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, và khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** đồng thời còn được học một số môn học mang chức năng riêng của trường... để khi tốt nghiệp sinh viên các ngành này **có khả năng** giảng dạy tại các cơ sở đào tạo, hoặc làm công tác nghiên cứu tại các Viện, các TT....

1) Ngành Tài chính Doanh nghiệp; 2) Ngành Quản trị kinh doanh

Trường ĐH An Giang trang bị cho sinh viên các ngành: Tài chính doanh nghiệp; Quản trị kinh doanh khối **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như khối kiến thức mà sinh viên học ngành cùng tên của Trường ĐH Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh được đào tạo... ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học mang đặc điểm riêng của trường... để khi ra trường sinh viên **có khả năng** làm công tác tại các đơn vị lao động có liên quan đến lĩnh vực được đào tạo hoặc làm công tác giảng dạy ở các cơ sở có đào tạo chuyên ngành.

1) Ngành Kế toán doanh nghiệp; 2) Ngành Kỹ thuật môi trường; 3) Ngành Nuôi trồng thủy sản

Giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên trên của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM, chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐH An Giang cũng sẽ cung cấp cho sinh viên bên cạnh những **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản là những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời sinh viên còn được học các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** bên cạnh một số môn

học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành... để sau khi ra trường sinh viên các chuyên ngành **có khả năng** làm việc độc lập tại các cơ quan nghiên cứu, các nhà máy xí nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh liên quan đến lĩnh vực được đào tạo...

1) Ngành Công nghệ thực phẩm; 2) Công nghệ sinh học

Ngoài các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** được trang bị tương tự sinh viên ngành Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM)... sinh viên học các ngành này của Trường ĐH An Giang còn được cung cấp một số môn học mang tính đặc thù riêng của trường... để khi học xong sinh viên **có khả năng** đảm nhận việc thiết kế, quản lý và nghiên cứu Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sinh học tại các cơ quan, nhà máy, xí nghiệp...

Ngành Kinh tế đối ngoại

Trường ĐH An Giang trang bị cho sinh viên ngành Kinh tế đối ngoại các **kiến thức chung, kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên ngành cùng tên của Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), ĐH Ngân hàng Tp.HCM... ngoài ra sinh viên còn được học một số môn học mang đặc điểm riêng của trường... để sau khi ra trường sinh viên **có khả năng** phân tích đánh giá hiệu quả kinh doanh xuất nhập khẩu, sự biến động của tỉ giá hối đoái và đầu tư quốc tế, xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách thương mại và các dự án đầu tư trong và ngoài nước.

Ngành Tin học

Cũng như sinh viên ngành Tin học của Trường ĐH GTVT Tp.HCM ... sinh viên ngành Tin học của Trường ĐH An Giang cũng được trang bị các **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** về ngành và **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** đồng thời còn được học một số môn học mang chức năng riêng của trường... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** phân tích thiết kế, triển khai cài đặt các hệ thống tin học, nghiên cứu và phát triển về hệ thống thông tin và phát triển máy tính, triển khai các loại hình ứng dụng trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quốc phòng...

Ngành VN học (Văn hóa du lịch)

Trên nền những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành thì sinh viên ngành VN học của Trường ĐH An Giang còn được đào tạo để có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự sinh viên ngành cùng tên của trường ĐHSP Tp.HCM... để sau khi ra trường sinh viên **có thể** tác nghiệp ở các Viện Nghiên cứu, các cơ quan, đơn vị hoạt động có liên quan đến chuyên ngành...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
2000	600	13.671	1/22.7
2001	800	20.217	1/25.2
2002	1.200	10.325	1/8.6
2003	1.250	21.291	1/17.0
2004	1.350	18.312	1/13.5
2005	1.400	16.068	1/11.4
2006	1.510	15.488	1/10.3

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành.

Ngành	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
			NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
SP Toán	25.0	21.0	17.0	19.0	14.0	15.0	17.0	17.0	19.5	20.5	15.5	19.0
Tài chính DN	12.5	11.0	8.0	9.0	9.0	10.0	14.0	14.0	15.0	16.5	13.0	14.5
Kế toán DN	12.0	12.5	8.0	9.0	9.5	10.5	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	-
SP Tiếng Anh	22.0	23.0	19.0	21.0	18.5	20.5	18.5	18.5	20.0	21.0	22.5	-
SP Ngữ văn	22.0	24.0	20.0	22.0	14.0	15.0	17.0	17.0	16.5	17.5	17.0	-
SP Vật lý	-	19.5	16.0	18.5	12.0	13.0	16.0	16.0	18.0	20.0	15.5	16.5
SP Hóa học	-	20.0	17.5	20.0	12.5	13.5	17.0	17.0	19.5	20.5	16.0	-
Tin học	-	13.0	8.0	9.0	9.5	10.5	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	14.0
C.Nghệ thực phẩm	-	12.5	9.5	10.5	13.0	14.0	14.5/15.5	14.5/15.5	15.0	15.0	14.0	15.0
PT nông thôn A/B	-	11.0	8.0	9.0	9.0	10.0	14/15	14/15	15.0	-	13.0	14.0
SPGD chính trị C/D1	-	17.0	12.0	13.0	12.5	13.5	15/14	15/14	15.0	16.0	15.5	17.0
SP Lịch sử	-	-	22.0	24.0	13.0	14.0	17.0	17.0	16.5	17.5	17.5	-
Quản trị KDNN	-	-	8.0	9.0	9.0	10.0	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	14.0
SP Sinh học	-	-	16.5	19.0	13.0	14.0	16.0	16.0	16.0	21.5	15.5	16.5
CN sinh học A/B	-	-	9.0	10.0	12.5	13.5	14.5/15.5	14.5/15.5	17.0	18.0	14.0	15.0
SP Địa lý	-	-	-	-	-	-	16.5	-	16.0	17.0	17.0	-
Kinh tế đối ngoại	-	-	-	-	-	-	14.0	14.0	15.0	15.0	13.0	14.0
Nuôi trồng thủy sản	-	-	-	-	-	-	14/15	14/15	16.0	16.0	14.0	15.0
SPGD tiểu học	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	15.5	14.0	15.0
Kỹ thuật MT	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	15.0	13.0	15.0
Toán - Toán tin	-	-	-	-	-	-	-	-	16.5	-	-	-
Vật lý - KTCN	-	-	-	-	-	-	-	-	14.5	-	-	-
Hóa - Sinh	-	-	-	-	-	-	-	-	16.5	-	-	-
Sinh - KTCN	-	-	-	-	-	-	-	-	12.0	-	-	-
Sử - GDCC	-	-	-	-	-	-	-	-	15.5	-	-	-
Văn - GDCC	-	-	-	-	-	-	-	-	15.0	-	-	-
Sử - Địa	-	-	-	-	-	-	-	-	16.0	-	-	-
Chăn nuôi	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	15.0
Trồng trọt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	15.0
VN học	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.5	15.5

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐH An Giang tuyển sinh các khối A, B, C, D1.
- Các ngành Đại học Sư phạm chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang và huyện Thốt Nốt của Tp.Cần Thơ.
- Các ngành ngoài Sư phạm tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú tại An Giang và các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.
- Trường lấy điểm chuẩn theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

- Ngành Sư phạm Tiếng Anh điểm môn Tiếng Anh nhân hệ số 2.

- Hệ Cao đẳng Sư phạm không tổ chức thi mà lấy điểm kế cận điểm Đại học và chỉ lấy các thí sinh thường trú tại tỉnh An Giang. với các ngành Sư phạm: Toán - Tin, Vật lý - Kỹ thuật công nghiệp, Hóa - Sinh, Văn - Sử, Văn - GDCD, Địa - Sử, Thể dục, Âm nhạc, Hội họa, Tiểu học.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐH An Giang có biểu đồ đi lên. (Bảng 1).

- Năm 2002 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường giảm đột ngột do đây là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh "3 Chung" vì thế tỉ lệ "chọi" của năm này thấp hơn những năm khác. Đến năm 2003 số lượng thí sinh ĐKDT đông trong khi chỉ tiêu chỉ tăng hơn năm trước 50 chỉ tiêu nên tỉ lệ "chọi" cao gấp đôi năm 2002. Mặc dù so với một bằng chung thì tỉ lệ "chọi" của trường vẫn ở mức khá cao tuy nhiên, mấy năm gần đây lại có xu hướng giảm dần do số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không đông như trước. (Xem chi tiết bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành của Trường ĐH An Giang có năm cao, có năm thấp và điểm chuẩn giữa các ngành có sự chênh lệch khá lớn. Ví dụ: điểm chuẩn của ngành Sư phạm Toán năm 2005 tăng so với năm 2004 nhưng đến năm 2006 lại giảm và thấp hơn so với năm 2004, 2005; ngành Sư phạm Vật lý cũng vậy, trong khi đó điểm chuẩn ngành Sư phạm Tiếng Anh từ năm 2004 đến nay vẫn tăng lên; Nhìn vào bảng 2 cũng có thể thấy điểm chuẩn vào các ngành Sư phạm (khối A) vẫn cao hơn hẳn các ngành khác (cùng khối A). Điều này lưu ý bạn khi chọn ngành trong trường. (Xem bảng 2).

- Điểm trúng tuyển của trường so với một bằng chung không cao; đối chiếu với điểm sàn của Bộ GD&ĐT thì hầu như chỉ có một số ngành thuộc khối ngành Sư phạm mới lấy điểm chuẩn cao hơn điểm sàn, còn lại đều lấy bằng điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định.

- Điểm trúng tuyển NV2 so với NV1 nhìn chung chênh nhau không lớn, thường chỉ cao hơn NV1 trung bình 1 điểm. Riêng năm 2004 điểm trúng tuyển NV2 lấy bằng điểm NV1. Năm 2006 chỉ có ngành Sư phạm Toán lấy điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 tới 4.5 điểm, điểm trúng tuyển NV2 ngành Sư phạm Giáo dục chính trị cao hơn so với NV1 là 1.5 điểm, các ngành còn lại cũng chỉ lấy điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 là 1 điểm. (Xem bảng 2).

- Từ những đặc điểm trên có thể thấy nếu bạn không có học lực khá giỏi thì không nên ĐKDT vào những ngành Sư phạm trong trường, những bạn có học lực trung bình khá cũng nên thận trọng ĐKDT, lưu ý so sánh điểm chuẩn giữa các ngành để có sự lựa chọn về ngành cho phù hợp với khả năng, sở thích.

- Từ năm 2005 trường cũng đã đào tạo thêm một số ngành mới mở ra nhiều cơ hội lựa chọn hơn.

- Qua các số liệu của bảng 1 và bảng 2 chúng tôi dự đoán năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có biến động nhưng không đáng kể.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: 783 Phạm Hữu Lầu - Phường 6 - Thị Xã Cao Lãnh - Đồng Tháp

ĐT: (84) 067- 881518 - Fax: (84) 067- 881713 - Website: <http://www.pud.edu.vn/>

- Trường Đại học Sư phạm (ĐHSP) Đồng Tháp được thành lập 10/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở trường Cao Đẳng Sư phạm Đồng Tháp.
- Trường ĐHSPT Đồng Tháp là cơ sở đào tạo giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông các cấp học cho tỉnh Đồng Tháp và vùng Đồng Bằng Sông Cửu Long...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐỒNG THÁP ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Sư phạm Toán học; 2) Ngành Sư phạm Tin học; 3) Ngành Sư phạm Vật lý; 4) Ngành Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp; 5) Ngành Sư phạm hóa học; 6) Ngành Sư phạm Sinh học - Kỹ thuật nông nghiệp; 7) Ngành Sư phạm Ngữ văn; 8) Ngành Sư phạm Lịch sử; 9) Ngành Sư phạm Địa lý; 10) Ngành Sư phạm Giáo dục chính trị; 11) Ngành Sư phạm Tiếng Anh; 12) Ngành Sư phạm Mỹ thuật; 13) Ngành Sư phạm Giáo dục Tiểu học; 14) Ngành Sư phạm Giáo dục Mầm non; 15) Ngành Sư phạm Giáo dục Thể chất

Nội dung chương trình đào tạo các ngành Sư phạm có tên trên của trường ĐHSPT Đồng Tháp cũng giống như chương trình đào tạo các ngành Sư phạm cùng tên của trường ĐHSPT Tp.HCM, ĐHSPT (ĐH Đà Nẵng).... Sinh viên khi theo học 1 trong các ngành này sẽ được cung cấp không chỉ có khối **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** dành cho ngành, mà còn được đào tạo để có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cũng như sẽ được trang bị **kỹ năng nghiệp vụ** về sư phạm.... Tốt nghiệp, sinh viên các ngành Sư phạm này **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu, ứng dụng tại các cơ sở có đào tạo chuyên ngành hoặc các cơ quan, đơn vị có hoạt động liên quan đến chuyên ngành...

Ngành Khoa học máy tính

Tương tự như sinh viên chuyên ngành Khoa học máy tính của trường ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM), sinh viên ngành Khoa học máy tính của trường ĐHSPT Đồng Tháp cũng được học các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời cũng sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi ra trường Cử nhân ngành này **có khả năng** nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin của xã hội, có năng lực tham mưu, tư vấn và có khả năng tổ chức thực hiện nhiệm vụ với tư cách của một chuyên viên trong lĩnh vực công nghệ thông tin...

Ngành Quản trị kinh doanh

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh nhằm trang bị những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản về ngành**, cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... cũng giống như khối kiến thức mà Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM... trang bị cho sinh viên chuyên ngành cùng tên để sau khi học xong Cử nhân ngành này **có khả năng** quản lý kinh doanh tại các Cty, đơn vị sản xuất kinh doanh trên mọi lĩnh vực kinh tế...

Ngành Công tác xã hội

Cũng giống như sinh viên học ngành Công tác xã hội của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM)... sinh viên ngành này của Trường ĐHSPT Đồng Tháp cũng được đào tạo từ những **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, sau đó được trang bị **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, để trên nền những kiến thức đó sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... Ra trường, Cử nhân ngành Công tác xã hội **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Bảng 1. Số lượng thí sinh đăng ký dự thi

Năm	Chỉ tiêu	Số lượng ĐKDT	Tỉ lệ "chơi"
2003	210	6.060	1/28.9
2004	550	6.695	1/12.2
2005	950	7.237	1/6.9
2006	1.650	9.481	1/5.7

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành qua các năm

Ngành	Khối thi	2003		2004		2005		2006	
		NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Sư phạm Toán học	A	17.0	17.0	17.0	18.0	18	-	16.0	-
Sư phạm Ngữ văn	C	17.0	17.0	15.0	16.5	15.5	-	16.0	-
Sư phạm Giáo dục chính trị	C	15.0	15.0	15.0	15.0	14.0	-	14.0	-
Sư phạm Tiếng Anh	D1	21.0	21.0	17.0	21.5	20.0	-	19.5	-
SP Giáo dục Tiểu học	D1	15.0	15.0	14.0	16.0	14.0	14.0	13.0	14.0
Sư phạm Vật lý	A	-	-	15.5	16.0	17.0	-	15.0	-
Khoa học máy tính (CNTT)	A	-	-	15.5	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Sư phạm Hóa học	A	-	-	15.5	-	20.0	-	15.0	-
Sư phạm Sinh học - KTNN	B	-	-	17.0	17.0	17.0	-	14.0	14.0
Quản trị kinh doanh	A	-	-	15.5	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
SP Giáo dục Thể chất	T	-	-	21.5	-	20.0	-	17.5	-
Sư phạm Lịch sử	C	-	-	15.0	15.0	15.5	-	15.5	-
Sư phạm Địa lý	C	-	-	-	-	15.5	-	15.5	-
Sư phạm Tin học	A	-	-	-	-	15.0	15.0	14.0	14.0
Sư phạm KTCN	A	-	-	-	-	15.0	15.0	13.0	13.0
Công tác xã hội	C	-	-	-	-	14.0	-	14.0	14.0
Công tác xã hội	D1	-	-	-	-	14.0	14.0	13.0	13.0
Sư phạm Mỹ thuật	H	-	-	-	-	17.5	-	18.0	-
SP Giáo dục Mầm non	M	-	-	-	-	14.0	-	14.0	-
Khoa học môi trường	B	-	-	-	-	-	-	14.0	13.0
Kế toán	A	-	-	-	-	-	-	13.0	13.0
Quản lý đất đai	A	-	-	-	-	-	-	13.0	13.0
VN học (VH du lịch)	C	-	-	-	-	-	-	16.0	-
VN học (VH du lịch)	D1	-	-	-	-	-	-	15.0	-
Tiếng Anh	D2	-	-	-	-	-	-	15.5	15.5

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐHSP Đồng Tháp tuyển sinh trong cả nước các ngành ngoài sư phạm, còn các ngành Sư phạm chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.
- Trường tuyển sinh các khối: A, B, C, D1, H, M, T.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành học.
- Hệ Cao đẳng không tổ chức thi mà xét tuyển thí sinh trong vùng tuyển đã dự thi vào các trường Đại học khối A, B, C, D1 và có nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển. Riêng các khối H, M, N, T sẽ tổ chức thi tuyển.

2) Một số lưu ý:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường tăng rất nhanh, chỉ trong vòng 4 năm được thành lập chỉ tiêu đào tạo đã tăng lên gấp 8 lần, tuy nhiên tỉ lệ "chọi" của trường lại giảm dần, đến năm 2005, 2006 tỉ lệ này ở mức không cao so với mặt bằng chung. (Xem bảng 1).
- Hàng năm trường mở thêm rất nhiều ngành học mới, mở ra cơ hội mới cho thí sinh muốn trở thành sinh viên của trường. Mặt khác nhìn vào bảng 2 bạn sẽ thấy điểm trúng tuyển vào trường không phải là cao so với mặt bằng chung và chỉ ở mức bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định hoặc cao hơn từ 1 - 2 điểm. Đây cũng là điểm thuận lợi cho những thí sinh khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TP.HCM

Địa chỉ: 144/24 Điện Biên Phủ, P.25, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: 84-08-5120254 - Fax : 84-08-5120786 - Website: <http://www.hutech.edu.vn/>

- Trường Đại học Dân lập Kỹ thuật Công nghệ (ĐHDL KTCN) Tp.HCM được thành lập ngày 26/4/1995 là trường đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao trước mắt và lâu dài cho sự nghiệp công nghệ hóa, hiện đại hóa của đất nước.
- Trường ĐHDL KTCN Tp.HCM đào tạo các bậc: Đại học bậc cao, Trung cấp, Cao đẳng và Đại học với các loại hình đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐH DL KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ TP.HCM ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Cơ khí tự động & Robot

Nội dung chương trình đào tạo ngành Cơ khí tự động & Robot nhằm trang bị cho sinh viên những **kiến thức chung** về Toán, Lý, Hóa, Tin học; Đại số - Phương pháp tính - Vật lý - Hóa học - Tin học - Lập trình ngôn ngữ C..., bên cạnh các **kiến thức cơ bản** về ngành Cơ khí nói chung: Cơ lý thuyết - Sức bền vật liệu - Kỹ thuật điện - Vật liệu kỹ thuật - Kỹ thuật điện tử - Dung sai & Đo lường cơ khí - Cơ sở thiết kế máy - Kỹ thuật số - Đồ án thiết kế truyền động cơ khí - Kinh tế kỹ thuật - An toàn lao động... và các **kiến thức cơ bản** về Cơ khí tự động & Robot: Xử lý và nhận dạng trong Robot - Cơ sở thiết kế Robot - Động lực học Robot - Kỹ Thuật Lập Trình - Kỹ thuật điều khiển tự động - Cảm biến..., đồng thời sinh viên chuyên ngành này còn được cung cấp khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kỹ thuật cơ khí - Hệ thống điều khiển máy tính - Điều khiển thủy lực & khí nén - Đồ án thiết kế Robot - Máy điều khiển theo chương trình số ... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** tổ chức khai thác, đảm bảo kỹ thuật các hệ thống cơ khí, máy móc sản xuất cơ khí, người máy; có khả năng thiết kế, giám sát, chế tạo các thiết bị, hệ thống tự động cơ khí và người máy...

Ngành Cơ - Tin học kỹ thuật

Tương tự chương trình đào tạo ngành Cơ khí tự động & Robot, ngành Cơ - Tin học kỹ thuật cũng cung cấp cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** về khối A, về Tin học, mà còn có những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành Cơ khí giống như khối kiến thức này của ngành Cơ khí tự động & Robot. Ngoài ra, khi theo học ngành này sinh viên còn được đào tạo để có **kiến thức cơ bản về chuyên ngành**: Phương pháp phần tử hữu hạn - Kỹ thuật nhiệt... để từ đó sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: CAD/CAM - Công nghệ chế tạo máy - Kỹ thuật điều khiển tự động - Điều khiển thủy lực & khí nén - Kỹ thuật thiết kế khuôn mẫu - Đồ án công nghệ chế tạo máy - Điều khiển lập trình PLC & máy tính... Ra trường, Kỹ sư ngành Cơ - Tin học kỹ thuật **có khả năng** tổ chức khai thác, đảm bảo kỹ thuật các hệ thống tự động cơ điện, các trang thiết bị tự động có ứng dụng công nghệ thông tin; có khả năng thiết kế, chế tạo các thiết bị hoặc các bộ phận thiết bị; có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học và giảng dạy trong lĩnh vực cơ khí - tin học kỹ thuật...

Sinh viên học các ngành Cơ khí tự động và Robot, ngành Cơ - Tin học kỹ thuật sau khi tốt nghiệp có thể làm việc tại:

+ Các Viện, TT, Tổng cục, Vụ: Viện Cơ học ứng dụng, Viện Nghiên cứu cơ khí, các TT Lập trình phần mềm, Tổng Cục Công nghiệp Quốc phòng, Vụ Cơ khí luyện kim và hóa chất...

+ T.Cty Máy động lực và Máy nông nghiệp, T.Cty Máy và Thiết bị công nghiệp, T.Cty Lắp máy VN, T.Cty Cơ khí công nghiệp, TĐ Công nghiệp Ô tô VN... và hàng loạt các xí nghiệp, Cty trực thuộc ở nhiều tỉnh, thành phố trong cả nước: Cty Chế tạo động cơ, Cty Cơ giới và Xây lắp, Cty Cơ giới, lắp máy và xây dựng, Cty Thi công cơ giới và Lắp máy...

+ Các phòng chức năng: Quản lý sản xuất công nghiệp, Quản lý kỹ thuật và an toàn công nghiệp, Quản lý công nghệ... tại Sở Công nghiệp, Sở Khoa học và Công nghệ... ở 64 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo các ngành Cơ khí tự động & Robot, ngành Cơ - Tin học kỹ thuật.

Ngành Công nghệ thông tin (bao gồm các chuyên ngành: Công nghệ phần mềm, Hệ thống thông tin, Mạng máy tính và viễn thông, Kỹ thuật máy tính)

Cũng giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành cùng tên trên của Trường ĐHBK, ĐH KHTN, ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM), chương trình đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐHDLC KTCN Tp.HCM cũng bao gồm các *kiến thức chung* dành cho khối Khoa học Tự nhiên, của Tin học, cùng những *kiến thức cơ bản* về Công nghệ thông tin, đồng thời sinh viên cũng được đi vào nghiên cứu *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*.... Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ *có khả năng* tổ chức khai thác có hiệu quả phần mềm ứng dụng trong công nghệ điều khiển, các hệ thống kỹ thuật, mạng máy tính, viễn thông, có khả năng thiết kế phần mềm phục vụ công tác quản lý, khoa học, kinh tế...

1) Ngành Điện tử viễn thông; 2) Ngành Điện công nghiệp; 3) Ngành Công nghệ tự động; 4) Ngành Công nghệ sinh học; 5) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 6) Ngành Xây dựng cầu đường; 7) Ngành Công nghệ kỹ thuật xây dựng; 8) Ngành Kỹ thuật môi trường; 9) Ngành Công nghệ may; 10) Thiết kế thời trang; 11) Ngành Công nghệ thực phẩm;

Cũng tương tự sinh viên khi theo học các chuyên ngành cùng tên trên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), Trường ĐHSP Kỹ thuật Tp.HCM... sinh viên của Trường ĐHDLC KTCN Tp.HCM khi học các ngành này cũng sẽ được trang bị những *kiến thức chung* về khối Khoa học cơ bản, bước đầu đi vào nghiên cứu các *kiến thức cơ bản* dành cho ngành, bên cạnh những *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*, ngoài ra sinh viên còn được cung cấp *kiến thức bổ trợ cho ngành* qua một số môn học mang tính đặc thù của trường... để khi ra trường sinh viên *có khả năng* hoạt động nghiên cứu, ứng dụng trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

1) Ngành Quản trị Kinh doanh (gồm các chuyên ngành: Quản trị Tài chính kế toán; Quản trị Doanh nghiệp; Quản trị Ngoại thương; Quản trị Xây dựng & Dự án; Quản trị Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn); 2) Ngành Kế toán kiểm toán; 3) Ngành Tiếng Anh

Trường ĐHDLC KTCN Tp.HCM trang bị cho sinh viên các ngành này ngoài những *kiến thức chung* dành cho khối Khoa học cơ bản, *kiến thức cơ bản về ngành*, còn có các *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* giống như sinh viên các ngành này của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, Khoa

Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM)... để sau khi tốt nghiệp sinh viên ***có khả năng*** làm việc độc lập trong lĩnh vực chuyên ngành, cũng như khả năng nghiên cứu, sử dụng ngoại ngữ làm phương tiện giao tiếp...

Ngành Thiết kế nội thất

Ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐHDL KTCN Tp.HCM cung cấp cho sinh viên các ***kiến thức chung*** của khối Khoa học cơ bản, cùng những ***kiến thức cơ bản*** về ngành, cộng với ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** và còn được trang bị một số môn học nhằm ***bổ trợ kiến thức cho ngành***... giống như sinh viên chuyên ngành Thiết kế nội thất của Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM... để khi học xong Kỹ sư ngành này ***có khả năng*** thiết kế mẫu mã sản phẩm, các mô hình nội ngoại thất... tại các Cty, nhà máy xí nghiệp sản xuất thiết bị nội thất, làm chuyên viên tư vấn ở các TT tư vấn mẫu mã có liên quan chuyên ngành...

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDL KTCN Tp.HCM tuyển sinh trong toàn quốc và tuyển sinh các khối A, B, C, D, V, H.
- Riêng khối V và H trường không tổ chức thi mà chỉ xét tuyển.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDL KTCN Tp.HCM từ năm 2002 đến nay tăng (năm 2006 tăng 200 chỉ tiêu so với năm 2002 (1.500 – 1.700 chỉ tiêu)).
- Điểm trúng tuyển vào các ngành từ sau năm 2002 tăng dần lên (năm 2002 điểm trúng tuyển NV1 đều là 10.0 điểm, điểm trúng tuyển NV2 cao hơn NV1 là 1.0 điểm, nhưng từ khi áp dụng việc tính điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định (từ năm 2004) thì điểm trúng tuyển vào trường năm nào cũng bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT ở cả 2 NV). Điểm này tạo thuận lợi cho những bạn có lực học trung bình muốn trở thành sinh viên của trường không khó.
- Từ năm 2006 trường tuyển thêm các ngành mới: Công nghệ tự động; Thiết kế nội thất; Thiết kế thời trang; Công nghệ Thực phẩm; Kế toán kiểm toán, Công nghệ kỹ thuật xây dựng đồng thời cũng mở ra cơ hội việc làm mới cho sinh viên.
- Qua số liệu của 2 bảng trên dự kiến năm 2007 số lượng thí sinh ĐKDT vào trường không có biến động gì lớn so với mấy năm gần đây.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP NGOẠI NGỮ - TIN HỌC TP.HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 155 Sư Vạn Hạnh nối dài, Q.10, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8629232 - Website: <http://huflit.edu.vn/>

- Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM (HUFLIT) được thành lập ngày 26/10/1994 trên cơ sở Trường Dân lập Ngoại ngữ và Tin học Sài Gòn được thành lập từ năm 1992.
- HUFLIT hiện có khoảng 280 Giáo sư và Giảng viên cơ hữu, thỉnh giảng được đào tạo chính quy ở trong và ngoài nước, trong số đó có trên 250 nhà sư phạm giàu kinh nghiệm.
- HUFLIT còn có nhiều chuyên gia Mỹ, Trung Quốc, Anh, Pháp, Nhật Bản, Hàn Quốc... do các tổ chức quốc tế và các đại học nước ngoài cử luân phiên đến làm việc dài hạn tại trường...
- Hiện nay trường đang đào tạo chính quy các bậc Đại học, Trên đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP NGOẠI NGỮ - TIN HỌC ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Tin học (*Chuyên ngành Công nghệ thông tin*)

Giống như sinh viên chuyên ngành Công nghệ thông tin của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), sinh viên khi theo học chuyên ngành này của Trường ĐHDL NN-TH Tp.HCM cũng được bước đầu đi vào **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, các **kiến thức cơ bản** về ngành, bên cạnh những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Công nghệ thông tin thì sinh viên còn được cung cấp **kiến thức bổ trợ cho ngành**, cùng với một số môn học mang tính đặc thù của trường... Tốt nghiệp, sinh viên ngành này có khả năng thiết kế và phát triển các hệ thống máy tính cả về phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo các sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống truyền thông, hệ thống điều khiển...

Ngành Quản trị kinh doanh (*Chuyên ngành Kinh doanh quốc tế*)

Ngành Quản trị kinh doanh của Trường ĐHDL NN-TH Tp.HCM trang bị cho sinh viên không những chỉ có **kiến thức chung** về Toán và nhóm ngành Kinh tế, mà còn cung cấp các **kiến thức cơ bản** về Quản trị kinh doanh, đồng thời cũng đào tạo cho sinh viên có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Kinh doanh quốc tế... tương tự khối kiến thức mà Trường ĐH Ngoại thương Tp.HCM trang bị sinh viên chuyên ngành này, ngoài ra sinh viên còn được bổ trợ kiến thức chuyên ngành bằng một số môn học lựa chọn... để khi học xong Cử nhân chuyên ngành Kinh doanh quốc tế **có khả năng** tư vấn, hoạch định, tổ chức, lãnh đạo hoạt động kinh doanh nói chung và kinh doanh quốc tế nói riêng...

1) Ngành Trung Quốc học; 2) Ngành Nhật Bản học; 3) Ngành Hàn Quốc học; 4) Ngành VN học; 5) Ngành Tiếng Anh; 6) Ngành Tiếng Pháp; 7) Ngành Tiếng Trung; 8) Ngành Tiếng Đức; 9) Ngành Đông phương học

Cũng giống như chương trình đào tạo các ngành trùng tên trên của Trường ĐHKHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM)... chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐH NN-TH Tp.HCM cũng đem đến cho sinh viên **kiến thức chung** dành cho sinh viên tất cả các ngành, cùng những **kiến thức cơ bản** về ngành, cũng như sẽ cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** mà sinh viên theo học, đồng thời còn trang bị thêm khối **kiến thức bổ trợ cho ngành...** để khi ra trường cử nhân các ngành này **có khả năng** tác nghiệp tại các cơ quan, đơn vị hoạt động có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Bảng 1. Số lượng tuyển sinh trong những năm gần đây.

Năm	Chỉ tiêu	Số đăng ký	Tỷ lệ
2002	1.400	3.994	1/2.8
2003	1.400	5.002	1/3.5
2004	1.300	6.882	1/5.0
2005	1.400	6.441	1/4.6
2006	1.500	5.630	1/3.8

Bảng 2. Điểm trúng tuyển vào các ngành/khoa

Ngành	1997	1998	1999	2000	2001	2002		2003		2004		2005		2006	
						NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Tin học (CNTT) A,D1	22.0	20.0	19.0	25.0	28.0	12.0	13.0	10.0	11.0	14.0	14.0	15.0	15/14	13.0	13.0
Trung Quốc học	18.0	19.0	18.0	22.0	20.0	11.0	12.0	11.0	12.0	14.0	14.0	14.0	14.0	17.5	13.0
Nhật Bản học	27.0	20.0	18.0	25.0	25.5	11.0	12.0	12.0	13.0	14.0	14.0	14.0	14.0	17.5	16.0
Hàn Quốc học	16.0	19.0	18.0	20.0	24.0	11.0	12.0	12.0	13.0	14.0	14.0	14.0	14.0	17.5	13.0
Tiếng Anh	27.5	27.0	20.0	25.0	27.0	12.0	13.0	13.0	14.0	14.0	14.0	14.0	14.0	17.5	15.5
Tiếng Pháp	18.0	18.0	20.0	18.0	22.0	10.0	11.0	12.0	13.0	14.0	14.0	14.0	14.0	17.5	13.0
Tiếng Trung	15.0	20.0	18.0	20.0	20.0	11.0	12.0	11.0	12.0	14.0	14.0	14.0	14.0	17.5	13.0
Tiếng Đức	-	19.0	18.0	17.0	20.0	10.0	11.0	12.0	13.0	14.0	14.0	14.0	14.0	-	-
QT kinh doanh A	-	-	-	-	28.0	12.0	13.0	-	-	-	-	-	-	-	-
QT kinh doanh D.	-	-	-	-	28.0	12.0	13.0	12.0	13.0	14.0	14.0	-	-	-	-
QTKD quốc tế D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	14.0	17.5	18.5
QT Du lịch - KS D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	14.0	17.5	15.5
QH Q.tế & T.Anh D1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.0	14.0	17.5	17.0
QT H.chính VPD1	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	17.5	13.0

Ghi chú: - Năm 2006 điểm trúng tuyển NV1 các môn ngoại ngữ nhân hệ số 2, NV1 các môn ngoại ngữ không nhân hệ số.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDL Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, D1, D3.

- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã ĐKDT.

- Hệ Cao đẳng không tổ chức thi tuyển, mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã dự thi khối A, D1,3 theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT vào các trường Đại học trong cả nước để xét tuyển, trên cơ sở hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDL Ngoại ngữ - Tin học thường là hơn một nghìn chỉ tiêu. Số lượng thí sinh ĐKDT vào trường có sự biến động: từ năm 2002

số lượng ĐKDT tăng đến năm 2004 sau đó giảm xuống vì thế tỉ lệ "chọi" của trường cũng biến động theo, tuy nhiên so với mặt bằng chung thì tỉ lệ này không cao. (Xem bảng 1).

- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường từ năm 2002 đến nay đã tăng lên chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường ngày càng nâng cao. (Xem bảng 2).

- Năm 2004 Bộ GD&ĐT bắt đầu áp dụng việc tính điểm sàn trong tuyển sinh Đại học, Cao đẳng thì điểm trúng tuyển NV2 thường lấy bằng NV1 và bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT. Nhưng năm 2006 điểm trúng tuyển NV2 một số ngành cao hơn NV1 như: ngành Quản trị kinh doanh quốc tế (khối D1): NV2 là 18.5 điểm (chưa nhân hệ số) trong khi điểm trúng tuyển NV1 là 17.5 đã nhân hệ số. (Xem bảng 2).

- Từ những số liệu trên chúng tôi dự kiến năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng nhưng không nhiều.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HỒNG BÀNG

Địa chỉ: 3 Hoàng Việt, Quận Tân Bình, Tp.Hồ Chí Minh

ĐT: 84.8.811 9836 - 84.8 844 6356 - Fax: 84.844627 - Website: <http://www.hongbang-uni.edu.vn/>

- Trường Đại học Dân lập Hồng Bang (ĐH DLHB) được thành lập ngày 11/7/1997, là trường đào tạo đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế xã hội của thành phố nói riêng, của đất nước nói chung.
- Trường có các bậc đào tạo: ĐH, CĐ, THCN... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường đều có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, với nhiều chức danh: Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HỒNG BÀNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Công nghệ thông tin (gồm các chuyên ngành: Hệ thống thông tin; Công nghệ phần mềm; Mạng máy tính và viễn thông); 2) Ngành Điện và Điện tử (gồm các chuyên ngành: Điện tử viễn thông; Điện tử tự động hóa); 3) Ngành Kỹ thuật công trình (gồm các chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Xây dựng cầu đường); 4) Công nghệ Dệt - May (gồm các chuyên ngành: Công nghệ Sợi; Công nghệ Hóa dệt; Công nghệ May và thời trang; Công nghệ Da giấy); 5) Ngành Khoa học môi trường;

Chương trình đào tạo các ngành có tên trên của Trường ĐH DLHB cũng giống như chương trình đào tạo của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM)... dành cho sinh viên khi theo học các chuyên ngành cùng tên. Sinh viên sẽ được trang bị ngoài những **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, còn được cung cấp **kiến thức cơ bản về ngành**, đồng thời cũng sẽ được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** và các **kiến thức bổ trợ cho ngành**.... Tốt nghiệp, sinh viên các chuyên ngành này **có khả năng** làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

1) Kinh tế đối ngoại; 2) Kế toán - Kiểm toán; 3) Tài chính doanh nghiệp; 4) Ngân hàng; 5) Quản trị kinh doanh, Quản trị dự án; 6) Quản trị Du lịch - Khách sạn - Nhà hàng

Cũng giống như sinh viên học các ngành thuộc nhóm ngành Kinh tế của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM)... sinh viên khi theo học 6 ngành trên của Trường ĐH DLHB không chỉ được học **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** dành cho khối ngành và ngành mà còn được học **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành** sinh viên theo học, ngoài ra sinh viên của Trường ĐH DLHB còn được **bổ trợ kiến thức** cho ngành qua một số môn học lựa chọn, để khi ra trường cử nhân các ngành này **có khả năng** hoạt động công tác cũng như nghiên cứu, quản lý, tư vấn... trong các cơ quan, đơn vị có liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành...

Ngành Mỹ thuật công nghiệp (gồm các chuyên ngành: 1) Đồ họa và quảng cáo, Thiết kế kiến trúc, Tattoo; 2) Thiết kế và kinh doanh thời trang; 3) Trang trí nội thất; 4) Tạo dáng công nghiệp; 5) Hoạt hình Manga Nhật Bản; 6) Mỹ thuật tạo hình)

Tương tự chương trình học các ngành này của Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM... chương trình học các ngành này của Trường ĐH DLHB cũng tạo điều kiện cho sinh viên bước đầu đi vào **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, sau đó đi sâu nghiên cứu những **kiến thức cơ bản** của khối ngành và ngành, cũng như **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức** cho ngành... để khi học xong sinh viên sẽ **có khả năng** thiết kế, tư vấn thiết kế và giải quyết những vấn đề có liên quan đến ngành Mỹ thuật công nghiệp...

1) Nhật Bản học; 2) Trung Quốc học; 3) Hàn Quốc học; 4) Đông á và Đông Nam á học; 5) Úc học; 6) Hoa kỳ học; 7) Văn hóa học; 8) Quản lý đô thị; 9) Hướng dẫn du lịch; 10) Ngành Quan hệ quốc tế

Sinh viên khi theo học các ngành này của Trường ĐH DLHB sẽ được cung cấp những **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, cùng với **kiến thức cơ bản** của ngành, đồng thời sẽ được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với **kiến thức bổ trợ** cho ngành... giống như khối kiến thức mà Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM)... trang bị cho sinh viên học các chuyên ngành tương ứng. Ra trường, sinh viên các ngành **có khả năng** ứng dụng chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo và có hiệu quả vào trong công tác chuyên ngành...

1) Ngành Anh - Pháp; 2) Ngành Anh - Hoa; 3) Ngành Anh - Hàn; 4) Ngành Anh - Đức; 5) Ngành Anh - Nhật

Đào tạo cử nhân thuộc nhóm ngành Tiếng nước ngoài của Trường ĐH DLHB tương tự như chương trình đào tạo cử nhân các ngành này của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM), ĐH Ngoại ngữ Hà Nội... sinh viên không chỉ được học những **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** của ngành, mà còn được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cũng như **kiến thức bổ trợ** cho ngành... để khi tốt nghiệp, sinh viên **có khả năng** giao tiếp bằng 2 ngôn ngữ chuyên ngành, đồng thời có khả năng làm công tác biên, phiên dịch hoặc các công việc có liên quan đến sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành...

Ngành Thể dục thể thao (gồm các chuyên ngành: Bóng rổ; Cầu lông; Bóng đá; Bơi lội; Bóng chày; Võ thuật; Thể hình thẩm mỹ; Kiểm đạo Nhật Bản)

Giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐH TDTT, sinh viên khi theo học các chuyên ngành này của Trường ĐH ĐLHB cũng được học những **kiến thức chung, kiến thức cơ bản** của khối ngành và ngành, bên cạnh các **kiến thức bổ trợ cho ngành** thì sinh viên sẽ được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để sau khi học xong sinh viên sẽ **có khả năng** hoạt động, nghiên cứu, quản lý trong ngành Thể dục thể thao...

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDL Hồng Bàng không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã thi khối A, B, C, D1, D3, D4, H, T, V vào các trường đại học trong cả nước để xét tuyển.
- Trường xét điểm trúng tuyển theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Riêng các khối H, T, V trường xét tuyển những thí sinh đã thi vào các ngành Kiến trúc, mỹ thuật công nghiệp và ngành TDTT tại các Trường ĐH khác.
- Khối H, V, T môn năng khiếu hệ số 2.
- Khối T yêu cầu thể hình cân đối và có sức khỏe.
- Các ngành Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Đức điểm không nhân hệ số.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDL Hồng Bàng vẫn tăng lên: năm 2006 tăng 300 chỉ tiêu so với năm 2002 (1.700 - 1.400 chỉ tiêu).
- Năm 2002 là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh "3 chung" nên điểm trúng tuyển vào trường rất thấp (chỉ lấy 7.0 điểm cho tất cả các ngành) tuy nhiên mấy năm trở lại đây do việc áp dụng việc tính điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định nên điểm chuẩn vào trường đã tăng lên bằng so với điểm sàn của Bộ GD&ĐT cho cả 2 NV. Điều này cho thấy chất lượng đầu vào của trường đang được nâng cao.
- Điểm trúng tuyển vào các ngành tuyển sinh khối năng khiếu cũng không cao hơn những trường dân lập tuyển sinh cùng khối khác.
- Từ năm học 2006 sinh viên có thể đăng ký học 2 chuyên ngành cùng lúc, được miễn môn Giáo dục đại cương và các môn học trùng nhau.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP VĂN LANG

Địa chỉ: 45 Nguyễn Khắc Nhu, P.Lô Giang, Q.1, Tp.HCM

Điện thoại: 08.8364954 - Fax : (84.8) 836 9716 - Website: <http://www.dhdlvanlang.edu.vn/>

- Ngay 27/01/1995 trường Đại học Dân lập (ĐHDL) Văn Lang được thành lập, là trường đào tạo đội ngũ trí thức, chuyên viên kỹ thuật và quản lý kinh tế có trình độ nghiệp vụ cao, phẩm chất tốt nhằm đáp ứng hữu hiệu công cuộc phát triển kinh tế và khoa học, công cuộc công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của trường không ngừng được nâng cao về số lượng và chất lượng, hiện có khoảng 110 giảng viên cơ hữu, trong đó có: 13 Tiến sỹ, 41 Thạc sỹ và 56 Giảng viên có trình độ cử nhân...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP VĂN LANG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Công nghệ thông tin

Cũng giống như chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin của Trường ĐH Quốc tế (ĐHQG Tp.HCM), HV Công nghệ Bưu chính Viễn thông... chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐHDVLV cũng trang bị cho sinh viên ngoài những **kiến thức chung** dành cho sinh viên tất cả các ngành, cũng những **kiến thức cơ bản** về ngành, cũng như sẽ cung cấp **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** mà sinh viên theo học, đồng thời còn trang bị thêm khối **kiến thức bổ trợ cho ngành...** để khi ra trường cử nhân các ngành này **có khả năng** giải quyết được các vấn đề chuyên môn thuộc lĩnh vực Công nghệ thông tin...

1) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 2) Ngành Kiến trúc; 3) Ngành Mỹ thuật công nghiệp (gồm các chuyên ngành: Thiết kế(TK) thời trang; TK đồ họa; Tạo dáng công nghiệp; Trang trí nội thất)

Chương trình đào tạo các ngành có tên trên của Trường ĐHDVLV nhằm cung cấp cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, và bên cạnh những **kiến thức cơ bản** về ngành, thì cũng sẽ được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, ngoài ra sinh viên sẽ được học một số môn học nhằm **bổ trợ kiến thức cho ngành...** cũng giống như chương trình đào tạo của Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM dành cho sinh viên các ngành cùng tên, để sau khi học xong sinh viên các ngành này **có khả năng** tác nghiệp trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

1) Ngành Công nghệ và Quản lý môi trường; 2) Ngành Công nghệ sinh học

Sinh viên Trường ĐHDVLV khi theo học 2 ngành trên sẽ được bước đầu được đi vào học các **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành, sau đó tùy theo chuyên ngành sinh viên theo học mà sẽ được nhà trường đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, và một số **kiến thức bổ trợ cho ngành...** giống như khối kiến thức mà Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), ĐH Đà Lạt trang bị cho sinh viên học các chuyên ngành vừa nêu tên trên. Ra trường, sinh viên các ngành này **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng chuyên môn, nghiệp vụ vào công tác thực tiễn, trong các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

1) Ngành Tài chính - Tín dụng; 2) Ngành Kế toán; 3) Ngành Quản trị kinh doanh; 4) Ngành Kinh doanh thương mại; 5) Ngành Quản trị du lịch;

Tương tự sinh viên của Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM, ĐH Kinh tế Tp.HCM... khi học các ngành: 1) Ngành Tài chính - Tín dụng; 2) Ngành Kế toán; 3) Ngành Quản trị kinh doanh; 4) Ngành Kinh doanh thương mại; 5) Ngành Quản trị du lịch, sinh viên trường ĐHDVLV khi theo học các ngành này cũng được đào tạo **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời cũng được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, ngoài ra còn được cung cấp **kiến thức bổ trợ cho ngành...** để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** làm công tác tư vấn, quản lý, hoặc làm việc trực tiếp trong các cơ quan, ban ngành có hoạt động liên quan đến lĩnh vực được đào tạo...

Ngành Tiếng Anh

Đào tạo cử nhân ngành Tiếng Anh không chỉ có **kiến thức chung** dành cho sinh viên tất cả các ngành, mà còn được bước đầu đi vào nghiên cứu **kiến thức cơ bản** về ngành, song song với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** Tiếng Anh, mặt khác sinh viên sẽ được học một số môn mang tính chất **bổ trợ kiến thức cho ngành...** giống như chương trình học Cử nhân chuyên ngành này của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM)... Tốt nghiệp, sinh viên **có khả năng** giao tiếp, giảng dạy hoặc làm công tác biên, phiên dịch tại các cơ quan, đơn vị có sử dụng tiếng Anh...

Bảng điểm trúng tuyển vào các ngành và chỉ tiêu của trường

Ngành	1998	2000	2001	2002	2003	2004	2005		2006	
				NV1	NV1	NV2	NV1	NV2	NV1	NV2
Công nghệ thông tin A	18.0	24.5	23.5	7.0	12.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Công nghệ thông tin D1	18.0	24.5	23.5	7.0	12.0	14.0	14.0	14.0	13.0	13.0
Kỹ thuật nhiệt A	16.0	20.0	18.5	7.0	11.0	14.0	15.0	15.0	-	-
Xây dựng DD&CN A	18.0	22.5	21.0	7.0	12.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Kiến trúc V	21.5	27.5	29.0	9.0	20.0	21.0	19.0	24.0	18.0	22.0
Công nghệ & QLMT A	16.0	24.0	19.0	7.0	12.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Công nghệ & QLMT B	15.0	23.0	20.5	10.0	14.0	15.0	15.0	15.0	14.0	14.0
CN Sinh học A	16.0	23.0	19.5	7.0	12.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
CN Sinh học B	15.0	25.0	22.0	10.0	14.5	15.5	15.0	15.5	14.0	14.0
Tài chính - Tín dụng A	16.0	20.5	19.0	7.0	12.0	14.5	15.0	16.0	13.0	14.0
Tài chính - Tín dụng D1	16.0	20.5	19.0	7.0	12.0	15.0	14.0	14.5	13.0	14.0
Kế toán A	16.0	20.5	19.0	7.0	12.0	15.0	15.0	16.0	13.0	14.0
Kế toán D1	16.0	20.5	19.0	7.0	12.0	14.5	14.0	14.5	13.0	14.0
Quản trị kinh doanh A	16.0	18.0	17.5	7.0	12.0	14.0	15.0	15.5	13.0	14.0
Quản trị kinh doanh D ₁	16.5	17.5	18.5	9.0	13.0	14.0	14.0	14.0	13.0	14.0
Kinh doanh TM A	16.0	16.0	17.5	7.0	12.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Kinh doanh TM D ₁	16.0	18.0	19.0	9.0	13.0	14.0	14.0	14.0	13.0	13.0
Quản trị du lịch A	16.0	18.5	18.0	7.0	12.0	14.0	15.0	15.0	13.0	13.0
Quản trị du lịch D _{1,3}	18.5	19.0	20.0	9.0	13.0	14.0	14.0	14.0	13.0	13.0
Tiếng Anh D1	21.0	24.5	25.0	9.0	17.5	18.5	17.0	17.5	16.0	16.0
Hướng dẫn du lịch A	19.5	18.5	17.5	7.0	12.0	14.0	15.0	15.0	13.0	15.0
Hướng dẫn du lịch D ₁	19.5	19.0	18.0	9.0	13.0	14.0	14.0	14.0	13.0	14.0
Hướng dẫn du lịch D ₃	19.5	17.0	16.0	9.0	12.5	14.0	14.0	14.0	13.0	14.0
Hướng dẫn du lịch C	-	-	-	-	-	15.0	14.0	14.0	13.0	14.0
Mỹ thuật công nghiệp H	-	-	-	-	-	20.0	18.0	20.0	22.0	22.0
Mỹ thuật công nghiệp V	-	-	-	-	-	20.0	18.0	20.0	18.0	20.0
Chỉ tiêu	2.500	1.250	1.500	1.500	1.600	1.750	1.750		2.000	

Ghi chú: - * - Năm 2004 trường xét tuyển NV2.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDL Văn Lang không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã thi khối A, B, D1, D3, V, H vào các trường đại học trong cả nước để xét tuyển.
- Riêng các khối V, H trường xét tuyển những thí sinh đã dự thi vào ngành Mỹ thuật công nghiệp và Kiến trúc ở các trường đại học khác.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành hoặc khoa mà thí sinh đã đăng ký dự tuyển.
- Các ngành Kiến trúc, Mỹ thuật công nghiệp môn vẽ hệ số 2, ngành Tiếng Anh môn Anh văn hệ số 2.

2. Một số lưu ý

Từ số liệu bảng trên bạn có thể thấy:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDL Văn Lang trong 5 năm gần đây có xu hướng tăng lên (năm 2002 là 1.500 chỉ tiêu, đến năm 2006 tăng lên 2.000 chỉ tiêu).
- Trước năm 2002, điểm chuẩn vào các ngành trong trường tương đối cao, giữa các ngành có sự chênh lệch khá lớn, ví dụ cùng khối A năm 2001 nhưng điểm chuẩn của ngành Công nghệ thông tin cao hơn ngành Quản trị kinh doanh thương mại tới 6 điểm (23,5/17,5). Năm 2002, khi trường sử dụng để thi chung do Bộ GD&ĐT ra thì điểm chuẩn vào các ngành thấp hơn trước rất nhiều và sự chênh lệch không đáng kể.
- Từ khi áp dụng việc tính điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường hầu hết bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT quy định. Các ngành tuyển sinh khối V, H lấy điểm trúng tuyển cũng không phải là quá cao so với những trường tuyển sinh khối V, H khác. Vì vậy để trở thành sinh viên của trường bạn chỉ cần có lực học từ trung bình trở lên.
- Điểm trúng tuyển NV2 thường chỉ ở mức bằng điểm trúng tuyển NV1 nhưng cũng có một số ngành điểm trúng tuyển NV2 lại cao hơn điểm trúng tuyển NV1 tuy nhiên mức chênh lệch khoảng từ 0.5-2.0 điểm. Đây cũng là điểm mà bạn cần lưu ý khi đăng ký NV2 vào trường (vì hầu hết các trường đại học dân lập khác đều lấy điểm trúng tuyển NV2 bằng NV1 và bằng điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định).

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP VĂN HIẾN

Địa chỉ: AA Đường D2, Văn Thành Bắc, P.15, Q.Bình Thạnh, Tp.HCM

Điện thoại: 08.5106733 - Fax: 08.5106731 - Website: <http://www.daihocvanhien.edu.vn/>

- Trường Đại học Dân lập (ĐHDL) Văn Hiến chính thức đi vào hoạt động từ tháng 11/1999, là trường Đại học dân lập duy nhất trong cả nước chủ yếu đào tạo các ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn. Ngoài ra, các ngành kỹ thuật cao như Công nghệ Thông tin, Điện tử Viễn thông đã và đang thu hút nhiều sinh viên theo học...
- Đội ngũ giảng viên của Trường ĐHDL Văn Hiến có gần 300 Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ, Cử nhân lâu năm, có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm giảng dạy.
- Hiện trường đang đào tạo hệ chính quy các bậc: Đại học, Cao đẳng, Trung học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP VĂN HIẾN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Tin học; 2) Ngành Điện tử - Viễn thông

Chương trình đào tạo các ngành: Tin học; Điện tử - Viễn thông của Trường ĐHDL Văn Hiến cũng tương tự như chương trình đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), bên cạnh **kiến thức chung** dành cho sinh viên khối Khoa học tự nhiên thì sinh viên còn được trang bị **kiến thức cơ bản về ngành** cũng như sẽ được đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để khi tốt nghiệp ra trường, sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng lĩnh vực chuyên ngành vào trong công tác, quản lý...

1) Ngành Kinh tế thương mại; 2) Ngành Quản trị kinh doanh

Trên nền các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, sinh viên khi học các ngành này của Trường ĐHDL Văn Hiến cũng được cung cấp khối **kiến thức cơ bản** dành cho ngành và **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** giống như sinh viên các chuyên ngành cùng tên của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM. Tốt nghiệp, cử nhân các ngành: Kinh tế thương mại, Quản trị kinh doanh **có khả năng** công tác trong các đơn vị sản xuất kinh doanh ở mọi thành phần kinh tế đặc biệt trong các lĩnh vực có liên quan đến Kinh tế thương mại, quản lý kinh doanh...

1) Ngành Xã hội học; 2) Ngành Ngữ văn; 3) Ngành Tâm lý học;

Cũng giống như sinh viên khi theo các ngành có tên trên của trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM), sinh viên khi học một trong những ngành này của Trường ĐHDL Văn Hiến cũng sẽ được cung cấp ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội & Nhân văn, thì còn được trang bị các **kiến thức cơ bản** về ngành, cộng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để khi học xong cử nhân các ngành này sẽ **có khả năng** làm việc độc lập trong lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

1) Ngành Tiếng Nhật; 2) Ngành Tiếng Pháp; 3) Ngành Tiếng Trung; 4) Ngành Tiếng Anh; 5) Ngành Văn hóa học;

Khi theo học các ngành này của Trường ĐHDL Văn Hiến, sinh viên được đào tạo không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản mà còn có các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, cũng như sẽ được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** tương tự như khối kiến thức mà Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM), ... cung cấp cho sinh viên các chuyên ngành trùng tên trên. Để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** nghiên cứu, quản lý cũng như giảng dạy trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

Ngành Văn hóa du lịch (gồm các chuyên ngành: Quản trị du lịch khách sạn; Hướng dẫn du lịch);

Tương tự chương trình đào tạo các chuyên ngành cùng tên trên của trường ĐH Nha Trang, ĐH Cần Thơ... chương trình đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐHDL Văn Hiến cũng đào tạo để sinh viên có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... đến khi tốt nghiệp ra trường cử nhân chuyên ngành **có khả năng** hoạt động trong ngành Du lịch...

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDL Văn Hiến không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã thi khối A, C, D vào các trường đại học trong cả nước để xét tuyển.

- Trường xét điểm trúng tuyển theo ngành.

2. Một số lưu ý

Qua bảng trên có thể thấy:

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ năm 2001 đến 2006 rất ổn định (1.100 chỉ tiêu).

- Trước năm 2002, điểm trúng tuyển giữa các khối trong trường có sự chênh lệch đáng kể và điểm chuẩn giữa các ngành trong cùng một khối cũng có sự chênh lệch lớn, ví dụ cùng thi khối A nhưng điểm chuẩn của ngành Điện tử viễn thông cao hơn điểm chuẩn của ngành Tin học tới 5,5 điểm (25/19,5). tới năm 2002 sự chênh lệch điểm chuẩn giữa các ngành đã giảm nhưng cũng ở mức chênh nhau tới 5 điểm.

- Từ năm 2004 điểm trúng tuyển của trường ở mức bằng điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định (cho cả 2 NV). Bạn muốn trở thành sinh viên của trường không khó, chỉ cần bạn có lực học trung bình trở lên và có sự cố gắng nỗ lực thi khả năng trúng tuyển là rất cao.

- Từ năm 2006 trường ĐHDL Văn Hiến ngưng đào tạo các ngành: Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Trung và Tiếng Nhật.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HÙNG VƯƠNG

Địa chỉ: 736 Nguyễn Trãi, P.11, Q.5, Tp.HCM

Điện thoại: (08) 997.4294 - Fax: (08) 997.2186 - Website: <http://www.hungvuong.edu.vn/>

- Trường Đại học Dân lập (ĐHDL) Hùng Vương được thành lập ngày 14/05/1995 theo Quyết định số 470/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
- Trường ĐHDL Hùng Vương hiện có khoảng 400 Giảng viên cơ hữu và Giảng viên thỉnh giảng.
- Trường đào tạo chính quy các bậc: Cao đẳng, Đại học, Trên đại học...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HÙNG VƯƠNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Quản trị bệnh viện

Chương trình đào tạo ngành Quản trị bệnh viện sẽ cung cấp cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản: Xác suất thống kê - Đại số - Giải tích - Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô - Quản trị học - Sinh lý y học... mà còn có **kiến thức cơ bản về ngành**: Phân tích định lượng - Tâm lý học quản lý - Quản trị dịch vụ công - Quản lý y tế công cộng - Quản trị nguồn nhân lực - Nghiên cứu Marketing - Tiền tệ ngân hàng - Nguyên lý kế toán - Dân số học - Luật kinh tế - Hợp đồng kinh tế - Quản trị chiến lược ... đồng thời cũng sẽ được cung cấp những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**: Kinh tế y tế - Quản trị bảo hiểm y tế xã hội - Anh văn y khoa - Quản lý chương trình y tế - Quản lý tổ chức y tế - Quản trị môi trường - Quản lý y dược và luật y tế - Quản lý thực phẩm và HACCP - Giám định y khoa pháp y - Kiểm soát QT bằng thống kê - Quản trị chất lượng y khoa - Kiến trúc thiết kế bệnh viện (BV) - Hành chính & quy chế BV - Quản trị hệ thống thông tin BV - Tài chính công và tài chính y tế Học xong chương trình này, sinh viên **có khả năng** tổ chức, điều hành bệnh viện, cơ sở y tế, quản lý điều hành các cơ sở kinh doanh dịch vụ y tế...

Cử nhân ngành Quản trị bệnh viện có thể công tác tại:

- + Viện chiến lược và Chính sách y tế, Vụ Tổ chức cán bộ (trực thuộc Bộ Y tế)...
- + Các bệnh viện, cơ quan y tế, trạm y tế và các cơ sở y tế... từ trung ương đến địa phương: Bệnh viện Đa khoa Trung ương, Bệnh viện Nhi Trung ương, Bệnh viện Nội tiết, Bệnh viện Tâm thần kinh Trung ương, Bệnh viện Châm cứu, Bệnh viện Mắt Trung ương, Bệnh viện Tai - Mũi - Họng Trung ương, Trạm Y tế xã, phường của 64 tỉnh, thành phố...
- + Các phòng chức năng: Tổ chức cán bộ, Hành chính sự nghiệp... tại các Sở Y tế của các tỉnh, thành phố nước ta.
- + Giảng dạy trong các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Quản trị bệnh viện.

Ngành Toán tin ứng dụng (trong quản lý kinh tế)

Ngành Toán tin ứng dụng trang bị cho sinh viên **kiến thức chung** về khối Khoa học Tự nhiên: Vĩ tích phân - Đại số tuyến tính - Hình học họa hình & Vẽ kỹ thuật - Xác suất thống kê - Đại số đại cương - Toán rời rạc - Vật lý... và **kiến thức cơ bản** về chuyên ngành: Kinh tế vi mô - Kinh tế vĩ mô -

Cơ học lý thuyết - Kỹ thuật lập trình - Cấu trúc dữ liệu - Logic toán - Giải tích phức ... đồng thời cũng được cung cấp các ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*** Toán tin ứng dụng: Cơ sở dữ liệu - Giải tích hiện đại và Giải tích hàm - Phương pháp tính (GT số) - Phương trình toán lý - Giải tích thực - Mô hình toán kinh tế - Lý thuyết điều khiển tối ưu - Điều khiển học kinh tế - Cơ sở trí tuệ nhân tạo ... để sau khi tốt nghiệp sinh viên chuyên ngành này ***có khả năng*** giải quyết cụ thể những bài toán trong các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, công nghệ, kinh tế, quản lý, cũng như có khả năng làm việc trong các cơ quan nghiên cứu, thiết kế, các Cty xí nghiệp trường học...

Sinh viên tốt nghiệp ngành Toán tin ứng dụng (trong quản lý kinh tế) có thể làm việc tại:

+ Các Viện, Trung tâm: Viện Nghiên cứu quản lý Kinh tế Trung ương, Viện Nghiên cứu Chiến lược và Chính sách công nghiệp, Viện Chiến lược và Chính sách Khoa học và Công nghệ; TT Nghiên cứu khoa học tổ chức quản lý...

+ Các Cục: Cục Kinh tế, Cục Quản lý chất lượng hàng hóa và đo lường...

+ T.Cty Điện tử và Tin học VN, T.Cty Hàng không VN, TĐ Điện lực VN, T.Cty Du lịch VN, T.Cty Thương mại xuất nhập khẩu... và các Cty, đơn vị trực thuộc: các Cty Tư vấn Xây dựng điện, Cty Điện lực, Cty Truyền tải điện, Cty Thương mại xuất nhập khẩu Viettel...

+ Phòng Kế hoạch tổng hợp tại các Sở: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công nghiệp, Sở Bưu chính viễn thông... trực thuộc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

+ Giảng dạy và nghiên cứu tại các trường ĐH, CĐ, THCN có đào tạo ngành Toán tin ứng dụng.

Ngành Công nghệ thông tin

Nội dung chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin của Trường ĐHDHVN cũng giống như chương trình học ngành này của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM). Ngoài ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học Tự nhiên thì sinh viên còn được trang bị ***kiến thức cơ bản*** về ngành, cũng như sẽ được đi vào nghiên cứu ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... để khi ra trường, sinh viên ***có khả năng*** lập trình, thiết kế, cài đặt và điều hành hệ thống thông tin quản trị với quy mô lớn, website phục vụ cho việc cung cấp thông tin và kinh doanh qua mạng...

Ngành Quản trị kinh doanh

Sinh viên thi theo học ngành Quản trị kinh doanh của Trường ĐHDHVN sẽ được học ***kiến thức chung, kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... cũng tương tự như chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM. Tốt nghiệp, sinh viên ***có khả năng*** đảm nhiệm các công việc về kinh tế và quản lý trong các Cty, xí nghiệp, cơ quan nghiên cứu, trường học...

Ngành Du lịch

Cũng giống như ngành Du lịch của Trường ĐH Cần Thơ, ngành này của Trường ĐHDHVN cũng trang bị cho sinh viên bên cạnh những ***kiến thức chung, kiến thức cơ bản***, là những ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... để khi ra trường sinh viên ***có khả năng*** hướng dẫn du lịch, quản trị các cơ sở kinh doanh du lịch...

1) Ngành Tiếng Anh; 2) Ngành Tiếng Pháp; 3) Ngành Tiếng Pháp; 4) Ngành Tiếng Trung; 5) Ngành Tiếng Nhật

Tương tự chương trình đào tạo 5 ngành cùng tên trên của Trường ĐHKHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM), ĐHSP (ĐH Đà Nẵng)... chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐHDLHV cũng cung cấp cho sinh viên các **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, cùng với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời sẽ được đào tạo để có khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi học xong sinh viên **có khả năng** sử dụng ngôn ngữ chuyên ngành trong giao tiếp cũng như giảng dạy, nghiên cứu...

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐHDL Hùng Vương không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã thi khối A, B, C, D1,3,4 vào các trường đại học trong cả nước để xét tuyển.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành, khoa mà thí sinh đã ĐKDT.
- Các ngành chuyên ngữ môn ngoại ngữ nhân hệ số 2.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDL Hùng Vương tương đối ổn định (từ năm 2002 đến nay đều ở mức 1.000 chỉ tiêu).
- Cũng giống như một số trường dân lập khác điểm trúng tuyển của trường từ năm 2004 đến nay bằng điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định. Những thí sinh có lực học trung bình trở lên sẽ không khó khăn lắm nếu muốn trở thành sinh viên của trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Địa chỉ cơ sở 1: 354 Bến Chương Dương, Q.1, Tp.HCM.

Điện thoại: 08 367753 - 08 371206 - Fax: 8365732 - Website: <http://www.saigon-uni.edu.vn/>

- Tháng 04/2004 Trường Đại học Dân lập (ĐHDL) Kỹ nghệ Tp. HCM (SEU) được thành lập, đến tháng 03/2005 Trường được đổi tên thành Trường ĐHDL Công nghệ Sài Gòn (gọi tắt là Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn), là cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học trên nhiều lĩnh vực.
- Trường ĐHDL Sài Gòn hiện đang đào tạo các bậc: Cao đẳng, Đại học... với các hệ đào tạo chính: chính quy, vừa học vừa làm...
- Đội ngũ cán bộ giảng dạy của nhà trường hầu hết có trình độ Đại học, Trên đại học với nhiều Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DL CÔNG NGHỆ SÀI GÒN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Tin học; 2) Ngành Điện tử viễn thông; 3) Ngành Cơ - Điện tử; 4) Ngành Công nghệ thực phẩm; 5) Ngành Kỹ thuật công trình; 6) Ngành Quản trị kinh doanh; 7) Ngành Điện - Điện tử

Nội dung chương trình đào tạo tất cả các ngành có tên trên của Trường ĐHDL Công nghệ Sài Gòn cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên của Trường ĐH Bách Khoa (ĐHQG Tp.HCM). Sinh viên khi theo học 1 trong các ngành này sẽ được cung cấp không chỉ **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, mà còn được học **kiến thức cơ bản** về ngành, cũng như sẽ được đào tạo khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, cùng với một số môn học mang tính đặc thù của trường... để sau khi tốt nghiệp sinh viên các chuyên ngành này sẽ **có khả năng** tác nghiệp tại các cơ quan, đơn vị có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

* Đặc điểm tuyển sinh và một số lưu ý

- Trường ĐHDL Công nghệ Sài Gòn tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối: A, B, D1.
- Trường không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi Đại học của những thí sinh đã dự thi các khối A, B, D1 theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT vào các trường Đại học trong cả nước để xét tuyển trên cơ sở hồ sơ ĐKDT của thí sinh.
- Điểm trúng tuyển vào trường được xét theo ngành.
- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường từ khi thành lập đến nay tăng lên. Năm 2006 tăng 600 chỉ tiêu so với năm 2004 (1.400 - 800 chỉ tiêu).
- Cũng giống như một số trường dân lập khác từ năm 2004 trở lại đây điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường được lấy bằng điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP TÂY ĐÔ

Địa chỉ: 209 đường 30/4, Q.Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ

- Trường Đại học Dân lập Tây Đô được thành lập vào ngày 09/3/2006 theo Quyết định số 54/2006/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ. Đây là trường Đại học ngoài công lập đầu tiên tại thành phố Cần Thơ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP TÂY ĐÔ ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

Ngành Quản trị kinh doanh (gồm các chuyên ngành: Kế toán, Tài chính - Ngân hàng, Marketing)

Cũng giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành cùng tên trên của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, ĐH Ngân hàng Tp.HCM Tp.HCM... Trường ĐHDL Tây Đô cũng cung cấp cho sinh viên không chỉ *kiến thức chung, kiến thức cơ bản của ngành*, mà còn trang bị *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*... để sau khi ra trường, sinh viên *có khả năng* quản trị kinh doanh nói chung đặc biệt là trong các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành...

Ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng công trình

Tương tự chương trình đào tạo ngành Kỹ thuật xây dựng của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), ngành Kỹ thuật công trình của Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM... chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐHDL Tây Đô cũng trang bị cho sinh viên ngoài những *kiến thức chung* dành cho khối Khoa học cơ bản, cùng các *kiến thức cơ bản* về ngành, là những *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*... Ra trường, sinh viên *có khả năng* làm việc độc lập trong những lĩnh vực có liên quan tới chuyên ngành...

Ngành Nuôi trồng thủy sản

Sinh viên khi theo học ngành Nuôi trồng thủy sản của Trường ĐHDL Tây Đô sẽ được đào tạo khối *kiến thức chung, kiến thức cơ bản* và *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*... giống như khối kiến thức mà Trường ĐH Nha Trang, ĐH Nông lâm Tp.HCM... cung cấp cho sinh viên. Tốt nghiệp, Cử nhân chuyên ngành *có khả năng* tham gia tổ chức sản xuất và quản lý hoạt động nghề cá...

Ngành Tin học

Bên cạnh các *kiến thức chung, kiến thức cơ bản dành cho ngành*, sinh viên học ngành Tin học của Trường ĐHDL Tây Đô còn được trang bị *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*... tương tự như khối kiến thức mà Trường ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM) trang bị cho sinh viên các ngành này, để sau khi tốt nghiệp sinh viên *có khả năng* ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn vào trong thực tế công tác trên các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành được đào tạo...

Ngành Tiếng Anh

Chương trình đào tạo ngành Tiếng Anh của Trường ĐHDL Tây Đô giống như chương trình đào tạo ngành cùng tên của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM). Khi theo học ngành này sinh

viên sẽ được học những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và các **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời cũng được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để khi học xong Cử nhân ngành Tiếng Anh **có khả năng** giao tiếp bằng tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai của mình, đồng thời có khả năng ứng dụng linh hoạt vào trong các hoạt động, lĩnh vực có liên quan...

(Xem nội dung chi tiết các ngành tại các trường đã nêu)

*** Đặc điểm tuyển sinh và một số lưu ý:**

- Trường ĐHDL Tây Đô có phạm vi tuyển sinh toàn quốc.

- Năm 2006 chỉ tiêu mà Bộ GD&ĐT giao cho trường không lớn (500 chỉ tiêu) nhưng số lượng thí sinh ĐKDT vào trường so với chỉ tiêu là tương đối nhiều (2.200/500), vì vậy tỉ lệ "chọi" của trường (1/4.4) so với những trường dân lập khác cũng thuộc diện khá cao.

- Năm 2006 điểm trúng tuyển NV2 vào trường hầu hết bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT tuy nhiên cũng có ngành lấy điểm trúng tuyển cao hơn điểm sàn như: ngành Quản trị kinh doanh (chuyên ngành Kế toán, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng). Điều này cho thấy Trường ĐHDL Tây Đô mặc dù mới thành lập nhưng rất chú trọng đến chất lượng đầu vào. Đây là điểm mà bạn cần lưu ý khi ĐKDT vào trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP DUY TÂN

Địa chỉ: 21 Nguyễn Văn Linh, Tp.Đà Nẵng

Điện thoại: 0511.650403 - Website: <http://www.dtu.edu.vn/>

- Trường Đại học Dân lập (ĐHDL) Duy Tân được thành lập theo Quyết định 666/QĐ-TTg ngày 1/11/1994 của Thủ tướng chính phủ.
- Trường ĐHDL Duy Tân hiện đang đào tạo các bậc: ĐH, CĐ, THCN...
- Đội ngũ giảng viên cơ hữu có năng lực chuyên môn và kinh nghiệm - được đào tạo từ các đại học trong nước (Đà Nẵng, Huế, Hà Nội, TP. HCM) và nước ngoài (ĐH Monash, Queensland, La Trobe...); Giảng viên thỉnh giảng là các Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ có uy tín trong và ngoài nước...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP DUY TÂN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Tin học ứng dụng; 2) Ngành Công nghệ phần mềm

Sinh viên Trường ĐHDLĐT khi theo học các ngành: 1) Ngành Tin học ứng dụng; 2) Ngành CN phần mềm cũng giống như sinh viên học các ngành này của Trường ĐH KHTN, ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM), chương trình đào tạo sẽ bao gồm **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, **kiến thức cơ**

ban về ngành và cả những *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*, đồng thời nhà trường còn cung cấp cho sinh viên những môn học mang tính đặc thù riêng nhằm *bổ trợ kiến thức cho ngành...* để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên *có khả năng* làm việc độc lập hoặc theo nhóm, có tư duy sáng tạo, có khả năng nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực được đào tạo...

1) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 2) Ngành Xây dựng cầu đường

Cũng giống như chương trình đào tạo các ngành: 1) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 2) Ngành Xây dựng cầu đường của Trường ĐH GTVT Tp.HCM, Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM)... chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐHDLDĐT cũng trang bị cho sinh viên những *kiến thức chung* của khối Khoa học cơ bản, *kiến thức cơ bản về ngành*, cùng những *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành*, cũng như sẽ được *bổ trợ kiến thức cho ngành* qua các môn học lựa chọn... để sau khi ra trường Kỹ sư các ngành này *có khả năng* thiết kế, tư vấn trong lĩnh vực xây dựng nói chung và chuyên ngành nói riêng...

1) Ngành Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Tài chính - Tín dụng; 3) Ngành Kế toán doanh nghiệp; 4) Ngành Kinh tế du lịch; 5) Ngành Kế toán - Kiểm toán; 6) Ngành Tiếng Anh

Tương tự chương trình đào tạo ở các trường: ĐH Kinh tế Tp.HCM, Học viện Ngân hàng, Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM)... của 6 ngành vừa nêu tên trên, chương trình đào tạo các ngành này của Trường ĐHDLDĐT cũng cung cấp cho sinh viên không chỉ có *kiến thức chung* về khối Khoa học cơ bản, mà còn có *kiến thức cơ bản của ngành*, ngoài ra còn tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên đi vào nghiên cứu những *kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành* mà sinh viên theo học, đồng thời cũng cung cấp một số *kiến thức bổ trợ cho ngành*... Tốt nghiệp, sinh viên *có khả năng* công tác trong các cơ quan, ban ngành có hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành...

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Từ năm 2005 Trường ĐHDLDĐT không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học năm 2005 của những thí sinh đã thi khối A, D, theo đề thi chung của Bộ vào các trường đại học trong cả nước để xét tuyển kể cả Đại học và Cao đẳng.

- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành, khoa mà thí sinh ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDLDĐT Duy Tân 4 năm gần đây (2003 – 2006) rất ổn định (1.500 chỉ tiêu).

- Điểm trúng tuyển vào trường tăng dần lên: năm 2002 là năm đầu tiên Bộ GD&ĐT thực hiện phương án tuyển sinh "3 Chung" thì điểm trúng tuyển vào trường rất thấp (chỉ lấy 5.0 điểm) nhưng từ năm 2003 đến nay đã tăng lên và từ năm 2004 thì điểm trúng tuyển vào trường ở mức lấy bằng điểm sàn do Bộ GD&ĐT cho cả 2 NV. Vì vậy nếu lực học của bạn từ trung bình trở lên thì bạn sẽ có nhiều cơ hội trở thành sinh viên của trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP LẠC HỒNG

Địa chỉ: Số 10, Liên tỉnh Lộ 24, P.Bửu Long, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai

Điện thoại: 061. 952138-952778 - Fax: 061. 952534

- Trường Đại học Dân lập (ĐHDL) Lạc Hồng được thành lập ngày 24/9/1997, là cơ sở đào tạo đa lĩnh vực (Kinh tế, Khoa học kỹ thuật, Xã hội nhân văn), đa cấp (Công nhân kỹ thuật, Trung cấp, Cao đẳng, Đại học).
- Đội ngũ giảng viên của Trường ĐHDL Lạc Hồng là những Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ Khoa học, Tiến sĩ, Thạc sĩ... có trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình, yêu nghề, được đào tạo chuẩn.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP LẠC HỒNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Công nghệ thông tin; 2) Ngành Điện khí hóa - Cung cấp điện (Điện công nghiệp); 3) Ngành Cơ khí; 4) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 5) Ngành Xây dựng cầu đường; 6) Ngành Công nghệ hóa vô cơ và hữu cơ; 7) Ngành Công nghệ cắt may; 8) Ngành Công nghệ thực phẩm; 9) Ngành Điện tử - Viễn thông; 10) Ngành Công nghệ sinh học;

Chương trình đào tạo của 10 ngành nêu tên trên của Trường ĐHDLH cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM).... Sinh viên khi theo học một trong các ngành này đều sẽ được cung cấp **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, đồng thời được trang bị những **kiến thức cơ bản dành riêng cho ngành**, cũng như các **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành** mà sinh viên theo học, ngoài ra còn được **bổ trợ kiến thức** cho ngành thông qua các môn bổ trợ khác... để khi tốt nghiệp ra trường sinh viên **có khả năng** làm việc độc lập trong các lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

1) Ngành Tài chính - Tín dụng; 2) Ngành Quản trị doanh nghiệp; 3) Ngành Thương mại du lịch; 4) Ngành Kế toán; 5) Ngành Kinh tế

Tương tự chương trình đào tạo 5 ngành cùng tên trên của Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), các trường: ĐH Kinh tế Tp.HCM, ĐH Ngân hàng Tp.HCM... chương trình đào tạo các ngành này của trường ĐHDLH cũng bao gồm **kiến thức chung, kiến thức cơ bản về ngành và khối kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**, ngoài ra trường còn cung cấp cho sinh viên những **kiến thức bổ trợ** dành riêng cho ngành... để sau khi tốt nghiệp Cử nhân các ngành này **có khả năng** làm việc độc lập trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đặc biệt là lĩnh vực Kinh tế, Ngân hàng...

1) Ngành Đông phương học; 2) Ngành Tiếng Anh

Nội dung chương trình học các ngành: Đông phương học, Tiếng Anh của Trường ĐHDLH tương tự chương trình đào tạo các ngành cùng tên của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM).... Ngoài những **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, thí sinh viên khi theo học các ngành này còn được cung cấp khối **kiến thức cơ bản và chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi học xong sinh viên các ngành Đông phương học, Tiếng Anh **có khả năng** công tác tại các vị trí có sử dụng đến chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo...

Ngành Khuyến nông

Sinh viên khi theo học ngành Khuyến nông ở trường ĐHDLLH được đào tạo trên nền các **kiến thức chung** về khối A, B thì sẽ được bước đầu đi vào chuyên ngành với những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, từ đó đi sâu nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**,... cũng giống như sinh viên ngành Phát triển nông thôn và khuyến nông của trường ĐH Nông lâm Tp.HCM.... Ra trường, sinh viên ngành Khuyến nông cũng sẽ **có khả năng** tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình phát triển, các chương trình khuyến nông...

Ngành Khoa học môi trường

Cũng giống như sinh viên ngành Khoa học môi trường của Trường ĐHKHTN (ĐHQG Tp.HCM), sinh viên khi theo học ngành này của trường ĐHDLLH cũng được học không chỉ **kiến thức chung** của khối Khoa học cơ bản, mà còn được cung cấp **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, để từ đó sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của từng chuyên ngành**,... Tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên cũng sẽ **có khả năng** phân tích đánh giá hiện trạng môi trường và các vùng lãnh thổ, kỹ năng đo đạc và phân tích các thông số môi trường...

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDL Lạc Hồng tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D1.
- Điểm trúng tuyển của trường được xét theo ngành và khối thi mà thí sinh đã ĐKDT.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường mấy năm gần đây tương đối ổn định (từ năm 2003 đến nay mới tăng được 150 chỉ tiêu (1.500 – 1.550).
- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường không cao, cũng giống như hầu hết các trường Dân lập khác, trường lấy điểm trúng tuyển bằng với điểm sàn của Bộ GD&ĐT ở cả 2 NV, bạn chỉ cần có học lực trung bình, trung bình khá và có sự cố gắng là có khả năng trở thành sinh viên của trường. (Xem bảng 2).

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP CỬU LONG

Địa chỉ: 112 Đinh Tiên Hoàng, P.8, Thị xã Vĩnh Long

Điện thoại: 070.821655 - 831155

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP CỬU LONG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Công nghệ thông tin; 2) Ngành Cơ khí; 3) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp; 4) Ngành Xây dựng cầu đường; 5) Ngành Công nghệ thực phẩm

Cũng giống như chương trình đào tạo 5 chuyên ngành cùng tên trên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM), chương trình đào tạo các chuyên ngành này của Trường ĐHDL Cửu Long cũng trang bị cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, mà còn cung cấp những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời sẽ đào tạo **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để khi học xong các ngành này sinh viên **có khả năng** làm việc độc lập tại các Cty, nhà máy, xí nghiệp, các đơn vị hoạt động sản xuất, kinh doanh... có hoạt động liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành...

Ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử

Sinh viên khi theo học ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử của Trường ĐHDL Cửu Long cũng được cung cấp khối kiến thức tương tự như sinh viên chuyên ngành này của Trường ĐHSP Kỹ thuật Tp.HCM. Bên cạnh **kiến thức chung** về khối Khoa học tự nhiên, sinh viên được đào tạo **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, vận hành các hệ thống điện - điện tử...

Ngành Nông học

Nội dung đào tạo ngành Nông học của Trường ĐHDL Cửu Long cũng giống như nội dung đào tạo ngành cùng tên của Trường ĐH Nông lâm Tp.HCM. Khi theo học ngành này sinh viên không chỉ được đào tạo trên nền các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản và những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, mà sẽ được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để sau khi học xong sinh viên ngành Nông học **có khả năng** ứng dụng, chuyển giao công nghệ vào trong các hoạt động của ngành Nông nghiệp nói chung...

1) Ngành Tài chính - Tín dụng; 2) Ngành Kinh doanh thương mại và dịch vụ; 3) Ngành Kế toán

Cũng giống như sinh viên học 3 ngành có tên trên của trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM sinh viên khi theo học các ngành này của Trường ĐHDL Cửu Long cũng được trang bị **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản và nhóm ngành Kinh tế, cùng với những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời nhà trường sẽ tạo điều kiện để sinh viên đi vào nghiên cứu các **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** một cách phù hợp để khi ra trường cử nhân các ngành này **có khả năng** ứng dụng kỹ năng, nghiệp vụ vào trong thực tế công tác chuyên ngành.

1) Ngành Ngữ văn; 2) Ngành Tiếng Anh

Tương tự chương trình đào tạo các ngành: Văn học; Tiếng Anh của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM) chương trình đào tạo các ngành này của trường Trường ĐHDL Cửu Long cũng nhằm cung cấp cho sinh viên bên cạnh những **kiến thức chung** về Khoa học Xã hội và Nhân văn là các **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, không những thế sinh viên còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để sau khi tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành **có khả năng** giảng dạy, nghiên cứu, ứng dụng vào trong các lĩnh vực có liên quan đến ngành được đào tạo...

Ngành Du lịch

Đào tạo cử nhân khoa học Du lịch có kiến thức rộng và sâu về văn hóa du lịch, địa lý du lịch, kinh tế du lịch, quản trị du lịch, nghiệp vụ du lịch, phương pháp quản lý và nghiên cứu định hướng quy hoạch du lịch, có các kỹ năng nghiệp vụ du lịch cần thiết và vốn ngoại ngữ nhất định.

Sinh viên tốt nghiệp được bố trí làm việc ở các cơ quan nghiên cứu quy hoạch du lịch, quản lý và kinh doanh du lịch từ Trung ương tới địa phương.

1. Đặc điểm tuyển sinh

- Trường ĐHDL Cửu Long không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi đại học của những thí sinh đã thi khối A, B, C, D1 vào các trường đại học trong cả nước để xét tuyển.

- Điểm trúng tuyển của trường được xét chung theo ngành mà thí sinh đã đăng ký xét tuyển.

2. Một số lưu ý

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDL Cửu Long có xu hướng tăng lên. Từ năm 2001 đến năm 2006 chỉ tiêu của trường đã tăng lên 500 chỉ tiêu (1.100 – 1.500).

- Điểm trúng tuyển của trường không cao, đặc biệt là từ sau khi thực hiện phương án tuyển sinh “3 chung” thì điểm của trường chỉ ở mức trung bình, đến năm 2004 áp dụng việc tính điểm sàn của Bộ GD&ĐT thì điểm trúng tuyển của trường được lấy bằng điểm sàn cho cả 2 NV (NV1 và NV2 hoặc NV3), vì thế nếu thí sinh có lực học trung bình trở lên và có sự cố gắng sẽ có thể trở thành sinh viên của trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP YERSIN ĐÀ LẠT

Địa chỉ: Số 1 - Tôn Thất Tùng - P.8 - Tp.Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng

Điện thoại: 063 520092

- Trường Đại học Dân lập (ĐHDL) Yersin Đà Lạt thành lập ngày 1/10/2004 là trường Đại học dân lập đầu tiên ở khu vực Tây Nguyên.
- Đội ngũ cán bộ của trường hiện có khoảng trên 30 Giảng viên, Giáo sư và khoảng trên 50 giáo viên có trình độ từ Thạc sĩ trở lên...
- ĐHDL Yersin Đà Lạt đào tạo chính quy bậc Đại học với rất nhiều ngành nghề thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung và ở Tây Nguyên nói riêng.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP YERSIN ĐÀ LẠT ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Công nghệ thông tin; 2) Ngành Công nghệ sinh học; 3) Ngành Khoa học môi trường

Nội dung chương trình đào tạo các ngành có tên trên của trường ĐHDL Yersin Đà Lạt cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên của trường ĐH Bách Khoa (ĐHQG Tp.HCM).... Sinh viên khi theo học 1 trong các ngành này sẽ được cung cấp không chỉ có khối **kiến thức chung**, **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, mà còn được đào tạo để có **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**.... Tốt nghiệp, sinh viên các ngành này **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành vào trong thực tế của đời sống sản xuất...

1) Ngành Kiến trúc; 2) Ngành Quy hoạch đô thị; 3) Ngành Mỹ thuật công nghiệp (Chuyên ngành Thiết kế thời trang)

Tương tự như sinh viên các ngành Kiến trúc, Quy hoạch đô thị, Ngành Mỹ thuật công nghiệp (Chuyên ngành Thiết kế thời trang) của trường ĐH Bách Khoa (ĐHQG Tp.HCM), ĐH Kiến trúc Tp.Hồ Chí Minh... sinh viên các ngành này của trường ĐHDL Yersin Đà Lạt cũng được học các **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cũng những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành, đồng thời cũng sẽ được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để khi ra trường sinh viên các ngành này **có khả năng** công tác trong những cơ liên quan đến lĩnh vực xây dựng đặc biệt là về kiến trúc, quy hoạch đô thị hoặc lĩnh vực may mặc thời trang...

1) Ngành Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Tiếng Anh

Đào tạo cử nhân hai ngành có tên trên của trường ĐHDL Yersin Đà Lạt nhằm trang bị những **kiến thức chung**, **kiến thức cơ bản về ngành**, cùng với khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... cũng giống như khối kiến thức mà Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM), Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM... trang bị cho sinh viên chuyên ngành cùng tên để sau khi học xong Cử nhân các ngành này **có khả năng** hoạt động tại các Cty, đơn vị sản xuất kinh doanh trên mọi lĩnh vực kinh tế có liên quan chuyên ngành đào tạo...

*** Đặc điểm tuyển sinh và một số lưu ý:**

- Trường ĐHDL Yersin Đà Lạt tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh khối A, B, C, D1, V và H.
- Trường không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi Đại học của những thí sinh đã dự thi các khối A, B, C, D1 theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT vào các trường Đại học trong cả nước để xét tuyển trên cơ sở hồ sơ ĐKDT của thí sinh.
- Điểm trúng tuyển được xét theo ngành mà thí sinh đã đăng ký xét tuyển.
- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường năm 2006 tăng 200 chỉ tiêu so với năm 2005 (1.300 - 1.100 chỉ tiêu).
- Từ khi thành lập đến nay Trường ĐHDL Yersin Đà Lạt lấy điểm trúng tuyển bằng điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định. Điểm trúng tuyển và các ngành thuộc khối V, H cũng không cao hơn những trường khác. Vì thế các bạn có học lực trung bình nếu cố gắng sẽ không khó để trở thành sinh viên của trường.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP PHÚ XUÂN

Địa chỉ: 28 Nguyễn Tri Phương, Tp.Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế

Điện thoại: (054) 829770.

- Trường Đại học Dân lập (ĐHDL) Phú Xuân được thành lập năm 2003, là cơ sở đào tạo đội ngũ cán bộ thuộc lĩnh vực Khoa học Xã hội.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP PHÚ XUÂN ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CỜ BÀN SAU:

1) Ngành Ngữ văn; 2) Ngành Lịch sử; 3) Ngành Địa lý du lịch

Cũng giống như nội dung chương trình đào tạo dành cho sinh viên các ngành có tên trên của trường ĐH KH&NV (ĐHQG Tp.HCM), chương trình đào tạo các ngành này của trường ĐHDL Phú Xuân cũng sẽ đào tạo cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, mà còn có **kiến thức chung** dành cho ngành, cùng với những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để khi ra trường Cử nhân các ngành **có khả năng** nghiên cứu, ứng dụng các lĩnh vực chuyên ngành vào trong đời sống thực tế sản xuất, kinh doanh...

Ngành VN học (Chuyên ngành Văn hóa du lịch)

Tương tự như chương trình đào tạo ngành VN học của Trường ĐHSP Tp.HCM, chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐHDL Phú Xuân cũng sẽ cung cấp cho sinh viên bên cạnh **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội, còn được học **kiến thức cơ bản** về ngành, để từ đó đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** cùng một số môn học mang tính đặc thù khác của trường... để sau khi học xong cử nhân ngành VN học **có khả năng** nghiên cứu và giảng dạy về VN học, hoặc làm trong các cơ quan du lịch, ngoại giao, các tổ chức quốc tế, cơ quan đại diện, văn phòng thương mại, các tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ ở trong và ngoài nước VN...

* Đặc điểm tuyển sinh và một số lưu ý:

- Trường ĐHDL Phú xuân tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối: A, B, C, D1, D3 và D4.
- Trường không tổ chức thi tuyển mà lấy kết quả thi Đại học của những thí sinh đã dự thi các khối A, B, C, D1, D3, D4 theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT vào các trường Đại học trong cả nước để xét tuyển trên cơ sở hồ sơ ĐKDT của thí sinh.
- Điểm trúng tuyển vào Trường ĐHDL Phú xuân được xét theo ngành.
- Chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường năm 2006 tăng gấp 3.7 lần so với năm 2003 (1.100 - 300 chỉ tiêu).
- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường mấy năm trở lại đây thường lấy bằng điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG

Địa chỉ: 130 Trần Hưng Đạo, Tp. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Điện thoại: 056. 822339 - Fax: 056. 822339

- Trường Đại học Quang Trung được thành lập theo Quyết định số 62/2006/QĐ-TTg ngày 17 tháng 03 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUANG TRUNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

- 1) Ngành Kinh tế nông nghiệp; 2) Ngành Kế toán (*Chuyên ngành Kế toán tổng hợp*);
3) Ngành Quản trị kinh doanh (*bao gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh tổng hợp; Quản trị nhân lực du lịch; Quản trị nhân lực*)

Chương trình đào tạo các ngành, chuyên ngành có tên trên của trường ĐHQT cũng giống như chương trình đào tạo các chuyên ngành cùng tên trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM)... Sinh viên khi theo học các ngành này ngoài được cung cấp ***kiến thức chung, kiến thức cơ bản dành cho ngành*** thì còn được trang bị khối ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... để khi ra trường sinh viên có khả năng công tác tại các vị trí chuyên môn ở các cơ quan Nhà nước hoặc các đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh...

Ngành Tin học ứng dụng (Công nghệ thông tin)

Cũng tương tự như chương trình học của sinh viên ngành Công nghệ thông tin của trường ĐHBK, ĐH KHTN (ĐHQG Tp.HCM)... chương trình đào tạo ngành này của trường ĐHQT cũng sẽ trang bị cho sinh viên không chỉ ***kiến thức chung*** về khối Khoa học cơ bản, mà sinh viên còn được học ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành, đồng thời sẽ được đi vào nghiên cứu ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... để sau khi học xong sinh viên chuyên ngành này sẽ ***có khả năng*** thiết kế và phát triển các hệ thống máy tính cả về phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo các sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống truyền thông, hệ thống điều khiển...

* Đặc điểm tuyển sinh, một số lưu ý:

- Trường ĐH Quang Trung tuyển sinh trong cả nước. Xét tuyển nguyện vọng 2 hoặc 3 của thí sinh dự thi Đại học, Cao đẳng theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT. Khối xét tuyển là A, D1.

- Do mới thành lập nên chỉ tiêu đào tạo mà Bộ GD&ĐT giao cho trường không lớn (500 chỉ tiêu), số lượng thí sinh ĐKDT cũng không nhiều (1.500) vì thế tỉ lệ "chọi" (1/3.0) so với mặt bằng chung không cao.

- Điểm trúng tuyển vào trường năm 2006 được xét bằng điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định.

- Dự kiến năm tới trường ĐH Quang Trung sẽ tổ chức thi tuyển nhằm nâng cao chất lượng đầu vào.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: 504 Đại lộ Bình Dương - P. Hiệp Thành - I. Thủ Dầu Một - Tỉnh Bình Dương

Điện thoại: (0650) 822 058 - Fax: (0650) 820 834 - Website: <http://www.bdu.edu.vn>

- Trường Đại học Dân lập (ĐHDL) Bình Dương được thành lập theo quyết định số 791/TTg ngày 24 tháng 09 năm 1997 của Thủ tướng Chính Phủ, là cơ sở đào tạo Kỹ sư, Cử nhân thực hành các ngành Ngoại ngữ, Tin học, Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp, Điện - Điện tử, Quản trị kinh doanh nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho nền kinh tế mở hiện nay.
- Giảng viên giảng dạy tại trường có nhiều kinh nghiệm trong giáo dục. Trên tổng số 130 Giảng viên hiện đang giảng dạy có rất nhiều vị Giáo sư, Phó giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ... được trường mời từ thành phố Hồ Chí Minh.
- Trường đào tạo các bậc: ĐH, CĐ, THCN... với các hệ chính: chính quy, vừa học vừa làm...

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP BÌNH DƯƠNG ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Tin học; 2) Ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Chương trình đào tạo 2 ngành có tên trên của trường ĐHDL Bình Dương cũng giống như chương trình đào tạo các ngành cùng tên của Trường ĐHBK (ĐHQG Tp.HCM)... Khi theo học một trong hai ngành này sinh viên sẽ được học **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học cơ bản, cùng **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời cũng được trang bị khối **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... để sau khi tốt nghiệp sinh viên **có khả năng** công tác trong những lĩnh vực liên quan đến chuyên ngành...

Ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử

Sinh viên khi theo học ngành Kỹ thuật Điện - Điện tử của Trường ĐHDL Bình Dương được cung cấp không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học tự nhiên, sinh viên được đào tạo **kiến thức cơ bản** dành cho ngành mà còn được đi vào nghiên cứu **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... cũng tương tự khối kiến thức mà Trường ĐH SPKT Tp.HCM trang bị cho sinh viên chuyên ngành cùng tên... để khi ra trường sinh viên cũng sẽ **có khả năng** thiết kế, chế tạo, lắp đặt, sửa chữa, vận hành các hệ thống điện - điện tử...

Ngành Quản trị kinh doanh

Cũng giống như sinh viên ngành Quản trị kinh doanh của Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM, Khoa Kinh tế (ĐHQG Tp.HCM)... sinh viên ngành này của trường ĐHDL Bình Dương cũng sẽ được học bên cạnh khối **kiến thức chung và kiến thức cơ bản dành cho ngành**, thì còn được trang bị những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành**... Tốt nghiệp chuyên ngành này sinh viên sẽ trở thành những Cử nhân **có khả năng** quản trị doanh nghiệp và biết tổ chức các hoạt động của một doanh nghiệp có hiệu quả cao, hình thành tư duy linh hoạt, nhạy bén với biến động thị trường, có khả năng giao tiếp quốc tế...

Ngành Tiếng Anh

Tương tự ngành Ngữ văn Anh của Trường ĐHKHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM), ngành Tiếng Anh của trường ĐHDL Bình Dương cũng trang bị cho sinh viên khi theo học ngành này ngoài **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Xã hội và Nhân văn, là những **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời cũng sẽ cung cấp cho sinh viên **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để sau khi học xong Cử nhân ngành Tiếng Anh sẽ **có khả năng** giao tiếp, giảng dạy bằng ngôn ngữ tiếng Anh, khả năng ứng dụng kiến thức nghiệp vụ vào trong các hoạt động có liên quan chuyên ngành...

1. Đặc điểm tuyển sinh:

- Trường ĐHDL Bình Dương tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối A, B, C, D1.
- Tất cả các thí sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông, Bổ túc văn hóa... đã trải qua kỳ thi tuyển sinh các khối A, B, D₁, V theo đề thi chung của Bộ GD&ĐT vào các trường đại học trong cả nước có kết quả các môn thi không có điểm 0 đều được ghi tên xét tuyển vào trường.
- Riêng khối V trường xét tuyển những thí sinh đã dự thi vào ngành kiến trúc của các Trường Đại học khác.
- Nếu bạn không đủ điểm vào học hệ Đại học và có nguyện vọng sẽ được trường gọi vào học hệ Cao đẳng với các ngành: Tin học, Xây dựng dân dụng và công nghiệp, Điện - Điện tử, Quản trị kinh doanh.

2. Một số lưu ý:

- Chỉ tiêu đào tạo hàng năm mà Bộ GD&ĐT giao cho Trường ĐHDL Bình Dương từ năm 2001 đến nay tăng lên và hai năm gần đây khá ổn định (năm 2005, 2006 đều tuyển 1.400 chỉ tiêu, tăng 600 chỉ tiêu so với năm 2001).
- Điểm trúng tuyển vào các ngành trong trường năm 2002 rất thấp (chỉ có 5 điểm) nhưng đã tăng dần lên nhất là từ khi áp dụng việc tính điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển vào trường thường lấy bằng điểm sàn cho cả 2 NV. Vì vậy đây là một điểm thuận lợi nếu bạn muốn trở thành sinh viên của trường.
- Từ năm học 2006 - 2007 trường tuyển sinh thêm 2 ngành mới: Ngữ văn và Xã hội học. Vì thế khả năng năm tới số lượng thí sinh ĐKDT vào trường sẽ tăng lên.

ĐẠI HỌC HOA SEN

Địa chỉ: 8 Nguyễn Văn Tráng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 8301 877 - 8324 602 - Fax: 8301 878 - Website: <http://www.hoasen.edu.vn>

- Trường Đại học Hoa Sen được thành lập ngày 30/11/2006.
- Trường ĐH Hoa Sen đào tạo các bậc: Cao đẳng, Đại học với các loại hình đào tạo chính: chính quy vừa học vừa làm...
- Trường ĐH Hoa Sen tuyển sinh trong cả nước và tuyển sinh các khối: A, D1, D3.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA SEN SẼ ĐÀO TẠO NHỮNG NGÀNH CƠ BẢN SAU:

1) Ngành Quản trị kinh doanh; 2) Ngành Quản trị nguồn nhân lực; 3) Ngành Quản trị du lịch và khách sạn – nhà hàng; 4) Ngành Marketing;

Chương trình đào tạo các ngành có tên trên của Trường ĐH Hoa Sen cũng tương tự chương trình đào tạo các ngành, chuyên ngành cùng tên của các trường: ĐH Kinh tế Tp.HCM, ĐHMBC Tp.HCM.... Bên cạnh những **kiến thức chung** của khối Khoa học Tự nhiên, nhóm ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh thì sinh viên các ngành này còn được học các **kiến thức cơ bản** về ngành, cũng như sẽ được học những **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để sau khi học xong, sinh viên các ngành **có khả năng** quản trị kinh doanh nói chung đặc biệt là quản trị trong những lĩnh vực có liên quan đến chuyên ngành đào tạo...

Ngành Công nghệ thông tin

Cũng giống như chương trình đào tạo ngành Công nghệ thông tin ở Trường ĐH Bách Khoa (ĐHQG Tp.HCM), chương trình đào tạo ngành này của Trường ĐH Hoa Sen cũng sẽ cung cấp cho sinh viên không chỉ có **kiến thức chung** dành cho khối Khoa học Tự nhiên mà còn có **kiến thức cơ bản** về ngành, đồng thời cũng được học **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành...** để khi ra trường sinh viên ngành Công nghệ thông tin **có khả năng** thiết kế và phát triển các hệ thống máy tính cả về phần cứng lẫn phần mềm, chế tạo các sản phẩm phần mềm, hệ thống thông tin quản lý, hệ thống truyền thông, hệ thống điều khiển...

Ngành Hệ thống và mạng máy tính

Sinh viên khi theo học ngành Hệ thống và mạng máy tính của Trường ĐH Hoa Sen sẽ được cung cấp không chỉ có **kiến thức chung** về khối Khoa học cơ bản, cùng những **kiến thức cơ bản** dành cho ngành mà còn được trang bị **kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành** về Hệ thống và mạng máy tính tương tự như khối kiến thức mà sinh viên ngành Mạng máy tính và truyền thông ở Trường ĐH CNTT (ĐHQG Tp.HCM) được đào tạo. Học xong chương trình sinh viên ngành này của trường ĐH Hoa Sen cũng sẽ **có khả năng** lập trình điều khiển thiết bị ngoại vi, lập trình kernel, xây dựng hệ thống mạng Cty...

Ngành Kế toán và tài chính

Nội dung chương trình đào tạo ngành Kế toán và tài chính của Trường ĐH Hoa Sen cũng giống như nội dung chương trình đào tạo ngành Kế toán - Kiểm toán của Khoa Kinh tế (ĐHQG

Tp.HCM): sinh viên ngoài được học ***kiến thức chung*** dành cho khối Khoa học cơ bản và nhóm ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh, cùng những ***kiến thức cơ bản*** về Kế toán - Kiểm toán, thì còn được cung cấp khối ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... để sau khi tốt nghiệp cử nhân Kế toán và tài chính sẽ ***có khả năng*** nghiên cứu, ứng dụng kỹ năng nghiệp vụ một cách phù hợp vào trong những lĩnh vực kế toán, tài chính, đầu tư...

Ngành Tiếng Anh

Ngành Tiếng Anh của Trường ĐH Hoa Sen cung cấp cho sinh viên bên cạnh những ***kiến thức chung*** về khối Khoa học Xã hội và Nhân văn là những ***kiến thức cơ bản*** dành cho ngành, để trên cơ sở đó sinh viên sẽ được đi vào nghiên cứu ***kiến thức chuyên sâu của chuyên ngành***... giống như sinh viên ngành Ngữ văn Anh của Trường ĐH KHXH&NV (ĐHQG Tp.HCM). Tốt nghiệp ra trường, cử nhân ngành này ***có khả năng*** làm việc trong môi trường doanh nghiệp dùng tiếng Anh như một công cụ để giao tiếp...

PHẦN II

MỘT SỐ LỜI KHUYÊN

1. Chọn khối để đăng ký dự thi
2. Chọn trường trong nhóm ngành
3. Chọn ngành trong khối trường
4. Chọn ngành trong trường
5. Chọn cơ sở đào tạo
6. Chọn trường theo khu vực địa lý
7. Chọn mô hình đào tạo
8. Đăng ký nguyện vọng
9. Để làm bài thi tốt
10. Hướng dẫn trả lời câu
trắc nghiệm nhiều lựa chọn
11. Trước ngày thi
12. Khi vào phòng thi
13. Khi làm bài thi
14. Khi biết kết quả thi
15. Khi trúng tuyển

- Mỗi thí sinh khi ĐKDT vào các trường đại học đều có chung một ước muốn - trở thành sinh viên. Song chỉ tiêu tuyển sinh vào các trường đại học chỉ đáp ứng được một phần nhỏ nguyện vọng của thí sinh.

- Làm thế nào để được trở thành sinh viên là bài toán không dễ có lời giải. Trên thực tế, một số học sinh có lực học "tương đối" hay học ở các trường "chuyên", lớp "chọn" thi đại học vẫn không trúng tuyển. Ngược lại, một số bạn có học lực trung bình lại được "đăng hoàng" trở thành sinh viên.

- Việc lựa chọn, đăng ký trường thi, khối thi, ngành hoặc chuyên ngành thi và việc lựa chọn đăng ký các nguyện vọng cũng là một điều vô cùng quan trọng, nó quyết định đến việc "trúng tuyển" hay "không trúng tuyển", là "sinh viên" hay không là "sinh viên" của các bạn.

- Đối với các bạn thí sinh không thuộc diện có học lực xuất sắc để được trở thành sinh viên là điều không phải dễ dàng gì, chúng tôi xin mạnh dạn "*hiến*" một số "*mẹo*" được rút ra từ kinh nghiệm giảng dạy, quản lý và nghiên cứu quá trình đào tạo tuyển sinh của các trường đại học và cao đẳng.

1. Chọn khối để ĐKDT:

Đây là việc đầu tiên các bạn thí sinh và các bậc phụ huynh phải làm ngay từ những năm đầu khi học phổ thông trung học. Có các khối thi: A, B, C, D và khối Năng khiếu. Mỗi khối thi gồm 3 môn.

Khối A: Toán, Lý, Hóa.

Khối B: Toán, Hóa, Sinh.

Khối C: Văn, Sử, Địa.

Khối D: Toán, Văn, Ngoại ngữ.

Khối Năng khiếu: 1 hoặc 2 môn văn hóa và môn Năng khiếu. (Môn năng khiếu này tùy thuộc vào từng trường quy định với những môn thi cụ thể).

- Trong các khối trường, có trường tuyển sinh một khối nhưng cũng có trường tuyển sinh cả 5 khối việc các trường tuyển sinh các khối thi khác nhau là do chức năng nhiệm vụ, khả năng, năng lực đào tạo của từng trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

*** Các trường tuyển 1 khối:** Đại học Giao thông Vận tải, Đại học Thủy lợi, Đại học Mỏ - Địa chất, Học viện Tài chính kế toán, Đại học Hà Nội, Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Đại học Mỹ thuật công nghiệp, Đại học Hàng hải, Đại học Dược Hà Nội, Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông, Học viện Ngân hàng, Học viện Kỹ thuật mật mã, Đại học Y Hà Nội, Đại học Y tế công cộng...

*** Các trường tuyển sinh 2 khối:** Đại học Ngoại thương, Đại học Nông nghiệp 1, Đại học Xây dựng, Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Lâm nghiệp, Đại học Công nghiệp Hà Nội, Đại học Bách khoa (Hà Nội), Học viện Hành chính quốc gia, Đại học Khoa học tự nhiên (Hà Nội - Tp.HCM), Học viện Bảo chi tuyên truyền...

*** Các trường tuyển sinh 3 khối:** Đại học Công đoàn, Đại học Lao động - Xã hội, Đại học Luật Hà Nội, Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học Kiến trúc Hà Nội...

*** Trường tuyển sinh cả 4 khối như các trường:** Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Thái Nguyên, Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh, Viện Đại học Mở Hà Nội...

*** Trường tuyển sinh cả 5 khối như các trường:** Đại học Hải Phòng, Đại học Hồng Đức, Đại học Hùng Vương, Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Đại học Tây Bắc, Đại học Vinh, Đại học Cần Thơ, Đại học Quy Nhơn, Đại học Sư phạm Tp.HCM...

Mỗi khối thi đều có nhiều trường tuyển sinh song tùy nhu cầu xã hội, điều kiện cơ sở vật chất và nội dung đào tạo mà chỉ tiêu tuyển sinh được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao nhiều hay ít.

Do vậy, các bạn cần tìm hiểu kỹ khối mình ĐKDT thi có bao nhiêu trường, với số chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm và điểm trúng tuyển hàng năm là bao nhiêu, khối thi đó có phù hợp với mình hay không? Qua so sánh đối chiếu năng lực học tập của bản thân với các tiêu chí trên bạn sẽ có sự lựa chọn hợp lý nhất.

2. Chọn trường trong nhóm ngành:

Căn cứ chức năng nhiệm vụ, mục tiêu đào tạo của các trường có thể phân thành các nhóm ngành sau:

- + Nhóm ngành Sư phạm
- + Nhóm ngành Khoa học Tự nhiên
- + Nhóm ngành Khoa học Nhân văn
- + Nhóm ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh
- + Nhóm ngành Ngoại ngữ
- + Nhóm ngành Y- Dược
- + Nhóm ngành Khoa học Xã hội
- + Nhóm ngành Công nghệ thông tin
- + Nhóm ngành Kỹ thuật
- + Nhóm ngành Công nghệ
- + Nhóm ngành Nông - Lâm - Thủy sản
- + Nhóm ngành Văn hóa - Nghệ thuật

Chọn khối trường thi cũng là công việc phải làm từ những năm đầu khi học phổ thông trung học. Khi đã chọn được khối ĐKDT, khối trường dự định thi, các bạn có thể tìm hiểu về chỉ tiêu, về số lượng thí sinh ĐKDT hàng năm của khối thi, khối trường thi đó để so sánh tỉ lệ "chọi", điểm trúng tuyển cao hay thấp, (xem các bảng 1, 2 tại các trường cụ thể). Điều đó sẽ giúp bạn biết lượng sức mình và cố gắng trong học tập để tránh tình trạng "*nước đến chân mới nhảy*".

Chỉ tiêu tuyển sinh khối A bao giờ cũng cao hơn các khối khác, song số lượng thí sinh ĐKDT khối này cũng đồng nhất.

Qua số liệu tuyển sinh mấy năm gần đây cho thấy, trong 12 nhóm ngành chia như trên, điểm trúng tuyển thường cao và tập trung vào một số ngành như Y, Dược, Sư phạm, Công nghệ thông tin, ngoại thương...

- + Đây là những nghề được xã hội đề cao và tôn trọng.
- + Khi ra trường được phân công công tác (có điều kiện xin được việc làm ngay).
- + Môi trường các trường này trong sạch, làm yên lòng các bậc phụ huynh.
- + Sinh viên không phải đóng học phí trong quá trình học.

+ Sinh viên học các khối này, khi ra trường thường sẽ được làm đúng ngành nghề đã được đào tạo.

Mỗi khối trường, có nhiều trường cùng đào tạo điểm trúng tuyển cũng rất khác nhau cùng khối kỹ thuật nhưng có trường điểm trúng tuyển bằng điểm sàn của Bộ GD&ĐT qui định nhưng có trường cao hơn điểm sàn từ 1 đến 2 điểm, có trường lại cao hơn từ 5 đến 10 điểm (xin xem bảng điểm tại các trường)

Chỉ tiêu đào tạo của các trường thông thường năm sau cao hơn năm trước, mức độ dễ dễ hay khó đây là cách đánh giá của từng người, nếu khó thì điểm sẽ không cao, nếu dễ thì nhiều điểm cao.

Mức độ chênh lệch điểm trúng tuyển của các trường thường khá lớn dẫn đến hiện tượng thí sinh có học lực giỏi nhưng thi đại học lại không đỗ trong khi thí sinh có học lực trung bình khá lại đỗ nếu chọn đúng trường, đúng ngành (xem chi tiết bảng 1, 2 ở các trường).

Điều đó cho thấy, các bạn phải xem điểm trúng tuyển của các trường cùng khối mình thi để lựa chọn trường cho phù hợp với khả năng của bản thân. Đừng mạo hiểm! Hãy chọn trường mà bạn thấy khả năng đỗ đến với bạn nhiều hơn.

3. Chọn ngành trong khối trường:

Khi chọn ngành thì bạn cần lưu ý những điều sau:

+ Chọn ngành phù hợp với năng lực, sở trường, sức học của bản thân.

+ Chọn ngành mà xã hội đang cần hay tương lai sẽ cần.

+ Chọn ngành phù hợp với khả năng, điều kiện của gia đình (nghề nghiệp truyền thống của gia đình).

Việc lựa chọn ngành thi dựa vào ba yếu tố trên sẽ giúp bạn phát huy được những tố chất sẵn có đã được thừa hưởng từ gia đình, phát huy được năng lực, những sở trường từ chính bản thân, và điều đặc biệt là khi tốt nghiệp ra trường bạn sẽ nhanh chóng tìm được một công việc phù hợp bởi vì ngành nghề mà bạn lựa chọn chính là các ngành "Hot". Ví dụ: nếu bạn là người có óc thực tế tức là người có tính tự lập, dễ thích nghi, năng động, biết vận hành máy móc, thiết bị, làm các công việc thủ công, tiếp xúc với thiên nhiên, thích làm các công việc thực hành, thấy được kết quả trong công việc, làm việc ngoài trời... thì ngành nghề thích hợp với bạn chính là những ngành kỹ thuật, nông nghiệp, thủy lợi, lâm nghiệp, dầu khí, giao thông vận tải, quản lý đất đai, môi trường, điều khiển máy móc thiết bị, cảnh sát, thể dục thể thao; hay nếu bạn là người có đầu óc phân tích, tổng hợp, điều tra, phân loại tính lô gíc, khả năng giải quyết vấn đề, thích tìm hiểu khám phá, quan sát, phản ánh nghiên cứu tổ chức công việc... bạn nên chọn những ngành như toán học, công nghệ thông tin, y dược, thống kê, khảo cổ, kinh tế học...

Một ngành có thể được đào tạo ở nhiều trường, vì vậy trước hết phải tìm được các trường có đào tạo ngành mà bạn yêu thích (Kèm theo các yếu tố về trường như trường có bề dày truyền thống, lịch sử, có uy tín, chất lượng đào tạo, có đội ngũ giáo viên giảng dạy giàu kinh nghiệm...). Sau đó phải chú ý đến tỉ lệ "chọi" và điểm trúng tuyển vào các ngành đó. Nếu sức học của bạn không giúp cho bạn tự tin lắm trong khi bạn vẫn muốn được học ngành mình yêu thích thì bạn nên chọn trường có đào tạo ngành đó nhưng tỉ lệ "chọi" và điểm chuẩn thấp hơn những trường khác. Điểm chuẩn vào cùng một ngành ở các trường có sự chênh lệch. Ví dụ:

Bảng 1.a: Ngành điện tử viễn thông

Trường	2002		2003		2004		2005		2006	
	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
HV CN Bưu chính VT	1/9.2	22.0	1/14	23.0	1/8.7	23.0	1/10.2	25.5	1/11	24.0
ĐH CN (ĐHQGHN)	1/6.6	19.5	1/4.9	22.5	1/4.3	20.5	1/8.6	26.5	1/4.7	21.0
ĐH GTVT Tp.HCM	1/11.2	14.0	1/12	17.5	1/8	18.0	1/5.7	18.5	1/7.4	17.5
ĐH Hàng Hải	1/12.8	15.0	1/11.1	16.5	1/9	16.5	1/7.7	20.5	1/6.7	17.5

Bảng 1.b: Ngành Công nghệ thông tin (khối A) ở một số trường/khoa

Trường	2004	2005	2006
Đại học Công nghệ (ĐHQG Hà Nội)	23.5	25.5	25.0
Học viện Công nghệ BC - VT	22.0	25.5	22.5
Đại học Bách khoa (ĐHQG Tp.HCM)	21.0	25.5	22.5
Đại học Vinh	15.0	17.5	16.5
Đại học Giao thông vận tải Tp.HCM	17.0	17.5	16.0
Đại học Mở - Địa chất	15.0	20.0	15.0
Khoa Công nghệ thông tin (ĐH T)	15.5	17.0	14.0
Đại học Nông lâm Tp.HCM	15.0	17.0	14.0
Đại học Sư phạm (ĐH Đà Nẵng)	15.5	15.0	13.5

Bảng 2: Bảng so sánh điểm các ngành cao nhất của Khoa Kinh tế

(Quốc gia Hà Nội, Quốc gia TPHCM, ĐH Huế)

Trường	2002	2003	2004	2005	2006
ĐH Quốc gia Hà Nội	21.0	20.0	20.0	25.5	21.0
ĐH Quốc gia Tp.HCM	13.0	20.0	15.5	21.5	21.5
ĐH Huế	15.5	19.5	23.5	21.5	18.5

Có một điều mà các bạn cần lưu ý với chức năng, nhiệm vụ riêng của mỗi trường ngoài những phần cơ bản giống nhau, mỗi trường đều có những mục tiêu đào tạo riêng của mình. Ví dụ ngành Công nghệ thông tin có nhiều trường cùng đào tạo: Bách khoa, Khoa học Tự nhiên, Thủy lợi, Sư phạm, Viện Đại học Mở... nhưng Bách khoa, Thủy lợi, Viện Đại học Mở... lại đào tạo chuyên sâu hơn về mặt ứng dụng, còn Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Sư phạm... lấy tên ngành ở mục lục lại đào tạo thiên về mặt nghiên cứu lý thuyết... Hay ngành Quản trị kinh doanh cũng có nhiều trường cùng đào tạo như: Đại học Quốc gia, Kinh tế quốc dân, Ngoại thương, Thương mại, Thái Nguyên... nhưng Đại học Quốc gia Đại học Thái nguyên... thì thiên về nghiên cứu lý thuyết, còn Kinh tế quốc dân, Thương mại, Ngoại thương... lại chuyên sâu về ứng dụng. Các cơ quan tuyển dụng hiện nay hay xem xét đến mặt uy tín và chất lượng trường bạn được đào tạo cũng như là trường đó đào tạo thiên về mặt nào vì vậy khi lựa chọn ngành bạn cũng nên chú ý.

Tóm lại, tùy vào lực học của bạn, bạn nên lựa chọn ngành nghề và trường cho phù hợp để đảm bảo khả năng đỗ cho mình.

4. Chọn ngành trong trường:

Đối với trường lấy điểm chuẩn theo ngành, có 4 yếu tố chính để quyết định điểm chuẩn:

*** Số lượng thí sinh ĐKDT.**

Nếu số thí sinh ĐKDT đông, tỉ lệ "chọi" cao nghĩa là mức độ loại lớn thí sinh thường kéo theo điểm trúng tuyển cao, ví dụ: Trường Đại học Công đoàn

Ngành	2003		2004		2005		2006	
	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
Bảo hộ lao động	1/11.5	15.0	1/14.1	15.5	1/20.5	18.0	1/15.2	15.0
Quản trị KD (A)		15.0		14.5		17.5		16.0
Quản trị KD (D)		17.5		17.0		17.0		17.5
Xã hội học		20.5		17.5		20.0		17.5
Công tác xã hội		-		20.5		21.0		18.5

*** Chất lượng học tập của thí sinh ĐKDT**

Chất lượng học tập của các thí sinh dự thi cũng là một trong những yếu tố quyết định điểm chuẩn của ngành cao hay thấp. Ví dụ:

Trường	Ngành	2004		2005		2006	
		Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
ĐH KHTN (ĐHQG HN)	Toán - Tin ứng dụng	1/9.11	23.5	1/3.71	24.0	1/3.25	19.5
	Công nghệ sinh học B	1/15.28	26.0	1/13.96	26.0	1/12.96	23.0
ĐH Bách khoa (ĐHQG Tp.HCM)	Công nghệ thông tin	1/6.06	21.0	1/7.17	25.5	1/4.73	22.5
	Công nghệ Hóa - Thực phẩm	1/3.26	22.0	1/5.17	26.5	1/2.62	21.0
ĐH Dược Hà Nội	Dược sĩ	1/4.0	23.5	1/6.8	27.5	1/3.7	23.5
ĐH Y Hà Nội	Bác sĩ đa khoa	1/13.0	27.5	1/8.0	25.5	1/6.1	23.5
	Bác sĩ Y học cổ truyền	1/13.0	26.5	1/13.0	24.0	1/13.0	22.5
ĐH Ngoại thương	Kinh tế đối ngoại A	1/5.5	25.0	1/4.8	26.5	1/3.4	25.5
	Tiếng Anh thương mại		23.5		24.0		22.0

Do vậy các thí sinh khi ĐKDT vào các trường lấy điểm chuẩn theo ngành mà học lực không xuất sắc nên thận trọng và tìm hiểu kỹ cả 3 yếu tố trên.

*** Chỉ tiêu đào tạo của trường và của ngành được Bộ Giáo dục và Đào tạo giao**

*** Mức độ dễ dễ hay khó**

Các trường đại học đều có nhiều ngành đào tạo do đó mức độ điểm chuẩn, tỉ lệ "chơi" giữa các ngành là khác nhau. Ví dụ:

Trường	Ngành	2004		2005		2006	
		Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
ĐH KHTN (ĐHQG HN)	Toán - Tin ứng dụng	1/9.1	23.5	1/3.7	24.0	1/3.3	19.5
	Hóa học	1/3.4	20.5	1/7.1	26.0	1/2.2	20.0
	Địa chất	1/10.	20.0	1/0.8	20.0	1/1.3	18.0
	Địa chính	1/15.	20.0	1/3.4	20.0	1/5.5	18.0
ĐH Bách khoa (ĐHQG Tp.HCM)	Công nghệ thông tin	1/3.6	21.0	1/7.2	25.5	1/4.7	22.5
	Công nghệ Hóa - TP	1/3.2	22.0	1/5.2	26.5	1/2.6	21.0
	Cơ khí	1/3.4	19.5	1/7.2	25.0	1/2.8	19.0
	Kỹ thuật địa chất	1/2.0	16.0	1/2.9	18.0	1/2.5	17.0
ĐH Sư phạm Hà Nội	SP Toán	1/10	25.5	1/13.0	25.5	1/7.7	25.0
	SP Tin	1/10	20.0	1/13.0	24.5	1/7.7	18.5
	SP Lịch sử	1/10	24.4	1/13.0	18.5	1/7.7	21.5
	SP Tâm lý giáo dục	1/10	18.5	1/13.0	21.5	1/7.7	18.0

Do vậy nếu học lực của bạn không phải là xuất sắc nhưng vẫn muốn trở thành sinh viên của một trường nào đó thì bạn nên chọn giải pháp an toàn - chọn ngành, khoa có điểm chuẩn và tỉ lệ "chọi" vừa phải thì khả năng bạn được trở thành sinh viên đến với bạn nhiều hơn.

5. Chọn cơ sở đào tạo (nếu trường có hơn 1 cơ sở đào tạo):

Chúng tôi nói tới điều này khi bạn có thể khắc phục được về mặt địa lý, bởi thực tế cho thấy, cũng thuộc một trường nhưng tỉ lệ "chọi" của các cơ sở đào tạo khác nhau lại khác nhau. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc bạn có trúng tuyển hay không (tất nhiên học lực của bạn vẫn là điều kiện tiên quyết). Ví thế, ở phía Bắc bạn có thể ĐKDT ở phía Nam nếu như tỉ lệ "chọi" và điểm trúng tuyển của cơ sở ở phía Nam thấp hơn phía Bắc hoặc ngược lại. Ví dụ:

Bảng 1.a. Điểm trúng tuyển vào Trường ĐH Giao thông vận tải

Phía	2002		2003		2004		2005		2006	
	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
Cơ sở 1	1/12.1	19.5	1/8.8	20.5	1/7.4	22.0	1/4.7	20.5	1/7.3	20.0
Cơ sở 2	1/3.2	11.0	1/4.6	13.5	1/5.5	15.5	1/4.7	18.5	1/2.3	13.0

Nếu bạn thi vào Đại học Giao thông vận tải điểm trúng tuyển năm 2006 NV1 ở cơ sở 1 (Phía bắc) là 20 trong khi đó ở cơ sở 2 (phía Nam) chỉ là 13 điểm. Nghĩa là nếu điểm thi khối A của bạn chỉ đạt 13 nhưng bạn ĐKDT vào cơ sở 2 thì bạn được trở thành sinh viên nhưng bạn lại ĐKDT ở cơ sở 1 thì thì bạn thiếu những 7.0 điểm.

Bảng 1.b. Điểm chuẩn của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2
Điện tử VT	22.0	18.0	23.0	21.0	23.0	17.0	25.5	23.5	24.0	21.0
QTKD BCVT	18.0	15.0	19.5	17.5	21.5	18.5	23.0	21.0	22.5	17.5
CNTT	20.0	17.5	23.5	20.0	22.0	17.5	25.5	22.0	22.5	20.0

Qua bảng 1.b bạn có thể thấy mấy năm gần đây mức chênh lệch về điểm trúng tuyển giữa 2 cơ sở giảm xuống nhưng điểm trúng tuyển vào các ngành ở HVCN BCVT (cơ sở 1) năm nào cũng cao hơn cơ sở 2. Đặc biệt năm 2005, 2006 điểm trúng tuyển vào các ngành ở cơ sở 1 luôn luôn ở mức rất cao, thậm chí những bạn có học lực tiên tiến xuất sắc cũng chưa chắc có khả năng thi đỗ nhưng nếu bạn ĐKDT ở cơ sở 2 thì khả năng trúng tuyển sẽ cao hơn.

Bảng 1.c. Điểm chuẩn của Trường ĐH Thủy lợi

Ngành	Cơ sở	2004	2005	2006	Ngành	Cơ sở	2004	2005	2006
Thủy nông cải tạo đất	Cơ sở 1	18.5	22.0	16.0	Công trình thủy lợi	Cơ sở 1	21.5	24.0	19.5
	Cơ sở 2	14.0	16.0	13.0		Cơ sở 2	15.0	20.0	14.0
Kỹ thuật xây dựng cơ sở hạ tầng	Cơ sở 1	19.5	23.0	18.5	Thủy văn - Môi trường	Cơ sở 1	18.5	22.0	16.0
	Cơ sở 2	14.0	16.0	13.0		Cơ sở 2	14.0	16.0	13.0

Tương tự như 2 ví dụ trên, đối với Trường ĐH Thủy lợi bạn cũng sẽ thấy rất rõ sự chênh lệch về điểm trúng tuyển giữa 2 cơ sở. Nếu học lực của bạn chưa đạt được từ khá trở lên thì bạn nên ĐKDT vào ĐH Thủy lợi cơ sở 2. Nếu bạn yêu thích các ngành của Trường ĐH Thủy lợi đào tạo mà học lực tương đối tốt và để khả năng trở thành sinh viên của Trường ĐH Thủy lợi là cao nhất bạn cũng nên ĐKDT ở cơ sở 2.

Qua các ví dụ trên cho thấy: Việc chọn sơ sở đào tạo để ĐKDT là việc làm quan trọng nó liên quan tới trúng tuyển hay không trúng tuyển.

6. Chọn trường theo khu vực địa lý:

Về việc chọn trường của thí sinh theo khu vực địa lý, chúng tôi thấy đây là một yếu tố khá quan trọng để giúp cho việc thí sinh có thêm cơ hội trở thành sinh viên, nhất là đối với các thí ở khu vực miền Trung hoặc ở xa các trường đại học.

Dưới đây chúng tôi xin cung cấp số liệu điểm chuẩn của một số trường (ngành) ở các khu vực khác nhau có cùng hệ đào tạo để các bạn tham khảo sao cho cơ hội trúng tuyển là cao nhất. Ví dụ:

Bảng 1. Điểm trúng tuyển một số ngành của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội - ĐH Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh)

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	Hà Nội	Tp.HCM	Hà Nội	Tp.HCM	Hà Nội	Tp.HCM	Hà Nội	Tp.HCM	Hà Nội	Tp.HCM
Toán - Tin A	21.0	15.0	19.5	16.5	23.5	17.5	24.0	17.5	19.5	16.0
Vật lý A	19.0	13.5	19.5	14.0	20.5	15.0	21.5	16.0	19.5	15.0
Hóa học A	22.0	17.0	21.5	18.5	20.5	19.5	26.0	19.0	20.0	18.5
Địa chất A	17.0	11.0	16.0	12.0	20.0	14.0	20.0	16.0	18.0	15.0
Khoa học môi trường A	21.0	13.5	19.0	16.5	21.0	18.0	22.5	18.0	21.0	17.5
Khoa học môi trường B	25.0	23.0	22.5	19.0	25.5	22.5	25.0	18.0	22.5	20.5
Công nghệ sinh học B	26.0	23.0	24.0	20.0	26.0	24.5	26.0	24.0	23.0	22.5

Qua bảng 1 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển vào các ngành của cả 2 trường đều có xu hướng tăng lên nhưng điểm trúng tuyển vào các ngành của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội) lại có sự chênh lệch tương đối lớn so với các ngành cùng tên ở Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Tp.HCM), đặc biệt là các ngành tuyển sinh khối A. Tuy nhiên mức độ chênh lệch này có sự thay đổi từng năm. Năm 2002, khối A, điểm trúng tuyển ngành Toán - Tin nếu ở Hà Nội là 21.0 điểm, còn nếu ở Tp.HCM thì lại chỉ có 15.0 điểm (chênh nhau tới 6.0 điểm); mức chênh lệch giữa của ngành có điểm trúng tuyển cao nhất (ngành Hóa học) cũng tới 5.0 điểm; ngành có điểm trúng tuyển thấp hơn những ngành khác như ngành Địa chất cũng chênh nhau những 6.0 điểm, thậm chí ngành Khoa học môi trường (A) ở Hà Nội cao hơn ở Tp.HCM tới 7.5 điểm... Đến năm 2006 mức độ chênh lệch này đã giảm nhưng điểm trúng tuyển của Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội) vẫn cao hơn so với ở Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Tp.HCM) từ 2.5 đến 4.5 điểm.

Các ngành tuyển sinh khối B có mức điểm chênh lệch ít hơn so với khối A song bao giờ Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Tp.HCM) cũng thấp hơn so với Trường ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội).

Nếu bạn có học lực khá trở lên mà muốn trở thành sinh viên của Trường ĐH Quốc gia thì bạn nên ĐKDT ở Tp.HCM vì như vậy khả năng trúng tuyển của bạn sẽ rất cao (vì từ năm 2004 đến nay bạn có thể thấy qua bảng trên điểm trúng tuyển vào các ngành của ĐH Khoa học Tự nhiên (ĐH Quốc gia Hà Nội) thường không dưới 18.0 điểm, có ngành bạn có mức điểm giỏi cũng không trúng tuyển trong khi đó ở Tp.HCM thường chỉ lấy dưới 20.0 điểm (đối với khối A)...).

Bảng 2: Tỷ lệ chọn, điểm trúng tuyển một số ngành của ĐH Kiến trúc (Hà Nội - Tp.HCM)

Ngành	Trường	2002		2003		2004		2005		2006	
		Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm	Tỉ lệ	Điểm
Kiến trúc công trình	ĐH Kiến trúc HN	1/8.0	23.0	1/5.6	17.5	1/8.6	20.5	1/7.8	20.0	1/6.0	19.0
	ĐH Kiến trúc Tp.HCM	1/9.7	17.0	1/12.3	19.5	1/6.6	17.5	1/8.3	22.0	1/7.9	19.0
Quy hoạch đô thị	ĐH Kiến trúc HN	1/8.0	22.0	1/5.6	16.5	1/8.6	19.5	1/7.8	20.0	1/6.0	19.0
	ĐH Kiến trúc Tp.HCM	1/9.7	15.5	1/12.3	17.5	1/7.9	16.5	1/8.3	17.5	1/7.9	19.0
Xây dựng dân dụng và công nghiệp	ĐH Kiến trúc HN	1/8.0	20.5	1/5.6	20.5	1/8.6	24.5	1/7.8	23.5	1/6.0	21.5
	ĐH Kiến trúc Tp.HCM	1/9.7	14.5	1/12.3	20.0	1/7.9	19.5	1/7.8	24.0	1/7.9	18.0

Qua bảng trên có thể thấy tỉ lệ "chọn" của các ngành ở Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM thường cao hơn ĐH Kiến trúc Hà Nội nhưng điểm trúng tuyển vào các ngành lại thay đổi từng năm. Năm 2002 điểm trúng tuyển 3 ngành trên của ĐH Kiến trúc Hà Nội cao hơn rất nhiều so với ĐH Kiến trúc Tp.HCM: ngành Quy hoạch đô thị ở Hà Nội cao hơn Tp.HCM tới 6.5 điểm (22.0/15.5), ngành Kiến trúc công trình ở Hà Nội cũng cao hơn Tp.HCM 6.0 điểm (23.0/17.0)... Năm 2003 tỉ lệ "chọn" của các ngành Kiến trúc công trình và Quy hoạch đô thị ở Tp.HCM tăng lên nhiều so với năm trước kéo theo thì điểm trúng tuyển vào các ngành này cao hơn so với Hà Nội, nhưng mức chênh lệch không lớn chỉ từ 1.0 đến 2.0 điểm; đến năm 2006 mặc dù tỉ lệ chọn của ĐH Kiến trúc Tp.HCM cao hơn ĐH Kiến trúc Hà Nội song điểm trúng tuyển 2 ngành này ở 2 trường đều là 19.0 điểm.

Năm 2003 tỉ lệ "chọn" của ngành Xây dựng dân dụng và công nghiệp ở Tp.HCM cao gần gấp đôi so với Hà Nội nhưng mức điểm trúng tuyển lại xấp xỉ bằng nhau (chỉ chênh nhau 0.5 điểm). Năm 2005 tỉ lệ "chọn" của ngành này ở 2 trường là bằng nhau nhưng điểm trúng tuyển ở Hà Nội lại thấp hơn so với Tp.HCM. Năm 2006 điểm trúng tuyển ngành này ở Hà Nội cao hơn Tp.HCM trong khi tỉ lệ "chọn" lại thấp hơn...

Như vậy qua số liệu trên cho thấy chất lượng đầu vào của Trường ĐH Kiến trúc Tp.HCM và Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội là tương đối đều nhất là các ngành tuyển sinh khối V. Điểm trúng tuyển thay đổi từng năm và không theo một quy luật nhất định nào, đồng thời không hoàn toàn phụ thuộc vào tỉ lệ "chọn" so với 2 trường mà điểm trúng tuyển cũng xê dịch tương tự, song bạn có thể thấy năm nào tỉ lệ "chọn" mà cao thì điểm trúng tuyển vào các ngành cũng tăng lên.

Bảng 3. Điểm chuẩn của Trường ĐH Luật Hà Nội và Trường ĐH Luật Tp.HCM

Khối	Trường	2002	2003	2004	2005	2006
A	ĐH Luật Hà Nội	16.5	16.5	16.5	19.5	18.0
	ĐH Luật Tp.HCM	12.5	15.0	15.5	17.0	17.5
C	ĐH Luật Hà Nội	19.0	18.5	20.5	19.0	20.5
	ĐH Luật Tp.HCM	14.5	14.0	16.0	15.0	16.5

Qua bảng 3 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển vào Trường ĐH Luật Hà Nội năm nào cũng cao hơn so với ĐH Luật Tp.HCM ở cả 2 khối tuy nhiên mức độ chênh lệch về điểm giữa 2 khối không giống nhau: điểm trúng tuyển khối C ở ĐH Luật Hà Nội luôn luôn cao và ở mức mà nếu bạn không có học lực khá giỏi trở lên thì khó có khả năng thi đỗ, nhưng ở ĐH Luật Tp.HCM thì mức điểm trúng tuyển khối C chưa có năm nào cao đến 17.0 điểm, mức độ chênh lệch xê dịch từ 4.0 đến 4.5 điểm. Lực học của bạn có thể chỉ ở mức trung bình khá trở lên nhưng nếu cố gắng thi bạn vẫn có khả năng trở thành sinh viên trường luật.

Mức điểm chênh lệch khối A ít hơn so với khối C, trừ năm 2002 ĐH Luật Hà Nội lấy điểm trúng tuyển khối A cao hơn so với ĐH Luật Tp.HCM 4.0 điểm (16.5/12.5) còn từ năm 2003 - 2006 chỉ chênh nhau từ 0.5 - 2.5 điểm. Điểm trúng tuyển khối A vào ĐH Luật Tp.HCM có chiều hướng tăng dần lên, 2 năm gần đây điểm trúng tuyển khối A cũng ở mức khá cao, năm 2006 còn xấp xỉ bằng so với ĐH Luật Hà Nội. Điều này chứng tỏ chất lượng đầu vào của trường được nâng lên rõ rệt. Nếu như năm 2002 điểm trúng tuyển là 12.5 điểm, nghĩa là bạn chỉ cần có lực học trung bình mà cố gắng thi cũng có thể trúng tuyển nhưng đến nay nếu bạn không có lực học khá trở lên thì khả năng đỗ của bạn sẽ là rất thấp, vì thế khi ĐKDT bạn nên lưu ý đến điều này.

Qua các dữ liệu trên bạn sẽ thấy cũng là những trường đào tạo ngành luật nhưng ở ĐH Luật Tp.HCM thì điểm trúng tuyển vào trường luôn "mém" hơn so với ĐH Luật Hà Nội song để khả năng trúng tuyển là cao nhất bạn nên xem xét, so sánh kỹ lưỡng giữa 2 trường đặc biệt là những bạn thi khối A. Nếu bạn thi khối C mà lực học chỉ từ trung bình khá trở lên nhưng vẫn muốn học ngành Luật thì chúng tôi khuyên các bạn nên ĐKDT vào ĐH Luật Tp.HCM.

Bảng 4. Điểm chuẩn của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2	Cơ sở 1	Cơ sở 2
Điện tử VT	22.0	18.0	23.0	21.0	23.0	17.0	25.5	23.5	24.0	21.0
QTKD BCVT	18.0	15.0	19.5	17.5	21.5	18.5	23.0	21.0	22.5	17.5
CNTT	20.0	17.5	23.5	20.0	22.0	17.5	25.5	22.0	22.5	20.0

Nhìn vào bảng 4 bạn có thể thấy điểm trúng tuyển vào 3 ngành có tên trên có chiều hướng tăng lên ở cả 2 cơ sở và luôn luôn có sự chênh lệch, mặc dù mức độ chênh lệch về điểm giữa 2 cơ sở có thay đổi từng năm. Nhìn chung điểm trúng tuyển vào HVCN BCVT ở cơ sở 1 luôn luôn cao và thường ở mức trên 20.0 điểm, đặc biệt là từ khi áp dụng việc tính điểm sàn do Bộ GD&ĐT quy định thì điểm trúng tuyển vào cơ sở 1 rất cao đòi hỏi bạn phải có học lực xuất sắc trở lên, nhất là ngành Điện tử viễn thông năm 2005 lấy tới 25.5 điểm. Điểm trúng tuyển vào cơ sở 2 mặc dù thấp hơn so với cơ sở 1 nhưng cũng tương đối cao, nếu bạn không có lực học khá trở lên thì cũng khó có khả năng thi đỗ.

Nếu muốn trở thành sinh viên HVCN BCVT bạn cần phải cố gắng lớn và thực sự học tốt vì điểm trúng tuyển vào Học viện ở cả 2 cơ sở mấy năm gần đây đều khá cao. Trừ ngành Quản trị kinh doanh bưu chính viễn thông thì 2 ngành còn lại cũng có rất nhiều trường khác đào tạo như: ĐH Quốc gia, ĐH Kinh tế, ĐH Cần Thơ... vì thế bạn nên so sánh điểm trúng tuyển vào các ngành định ĐKDT của các trường khác để có được sự lựa chọn đúng đắn nhất.

Bảng 5. Điểm chuẩn của Học viện Ngân hàng (Hà Nội) và Đại học Ngân hàng Tp.HCM (khối A)

Trường	2002		2003		2004		2005		2006	
	Tỉ lệ chọn	Điểm	Tỉ lệ chọn	Điểm	Tỉ lệ chọn	Điểm	Tỉ lệ chọn	Điểm	Tỉ lệ chọn	Điểm
Học viện Ngân hàng	1/17.4	20.5	1/7	17.5	1/13.3	21.0	1/8.4	23.5	1/8.4	23.5
ĐH Ngân hàng Tp.HCM	1/12.3	17.5	1/4.3	15.5	1/9.3	17.5	1/13.9	20.5	1/13.9	20.5

Điểm trúng tuyển khối A của HV Ngân hàng luôn luôn cao hơn so với điểm trúng tuyển khối A của Trường ĐH Ngân hàng Tp.HCM. Từ sau năm 2002 đến nay điểm trúng tuyển vào 2 trường nhìn chung đều có chiều hướng tăng lên (năm 2006 có giảm nhưng đây cũng là tình hình chung của hầu hết các trường trong kỳ thi tuyển sinh Đại học - Cao đẳng năm này). Có thể thấy điểm trúng tuyển vào HV Ngân hàng năm 2005, năm 2006 rất cao (23.5 và 23.0 điểm), cao hơn ĐH Ngân hàng Tp.HCM 3.0 điểm trong cả 2 năm. Nếu bạn có học lực chỉ từ khá trở lên, chưa được giỏi, xuất sắc trở

lên thi bạn không nên ĐKDT vào HV Ngân hàng vì bạn khó có khả năng trúng tuyển mà nên ĐKDT vào ĐH Ngân hàng Tp.HCM để khả năng trở thành sinh viên của bạn là cao nhất.

Bảng 6.a. Điểm chuẩn một số ngành sư phạm của Trường ĐH Sư phạm (Hà Nội - Tp.HCM)

Ngành	2002		2003		2004		2005		2006	
	ĐHSP HN	ĐHSP TP.HCM	ĐHSP HN	ĐHSP TP.HCM	ĐHSP HN	ĐHSP TP.HCM	ĐHSP HN	ĐHSP TP.HCM	ĐHSP HN	ĐHSP TP.HCM
Toán học	24.0	29.0	24.5	22.0	25.5	24.0	25.5	25.5	25.0	23.5
Tin học	18.0	19.0	22.0	16.0	20.0	17.5	24.5	19.5	18.5	17.0
Vật lý	22.0	24.0	24.0	20.0	23.0	21.0	26.0	24.0	21.5	19.5
Hoá học	24.0	28.0	24.0	22.5	25.0	23.5	21.0	25.5	24.5	22.5
Ngữ văn C	24.5	27.0	24.0	18.5	24.0	19.5	23.0	17.5	21.5	17.5
Lịch sử	24.0	25.5	23.0	18.5	24.4	19.0	18.5	16.5	21.5	18.0
Tiếng Anh	26.0	28.0	29.5	27.0	27.0	22.0	28.0	27.5	28.0	28.5
Tiểu học D	20.5	16.5	21.5	18.0	21.0	18.5	20.0	15.5	22.0	18.5
Mầm non	21.0	17.0	21.0	19.5	20.0	17.5	19.0	18.0	-	-

Bảng 6.b. Điểm chuẩn một số ngành sư phạm của các Trường ĐH Sư phạm phía Bắc

Ngành	2004			2005				2006			
	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP Hà Nội 2	ĐHSP (TN)	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP Hà Nội 2	ĐHSP (TN)	ĐH Hồng Đức	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP Hà Nội 2	ĐHSP (TN)	ĐH Hồng Đức
Toán/Toán-Tin	25.5	23.5	21.5	25.5	23.5	23.5	24.5	25.0	23.5	19.5	13.0
Tin học	20.0	21.0	19.0	24.5	15.5	22.0	20.0	18.5	15.5	16.0	13.0
Lý/Lý-Tin	23.0	21.0	20.0	26.0	25.0	22.0	23.5	21.5	25.0	18.5	13.0
Hoá học	25.0	21.5	21.0	21.0	25.5	23.5	24.5	24.5	25.5	21.0	-
Ngữ văn C	24.0	23.0	19.5	23.0	20.0	19.0	16.5	21.5	20.0	19.0	14.5
Lịch sử	24.4	3.0	21.0	18.5	-	19.0	15.5	21.5	19.5	19.0	14.5
Tiếng Anh	27.0	17.5	25.5	28.0	15.5	24.0	25.0	28.0	15.5	26.5	27.5

Bảng 6.c. Điểm chuẩn một số ngành sư phạm của các Trường ĐH Sư phạm ở khu vực miền Trung

Ngành	2004			2005			2006		
	ĐH Vinh	ĐHSP (Huế)	ĐHSP (ĐN)	ĐH Vinh	ĐHSP (Huế)	ĐHSP (ĐN)	ĐH Vinh	ĐHSP (Huế)	ĐHSP (ĐN)
Toán/Toán-Tin	20.5	17.5	19.5	24.0	23.5	21.5	22.0	18.5	19.5
Tin học	19.0	16.5	-	18.5	17.0	15.0	18.0	14.5	13.5
Vật lý	20.0	21.0	20.0	21.5	18.0	18.0	22.0	18.5	18.0
Hoá học A	22.0	19.0	19.0	24.0	24.0	22.5	21.0	17.0	17.0
Sinh / Sinh-MT	22.5	21.0	20.0	22.5	22.0	21.5	18.0	15.5	17.0
Ngữ văn C	21.5	19.0	18.0	21.5	19.0	16.5	20.0	18.5	17.0
Lịch sử	22.0	19.5	17.5	19.0	19.0	17.5	21.0	17.5	17.0
Địa lý C	23.0	20.5	18.5	15.0	18.5	17.0	-	-	17.0

Bảng 6.d. Điểm chuẩn một số ngành sư phạm của các Trường ĐH Sư phạm ở khu vực phía Nam

Ngành	2004				2005				2006			
	ĐHSP Tp.HCM	ĐHSP Q.Nhơn	ĐH C.Thơ	ĐH A.Giang	ĐHSP Tp.HCM	ĐHSP Q.Nhơn	ĐH C.Thơ	ĐH A.Giang	ĐHSP Tp.HCM	ĐHSP Q.Nhơn	ĐH C.Thơ	ĐH A.Giang
Toán/ Toán - Tin	24.0	18.0	19.5	17.0	25.5	18.5	21.0	19.5	23.5	18.0	17.0	15.5
Tin học	17.5	14.0	13.5	14.0	19.5	15.0	15.0	15.0	17.0	13.0	14.0	13.0
Vật lý	21.0	17.0	17.0	16.0	24.0	18.5	17.0	18.0	19.5	18.0	16.0	15.5
Hoà học	23.5	18.0	15.5	17.0	25.5	18.5	21.5	19.5	22.5	19.0	18.0	16.0
Sinh/ Sinh- KTNN	21.5	19.0	13.5	16.0	20.0	18.5	18.0	16.0	19.0	17.0	14.0	15.5
Ngữ văn	19.5	20.0	14.5	17.0	17.5	17.0	16.6	16.5	17.5	18.0	18.0	17.0
Lịch sử	19.0	20.0	17.0	17.0	16.5	-	16.0	16.5	18.0	18.0	17.0	17.5
Địa lý C	20.0	20.0	16.5	-	16.5	17.0	16.5	16.0	17.0	13.0	16.5	17.0
Tiếng Anh	22.0	19.0	15.0	18.5	27.5	17.0	19.0	20.0	28.5	17.0	18.5	22.5

(**Ghi chú:** Có một số trường môn chính nhân hệ số 2).

Bảng 6.e. Điểm chuẩn một số ngành sư phạm của các Trường ĐH Sư phạm trong toàn quốc

Năm	Ngành	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP Hà Nội 2	ĐHSP (ĐH Th.N)	ĐH Vinh	ĐHSP (ĐH Huế)	ĐHSP Quy Nhơn	ĐHSP TP.HCM	ĐH An Giang
2004	Toán/Toán-Tin	25.5	23.5	21.5	20.5	17.5	18.0	24.0	17.0
	Tin học	20.0	21.0	19.0	19.0	16.5	14.0	17.5	14.0
2005	Toán/Toán-Tin	25.5	23.5	23.5	24.0	23.5	18.5	25.5	19.5
	Tin học	24.5	15.5	22.0	18.5	17.0	15.0	19.5	15.0
2006	Toán/Toán-Tin	25.0	23.5	19.5	22.0	18.5	18.0	23.5	15.5
	Tin học	18.5	15.5	16.0	18.0	14.5	13.0	17.0	13.0

Qua những bảng số liệu trên chúng tôi thấy việc chọn trường theo khu vực địa lý để ĐKDT là rất quan trọng đối với thí sinh, tất nhiên học lực của thí sinh vẫn là điều kiện tiên quyết nhất.

7. Chọn mô hình đào tạo:

Theo kết quả tổng kết hàng năm của Bộ GD&ĐT, cũng như là thực tế tuyển sinh của hệ thống các trường trong toàn quốc thì các trường đại học công lập bao giờ điểm tuyển sinh cũng cao hơn các trường đại học dân lập chẳng hạn như nếu các bạn cũng thi ngành Kế toán nếu thi trường Đại học Kinh tế quốc dân số điểm mà bạn phải đạt để trúng tuyển NV1 là 26 điểm, nhưng nếu thi trường Đại học Dân lập Thăng Long điểm trúng tuyển chỉ là 14 điểm (nếu chỉ so sánh các trường phía bắc). Hoặc cũng ngành Kế toán nếu thi trường Đại học Kinh tế Tp.HCM thì điểm trúng tuyển là 17.5, nhưng nếu thi vào trường Đại học Dân lập Hồng Bàng, Đại học Dân lập Duy Tân... thì số điểm mà bạn chỉ cần đạt là... 13 điểm.

Cũng tương tự như vậy, các trường Đại học bán công điểm trúng tuyển bao giờ cũng phải cao hơn trường dân lập. Ví dụ: ngành Kế toán nếu thi vào trường Đại học Dân Lập Thăng Long thì chỉ cần đạt 14 điểm (đối với khối D) nhưng nếu thi Viện Đại học Mở Hà Nội thì số điểm phải đạt là 18.5 điểm (khối D).

Một vài năm gần đây các trường Công lập đã tăng số lượng tuyển NV2 lên rất nhiều tuy nhiên mức nhận hồ sơ xét tuyển và điểm trúng tuyển vào các trường công lập này so với các

trường đào tạo theo hình thức Bán công và Dân lập có sự chênh lệch rất lớn. Ví dụ: Ngành tiếng Anh của trường Đại học Ngoại ngữ (Đại học Quốc gia Hà Nội) mức điểm để xét tuyển NV2 là 28.5 (hệ phiên dịch) và 29.5 (hệ sư phạm) (môn Tiếng Anh được tính hệ số 2), Viện Đại học Mở Hà Nội ngành Tiếng Anh (môn tiếng Anh hệ số 2) mức điểm nhận hồ sơ là 24.5 điểm, trong khi đó trường Đại học Dân lập Thăng Long ngành Tiếng Anh (môn tiếng Anh hệ số 2) mức điểm chỉ là 21. (Số liệu năm 2006).

Vi vậy nếu các bạn có lực học không tốt lắm, lại có khả năng thì có thể đăng ký vào các trường ngoài hệ thống công lập để đảm bảo cho khả năng đỗ vào Đại học cao hơn.

8. Đăng ký nguyện vọng:

Từ năm 2004, mỗi thí sinh khi ĐKDT đại học sẽ được đăng ký 1 nguyện vọng "cứng", nếu sau khi biết kết quả thi mà không trúng tuyển thì sẽ được đăng ký tiếp nguyện vọng thứ 2 và nếu tiếp tục không trúng tiếp thì thí sinh sẽ được quyền đăng ký tiếp tục một nguyện vọng nữa - NV3 (ở những trường còn chỉ tiêu). Như vậy mỗi một thí sinh sẽ được lựa chọn, đăng ký 3 lần. Dự kiến việc đăng ký nguyện vọng năm 2007 sẽ không đổi, chúng tôi có một số nhận xét để các bạn tham khảo:

Việc đăng ký nguyện vọng dự thi rất quan trọng đối với thí sinh, trên thực tế có nhiều thí sinh có lực học khá, giỏi, học ở các trường chuyên, lớp chọn nhưng thi lại không đỗ trong khi đó có những thí sinh học lực chỉ thuộc dạng trung bình khá, học ở các lớp bình thường ở những vùng có điều kiện học tập còn có khó khăn về mọi mặt thì lại thi đỗ.

Điều này có thể thấy rất rõ qua tỉ lệ trúng tuyển của các thí sinh trong mấy năm gần đây, tỉ lệ trúng tuyển của các thí sinh ở trường chuyên lớp chọn hay các thí sinh ở KV3 trong mấy năm qua có biểu đồ đi xuống. Ví dụ: tại Hà Nội năm 2001- 2002 lớp chuyên Sinh của trường A - một trong những trường danh tiếng, nhưng tỉ lệ trượt đại học gần 30%; hoặc tỉ lệ trúng tuyển của các thí sinh Hà Nội chỉ là 9% trong 2 năm 2000 và 2001, trong khi đó tỉ lệ trúng tuyển của tỉnh Kon Tum - một tỉnh miền núi lại là 25% và 14%. Năm 2006 huyện Đức Thọ tỉnh Hà Tĩnh trúng tuyển đợt 1 kỳ thi Đại học - Cao đẳng là gần 400 em trong đó có rất nhiều em đạt điểm từ 25 trở lên (Xã Thái Yên - Huyện Đức Thọ - Tỉnh Hà Tĩnh - có 53 em đỗ Đại học - Cao đẳng trong đó có tới 38 em đỗ Đại học).

Việc học sinh ở các trường chuyên lớp chọn ở các thành phố không trúng tuyển theo chúng tôi có một số lý do sau:

- Học sinh quá tự tin với năng lực học tập của mình.
- Trong khi làm bài thi học sinh muốn khẳng định bản thân, nên thường chọn câu khó làm trước nên bị mất quá nhiều thời gian, đến khi quay lại làm những câu đơn giản, để được điểm thi lại không còn thời gian nữa.
- Khi ĐKDT các học sinh vô tình chọn các trường hoặc ngành có điểm chuẩn quá cao.
- Các bạn dự tính thi khối A vẫn có thể học thêm môn Sinh để có thể ĐKDT khối B, hoặc có thể ĐKDT thêm khối D vì các môn Văn, Toán, Ngoại ngữ đã là những môn bắt buộc phải thi tốt nghiệp THPT. Nếu như vậy bạn sẽ có thêm cơ hội trúng tuyển.

Đăng ký nguyện vọng 2

Nếu không may các bạn không trúng tuyển NV1 phải đăng ký NV2 thì các bạn hãy cân nhắc cho kỹ xem mức điểm của mình có khả năng trúng tuyển với trường nào, ngành nào thì hãy nộp hồ sơ

xét tuyển, đừng nóng vội, hãy bình tĩnh đợi tất cả các trường thông báo mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển NV2 trên các phương tiện thông tin đại chúng rồi hãy quyết định.

Những trường đào tạo có chất lượng cao, có tuyển NV2 nhưng tuyển với một số lượng không nhiều trong khi đó số lượng thí sinh có NV2 với độ chênh lệch 1 điểm so với NV1 rất lớn. Vì thế bạn phải có số điểm cực kỳ tốt mới có khả năng đỗ vào NV2.

Năm 2005 ngành Địa chất ở trường Đại học Mỏ - Địa chất cũng cách mức điểm nhận hồ sơ xét tuyển NV2 đến 4.0 điểm (24.5/20.5) điểm, bỏ xa điểm chuẩn NV1 ngành "đỉnh" của trường là Dầu khí tới 3.0 điểm (24.5/21.5 điểm). Hoặc ngành Địa chính của trường Đại học Khoa học Tự nhiên, thí sinh phải có mức điểm cao hơn mức điểm nhận hồ sơ NV2 tới 3.0 điểm mới trúng tuyển (25.0/23.0 điểm). Tại trường Đại học Bách Khoa (Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh) ngành Kỹ thuật nhiệt lạnh cũng có mức điểm điểm trúng tuyển NV2 cách mức điểm nhận hồ sơ đến 5.5 điểm (24.5/19.0 điểm)...

Một lưu ý nhỏ nữa là khi đăng ký NV2 các bạn cũng nên dừng vì thấy các năm trước điểm trúng tuyển NV1 và điểm trúng tuyển NV2 có sự chênh lệch lớn nên không dám nộp hồ sơ đăng ký NV2 vì vậy đã bỏ lỡ cơ hội nộp hồ sơ vào trường mình thích vì mọi sự luôn luôn có thể thay đổi. Ví dụ như Học viện Mật mã năm 2005 điểm trúng tuyển NV1 là 17.0 và điểm trúng tuyển NV2 là 24.0. Nhưng đến năm 2006 thì điểm trúng tuyển NV1 cũng là 17.0 song điểm trúng tuyển NV2 chỉ là 19.0.

Qua những các số liệu trên cho thấy nếu trường nào còn nhiều chỉ tiêu và điểm nhận hồ sơ thấp thì điểm trúng tuyển lại cao, trường nào có điểm nhận hồ sơ cao thì điểm trúng tuyển lại chênh lệch không đáng kể.

Đăng ký nguyện vọng 3

Khi đã bị trượt cả hai NV1 và NV2 lúc này bạn chỉ còn một hi vọng duy nhất là NV3. Khi nộp hồ sơ xét tuyển NV3 các bạn cũng cần phải cân nhắc, tính toán cho thật kỹ đừng vì thấy hai NV1,2 đã bị trượt rồi mà thất vọng, nản chí và "nộp liêu". Còn rất nhiều trường công lập, bán công, dân lập vẫn tuyển NV3.

Các bạn nên chú ý, có rất nhiều trường khi tuyển NV3 đưa ra mức điểm nhận hồ sơ cao nhưng điểm trúng tuyển chỉ cách mức điểm nhận hồ sơ ấy không nhiều, còn có nhiều trường đưa ra mức điểm nhận hồ sơ thấp nhưng điểm trúng tuyển lại có sự chênh lệch đáng kể (tương tự như tình trạng xét tuyển NV2). Vì thế không ít trường hợp khi đăng ký NV3 có mức điểm đạt trên 20.0 điểm mà vẫn trượt đại học.

Ví dụ: Năm 2006 trường Đại học Nông nghiệp đưa ra mức điểm xét tuyển NV3 là 17.5 nhưng điểm trúng tuyển ngành cao nhất là Tin học và Kỹ thuật cơ khí (19.5 điểm) và ngành lấy điểm ít nhất là Khoa học đất và Nuôi trồng thủy sản... thì bằng mức điểm xét tuyển, trong khi đó Trường Đại học Sư phạm (Đại học Thái Nguyên) đưa ra mức điểm xét tuyển NV3 của ngành thấp nhất là 18.5 điểm nhưng điểm trúng tuyển lại lên tới 21.5 điểm (ngành Sư phạm Vật lý)... Một số trường khác đưa ra mức điểm nhận hồ sơ NV3 không cao nhưng lại lấy điểm trúng tuyển bằng với điểm nhận hồ sơ như một số trường Dân lập ... Vì thế việc đăng ký nguyện vọng 3 cần phải cập nhật thông tin hàng ngày để quyết định nộp hồ sơ vào trường nào để được trở thành sinh viên (Xem bảng dưới đây).

Bảng điểm một số ngành xét tuyển NV3 của một số trường

Trường	Tên ngành	Điểm nhận hồ sơ XT NV3	Điểm trúng tuyển NV3
ĐH Sư phạm (ĐH Thái Nguyên)	Sư phạm Toán	19.5	22.0
	Sư phạm Vật lý	18.5	21.5
ĐH Nông nghiệp 1	Kỹ thuật cơ khí	17.5	19.5
	Tin học	17.5	19.5
	Khoa học đất	17.5	17.5
ĐH Nông Lâm (ĐH Thái Nguyên)	Công nghiệp nông thôn	13.0	13.0
	Phát triển nông thôn	13.0	13.0
	SP Kỹ thuật nông nghiệp	14.0	14.0
	Nhóm ngành KT Nông nghiệp	14.0	14.0

Qua những ví dụ trên bạn có thể thấy năm 2006 có những thí sinh được trên 20.0 điểm vẫn không trúng tuyển trong khi đó rất nhiều bạn chỉ cần 13.0 điểm lại được trở thành sinh viên do đó việc đăng ký NV2,3 rất quan trọng.

9. Để làm bài thi tốt:

Trước hết bạn phải giữ gìn và đảm bảo ổn định sức khỏe: Những ngày trước khi thi cố gắng ăn đủ chất dinh dưỡng, học hành căng thẳng và có nhiều áp lực sẽ đến với bạn nhưng hãy cố gắng dành thời gian nghỉ ngơi thư giãn, không nên dùng các chất kích thích như rượu, bia, thuốc lá... không nên học quá khuya bởi lúc này bạn có học thì khối lượng kiến thức mà bạn thu được cũng rất ít... Hãy để tinh thần thật sự thoải mái, không vương bạn bất cứ một vấn đề gì.

Trước ngày thi một ngày, tức là ngày bạn đi làm thủ tục nhận phòng thi, cố gắng đừng để thiếu sót các vấn đề thuộc về nguyên tắc (đồng lệ phí thi, quên các giấy tờ cần thiết...) nếu phát hiện thấy các sai sót trên giấy báo dự thi thì bạn nên thông báo ngay với cán bộ coi thi hoặc hội đồng tuyển sinh để giải quyết ngay, đừng để đến ngày hôm sau mới giải quyết (tức là ngày bạn chính thức thi) vì làm như vậy bạn sẽ bị ức chế ảnh hưởng không tốt tới việc làm bài.

Trước khi vào phòng thi nhớ kiểm tra kỹ những giấy tờ cần thiết, gắng giữ tinh thần thật thoải mái, hãy hít thở sâu và thở ra thật nhẹ, cứ coi như là bạn đang làm bài kiểm tra tại lớp vậy.

*** Kiến thức**

Nếu kỳ thi tốt nghiệp THPT là kỳ thi đánh giá kết quả học tập của tất cả học sinh THPT (tỉ lệ tốt nghiệp thông thường đạt 90 - 98%) thì kỳ thi đại học là kỳ thi "tuyển chọn" và chỉ tiêu đào tạo chỉ đáp ứng được khoảng 10% số lượng thí sinh ĐKDT. Điều kiện tiên quyết với thí sinh là nắm chắc kiến thức cơ bản của chương trình phổ thông.

Bộ GD&ĐT đã chỉ đạo Ban ra đề thi của Bộ và các trường khi ra đề thi phải tuân theo nguyên tắc:

- Không được ra đề ngoài chương trình hoặc vượt chương trình.
- Không được ra đề thi vào những phần, những ý đã được giảm hoặc cắt bỏ, những phần đã được chuyển sang phần học thêm.
- Không được ra đề quá khó, quá phức tạp.
- Không được ra đề thi lắt léo, mang tính đánh đố. Song đề thi phải đảm bảo có sự phân loại nhằm tuyển được thí sinh có trình độ vào các trường đại học và cao đẳng. Năm 2006 cấu trúc đề thi

tự luận được thay đổi mạnh theo hướng tăng việc kiểm tra tính sáng tạo, kỹ năng thực hành của thí sinh; mỗi đề thi gồm nhiều câu hỏi riêng biệt.

Quan điểm chỉ đạo của Bộ GD&ĐT về việc ra đề thi là rất rõ, song các bạn thí sinh (đặc biệt là các bạn có học lực trung bình) cần lưu ý: "không quá khó và phức tạp" chứ không phải "dễ và đơn giản". Mức độ "quá khó", "quá phức tạp" không phải lúc nào cũng xác định được rõ ràng, cụ thể. Đề thi sẽ "không lắt léo, mang tính đánh đố" nhưng bạn vẫn phải đọc kỹ đề bài thi, xác định được yêu cầu của từng câu hỏi để tránh tình trạng mặc dù viết được dài nhưng lại trả lời vào những phần đề thi không yêu cầu. Vì như thế bài thi của bạn sẽ không đạt kết quả như mong muốn.

"Ôn - luyện" là công việc bắt buộc cho tất cả học sinh các cấp, nhất là đối với các thí sinh tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học. "Ôn" và "Luyện" - các bạn nên nhớ, đây là 2 khái niệm hoàn toàn khác nhau. "Ôn" là học lại những kiến thức đã học ở trường để xem xem khối kiến thức của 12 năm đèn sách đã trở thành "của bạn" được bao nhiêu phần trăm. Còn "Luyện" là việc bạn áp dụng các kiến thức trên lý thuyết để giải quyết các vấn đề, các dạng bài tập cụ thể. Kiến thức "ảo" là thuật ngữ các thầy cô giáo hay sử dụng để chỉ các học sinh cứ tưởng phần kiến thức nào mình cũng nắm chắc, được "luyện" kỹ song thực tế lại không phải như vậy.

Trong một vài năm gần đây, đề thi thường theo hướng tổng hợp, nên các bạn **phải học toàn bộ chương trình** dù học tủ học lệch để tránh trường hợp phần học thi không thi vào lại thi vào phần không học. Học không chỉ kiến thức của lớp 12 mà cả kiến thức của lớp 10, lớp 11 vì vậy các bạn phải học ngay từ đầu. Chương trình học là chương trình đồng tâm, kiến thức nọ lồng kiến thức kia nên nếu học "amator" thì khi làm bài các bạn sẽ bị vấp và khó làm được trọn vẹn vì vậy bạn **phải học ngay từ khi lựa chọn khối thi** chứ không phải đợi đến lúc thi mới học. Kiến thức cơ bản thì phải được tích lũy từng ngày, từng giờ, phân bố thời gian và ôn đều các phần thuộc chương trình.

Phải nắm chắc tất cả các kiến thức đã được trình bày trong sách giáo khoa, kiến thức của từng bài, từng chương. Để nắm chắc được phần kiến thức này thì các bạn **phải làm nhiều bài tập** đây chính là bí quyết thành công của các thủ khoa ("là học và làm hết các bài tập trong sách mà thầy giáo giao, đề thi năm trước, Đức Anh cũng mày mò làm hết" (Đoàn Đức Anh - Thủ khoa đại học Dược Hà Nội). Hay bạn Lê Đoàn Trang thủ khoa Đại học Ngoại thương cũng là "học tất cả các bài đã học; làm tất cả các bài tập trong sách giáo khoa, một số sách tham khảo và một số đề thi năm trước". (Lê Đoàn Trang - Thủ khoa Đại học Ngoại Thương).

Để kiến thức thực sự là của mình thì bạn không thể học vẹt, học gao **phải biết hệ thống hóa kiến thức** trong mối liên kết, kế tục và bạn phải biết **"chốt" kiến thức**. Cách học tốt nhất là sau khi học ở trường rồi thì nên sắp xếp thời gian **tự học ở nhà**, biến kiến thức được dạy thành kiến thức của mình tự mình nghiền ngẫm, tự mình cầm bút viết ra các công thức, thì kiến thức mới khắc sâu vào trí nhớ được "tự cay sẽ dao sâu thêm nhiều suy nghĩ cho mình. Chính việc học một mình mới có cơ hội đối chọi với những bài toán hóc búa nhưng bao giờ cũng rất thú vị" Bùi Anh Đức - Thủ khoa trường Đại học Xây dựng năm 2004 tâm sự.

Các bạn nên học theo phương pháp **"tái hiện lại kiến thức"**. Đi nghe thầy giáo giảng về nhà sau một thời gian nghỉ ngơi các bạn nên ngồi tái hiện lại kiến thức (suy nghĩ xem hôm nay học vấn đề gì - Nội dung của vấn đề ấy là gì...). Phải đọc kỹ sách giáo khoa, nghiền ngẫm cho hiểu rõ từng ý nếu cần thì có đối chiếu với hình vẽ cho hiểu rõ, thậm chí có thể học thuộc cả hình vẽ. Như vậy kiến thức mới thấm dần vào trí nhớ và hiểu rõ vấn đề.

Nói tóm lại là bạn phải chủ động trong việc hệ thống những kiến thức đã học ở trường. Đề thi sẽ chỉ bao gồm những kiến thức đã học của chương trình học phổ thông nhưng thành công chỉ đến với những bạn làm tốt việc hệ thống hóa khối kiến thức này.

10. Hướng dẫn trả lời câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn:

Năm 2007 Bộ GD&ĐT dự kiến sẽ thi 4 môn (Ngoại ngữ, Vật lý, Hóa học, Sinh học) bằng phương pháp thi trắc nghiệm, đây là một vấn đề mà các thí sinh sẽ lúng túng, chúng tôi xin cung cấp cho các bạn một số thông tin và cách làm bài thi trắc nghiệm:

*** Thời gian làm bài thi trắc nghiệm:** Đối với mỗi môn thi trắc nghiệm tốt nghiệp, thời gian làm bài là 60 phút. Đối với mỗi môn thi trắc nghiệm tuyển sinh Đại học, Cao đẳng, thời gian làm bài là 90 phút.

*** Phiếu trả lời trắc nghiệm:** Thí sinh làm bài thi trên phiếu trả lời trắc nghiệm được in sẵn theo quy định của Bộ GD&ĐT. Bài làm của thí sinh (phiếu trả lời trắc nghiệm) được chấm bằng máy chấm chuyên dụng (mẫu phiếu trả lời trắc nghiệm tham khảo kèm theo trong Phụ lục).

*** Đề thi:** Đối với cả 02 loại đề thi trắc nghiệm và tự luận:

1. *a)* Trong kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông (bao gồm cả bổ túc trung học phổ thông), có đề thi riêng cho: Thí sinh học chương trình THPT phân ban thí điểm; Thí sinh học chương trình THPT không phân ban; Thí sinh học chương trình bổ túc THPT.

b) Đề thi tuyển sinh đại học, cao đẳng: có phần chung cho tất cả thí sinh và phần riêng cho thí sinh phân ban thí điểm, phần riêng cho thí sinh không phân ban (thí sinh chỉ được làm 1 trong 2 phần riêng của đề thi).

2. Cấu trúc đề thi tự luận được thay đổi mạnh theo hướng tăng việc kiểm tra tính sáng tạo, kỹ năng thực hành của thí sinh; mỗi đề thi gồm nhiều câu hỏi riêng biệt.

3. Đề thi trắc nghiệm cũng được in sẵn, phát cho từng thí sinh; tất cả các câu trắc nghiệm trong đề thi đều có 4 lựa chọn: A, B, C, D. Số phiên bản đề thi do máy tính xáo trộn là nội dung được bảo mật đến khi thi xong.

*** Hướng dẫn trả lời câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn:**

Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn có hai phần, phần đầu (được gọi là phần dẫn) nêu ra vấn đề, cung cấp thông tin cần thiết hoặc nêu một câu hỏi; phần sau là các phương án để chọn (được đánh dấu bằng các chữ cái A, B, C, D).

Trong các phương án để chọn chỉ có duy nhất một phương án đúng (trong các kỳ thi hiện nay chỉ dùng loại này); các phương án khác được đưa vào có tác dụng "gây nhiễu" đối với thí sinh.

Nếu không nắm vững kiến thức về vấn đề đã nêu, thí sinh sẽ không nhận biết được trong các phương án để chọn đâu là phương án đúng.

Thí dụ (câu trắc nghiệm môn Tiếng Anh):

Chọn cụm từ thích hợp với phần để trống trong câu sau:

If he had listened to our advice, he.....his examination.

A. won't fail B. would not have failed C. would not fail D. did not fail

Trả lời: chọn B

Đề thi trắc nghiệm do Bộ GD&ĐT tổ chức biên soạn. Các câu trắc nghiệm trong đề thi đều có 4 lựa chọn A, B, C, D.

Đề thi được in sẵn và có nhiều phiên bản (mỗi phiên bản có một mã đề thi), do máy tính tự động xáo trộn thứ tự câu cũng như thứ tự các phương án A, B, C, D. Số phiên bản đề thi là nội dung được bảo mật đến khi thi xong.

*** Phiếu trả lời trắc nghiệm:**

Thí sinh làm bài trên phiếu trả lời trắc nghiệm được in sẵn theo quy định của Bộ GD&ĐT, để chấm bằng hệ thống tự động (gồm máy quét và máy tính với phần mềm chuyên dụng).

Những điều thí sinh cần lưu ý khi thi làm bài trắc nghiệm

1. Ngoài những vật dụng được mang vào phòng thi như quy định trong Quy chế thi, để làm bài trắc nghiệm, thí sinh cần mang theo bút chì đen (loại mềm: 2B,...6B), dụng cụ gọt bút chì, tẩy chì, bút mực hoặc bút bi (mực khác màu đỏ).

Nên mang theo đồng hồ để theo dõi giờ làm bài.

2. Ngay sau khi nhận được phiếu trả lời trắc nghiệm, thí sinh dùng bút mực hoặc bút bi điền đầy đủ bằng chữ vào các mục để trống từ số 1 đến số 8; ghi số báo danh với đầy đủ các chữ số (kể cả chữ số 0 ở đầu số báo danh, nếu có) vào các ô vuông nhỏ trên đầu các cột của khung số báo danh (mục 9).

Sau đó, chỉ dùng bút chì, lần lượt theo từng cột tô kín ô có chữ số tương ứng với chữ số ở đầu cột. Lưu ý chưa ghi mã đề thi (mục 10).

3. Khi nhận được đề thi, thí sinh ghi tên và số báo danh của mình vào đề thi. Phải kiểm tra để đảm bảo rằng: đề thi có đủ số lượng câu trắc nghiệm như đã ghi trong đề; nội dung đề được in rõ ràng, không thiếu chữ, mất nét; tất cả các trang của đề thi đều ghi cùng một mã đề thi (ở cuối trang). Nếu có những chi tiết bất thường, thí sinh phải báo ngay cho giám thị để xử lý.

Đề thi có mã số riêng. Thí sinh xem mã đề thi (in trên đầu đề thi) và dùng bút mực hoặc bút bi ghi ngay 3 chữ số của mã đề thi vào 3 ô vuông nhỏ ở đầu các cột của khung chữ nhật (mục số 10 trên phiếu trả lời trắc nghiệm); sau đó chỉ dùng bút chì lần lượt theo từng cột tô kín ô có chữ số tương ứng với chữ số ở đầu mỗi cột.

4. Khi trả lời từng câu trắc nghiệm, thí sinh cần đọc kỹ nội dung câu trắc nghiệm. Phải đọc hết trọn vẹn mỗi câu trắc nghiệm, cả phần dẫn và bốn lựa chọn A, B, C, D để chọn phương án đúng (A hoặc B, C, D) và chỉ dùng bút chì tô kín ô tương ứng với chữ cái A hoặc B, C, D trong phiếu trả lời trắc nghiệm.

Chẳng hạn, thí sinh đang làm câu 5, chọn C là phương án đúng thì thí sinh tô đen ô có chữ C trên dòng có số 5 của phiếu trả lời trắc nghiệm.

5. Cần đặc biệt chú ý những điều sau đây:

a) Làm đến câu trắc nghiệm nào thí sinh dùng bút chì tô ngay ô trả lời trên phiếu trả lời trắc nghiệm, ứng với câu trắc nghiệm đó. Tránh làm toàn bộ các câu của đề thi trên giấy nháp hoặc trên đề thi rồi mới tô vào phiếu trả lời trắc nghiệm, vì dễ bị thiếu thời gian.

b) Tránh việc chỉ trả lời trên đề thi hoặc giấy nháp mà quên tô trên phiếu trả lời trắc nghiệm.

c) Chỉ tô các ô bằng bút chì. Trong trường hợp tô nhầm hoặc muốn thay đổi câu trả lời, thí sinh dùng tẩy tẩy thật sạch chỉ ở ô cũ, rồi tô ô khác mà mình mới lựa chọn.

d) Số thứ tự câu trả lời mà thí sinh làm trên phiếu trả lời trắc nghiệm phải trùng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Tránh trường hợp trả lời câu trắc nghiệm này nhưng tô vào hàng của câu khác trên phiếu trả lời trắc nghiệm.

e) Tránh việc tô 2 ô trở lên cho một câu trắc nghiệm (vì câu trắc nghiệm chỉ được chấm nếu chỉ có 1 phương án trả lời).

g) Không nên dừng lại quá lâu trước một câu trắc nghiệm nào đó; nếu không làm được câu này thì sinh viên tạm thời bỏ qua để làm câu khác; cuối giờ có thể quay trở lại làm câu trắc nghiệm đã bỏ qua, nếu còn thời gian.

6. Khi thi trắc nghiệm, thí sinh phải tuân thủ các quy định chung trong Quy chế thi hiện hành và những yêu cầu về thi trắc nghiệm:

a) Chỉ có phiếu trả lời trắc nghiệm mới được coi là bài làm của thí sinh. Bài làm phải có 2 chữ ký của 2 giám thị.

b) Trên phiếu trả lời trắc nghiệm chỉ được viết một thứ mực không phải là mực đỏ và tô chỉ đen ở ô trả lời; không được tô bất cứ ô nào trên phiếu trả lời trắc nghiệm bằng bút mực, bút bi.

c) Khi tô các ô bằng bút chì, phải tô đậm và lấp kín diện tích cả ô; không gạch chéo hoặc chỉ đánh dấu vào ô được chọn.

d) Ứng với mỗi câu trắc nghiệm chỉ được tô 1 ô trả lời.

đ) Để cho bài làm của thí sinh được chấm (bằng máy) thí sinh phải giữ phiếu sạch sẽ, không làm rách, làm nhàu hoặc có vết gấp, mép giấy bị quần.

e) Ngoài 10 mục cần ghi trên phiếu bằng bút mực và các câu trả lời tô chì, thí sinh tuyệt đối không được viết gì thêm hoặc để lại dấu hiệu riêng trên phiếu trả lời trắc nghiệm. Bài có dấu riêng sẽ bị coi là phạm quy và không được chấm điểm.

g) Thí sinh có thể viết nháp trên giấy nháp, nhưng không được chép lại bất cứ câu trắc nghiệm nào của đề thi ra giấy. Không được tháo rời từng tờ của đề thi.

h) Thí sinh làm xong bài phải ngồi tại chỗ, không nộp bài trắc nghiệm trước khi hết giờ làm bài.

l) Khi hết giờ làm bài thi trắc nghiệm, có lệnh thu bài, thí sinh phải ngừng làm bài, bỏ bút xuống, úp sấp đề thi và phiếu trả lời trắc nghiệm xuống mặt bàn, chờ nộp phiếu trả lời trắc nghiệm và đề thi theo hướng dẫn của giám thị.

Thí sinh không làm được bài vẫn phải nộp phiếu trả lời trắc nghiệm và đề thi. Khi nộp phiếu trả lời trắc nghiệm, thí sinh phải ký tên vào danh sách thí sinh nộp bài.

k) Thí sinh chỉ được rời khỏi chỗ của mình sau khi giám thị đã kiểm đủ số phiếu trả lời trắc nghiệm của cả phòng thi và cho phép thí sinh ra về.

l) Thí sinh được đề nghị phúc khảo bài thi trắc nghiệm của mình; để được phúc khảo, thí sinh làm các thủ tục theo quy chế.

*** Giới thiệu cấu trúc một số đề thi trắc nghiệm tuyển sinh Đại học - Cao đẳng năm 2007 (dự kiến)**

Ghi chú: Chữ số trong ngoặc đơn là số lượng (dự kiến) câu trắc nghiệm của từng phần.

MÔN: TIẾNG ANH

LANGUAGE STRUCTURE	SKILLS
PHONETICS (5) • Stressing, and/or • Vowels & consonants GRAMMAR & CULTURAL TIPS (10) • Tenses & sequence of tenses • Syntactical structures • Connectives • Simple communicative functions, and others VOCABULARY (10) • Word formation • Word choice/collocations	READING SKILLS (40) • General cloze procedures (2 texts, ± 200-word long) • Reading comprehension: 2 texts (each being ± 400-word long) with questions that require short responses (cultural tips welcomed) WRITING SKILLS (15) • Transformational writing (completion: phrase>clause level) • Writing error identification & correction • Synonymous sentences

MÔN: TIẾNG NGÀ

1- Bài tập ngữ pháp (30) 1.1. Giới từ 1.2. Danh từ 1.3. Động từ 1.4. Tính từ 1.5. Đại từ 1.6. Số từ 1.7. Liên từ 2- Bài tập từ vựng (5) 3- Tìm lỗi (10) 3.1. Đối cách 3.2. Thể động từ 3.3. Chia động từ 3.4. Giới từ 3.5. Từ vựng	4- Bài tập tình huống (5) 5- Điền từ/cụm từ (10) 5.1. Giới từ 5.2. Ý nghĩa từ vựng 5.3. Thể động từ 5.4. Liên từ 5.5. Tính từ/đại từ 6- Đọc hiểu (Bài khoá khoảng 150 từ) (5) 7- Bài tập câu (15) 7.1. Kết thúc câu 7.2. Câu đồng nghĩa 7.3. Dựa vào từ gợi ý viết câu
--	--

MÔN: TIẾNG PHÁP

1- Kiến thức tiếng: 1.1- Ngữ pháp (24) • Từ nối • Giới từ • Động từ • Đại từ • Tính từ	2- Đọc hiểu: (32) • 1 bài test closure • 1 bài texte • 1 bài texte 3- Viết: (16) • Tìm câu có trật tự đúng • Chọn câu tương ứng
--	--

• Cấu trúc câu 1.2- Từ vựng (8) • Cấu tạo từ • Từ cùng nhóm • Từ đồng nghĩa, trái nghĩa • Chọn từ	Tìm lỗi viết
---	--------------

MÔN: TIẾNG TRUNG QUỐC

1- Ngữ âm (10) 1.1. Thanh mẫu 1.2. Vận mẫu 1.3. Thanh điệu 2- Từ vựng và ngữ nghĩa (15) 2.1. Giải nghĩa từ 2.2. Từ đồng nghĩa 2.3. Giải nghĩa cụm từ 3- Từ loại (5)	4- Chức năng cú pháp (10) 4.1. Chức năng cú pháp từ 4.2. Chức năng cú pháp cụm từ 5- Câu phức (10) 5.1. Từ nối 5.2. Cặp từ nối 6- Cách dùng của từ loại (20) 6.1. Thực từ (10 loại) 6.2. Hư từ (4 loại) 7- Bài đọc kĩ năng thực hành (10)
--	--

MÔN: VẬT LÝ

1- Dao động cơ học (6) • Đại cương về dao động điều hòa • Con lắc lò xo • Con lắc đơn • Tổng hợp dao động • Dao động tắt dần • Dao động cưỡng bức và hiện tượng cộng hưởng 2- Sóng cơ học, âm học (4) • Đại cương về sóng cơ học • Sóng âm • Giao thoa • Sóng dừng 3- Dòng điện xoay chiều (9) • Đại cương về dòng điện xoay chiều • Dòng điện xoay chiều trong đoạn mạch xoay chiều chỉ có điện trở thuần, cuộn cảm hoặc tụ điện • Dòng điện xoay chiều trong đoạn mạch không phân nhánh • Công suất của dòng điện xoay chiều • Máy phát điện xoay chiều một pha • Dòng điện xoay chiều ba pha • Động cơ không đồng bộ ba pha • Máy biến thế, sự truyền tải điện năng • Máy phát điện một chiều • Chính lưu dòng điện xoay chiều	6- Mắt và các dụng cụ quang học (4) • Máy ảnh • Mắt • Kính lúp • Kính hiển vi • Kính thiên văn 7- Tính chất sóng của ánh sáng (6) • Tán sắc ánh sáng • Giao thoa ánh sáng • Bước sóng mà màu sắc ánh sáng • Máy quang phổ • Quang phổ liên tục • Quang phổ vạch • Tia hồng ngoại • Tia tử ngoại • Tia Rơn ghen 8- Lượng tử ánh sáng (5) • Hiện tượng quang điện ngoài • Thuyết lượng tử ánh sáng • Hiện tượng quang dẫn, quang trở, pin quang điện • Mẫu Bo và Nguyên tử Hydro 9- Vật lý hạt nhân (6) • Cấu tạo của hạt nhân nguyên tử,
---	--

4- Dao điện từ, sóng điện từ (4) - Mạch dao động, dao động điện từ - Điện từ trường - Sóng điện từ - Sự phát và thu sóng điện từ	đơn vị khối lượng nguyên tử - Sự phóng xạ - Phản ứng hạt nhân - Hệ thức Anhxtanh giữa năng lượng và khối lượng. Độ hụt khối, năng lượng liên kết, năng lượng liên kết riêng - Năng lượng hạt nhân
5- Sự phản xạ và khúc xạ ánh sáng (6) - Gương phẳng - Gương cầu - Sự khúc xạ ánh sáng và chiết suất - Hiện tượng phản xạ toàn phần - Lăng kính - Thấu kính mỏng	

MÔN: HÓA HỌC

Phần 1: (43) - Đại cương kim loại - Kim loại cụ thể (nhóm I, II, III, Al, Fe) - Phi kim và hợp chất - Hidrocarbon - Cacbohidrat (hoặc Gluxit) - Amin - Aminoaxit, protit - Polime - Ancol - phenol - Andehit, axit cacboxylic - Este-Lipit - Tổng hợp vô cơ - Tổng hợp hữu cơ	Phần 2: (7) - Crom, đồng, niken, chì, kẽm, bạc, vàng. - Dây thế điện cực chuẩn - Xeton - Phân tích hoá học - Hóa học và các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường
---	---

MÔN: SINH HỌC

1- Biến dị (12) - Đột biến gen - Đột biến nhiễm sắc thể - Thường biến	5- Sự phát triển của sinh vật (2)
2- Ứng dụng di truyền học vào chọn giống (9) - Kỹ thuật di truyền - Đột biến nhân tạo - Các phương pháp lai + ưu thế lai	6- Nguyên nhân và cơ chế tiến hóa (12) - Thuyết Lamac - Thuyết ĐacUyn - Di truyền học quần thể - Các nhân tố tiến hóa - Sự hình thành loài
3- Di truyền học người (5)	7- Phát sinh loài người (2)
4- Sự phát sinh sự sống (3)	8- Lớp 11: Các quy luật di truyền (4)
	9- Lớp 10: (1)

Nhìn vào cấu trúc đề thi trắc nghiệm (dự kiến) của các môn thi bạn có thể thấy số lượng các câu trắc nghiệm cho 1 môn là tương đối nhiều, trong khi thời gian làm bài chỉ trong vòng 90 phút vì thế bạn phải phân bố thời gian sao cho hợp lý để có thể làm được hết các câu có trong đề.

Đối với môn Ngoại ngữ (Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Tiếng Nga, Tiếng Trung Quốc) dự kiến có khoảng 80 câu hỏi với thời gian làm bài là 90 phút. Điều đó có nghĩa là trừ khoảng thời gian đọc đề khi bắt đầu nhận được đề thi và thời gian kiểm tra lại bài làm khi đã làm xong thì bạn chỉ có thể dành trung bình khoảng 1 phút cho mỗi câu trả lời. Khối lượng kiến thức được sử dụng trong đề thi được phân bổ dọc theo chương trình học vì vậy bạn phải học đều tất cả các kiến thức có trong chương trình học, không được "học tủ", "học lệch".

Đối với đề thi các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học cũng tương tự, lượng câu hỏi dự kiến cho mỗi đề thi là khoảng 50 câu. Như vậy thời gian dành cho mỗi câu hỏi khoảng trên 1 phút (tùy câu dễ hay khó), bạn cũng cần chia thời gian làm bài cho hợp lý, đừng tập trung quá lâu vào một câu hỏi nào đó để đến khi sẽ không còn thời gian làm những câu khác. Lượng kiến thức dành cho mỗi đề thi khá lớn và có nhiều ý tương đối nhỏ, để có kết quả làm bài thi trắc nghiệm tốt nhất cho các môn học này bạn phải học đều, học chắc tất cả các kiến thức có trong chương trình môn học, như thế bạn mới có thể đưa ra được những quyết định nhanh và đúng đắn, tránh do dự dễ dẫn đến nhầm lẫn đáng tiếc.

11. Trước ngày thi:

- Trước khi thi một ngày (trừ các trường năng khiếu có quy định riêng) bạn phải có mặt tại trường đã ĐKDT để làm thủ tục dự thi.
- Xuất trình giấy tốt nghiệp tạm thời hoặc bản sao bằng tốt nghiệp (mang theo thẻ học sinh, giấy chứng minh thư nhân dân để xuất trình khi cần).
- Nộp lệ phí dự thi.
- Nhận thẻ dự thi (trước buổi thi đầu tiên nộp thẻ dự thi cho cán bộ coi thi).
- Nhận phòng thi và nghe phổ biến quy chế dự thi.
- Bạn nên tìm địa điểm thi trước 2 ngày để tránh những trục trặc dọc đường. Nếu vắng mặt một buổi thi bạn sẽ không được thi tiếp các buổi sau.
- Đối với những bạn ở các tỉnh về dự thi ở thành phố, các trường đại học với hệ thống kí túc xá sẵn sàng cho bạn ở trọ. Các trường bao giờ cũng có sơ đồ hệ thống địa điểm thi, những bạn không được thi tại trường hoặc không đăng ký ở trong kí túc xá của trường được nên căn cứ vào địa điểm thi để tìm chỗ trọ hay người quen ở gần để tránh trường hợp ách tắc giao thông. Các bạn cũng cần tìm hiểu trước đường qua bản đồ và các chỉ dẫn giao thông khác và phải lưu ý ở nội thành có khá nhiều đường một chiều - nơi thường xảy ra tình trạng ách tắc giao thông.
- Nếu gặp những sự cố ngoài ý muốn (mất cấp giấy tờ, nhầm lẫn giấy tờ ĐKDT, ngày sinh, quê quán, mã số...) bạn hãy đến phòng đào tạo của trường dự thi sẽ được giải quyết, nên giải quyết ngay để tránh áp lực tâm lý khi vào phòng thi.

12. Khi vào phòng thi:

- Chỉ được mang vào phòng thi bút viết (bạn nên mang theo 2 chiếc trở lên, cùng màu, nên là màu đen), bút chì, compa, tẩy, thước kẻ, thước tính, máy tính điện tử cá nhân không có phím chữ cái, giấy thấm chưa dùng, giấy nháp (nếu trường không bán giấy nháp, giấy nháp phải có chữ ký của CBCT mới được quyền sử dụng).

Tuyệt đối không mang vào phòng thi những phương tiện hiện đại giúp đỡ như Điện thoại,... để tránh các trường hợp đáng tiếc xảy ra, như trường hợp một bạn thí sinh thi Học viện Báo chí tuyên truyền chỉ còn ba phút nữa là hết giờ, thế nhưng do quá lo lắng cho người yêu mà "anh bạn" đã nhấn một cái tin vô cùng lãng mạn để rồi cuối cùng, bạn gái phải chịu thiệt thòi, hủy kết quả bài thi. Thêm một năm đi ôn nữa.

- Trước khi làm bài phải ghi đầy đủ số báo danh (cả phần chữ và số) vào giấy thi và nhất thiết phải yêu cầu cả 2 CBCT ký tên vào giấy thi.

- Khi đọc bài thi nếu cảm thấy không làm được bạn nên úp bài thi xuống để lấy lại bình tĩnh.

- Bạn phải bảo vệ bài làm của mình.

- Khi nộp bài, bạn phải tự ghi rõ số tờ giấy thi đã nộp và ký tên xác nhận vào bản danh sách theo dõi thí sinh. Không được nộp giấy nháp thi.

- Nếu môn đầu không may làm không tốt hay yếu, bạn cứ yên tâm, 2 môn thi sau các bạn vẫn còn cơ hội vì điểm chuẩn vào trường được tính bằng tổng điểm 3 môn thi.

- Khi đi thi bạn không nên mang "phao" vào phòng thi vì một phòng thi có 35 thí sinh với 2 giám thị cùng với 1 giám thị hành lang và ban thanh tra, ban chỉ đạo tuyển sinh của Bộ giáo dục và Đào tạo, do đó bạn ít có cơ hội dùng "phao", tâm lý ỷ lại vào "phao" và tìm cách quay cốp sẽ làm mất thời gian vô ích.

- Trường hợp ốm đau bất thường bạn phải báo cáo cho CBCT.

13. Khi làm bài thi:

Sau khi phát đề phải đọc kỹ đề để xác định đề thi có bao nhiêu câu, câu nào dễ câu nào khó, câu dễ làm trước, câu khó làm sau. Điều chú ý khi các bạn làm bài thi là phải phân bố thời gian cho hợp lý, gạch dưới những ý chính, những từ quan trọng trong đề để tránh nhầm lẫn, dẫn đến lạc đề.

Tôi "ky" khi làm bài thi là sai cơ bản, lạc đề hoặc gạch xóa lung tung trong khi làm bài. Thí sinh tuyệt đối không được dùng bút đỏ, bút xóa, không dùng hai thứ mực trong bài thi bởi làm như vậy bài làm của các bạn sẽ bị coi là bị đánh dấu bài.

Các bạn nên nhớ rằng không đời nào giám khảo ra một đề thi để làm trong 3 tiếng mà để thí sinh chỉ cần giải trong 1 tiếng là xong. Vì vậy đừng ra sớm dù chỉ là một phút. Hãy làm cẩn thận, đọc lại phần bài làm kiểm tra kỹ lưỡng những gì đã viết. Làm cẩn thận và trọn vẹn từng câu.

14. Khi biết kết quả thi:

Nếu thấy kết quả điểm thi được thông báo là quá thấp hoặc khác hẳn chất lượng bài làm của các bạn (sau khi đã so sánh với đáp án được công bố trên mạng Internet và các phương tiện thông tin đại chúng) thì các bạn nên làm đơn xin phúc tra vì có rất nhiều trường hợp điểm bài làm rất cao nhưng khi vào máy (nhập điểm vào máy tính) thì có sự nhầm lẫn hoặc các thầy chấm cộng điểm nhầm.

Vì dụ: một số trường hợp điểm sau khi phúc khảo cao hơn rất nhiều so với điểm trước khi phúc khảo đồng thời từ trượt chuyển thành trúng tuyển (số liệu năm 2006):

+ Trường Đại học Kinh tế quốc dân: chỉ riêng khối A đã có 552 thí sinh nộp đơn xin phúc khảo, trong đó, môn Toán có 128 thí sinh xin phúc khảo, môn Vật lý có 231 thí sinh, môn Hóa học có 193 thí sinh. Sau khi phúc khảo tuy chỉ có 32 thí sinh được sửa điểm nhưng đã có 14 thí sinh từ trượt thành đỗ. Cả 14 thí sinh này đều nộp đơn xin phúc khảo cả 3 môn thi (dưới đây là 3 trong số trường hợp mà điểm sau khi phúc khảo cao hơn rất nhiều so với trước):

STT	SBD	Họ và tên	Điểm trước PK				Điểm sau PK				Lý do
			Toán	Lý	Hóa	Tổng	Toán	Lý	Hóa	Tổng	
01	KHAA5281	Nguyễn Tích Huy	1.5	6.75	9.25	17.5	6.5	6.75	9.25	26.5	Nhập nhầm điểm
02	KHAA1235	Trần Thị Chung	8.0	0.0	6.5	14.5	8.0	9.0	6.5	23.5	Nhập nhầm điểm
03	KHAA00016	Nguyễn Thủy An	25.0	0.25	9.25	16.75	25.0	9.25	9.25	25.75	Nhập nhầm điểm

+ Trường Đại học Sư phạm Hà Nội có 250 bài thi xin phúc tra, kết quả có 18 bài thi được chỉnh điểm trong đó có 09 trường hợp từ trượt thành trúng tuyển (xem danh sách dưới đây):

STT	Số BD	Họ và tên	Môn	Điểm cũ	Điểm PK	Lý do thay đổi điểm
01	SPHA 939	Doãn Thị Kim Huế	Toán	6.75	7.5	Cộng sót điểm câu 2
02	SPHA 2194	Nguyễn Thị Giang	Toán	7.25	8.25	Chấm sót câu III.a.1
03	SPHA 2444	Nguyễn Hữu Quyền	Hóa	6.5	8.5	Cộng sót điểm thành phần
04	SPHA 3646	Trần Thị Đoàn Trang	Toán	8.0	8.5	Chấm sót câu IV
05	SPHD1 5909	Nguyễn Thị Thủy Linh	Văn	6.5	7.0	Chấm sót ý
06	SPHN 8399	Nguyễn Văn Hưng	Văn	5.5	6.0	Chấm sót ý
07	SPHC 13172	Nguyễn Thị Thủy Linh	Văn	7.0	8.0	Chấm sót ý
08	SPHC 17233	Nguyễn Thị Diệu	Văn	6.5	7.0	Chấm sót ý
09	SPHC 14138	Nguyễn Thị Tiệp	Sử	5.5	6.0	Cộng sót ý câu I, II

Một số trường hợp trước và sau khi phúc khảo điểm không có sự thay đổi, ví dụ: Trường ĐH Giao thông vận tải Tp.HCM:

STT	SBD	Họ tên	Điểm trước phúc khảo			Điểm sau phúc khảo		
			Toán	Lý	Hóa	Toán	Lý	Hóa
01	485	Đinh Tiến Đại	5.25	2.00	5.00	5.25	2.00	5.00
02	690	Mai Ngọc Khánh	4.00	2.75	6.50	4.00	2.75	6.50
03	701	Nguyễn Văn Khôi	2.50	0.75	3.50	2.50	0.75	3.50
04	739	Nguyễn Văn Linh	2.25	3.75	1.50	2.25	3.75	1.50
05	9426	Lê Hữu Nhật	5.00	2.25	7.00	5.00	2.25	7.00

Tuy nhiên, chúng tôi xin lưu ý các bạn: chỉ làm đơn xin phúc tra khi kết quả nhận được quá thấp so với dự đoán bởi có trường hợp sau khi phúc tra điểm bị hạ xuống thấp hơn mức điểm ban đầu.

15. Khi trúng tuyển:

Năm 2002, Bộ GD&ĐT đã bắt đầu tiến hành thông báo điểm thi tuyển đại học của bạn cũng như điểm chuẩn của các trường trên mạng Internet, sau khi biết kết quả nếu bạn trúng tuyển, bạn cần phải chuẩn bị những giấy tờ sau:

- Học bạ.

- Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (THPT, THCN và tương đương) đối với những người trúng tuyển ngay trong năm tốt nghiệp hoặc bằng tốt nghiệp đối với những người đã tốt nghiệp những năm trước. Những người mới nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, đầu năm học sau phải xuất trình bằng tốt nghiệp chính để đối chiếu kiểm tra.

- Giấy khai sinh.

- Các giấy tờ xác nhận đối tượng và khu vực ưu tiên (nếu có) như giấy chứng nhận con liệt sĩ, thẻ thương binh hoặc được hưởng chính sách như thương binh của bản thân hoặc của bố mẹ, họ khẩu thường trú của thí sinh...

(Các giấy tờ trên các trường đều thu bản photocopy sau khi đã kiểm tra, đối chiếu với bản chính).

- Giấy báo trúng tuyển.

- Hồ sơ trúng tuyển (theo mẫu in sẵn của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

PHẦN III

CÁC BẢNG THỐNG KÊ

SỐ LIỆU TUYỂN SINH

PHỤ LỤC I

TỈ LỆ "CHƠI" TRUNG BÌNH CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC PHÍA NAM TỪ NĂM 1999 ĐẾN 2006

STT	Trường/Khoa	1999	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
1	Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh								
	Đại học Bách khoa	13.9	12.1	9.8	9.2	5.2	3.4	4.9	3.3
	Đại học Khoa học Tự nhiên	11.5	12.1	14	9.1	5.9	5.9	4.4	7.5
	Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	11.6	9.1	14.2	8.9	8.6	6.0	5.6	5.9
	Khoa Kinh tế	-	-	-	5.1	17.8	7.6	6.6	10.4
2	Đại học Sư phạm Tp.Hồ Chí Minh	22.8	37.4	32.8	14.7	14.1	13.6	16.5	11.9
3	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM	8.6	11.1	17.7	12.0	11.5	11.2	6.7	8.3
4	Đại học Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh	12.6	14.1	10.8	11.3	8.8	10.5	10.6	8.2
5	Đại học GTVT Tp.Hồ Chí Minh	-	-	12.3	11.2	12.7	8.1	7.2	7.4
6	Đại học Kiến trúc Tp.Hồ Chí Minh	11.1	11.5	13.1	9.8	12.4	7.9	9.5	7.9
7	Đại học Ngân hàng Tp.HCM	25.5	22.7	19.5	12.3	4.3	9.3	13.9	10.0
8	Đại học Nông Lâm Tp.Hồ Chí Minh	15.3	11.6	24.1	11.1	20.6	15.4	15.8	14.8
9	Đại học Luật Tp.Hồ Chí Minh	17.8	14.9	13.2	12.5	16.6	13.1	13.7	17.5
10	Đại học Mỹ thuật Tp.HCM	7.6	8.5	5.5	8.0	8.4	6.2	6.1	-
11	Nhạc viện Tp.Hồ Chí Minh	0.8	0.8	0.78	0.9	1.7	0.7	0.4	-
12	Đại học Thể dục Thể thao 2	11.7	16.8	18.8	16.3	17.4	13.7	13.0	13.9
13	Đại học Y Dược Tp.Hồ Chí Minh	24.6	19.8	24.2	29.1	19.6	18.0	21.7	18.3
14	TT Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ Y tế Tp.Hồ Chí Minh	19.5	21.8	22.9	12.6	13.8	11.8	5.7	12.3
15	Đại học Mở - Bán công Tp.Hồ Chí Minh	1.6	3.7	5.7	3.2	4.1	5.4	3.3	3.8
16	ĐH Công nghệ DL Tôn Đức Thắng	1.7	3.6	5.5	3.4	4.4	4.1	3.8	4.3
17	Đại học Huế	12.4	14.1	16.0	10.8	11.9	11.0	10.5	9.9
18	Đại học Đà Nẵng	17.5	21.7	15.8	11.9	10.6	8.6	8.8	7.8
19	Đại học Cần Thơ	10.4	10.7	13.3	14.5	12.8	13.1	12.1	11.2
20	Đại học Nha Trang	6.6	12.9	10.6	10	10.2	7.5	6.3	6.7
21	Đại học Đà Lạt	7.4	9.3	10.8	7.7	8.2	8.0	8.5	8.0
22	Đại học Tây Nguyên	12.2	13.5	13.1	35.9	11.0	16.6	13.4	11.8
23	Đại học Tiền Giang	-	-	-	-	-	-	-	17.5
24	Đại học An Giang	-	22.7	25.2	8.6	17.0	13.6	6.8	10.3

25	Đại học Dân lập KTCN Tp.Hồ Chí Minh	4.3	7.9	9.6	4.3	2.0	-	1.8	2.1
26	Đại học Dân lập Ngoại ngữ - Tin học	2.5	5.9	6.2	2.9	3.6	4.9	4.6	3.8
27	Đại học Dân lập Hồng Bàng	3.6	4.2	5.8	-	-	-	-	-
28	Đại học Dân lập Văn Lang	4.7	21.3	14.7	-	-	-	-	-
29	Đại học Dân lập Văn Hiến	-	4.1	7.0	-	-	-	-	-
30	Đại học Dân lập Hùng Vương	1.8	3.2	9.3	-	-	-	-	-
34	Đại học Dân lập Duy Tân	1.9	2.7	6.3	-	-	-	-	-
35	Đại học Dân lập Lạc Hồng	2.6	2.8	3.5	2.9	2.1	2.0	2.3	3.0
31	Đại học Dân lập Cửu Long	-	6.4	7.5	-	-	-	-	-
32	Đại học Quang Trung	-	-	-	-	-	-	-	3.0
33	Đại học Dân lập Bình Dương	1.2	1.3	2.1	-	-	-	-	-
36	Đại học Sư phạm Quy Nhơn	15.8	19.9	21.7	-	-	-	-	10.9
37	Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	-	-	-	-	-	-

PHỤ LỤC II

TỈ LỆ TRÚNG TUYỂN CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC PHÍA NAM TỪ NĂM 2001 ĐẾN 2006

TT	Tên trường	Năm 2001			Năm 2002			Năm 2003		
		ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %
1	ĐH Quốc gia Tp.HCM									
	ĐH Bách khoa	29.620	2.895	9.77	30038	3438	11.45	17468	3446	19.73
	ĐH Khoa học TN	29.603	2.002	6.76	19991	2255	11.28	13486	2301	17.06
	ĐH Khoa học XH - NV	28.550	1.869	6.55	18629	2099	11.27	18951	2075	10.95
	ĐH Quốc tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Khoa Kinh tế	-	330	-	3073	690	22.45	15119	1029	6.81
2	ĐH Sư phạm TP.HCM	39.467	1.122	2.84	29316	1753	5.98	28186	1847	6.55
3	ĐH SP Kỹ thuật TP.HCM	36.395	2.120	5.82	25166	2108	8.38	25215	2584	10.25
4	ĐH Kinh tế TP.HCM	42.175	3.889	9.22	44075	4194	9.52	35369	4227	11.95
5	ĐH GT - VT TP.HCM	7.413	614	8.28	10115	963	9.52	14376	1283	8.92
6	ĐH Kiến trúc TP.HCM	7.903	596	7.54	6582	651	9.89	8678	665	7.66
7	ĐH Ngân hàng TP.HCM	-	-	-	-	-	-	2507	-	-
8	ĐH Nông lâm TP.HCM	38.615	1.501	3.89	19984	1927	9.64	37031	1641	4.43
9	ĐH Luật TP.HCM	11.924	885	7.42	11267	918	8.15	14948	1116	7.47
10	ĐH Mỹ thuật TP.HCM	473	84	17.76	682	85	12.46	717	84	11.72
11	Nhạc viện TP.HCM	71	46	64.79	81	45	55.56	167	46	27.54
12	ĐH Thể dục Thể thao 2	3.398	194	5.71	3752	249	6.64	3477	219	6.30
13	ĐH Y Dược TP.HCM	16.215	751	4.63	22810	756	3.31	15119	759	5.02
14	ĐH Y Dược Cần Thơ	-	-	-	-	-	-	5965	250	4.19

15	TTĐTBD Cán bộ Y tế	2.298	132	5.74	1511	125	8.27	1661	129	7.77
16	ĐH Mở Bán công TP.HCM	15.629	3.433	21.97	8867	2649	29.87	11354	3793	33.41
17	ĐH BC Tôn Đức Thắng	6.696	1.429	21.34	5098	1792	35.15	7067	1814	25.67
18	ĐH Bán công Marketing	3.499	-	-	-	-	-	XT	-	-
19	ĐH Huế	60.819	3.976	6.54	51450	4316	8.39	53610	4288	8.00
20	ĐH Đà Nẵng	66.578	4.248	6.38	51103	4194	8.21	47924	5143	10.73
21	ĐH Cần Thơ	46.116	3.260	7.07	57137	4421	7.74	53590	3389	6.32
22	ĐH Thủy sản	18.092	1.670	9.23	17164	1433	8.35	17371	1373	7.90
23	ĐH Quy Nhơn	41.279	1.669	4.04	27253	2271	8.33	48028	2126	4.43
24	ĐH Đà Lạt	25.032	2.331	9.31	17599	2300	13.07	19244	2403	12.49
25	ĐH Tây Nguyên	15.389	1.064	6.91	46639	870	1.87	14249	1262	8.86
26	ĐH An Giang	20.217	775	3.83	10325	963	9.33	21291	1040	4.88
27	ĐH SP Đồng Tháp	-	-	-	-	-	-	6060	128	2.11
28	ĐH DL Kỹ thuật CN	14.417	1.412	9.79	6410	1679	26.19	3194	1825	57.14
29	ĐHDL Ngoại ngữ Tin học	7.463	1.342	17.98	3994	1360	34.05	5002	1847	36.93
30	ĐH DL Hồng Bàng	7.015	1.493	21.28	-	1549	-	XT	1653	-
31	ĐH DL Văn Lang	22.064	1.605	7.27	-	1614	-	XT	1726	-
32	ĐH DL Văn Hiến	7.731	1.346	17.41	-	1001	-	XT	1245	-
33	ĐH DL Hùng Vương	9.306	1.251	13.44	-	1251	-	XT	1489	-
34	ĐH DL Duy Tân	8.214	1.299	15.81	-	1356	-	XT	1412	-
35	ĐH DL Lạc Hồng	3.882	1.366	35.19	3481	1463	42.03	3220	1673	51.96
36	ĐH DL Cửu Long	7.561	1.174	15.53	-	1345	-	XT	1523	-
37	ĐH DL Phú Xuân	-	-	-	-	-	-	XT	490	-
38	ĐH DL Bình Dương	1.686	1.099	65.18	-	1104	-	XT	1547	-

TT	Tên trường	Năm 2004			Năm 2005			Năm 2006		
		ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	T.Tuyển	Tỉ lệ %
1	ĐH Quốc gia									
	ĐH Bách khoa	11304	3689	32.63	16333	3672	22.48	10975	3411	31.08
	ĐH Khoa học TN	13522	2247	16.62	10669	2509	23.52	20110	2311	11.49
	ĐH Khoa học XH - NV	13522	2419	17.89	13456	2310	17.17	15838	2465	15.56
	ĐH Quốc tế	921	215	23.34	1351	547	40.49	965	307	31.81
	Khoa Kinh tế	8120	1154	14.21	8301	1415	17.05	15443	1595	10.33
2	ĐH Sư phạm TP.HCM	27123	1629	6.01	28056	1579	5.63	28020	1857	6.63
3	ĐH SP Kỹ thuật TP.HCM	25753	2331	9.05	16418	2672	16.27	22277	3182	14.28
4	ĐH Kinh tế TP.HCM	45333	5208	11.49	49811	4976	9.99	43379	4987	11.50
5	ĐH GT - VT TP.HCM	-	1351	-	12361	1922	15.55	12960	1784	13.77
6	ĐH Kiến trúc TP.HCM	7123	907	12.73	9031	978	10.83	8686	1199	13.80
7	ĐH Ngân hàng TP.HCM	7490	896	11.96	12931	1302	10.07	13437	1418	10.55
8	ĐH Nông lâm TP.HCM	32295	2458	7.61	47830	3056	6.39	50969	3026	5.94
9	ĐH Luật TP.HCM	11788	1002	8.50	12361	935	7.56	17756	1053	5.93
10	ĐH Mỹ thuật TP.HCM	653	105	16.08	671	105	15.65	676	118	17.46
11	Nhạc viện TP.HCM	66	31	46.97	66	48	72.73	349	51	14.61
12	ĐH Thể dục Thể thao 2	3421	233	6.81	3505	269	7.67	4255	285	6.70
13	ĐH Y Dược TP.HCM	17792	969	5.45	21021	919	4.37	20032	958	4.78
14	ĐH Y Dược Cần Thơ	6493	360	5.54	7132	439	6.16	8691	362	4.17
15	TTĐTBD Cán bộ Y tế	1415	142	10.04	679	133	19.59	1476	128	8.67
16	ĐH Mở Bán công TP.HCM	14615	2437	16.67	9034	2581	28.57	11403	2844	24.94
17	ĐH BC Tôn Đức Thắng	8282	1906	23.01	7585	2090	27.55	9976	3732	37.41

18	ĐH Bán công Marketing	XT	293	-	XT	834	-	4803	2924	60.88
19	ĐH Huế	-	5043	-	59273	5478	9.24	61206	5543	9.06
20	ĐH Đà Nẵng	-	4882	-	47300	5418	11.45	48180	5929	12.31
21	ĐH Cần Thơ	55144	3739	6.78	55612	4501	8.09	61725	4760	7.71
22	ĐH Thủy sản	13500	1603	11.87	12716	2210	17.38	13494	2383	17.66
23	ĐH Quy Nhơn	22646	2584	11.41	26741	2915	10.90	31500	3225	10.24
24	ĐH Đà Lạt	19621	2461	12.54	21575	2674	12.39	23899	2947	12.33
25	ĐH Tây Nguyên	24886	1484	5.96	20058	1542	7.69	22284	1687	7.57
26	ĐH An Giang	18312	1073	5.86	9528	1271	13.34	10087	1235	12.24
27	ĐH SP Đồng Tháp	6695	468	6.99	7237	1035	14.30	8582	1380	16.08
28	ĐH DL Kỹ thuật CN	XT	1156	-	2994	1717	57.35	3867	2165	55.99
29	ĐHDL Ngoại ngữ Tin học	6882	1466	21.30	6470	1359	21.00	6016	1969	32.73
30	ĐH DL Hồng Bàng	XT	1602	-	XT	1932	-	XT	1948	-
31	ĐH DL Văn Lang	XT	1798	-	XT	1998	-	XT	2446	-
32	ĐH DL Văn Hiến	XT	762	-	XT	555	-	XT	670	-
33	ĐH DL Hùng Vương	XT	244	-	XT	473	-	XT	889	-
34	ĐH DL Duy Tân	XT	895	-	XT	1481	-	XT	1342	-
35	ĐH DL Lạc Hồng	XT	1695	-	3626	1639	45.20	6356	1860	29.26
36	ĐH DL Cửu Long	XT	1450	-	XT	1432	-	XT	1657	-
37	ĐH DL Phú Xuân	XT	709	-	XT	1159	-	XT	1089	-
38	ĐH DL Bình Dương	XT	1125	-	XT	953	-	XT	1850	-

PHỤ LỤC III:

TỈ LỆ TRÚNG TUYỂN THEO ĐỊA PHƯƠNG

KHU VỰC PHÍA NAM TỪ 2003 ĐẾN 2006

Số TT	Tỉnh (Thành phố)	2003			2004			2005			2006		
		ĐKDT	Tr.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	Tr.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	Tr.Tuyển	Tỉ lệ %	ĐKDT	Tr.Tuyển	Tỉ lệ %
1	Hồ Chí Minh	98.502	16.045	16.29	02.935	16.580	16.11	111.050	18.785	16.92	33.079	21.197	15.93
2	Đà Nẵng	18.703	2.466	13.19	18.864	2.558	13.56	18.764	3.343	17.82	18.305	3.670	20.05
3	Quảng Trị	15.136	1.838	12.14	15.254	2.174	14.25	15.045	2.372	15.77	16.029	2.831	17.66
4	TT-Huế	21.231	2.725	12.84	27.484	3.386	12.32	25.355	3.858	15.22	28.641	4.725	16.5.0
5	Quảng Nam	27.922	3.546	12.70	26.346	4.479	17.00	25.133	5.056	20.12	29.569	5.813	19.66
6	Quảng Ngãi	31.456	3.470	11.03	30.605	3.995	13.05	30.285	4.512	14.9	34.266	5.523	16.12
7	Kon Tum	5.238	1.030	19.66	5.562	853	15.34	5.796	837	14.44	5.930	1.097	18.50
8	Bình Định	32.420	3.821	11.79	33.658	4.769	14.17	35.077	4.895	13.96	43.008	6.826	15.87
9	Gia Lai	18.089	2.665	14.73	18.922	2.093	11.06	18.074	2.722	15.06	21.215	3.750	17.68
10	Phủ Yên	19.060	1.967	10.32	19.459	2.304	11.84	19.692	2.417	12.27	22.390	3.359	15.00
11	Đắk Lắk	34.947	5.074	14.52	36.753	4.036	10.98	38.285	5.180	13.53	46.186	7.105	15.38
12	Khánh Hòa	15.000	3.268	21.79	18.000	3.138	17.43	18.000	3.750	20.83	23.500	4.581	19.49
13	Lâm Đồng	15.183	4.003	26.37	17.336	3.310	19.09	19.825	4.082	20.59	24.237	5.632	23.24
14	Bình Phước	6.499	1.369	21.06	10.338	1.392	13.46	9.699	1.494	15.40	12.178	2.154	17.69
15	Bình Dương	8.004	1.747	21.83	7.895	1.389	17.59	9.232	1.615	17.49	13.140	2.418	18.40
16	Ninh Thuận	6.381	1.036	16.24	7.046	1.015	14.41	8.816	1.162	13.18	10.505	1.484	14.13
17	Tây Ninh	10.826	2.191	20.24	9.580	1.524	15.91	11.516	1.913	16.61	11.941	2.296	19.23
18	Bình Thuận	13.624	2.214	16.25	14.937	2.145	14.36	14.745	2.234	15.15	18.752	3.148	16.79
19	Đồng Nai	26.464	5.856	22.13	27.480	5.732	20.86	29.510	6.644	22.51	36.861	8.341	22.63
20	Long An	13.319	2.138	16.05	13.709	2.037	14.86	15.570	2.660	17.08	20.714	3.258	15.73
21	Đồng Tháp	16.818	2.203	13.10	14.960	2.026	13.54	15.305	2.930	19.14	17.909	3.824	21.35
22	An Giang	21.648	2.285	10.56	19.599	2.464	12.57	19.723	2.744	13.91	24.771	3.056	12.34
23	Bà Rịa - VT	12.936	2.996	23.16	14.615	3.042	20.81	17.013	3.717	21.85	19.928	4.579	22.98
24	Tiền Giang	18.273	3.009	16.47	18.112	3.134	17.30	19.845	3.533	17.80	24.081	4.233	17.58
25	Kiên Giang	8.973	1.751	19.51	9.581	1.776	18.54	10.085	2.029	20.12	11.588	2.351	20.29
26	Cần Thơ	19.758	1.941	9.82	10.605	1.700	16.03	13.131	2.216	16.88	22.443	3.321	14.80
27	Bến Tre	18.115	2.520	13.91	18.656	2.068	11.08	17.385	2.676	15.39	20.811	3.208	15.41
28	Vĩnh Long	14.799	2.003	13.53	15.720	1.865	11.86	13.411	2.423	18.07	14.229	2.724	19.14
29	Trà Vinh	10.285	1.266	12.31	11.931	1.084	9.09	12.623	1.604	12.71	11.730	1.784	15.21
30	Sóc Trăng	6.824	862	12.63	7.410	844	11.39	6.632	1.055	15.91	7.550	1.307	17.31
31	Bạc Liêu	3.700	637	17.22	3.976	728	18.31	3.176	767	24.15	4.166	958	23.00
32	Cà Mau	8.775	1.510	17.21	7.630	1.158	15.18	6.606	1.257	19.03	6.521	1.624	24.90
33	Đắk Nông	-	-	-	3.554	276	7.77	4.412	502	11.38	5.968	875	14.66
34	Hậu Giang	-	-	-	3.386	745	22.00	3.627	523	14.42	4.649	794	17.08

PHẦN IV

BẢNG THỐNG KÊ KHỐI THỊ CỦA CÁC NGÀNH

Bảng 1: Nhóm ngành Sư phạm

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Sư phạm Toán	ĐH Sư phạm	A	Sư phạm Vật lý	ĐH Sư phạm	A
	ĐH Sư phạm (Huế)	A		ĐH Sư phạm (Huế)	A
	ĐH Sư phạm (ĐN)	A		ĐH Sư phạm (ĐN)	A
	ĐH Sư phạm Đồng Tháp	A		ĐH Sư phạm Đồng Tháp	A
	ĐH Quy Nhơn	A		ĐH Quy Nhơn	A
	ĐH Đà Lạt	A		ĐH Đà Lạt	A
	ĐH Tiền Giang	A		ĐH Tây Nguyên	A
	ĐH Cần Thơ	A		ĐH Cần Thơ	A
Sư phạm Tin	ĐH Sư phạm	A	Sư phạm GD mầm non	ĐH Sư phạm	M
	ĐH Đà Lạt	A		ĐH Quy Nhơn	M
	ĐH Sư phạm (ĐN)	A		ĐH Sư phạm (Huế)	M
	ĐH Sư phạm Đồng Tháp	A		ĐH Sư phạm Đồng Tháp	M
	ĐH Sư phạm (Huế)	A		ĐH Sư phạm (ĐN)	M
Sư phạm Hóa học	ĐH Sư phạm	A	Sư phạm Ngữ văn	ĐH Sư phạm	C
	ĐH Sư phạm (Huế)	A		ĐH Sư phạm (ĐN)	C
	ĐH Sư phạm (ĐN)	A		ĐH Sư phạm (Huế)	C
	ĐH Sư phạm Đồng Tháp	A		ĐH Sư phạm Đồng Tháp	C
	ĐH Đà Lạt	A		ĐH Tây Nguyên	C
	ĐH Tây Nguyên	A		ĐH Tiền Giang	C
	ĐH Quy Nhơn	A		ĐH Đà Lạt; ĐH Cần Thơ	C
	ĐH Cần Thơ	A		ĐH Quy Nhơn	C
Sư phạm Lịch sử	ĐH Sư phạm	C	Sư phạm Địa lý	ĐH Quy Nhơn	A
	ĐH Sư phạm (Huế)	C		ĐH Sư phạm (ĐN)	C
	ĐH Sư phạm (ĐN)	C		ĐH Sư phạm (Huế)	C
	ĐH Quy Nhơn	C		ĐH Cần Thơ	C
	ĐH Sư phạm Đồng Tháp	C		ĐH Sư phạm Đồng Tháp	C
	ĐH Đà Lạt; ĐH Cần Thơ	C		ĐH Sư phạm	A, C
Sư phạm Toán-Tin	ĐH Sư phạm (ĐN)	A	Sư phạm Sinh học	ĐH Sư phạm	B
	ĐH Cần Thơ	A		ĐH Sư phạm (Huế)	B
	ĐH An Giang	A		ĐH Cần Thơ	B
	ĐH Tây Nguyên	A		ĐH Đà Lạt	B
Sư phạm Giáo dục chính trị	ĐH Quy Nhơn	A	Sư phạm Sinh - KTNN	ĐH An Giang	B
	ĐH Sư phạm (Huế)	C		ĐH Tây Nguyên	B
	ĐH Sư phạm (ĐN)	C		ĐH Quy Nhơn	B
	ĐH Sư phạm Đồng Tháp	C		ĐH Cần Thơ	B
	ĐH Sư phạm	C,D		ĐH Sư phạm Đồng Tháp	B
Sư phạm GD đặc biệt	ĐH Quy Nhơn	D	Sư phạm Tiếng Nga	ĐH Sư phạm	D
	ĐH Sư phạm (ĐN)	D		ĐH Ngoại ngữ (Huế)	D
	ĐH Sư phạm	C,D		ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Sư phạm GD tiểu học	ĐH Cần Thơ	A	Sư phạm Tiếng Anh	ĐH Sư phạm	D
	ĐH Sư phạm (Huế)	D		ĐH Đà Lạt	D
	ĐH Sư phạm (ĐN)	D		ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D
	ĐH An Giang	D		ĐH Quy Nhơn	D
	ĐH Quy Nhơn	D		ĐH Tây Nguyên	D
	ĐH Sư phạm Đồng Tháp	H		ĐH Ngoại ngữ (Huế)	D
	ĐH Sư phạm	A,D		ĐH Sư phạm Đồng Tháp	D
	ĐH Tây Nguyên	A,C		ĐH Cần Thơ	D
Sư phạm Tiếng Trung	ĐH Sư phạm	D	Sư phạm Tiếng Pháp	ĐH Sư phạm	D
	ĐH Ngoại ngữ (Huế)	D		ĐH Ngoại ngữ (Huế)	D
	ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D		ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D
Sư phạm KTCN	ĐH Sư phạm (Huế)	A	Sư phạm GD thể chất	ĐH Sư phạm	T
	ĐH Bách Khoa (ĐN)	A		ĐH Sư phạm TD - TT	T
	ĐH Quy Nhơn	A		Khoa GD Thể chất (Huế)	T
	ĐH Sư phạm Đồng Tháp	A		ĐH Sư phạm Đồng Tháp	T
SP Âm nhạc	ĐH An Giang	N	SP Mỹ thuật	ĐH Sư phạm Đồng Tháp	H
	ĐH Nghệ thuật (Huế)	N		ĐH Mỹ thuật	H
SP TD - TT	ĐH Cần Thơ	T	SP Tâm lý GD	ĐH Sư phạm (Huế)	C
	ĐH Quy Nhơn	T		ĐH Quy Nhơn	B
Sư phạm GDTC&GDQP	ĐH Sư phạm (ĐN)	T	Quản lý GD	ĐH Sư phạm (Huế)	C
	ĐH Quy Nhơn	T		ĐH Sư phạm	C,D
	Khoa GD Thể chất (Huế)	T			
SP Hội họa	ĐH Nghệ thuật (Huế)	H	SP KT Nông lâm	ĐH Sư phạm (Huế)	B
Tâm lý GD	ĐH Sư phạm	C,D	SP Kỹ thuật	ĐH Nông Lâm	A,B
SP Vật lý - Tin	ĐH Cần Thơ	A	SP Hội họa	ĐH An Giang	H
SP Vật lý - KTN	ĐH An Giang	A	Giáo dục chính trị	ĐH Tây Nguyên	C
SP Hóa - Sinh	ĐH An Giang	B	Giáo dục thể chất	ĐH Sư phạm	T
SP Văn-GDCD	ĐH An Giang	C	GDTC & GDQP	ĐH Sư phạm	T
SP Sử - Địa	ĐH An Giang	C	SP GDCD	ĐH Cần Thơ	C
SP Sử - GDCD	ĐH An Giang	C	Giáo dục học	ĐH KHXH&NV (ĐHQG)	C,D

Bảng 2: Nhóm ngành Khoa học Tự nhiên

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Toán – Tin ứng dụng	ĐHBC Tôn Đức Thắng	A	Toán - Tin	ĐH KHTN (ĐHQG)	A
	ĐHDL Hùng Vương	A		ĐH Sư phạm (ĐN)	A
Toán học	ĐH Khoa học (Huế)	A	Tin học	ĐH Khoa học (Huế)	A
	ĐH Quy Nhơn	A		ĐH Quy Nhơn	A
	ĐH Đà Lạt	A		ĐH Đà Lạt	A
Vật lý	ĐH KHTN (ĐHQG)	A	Địa lý	ĐH Quy Nhơn	A
	ĐH Khoa học (Huế)	A		ĐH Khoa học (Huế)	B
	ĐH Quy Nhơn	A		ĐH Sư phạm (ĐN)	C
	ĐH Đà Lạt	A		ĐH KHXH&NV (ĐHQG)	C,D

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Sinh học	ĐH KHTN (ĐHQG)	B	Địa chất...	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A
	ĐH Khoa học (Huế)	B		ĐH Khoa học (Huế)	A
	ĐH Quy Nhơn	B		ĐH KHTN (ĐHQG)	A,B
	ĐH Đà Lạt	B			
	ĐH Tây Nguyên	B			
Công nghệ sinh học	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	Khoa học môi trường	ĐH Khoa học (Huế)	B
	ĐH Bách Khoa (ĐN)	A		ĐH Cần Thơ	B
	ĐH Khoa học (Huế)	B		ĐH KHTN (ĐHQG)	A,B
	ĐH An Giang	B		ĐHBC Tôn Đức Thắng	A,B
	ĐH Đà Lạt	B		ĐHDL Lạc Hồng	A,B
	ĐH Cần Thơ	B		ĐHDL Hồng Bàng	A,B
	ĐH Mở bán công	B		ĐHDL Yersin Đà Lạt	A,B
	ĐHDL Lạc Hồng	B	Hóa học	ĐH KHTN (ĐHQG)	A
	ĐHBC Tôn Đức Thắng	B		ĐH Khoa học (Huế)	A
	ĐH Quốc tế (ĐHQG)	A,B		ĐH Sư phạm (ĐN)	A
	ĐH KHTN (ĐHQG)	A,B		ĐH Quy Nhơn	A
	ĐH Nông Lâm	A,B		ĐH Đà Lạt	A
	ĐHDL Yersin Đà Lạt	A,B		ĐH Cần Thơ	A,B
	ĐHDL Kỹ thuật Công nghệ	A,B			
	ĐHDL Văn Lang	A,B	Hóa vô cơ, hữu cơ	ĐHDL Lạc Hồng	A,B
			CN - CTNT	ĐH Nông Lâm (Huế)	A
			QLTN rừng và MT	ĐH Nông Lâm (Huế)	B
				ĐH Tây Nguyên	B
Quản lý môi trường	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	Quy hoạch đô thị	ĐH Kiến trúc	V
	ĐH Đà Lạt	B		ĐHDL Yersin Đà Lạt	V
	ĐH Nông Lâm	A,B		ĐHBC Tôn Đức Thắng	A
Địa chính	ĐH Quy Nhơn	A	KT Cơ sở hạ tầng	ĐH Thủy lợi (CS2)	A
Trắc địa và BD	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	TN - Cải tạo đất	ĐH Thủy lợi (CS2)	A
Quản lý đô thị	ĐHDL Hồng Bàng	C,D	CÔNG TY Thủy lợi	ĐH Thủy lợi (CS2)	A
Sinh - MT	ĐH Sư phạm (ĐN)	B	Bảo hộ LD	ĐHBC Tôn Đức Thắng	A,B
TL - TB - CTN	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	HDH và KTTV	ĐH KHTN (ĐHQG)	A
Khoa học đất	ĐH Cần Thơ	B	Thủy văn MT	ĐH Thủy Lợi (CS2)	A

Bảng 3: Nhóm ngành Khoa học Nhân văn

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Triết học	ĐH Khoa học (Huế)	C	Nhật Bản học	ĐHDL Ngoại ngữ - Tin học	D
	ĐH KHXH&NV (ĐHQG)	C,D		ĐHDL Hồng Bàng	C,D
Ngữ văn	ĐH Cần Thơ	C	Việt Nam học	ĐH Sư phạm (ĐN)	C
	ĐH Đà Lạt	C		ĐH Đà Lạt	C
	ĐHDL Cửu Long	C		ĐHDL Ngoại ngữ - Tin học	D
	ĐHDL Phú Xuân	C		ĐHDL Phú Xuân	D
	ĐH KH XH&NV (ĐHQG)	C,D		ĐH An Giang	A,D
	ĐHDL Văn Hiến	C,D		ĐHBC Tôn Đức Thắng	C,D
Ngôn ngữ	ĐH Khoa học (Huế)	C		ĐH Sư phạm	A,C,D

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Văn học	ĐH Khoa học (Huế)	C	Quốc Tế học	ĐH Đà Lạt	D
	ĐH Sư phạm (ĐN)	C		ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D
	ĐH Quy Nhơn	C		ĐH Sư phạm	C,D
Lịch sử	ĐH Khoa học (Huế)	C	Đông Phương học	ĐH Đà Lạt	C
	ĐH Quy Nhơn; ĐH Đà Lạt	C		ĐH KHXH&NV (ĐHQG)	D
	ĐHDL Phú Xuân	C		ĐHDL Ngoại Ngữ - Tin học	D
	ĐH KHXH&NV (ĐHQG)	C,D		ĐHDL Lạc Hồng	C,D
Trung Quốc học	ĐHDL Ngoại ngữ - Tin học	D	Hàn Quốc học	ĐHDL Ngoại ngữ - Tin học	D
	ĐHDL Hồng Bàng	C,D		ĐHDL Hồng Bàng	C,D
Ngữ văn Anh	ĐH KH XH&NV (ĐHQG)	D	Hàn - Nôm	ĐH Khoa học (Huế)	C
Ngữ văn Nga	ĐH KH XH&NV (ĐHQG)	D	Úc học	ĐHDL Hồng Bàng	C,D
Ngữ văn Trung	ĐH KH XH&NV (ĐHQG)	D	Hoa Kỳ học	ĐHDL Hồng Bàng	C,D
Ngữ văn Pháp	ĐH KH XH&NV (ĐHQG)	D	ĐNA học	ĐH Mở bán công	C,D
Ngữ văn Đức	ĐH KH XH&NV (ĐHQG)	D	Đông Á và ĐNA	ĐHDL Hồng Bàng	C,D

Bảng 4: Nhóm ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Hệ thống TTKT	ĐH Kinh tế ĐH	A	Kinh tế đối ngoại	ĐH Ngoại thương	A
	Ngân hàng	A		ĐH An Giang	A
	ĐH Kinh tế (ĐN)	A		Khoa Kinh tế (ĐHQG)	A,D
	ĐHBC Marketing	A		ĐHDL Hồng Bàng	A,D
Kinh tế	ĐH Kinh tế	A	Kinh tế Nông lâm	ĐH Đà Lạt	A
	ĐH Kinh tế (Huế)	A		ĐH Tây Nguyên	A
	ĐH Kinh tế (ĐN)	A		ĐH Nông Lâm	A,D
	ĐH Mở bán công	A		ĐH Cần Thơ	A,D
	ĐHDL Lạc Hồng	A		KT Thương mại	A,D
Kinh tế học	Khoa Kinh tế (ĐHQG)	A,D	KT Ngoại thương	ĐHDL Văn Hiến	A,D
	ĐH Cần Thơ	A,D		ĐH Cần Thơ	A,D
KT Xây dựng	ĐH Giao thông Vận tải	A	Kinh tế vận tải	ĐH Nha Trang	A,D
	ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A		ĐH Giao thông Vận tải	A
KT Công cộng	Khoa Kinh tế (ĐHQG)	A,D	Kinh tế thủy sản	ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A
Kinh tế BC - VT	ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A		ĐH Nha Trang	A,D
Kế toán	ĐH Kinh tế; ĐH Quy Nhơn	A	Quản trị kinh doanh (QTKD)	ĐH Nông Lâm	A,D
	ĐH Công nghiệp	A		ĐH Kinh tế; ĐH An Giang	A
	ĐH Đà Lạt; ĐH Cần Thơ	A		ĐH Tiền Giang	A
	ĐH Tây Nguyên	A		ĐH Ngân hàng	A
	ĐH Tiền Giang	A		ĐH Công nghiệp	A
	ĐH Nha Trang	A		ĐH Kinh tế (ĐN)	A
	ĐH Kinh tế (Huế)	A,D		ĐH Tây Đô; ĐH Đà Lạt	A
	ĐH Kinh tế (ĐN)	A,D		Khoa Kinh tế (ĐHQG)	A,D
	ĐH Nông Lâm	A,D		ĐH Quốc tế (ĐHQG)	A,D
	ĐHBC Marketing	A,D		ĐH Ngoại thương	A,D
	ĐH Mở bán công	A,D		ĐHDL Yersin Đà Lạt	A,D
	ĐHDL Lạc Hồng	A,D		ĐHDL Công nghệ Sài Gòn	A,D
	ĐHDL Cửu Long	A,D		ĐHDL Văn Lang	A,D
	ĐHDL Văn Lang	A,D		ĐHDL Hùng Vương	ABD
				ĐHDL Bình Dương	ABD

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
	ĐHDL KT Công nghệ ĐH Quang Trung	A,D A,B,D	Ngân hàng	ĐH Kinh tế (ĐN) ĐHDL Hồng Bàng	A A,D
Tài chính - Tin dụng	ĐHBC Tôn Đức Thắng ĐHDL Văn Lang ĐHDL Lạc Hồng ĐHDL Cửu Long	A,D A,D A,D A,B,D	Tài chính - Doanh nghiệp	ĐH An Giang ĐH Cần Thơ ĐHDL Hồng Bàng ĐH Nha Trang	A A,D A,D A,D
KT - DN	ĐH An Giang ĐHDL Duy Tân	A A,D	QT Du lịch...	ĐH Nha Trang ĐHDL Hồng Bàng	A,D A,D
Tài chính - Ngân hàng	ĐH Kinh Tế; ĐH Ngân hàng ĐH Kinh tế (Huế) ĐH Tây Nguyên ĐH Mở bán công Khoa Kinh tế (ĐHQG) ĐHDL Duy Tân	A A A A A,D A,D	Kế toán - Kiểm toán	Khoa Kinh tế (ĐHQG) ĐHBC Tôn Đức Thắng ĐHDL Hồng Bàng ĐHDL Duy Tân	A,D A,D A,D A,D
			KD Thương mại ..	ĐHDL Cửu Long	A,B,D
QTDN	ĐHDL Lạc Hồng	A,D	Quản trị dự án	ĐHDL Hồng Bàng	A,D
QTKD GT - VT	ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A	QT Nguồn nhân lực	ĐHBC Marketing	A,D
QTKD BC - VT	HV Công nghệ BC - VT	A	QT Bệnh viện	ĐHDL Hùng Vương	A,B,D
			KINH DOANH Quốc tế	ĐH Công nghiệp	A

Bảng 5: Nhóm ngành Ngoại ngữ

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Tiếng Anh	ĐH Công nghiệp	D	Tiếng Trung	ĐH Ngoại ngữ (Huế)	D
	ĐH Nông Lâm	D		ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D
	ĐH Quy Nhơn	D		ĐH Mở bán công	D
	ĐH Đà Lạt	D		ĐHBC Tôn Đức Thắng	D
	ĐH Ngoại ngữ (Huế)	D		ĐHDL Ngoại ngữ - Tin học	D
	ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D		ĐHDL Văn Hiến	D
	ĐH Nha Trang	D		ĐHDL Hùng Vương	D
	ĐH Tây Nguyên	D	Tiếng Pháp	ĐH Ngoại Ngữ (Huế)	D
	ĐH Mở bán công	D		ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D
	ĐH Tây Đô	D		ĐHDL Ngoại ngữ - Tin học	D
	ĐHDL Cửu Long	D		ĐHDL Văn Hiến	D
	ĐHBC Tôn Đức Thắng	D		ĐHDL Hùng Vương	D
	ĐHDL Duy Tân	D	Tiếng Nhật	ĐH Ngoại ngữ (Huế)	D
	ĐHDL Hùng Vương	D		ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D
	ĐHDL Kỹ thuật Công nghệ	D		ĐHDL Văn Hiến	D
	ĐHDL Ngoại Ngữ - Tin học	D		ĐHDL Hùng Vương	D
	ĐHDL Văn Lang	D	Tiếng Nga	ĐH Ngoại ngữ (Huế)	D
	ĐHDL Lạc Hồng	D		ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D
	ĐHDL Văn Hiến	D	Tiếng Hàn Quốc	ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D
	ĐHDL Hùng Vương	D	Tiếng Thái Lan	ĐH Ngoại ngữ (ĐN)	D
	ĐHDL Yersin Đà Lạt	D	Anh - Pháp	ĐHDL Hồng Bàng	D
	ĐHDL Bình Dương	D	Tiếng Đức	ĐHDL Ngoại ngữ - Tin học	D
Tiếng Anh TM	ĐH Ngân hàng	D	Anh - Đức	ĐHDL Hồng Bàng	D
Tiếng Anh KHKT	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	D	Anh - Nhật	ĐHDL Hồng Bàng	D

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Tiếng Anh KD	ĐHBC Marketing	D	Trung - Anh	ĐHBC Tôn Đức Thắng	D
Anh - Hoa	ĐHDL Hồng Bàng	D	Nga văn	ĐH Sư phạm	D
Anh - Hàn	ĐHDL Hồng Bàng	D	Pháp văn	ĐH Sư phạm	D
Anh văn	ĐH Sư phạm	D	Trung văn	ĐH Sư phạm	D

Bảng 6: Nhóm ngành Y - Dược

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Đa khoa	ĐH Y Dược	B	Dược sỹ	ĐH Tây Nguyên	A
	ĐH Y khoa (Huế)	B		ĐH Y khoa (Huế)	A
	TTĐT & BD cán bộ Y tế	B		ĐH Y Dược	B
	ĐH Y Dược Cần Thơ	B		ĐH Y Dược Cần Thơ	B
Điều dưỡng	ĐH Y Dược	B	Răng-Hàm-Mặt	ĐH Tây Nguyên	B
	ĐH Tây Nguyên	B		ĐH Y Dược	B
	ĐH Y khoa (Huế)	B		ĐH Y khoa (Huế)	B
	ĐH Y Dược Cần Thơ	B	Y học cổ truyền	ĐH Y Dược	B
Y tế công cộng	ĐH Y Dược	B	KT Y học	ĐH Y Dược	B
	ĐH Y khoa (Huế)	B		ĐH Y khoa (Huế)	B
Y khoa	ĐH Tây Nguyên	B	Bác sĩ Hộ sinh	ĐH Y Dược	B
Phục hồi chức năng	ĐH Y Dược	B	Gây mê hồi sức	ĐH Y Dược	B
Vật lý trị liệu	ĐH Y Dược	B	Nha khoa	ĐH Y Dược Cần Thơ	B

Bảng 7: Nhóm ngành Khoa học Xã hội

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Báo chí	ĐH Khoa học (Huế)	C	Luật học	ĐH Kinh tế	A
	ĐH KH XH&NV (ĐHQG)	C,D		ĐH Đà Lạt	C
Xã hội học	ĐH Khoa học (Huế)	C	Kinh tế chính trị	ĐH Kinh tế	A
	ĐH Đà Lạt	C		ĐH Kinh tế (Huế)	A
	ĐH KHXH&NV (ĐHQG)	C,D		ĐH Kinh tế (ĐN)	A
	ĐH Mở bán công	C,D	Công tác XH	ĐH Khoa học (Huế)	C
	ĐHBC Tôn Đức Thắng	C,D		ĐH Sư phạm Đồng Tháp	C,D
	ĐHDL Văn Hiến	ACD	Nhân học	ĐH KHXH&NV (ĐHQG)	C,D
Quan hệ quốc tế	ĐH KHXH&NV (ĐHQG)	C,D	Hành chính học	HV Hành chính QG (CS2)	A
	ĐHDL Hồng Bàng	A,D	Luật	ĐH Cần Thơ	A,C
Luật kinh doanh	Khoa Kinh tế (ĐHQG)	A,D	Luật hình sự	ĐH Luật	ACD
Luật thương mại	ĐH Luật	ACD	Luật hành chính	ĐH Luật	ACD
Luật thương mại QT	Khoa Kinh tế (ĐHQG)	A,D	Luật quốc tế	ĐH Luật	ACD
Luật dân sự	ĐH Luật	ACD	Tâm lý học	ĐHDL Văn Hiến	ABCD

Bảng 8: Nhóm ngành Công nghệ thông tin

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Công nghệ thông tin	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	Tin học	ĐH An Giang	A
	ĐH KHTN (ĐHQG)	A		ĐH Tây Nguyên	A
	ĐH Quốc tế (ĐHQG)	A		ĐH Mở bán công	A
	ĐH Giao thông Vận tải	A		ĐH Tây Đô	A
	ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A		ĐHDL Ngoại Ngữ - Tin học	A
	HV Công nghệ BC - VT	A		ĐHDL Công nghệ Sài Gòn	A
	ĐH Nông Lâm	A		ĐHDL Văn Hiến	A,D
	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A		ĐHDL Bình Dương	A,D
	ĐH Sư phạm (ĐN)	A	KH Máy tính	ĐH CNTT (ĐHQG)	A
	ĐH Bách Khoa (ĐN)	A		ĐH KHTN (ĐHQG)	A
	ĐH Đà Lạt; ĐH Cần Thơ	A		ĐH Công nghiệp	A
	ĐHBC Tôn Đức Thắng	A		ĐH Sư phạm Đồng Tháp	A
	ĐHDL Hồng Bàng	A	Hệ thống TT	ĐH CNTT (ĐHQG)	A
	ĐHDL Kỹ thuật Công nghệ	A		ĐH KHTN (ĐHQG)	A
	ĐHDL Yersin Đà Lạt	A	Tin ứng dụng	ĐHDL Duy Tân	A
	ĐHDL Hồng Bàng	A		ĐH Quang Trung	A
	ĐHDL Cửu Long	A	KT Phần mềm	ĐH CNTT (ĐHQG)	A
	ĐHDL Văn Lang	A		ĐH KHTN (ĐHQG)	A
	ĐHDL Lạc Hồng	A	Mạng MT và TT	ĐH CNTT (ĐHQG)	A
	ĐHDL Hùng Vương	A			

Bảng 9: Nhóm ngành Kỹ thuật

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Cơ khí	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	Kỹ thuật môi trường	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A
	ĐH Cần Thơ	A		ĐH Cần Thơ	A
	ĐH Nha Trang	A		ĐH An Giang	A
	ĐHDL Lạc Hồng	A		ĐH Nông Lâm	A,B
	ĐHDL Cửu Long	A		ĐHDL Kỹ thuật công nghệ	A,B
Điện tử - Viễn thông	ĐH KHTN (ĐHQG)	A	Điện tự động	ĐH Giao thông Vận tải	A
	ĐH Quốc tế (ĐHQG)	A		ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
	ĐH Khoa học (Huế)	A	Điện kỹ thuật	ĐH Bách Khoa (ĐN)	A
	ĐH Bách Khoa (ĐN)	A		ĐH Quy Nhơn; ĐH Cần Thơ	A
	ĐH Quy Nhơn	A	KT Điện tử - VT	HV Công nghệ BC - VT	A
	ĐH Giao thông Vận tải	A		ĐHBC Tôn Đức Thắng	A
	ĐH Đà Lạt	A	Công nghiệp	ĐH Mở bán công	A
	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A		ĐH Sư phạm Kỹ thuật	V
	ĐHDL Kỹ thuật Công nghệ	A	TK Thời trang	ĐHDL Kỹ thuật Công nghệ	V,H
	ĐHDL Lạc Hồng	A		ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
	ĐHDL Công nghệ Sài Gòn	A	Kỹ thuật Điện - Điện tử	ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A
	ĐHDL Văn Hiến	A,D		ĐHDL Cửu Long	A
				ĐHDL Bình Dương	A
			Vô tuyến điện ...	ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Xây dựng dân dụng và công nghiệp	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A	Xây dựng - XD cầu đường - XD Công trình...	ĐH Giao thông Vận tải	A
	ĐH Bách Khoa (ĐN)	A		ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A
	ĐH Mở bán công	A		ĐH Bách Khoa (ĐN)	A
	ĐHBC Tôn Đức Thắng	A		ĐH Quy Nhơn	A
	ĐHDL Duy Tân	A		ĐH Tây Đô	A
	ĐHDL Kỹ thuật Công nghệ	A		ĐHBC Tôn Đức Thắng	A
	ĐHDL Lạc Hồng	A		ĐHDL Lạc Hồng	A
	ĐHDL Cửu Long	A		ĐHDL Duy Tân	A
	ĐHDL Bình Dương	A		ĐHDL KT Công nghệ	A
	ĐHDL Văn Lang	A		ĐHDL Cửu Long	A,V
Điện - Điện tử	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	Kiến trúc - Kiến trúc công trình	ĐH Kiến trúc	V
	ĐH Nha Trang	A		ĐH Bách Khoa (ĐN)	V
	ĐH Công nghiệp	A		ĐH Khoa học (Huế) ĐHDL	V
	ĐHDL Công nghệ Sài Gòn	A		Yersin Đà Lạt	V
	ĐHDL Hồng Bàng	A		ĐHDL Văn Lang	V
Cơ - Điện tử	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	Quản lý công nghiệp	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A
	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A		ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
	ĐHDL KT Công nghệ	A		ĐH Cần Thơ	A
	ĐH Nông Lâm	A	CK BQ chế biến	ĐH Nông Lâm	A
	ĐH Cần Thơ	A		ĐH Nông Lâm (Huế)	A
	ĐH Bách Khoa (ĐN)	A	CK Chế tạo	ĐH Bách Khoa (ĐN)	A
	ĐHDL Công nghệ Sài Gòn	A	CK Chế tạo máy	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
Đảm bảo ATHH	ĐH Giao thông Vận tải	A	KT Nhiệt Điện lạnh	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
	ĐH Nha Trang	A		ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A
KT Công trình - KT Xây dựng	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	Điện khí hóa ...	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
	ĐH Kiến trúc; ĐH Cần Thơ	A		ĐHDL KT Công nghệ	V,H
	ĐHDL Hồng Bàng	A		ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
	ĐHDL Công nghệ Sài Gòn	A	TK Nội thất	ĐHDL KT Công nghệ	V,H
CK Chuyên dụng	ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A	KT Nữ công	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
CK Tự động & Robot	ĐHDL KT Công nghệ	A	KT Giao thông	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A
CK Nông lâm	ĐH Nông Lâm	A	KT Khai thác - KTVT	ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A
CK Động lực	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A	Máy xây dựng	ĐH Giao thông Vận tải	A
CK Ô tô	ĐH Giao thông Vận tải	A	Thiết kế máy	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
Cơ - Tin học KT	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A	TK và đóng tàu	ĐH Giao thông Vận tải	A
Cơ kỹ thuật	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	ĐK Tàu biển	ĐH Giao thông Vận tải	A
CG Hóa xép dỡ	ĐH Giao thông Vận tải	A	Điều khiển học ..	ĐH Giao thông Vận tải (CS2)	A
Tự động	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	Khai thác MTT	ĐH Giao thông Vận tải	A
ĐK Tự động	ĐH Nông Lâm	A	Vật lý kỹ thuật	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A
Kỹ thuật in	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A	KH Vật liệu	ĐH KHTN (ĐHQG)	A
KT Công nghiệp	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A	CN Vật liệu	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A
			VL, Cấu kiện XD	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A

Bảng 10: Nhóm ngành Công nghệ

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Công nghệ thực phẩm	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	Công nghệ hóa học	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A
	ĐH Công nghiệp	A		ĐH Công nghiệp	A
	ĐH An Giang	A		ĐH Cần Thơ	A
	ĐH Nha Trang	A	CN Cơ - Điện tử	ĐH Nông Lâm	A,B
	ĐHDL Kỹ thuật Công nghệ	A,B		ĐHBC Tôn Đức Thắng	A,B
	ĐHDL Cửu Long	A,B		ĐH Nha Trang	A
	ĐHDL Lạc Hồng	A,B	CNSinh học TP	ĐH Nha Trang	A
	ĐHDL Công nghệ Sài Gòn	A,B			
Công nghệ tự động	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A	Công nghệ nhiệt - lạnh	ĐH Công nghiệp	A
	ĐH Giao thông Vận tải	A		ĐH Nông Lâm	A
	ĐHDL Kỹ thuật Công nghệ	A		ĐH Nha Trang	A
CN KT ô tô	ĐH Công nghiệp	A	CNKT Máy tính	ĐH CNTT (ĐHQG)	A
	ĐH Nông Lâm	A		ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
CN Dệt - May	ĐH Bách Khoa (ĐHQG)	A	CN Cắt may	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A
	ĐHDL Hồng Bàng	C,D		ĐHDL Lạc Hồng	A,D
Công nghệ môi trường	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A	CN May TT	ĐHDL KT Công nghệ	A
	ĐH Công nghiệp	A		ĐH Công nghiệp	A
	ĐH Bách Khoa (ĐN)	A	CN & QL MT	ĐHDL Văn Lang	A,B
CN Hóa TP	ĐH Bách Khoa (ĐN)	A	CN KT Cơ khí	ĐH Công nghiệp	A
CN Chế biến TP	ĐH Sư phạm Kỹ thuật	A	CN Phần mềm	ĐHDL Duy Tân	A,D

Bảng 11: Nhóm ngành Nông - Lâm - Thủy Sản

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Nông học	ĐH Quy Nhơn	B	Bảo vệ thực vật	ĐH Nông Lâm (Huế)	B
	ĐH Nông Lâm (Huế)	B		ĐH Cần Thơ	B
	ĐH Cần Thơ	B	Lâm nghiệp	ĐH Nông Lâm (Huế)	B
	ĐH Đà Lạt	B		ĐH Nông Lâm	A,B
	ĐH Nông Lâm	A,B	BQ Chế biến NSTP	ĐH Nông Lâm	A,B
	ĐHDL Cửu Long	A,B	Khai thác TS	ĐH Nha Trang	B
Trồng trọt	ĐH Nông Lâm (Huế)	B	Thú y	ĐH Cần Thơ	B
	ĐH An Giang	B		ĐH Nông Lâm (Huế)	B
	ĐH Cần Thơ	B		ĐH Tây Nguyên	B
	ĐH Tây Nguyên	B		ĐH Nông Lâm	A,B
Chăn nuôi - Thủy	ĐH Nông Lâm (Huế)	B	Quản lý đất đai	ĐH Nông Lâm (Huế)	A
	ĐH Tây Nguyên	B		ĐH Cần Thơ	A
	ĐH An Giang	B		ĐH Tây Nguyên	A
	ĐH Cần Thơ	B		ĐH Nông Lâm	A,D
Chế biến TS	ĐH Nha Trang	B	Cảnh quan và KT hoa viên	ĐH Nông Lâm	A,B
	ĐH Nông Lâm	A,B		ĐH Nông Lâm (Huế)	B
Chế biến lâm sản	ĐH Nông Lâm (Huế)	A	BQ Chế biến..	ĐH Nông Lâm (Huế)	A
	ĐH Nông Lâm	A,B		ĐH Tây Nguyên	A
Nuôi trồng thủy sản	ĐH Cần Thơ	B	Phát triển NT và khuyến nông	ĐH An Giang	A
	ĐH Nha Trang	B		ĐH Nông Lâm (Huế)	B
	ĐH Nông Lâm (Huế)	B		ĐH Nông Lâm	A,D

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
	ĐH Nông Lâm	A,B	Nông nghiệp	ĐH Cần Thơ	A,B
Chăn nuôi	ĐH Nông Lâm	A,B	QL Nghề cá	ĐH Cần Thơ	A
Khuyến nông	ĐHDL Lạc Hồng	A,B	Thủy sản	ĐH Cần Thơ	B
Lâm sinh	ĐH Tây Nguyên	B			

Bảng 12: Nhóm ngành Văn hóa - Nghệ thuật

Ngành	Trường	Khối	Ngành	Trường	Khối
Mỹ thuật công nghiệp	ĐH Kiến trúc	H	MT ứng dụng	ĐH Mỹ thuật	H
	ĐHBC Tôn Đức Thắng	H		ĐH Nghệ thuật (Huế)	H
	ĐHDL Văn Lang	H	TT - Thư viện	ĐH Văn hoá	C
	ĐHDL Yersin Đà Lạt	H		ĐH Cần Thơ	D
	ĐHDL Hồng Bàng	H,V		ĐH KHXH&NV (ĐHQG)	C,D
Văn hóa học	ĐH Sư phạm (ĐN)	C	Du lịch	ĐH Đà Lạt	D
	ĐH Đà Lạt	C		ĐHDL Cửu Long	A,D
	ĐHDL Văn Hiến	C,D		ĐH Cần Thơ	C,D
	ĐHDL Hồng Bàng	C,D		ĐHDL Hùng Vương	ACD
Công tác XH	ĐH Quy Nhơn; ĐH Đà Lạt	C	Văn hóa du lịch	ĐH Văn hoá	D
	ĐH Mở bán công	C,D		ĐHDL Văn Hiến	ACD
Hội họa	ĐH Mỹ thuật	H	Điêu khắc	ĐH Mỹ thuật	H
	ĐH Nghệ thuật (Huế)	H		ĐH Nghệ thuật (Huế)	H
Địa lý du lịch	ĐHDL Phú Xuân	C,B	Hệ thống TTQL	Khoa Kinh tế (ĐHQG)	A
Lưu trữ học	ĐH KHXH&NV (ĐHQG)	C,D	HD du lịch	ĐHDL Hồng Bàng	C,D
Quản lý văn hóa	ĐH Văn hoá	C	Điện kinh	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Bảo tàng	ĐH Văn hoá	C	Thể dục	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Phát hành XB	ĐH Văn hoá	C	Bóng đá	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Đồ họa	ĐH Mỹ thuật	H	Cầu lông	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Lý luận - LS MT	ĐH Mỹ thuật	H	Bóng rổ	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Nhã nhạc	ĐH Nghệ thuật (Huế)	N	Bóng bàn	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Sáng tác - Lý luận AN	ĐH Nghệ thuật (Huế)	N	Bơi lội	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Biểu diễn AN	ĐH Nghệ thuật (Huế)	N	Bóng chuyền	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Âm nhạc dân tộc	Nhạc viện Tp.HCM	N	Cờ vua	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Đàn dây	Nhạc viện Tp.HCM	N	Võ	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Piano	Nhạc viện Tp.HCM	N	Vật	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Kèn - Gỗ	Nhạc viện Tp.HCM	N	Bắn súng	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Thanh nhạc	Nhạc viện Tp.HCM	N	Quần vợt	ĐH Thể dục - Thể thao 2	T
Guitare - Accordeon	Nhạc viện Tp.HCM	N	Sáng tác - Lý luận - Chỉ huy	Nhạc viện Tp.HCM	N

PHẦN V

BẢNG HƯỚNG DẪN

CÁC TUYẾN XE BUÝT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
1	10	BX Miền Đông - BX Miền Tây 5h00 - 19h15 15 phút/chuyến	BX Miền Đông - Đinh Bộ Lĩnh - Điện Biên Phủ - Nguyễn Bình Khiêm - Nguyễn Thị Minh Khai - Đinh Tiên Hoàng - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Huệ - Lê Lợi - Bến Thành - Trần Hưng Đạo - Châu Văn Liêm - Hải Thượng Lãn Ông - Lê Quang Sung - Phạm Đình Hổ - Hậu Giang - Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	BX Miền Tây - Kinh Dương Vương - Hậu Giang - Tháp Mười - Hải Thượng Lãn Ông - Châu Văn Liêm - Trần Hưng Đạo - Bến Thành - Lê Lợi - Nguyễn Huệ - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Hữu Cánh - Điện Biên Phủ - D2 - Ung Văn Khiêm - Quốc lộ 13 - Đinh Bộ Lĩnh - BX Miền Đông
2	14	BX Miền Đông - Ba Tháng Hai - BX Miền Tây 4h00 - 19h00 6 phút/chuyến	BX Miền Đông - Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Xi - Ung Văn Khiêm - D2 - Điện Biên Phủ - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Thị Minh Khai - Lý Thái Tổ - Ba Tháng Hai - Hồng Bàng - Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	BX Miền Tây - Kinh Dương Vương - Hồng Bàng - Ba Tháng Hai - Lý Thái Tổ - Nguyễn Thị Minh Khai - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Quốc lộ 13 - BX Miền Đông
3	40	BX Miền Đông - Ngã Tư Ga 5h00 - 18h00 10 phút/chuyến	BX Miền Đông - Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Xi - Nơ Trang Long - Trần Quý Cáp - Phan Văn Trị - Nguyễn Huy Diễm - Lê Đức Thọ - Thống Nhất - Tô Ngọc Vân - Quốc lộ 1A - BX Ngã Tư Ga	BX Ngã Tư Ga - Quốc lộ 1A - (Quay đầu) - Quốc lộ 1A - Tô Ngọc Vân - Thống Nhất - Lê Đức Thọ - Nguyễn Huy Diễm - Phan Văn Trị - Trần Quý Cáp - Nơ Trang Long - Nguyễn Xi - Quốc lộ 13 - Đinh Bộ Lĩnh - BX Miền Đông
4	51	BX Miền Đông - Chung cư Miếu Nổi 5h30 - 17h00 10 phút/chuyến	BX Miền Đông - Đinh Bộ Lĩnh - Bùi Đình Túy - Ngô Đức Kế - Phan Văn Trị - Nguyễn Hồng - Lê Quang Định - Nguyễn Thượng Hiền - Nguyễn Văn Đậu - Phan Đăng Lưu - Phan Xích Long - Chung cư Miếu Nổi	Chung cư Miếu Nổi - Phan Xích Long - Phan Đăng Lưu - Nguyễn Văn Đậu - Nguyễn Thượng Hiền - Lê Quang Định - Nguyễn Hồng - Phan Văn Trị - Ngô Đức Kế - Bùi Đình Túy - Đinh Bộ Lĩnh - Bạch Đằng - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Quốc lộ 13 - Đinh Bộ Lĩnh - BX Miền Đông
5	24	BX Miền Đông - Hóc Môn 4h00 - 19h30 5 phút/chuyến	BX 19 Tháng 5 - Hương lộ 60B - Quốc lộ 22 - Lý Thường Kiệt - Tỉnh lộ 15 - Hương lộ 80 - Quốc lộ 22 - Quốc lộ 1A - Tỉnh lộ 15 - Quang Trung - Nguyễn Văn Nghi - Lê Quang Định - Bạch Đằng - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Quốc lộ 13 - BX Miền Đông	BX Miền Đông - Đinh Bộ Lĩnh - Bạch Đằng - Lê Quang Định - Nguyễn Văn Nghi - Quang Trung - Tỉnh lộ 15 - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 22 - Nguyễn Ảnh Thủ (Hương lộ 80 cũ) - Tô Kỳ (Tỉnh lộ 15 cũ) - Lý Thường Kiệt - Quốc lộ 22 - Hương lộ 60B - BX 19 Tháng 5
6	54	BX Miền Đông - BX Chợ Lớn 4h30 - 19h00 8 phút/chuyến	BX Miền Đông - Đinh Bộ Lĩnh - Bạch Đằng - Lê Quang Định - Nguyễn Huy Lượng - Nơ Trang Long - Phan Đăng Lưu - Đinh Tiên Hoàng - Võ Thị Sáu - Ba Tháng Hai - Lê Hồng Phong - Hùng Vương - Hồng Bàng - Phú Hữu - Trang Tử - BX Chợ Lớn	BX Chợ Lớn - Chu Văn An - Tháp Mười - Phú Hữu - Nguyễn Trãi - Trần Phú - Lê Hồng Phong - Điện Biên Phủ - Đinh Tiên Hoàng - Phan Đăng Lưu - Nơ Trang Long - Nguyễn Huy Lượng - Lê Quang Định - Bạch Đằng - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Quốc lộ 13 - BX Miền Đông

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
7	612	BX Miền Đông - DT An 5h30 - 18h40 15 phút/chuyến	BX Miền Đông - Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Xi - Quốc lộ 13 - Quốc lộ 1A (Xa lộ Đại Hàn cũ) - Quốc lộ 1K - Trần Hưng Đạo - Chợ Dĩ An (Bình Dương)	Chợ Dĩ An (Bình Dương) - Trần Hưng Đạo - Quốc lộ 1K - Quốc lộ 1A (Xa lộ Đại Hàn cũ) - Quốc lộ 13 - Đinh Bộ Lĩnh - BX Miền Đông
8	26	Bến Thành - BX Miền Đông 5h00 - 18h40 9 phút/chuyến	Quách Thị Trang - Hàm Nghi - Tôn Đức Thắng - Hai Bà Trưng - Lê Duẩn - Đinh Tiên Hoàng - Nguyễn Thị Minh Khai - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Bạch Đằng - Phan Đăng Lưu - Nơ Trang Long - Nguyễn Xi - Quốc lộ 13 - BX Miền Đông	BX Miền Đông - Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Xi - Nơ Trang Long - Phan Đăng Lưu - Bạch Đằng - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Thị Minh Khai - Đinh Tiên Hoàng - Lê Duẩn - Hai Bà Trưng - Tôn Đức Thắng - Hàm Nghi - Quách Thị Trang
9	1	Sài Gòn - Chợ Bình Tây 5h00 - 21h30 5 phút/chuyến	Cổng trường Mê Linh - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Huệ - Lê Lợi - Chợ Bến Thành - Trần Hưng Đạo - Châu Văn Liêm - Hải Thượng Lãn Ông - Lê Quang Sung - Nguyễn Hữu Thân - Tháp Mười - Chợ Bình Tây	Chợ Bình Tây - Tháp Mười - Hải Thượng Lãn Ông - Châu Văn Liêm - Trần Hưng Đạo - Chợ Bến Thành - Lê Lợi - Nguyễn Huệ - Tôn Đức Thắng - Cổng trường Mê Linh
10	11	Sài Gòn - Đầm Sen 5h00 - 18h40 10 phút/chuyến	Quách Thị Trang - Phạm Hồng Thái - Nguyễn Trãi - Nguyễn Văn Cừ - An Dương Vương - Nguyễn Tri Phương - Hồng Bàng - Lý Thường Kiệt - Nguyễn Chi Thanh - Lê Đại Hành - Lãnh Binh Thăng - Ông Ích Khiêm - Hòa Bình (Đầm Sen)	Hòa Bình - Ông Ích Khiêm - Lãnh Binh Thăng - Tôn Thất Hiệp - Ba Tháng Hai - Phó Cơ Điều - Nguyễn Chi Thanh - Lý Thường Kiệt - Hồng Bàng - An Dương Vương - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Trãi - Lê Lai - Phạm Hồng Thái - Quách Thị Trang
11	13	Sài Gòn - Củ Chi 3h40 - 19h20 5 phút/chuyến	Bãi Hai Ba Tháng Chín - Lê Lai - Phạm Hồng Thái - Cách Mạng Tháng Tám - Hoàng Văn Thụ - Xuân Diệu - Xuân Hồng - Trường Chinh - Quốc lộ 22 - BX Củ Chi	BX Củ Chi - Quốc lộ 22 - Trường Chinh - Cách Mạng Tháng Tám - Phạm Hồng Thái - Lê Lai - Bãi Hai Ba Tháng Chín
12	18	Sài Gòn - Khu CV Phần mềm Quang Trung 5h00 - 19h00 8 phút/chuyến	Quách Thị Trang - Hàm Nghi - Pasteur - Lê Duẩn - Đinh Tiên Hoàng - Phan Đăng Lưu - Nơ Trang Long - Lê Quang Định - Nguyễn Văn Nghi - Quang Trung - Tô Ký - Khu Công viên Phần mềm Quang Trung	Khu CV Phần mềm Quang Trung - Tô Ký - Quang Trung - Nguyễn Văn Nghi - Lê Quang Định - Nơ Trang Long - Phan Đăng Lưu - Đinh Tiên Hoàng - Võ Thị Sáu - Hai Bà Trưng - Lê Duẩn - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Hàm Nghi - Quách Thị Trang
13	19	Sài Gòn - KCX Linh Trung Suối Tiên 5h00 - 18h30 8 phút/chuyến	Quách Thị Trang - Hàm Nghi - Tôn Đức Thắng - Hai Bà Trưng - Lê Duẩn - Đinh Tiên Hoàng - Nguyễn Thị Minh Khai - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Quốc lộ 13 - Quốc lộ 1A - KCX Linh Trung - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 52 - Khu du Lịch Suối Tiên	Khu DL Suối Tiên - Quốc lộ 52 - Quốc lộ 1A - KCX Linh Trung - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 13 - Đinh Bộ Lĩnh - Nguyễn Xi - Ung Văn Khiêm - D2 - Diên Biên Phủ - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Thị Minh Khai - Đinh Tiên Hoàng - Lê Duẩn - Hai Bà Trưng - Tôn Đức Thắng - Hàm Nghi

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
14	2	Sài Gòn - BX Miền Tây 4h30 - 18h52 8 phút/chuyến	Công trường Mê Linh - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Huệ - Lê Lợi - Chợ Bến Thành - Lê Lai - Phạm Hồng Thái - Nguyễn Trãi - Cống Quỳnh - Cao Thắng - Ba Tháng Hai - Hồng Bàng - Minh Phụng - Hậu Giang - Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	BX Miền Tây - Kinh Dương Vương - Hậu Giang - Minh Phụng - Ba Tháng Hai - Cao Thắng - Nguyễn Thị Minh Khai - Phạm Viết Chánh - Cống Quỳnh - Nguyễn Trãi - Phạm Hồng Thái - Lê Lai - Chợ Bến Thành - Lê Lợi - Nguyễn Huệ - Tôn Đức Thắng - Công trường Mê Linh
15	3	Sài Gòn - An Nhơn Thanh Lộc 4h30 - 19h30 4 phút/chuyến	Chợ Bến Thành - Lê Lợi - Hai Bà Trưng - Phan Đình Phùng - Nguyễn Kiệm - Nguyễn Oanh - Hà Huy Giáp - Ngã tư Ga - Hà Huy Giáp - UBND P. Thanh Lộc	UBND Phường Thạnh Lộc - Hà Huy Giáp - Ngã tư Ga - Hà Huy Giáp - Nguyễn Kiệm - Phan Đình Phùng - Hai Bà Trưng - Lê Lợi - Chợ Bến Thành
16	36	Sài Gòn - Thới An 5h00 - 19h30 8 phút/chuyến	Chợ Bến Thành - Hàm Nghi - Pasteur - Điện Biên Phủ - Hai Bà Trưng - Nguyễn Hữu Cẩu - Trần Quang Khải - Đinh Tiên Hoàng - Phan Đăng Lưu - Nơ Trang Long - Nguyễn Huy Lương - Phan Văn Trị - Thống Nhất - Phan Huy Ích (Phạm Văn Chiêu cũ) - Lê Đức Thọ - Lê Văn Khương - Thới An	Thới An - Lê Văn Khương - Lê Đức Thọ - Phan Huy Ích - Thống Nhất - Phan Văn Trị - Nguyễn Huy Lương - Nơ Trang Long - Phan Đăng Lưu - Đinh Tiên Hoàng - Trần Quang Khải - Nguyễn Hữu Cẩu - Hai Bà Trưng - Võ Thị Sáu - Phạm Ngọc Thạch - Nguyễn Du - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Hàm Nghi - Chợ Bến Thành
17	4	Sài Gòn - Cộng Hòa - An Sương (Từ 5h đến 19h30) 5 phút/chuyến	Chợ Bến Thành - Hàm Nghi - Pasteur - Võ Thị Sáu - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Nguyễn Văn Trỗi - Hoàng Văn Thụ - Phan Thúc Duyên - Cộng Hòa - Trường Chinh - Quốc lộ 22 - Ngã ba Củ Cải - Quốc lộ 22 - BX An Sương	BX An Sương - Quốc lộ 22 - Trường Chinh - Cộng Hòa - Hoàng Văn Thụ - Nguyễn Văn Trỗi - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Hàm Nghi - Chợ Bến Thành
18	122	BX An Sương - Chợ Phú Hòa Đông 4h30 - 19h00 10 phút/chuyến	Chợ đầu mối Tân Xuân (Hóc Môn) - Nguyễn Thị Sóc - Quốc lộ 22 - Lê Thị Hà - Quang Trung - Đỗ Văn Dậy - Tỉnh lộ 15 - Bến Tân Quy	Bến Tân Quy - Tỉnh lộ 15 - Đỗ Văn Dậy - Quang Trung - Lê Thị Hà - Quốc lộ 22 - Nguyễn Thị Sóc - Chợ đầu mối Tân Xuân (Hóc Môn)
19	33	BX An Sương - Khu du lịch Suối Tiên 4h50 - 19h20 4 phút/chuyến	Chợ đầu mối Tân Xuân (Hóc Môn) - Nguyễn Thị Sóc - Quốc lộ 22 - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 52 (Xa lộ Hà Nội) - Cảnh nghĩa trang TP	Cảnh nghĩa trang TP - Quốc lộ 52 - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 22 - Nguyễn Thị Sóc - Chợ đầu mối Tân Xuân (Hóc Môn)
20	60	BX An Sương KCN Lê Minh Xuân 5h00 - 19h50 10 phút/chuyến	BX An Sương - Quốc lộ 22 - Quốc lộ 1A - Ngã tư Vĩnh Lộc - Nguyễn Thị Tú - Vĩnh Lộc - Võ Văn Vân - Tỉnh lộ 10 - Láng Le - Bàu Cò - KCN Lê Minh Xuân	KCN Lê Minh Xuân - Láng Le - Bàu Cò - Tỉnh lộ 10 - Võ Văn Vân - Vĩnh Lộc - Nguyễn Thị Tú - Ngã tư Vĩnh Lộc - Quốc lộ 1A - Quốc lộ 22 - Ngã Ba Củ Cải - Quốc lộ 22 - BX An Sương
21	625	BX An Sương - BX Hậu Nghĩa 5h00 - 19h00 15 phút/chuyến	BX An Sương - Quốc lộ 22 - Trần Văn Mười - Phan Văn Hớn - Tỉnh lộ 9 - Cầu Lớn (Giáp ranh TPHCM với Long An) - Đường tỉnh 824 (Tỉnh lộ 9) - Ngã ba Mỹ Hạnh - Ngã tư Đức Lập - Tỉnh lộ 823 (Tỉnh lộ 8) - Tỉnh lộ 825 (Tỉnh lộ 10) - BX Hậu Nghĩa (Long An)	BX Hậu Nghĩa (Long An) - Tỉnh lộ 825 (Tỉnh lộ 10) - Tỉnh lộ 823 (Tỉnh lộ 8) - Ngã tư Đức Lập - Ngã ba Mỹ Hạnh - Đường tỉnh 824 (Tỉnh lộ 9) - Cầu Lớn (Giáp ranh TPHCM với Long An) - Tỉnh lộ 9 - Phan Văn Hớn - Trần Văn Mười - Quốc lộ 22 - BX An Sương

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
22	143	BX Chợ Lớn - Vòng xoay Phú Lâm - Cư xá Nhiều Lọc 5h30 - 19h00 15 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Lê Quang Sung - Phạm Đình Hồ - Hậu Giang - Nguyễn Văn Luồng - Vòng xoay Phú Lâm - Tân Hòa Đông - Đặng Nguyên Cẩn - Tân Hòa - Lũy Bán Bích - Thạch Lam - Lê Khôi - Lê Niệm - Phạm Văn Xảo - Lê Thúc Hoạch - Cư xá Nhiều Lọc	Cư xá Nhiều Lọc - Lê Thúc Hoạch - Phạm Văn Xảo - Lê Niệm - Lê Khôi - Thạch Lam - Lũy Bán Bích - Tân Hòa - Đặng Nguyên Cẩn - Tân Hòa Đông - Vòng xoay Phú Lâm - Nguyễn Văn Luồng - Hậu Giang - Tháp Mười - Ngô Nhân Tịnh - Phú Hữu - BX Chợ Lớn
24	147	BX Chợ Lớn - Cư xá Bắc Hải - Sân bay Tân Sơn Nhất 5h30 - 19h00 15 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Nguyễn Hữu Thận - Tháp Mười - Hải Thượng Lãn Ông - Hàm Tử - Ngô Quyền - Ba Tháng Hai - Nguyễn Tri Phương - Tô Hiến Thành - Đồng Nai - Hồng Lĩnh - Cửu Long - Bắc Hải - Cách Mạng Tháng Tám - Phạm Văn Hai - Cầu Phạm Văn Hai - Đường dọc kênh Nhiều Lọc - Út Tịch - Cộng Hòa - Hoàng Văn Thụ - Phan Đình Giót - Trường Sơn - Hậu Giang	Hậu Giang - Trường Sơn - Phi Long - Cộng Hòa - Út Tịch - Đường dọc kênh Nhiều Lọc - Phạm Văn Hai - Cách Mạng Tháng Tám - Bắc Hải - Cửu Long - Hồng Lĩnh - Đồng Nai - Tô Hiến Thành - Nguyễn Tri Phương - Ba Tháng Hai - Ngô Quyền - Hàm Tử - Hải Thượng Lãn Ông - Ngô Nhân Tịnh - BX Chợ Lớn
25	150	BX Chợ Lớn - Hàng Xanh - Khu du lịch Suối Tiên - Tân Vạn 10h00 - 19h30 6 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Lê Quang Sung - Nguyễn Hữu Thận - Tháp Mười - Ngô Nhân Tịnh - Phú Hữu - Hồng Bàng - Ngô Gia Tự - Điện Biên Phủ - Quốc lộ 52 - Ngã ba Tân Vạn	Ngã ba Tân Vạn - Quốc lộ 52 - Điện Biên Phủ - Nguyễn Bình Khiêm - Nguyễn Đình Chiểu - Lý Thái Tổ - Ngô Gia Tự - Hồng Bàng - Phú Hữu - BX Chợ Lớn
26	16	BX Chợ Lớn - Tân Khai - Bình Trị Đông 5h30 - 19h00 10 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Lê Quang Sung - Nguyễn Thị Nhỏ - Hồng Bàng - Tân Hòa Đông - Thoại Ngọc Hầu (Hương lộ 2) - Trước Cổng Cty TNHH May Nhật Tân	Trước cổng Cty TNHH May Nhật Tân - Thoại Ngọc Hầu - Tân Hòa Đông - Hồng Bàng - Phú Hữu - BX Chợ Lớn
27	17	BX Chợ Lớn - Dương Bá Trạc 5h30 - 19h00 10 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Phú Hữu - Hùng Vương - Nguyễn Tri Phương - Cầu Chánh Hưng - Phạm Hùng (Đường Chánh Hưng cũ) - Tạ Quang Bửu nối dài - Đường 1011 - Phạm Thế Hiển - Dương Bá Trạc - Bên hông Đội Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8	Bên hông Đội Cảnh sát Điều tra Công an Quận 8 (T50) - Dương Bá Trạc - Phạm Thế Hiển - Đường số 1011 - Tạ Quang Bửu nối dài - Phạm Hùng (Đường Chánh Hưng cũ) - Nguyễn Tri Phương - Hùng Vương - Phú Hữu - BX Chợ Lớn
28	23	BX Chợ Lớn - Đầm Sen - Ngã ba Giồng 4h00 - 20h00 10 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Trang Tử - Nguyễn Thị Nhỏ - Hồng Bàng - Tạ Uyên - Tôn Thất Hiệp - Lãnh Binh Thăng - Ông Ích Khiêm - Hòa Bình (Đầm Sen) - Khuồng Việt - Âu Cơ - Nguyễn Hồng Đào - Trương Chinh - Phan Văn Hớn - Ngã ba Giồng	Ngã ba Giồng (Khu Di tích LS Ngã Ba Giồng) - Phan Văn Hớn - Trương Chinh - Nguyễn Hồng Đào - Âu Cơ - Khuồng Việt - Hòa Bình (Đầm Sen) - Ông Ích Khiêm - Lãnh Binh Thăng - Tôn Thất Hiệp - Tạ Uyên - Hồng Bàng - Nguyễn Thị Nhỏ - Trang Tử - BX Chợ Lớn
29	56	BX Chợ Lớn - Trường ĐH GTVT (Quận 9) 5h00 - 19h50	BX Chợ Lớn - Lê Quang Sung - Nguyễn Hữu Thận - Tháp Mười - Hải Thượng Lãn Ông - Châu Văn Liêm - Hồng Bàng - An Dương Vương - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Trãi - Nguyễn Cư	Trường ĐH GTVT (Quận 9) - Lê Văn Việt - Xa lộ Hà Nội - Cầu Sài Gòn - Cầu vượt Nguyễn Hữu Cánh - Tôn Đức Thắng - Hàm Nghi - Phạm Ngũ Lão - Trần Hưng Đạo - Nguyễn Cư

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
		6 phút/chuyến	Trình - Trần Hưng Đạo - Hàm Nghi - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Hữu Cánh - Cầu Sài Gòn - Xa lộ Hà Nội - Lê Văn Việt - Trường ĐH GTVT (Quận 9)	Trình - Nguyễn Trãi - An Dương Vương - Nguyễn Tri Phương - Hùng Vương - Hồng Bàng - Châu Văn Liêm - Hải Thượng Lân Ông - Lê Quang Sung - BX Chợ Lớn
30	621	BX Chợ Lớn - Bến Lúc 4h37 - 19h40 4 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Lê Quang Sung - Hùng Vương - Kinh Dương Vương - Quốc lộ 1A - Bến Lúc (Long An)	Bến Lúc (Long An) - Quốc lộ 1A - Kinh Dương Vương - Hùng Vương - Nguyễn Trãi - Phú Hữu - BX Chợ Lớn
31	622	BX Chợ Lớn - Rạch Kiến 4h - 19h30 10 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Lê Quang Sung - Phạm Đình Hổ - Hồng Bàng - Kinh Dương Vương - Quốc lộ 1A - Đinh Đức Thiên - Ngã tư Long Định - Đường tỉnh 826 - Chợ Rạch Kiến	Chợ Rạch Kiến (Cần Đức - Long An) - Đường tỉnh 826 - Ngã tư Long Định - Đinh Đức Thiên - Quốc lộ 1A - Kinh Dương Vương - Hồng Bàng - Phú Hữu - BX Chợ Lớn
32	68	BX Chợ Lớn - Cầu Chữ Y - Quận 7 6h00 - 18h00 10 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Lê Quang Sung - Nguyễn Thị Nhỏ - Hồng Bàng - Nguyễn Tri Phương - Nguyễn Trãi - Nguyễn Biếu - Cầu Chữ Y - Dạ Nam - Phạm Thế Hiển - Trần Xuân Soạn - Lê Văn Lương - Đường số 15 - Đường số 10 - Đường số 17 - Mai Văn Vĩnh - Nguyễn Thị Thập - Nguyễn Văn Linh - Đầu bến quận 7	Đầu bến quận 7 - Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Thị Thập - Mai Văn Vĩnh - Đường số 17 - Đường số 10 - Đường số 15 - Lê Văn Lương - Trần Xuân Soạn - Phạm Thế Hiển - Dạ Nam - Cầu Chữ Y - Nguyễn Biếu - Nguyễn Trãi - Nguyễn Tri Phương - Hồng Bàng - Phú Hữu - BX Chợ Lớn
33	7	BX Chợ Lớn - Gò Vấp 5h00 - 19h31 7 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Ngô Nhân Tịnh - Hải Thượng Lân Ông - Châu Văn Liêm - Hồng Bàng - Ngô Gia Tự - Nguyễn Tri Phương - Ba Tháng Hai - Trần Minh Quyển - Ga Hòa Hưng - Nguyễn Thông - Kỳ Đồng - Trần Quốc Thảo - Lê Văn Sỹ - Trần Quang Diệu - Trần Huy Liệu - Hoàng Văn Thụ - Hồ Văn Huê - Nguyễn Kiêm - Nguyễn Thái Sơn - Phan Văn Trị - Bãi hậu cần số 1	Bãi hậu cần số 1 - Phan Văn Trị - Nguyễn Thái Sơn - Nguyễn Kiêm - Hồ Văn Huê - Hoàng Văn Thụ - Trần Huy Liệu - Trần Quang Diệu - Lê Văn Sỹ - Trần Quốc Thảo - Kỳ Đồng - Nguyễn Thông - Ga Hòa Hưng - Trần Minh Quyển - Ba Tháng Hai - Nguyễn Tri Phương - Ngô Gia Tự - Hồng Bàng - Châu Văn Liêm - Hải Thượng Lân Ông - Ngô Nhân Tịnh - BX Chợ Lớn
34	81	BX Chợ Lớn - Lê Minh Xuân 4h30 - 19h00 5 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Lê Quang Sung - Phạm Đình Hổ - Hồng Bàng - Bà Hom - Tỉnh lộ 10 - Lê Minh Xuân (Địa điểm gần cầu Kinh Ranh bảo đảm ATGT)	Lê Minh Xuân (Địa điểm gần cầu Kinh Ranh bảo đảm ATGT) - Tỉnh lộ 10 - Bà Hom - Hồng Bàng - Phú Hữu - BX Chợ Lớn
35	9	BX Chợ Lớn - Hưng Long 4h00 - 18h55 10 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Lê Quang Sung - Phạm Đình Hổ - Hồng Bàng - Kinh Dương Vương - Quốc lộ 1A - Đinh Đức Thiên (Tỉnh lộ 18) - Hương lộ 11 - Bến Hưng Long	Bến Hưng Long - Hương lộ 11 - Đinh Đức Thiên (Tỉnh lộ 18) - Quốc lộ 1A - Kinh Dương Vương - Hồng Bàng - Phú Hữu - Lê Quang Sung - BX Chợ Lớn
36	94	BX Chợ Lớn - Củ Chi 3h20 - 20h00 3 phút/chuyến	BX Chợ Lớn - Xóm Vối - Hồng Bàng - Tôn Thọ Tường (Tạ Uyên) - Nguyễn Chí Thanh - Lý Thường Kiệt - Hoàng Văn Thụ - Xuân Diệu - Xuân Hồng - Trường Chinh - Quốc lộ 22 - BX Củ Chi	BX Củ Chi - Quốc lộ 22 - Trường Chinh - Lý Thường Kiệt - Nguyễn Chí Thanh - Tôn Thọ Tường - Hồng Bàng - Phú Hữu - BX Chợ Lớn

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
37	701	BX Củ Chi - Trảng Bàng - BX Gò Dầu 4h00 - 19h00 6 phút/chuyến	BX Củ Chi - Quốc lộ 22 - Bến xe Trảng Bàng - Quốc lộ 22 - BX Gò Dầu (Tỉnh Tây Ninh)	BX Gò Dầu - Quốc lộ 22 - Bến xe Trảng Bàng - Quốc lộ 22 - BX Củ Chi
38	623	BX Củ Chi - BX Hậu Nghĩa 5h00 - 19h00 10 phút/chuyến	BX Củ Chi - Quốc lộ 22 - Tỉnh lộ 8 (Qua cầu Thủy Cai) - Đường tỉnh 823 - Ngã tư Hậu Nghĩa - Đường tỉnh 825 - BX Hậu Nghĩa (Đức Hòa - Long An)	BX Hậu Nghĩa (Đức Hòa - Long An) - Đường tỉnh 825 - Ngã tư Hậu Nghĩa - Đường tỉnh 823 - Tỉnh lộ 8 (Qua cầu Thủy Cai) - Quốc lộ 22 - Bến xe Củ Chi
39	126	Củ Chi - Bình Mỹ 5h30 - 19h00 4 phút/chuyến	BX Củ Chi - Quốc lộ 22 - Tỉnh lộ 8 - Bến đò Bình Mỹ	Bến đò Bình Mỹ - Tỉnh lộ 8 - Quốc lộ 22 - BX Củ Chi
40	13	Sài Gòn - Củ Chi 3h40 - 19h20 5 phút/chuyến	Bãi Hai Ba Thằng Chín - Lê Lai - Phạm Hồng Thái - Cách Mạng Tháng Tám - Hoàng Văn Thụ - Xuân Diệu - Xuân Hồng - Trường Chinh - Quốc Lộ 22 - BX Củ Chi	BX Củ Chi - Quốc Lộ 22 - Trường Chinh - Cách Mạng Tháng Tám - Phạm Hồng Thái - Lê Lai - Bãi Hai Ba Thằng Chín
41	58	Ngã tư Ga - Bình Mỹ (Củ Chi) 5h00 - 19h00 12 phút/chuyến	BX Ngã tư Ga - Hà Huy Giáp - Bùi Công Trưng - Ngã tư Đông Thạnh - Tỉnh lộ 9 - Dưới chân cầu Phú Cường	Dưới chân cầu Phú Cường - Tỉnh lộ 9 - Ngã tư Đông Thạnh - Bùi Công Trưng - Hà Huy Giáp - BX Ngã tư Ga
42	39	Văn Thánh - BX Chợ Lớn 5h00 - 18h20 16 phút/chuyến	Văn Thánh (152 Điện Biên Phủ - Bình Thạnh) - Điện Biên Phủ - Bạch Đằng - Phan Đăng Lưu - Đinh Tiên Hoàng - Trần Quang Khải - Phan Đình Phùng - Nguyễn Trọng Tuyển - Phạm Văn Hai - Cách Mạng Tháng Tám - Trường Sơn - Đồng Nai - Tô Hiến Thành - Lữ Gia - Nguyễn Thị Nhỏ (Quận 11) - Bình Thới - Minh Phụng - Hồng Bàng - Phú Hữu - BX Chợ Lớn	BX Chợ Lớn - Lê Quang Sung - Nguyễn Thị Nhỏ (Quận 6) - Hồng Bàng - Minh Phụng - Bình Thới - Lê Đại Hành - Nguyễn Thị Nhỏ (Quận 11) - Lữ Gia - Tô Hiến Thành - Đồng Nai - Trường Sơn - Cách Mạng Tháng Tám - Phạm Văn Hai - Nguyễn Trọng Tuyển - Phan Đình Phùng - Hai Bà Trưng - Điện Biên Phủ - Văn Thánh (152 Điện Biên Phủ - Bình Thạnh)
43	43	Văn Thánh - Bến phà Cát Lái 5h30 - 18h58 5 phút/chuyến	BX Văn Thánh - Điện Biên Phủ - (Vòng xoay Hàng Xanh) - Điện Biên Phủ - Cầu Sài Gòn - Quốc lộ 52 - Trần Nào - Lương Đình Của - Nguyễn Thị Định - Bến phà Cát Lái	Bến phà Cát Lái - Nguyễn Thị Định - Lương Đình Của - Trần Nào - (Đường dưới chân cầu Sài Gòn) - Điện Biên Phủ - BX Văn Thánh
44	50	Văn Thánh - Ngã năm Chú Ía - Tân Sơn Nhất 6h00 - 18h40 15 phút/chuyến	BX Văn Thánh - Điện Biên Phủ - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Xi - Nơ Trang Long - Trần Quý Cáp - Phan Văn Trị - Nguyễn Văn Đậu - Phan Đăng Lưu - Thích Quảng Đức - Nguyễn Kiệm - Nguyễn Thái Sơn - Bạch Đằng - Trường Sơn - Hầu Giang	Hầu Giang - Trường Sơn - Bạch Đằng - Nguyễn Thái Sơn - Nguyễn Kiệm - Thích Quảng Đức - Phan Đăng Lưu - Nguyễn Văn Đậu - Trần Quý Cáp - Nơ Trang Long - Nguyễn Xi - Ung Văn Khiêm - D1 - BX Văn Thánh
45	2	BX Miền Tây - Sài Gòn	Công trường Mê Linh - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Huệ - Lê Lợi - Chợ	Bến xe Miền Tây - Kinh Dương Vương - Hầu Giang - Minh Phụng - Ba Thằng Hai - Cao Thắng -

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
		4h30 - 18h52 8 phút/chuyến	Bến Thành - Lê Lai - Phạm Hồng Thái - Nguyễn Trãi - Cống Quỳnh - Cao Thắng - Ba Tháng Hai - Hồng Bàng - Minh Phụng - Hậu Giang - Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	Nguyễn Thị Minh Khai - Phạm Viết Chánh - Cống Quỳnh - Nguyễn Trãi - Phạm Hồng Thái - Lê Lai - Chợ Bến Thành - Lê Lợi - Nguyễn Huệ - Tôn Đức Thắng - Công trường Mê Linh
46	S04	BX Miền Tây - Kỷ túc xá Đại học Quốc gia 5h30 - 18h30 10 phút/chuyến	KTX ĐHQG (Thủ Đức) - Xa lộ Hà Nội - Điện Biên Phủ - Đinh Tiên Hoàng - Võ Thị Sáu - Ba Tháng Hai - Nguyễn Trãi - Ngô Gia Tự - Hồng Bàng - Châu Văn Liêm - Hải Thượng Lãn Ông - Lê Quang Sung - Phạm Đình Hồ - Tháp Mười - Hậu Giang - Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	BX Miền Tây - Kinh Dương Vương - Hậu Giang - Tháp Mười - Hải Thượng Lãn Ông - Châu Văn Liêm - Hồng Bàng - Ngô Gia Tự - Nguyễn Trãi - Phạm Đình Hồ - Lê Quang Sung - Phạm Đình Hồ - Tháp Mười - Xa lộ Hà Nội - Kỷ túc xá ĐHQG (Thủ Đức)
47	32	BX Miền Tây - Ngã tư Ga 4h30 - 18h00 5 phút/chuyến	BX Ngã Tư Ga - Hà Huy Giáp - Lê Đức Thọ - Phạm Văn Chiêu - Phan Huy Ích - Trường Chinh - Tân Kỳ Tân Quý - Tân Quý - Tân Hương - Văn Cao - Nguyễn Sơn - Lê Khôi - Nguyễn Lý - Thoại Ngọc Hầu - Phan Anh - An Dương Vương - Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	BX Miền Tây - Kinh Dương Vương - An Dương Vương - Phan Anh - Thoại Ngọc Hầu - Nguyễn Lý - Lê Khôi - Nguyễn Sơn - Văn Cao - Tân Hương - Tân Quý - Tân Kỳ Tân Quý - Trường Chinh - Phan Huy Ích - Phạm Văn Chiêu - Lê Đức Thọ - Hà Huy Giáp - BX Ngã Tư Ga
48	61	BX Miền Tây - KCN Lê Minh Xuân 5h30 - 19h00 8 phút/chuyến	BX Miền Tây - Kinh Dương Vương - Quốc Lộ 1A - Trần Đại Nghĩa - KCN Lê Minh Xuân (Dưới chân cầu kênh B)	KCN Lê Minh Xuân - Trần Đại Nghĩa - Quốc Lộ 1A - Kinh Dương Vương - BX Miền Tây
49	139	BX Miền Tây - Hồ Kỳ Hòa 5h30 - 19h00 15 phút/chuyến	Hồ Kỳ Hòa - Lê Hồng Phong - Nguyễn Trãi - Nguyễn Văn Cừ - An Dương Vương - Trần Phú - Nguyễn Duy Dương - An Dương Vương - Nguyễn Trãi - Hùng Vương - Hồng Bàng - Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	BX Miền Tây - Kinh Dương Vương - Hồng Bàng - An Dương Vương - Nguyễn Duy Dương - Trần Phú - An Dương Vương - Lê Hồng Phong - Nguyễn Trãi - Nguyễn Văn Cừ - An Dương Vương - Lê Hồng Phong - Hồ Kỳ Hòa
50	25	BX quận 8 - Bình Trị Đông 5h30 - 19h00 10 phút/chuyến	Bến Bình Trị Đông - Hương lộ 2 - Mã Lò - Tỉnh lộ 10 - Đường vào khu dân cư Tân Tạo (Bình Chánh) - đường số 7 - Tên Lửa - Đường số 19 - Đường số 22 - Đường số 3 - Đường số 1 - Tên Lửa - Kinh Dương Vương - Hậu Giang - Tháp Mười - Hải Thượng Lãn Ông - Vạn Kiếp - Cần Giuộc - Túng Thiện Vương - Liên tỉnh 5 - BX quận 8	BX quận 8 - Liên tỉnh 15 - Túng Thiện Vương - Vạn Kiếp - Hải Thượng Lãn Ông - Lê Quang Sung - Phạm Đình Hồ - Hậu Giang - Kinh Dương Vương - Tên Lửa - Đường số 1 - Đường số 31 - Đường số 22 - Đường số 19 - Tên Lửa - Đường số 7 - Đường vào khu dân cư Tân Tạo (Bình Chánh) - Tỉnh lộ 10 - Mã Lò - Hương lộ 2 - Đầu Bến Bình Trị Đông
51	47	BX quận 8 - Cầu Ông Thìn - Hưng Long 4h00 - 18h55 10 phút/chuyến	BX quận 8 - Quốc lộ 50 - (Cầu Ông Thìn) - Hương lộ 11 - Bến Hưng Long	Bến Hưng Long - Hương lộ 11 - (Cầu Ông Thìn) - Quốc lộ 50 - BX quận 8

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
52	59	BX quận 8 - Lăng Cha Cả - Ngã tư Ga 5h30 - 18h30 10 phút/chuyến	BX quận 8 - Liên Tỉnh lộ 50 - Phạm Thế Hiển - Đường số 1107 - Đường số 1011 - Chánh Hưng - Nguyễn Tri Phương - Tô Hiến Thành - Lý Thường Kiệt - Hoàng Văn Thụ - Phố Quang - Hoàng Minh Giám - Nguyễn Thái Sơn - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Oanh - Hà Huy Giáp - BX Ngã tư Ga	BX Ngã tư Ga - Hà Huy Giáp - Nguyễn Oanh - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Sơn - Hoàng Minh Giám - Phố Quang - Phan Đình Giót - Trần Quốc Hoàn - Hoàng Văn Thụ - Xuân Diệu - Xuân Hồng - Trương Chinh - Lý Thường Kiệt - Tô Hiến Thành - Nguyễn Tri Phương - Chánh Hưng - Đường số 1011 - Đường số 1107 - Phạm Thế Hiển - Liên Tỉnh lộ 50 - BX quận 8
53	62	BX quận 8 - Đầm Sen - Bà Quẹo 5h30 - 18h30 10 phút/chuyến	BX quận 8 - Quốc Lộ 50 - Tùng Thiện Vương - Bến Cẩn Giuộc - Vạn Kiếp - Châu Văn Liêm - Thuận Kiều - Lê Đại Hành - Lân Bình Thăng - Ông Ích Khiêm - Hòa Bình - Khuông Việt Âu Cơ - Trương Công Định - Trương Chinh - Ấp Bắc - Cộng Hòa - Bình Giả - Quay Đầu (Bùng Bình) - Cộng Hòa - Bãi xe 592 Cộng Hòa	Bãi xe 592 Cộng Hòa - Cộng Hòa - Ấp Bắc - Trương Chinh - Trương Công Định - Âu Cơ - Khuông Việt - Hòa Bình - Ông Ích Khiêm - Lân Bình Thăng - Tôn Thất Hiệp - Ba Tháng Hai - Phó Cơ Điều - Nguyễn Chí Thanh - Thuận Kiều - Châu Văn Liêm - Vạn Kiếp - Bến Cẩn Giuộc - Cao Xuân Dục - Tùng Thiện Vương - Quốc lộ 50 - BX quận 8
54	8	BX quận 8 - Thủ Đức 4h40 - 19h00 2 phút/chuyến	BX quận 8 - Quốc lộ 50 - Tùng Thiện Vương - Cao Xuân Dục - Xóm Củi - Vạn Kiếp - Hải Thượng Lãn Ông - Châu Văn Liêm - Hồng Bàng - Lý Thường Kiệt - Hoàng Văn Thụ - Phan Đăng Lưu - Bạch Đằng - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Quốc lộ 13 - Kha Vạn Cân - Võ Văn Ngân - Ngã tư Thủ Đức - Quốc lộ 52 - (Xa lộ Hà Nội) - Ngã tư Trạm Hai - Quốc lộ 52 - Ngã ba Lâm Viên (Nghĩa trang Liệt sĩ TP) - Quẹo trái - KTX ĐH Quốc gia - Trường ĐH Khoa học Tự nhiên .	Trường ĐH KHTN - KTX ĐH Quốc gia - Ngã ba Lâm Viên (Nghĩa trang Liệt sĩ TP) - Quẹo phải - Quốc lộ 52 (XLHN) - Ngã tư Trạm 2 - Quốc lộ 52 (Xa lộ Hà Nội) - Ngã tư Thủ Đức - Võ Văn Ngân - Kha Vạn Cân - Quốc lộ 13 - Đinh Bộ Lĩnh - Bạch Đằng - Phan Đăng Lưu - Hoàng Văn Thụ - Xuân Diệu - Xuân Hồng - Trương Chinh - Lý Thường Kiệt - Hồng Bàng - Châu Văn Liêm - Hải Thượng Lãn Ông - Vạn Kiếp - Xóm Củi - Cao Xuân Dục - Tùng Thiện Vương - Quốc lộ 50 - BX quận 8
55	22	Tân Túc - Chợ đầu mối Bình Điền - BX quận 8 3h30 - 19h00 10 phút/chuyến	Bến giáp ranh Bình Chánh với tỉnh Long An - Nguyễn Hữu Trí - Quốc lộ 1A - Nguyễn Văn Linh - Quốc lộ 50 - BX quận 8	BX quận 8 - Quốc lộ 50 - Nguyễn Văn Linh - Quốc lộ 1A - Nguyễn Hữu Trí - Bến giáp ranh Bình Chánh với tỉnh Long An
56	144	Đầm Sen - Chợ Bình Tây - Chợ Bình Phú - BX Miền Tây 5h30 - 19h00 15 phút/chuyến	Đầm Sen - Lạc Long Quân - Hàn Hải Nguyên - Nguyễn Thị Nhỏ - Trần Quý - Tôn Thọ Tường (Tạ Uyên) - Phú Hữu - Ngô Nhân Tịnh - Lê Quang Sung - Phạm Đình Hổ - Cao Văn Lầu - Phạm Văn Chí - Nguyễn Văn Luông - Lý Chiêu Hoàng - Chợ Bình Phú	Chợ Bình Phú - Lý Chiêu Hoàng - Nguyễn Văn Luông - Phạm Văn Chí - Cao Văn Lầu - Tháp Mười - Ngô Nhân Tịnh - Phú Hữu - Tạ Uyên - Trần Quý - Nguyễn Thị Nhỏ - Hàn Hải Nguyên - Lạc Long Quân - Đầm Sen

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
57	145	Đầm Sen Ngã ba Bà Quẹo Công viên Phần mềm Quang Trung Chợ Hiệp Thành 5h30 - 9h15 10 phút/chuyến	Đầm Sen - Hòa Bình - Lũy Bán Bích - Độc Lập - Tân Sơn Nhì - Trường Chinh - Nguyễn Văn Quà - Tỉnh lộ 15 - Cầu vượt Công viên Phần mềm Quang Trung - Công viên Phần mềm Quang Trung - Tô Ký - Nguyễn Ảnh Thủ - Chợ Hiệp Thành (Quận 12)	Chợ Hiệp Thành - Nguyễn Ảnh Thủ - Tô Ký - Công viên Phần mềm Quang Trung - Cầu vượt Công viên Phần mềm Quang Trung - Tỉnh lộ 15 - Nguyễn Văn Quà - Trường Chinh - Tân Sơn Nhì - Độc Lập - Lũy Bán Bích - Hòa Bình - Đầm Sen
58	148	Đầm Sen - Lăng Cha Cả - Cầu Hàng Trong 5h30 - 19h00 10 phút/chuyến	Đầm Sen - Hòa Bình - Lạc Long Quân - Lý Thường Kiệt - Hoàng Văn Thụ - Xuân Diệu - Nguyễn Thái Bình - Cộng Hòa - Hoàng Văn Thụ - Phan Đình Giót - Phổ Quang - Hồ Văn Huê - Hoàng Minh Giám - Nguyễn Thái Sơn - Lê Lai - Lê Lợi - Nguyễn Văn Nghi - Nguyễn Thái Sơn - Phan Văn Trị - Bãi hàu cần số 1	Bãi hàu cần số 1 - Phan Văn Trị - Nguyễn Thái Sơn - Nguyễn Văn Nghi - Lê Lợi - Lê Lai - Nguyễn Thái Sơn - Hoàng Minh Giám - Hồ Văn Huê - Phổ Quang - Phan Đình Giót - Phi Long - Cộng Hòa - Nguyễn Thái Bình - Xuân Diệu - Xuân Hồng - Trường Chinh - Lý Thường Kiệt - Lạc Long Quân - Hòa Bình - Đầm Sen
59	41	Tuyến vòng Đầm Sen - Bàu Cát 5h00 - 19h00 15 phút/chuyến	Công viên Đầm Sen - Hòa Bình - Lạc Long Quân - Lý Thường Kiệt - Hoàng Văn Thụ - Xuân Diệu - Xuân Hồng - Trường Chinh - Đồng Đen - Bàu Cát 1 - Trương Công Định - Bà Văn - Lũy Bán Bích - Trương Vĩnh Ký - Tân Sơn Nhì - Độc Lập - Tân Hương - Bình Long - Thạch Lam - Nguyễn Lý - Tô Hiệu - Quang Vũ - Lũy Bán Bích - Hòa Bình - Công viên Đầm Sen	Công viên Đầm Sen - Hòa Bình - Lũy Bán Bích - Quang Vũ - Tô Hiệu - Nguyễn Lý - Thạch Lam - Bình Long - Tân Hương - Độc Lập - Tân Sơn Nhì - Trương Vĩnh Ký - Lũy Bán Bích - Bà Văn - Trương Công Định - Bàu Cát 1 - Đồng Đen - Trường Chinh - Lý Thường Kiệt - Lạc Long Quân - Hòa Bình - Công viên Đầm Sen
60	64	Công viên Đầm Sen - KDC. Bình Lợi 5h30 - 18h30 10 phút/chuyến	Khu dân cư Bình Lợi - Nơ Trang Long - Phan Đăng Lưu - Hoàng Văn Thụ - Trần Huy Liệu - Trần Quang Diệu - Lê Văn Sỹ - Hoàng Văn Thụ - Xuân Diệu - Xuân Hồng - Trường Chinh - Đồng Đen - Thoại Ngọc Hầu - Lũy Bán Bích - Hòa Bình - Công viên Đầm Sen	Công viên Đầm Sen - Hòa Bình - Lũy Bán Bích - Thoại Ngọc Hầu - Đồng Đen - Trường Chinh - Hoàng Văn Thụ - Lê Văn Sỹ - Trần Quang Diệu - Trần Huy Liệu - Hoàng Văn Thụ - Phan Đăng Lưu - Nơ Trang Long - Khu dân cư Bình Lợi
61	142	Bến Thành - Nguyễn Khoái Công viên Tôn Thất Thuyết 5h00 - 19h01 9 phút/chuyến	Quách Thị Trang - Phó Đức Chính - Nguyễn Thái Bình - Kỳ Con - Nguyễn Công Trứ - Calmette - Bến Vân Đồn - Vĩnh Khánh - Hoàng Diệu - Khánh Hội - Bến Vân Đồn - Nguyễn Khoái - Tôn Thất Thuyết - Công viên Tôn Thất Thuyết	Công viên Tôn Thất Thuyết - Tôn Thất Thuyết - Nguyễn Khoái - Bến Vân Đồn - Khánh Hội - Hoàng Diệu - Vĩnh Khánh - Bến Vân Đồn - Calmette - Nguyễn Công Trứ - Kỳ Con - Nguyễn Thái Bình - Phó Đức Chính - Quách Thị Trang
62	149	Bến Thành - Bảy Hiền - Cư xá Nhiều Lọc 5h30 - 19h 10 phút/chuyến	Quách Thị Trang - Phan Chu Trinh - Lê Thành Tôn - Thủ Khoa Huân - Huyền Trân Công Chúa - Nguyễn Thị Minh Khai - Trương Định - Kỳ Đồng - Nguyễn Thông - Trần Văn Đang - Đường dọc kênh Nhiều Lọc - Lê Bình -	Cư xá Nhiều Lọc - Lê Thức Hoach - Văn Cao - Nguyễn Sơn - Thoại Ngọc Hầu (Hương lộ 2) - Đồng Đen - Phạm Phú Thứ - Lạc Long Quân - Lý Thường Kiệt - Hoàng Văn Thụ - Lê Bình - Đường dọc kênh Nhiều

STT	SỐ HIỆU TUYÊN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
			Hoàng Văn Thụ - Xuân Diệu - Xuân Hồng - Trường Chinh - Lý Thường Kiệt - Lạc Long Quân - Phạm Phú Thứ - Đồng Đen - Thoại Ngọc Hầu (Hương lộ 2) - Nguyễn Sơn - Văn Cao - Lê Thúc Hoạch - Cư xá Nhiều Lộc (Trạm dừng kiểm)	Lộc - Trần Văn Đang - Nguyễn Thông - Kỳ Đồng - Bà Huyện Thanh Quan - Nguyễn Thị Minh Khai - Huyền Trân Công Chúa - Thủ Khoa Huân - Lê Thành Tôn - Lê Lợi - Quách Thị Trang
63	152	Bến Thành - Sân bay Tân Sơn Nhất 5h45 - 19h30 15 phút/chuyến	Công trường Quách Thị Trang - Lê Lợi - Nhà hát TP - Đồng Khởi - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Huệ - Lê Lợi - Trần Hưng Đạo - Đề Thám - Bùi Viện - Cổng Quỳnh - Phạm Ngũ Lão - Nguyễn Thái Học - Cách Mạng Tháng Tám - Nguyễn Thị Minh Khai - Pasteur - Võ Thị Sáu - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Nguyễn Văn Trỗi - Phan Đình Giót - Trường Sơn - Nhà ga Sân bay Tân Sơn Nhất	Nhà ga Sân bay Tân Sơn Nhất - Trường Sơn - Hoàng Văn Thụ - Nguyễn Văn Trỗi - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Nguyễn Thị Minh Khai - Cách Mạng Tháng Tám - Nguyễn Thái Học - Phạm Ngũ Lão - Đề Thám - Trần Hưng Đạo - Lê Lợi - Nhà hát TP - Đồng Khởi - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Huệ - Lê Lợi - Công trường Quách Thị Trang
64	20	Chợ Bến Thành - Bến mũi Nhà Bè 4h20 - 19h37 4 phút/chuyến	Công trường Quách Thị Trang - Hàm Nghi - Hồ Tùng Mậu - Nguyễn Tất Thành - Huỳnh Tấn Phát - Bến mũi Nhà Bè	Bến mũi Nhà Bè - Huỳnh Tấn Phát - Nguyễn Tất Thành - Tôn Đức Thắng - Hàm Nghi - Công trường Quách Thị Trang
65	27	Bến Thành - Âu Cơ - An Sương 5h00 - 9h35 5 phút/chuyến	Quách Thị Trang - Lê Lai - Phạm Hồng Thái - Nguyễn Trãi - Cổng Quỳnh - Nguyễn Thị Minh Khai - Lý Thái Tổ - Ba Tháng Hai - Lê Đại Hành - Âu Cơ - Trường Chinh - BX An Sương	BX An Sương - Trường Chinh - Âu Cơ - Lê Đại Hành - Ba Tháng Hai - Lý Thái Tổ - Nguyễn Thị Minh Khai - Cổng Quỳnh - Nguyễn Trãi - Phạm Hồng Thái - Lê Lai - Quách Thị Trang
66	28	Bến Thành - Tân Sơn Nhất 5h00 - 8h40 10 phút/chuyến	Chợ Bến Thành - Lê Lai - Phạm Hồng Thái - Cách Mạng Tháng Tám - Võ Văn Tần - Trần Quốc Thảo - Lê Văn Sỹ - Cộng Hòa - Thăng Long - Hầu Giang	Hầu Giang - Thăng Long - Cộng Hòa - Lê Văn Sỹ - Trần Quốc Thảo - Võ Văn Tần - Cách Mạng Tháng Tám - Phạm Hồng Thái - Lê Lai - Chợ Bến Thành
67	34	Chợ Bến Thành - Khu A Phú Mỹ Hưng 5h30 - 19h00 5 phút/chuyến	Quách Thị Trang - Hàm Nghi - Hồ Tùng Mậu - Nguyễn Tất Thành - Hoàng Diệu - Khánh Hội - Cầu Kênh Tẻ - Đường Bắc Nam - Đường số 15 - Đường số 10 - Đường số 17 - Mai Văn Vĩnh - Nguyễn Thị Thập - Nguyễn Văn Linh (Khu A Phú Mỹ Hưng)	Trường THPT Tân Phong - Nguyễn Văn Linh (Khu A Phú Mỹ Hưng) - Nguyễn Thị Thập - Mai Văn Vĩnh - Đường số 17 - Đường số 10 - Đường số 15 - Đường Bắc Nam - Cầu Kênh Tẻ - Khánh Hội - Hoàng Diệu - Nguyễn Tất Thành - Tôn Đức Thắng - Hàm Nghi - Quách Thị Trang
68	45	Bến Thành - Chợ Lớn - BX quận 8 5h00 - 19h00 14 phút/chuyến	Quách Thị Trang - Trần Hưng Đạo - Nguyễn Cư Trinh - Nguyễn Trãi - Nguyễn Văn Cừ - An Dương Vương - Sư Vạn Hạnh - Hùng Vương - Nguyễn Chí Thanh - Thuận Kiều - Châu Văn Liêm - Hải Thượng Lãn Ông - Vạn Kiếp - (Cầu Chà Và) - Xóm Cũi - Cao Xuân Dục - Tùng Thiên Vương - Cầu Nhị Thiên Đường - Quốc lộ 50 - BX quận 8	BX quận 8 - Quốc lộ 50 - Tùng Thiên Vương - Xóm Cũi - (Cầu Chà Và) - Vạn Kiếp - Hải Thượng Lãn Ông - Châu Văn Liêm - Thuận Kiều - Nguyễn Chí Thanh - Hùng Vương - Sư Vạn Hạnh - An Dương Vương - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Trãi - Nguyễn Cư Trinh - Trần Hưng Đạo - Quách Thị Trang

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
69	68	Bến Thành - Đầm Sen - Binh Hưng Hòa 6h00 - 18h00 10 phút/chuyến	Bến Thành - Phạm Hồng Thái - Cách Mang Thàng Tám - Nguyễn Đình Chiểu - Lý Thái Tổ - Ba Tháng Hai - Nguyễn Tri Phương Tô Hiến Thành - Lữ Gia - Nguyễn Thị Nhỏ - Bình Thới - Ông Ích Khiêm - Hòa Bình - Lũy Bán Bích - Vườn Lài - Văn Cao - Tân Hương - Tân Quý - Gò Dầu - Bình Long - Tân Kỳ Tân Quý - Chợ Bình Hưng Hòa	Chợ Bình Hưng Hòa - Tân Kỳ Tân Quý - Bình Long - Gò Dầu - Tân Quý - Tân Hương - Vườn Lài - Lũy Bán Bích - Hòa Bình - Ông Ích Khiêm - Bình Thới - Nguyễn Thị Nhỏ - Lữ Gia - Tô Hiến Thành - Nguyễn Tri Phương - Ba Tháng Hai - Lý Thái Tổ - Nguyễn Thị Minh Khai - Cách Mang Thàng Tám - Lê Lai - Bến Thành
70	44	Cảng quận 4 - Bến Thành - Bình Quới 5h00 - 19h00 8 phút/chuyến	Cảng quận 4 - Tôn Thất Thuyết - Tôn Đàn - Vĩnh Hội - Tân Vĩnh - Hoàng Diệu - Đoàn Văn Bơ - Calmette - Trần Hưng Đạo (Quách Thị Trang) - Lê Lai - Trương Định - Lý Tự Trọng - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Hữu Cánh - Ngô Tất Tố - Nguyễn Văn Lạc - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Bình Quới - Bến đò Bình Quới	Bến đò Bình Quới - Bình Quới - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Ung Văn Khiêm - Đường D1 - Điện Biên Phủ - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Văn Lạc - Ngô Tất Tố - Nguyễn Hữu Cánh - Lê Thánh Tôn - Trương Định - Lê Lai - (Quách Thị Trang) - Phó Đức Chính - Nguyễn Thái Bình - Calmette - Đoàn Văn Bơ - Hoàng Diệu - Tân Vĩnh - Vĩnh Hội - Tôn Đàn - Tôn Thất Thuyết - Cảng quận 4
71	146	Cầu Hàng Trong - Chợ Gò Vấp - Chợ Hiệp Thành 5h00 - 19h00 10 phút/chuyến	Bãi hậu cần số 1 - Phan Văn Trị - Nguyễn Thái Sơn nối dài - Dương Quảng Hàm - Lê Đức Thọ - Nguyễn Văn Lượng - Thống Nhất - Hẻm Thống Nhất - Lê Văn Thọ - Lê Đức Thọ - Lê Văn Khương - Nguyễn Ánh Thủ - Chợ Hiệp Thành	Chợ Hiệp Thành - Nguyễn Ánh Thủ - Lê Văn Khương - Lê Đức Thọ - Lê Văn Thọ - Hẻm Thống Nhất - Thống Nhất - Nguyễn Văn Lượng - Lê Đức Thọ - Dương Quảng Hàm - Nguyễn Thái Sơn nối dài - Phan Văn Trị - Bãi hậu cần số 1
72	99	Cầu Hàng Trong - Chung cư Phạm Viết Chánh 6h00 - 18h20 10 phút/chuyến	Bãi hậu cần số 1 - Phan Văn Trị - Nguyễn Thái Sơn - Nguyễn Văn Nghi - Lê Quang Định - Nguyễn Thượng Hiển - Trần Bình Trọng - Nguyễn Văn Đậu - Hoàng Hoa Thám - Phan Đăng Lưu - Đinh Tiên Hoàng - Nguyễn Huy Tự - Đường dọc kênh Nhiêu Lộc - Vòng xoay Điện Biên Phủ - Nguyễn Bình Khiêm - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Văn Lạc - Huỳnh Mẫn Đạt - Chung cư Phạm Viết Chánh	Chung cư Phạm Viết Chánh - Huỳnh Mẫn Đạt - Nguyễn Văn Lạc - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Bình Khiêm - Vòng xoay Điện Biên Phủ - Mai Thị Lựu - Cầu Sắt - Bùi Hữu Nghĩa - Phan Đăng Lưu - Hoàng Hoa Thám - Nguyễn Văn Đậu - Trần Bình Trọng - Nguyễn Thượng Hiển - Lê Quang Định - Nguyễn Văn Nghi - Nguyễn Thái Sơn - Phan Văn Trị - Bãi hậu cần số 1
73	110	Phú Xuân - Hiệp Phước (Nhà Bè) 5h30 - 19h00 10 phút/chuyến	Bến Nguyễn Bình - Nguyễn Bình - Nguyễn Văn Tạo - Bến Hiệp Phước	Bến Hiệp Phước - Nguyễn Văn Tạo - Nguyễn Bình - Bến Nguyễn Bình
74	15	Bến Phú Định - Bến Bình Trị Đông 5h30 - 19h00 10 phút/chuyến	Bến Phú Định (Ngã ba Trường mầu giáo Bông Sen) - Hồ Học Lãm - Quốc lộ 1A - Hương lộ 2 - Đầu Bến Bình Trị Đông	Đầu Bến Bình Trị Đông - Hương lộ 2 - Quốc lộ 1A - Hồ Học Lãm - Bến Phú Định

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
75	140	KCX Tân Thuận - Phạm Thế Hiển - Bến Phú Định 6h00 - 18h00 15 phút/chuyến	Khu Chế xuất Tân Thuận - Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Thị Thập - Lâm Văn Bền - Trần Xuân Soạn - Dạ Nam - Phạm Thế Hiển - Bến Phú Định (Ngã ba Ba Tơ)	Bến Phú Định (Ngã ba Ba Tơ) - Phạm Thế Hiển - Dạ Nam - Trần Xuân Soạn - Lâm Văn Bền - Nguyễn Thị Thập - Nguyễn Văn Linh - Khu Chế xuất Tân Thuận
76	141	Trường ĐH GTVT - KCX Linh Trung 2 5h00 - 19h00 6 phút/chuyến	Chợ Long Trường - Nguyễn Duy Trình - Lê Xuân Oai - Làng Tăng Phú - Lê Văn Việt - Trường ĐH Giao thông Vận tải (CS 2) - Lê Văn Việt - Võ Văn Ngân - Lê Văn Chí - Hoàng Diệu 2 - Kha Vạn Cân - Chợ Thủ Đức - Tô Ngọc Vân (Tỉnh lộ 43) - Khu Chế xuất Linh Trung 2	Khu Chế xuất Linh Trung 2 - Tô Ngọc Vân (Tỉnh lộ 43) - Chợ Thủ Đức - Kha Vạn Cân - Hoàng Diệu 2 - Lê Văn Chí - Võ Văn Ngân - Lê Văn Việt - Trường ĐH Giao thông Vận tải (CS 2) - Lê Văn Việt - Làng Tăng Phú - Lê Xuân Oai - Nguyễn Duy Trình - Chợ Long Trường
77	29	Phà Cát Lái - Chung cư Bình Trưng - Ngã tư Bình Thái Chợ Tam Bình 7h00 - 19h00 7 phút/chuyến	Bến phà Cát Lái - Nguyễn Thị Định - Đường số 22 - Lê Văn Thịnh - Nguyễn Duy Trinh (Chung cư Bình Trưng) - Đỗ Xuân Hợp - Đặng Văn Bi - Võ Văn Ngân - Tô Ngọc Vân - Tam Hà - Phú Châu - Tô Ngọc Vân - Tỉnh lộ 43 - Quốc lộ 1A - Chợ đầu mối Tam Bình	Chợ đầu mối Tam Bình - Quốc lộ 1A - Ngã tư Bình Phước - Quốc lộ 1A - Tỉnh lộ 43 - Tô Ngọc Vân - Phú Châu - Tam Hà - Tô Ngọc Vân - Võ Văn Ngân - Đặng Văn Bi - Đỗ Xuân Hợp - Nguyễn Duy Trinh (Chung cư Bình Trưng) - Lê Văn Thịnh - Đường số 22 - Nguyễn Thị Định - BP Cát Lái
78	30	Thảo Điền quận 2 - TT quận 8 5h30 - 19h00 10 phút/chuyến	Nguyễn Văn Hưởng (Trường TH Hàng Hải) - Tống Hữu Định - Quốc Hương - Quốc lộ 52 - Cầu Sài Gòn - Đường vòng chân cầu Sài Gòn - Nguyễn Hữu Cảnh - Nguyễn Bình Khiêm - Lê Duẩn - Đinh Tiên Hoàng - Nguyễn Thị Minh Khai - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Trãi - Trần Phú - Nguyễn Tri Phương - Chánh Hưng - Tạ Quang Bửu - Đường số 1011 - Sân vận động quận 8	Sân vận động quận 8 - Đường số 1011 - Tạ Quang Bửu nối dài - Chánh Hưng - Nguyễn Tri Phương - Trần Phú - Nguyễn Trãi - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Thị Minh Khai - Cao Thắng - Võ Văn Tần - Trần Cao Vân - Hai Bà Trưng - Nguyễn Thị Minh Khai - Đinh Tiên Hoàng - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Hữu Cảnh - Quốc lộ 52 - Trần Nãi - Đường vòng cầu Sài Gòn - Quốc Hương - Tống Hữu Định - Nguyễn Văn Hưởng - Trường TH Hàng Hải
79	31	KDC Tân Quy - KDC Bình Hòa 5h30 - 18h00 10 phút/chuyến	Khu dân cư Tân Quy Đông - Nguyễn Thị Thập - Nguyễn Văn Linh - Huỳnh Tấn Phát - Nguyễn Tất Thành - Hoàng Diệu - Nguyễn Thái Học - Trần Hưng Đạo - Lê Lợi - Pasteur - Nguyễn Thị Minh Khai - Hai Bà Trưng - Phan Đình Phùng - Phan Đăng Lưu - Nơ Trang Long - Khu dân cư Bình Hòa	Khu dân cư Bình Hòa - Nơ Trang Long - Phan Đăng Lưu - Phan Đình Phùng - Hai Bà Trưng - Nguyễn Đình Chiểu - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lê Lợi - Trần Hưng Đạo - Nguyễn Thái Học - Hoàng Diệu - Nguyễn Tất Thành - Huỳnh Tấn Phát - Nguyễn Văn Linh - Nguyễn Thị Thập - Khu dân cư Tân Quy Đông
80	37	Cảng Bến Nghé - Chợ Tân Thuận - Phước Kiểng 5h30 - 19h00 10 phút/chuyến	Cảng Bến Nghé (Cuối đường Bến Nghé) - Bến Nghé - Lưu Trọng Lưu - Huỳnh Tấn Phát - Trần Xuân Soạn	Bến Phước Kiểng (Gần cầu Phước Kiểng) - Lê Văn Lương - Trần Xuân Soạn - Huỳnh Tấn Phát - Lưu Trọng Lưu - Bến Nghé - Cảng Bến Nghé (Cuối đường Bến Nghé)

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
81	38	Tuyến vòng CV Lê Thị Riêng 6h00 - 18h15 15 phút/chuyến	Công viên Lê Thị Riêng - Cách Mạng Tháng Tám - Phạm Văn Hai - Đường dọc kênh Nhiều Lọc - Trần Quang Diệu - Trần Văn Đang - Đường Rạch Bùng Binh - Nguyễn Thông - Hồ Xuân Hương - Cách Mạng Tháng Tám - Nguyễn Đình Chiểu - Lý Thái Tổ - Hùng Vương - Sư Vạn Hạnh - Tô Hiến Thành - Cách Mạng Tháng Tám - Công viên Lê Thị Riêng	Công viên Lê Thị Riêng - Cách Mạng Tháng Tám - Tô Hiến Thành - Sư Vạn Hạnh - Trần Phú - Lý Thái Tổ - Nguyễn Đình Chiểu - Cao Thắng - Võ Văn Tần - Cách Mạng Tháng Tám - Hồ Xuân Hương - Nguyễn Thông - Đường Rạch Bùng Binh - Trần Văn Đang - Trần Quang Diệu - Đường dọc kênh Nhiều Lọc - Phạm Văn Hai - Cách Mạng Tháng Tám - Công viên Lê Thị Riêng
82	42	Chợ Cầu Muối - Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức 4h10 - 22h00 35 phút/chuyến	Công viên 23 Tháng 9 - Phó Đức Chính - Nguyễn Thái Bình - Yersin - Phan Văn Trường - Nguyễn Thái Học - Chợ Cầu Muối - Nguyễn Thái Học - Nguyễn Thị Nghĩa - Cách Mạng Tháng Tám - Nguyễn Thị Minh Khai - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Quốc lộ 13 - Ngã tư Bình Phước - Quốc lộ 1A - Ngã tư Khu Công nghiệp Sóng Thần (Vòng dưới cầu vượt) - Quốc lộ 1A - Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức	Chợ đầu mối nông sản Thủ Đức - Quốc lộ 1A - Ngã tư Bình Phước - Quốc lộ 13 - Đinh Bộ Lĩnh - Bạch Đằng - Ngã tư Hàng Xanh - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Thị Minh Khai - Cách Mạng Tháng Tám - Nguyễn Thị Nghĩa - Nguyễn Thái Học - Chợ Cầu Muối - Nguyễn Thái Học - Phan Văn Trường - Yersin - Nguyễn Thái Bình - Phó Đức Chính - Công viên 23 Tháng 9
83	46	Công trường Mê Linh - Chợ Xóm Củi - Bến Mễ Cốc 5h00 - 19h00 6 phút/chuyến	Công trường Mê Linh - Tôn Đức Thắng - Hai Bà Trưng - Lê Lợi - (Quách Thị Trang) - Lê Lai - Phạm Hồng Thái - Nguyễn Trãi - Nguyễn Biểu - (Cầu Chữ Y) - Hùng Phú - Xóm Củi - Cao Xuân Dục - Tùng Thiện Vương - Tùy Lý Vương - Nguyễn Chế Nghĩa - Bến Bình Đông - Bến Mễ Cốc (Dưới chân cầu số 3)	Bến Mễ Cốc (Dưới chân cầu số 3) - Bến Bình Đông - Nguyễn Chế Nghĩa - Tùy Lý Vương - Tùng Thiện Vương - Xóm Củi - Hùng Phú - (Cầu Chữ Y) - Dạ Nam - Phạm Thế Hiển - Dạ Nam - (Cầu Chữ Y) - Nguyễn Biểu - Nguyễn Trãi - Phạm Hồng Thái - Lê Lai - Quách Thị Trang - Lê Lợi - Hai Bà Trưng - Công trường Mê Linh
84	48	Siêu thị CMC - KCN Vĩnh Lộc - Công viên Phần mềm Quang Trung 5h00 - 19h30 8 phút/chuyến	Siêu thị CMC (TB) - Lý Thường Kiệt - Hoàng Văn Thụ - Xuân Diệu - Xuân Hồng - Trường Chinh - Tân Kỳ Tân Quý - Lê Trọng Tấn - Nguyễn Thị Tú - Hương lộ 80 - Phan Văn Đối - Phan Văn Hớn - Nguyễn Ảnh Thủ - Tô Kỳ - Khu CV Phần mềm Quang Trung	Khu Công viên Phần mềm Quang Trung - Tô Kỳ - Nguyễn Ảnh Thủ - Phan Văn Hớn - Phan Văn Đối - Hương lộ 80 - Nguyễn Thị Tú (Hương lộ 13 cũ) - Lê Trọng Tấn - Tân Kỳ Tân Quý - Trường Chinh - Lý Thường Kiệt - Siêu thị CMC (Tân Bình)
85	49	Hố Kỳ Hòa - Chợ Lớn - Bình Phú 5h55 - 19h07 13 phút/chuyến	Hố Kỳ Hòa - Lê Hồng Phong - Lê Hồng Phong nối dài - Sư Vạn Hạnh nối dài - Tô Hiến Thành - Nguyễn Tri Phương - Đào Duy Từ - Lý Thường Kiệt - Hòa Hảo - Trần Quý - Nguyễn Thị Nhỏ - Lê Quang Sung - Phạm Đình Hổ - Hậu Giang - Bình Phú - Đường số 32 - Chợ Bình Phú	Chợ Bình Phú - Đường số 32 - Bình Phú - Hậu Giang - Tháp Mười - Huỳnh Thoại Yến - Lê Quang Sung - Nguyễn Thị Nhỏ - Trần Quý - Hòa Hảo - Lý Thường Kiệt - Đào Duy Từ - Nguyễn Tri Phương - Tô Hiến Thành - Sư Vạn Hạnh nối dài - Lê Hồng Phong nối dài - Lê Hồng Phong - Hồ Kỳ Hòa

STT	SỐ HIỆU TUYẾN	TÊN TUYẾN (THỜI GIAN PHỤC VỤ)	LƯỢT ĐI QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH	LƯỢT VỀ QUA CÁC ĐƯỜNG PHỐ CHÍNH
86	52	Ga Trúc Thăng - Chợ Bình Hưng Hòa 6h00 - 18h00 10 phút/chuyến	Đầu đường Hoàng Hoa Thám - Hoàng Hoa Thám - Trương Chinh - Nguyễn Hồng Đào - Âu Cơ - Trần Hưng Đạo - Tân Sinh - Trương Vĩnh Kỳ - Gò Dầu - Bình Long - Tân Kỳ Tân Quý - Chợ Bình Hưng Hòa	Chợ Bình Hưng Hòa - Tân Kỳ Tân Quý - Bình Long - Gò Dầu - Trương Vĩnh Kỳ - Tân Sinh - Trần Hưng Đạo - Âu Cơ - Nguyễn Hồng Đào - Trương Chinh - Hoàng Hoa Thám - Đầu đường Hoàng Hoa Thám
87	53	Khánh Hội - Trần Văn Kiếu 5h30 - 18h35 12 phút/chuyến	TT TĐTT quận 4 - Khánh Hội - Bến Vân Đồn - Cầu Calmette - Bến Chương Dương - Trần Đình Xu - Trần Hưng Đạo - Nguyễn Văn Cừ - Bến Hàm Tử - Trần Văn Kiếu - Hải Thượng Lãn Ông - Nguyễn Thị - Trần Văn Kiếu - Ngã ba Trần Văn Kiếu và Bến Lò Gốm	Ngã ba Trần Văn Kiếu và Bến Lò Gốm - Trần Văn Kiếu - Mạc Cửu - Hải Thượng Lãn Ông - Trần Văn Kiếu - Bến Hàm Tử - Nguyễn Văn Cừ - Trần Hưng Đạo - Trần Đình Xu - Bến Chương Dương - Cầu Calmette - Bến Vân Đồn - Khánh Hội - T.Tâm TĐTT quận 4
88	6	Lê Hồng Phong - Thủ Đức 4h55 - 19h00 5 phút/chuyến	Lê Hồng Phong - An Dương Vương - Nguyễn Văn Cừ - Nguyễn Thị Minh Khai - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Điện Biên Phủ - Xa lộ Hà Nội - Đặng Văn Bi - Võ Văn Ngân - Ngã tư Thủ Đức - (Chợ Chiếu) Quốc lộ 50 - Làng ĐH Thủ Đức	Làng ĐH Thủ Đức - (Chợ Chiếu) Quốc lộ 52 - Võ Văn Ngân - Đặng Văn Bi - Xa lộ Hà Nội - Điện Biên Phủ - Xô Viết Nghệ Tĩnh - Nguyễn Thị Minh Khai - Nguyễn Văn Cừ - An Dương Vương - Trần Bình Trọng - Hùng Vương - Lê Hồng Phong
89	624	Chợ Đệm - Bến Lức 5h30 - 18h30 15 phút/chuyến	UBND xã Tân Kiên - Dương Đình Cúc - Nguyễn Cửu Phú - Cầu Chợ Đệm - Nguyễn Hữu Trí - Hương lộ 8 (Long An) - Hương lộ 10 nối dài - Hương lộ 8 - Võ Công Tôn - Huỳnh Châu Sổ - Võ Ngọc Quận - Chợ Bến Lức (Long An)	Chợ Bến Lức (Long An) - Võ Ngọc Quận - Huỳnh Châu Sổ - Võ Công Tôn - Hương lộ 8 - Hương lộ 10 nối dài - Hương lộ 8 (Long An) - Nguyễn Hữu Trí - Cầu Chợ Đệm - Nguyễn Cửu Phú - Dương Đình Cúc - UBND xã Tân Kiên
90	626	Hóc Môn - Đức Hòa 5h30 - 18h30 15 phút/chuyến	BX HTX 19 Tháng 5 - Hương lộ 60 - Lê Lợi - Lý Thường Kiệt - Nguyễn Văn Bứa - Tỉnh lộ 9 - Cầu Lớn - Đường tỉnh 824 (Tỉnh lộ 9) - Ngã ba Mỹ Hạnh - Đường tỉnh 284 (Tỉnh lộ 9) - Chợ Đức Hòa (Long An)	Chợ Đức Hòa (Long An) - Đường tỉnh 824 (Tỉnh lộ 9) - Ngã ba Mỹ Hạnh - Đường tỉnh 824 (Tỉnh lộ 9) - Cầu Lớn - Tỉnh lộ 9 - Nguyễn Văn Bứa - Lý Thường Kiệt - Lê Lợi - Hương lộ 60 - BX HTX 19 Tháng 5
91	78	Thời An, quận 12 - Hóc Môn 5h30 - 19h00 10 phút/chuyến	Bến Thời An - Lê Văn Khương - Đặng Thúc Vịnh (Tỉnh lộ 9 cũ) - Tô Ký - Lê Lợi - Hương lộ 60B - BX HTX Vận tải 19 tháng 5	BX HTX vận tải 19 tháng 5 - Hương lộ 60B - Lê Lợi - Tô Ký - Đặng Thúc Vịnh - Lê Văn Khương - Bến Thời An
92	88	Bến phà Thủ Thiêm - Chợ Long Trường 5h30 - 19h00 5 phút/chuyến	Bến phà Thủ Thiêm - Lương Định Cửa - Nguyễn Thị Định - Nguyễn Duy Trình - Long Thuận - Long Phước - UBND phường Long Phước	UBND phường Long Phước - Long Phước - Long Thuận - Nguyễn Duy Trình - Nguyễn Thị Định - Lương Định Cửa - Bến phà Thủ Thiêm
93	90	BP Bình Khánh - Cần Thạnh (Cần Giẽ) 5h00 - 19h00 15 phút/chuyến	Bến phà Bình Khánh - Rừng Sát - Duyên Hải - Đào Cừ - BX Cần Giẽ	BX Cần Giẽ - Đào Cừ - Duyên Hải - Rừng Sát - Bến phà Bình Khánh

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU

5

PHẦN I: GIỚI THIỆU CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC - HỌC VIỆN

7

1	Đại học Quốc Gia Tp.HCM	7	24	Đại học Mở - Bán công Tp.HCM	189
	• Đại học Bách khoa	8	25	Đại học Bán công Tôn Đức Thắng	195
	• Đại học Khoa học Tự nhiên	32	26	Đại học Bán công Marketing	201
	• Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	47	27	Đại học Huế	203
	• Đại học Quốc tế	60		• Đại học Khoa học	205
	• Đại học Công nghệ thông tin	63		• Đại học Sư phạm	208
	• Khoa Kinh tế	66		• Đại học Y	210
2	Đại học Sư phạm Tp.HCM	73		• Đại học Nông lâm	212
3	Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM	82		• Đại học Ngoại ngữ	214
4	Đại học Kinh tế Tp.HCM	91		• Đại học Kinh tế	216
5	Đại học Ngoại thương Tp.HCM	100		• Đại học Nghệ thuật	218
6	Đại học Giao thông Vận tải Tp.HCM	104		• Khoa Giáo dục thể chất	219
7	Đại học Giao thông Vận tải (CS2)	114	28	Đại học Đà Nẵng	220
8	Đại học Kiến trúc Tp.HCM	128		• Đại học Bách khoa	221
9	Đại học Ngân hàng Tp.HCM	133		• Đại học Kinh tế	226
10	Đại học Nông lâm Tp.HCM	138		• Đại học Sư phạm	229
11	Đại học Luật Tp.HCM	155		• Đại học Ngoại ngữ	234
12	Đại học Thủy lợi (CS2)	158	29	Đại học Cần Thơ	237
13	Học viện Công nghệ BC - VT Tp.HCM	161	30	Đại học Nha Trang	254
14	Đại học Công nghiệp Tp.HCM	165	31	Đại học Quy Nhơn	264
15	Học viện Hành chính Quốc gia (CS 2)	168	32	Đại học Đà Lạt	272
16	Đại học Văn hóa Tp.HCM	171	33	Đại học Tây Nguyên	276
17	Đại học Mỹ thuật Tp.HCM	173	34	Đại học Tiền Giang	279
18	Nhạc viện Tp.HCM	176	35	Đại học An Giang	281
19	Đại học Thể dục thể thao 2	177	36	Đại học Sư phạm Đồng Tháp	287
20	Đại học Sư phạm TDTT Tp.HCM	180	37	Đại học DL Kỹ thuật Công nghệ Tp.HCM	290
21	Đại học Y Dược Tp.HCM	181	38	Đại học DL Ngoại ngữ - Tin học Tp.HCM	293
22	Đại học Y - Dược Cần Thơ	185	39	Đại học Dân lập Hồng Bàng	295
23	TT Đào tạo Bồi dưỡng cán bộ y tế Tp.HCM	187	40	Đại học Dân lập Văn Lang	298

41	Đại học Dân lập Văn Hiến	301	47	Đại học Dân lập Cửu Long	312
42	Đại học Dân lập Hùng Vương	303	48	Đại học Dân lập Yersin Đà Lạt	314
43	Đại học Dân lập Công nghệ Sài Gòn	306	49	Đại học Dân lập Phú Xuân	316
44	Đại học Dân lập Tây Đô	307	50	Đại học Dân lập Quang Trung	317
45	Đại học Dân lập Duy Tân	308	51	Đại học Dân lập Bình Dương	318
46	Đại học Dân lập Lạc Hồng	310	52	Đại học Hoa Sen	320

PHẦN II: MỘT SỐ LỜI KHUYÊN

1	• Chọn khối để ĐKDT	322	9	• Để làm bài thi tốt	336
2	• Chọn trường trong khối thi	324	10	• Hướng dẫn làm bài thi trắc nghiệm	338
3	• Chọn ngành trong khối trường	325	11	• Trước ngày thi	344
4	• Chọn ngành trong trường	326	12	• Khi vào phòng thi	344
5	• Chọn cơ sở đào tạo	328	13	• Khi làm bài thi	345
6	• Chọn trường theo khu vực địa lý	329	14	• Khi biết kết quả thi	345
7	• Chọn mô hình đào tạo	333	15	• Khi trúng tuyển	346
8	• Đăng ký nguyện vọng	334			

PHẦN III: BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU TUYỂN SINH

1	• Phụ lục I: Tỷ lệ "chọi" trung bình của các trường Đại học khu vực phía Nam từ năm 1999 đến 2006	348
2	• Phụ lục II: Tỷ lệ trúng tuyển của các trường Đại học khu vực phía Nam từ năm 2001 đến 2006	350
3	• Phụ lục III: Tỷ lệ trúng tuyển theo địa phương khu vực phía Nam từ năm 2003 đến 2006	354

PHẦN IV: KHỐI THI CỦA CÁC NGÀNH

1	• Nhóm ngành Sư phạm	356	7	• Nhóm ngành Khoa học Xã hội	361
2	• Nhóm ngành Khoa học Tự nhiên	367	8	• Nhóm ngành Công nghệ thông tin	362
3	• Nhóm ngành Khoa học Nhân văn	358	9	• Nhóm ngành Kỹ thuật	362
4	• Nhóm ngành Kinh tế - Quản trị kinh doanh	359	10	• Nhóm ngành Công nghệ	364
5	• Nhóm ngành Ngoại ngữ	360	11	• Nhóm ngành Nông - Lâm - Thủy sản	364
6	• Nhóm ngành Y- Dược	361	12	• Nhóm ngành Văn hóa - Nghệ thuật	365

PHẦN V: CÁC TUYẾN XE BUÝT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

366

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Các văn bản pháp luật hiện hành về Giáo dục - Đào tạo (4 tập) – Bộ Giáo dục và Đào tạo – Nhà Xuất bản Thống kê - H, 2001.
2. Những điều cần biết về tuyển sinh đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp (1997 - 2006) - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Nhà Xuất bản Giáo dục.
3. Quy định về điều chỉnh nội dung học tập bậc trung học (cấp trung học phổ thông) - Bộ Giáo dục và Đào tạo - Nhà Xuất bản Giáo dục - 2000.
4. Các Kỳ yếu hội thảo về công tác tuyển sinh đại học và cao đẳng của Bộ Giáo dục và Đào tạo (từ năm 1997 - 2006).

So sánh chương trình và nội dung sách giáo khoa hiện hành với quy định về điều chỉnh nội dung học tập bậc trung học (cấp trung học phổ thông) và sách giáo khoa trung học chuyên ban. (Tài liệu phục vụ việc ra đề thi tuyển sinh vào đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp năm 2001) - Bộ Giáo dục và Đào tạo – Nhà Xuất bản Giáo dục - H, 5/2001.
5. Tư vấn chọn ngành nghề cho thanh niên học sinh thi vào đại học, cao đẳng phía Bắc - PGS.TS Trần Xuân Nhĩ - ThS. Đinh Hữu Liên (chủ biên) - Nhà Xuất bản Giáo dục, 2001.
6. Các dạng đề thi và những thông tin số liệu về tuyển sinh đại học - TS. Lê Anh Vũ - Tăng Kỳ Sơn - Nhà Xuất bản Thanh Hóa 2002.
7. Các sách giới thiệu về các trường đại học nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập.
8. Cẩm nang tuyển sinh Tìm hiểu về các trường đại học & Kỳ thi tuyển sinh

Các Báo in, Báo điện tử, các Website: Nhân dân (<http://www.nhandan.com.vn>), Thanh niên (<http://www.thanhvien.com.vn>), Tuổi trẻ (<http://www.tuoiitre.com.vn>), Giáo dục và thời đại (<http://www.gdtd.com.vn>), Báo điện tử Việt Nam (<http://vietnamnet.vn>), website Bộ Giáo dục và Đào tạo (<http://edu.net.vn>), Vụ Đại học và Sau đại học (<http://www.hed.edu.vn>)... từ năm 1997 – 2007.
- 10.

• TÌM HIỂU

**CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC
QUA CÁC SỐ LIỆU TUYỂN SINH**

Chịu trách nhiệm xuất bản: CÁT VĂN THÀNH

Chịu trách nhiệm bản thảo: DƯƠNG TẤT THẮNG

Trình bày: NGUYỄN VĂN THÂN, PHẠM THỊ YẾN

Sửa bản in: NGUYỄN QUANG DŨNG

Việc làm thế nào để trúng tuyển vào các trường Đại học là một bài toán không dễ có lời giải.

Với mong muốn đáp ứng những nhu cầu trên, chúng tôi đã có gắng biên soạn cuốn **"Tìm hiểu các trường Đại học qua các số liệu tuyển sinh"** nhằm cung cấp một cách hệ thống các thông tin cần thiết phục vụ

cho kỳ tuyển sinh năm 2007 - 2008 cũng như các thông tin về các trường Đại học, cùng một số lời khuyên rút ra từ thực tiễn giảng dạy, luyện thi trong nhiều năm để các bạn thí sinh và các bậc phụ huynh tham khảo, cân nhắc lựa chọn trường thi, khối thi, khoa thi, ngành thi sao cho phù hợp với điều kiện bản thân, đạt được nguyện vọng cao nhất là trúng tuyển Đại học trong kỳ tuyển sinh sắp tới.

Nội dung cuốn sách gồm:

- Giới thiệu về các trường đại học.
- Một số lời khuyên khi đăng ký hồ sơ và dự thi đại học.
- Các bảng thống kê số liệu tuyển sinh qua nhiều năm.
- Bảng thống kê khối thi của các ngành.

Đây là số liệu được chúng tôi chọn lọc, tham khảo từ các báo, đài phát thanh, truyền hình, internet, phòng đào tạo của các trường Đại học, các tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành.

Với những nội dung được thể hiện trong cuốn sách, chúng tôi tin rằng các bạn sẽ tìm được ngành thi, trường thi phù hợp với khả năng của bản thân.

Tìm hiểu CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC **QUA CÁC SỐ LIỆU** **TUYỂN SINH**



PHẦN GIỚI THIỆU CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHU VỰC PHÍA NAM

Giá: 29.000đ